

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG  
**SÀI GÒN  
NẮNG NHỎ  
MƯA THƯỜNG**

HỒI KÝ 2

TỔ HỢP XUẤT BẢN MIỀN ĐÔNG HOA KỲ

**SÀI GÒN**  
**NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG**

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**

**SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG**

**Hội ký tiểu thuyết**

Tranh bìa  
**ĐINH CƯỜNG**

Bạt  
**HỒ TRƯỜNG AN**

Website Cỏ Thơm 2024  
Có sửa chữa và bổ túc

**TỔ HỢP  
XUẤT BẢN MIỀN ĐÔNG  
HOA KỲ**

## **SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯỜNG**

Hồi ký tiểu thuyết: Nguyễn Thị Ngọc Dung

Tranh bìa trước: Đinh Cường

Bạt: Hồ Trường An

Phụ bản: Tranh Nguyễn Trung, Hiếu Đệ

Đọc bản thảo: Tâm Minh Ngô Tằng Giao

Trình bày: Dzung Senser

**TỔ HỢP XUẤT BẢN MIỀN ĐÔNG HOA KỲ**

2607 Military Road

Arlington, Virginia 22207

Tel. (703) 525-4538

In lần thứ hai 8/15/2005 tại Hoa Kỳ

Copyright © 2005 by DZUNG SENSER

## **SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯỜNG**

(Saigon, Love and Memories)

Autobiographical Novel

All rights reserved. No part of this publication may be reproduced, stored in or introduced into a retrieval system, or transmitted in any form or by any means, electronic, mechanical, photocopying, recording, or otherwise, without the prior written permission of the author.

Printed in the United States of America

Second Edition (2005)

By To Hop Xuat Ban Mien Dong Hoa Ky

*Kỷ niệm 49  
năm mất Sài Gòn  
Kính dâng nội ngoại  
Cha, mẹ đã về cõi trời  
Thương tặng anh, chị, em  
Yêu dấu tặng các con, các cháu, cháu  
Cảm ơn người bạn đường 44 năm  
Cảm tạ quý thân hữu và độc giả khích lệ.*

## MỤC LỤC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN	07
SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG	10
Hình ảnh Thầy trò, bạn học Trung Học Trung Vương	158
VÒNG TAY VĨNH BIỆT	163
Hình Ảnh Gia Đình	263
VĂN CHƯƠNG LÃNG MẠN	267
Hình Ảnh Gia Đình, Bạn Trung Học Trung Vương	387
Tranh Vua Quang Trung Bắc Tiến: Họa sĩ Hiếu Đệ	394
Tranh Màn Hồng: Họa sĩ Nguyễn Trung	395
Tranh Thiếu nữ Đội Khăn: Họa Sĩ Nguyễn Trung	396
Nhạc Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương: Nhật Bằng	397
Nhạc Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương: Huy Lãm	399
Thơ Cảm Đề: Thái Bình Lang	402
BẠT: HỒ TRƯỜNG AN	404
Nhận Định Tác Phẩm: Nhà văn Trương Anh Thụy	417
Những Nhận Định Khác: Giáo Sư Nguyễn Đình Hòa,	416
GS Nguyễn Đình Tuyển, NV Hà Kỳ Lam,	
NV Trần Quán Niệm, NV Tân Phong, NV Kathy Trần,	
NV Nguyễn Châu, NV Phạm Xuân Đài, NV Bích Huyền,	
NV Nguyễn Thanh Giản, NV Liên Hoa,	
NV Vân Trinh Nguyễn Văn Lượng, NV Thế Phong...	
CẢM TẠ	443
TIỂU SỬ TÁC GIẢ	445
Bìa sau	448

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

**C**huyện tình dang dở là chuyện xưa như trái đất, thế nhưng các nạn nhân trong truyện hành xử thế nào, vật lộn với định mệnh ra sao thì đời vẫn cho chúng ta những cái nhìn mới, lạ, khác nhau...

Điều đó đã đúng trong *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, cuốn hồi ký tiểu thuyết đầu tay của Nguyễn Thị Ngọc Dung do Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ xuất bản cách đây hơn một năm. Cuốn sách đến nay đã gần như tuyệt bản, nhờ sự chiếu cố nồng nhiệt của độc giả bốn phương.

Điều đó còn đúng hơn nữa trong *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương*, cuốn hồi ký tiểu thuyết thứ hai của cùng tác giả do Tổ Hợp cho ra mắt quý vị lần này. Cuốn sách đầy ắp những hi, nộ, ái, ố... rất gần gũi đời thực, với những câu văn ai oán: “*Chao ôi, người ta đối xử với nhau như thế ư? Người đàn bà nào cũng chỉ là nạn nhân đáng thương!*” (tr. 205). Có những lúc bàng bạc: “*Con đường giờ đây lúu lúu bước chân các con đi bên nạng thơ mẹ vẫn buồn như sương chiều...*” (tr. 172). Có khi mất tự chủ: “*... bà vợ (tác giả) hất gạt mọi thứ trên bàn xuống sàn, mở tủ kiếng, ném tất cả đồ bên trong ra ngoài. Nước mắt nhạt nhòa. Máu ứa chan hòa chân tay. Những cái ghé vô phúc đứng gần bà cũng bị xô ngã lăn chiêng...*” (tr. 209). “*... Bà vợ (tác giả) vung một cánh tay, thúc một chân đạp. Ông chồng bắn văng vào chân*

*tường, róng lên thông thiết, ôm cái của nợ, xanh tái mặt mày...” (tr. 210). Có khi nàng lại sáng suốt hành xử do tình mẫu tử dạt dào: “Đã định hướng đi, tôi chỉ còn một bốn phận phải làm với bốn đứa con. Tôi nghiệp, các con không chọn lựa mà phải sinh vào một gia đình bất hạnh. Mẹ rất yếu đuối, không thể vừa lo nghĩ quay quắt về ông ấy (ông chồng) vừa chăm sóc các con được. Bố là sự thăng bằng của đời mẹ, nhưng đã bỏ đi. Các con không những là bốn phận của mẹ mà còn là cột trụ tinh thần cho mẹ dựa dẫm, bám víu. Không có các con, mẹ sẽ như kẻ ngã sông không biết bơi, không một cây gỗ trôi theo giòng...” (tr. 194).*

Người ta thường quan niệm viết hồi ký không cần văn chương chải chuốt. Chuyện đó đã không xảy ra đối với Sài Gòn Nhớ Mưa Thương với lối hành văn có khi sống động dồn dập đến ngộp thở như trong cảnh đánh bạc ngày Tết: “*Tướng sĩ tượng hồng dè tướng sĩ tượng đen, vui sướng thét lên như trúng số Kiến Thiết Quốc Gia. Xe pháo mã điều dè xe pháo mã đen, khoái trí cười rú như còi xe lửa qua cổng số chín đường Võ Tánh Phú Nhuận. Tốt đồ dè tốt đen, la hò như quan quân reo ra trận. Tír tít trình làng, ngũ tử cướp cái, ai nấy ngẩn tò te!” “... nhị tổng cứu tui nghiu; tam tổng bát té re; nhất ông cụ rút cứu sừng mé toi!” “... Cả làng đặt cá, cạp, bầu, cua. Nhà cái lật ra gà, tôm, ôm tiền về hết. Cả làng đặt cua, bầu. Nhà cái xúc xắc chán chê cũng vẫn ra bầu, cua bị thua sạch túi...” (tr. 52-53).*

Hoặc có khi tác giả thử nghiệm một lối văn mới, lạ đến liêu lĩnh: “*Dù gia đình có tạm hàn gắn, tình yêu cũng không còn. Ngôi thứ hai đã có ngôi thứ ba chia động tự làm tình. Ngôi thứ nhất cương quyết đứng riêng trong thì hiện tại, dù phải độc diễn trong thì tương lai.” (tr. 194). Văn chương ở những đoạn như thế phải kể là tuyệt đẹp!*

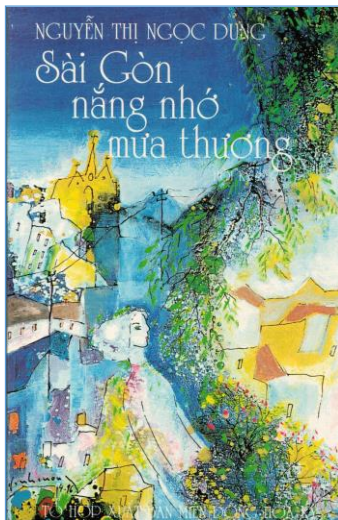


Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ từ đầu vẫn chủ trương tiếp tay những cây bút đã thành danh, đồng thời đặc biệt nâng đỡ những cây bút mới có những tác phẩm giá trị. Chúng tôi vẫn hãnh diện là cho tới nay vẫn giữ được lý tưởng ban đầu và có lẽ vì thế đã không đến nỗi phụ lòng trông đợi của quý độc giả và nhất là các tác giả đã “chọn mặt gửi vàng” nơi chúng tôi.

Chúng tôi mong cuốn sách đang ở trên tay quý vị sẽ không những chỉ là món quà tinh thần, giải trí, mà còn đem lại một điều đáng để tất cả chúng ta suy nghĩ.

## TỔ HỢP XUẤT BẢN MIỀN ĐÔNG HOA KỲ

Hè 1996



Bìa tác phẩm Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương  
in lần thứ I, 1996

## SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG

**T**rong cuộc đời ngắn ngủi, hình như mỗi người dân Việt Nam có ít nhất một lần tản cư, hồi cư, di cư theo những biến cố lịch sử không ngừng trên mảnh đất quê hương triền miên chiến tranh, đau khổ. Cách đây vừa đúng 40 năm, vào buổi trưa ngày 15 tháng 8, năm 1954, gia đình tôi lên máy bay tại phi trường Bạch Mai Hà Nội để di cư vào Sài Gòn. Đó là lần thứ hai, chúng tôi ra đi lánh nạn Cộng Sản cùng một triệu đồng bào miền Bắc khác.

Trên phi cơ quân đội Pháp, hai hàng ghế dọc theo cửa sổ được gỡ bỏ. Hành khách phải ngồi sàn, tựa nhau hay tựa hành lý đặt bên cạnh cho vững mỗi khi máy bay vọt lên, rơi xuống, chao nghiêng. Hôm đó, trời mưa bão chập chùng trên không phận miền Trung như nước mắt thấm ướt khăn tay. Bất chấp thời tiết xấu, con chim sắt khổng lồ hùng hổ vươn mình xuyên Nam, ôm theo đám người di cư tâm tư nặng trĩu.

Bố luôn luôn lo lắng nhìn ra ngoài trời mưa mù mịt. Bà ngoại và nhiều người lầm rầm khẩn niệm. Những bộ phận trong thân thể bị vặn xoắn tưởng chừng rời đứt từng khúc. May mắn, lòng phi cơ đầy chật hành khách, va-li, gói, thùng, túi xách... nên chúng tôi không bị xô ngã nhiều. Chị, em ngồi xung quanh nôn ói, mặt xanh mày xám. Nếu thức ăn chưa tiêu hóa trong dạ dày thốc tháo ra được có lẽ tôi cảm thấy dễ chịu hơn chúng cứ bướng bỉnh dồn ép, tức phá cái lồng ngực

nhỏ yếu. Trong khi đó, bà nội ngủ một giấc yên lành vượt không gian, thời gian. Khi con chim sắt đáp xuống Phi Trường Tân Sơn Nhất, bà bừng tỉnh: “Đã đến nơi rồi à, mau nhỉ? Đi tàu bay êm như đi thuyền!”

Vâng, nhanh chóng quá! Một thoáng hai giờ ngắn ngủi, phũ phàng, Hà Nội không còn trước mắt, không còn sau lưng. Hà Nội đã biến mất. Hà Nội nghìn trùng xa xôi. Bạn thân yêu hoàn toàn ngăn cách rồi! Một cơn mưa rào đổ xuống đưa tôi về thực tại. Chúng tôi đã đặt chân xuống phần đất miền Nam. Giọng nói người xung quanh khác lạ. Nước mắt từ Hà Nội còn mang theo, nhạt nhòa trong mưa Sài Gòn.

Tạnh mưa, trời lại nắng chói chang cả vùng sân bay mênh mông không một bóng cây. Không khí ẩm thấp, ngột ngạt tuy đã về chiều. Sự khó chịu đó cộng thêm giận hờn xa Hà Nội tạo nên sự bất mãn, mất cảm tình với thành phố mới.

Vợ chồng bác Hai Ứng tới đón và đưa chúng tôi về nhà hai bác ở đầu đường Phan Thanh Giản. Bác gái là cháu ruột bà nội. Những người di cư không thân nhân, được cơ quan cứu trợ đưa đến các trạm tạm trú rải rác trong đô thành. Chúng tôi bắt đầu đời sống mới, không phố Hòe Nhại, Hàng Than, không Hồ Gươm, Cầu Thê Húc, Tháp Rùa.

Bố trình diện đi làm ngay tại Sở Trước Bạ đường Catinat bằng xe buýt, phương tiện giao thông công cộng của Sài Gòn. Xích-lô máy ba bốn người ngồi rộng, nổ rầm rầm, phóng bay bay. Xe thô mộc được kéo bằng mấy con ngựa già chạy lóc cóc trên đường, nghe vui tai. Cả chục người có thể ngồi trong xe thô mộc. Hàng hóa chất đầy trên mui hay treo cồng kênh hai bên cạnh xe. Người dân buôn bán từ làng tỉnh thôn áp xung quanh thường dùng cách di chuyển này để vào thành phố. Chúng tôi không còn được nghe tiếng tàu điện leng keng của Hà Nội nữa.

Từ 18 xuống 5 tuổi, chưa có trường học, bầy đưa con gái, con trai tìm lối đi chơi, khám phá những vùng lân cận. Chợ Đa Kao gần đó. Món đậu xanh, đậu đỏ bánh lọt, sương sa hạt lựu ngọt lịm. Người mua trả năm cúc và đưa giấy một đồng. Người bán không có tiền lẻ, xé tiền cái xoẹt và thối lại người mua một nửa. Tiền dán hai mảnh giống nhau cũng tiêu được. Phải gọi quả doi là trái mận cũng như trái cóc, tầm ruộc, xoài tượng xanh chám mắt ruốc mận mận, chua chua. Trái trứng cá vỏ đỏ, ruột mềm ngọt, hạt nhỏ li ti màu vàng. Phải kêu quả trứng là hột gà hay hột vịt. Một chục tính thành 14 hậu hĩnh! Một đồng mười cây kem đá đường đủ màu nhuộm vàng, xanh, đỏ, chưa ăn hết đã chảy tan khỏi que tre. Kem Hồng Vân bờ hồ Hà Nội lại được nhớ thật nhiều!

Chúng tôi đi bộ xa hơn chút nữa tới Vườn Bách Thú. Ôi, lại quên! Phải nói là Sở Thú chứ. Mặt tiền Sở Thú nhìn ra đại lộ Norodom. Cuối đường là Dinh Thủ Tướng Ngô Đình Diệm<sup>1</sup>. Nếu Vườn Bách Thảo Hà Nội soi bóng Hồ Tây, Sở Thú Sài Gòn nằm bên con sông nước chảy vờn chân cầu Thị Nghè. Qua cổng chính, Viện Bảo Tàng Lịch Sử bên trái, Đài Tưởng Niệm Binh Lính Việt Nam tử trận thế chiến thứ nhất 1914-1918 bên mặt, ngày nay là Đền Thờ Hùng Vương. Sở Thú còn có tên đẹp hơn, Thảo Cầm Viên, có nhiều cây, hoa quý miền nhiệt đới và dã thú như chim, vượn, khỉ, voi, hổ... Đó là công trình vườn cảnh đầu tiên đẹp nhất người Pháp khai thác từ năm 1864 sau khi chiếm đóng Đông Dương. Hòn Ngọc Viễn Đông còn nhiều dấu vết thực dân với những con đường mang tên Pháp mà người Việt không muốn nghe lại. Nhưng dân học trường Tây vẫn thích nói chuyện với nhau bằng tiếng Tây.

---

1 - Ông Ngô Đình Diệm (1901-1963) Thủ Tướng Việt Nam 1954-1955, Tổng Thống Miền Nam Việt Nam Cộng hòa 1955-1963 và bị giết.

Đêm đêm, gia đình chủ nhà 6 người với 12 dân di cư chen chúc trong căn phố nhỏ hẹp. Chúng tôi cặm cụi viết thư cho người miền Bắc. Khi khép mắt tìm giấc mộng trở về Hà Nội, giọt lệ vẫn dài vẫn rơi trên gối. Có đôi lúc tôi tâm tấu: “Tại sao bố đem chúng tôi vào Nam để tôi buồn nhớ bạn và Hà Nội đến mê muội tâm thần?” Nhưng dần dần tôi hiểu thế nào là chính sách trả thù, thanh trừng của Cộng Sản đối với những người làm việc với chính phủ thuộc địa, dân đại tư bản, tiểu tư sản cũ. Họ bị giặc Cộng cướp hết tài sản, bỏ tù chết trong ngục như mấy người bạn đồng học, đồng nghiệp của cha tôi còn ở lại bên kia vĩ tuyến 17. Cũng may, ông sớm biết điều đó, đã đem gia đình xa chạy, cao bay.

Vài tuần sau, Sở Trước Bạ thu xếp chỗ tạm trú cho chúng tôi trên đường Trần Quang Khải, Tân Định. Đó là một rạp hát cũ bỏ trống được chia làm năm căn cho công chức di cư. Gia đình bác Thông đông nhất chiếm cái sân khấu. Phần khán giả ngồi được xây thành bốn căn cho gia đình bác Hân, bác Thiệp, bác Sanh và chúng tôi. Bác Hân, bác Thông là hai anh em ruột, bạn tiểu học, trung học Trường Bưởi và đồng nghiệp với cha tôi từ mấy chục năm.

Chỗ ở chúng tôi được ngăn làm bốn phòng nhỏ với những tấm rèm vải. Quần áo, sách vở ngổn ngang. Một hôm, tôi định đá cái va-li của chị Tâm vào gầm giường cho gọn lối đi, va-li không nhúc nhích. Tôi phải ngồi xuống, dùng cả hai tay mới đẩy được nó. Một nghi ngờ thoáng qua, tôi tò mò mở nắp. Hỡi ôi, va-li đầy ắp sách báo Ciné Revue, Ciné Monde, Paris Match... Từng hộp hình ảnh tài tử minh tinh màn bạc Pháp, Mỹ, những tờ chương trình quảng cáo phim ảnh đủ màu cũng được di cư. Những cái đã bị bố giận dữ xé rách, bắt vứt bỏ trước khi rời Hà Nội vẫn được chị Tâm dán lại và lén mang lên máy bay, đưa vào Nam.

Tôi nghiệp bố, mẹ! Ông có những bộ sách xưa cũ như sử ký, địa dư, văn học, Tam Quốc Chí, Tây Du Ký, tự điển Hán-Việt, Việt-Hán, Petit Larousse... đều không mang theo được. Bà có nhiều vật quý và đẹp như chén đĩa cổ cũng bị để lại miền Bắc. Mỗi hành khách đi máy bay chỉ được mang 20 kí lô hành lý. Các em đều biết việc chị Tâm làm, nhưng chẳng đứa nào dám hé miệng. Mẹ nhìn thấy cũng im luôn. Từ khi bố bị bệnh áp huyết cao, đã mấy lần vào nhà thương nên chúng tôi cố gắng không để ông nóng giận, nguy hiểm tới tính mệnh. Ông là cột trụ gia đình, một người cha mẫu mực, chúng tôi luôn luôn kính trọng.

Tường Vân hay ngấp nghé va-li của chị Tâm. Con búp-bê mở mắt nhắm mắt nằm bên trong. Em đã cho chị món đồ chơi yêu dấu nhất trước ngày di cư. Vân không chán nó, nhưng vì sợ bố la mắng, nên đã cho chị Tâm và như vậy em mới hy vọng gặp lại nó ở Sài Gòn. Vì chỉ có chị mới dám liều lĩnh đem theo nhiều thứ bỏ ngặt cấm. Sau này, chị cất búp-bê trong tủ kính phòng khách. Vân quá hiền lành. Khi vắng chị, cô bé thường lấy búp-bê ra nâng niu, ôm ấp, âm thầm tiếc nuối. Nếu biết điều đó, chắc chắn chị Tâm đã trả lại Vân con búp-bê. Chị rất thảo với các em trong nhà.

Vào tháng 9 năm đó, bà hiệu trưởng Tăng Xuân An ra thông cáo, trường Trung Vương di cư được đặt tạm thời với lớp học buổi chiều tại trường nữ trung học Gia Long. Tôi ghi tên học đệ ngũ. Chị Tâm thi đậu vào đệ tam C, ban văn chương. Chị Phương nhập Hội Nữ Sinh Công Giáo, Thanh Quan Lưu Xá. Vân học lớp nhì, Hà lớp tư Trường tiểu học Đinh Tiên Hoàng. Khoa học lớp mẫu giáo tại ngôi đình đường Nguyễn Phi Khanh đằng sau nơi tạm trú của chúng tôi.

Ngày khai trường, chị Tâm và tôi đi thật sớm. Chưa quen với cái nắng miền Nam, chúng tôi chọn những con đường

cây dài, bóng rộng. Từ đường Trần Quang Khải rẽ trái qua chợ Tân Định, rẽ trái nữa vào đường Hai Bà Trưng, nhà thờ Tân Định bên phải, nghĩa trang Mạc Đĩnh Chi bên trái. Quẹo mặt đường Phan Thanh Giản râm mát những hàng cây me, cây sao cành cao, lá rậm. Băng ngang vài con lộ nhỏ nữa và đường Trương Minh Giảng, chúng tôi tới Trường Gia Long.

Trên hè tràn ngập nữ sinh. Người ta có thể dễ dàng nhận ra các cô Gia Long mặc áo trắng bà ba, đầu trần, tóc thẳng buông vai hay chấm lưng, quần đen rộng vừa bằng khổ vải không cắt xén. Các cô Trưng Vương nón bài thơ che nắng, quần trắng cài khuy sát eo, áo dài tha thướt đủ màu. Chúng tôi chưa có lệnh đồng phục. Hôm ấy tôi mặc áo lụa Hà Đông, dép da quai màu xanh như lá cây trước cổng trường.

Chị Tâm đi tìm bạn chị. Tôi tìm bạn tôi. Không biết ai kẹt lại miền Bắc, ai đi thoát. Gặp được nhau, Kim Dung, Thu Hòa, Tú Anh, Thái Lan và tôi mừng mừng, tủi tủi. Thái Lan kể rằng, trước khi chia tay với Việt Bảo tại Hà Nội, cô bạn này nhắn chào tạm biệt chúng tôi: “Các bạn đi vui vẻ, ta ở lại chắc phải lấy cán bộ mất chân, cụt tay...”

Trường Gia Long đồ sộ, uy nghi, tọa lạc trên đường Phan Thanh Giản, giữa đường Trương Minh Giảng đi tới vườn Tao Đàn bên trái và đường Bà Huyện Thanh Quan đi sang Dòng Chúa Cứu Thế bên phải. Bàn ghế lớp học từng bậc cao, thấp. Trên lầu là phòng trọ cho các nữ sinh nội trú Gia Long.

Bà Tăng Xuân An vẫn là hiệu trưởng Trường Trưng Vương, bà Phú giám học, cô Nguyệt Minh tổng giám thị. Cô Trịnh Thị Tiến ở lại Hà Nội. Nghe nói cô đợi người anh hùng kháng chiến Việt Bắc trở về. Cô Tĩnh dạy Việt văn, cô Ninh sử địa, cô Hòa vạn vật, cô Ngà toán, cô Đào Pháp văn, cô Phúc Anh văn, thầy Hùng Lân nhạc. Hình như tôi là học trò cưng của các giáo sư, trừ thầy Hùng Lân. Chúng tôi được

thầy Hùng Lân<sup>2</sup> dạy bản nhạc “Hè Về”. Khi còn ở Hà Nội, tôi rất thích bài hát vui nhộn này. Nhạc của Thầy Hùng Lân thích hợp với đồng ca, hùng ca, nhiều hiệu đoàn học sinh, và hội đoàn yêu nước, dùng nhạc của nhạc sĩ Hùng Lân làm hiệu đoàn ca, hội đoàn ca.

Nhưng hoa phượng bên đường Sài Gòn, ngoài song lớp không thắm, không say như trong sân Trường Trưng Vương Hà Nội, quanh bờ hồ Hoàn Kiếm, trên đường Cổ Ngư bên Hồ Tây. Tâm hồn tôi vương vấn những vần thơ vừa tập viết. Thơ cô bé mười lăm thương nhớ bạn miền Bắc như than thở tình tuyệt vọng:

### HẬN CÁCH CHIA

Sài Gòn không có mùa đông,  
 Trưng Vương thiếu vắng gió sông Hồng Hà,  
 Cổ Ngư, Bách Thảo mờ xa,  
 Hai mùa mưa nắng thiết tha nhớ mình.  
 Thở nào đôi bóng xinh xinh,  
 Tóc xanh hàng liễu soi hình Hồ Gươm,  
 Mười ba chưa biết sầu thương,  
 Thong dong xe đạp phố phường reo vui.  
 Đời là đi học, đi chơi,  
 Ô mai, bánh kẹo xẻ vơi, chia đây,  
 Má đào Phúc Xá hây hây,  
 Mùa xuân Thê Húc nắng bay áo vàng,  
 Ve sầu réo rất kêu vang,  
 Phượng hoa môi đỏ, hè sang tung bùng,

---

2 - Nhạc sĩ Hùng Lân (1922-1986), tác giả nhạc phẩm Hè Về, *Khỏe Vì Nước, Việt Nam Minh Châu Trời Đông, Cô Gái Việt, Mùa Họa Tấu, Xóm Nghèo...*



Lá thu rơi rụng ngập ngừng,  
 Búp đa nhật thối tan trường thân thơ,  
 Tháp Rùa đông giá chơ vơ,  
 Khăn quàng trao đổi lụa tơ mấy màu,  
 Những ngày thân ái bên nhau,  
 Bao nhiêu kỷ niệm, biết đâu xa lia.  
 Người về thiên cổ có bia,  
 Thơ này ghi hận cách chia chúng mình.

(Tình Thơ Học Trò, 1954)

Vì thế, tôi không hứng thú hát “Trời hồng hồng, sáng trong trong, Ngàn phượng rung nắng ngoài song...” Và lại, trớ trêu lắm! Cứ mỗi lần cất tiếng hát bài đó, tôi lại nhớ tới con trẻ ngoài đường phố Hà Nội hát chệch lời. Làm sao nghiêm chỉnh học hát “Hè Về”? Nhìn bản mặt mấy đứa con gái ngồi bàn nhất, miệng không cười, nhưng hai con mắt long lanh tinh quái, thầy Hùng Lân cũng đoán được chúng nghĩ gì. Cô học trò duyên dáng Phước Liên đã chiếm hạng nhất về môn ca. Tôi không bị bết hạnh kiểm là may!

Bạn Trưng Vương di cư còn có Hà Dương Thị Quyên, Thúy Liên, Nguyễn Thị Lễ, Thụy An, Trọng Hiên, Hồng Tước, Vũ Thị Hiền, Nguyễn Thị Tú, Nguyễn Thị Nghệ, Kim Phượng... tôi không nhớ hết. Nhưng chín cô Dung tôi không quên, Nguyễn Lệ Dung, Trần Thị Ngọc Dung, Khúc Thị Kim Dung, Bùi Thị Dung, Phạm Thị Dung. Thêm hai cô Dung mới, Nguyễn Cẩm Dung, Nguyễn Kim Dung “A”. Nguyễn Kim Dung cũ bị hạ bệ “B” vì được sinh ra đời sau cô kia vài tháng. Cộng thêm cái tôi, Nguyễn Thị Ngọc Dung là chín. Công bằng mà nói, cửu Dung cô nương đều duyên dáng như tên của các nàng, không thể chối cãi được.

Nữ sinh Trưng Vương Sài Gòn bắt đầu với nhịp cầu tri âm. Nhiều cô thích viết thư để lại trong ngăn bàn, làm quen

nữ sinh Gia Long học buổi sáng. Các cô khắc tên mình cạnh tên bạn mới để tỏ tình thân thiện Bắc-Nam hay trao hình, đổi ảnh cho thêm phần khăng khít.

Gia đình tôi vẫn tạm trú dài hạn trên đường Trần Quang Khải, không một chút tiện nghi. Hai cầu tiêu tối tăm, hai nhà tắm xiêu vẹo chung cho năm gia đình đông đúc. Bếp là hỏa lò đất, đun than củi, đặt trên bàn gỗ mộc cũ kỹ, kê trên lối ra vào công cộng, mái tôn thấp gần đụng đầu. Trời mưa, người đứng nấu bếp phải đội nón hay che dù. Một cư xá đang được xây cất ở Phú Nhuận cho các gia đình công chức di cư Sở Trước Bạ. Chúng tôi mong từng tháng, từng ngày có nhà mới.

Mẹ mượn một chị giúp việc người miền Nam. Chúng tôi bắt đầu được thưởng thức thực đơn của chị Chín. Canh chua cá lóc nấu với giá, bạc hà, đậu bắp, trái thơm, rau om, ngò gai, húng quế, cà chua đỏ. Thịt, cá kho nước dừa. Thịt băm xào mắm ruốc mặn, xả, ớt để ăn với dưa leo. Sò, hến xào giá hẹ. Gỏi gà xé phay trộn bắp cải, hành răm... Của không ngon nhà nhiều con cũng hết, gia đình chúng tôi dễ dàng tiêu thụ các món ăn mới.

Tuy nhiên, một thứ chúng tôi không thích, những bài hát cải lương được người gác gian cho tái phóng thanh oang oang mỗi chiều đến thật khuya. Trái lại, buổi trưa yên ắng, tiếng hò miền Nam, tiếng ru con ngọt ngào văng sang từ hàng xóm bên kia bờ tường cao. Năng Sài Gòn hình như bớt gay gắt hơn:

*Hò ơ... (chớ) Nội trong lục tỉnh Nam Kỳ,  
Thấy em ăn nói nhu mì anh thương,  
Có mặt tui mình nói mình thương,  
Tui về chón cũ... (ờ), hò ơ... (chớ)  
Tui về chón cũ, mình vẫn vương nơi nào?...*

Cuối năm 1954, thời gian cho dân Hà Nội di cư hết. Bức màn sắt đã buông xuống Thăng Long Thành ngàn năm văn

vật cũ. Nhưng vẫn còn nhiều người lén lút ra Hải Phòng để vào Nam. Tôi vẫn nhận được thư của bạn và họ hàng nhờ người quen tiếp tục di cư và chuyển giao. Họ gửi ảnh Văn Miếu, Hồ Gươm, Tháp Rùa, Chùa Một Cột... để chúng tôi đỡ nhớ. Nhưng càng nhớ nhiều hơn khi nghe bài hát của nhạc sĩ Hoàng Dương,<sup>3</sup> “Hương Về Hà Nội” (1953), lê thê, da diết vang vọng khắp Sài Thành. Tha thiết nào nùng, nhớ thương không cùng, ngàn lần trước như ngàn lần sau bản nhạc này vẫn làm mềm lòng, chùng dạ những người đã xa Hà Nội từ năm xưa ngày ấy.

*... Hà Nội ơi! Hương về thành phố xa xôi,  
Ánh đèn giăng mắc muôn nơi,  
Áo màu tung gió chơi vui...  
Hà Nội ơi! Những ngày thơ ấu trôi qua,  
Mái trường phượng vĩ dâng hoa...*

Đồng thời, tôi cũng vừa để ý, thích hát bản nhạc đầu tay của nhạc sĩ Vũ Thành<sup>4</sup>, chỉ vì cái tựa đề “Nhớ Bạn”. Cô bé chưa hề tương tư một hình bóng khác phái. Tình yêu vẫn còn là chuyện của người lớn. Nhưng cô đã than van, âm i hát hoài bản "Nhớ Bạn" không sợ lời ca ếm vào đời: *Xuân nay bao sầu nhớ xuân xưa, tiếc mối tình phai hương...* Sau này nhạc sĩ Vũ Thành còn có một tác phẩm bất hủ, bất diệt qua tiếng hát Thái Thanh, “Giấc Mơ Hồi Hương”:

*Lìa xa thành đô yêu dấu một sớm khi heo may về,  
Lòng khách tha hương vương sầu thương,  
Nhìn em mờ trong mây khói  
bước đi nhưng không nở rời  
Lệ sầu tràn mi lệ hoen cay đắng biệt ly...*

---

3 - Nhạc sĩ Hoàng Dương (1933- 2017) sinh và mất tại Hà Nội.

4 - Nhạc sĩ Vũ Thành sinh tại Hà Nội 1926, mất tại Maryland, USA 1987.

Tết đầu tiên miền Nam thật buồn nản trong hoàn cảnh di cư eo hẹp. Nên khi Kim Dung rủ đi Cần Thơ với gia đình, tôi vui mừng được bố mẹ cho ra khỏi căn nhà chật chội. Ông thân sinh và anh em cô bạn lái xe Jeep nhà tới đón tôi. Xe chạy theo hướng Mỹ Tho. Đồng quê miền Nam bát ngát, phì nhiêu. Qua Vĩnh Long bên nhánh Tiền Giang sông Cửu Long mà tên quốc tế là Mekong, một trong những con sông lớn nhất trên địa cầu. Mekong dài khoảng 4500 cây số, bắt nguồn từ cao nguyên Tây Tạng, miền Nam Trung Hoa lục địa, qua Miến Điện, Lào, Cao Miên. Tới Nam Việt, Mekong chia thành hai nhánh Tiền Giang, Hậu Giang và trước khi chảy ra Biển Đông chia làm chín giòng như chín con rồng nên được người Việt đặt cho cái tên văn hoa Cửu Long Giang mang bao nhiêu câu hò tình tứ:

*Hò ơ... (chớ) Sông Vàm Cỏ, nước trong thấy đáy,  
Giòng Cửu Long xuôi chảy dịu dàng,  
Ai về Mỹ Thuận Tiền Giang,  
Có thương nhớ gã... (ờ), hò ơ... (chớ)  
Có thương nhớ gã đánh đàn năm xưa.*

Cần Thơ nằm bên bờ Hậu Giang. Tôi không nhớ đã đi bao lâu, nhưng khi tới nhà ông bác của Kim Dung có vợ người tỉnh này, chúng tôi còn đủ thời giờ cho một bữa cơm miền quê thịnh soạn với thịt gà, thịt heo luộc, cá kho, cá mắm, dưa chua, dưa hấu đỏ ngọt như đường được tiếp ăn cùng một lúc...

Chiều tắt nắng, chúng tôi qua thăm các xóm khác bằng ghe trên những con lạch nên thơ, xanh thắm bóng dừa. Cây cảnh đan từ bờ bên này qua bờ bên kia. Ghe nhỏ, chỉ đủ chỗ ngồi cho bốn người. Một cô gái đóng đũa đứng mũi ghe với cây sào dài chống xuống đáy lạch nông và đẩy ghe nhẹ lướt trên mặt nước êm đềm. Thịnh thoảng chúng tôi phải cúi rạp người, tránh cành lá la đà.

Khi thôn xóm đã lên đèn le lói trong vườn cây, nước, trời một màu tối xậm, chúng tôi trở lại nhà chủ nhân. Anh, chị, em, bà con gần hết thôn áp đến xem mặt dân Bắc-kỳ di cư. Người dân Nam chân thành, hiếu khách. Sáng hôm sau chúng tôi được ăn điểm tâm với những khoai bánh tét ba màu rền nếp gói trong lá chuối, nhân đậu xanh, đậu đỏ, thơm phức mùi lá dứa, nước dừa. Chủ nhà tiễn khách với một giỏ những đòn bánh tét còn bốc khói, nóng hổi vừa được vớt ra từ nồi luộc. Chúng tôi ra vườn hái đầy bịch cam xanh, cam đỏ, quýt vàng đem về Sài Gòn.

Đây là lần duy nhất tôi viếng thăm Cần Thơ, thật ngắn ngủi, nhưng khó quên. Đất nước hình như không bao giờ thanh bình, cuộc đời chẳng lúc nào yên ổn nữa để có thể đi chơi và biết nhiều hơn về giang sơn cầm tú. Sau này khi du lịch đến xứ La Mã bên trời Âu, những cuộc du thuyền Gondola trên kênh Venice nguy nga, tráng lệ, cũng không để lại một lưu luyến nào trong tôi như buổi chiều ấy dạo ghe trên sông lạch quê hương hiền hòa, câu hò thắm thiết:

*Hò ơ... (chớ) Sông Cửu Long*

*chín cửa hai giòng,*

*Người thương anh vô số... (ờ), hò ơ... (chớ)*

*Người thương anh vô số*

*nhưng anh chỉ một lòng với em.*

Sau gần sáu tháng tạm trú tại rạp hát cũ, đầu năm 1955, trong tiếng súng Quân Đội Quốc Gia càn quét loạn quân Bình Xuyên, năm gia đình di cư hấp tấp dọn đồ đạc tới cư xá mới xây cất xong. Cứ tưởng rằng chạy thoát giặc Cộng miền Bắc là hết loạn thì nay lại nghe tiếng súng giao tranh như ngay đầu đường.

Thực ra, từ ngày chấp chánh 7/7/1954, Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đã phải đương đầu với mấy sứ quân tự trị miền Nam không chịu khuất phục chính phủ, Bình Xuyên của

Hùm Xám Bẫy Viễn, Cao Đài Ly Khai chống Pháp của ông Trình Minh Thế, Hòa Hảo của Ba Cụt Lê Quang Vinh. Chỉ có Tướng Thế về quy thuận chính phủ. Trớ trêu thay, ông tướng trong sạch, yêu nước này đã bị trúng đạn Bình Xuyên, chết trên cầu Lãng Tô, Tân Thuận để đồng bào bù ngùi thương tiếc. Chẳng bao lâu đến lượt Bẫy Viễn cùng loạn quân bị đẩy lui, bỏ cả sào huyệt, sông bạc Đại Thế Giới trong Chợ Lớn và xa chạy cao bay sang Pháp. Cuối cùng Ba Cụt bị bắt lên đoạn đầu đài. Nghe nói ông Ba sau này lại bị quật mồ, xác bị chặt ra làm nhiều khúc! Thật may mắn, chúng ta không sinh ra trong thời đại vua chúa bạo ngược, độc ác, từng xèo, voi giày ngựa xé, tru di tam tộc người dân!

Nơi định cư của gia đình chúng tôi, cư xá công chức Trước Bạ là hai dãy lầu, mỗi dãy 12 căn đối diện nhau. Sân xi-măng ở giữa. Bồn nước bơm điện, nhà để xe đạp bên lối cổng đi vào. Hành lang mặt tiền thoáng mát. Cư xá nằm trong ngõ sau nhà thờ Phú Nhuận, góc đường Võ Tánh-Trương Tấn Bửu. Chúng tôi được một căn hai tầng trên lầu, khang trang đối với thuở mới di cư. Từ hành lang vào, phòng ngoài có một bộ bàn sáu ghế, một giường phản cho bố mẹ nằm buổi tối. Ban ngày, chần mùng được dẹp đi làm phòng khách.

Từ ngày vào Sài Gòn, ông bà chẳng mua sắm đồ đạc đẹp quý nữa. Đã hai lần mất cửa chìm, cửa nổi vì chiến tranh, loạn lạc, bố mẹ không còn đủ khả năng lo xê nhè trước tương lai bấp đũa con đang tuổi ăn học. Chỉ có chị Phương trở tài mọn học được ở trường Sơ Saint Paul Hà Nội, làm hoa voan với chị Quý con gái bác Thông bên cạnh và đặt bán tại một cửa hàng quen đường Gia Long. Cô Nhâm bàn tính với mẹ mở một gian hàng vải chợ Bến Thành, nhưng bố không đồng ý. Tiểu thư Hà Nội cũng chẳng chịu ra ngôi chợ. Việc buôn bán không bao giờ thành. Tất cả gia đình mười một người chỉ trông vào lương công chức thượng-thượng ngoại

hạng. Trong thẻ học sinh của chúng tôi có ghi nghề nghiệp của cha như vậy.

Bà nội Huấn năm nay 75 tuổi, có giường phòng trong. Hồi còn ở với gia đình bác Hai Ứng, bà đã đi đứng chậm chạp nhiều, nhưng chẳng chịu ngồi một chỗ. Họ hàng, bạn bè di cư tản mác trong thành phố. Bà không thể đi bộ đến mọi người để chơi chầu, tổ tôm, tài bàn nên thường lấy xích lô thăm viếng đây đó. Rồi tiến bộ hơn, bà đón xe buýt đi quanh quần Đa Kao, Tân Định, chợ Bến Thành... Một hôm trượt chân ngã khi xuống xe, bà đi lại khập khiễng, khó khăn. Thêm một lần té sấp nữa, xương hông bị trẹo, bà Huấn bại xuội luôn từ đó. Bà được đưa tới ở với vợ chồng cháu đích tôn, thời gian chúng tôi còn ở trong rạp hát cũ. Nhà anh chị Khánh trong một hẻm trước cửa chợ Bà Chiểu, Gia Định và rộng rãi hơn mọi nhà con cháu khác.

Khi chúng tôi dọn tới cư xá này, bà nội được đưa về. Bố tôi rất có hiếu, thương kính bà hết lòng. Chị em chúng tôi phải phụ với mẹ thay nhau lo cho bà từ việc ăn uống, lau mình, tắm rửa. Khi các chị đi lấy chồng, em Vân, Hà tiếp tục nhiệm vụ ấy. Mỗi lần mượn người làm mới, mẹ thường nói trước, công việc của họ, đi chợ, nấu ăn, lau chùi nhà cửa, không phải săn sóc bà. Ai muốn hầu hạ một cụ già nằm liệt giường? Bà nội trở nên hiền lành, chịu đựng, không còn chỉ trán, véo tay, la mắng chúng tôi vừa ăn vừa nói, hay không mời bà trước khi đưa thức ăn lên miệng... Bây giờ bà nội ăn riêng ngay trên giường, chẳng tỏ vẻ bực bội phải nằm, ngồi một chỗ ngay dưới cầu thang, các cháu chạy lên chạy xuống rầm rầm. Có chăng chỉ nghe tiếng bà thở dài...

Bà ngoại còn khỏe, leo thang thoăn thắt. Bà có giường gần cửa sổ đầu gác rộng, cung cấm của chúng tôi. Một cái chiếu và ba giường khác cho bảy chị em. Khi cần tâm sự, tôi ngủ giường với chị Tâm. Khi muốn mơ mộng, ngắm trăng thanh, gió mát, tôi nằm sàn chiếu cạnh cửa sổ cuối gác, chỗ

mái thấp nhất, với em Vân, Hà, Khoa. Ngoài ra có hai bàn nhỏ. Cái bàn mộc mạc trung thành kia là bạn tâm tình đã chia xẻ những trang sách vở học hành, làm thơ, viết nhật ký của tôi trong suốt thời con gái.

Từ phòng bà nội đi qua cái sân nhỏ xuống bếp. Cửa hậu mở ra ban-công chạy dài suốt dãy. Dưới ngõ, ngoài cư xá, sân nhà làm đậu hũ ủ in vài con heo trong chuồng. Gió đưa lên hương vị quê xưa quen thuộc miền Bắc. Gác chuông nhà thờ Phú Nhuận ẩn hiện sau khóm tre già. Hằng ngày chị Tâm và tôi đi tắt hẻm nhỏ ấy ra đường Trương Tấn Bửu và lên xe buýt tại góc đường Nguyễn Minh Chiêu, để đi học. Chúng tôi đã có xe đạp, nhưng chỉ dùng để đi chơi cuối tuần. Bên xe buýt gần nhà. Xe chạy tới gần trường. Con gái Bắc đều sợ nắng nên không thích đi xe đạp nếu không bị bắt buộc. Đôi khi chị Bội Hoàn, giáo sư Trung Vương, con dâu bác Thông ở gian nhà bên cạnh, cho chúng tôi quá giang taxi hay xích-lô máy. Em Khoa học lớp mẫu giáo ngay tại nhà thờ. Bố và Vân, Hà phải đi bộ đến ngã tư Phú Nhuận đón xe buýt. Hai em xuống chợ Tân Định rồi từ đó đi bộ tới trường Đinh Tiên Hoàng, Đa Kao. Bố tiếp tục ngồi xe và xuống tại Bưu Điện Sài Gòn, một quãng gần sở Trước Bạ đường Tự Do.

Trên xe buýt, tôi thường gặp chị em Đỗ Thị Hảo, Đỗ Thị Phương với vài cô nữa ở trong cư xá và Nguyễn Kim Dung “A” nhà trên đường Nguyễn Minh Chiêu, gần công xe lửa số tám. Dưới mái xe, chúng tôi ung dung ngồi, không lo mưa nắng Sài Gòn. Hết đường Trương Tấn Bửu, xe quẹo trái qua cầu Trương Minh Giảng. Nhà sàn hai bên sông rạch bùn lầy, nơi sinh sản của lũ cá tra ăn thứ dư thừa của loài người. Chùa Cao Miên bên trái. Đường Kỳ Đồng bên mặt đi tới Dòng Chúa Cứu Thế gần đó. Qua đường Hiền Vương chạy ngang, xe buýt ngừng tại góc đường Phan Thanh Giản rợp bóng cây. Nữ sinh Trung Vương không cần đội nón che má hồng. Các cô đi vài chục bước tới Trường Gia Long. Lớp học tôi bên



đường Bà Huyện Thanh Quan. Qua song lớp, những cành hoa phượng vĩ đỏ đã sang mùa, để băng khuê nhớ bạn cũ, nhớ Hà Nội.

### HOA XƯA

Mỗi độ hè về lại vấn vương  
Màu hoa phượng vĩ đỏ quê hương  
Bên cầu Thê Húc nghiêng dòng lệ  
Từ già Hồ Gươm hẹn nhớ thương.

Tháng bảy năm tư khóc biệt ly  
Phượng sầu rơi rụng bước chân đi  
Giận hờn nhật cánh hoa tan tác  
Ném xuống hồ xanh đắm ướt mi.

Mùa phượng miền Nam thiếu bóng hồ  
Thiếu đường lộng gió rất nên thơ  
Thiếu con tàu điện leng keng chạy  
Đưa đón chúng mình dạo Cổ Ngư.

Cánh phượng bên đường rơi buổi nay  
Ướt vào nhật ký dấu yêu này  
Bao nhiêu dòng tím tràn lưu niệm  
Là bấy nhiêu niềm nhớ lát lay.

(Tình Thơ Học Trò, 1954)

Có lẽ thân nhau lâu, từ những lớp tiểu học, Ngọc Dung hơi nhiều tình cảm nên khó quên bạn Hà Nội. Cô bé vẫn viết thư thăm Bích Vân phố Sinh Từ, Ngọc Diệp Hàng Than, Tạ Thị Thảo Hàng Đồng. Thế rồi mười tháng cho dân Nam, Bắc di cư đã hết. Hải Phòng và Sài Gòn bị cắt đứt giao thông.

Chúng tôi vẫn cố tận dụng phương tiện cuối cùng viết cho nhau với những tấm bưu thiếp không bao thư và được Ủy Hội Quốc Tế Đình Chiến chuyển qua đường Ai Lao trung lập. Nhưng thời gian này chỉ vài tháng ngắn. Tôi hoàn toàn mất liên lạc với bạn Hà Nội từ đó. Tâm hồn như có vết thương học trò...

**G**ần đây có hai văn nhân xuất hiện trên ngưỡng cửa nhà ông Phán Khôi. Hai chàng đã tìm đến gặp cô con gái cưng của ông tại chỗ tạm trú trước đây trên đường Trần Quang Khải và chuyển thư bạn miền Bắc cho nàng. Cô bé đã gặp Vũ<sup>5</sup> lần thứ nhất với Bích Vân bên Hồ Hoàn Kiếm trước khi di cư. Thế rồi, Vũ ở Sài Gòn, tiếp tục đến thăm Ngọc Dung. Tôi được biết hai chàng đều là văn nhân, thi sĩ, có sách xuất bản. Tôi đã đọc hai cuốn tiểu thuyết của Vũ. Nguyễn làm việc ở xa, không gặp lại cô học trò đệ ngũ cho tới khi chàng đi theo Vũ đến thăm nàng lần thứ hai tại cư xá mới. Lần này nàng đã bạo dạn và hỏi chuyện Nguyễn nhiều hơn. Anh mới tốt nghiệp Trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức khi đất nước bị chia đôi. Nguyễn là giảng viên tại trường Hạ Sĩ Quan Biệt Động Quân Đồng Đé, Nha Trang, thỉnh thoảng về Sài Gòn nghỉ phép hay công tác. Mắt sáng ngời, tôi ngồi nghe Nguyễn nói về miền thù dương cát trắng và luôn miệng thích thú, ước muốn:

- Ô đẹp quá! Ô, thích quá! Giá Dung được đi chơi Nha Trang nhỉ!

Rồi chợt vui mừng, tôi reo lên:

5 - Nhân vật chính trong Hồi ký tiểu thuyết đầu tay của Nguyễn Thị Ngọc Dung, "Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội".

- A, chị Nguyệt, anh Uẩn của Dung ở Nha Trang từ khi rời Hà Nội. Dung sẽ bàn với chị Tâm, xin phép bố mẹ cho đi thăm gia đình anh chị và các cháu.

Nguyễn mau mắn hứa hẹn:

- Nếu Dung được phép đi chơi, Nguyễn sẽ tình nguyện làm hướng dẫn viên.

Trước khi ra về với Vũ, Nguyễn cho tôi địa chỉ KBC, Khu Buu Chính quân trại Đồng Đế. Khi nghe tôi thuật chuyện, chị Tâm cũng mê toi. Chúng tôi chỉ xin bố mẹ đi thăm anh Uẩn, chị Nguyệt, cháu Minh, Ánh, Hùng, Hằng, không hề nhắc tới tên Nguyễn. Các cô còn đang tuổi đi học, đều biết rằng bậc cha mẹ không cho phép đi chơi với bạn trai bên ngoài mái gia đình. Chị Tâm còn nói, sẽ rủ mấy bạn. Bố mẹ bằng lòng, cho chúng tôi tiền mua vé khứ hồi và một chút dư để tiêu vặt. Tôi chỉ là con bé đi theo cô chị, ông bà không quan tâm.

Chị Tâm vội vã báo tin cho chị Nguyệt. Tôi viết cho Nguyễn và nhận được lá thư đầu tiên từ một người bạn trai. Chúng tôi náo nức sửa soạn cho cuộc hành trình. Chị Tâm mua được bộ áo tắm đắt tiền tại tiệm may lớn đường Lê Lợi. Tiệm không có áo cho con nít. Khổ người Ngọc Dung từ thuở học trò đến thời thiếu phụ, từ Đông sang Tây vẫn kích thước “small, petite.” Cô bé phải mua vải, rập theo kiểu áo của chị, cắt may bừa, miễn có cái mặc nhảy xuống nước. Áo xong, thử lên người ngay đống, chưa có đường cong. Thân hình còn chanh cốm, làm sao “văm” được như cô chị.

Thế rồi, một ngày mùa hè 1955, chị Minh Tâm, Kim Lan, Bảo, Quyển và Ngọc Dung lên tàu tại ga Sài Gòn để đi Nha Trang. Chị Lan, bạn thân cùng lớp chị Tâm. Bảo, em trai chị Lan. Quyển, bạn Bảo. Lần thứ nhất, con tàu đưa ba cô nữ sinh Trưng Vương, hai cậu học sinh Chu Văn An qua những phần đất quê hương chưa hề đặt chân tới. Xứ bời

Biên Hòa múi ngọt mọng nước bên sông Đồng Nai văng vẳng câu hò:

*Hồ ơ... (chớ) Nhà Bè nước chảy chia hai,  
Ai về Gia Định... (ờ), hò ơ... (chớ)  
Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về...*

Đồn điền cao su Xuân Lộc rậm rạp ngút ngàn, mù sữa nhỏ giọt trắng tươi. Khi gió biển đưa tới mùi cá muối phơi khô, những đống tìn nước mắm chùng chắt, ngất cao hình Kim Tự Tháp hiện ra. Tàu đi vào địa phận Phan Thiết, miền đất sản xuất nước mắm lớn nhất Việt Nam. Tháp Chàm cổ ngàn năm rải rác đây, kia. Tới nữa là Phan Rang, giang sơn xưa của Chế Mân, Chế Bồng Nga.

Mấy trăm năm về trước, Huyền Trân bị vua cha Trần Anh Tông (1295-1314) ép gả cho Chế Mân để đổi lấy Châu Ô, Châu Rí. Khi Chế Mân chết, Công Chúa xinh đẹp sắp bị hỏa thiêu theo chồng, chàng anh hùng nước Nam, Trần Khắc Chung đến cứu thoát và đưa nàng về cố quốc. Huyền Trân xuống tóc đi tu. Một đời hồng nhan đa truân, một cuộc tình bi thiết đã đi vào lịch sử để người sau còn chiêm ngưỡng, cảm thương.

Qua Phan Rang một đỗi, Vịnh Cam Ranh lấp lánh cát trắng thủy tinh. Thảm biển lam ngọc ẩn hiện sau rừng dừa xanh thắm. Cam Ranh là một trong ba hải cảng có địa thế tốt nhất thế giới, nhiều cường quốc muốn mượn làm thương cảng, căn cứ quân sự... Quê hương Việt Nam nhỏ bé có vinh dự lớn vậy đó!

Tàu đi vào sân ga Nha Trang, tôi hồi hộp ngóng tìm những khuôn mặt quen biết. Tàu chưa ngừng tôi đã thấy Nguyễn vậy đằng xa. Anh Nguyễn Công Bình, thầy dạy tư Anh, Pháp văn của chị em chúng tôi và vài cô bạn khác hồi ở Hà Nội, cũng có mặt. Nguyễn giới thiệu chúng tôi với hai sĩ quan Biệt Động Quân, Minh và Khách. Năm cô, cậu học

sinh phải lên hai xe Jeep mới đủ chỗ đi về nhà anh Uẩn, chị Nguyệt.

Những ngày ở Nha Trang thật tung bùng. Nguyễn và những người bạn thân thiện ấy đưa chúng tôi đi chơi khắp nơi. Trước tiên phải ra biển ngay cho thỏa lòng mong ước và nhúng chân xuống nước trong veo để nhìn rõ mười ngón xinh nhỏ, trắng muốt. Du khách bàng hoàng lạc chốn mây nước không cùng. Đại dương bát ngát, bãi cát mênh mông. Hàng thù dương đong đưa hong gió. Mây trắng như bông bay đi tận chân trời xa tắp. Nhấp nhô hòn Yến hình cái nón, hòn Qui hình con rùa, hòn Tre như bày cá sấu đang bò xuống biển.

Các chàng sĩ quan vui vẻ trở tài biểu diễn lái Jeep trên bãi cát. Khi sóng gần đánh vào người. Lúc xe lún quá sâu dưới cát tưởng chừng mắc cạn. Nhưng Lính Mũ Đen không để khách Sài Gòn mất tin tưởng nhanh chóng. Sau đó chúng tôi vẫn an toàn trên xe và được đưa đi một vòng đường chiều bờ biển. Gió mặn nồng lồng lộng tóc mây. Hân hoan sáng ngời ánh mắt, rạng rỡ môi cười.

Để tránh cái nắng chói chang rám cháy da non, ba cô gái Sài Thành thường ra tắm biển thật sớm. Gió còn hơi sương, sóng còn lạnh mát. Khi vàng chiều dương vừa nhô khỏi chân mây, mặt nước, in hình tượng thanh nữ trên nền trời hào quang, chúng tôi lên bờ về phố. Sau giờ bơi lội, nhẩy sóng chưa điễm tâm, ly nước dừa non, cùi mềm thơm ngọt, càng thêm hấp dẫn trên sân nhà hàng Frégate nhìn ra biển. Những trái dừa xanh, căng bóng trong vườn nhà anh Uẩn, chị Nguyệt, dần dần thưa vắng trên cây. Đi tới đâu du khách cũng được mời nước dừa tươi miền thù dương cát trắng chẳng đâu ngon bằng.

Tuần vài ba chiều, các chàng “trôn” trại ra ngồi bờ biển mãi đến khuya với nhóm học sinh Sài Gòn. Đêm trăng sáng vàng vạc, mặt biển gợn sóng vàng long lanh. Những người

tuổi trẻ sóng bước hay ngồi bên nhau, thủ thỉ chuyện đời lính, chuyện học trò và đêm không hết những cánh sao lấp lánh khung trời biếc nhưng lam. Cát ấm mịn màng dưới chân êm. Nhịp âm sóng vỗ bờ thì thâm dào dạt.

Ngày nghỉ, các chàng đưa chúng tôi đi chơi những thắng cảnh nổi tiếng tỉnh Khánh Hòa. Muốn đi thăm Tháp Bà, Hòn Chồng phía bắc Nha Trang phải qua cầu Xóm Bóng soi hình vịnh nước trong xanh, ánh núi hùng vĩ. Tháp Bà cổ kính hoang sơ, gạch nung vỡ lở, nằm trơ vơ trên ngọn đồi khô cằn đất đỏ. Lác đác xung quanh, vài tháp nhỏ còn sót lại từ mười mấy thế kỷ qua, mòn mỏi như những bà mẹ già trông ngóng đàn con quên nguồn cội, miệt mài bỏ xứ lang thang.

Hòn Chồng với những tảng đá lực lưỡng, trần trụi, cao ngạo chông chát lên nhau bên bờ biển, sừng sững thi gan với sóng gió đại dương âm âm muôn đời, bất tận.

Viện Hải Dương Học bên Cầu Đá phía Nam Nha Trang, với những hồ kính đồ sộ, nuôi đủ các hải sản tìm kiếm được trong vùng. Tôm hùm lớn bằng cánh tay, nghêu ngao râu càng. Rùa to như cái thúng. Cá muôn hình, nghìn dạng bơi lượn trong hồ san hô lộng lẫy. Cảm tưởng thích thú của tôi hồi đó có lẽ cũng tương tự như con trẻ, người lớn lần đầu tiên ngỡ ngàng lạc vào National Aquarium tại hải cảng Baltimore, tiểu bang Maryland bây giờ. Tất cả sinh vật sống trong nước hình như đều được nuôi ở đây. Cá mập khổng lồ khiến người ta liên tưởng tới phim *Jaws*, miệng cá ngoác nuốt chửng con người và thuyền nhỏ. Cá heo thông minh, nhẹ nhàng phóng lộn trong hồ thủy tinh vĩ đại... Du khách thường phải xếp hàng dài cả giờ đồng hồ mới được vào cửa và mất nửa ngày mới đi xem hết bầy từng lầu với những hồ cá lớn nhất, tối tân nhất Hoa Kỳ...

Trong một đồn điền cao su xanh thắm vùng Suối Dầu, cách Nha Trang độ mười cây số về phía Nam, một nhà bác

học Pháp đã chọn làm nơi an nghỉ cuối cùng. Yersin đến cư trú ẩn dật tại Xóm Cồn. Ông đã một đời hy sinh để tìm ra thuốc ngừa dịch hạch, sốt rét cho nhân loại và có công khám phá, khẩn hoang vùng Nha Trang, Ba Ngòi, Suối Dầu, Lang Bian, Đà Lạt. Du khách thành kính nghiêng mình trước ngôi mộ Ông Alexandre Yersin (1863-1943), đơn sơ, bình dị. Linh thiêng nghe như phảng phất nơi ấy.

Rời mộ Yersin, chúng tôi đi thăm Suối Tiên đầy ắp cá. Cần câu không có, lưới vọt cũng không. Muốn đem cá nước ngọt về cho chị Nguyệt, phải làm sao đây? Chúng tôi được lệnh “Chỉ huy trưởng” Minh đứng ra xa. Một quả lựu đạn được mở chốt tung ra suối. Thiếu nữ thành thị bịt tai la hoảng. Cả trăm con cá nổi lên bành trên mặt nước. Những ngày kế tiếp chúng tôi được thưởng thức đủ món cá, kể cả Chả Cá Hà Nội, giềng, nghệ, mẻ, mắm tôm, hành tây, hành ta, thìa là, cà cuống, tuyệt vời!

Nguyễn, Minh, Khách đều làm việc và ở trong trại Biệt Động Quân Đồng Đế bên bờ biển cát khô, cỏ cháy, qua Cầu Xóm Bóng vài cây số. Xá kể gì lời đe dọa “traí ở trại, gái hàng com,” chúng tôi hiên ngang tới uỷ lạo binh lính trại quân thời bình. Trên là trời, dưới ka-ki vàng, mũ đen, nhưng trông họ có vẻ hiền lành. Ba sĩ quan hướng dẫn viên cũng dễ thương. Nơi cư trú của các chàng la liệt bản nhạc, đàn, sáo, sách, báo. Được mấy cô, cậu học sinh khuyến khích, Minh, Khách chơi vài ngón guitar, ca vài bản nhạc Mỹ. Nhóm bạn học sinh hát theo. Tôi nhìn cây sáo tre treo trên tường và hỏi:

- Anh nào chơi sáo thế?

Khách chỉ Nguyễn:

- Tên gầy còm này.

- Vậy ư! Nguyễn cho nghe một bài nào đi.

Nguyễn lưỡng lự:

- Lâu lắm Nguyễn không cầm đến sáo.

- Cũng lâu lắm Dung không được nghe sáo. Nguyễn thử vài nốt cũng được.

- Dung muốn nghe bản nào?

Tôi chỉ bản “Chiều”, thơ của Hồ Dzếnh, nhạc của Dương Thiệu Tước trên bàn:

- Dung thích bài này.

Nguyễn cầm cây sáo tre lên miệng. Tiếng sáo cất lên nhẹ nhàng, uyển chuyển, xa vắng buồn và khi dứt, khách thăm viếng vỗ tay khen ngợi nồng nhiệt. Tôi tâm tình:

- Dung có thể nghe sáo hoài được. Học sáo có khó không hả Nguyễn?

- Dễ lắm. Nguyễn học lấy đây.

- Thật ư! Dung có mấy quyển vở chép bài hát nhưng để lại Hà Nội và chẳng biết một thứ nhạc cụ nào.

Nguyễn sốt sắng:

- Để Nguyễn tặng Dung những bản nhạc này. Nguyễn thuộc hết rồi, không cần nhìn để thổi sáo nữa.

Tôi vội vàng từ chối:

- Cám ơn. Dung sẽ mua dần.

- Nguyễn tặng Dung bản "Chiều". Dung nhận nhé?

- Vâng, một bản thì được.

Tôi vẫn còn bản nhạc “Chiều” với tháng năm đề “Nha Trang 6/55” và chữ ký của Nguyễn. Xao xuyến, ngậm ngùi vẫn đầy lòng mỗi khi nhìn lại nét chữ quen thuộc và kỷ niệm không bao giờ quên...

Định ra chơi Nha Trang hai tuần, chúng tôi đã ở tới gần một tháng, vẫn chưa muốn về Sài Gòn. Nguyễn và các bạn sẽ có chương trình hấp dẫn, nếu chúng tôi ở thêm một tuần nữa. Lẽ dĩ nhiên khách Sài Gòn cũng muốn vậy. Nhưng vấn đề tài chánh có phần eo hẹp, chỉ còn đủ vé tàu trở về. Tiền tiêu vật bầy ngày không phải ít. Chúng tôi nhờ tới Trung Úy Nguyễn Công Bình xoay xở mua vé học sinh rẻ và hoàn trả sau. Chúng tôi đã ở lại chờ đợi một cuộc “phiêu lưu, mạo hiểm.”



Buổi chiều cuối tuần ấy, Nguyễn, Minh, Khách trong quân phục dã chiến xanh xám, trên xe Jeep đến đón năm cô cậu học sinh. Bấy giờ các chàng Biệt Động Quân mới nói sẽ đưa chúng tôi đi săn. Anh Minh, tuổi hơn hai bạn, đeo súng ngắn, ngồi trước tay lái. Bảo, Khách chia nhau ghé bên cạnh. Khách ngồi ngoài với cây súng dài. Nguyễn, Quyển ngồi thành xe hai bên băng ghế dưới của ba nòng. Nguyễn cũng ôm một cây súng dài và ngồi cạnh Ngọc Dung. Khi chúng tôi lên tới đèo Rù Rì, mặt trời vừa khuất sau dãy Trường Sơn huyền bí. Xe Jeep rẽ vào một cánh rừng âm u, rậm rạp. Đèn rọi sáng con đường mòn lồi lõm đất, đá. Cây cối hai bên đường quệt cả vào xe và người. Nguyễn, Khách lên đạn lách cách. Chị Minh Tâm hỏi:

- Trong rừng có những loại thú nào vậy?

Khách thản nhiên trả lời:

- Hươu, nai, sóc, thỏ, hùm, beo, rắn, hổ.

Tôi lo âu:

- Khi hổ tới thì làm sao?

Nguyễn buông hai tiếng gọn:

- Thì bắn!

Chị Kim Lan thắc mắc:

- Các anh bắn giỏi lắm à?

Vẫn ôm tay lái cho xe chạy từ từ, anh Minh lên tiếng:

- Hai tên kia chỉ biết bắn chi thiên thôi. Vì thế hôm nay Minh tôi mới phải mang súng theo hộ tống.

- Sao anh không lấy súng ra và lên đạn đi?

Khách trả lời thay tài xế:

- Hắn bắn giỏi hơn cả cao-bồi trong phim Western Mỹ. Khi nào hổ tới, hắn rút súng vẫn còn kịp.

Tôi nhìn sang Nguyễn, với câu hỏi trong mắt. Anh hiểu ý, nghiêm trọng gật gù. Tôi hỏi hộp:

- Đã gần đến chỗ có hổ chưa, Nguyễn?

- Cũng gần đâu đây. Đã nghe thấy mùi hôi rồi.

Một cậu học sinh khôì hài:

- Hổ không bao giờ tắm nên hôi nhỉ?
- Đúng vậy. Hổ ăn thịt dã thú sống, thịt người và có khi nào đánh răng đâu.

Lạnh rợn truyền nhanh tứ thân, da tay nổi gai sần. Rừng sâu im lặng chờ đợi những nguy hiểm bất ngờ...  
Bỗng Khách nói:

- Hình như có điểm sáng đằng xa. Có lẽ là chồn hay thỏ.

Anh Minh dừng xe thật êm. Khách nhanh nhẹn nâng súng lên nhắm. Một tiếng đoàng chói tai. Các tiểu thư giật mình, la thất thanh. Một con vật bắn tung lên. Xe lăn bánh chậm chậm. Khách, Nguyễn cùng nhẩy xuống. Tay ôm mặt, tôi hé mắt nhìn qua khe ngón. Khách lượm con vật bị trúng đạn và giơ cao cho mọi người coi. Một con thỏ! Da thịt hình như vừa bị châm chích nhói đau, tôi cuống quýt:

- Các anh thả cho nó chạy đi!

Nguyễn cười vang:

- Thỏ chết rồi, chạy đâu được.

Các chàng thích thú ngắm chiến lợi phẩm. Tôi nhăn mặt:

- Ghê quá, thôi đừng đi săn bắn nữa!

Chị Kim Lan cũng lên tiếng:

- Gặp thỏ đã khiếp đảm thế này, gặp ông ba mươi chắc chết mất! Chúng mình nên quay lại.

Khách vẫn thản nhiên:

- Một thỏ làm sao đủ nấu rượu vang được. Phải tìm thêm một con nữa.

Chị Tâm tình nguyện:

- Tâm xin nhường, không ăn thịt thỏ bị bắn chết.

Bảo, Quyên chưa được cầm cây súng bắn phát nào, chưa thỏa mãn máu anh hùng, đòi tiếp tục cuộc săn. Chúng tôi đành chiều quý vị trai trẻ đi sâu vào rừng. Hình như dã thú sợ hãi chạy trốn hết, không một con lộ dạng. Các chàng bèn dừng xe bắn vu vơ lên những ngọn cây đen thẫm dưới ánh

trắng non. Chim muông hoảng hốt bay loạn xạ. Nhưng không con nào gãy cánh rơi, chỉ thấy cành lá rụng rơi. Minh, Khách chỉ cho chị Tâm, Lan nổ vài phát súng. Tôi khoanh tay đứng xa vài bước nhìn mọi người. Nguyễn đến gần thì thầm:

- Dung tập bắn không?

Tôi lắc đầu:

- Chịu thôi. Tập để làm gì?

- Để gặp hỏ còn phòng thân được.

Tôi rùng mình, khoanh tay ôm ngực chặt hơn. Nguyễn trấn an cô bạn nhỏ:

- Nói đùa Dung đấy. Ở đây không có hỏ. Phải vào sâu năm bảy cây số nữa mới gặp. Nếu ông ba mươi có lảng vảng nơi đây thì cũng đã chậm chậm về hang vì những tiếng súng từ nãy giờ. Súng này của Nguyễn bắn nhẹ lắm, không nổ lớn và giật mạnh như mấy cây kia. Dung thử nhé. Đi sẵn mà không bắn thì có chuyện gì để kể.

Nghe có lý, tôi nhướn miệng cười gật đầu, vụng về nắm hờ cây súng Nguyễn đưa. Đứng sát đằng sau, hai cánh tay vòng qua vai tôi, anh chỉ cách cầm súng, nhắm một cành cây cao và bóp cò. Nhưng chuyện đâu giản dị vậy! Tay chân lóng ngóng, tôi nghe rõ nhịp tim dồn dập, môi má rục nóng. Mùi áo dã chiến và hơi thở của Nguyễn gần gũi. Ngón chỏ tê liệt. Cò súng không nhúc nhích. Tôi định rút tay lại, bỏ cuộc. Nhưng Nguyễn giữ tôi đứng yên trong vòng tay, để ngón chỏ của anh lên ngón của tôi và bảo tôi sẵn sàng. Tôi run rẩy, không biết vì sợ súng hay vì cảm giác con gái lần thứ nhất va chạm thân thể người bạn trai. Có lẽ cả hai. Tôi khép mắt chờ đợi. Một tiếng nổ chát chúa! Vai tôi dội mạnh ngực Nguyễn, tay buông rời cây súng. Nếu anh không giữ súng chỉ thiên, nó đã chĩa vào mọi người. Tôi bàng hoàng đứng ngây. Nguyễn cười lớn:

- Thấy không, Dung bắn giỏi lắm. Bao nhiêu lá cây rụng.

Biết bị trêu chọc, tôi nhìn Nguyễn trách:

- Dung sẽ không chịu mắc mưu Nguyễn dễ dàng nữa đâu.

Cây súng này còn mạnh hơn mấy cây kia phải không?

Nguyễn vẫn dụ dỗ:

- Nếu Dung không tin, Nguyễn lấy súng của Khách để Dung bắn thử nhé?

- Thôi ạ, Dung xin hàng!

Trở lại xe Jeep, tôi ngồi co ro như con mèo bị ướt, nhịp tim vẫn còn đập mạnh. Nguyễn đưa tay lên miệng làm loa, gọi mọi người:

- Chúng mình đồng về thôi. Thêm một phát súng nữa cô bé này ngất đi bây giờ.

Trên đường về, các chàng Mũ Đen lại biểu diễn lái Jeep như bay lên đèo, xuống dốc. Một bên vách núi cheo leo, một bên bờ vực sâu thăm thẳm. Hương núi thơm, hơi biển mặn. Gió bỗng lên cao, sóng xoải xuống thấp loang loáng ánh trắng xanh. Rừng núi thâm u vang dội tiếng cười ròn rã của bầy tâm hồn tươi trẻ, một thời đất nước vừa được thanh bình.

Cuối cùng rồi chúng tôi cũng phải lên tàu về Sài Gòn, tay ôm nặng san hô, vỏ tôm, vỏ sò. Nguyễn tặng tôi một vỏ ốc lớn, tuyệt mỹ. Tàu rời sân ga và những người đưa tiễn. Nha Trang khuất dần trong rừng núi xuôi Nam. Bao nhiêu kỷ niệm để lại. Bao nhiêu lưu luyến mang theo. Tiếng sóng biển dạt dào của những ngày hè 1955 như còn âm vọng trong vỏ ốc nhiệm màu. Kỷ vật nằm thân yêu trên bàn học của tôi qua suốt thuở học trò còn lại...

Sau nghỉ hè Nha Trang, Ngọc Dung đã bước vào tuổi mười sáu với hình ảnh người trai trẻ đã để lại nơi nàng một rung động đầu đời trong khu rừng Khánh Hòa, trắng non huyền ảo. Những lá thư màu xanh đều đều bay đi từ Phú Nhuận và được hồi âm từ trại Biệt Động Quân Đồng Đế với hàng chữ mực tím thẳng ngay. Sài Gòn nắng thì nhớ mưa thì

thương, băng khuâng len lén đi vào tâm hồn con gái để kết thành thơ:

### THƯƠNG THƯƠNG

Trời Sài Gòn mưa mưa, nắng nắng,  
Biển Nha Trang cát trắng thùy dương,  
Thư xanh, mực tím thương thương,  
Tuổi tôi mười sáu Trung Vương học trò.

(Tình Thơ Học Trò, 1955)

Khi nghe tôi kể chuyện Nha Trang hấp dẫn ấy, cô bạn nào cũng ao ước ngân ngơ. Đi săn bắn, dạo biển mỗi buổi chiều không thể thực hiện ở Sài Gòn. Kim Dung mượn được ông bác cái thẻ hồ tằm Sĩ Quan Bình Hòa, cùng các bạn Thu Hòa, Tú Anh, Thái Lan và tôi hằng tuần một, hai lần rủ nhau đi bơi. Đã từng uống nước Hồ Tây, Nghi Tàm, từng ném nước biển mặn Nha Trang, tôi chỉ cho các bạn nổi lênh bênh năm, mười sai. Kim Dung chơi rất giỏi bóng bàn từ những ngày Hà Nội, dạy các bạn môn thể thao này ngay trong Hội Quán Sĩ Quan. Trên đường về, đôi khi chúng tôi ghé chợ Bà Chiểu mua chôm chôm, tầm ruộc, trứng cá, bòn bon..., vừa đi xe đạp, vừa nhâm nháp. Có lần các cô rủ nhau thăm viếng Lăng Ông, đền thờ Tổng Trấn Gia Định Lê Văn Duyệt, danh tướng thời Nguyễn Phước Ánh. Nghe nói mộ chỉ chôn hình sấp. Hải cốt được an táng tại Mỹ Tho, quê ông. Lũ học trò con gái cũng khăn vái, xin xăm, đọc xăm chẳng hiểu gì, cười đùa vang rộn cảnh sùng bái. Chuyện ngoài đời phức tạp, xa lạ lắm, tưởng như không bao giờ xảy đến với những nàng thiếu nữ hồn nhiên, vô tư đó.

Xem chiếu bóng cũng là một cái thú không thể thiếu trong thuở học trò. Mỗi phim là một cuộc du lịch lôi cuốn

bằng hình ảnh đi Tây, đi Ý, sang Anh, sang Mỹ, trông rộng, nhìn xa. Bao nhiêu tuyệt tác văn chương, văn học, khoa học, lịch sử thế giới được biết với cái giá vé đồng hạng 5 đồng. Gần như ngày cuối tuần nào các cô cũng chen lấn, xô đẩy với các cậu cùng trang lứa trong những rạp, đông đúc Đại Nam, Vĩnh Lợi, Lê Lợi, Casino... để rồi mơ mộng trong *Singing In The Rain*, nức nở với *La Valse Dans L'Ombre*, hay thần thờ vì *Gone With The Wind*... Cha mẹ thường nhắc nhở: "Đi ciné vừa tốn tiền vừa mất thì giờ học hành, học đòi lãng mạn, nhảm nhí." Nhưng con cái vẫn trốn đi xem cho hết những phim mê thích, khi thì nói đến nhà bạn học chung, khi thì đi dự sinh nhật, đi mua sách... Cha mẹ đâu biết các tiểu thư nói dối như Cuội, đáng bị đẩy lên cung trăng...

Nắng chưa úa tóc, hè đã qua mau như câu chuyện thần tiên thơ mộng. Ngày khai trường lớp đệ tứ vào đầu tháng chín mùa thu miền Bắc. Ước gì cái nắng chang chang của Sài Gòn là nắng hanh vàng Hà Nội, không làm rịn mồ hôi, ướt áo mỏng. Nhưng cái nóng đã làm ửng đỏ da non má hồng.

Nữ sinh Trưng Vương vẫn học nhờ Trường Gia Long. Các cô trong cư xá Trước Bạ, nhà chúng tôi, đường Võ Tánh Phú Nhuận, vẫn đi học bằng xe buýt màu vàng đặc biệt đường tôi đến trường. Năm nay đã có nhiều tà áo dài, quần trắng ống hẹp hơn trong đám nữ sinh Gia Long. Đồng phục của chúng tôi là áo trắng thay màu lam Hà Nội, vì thời tiết miền Nam quanh năm nóng. Mùa xuân, thu, đông chỉ còn trong văn thơ tưởng tượng. Chúng tôi mặc áo trắng năm ngày. Được tự do ngày học cuối tuần, các cô đua nhau mặc áo hoa, áo màu. Tiền mẹ cho tiêu vặt, mua sách vở, may quần áo có hạn định. Chị Tâm và tôi nghĩ đến việc tự may.

Chị Tú, con gái bác Thiệp, nhà đầu dãy cư xá đã chỉ cho chúng tôi may cái áo dài đầu tiên và cắt sẵn mẫu giấy để rập theo, cắt những áo khác. Lần thứ nhất còn lúng túng, vài cái sau chị Tâm và tôi đã có vẻ lành nghề. Một công áo đưa tiệm có thể mua ba xấp hàng hay sách báo, vé xi-nê. Nghe Ngọc Dung khoe, Thu Hoà cũng muốn học may cho đủ tài công, dung, ngôn, hạnh.

Một buổi, biết có hai giờ vắng giáo sư, chúng tôi rủ nhau biến luôn. Hình như trong đời học sinh, cô cậu nào cũng “cúp cua” ít nhất một lần. Thu Hoà, Ngọc Dung không đến trường mà đi thẳng về phía chợ Bến Thành. Hoa ti-gôn hồng, bông giấy tím, hoàng anh vàng, hồng nhung thắm đỏ và bao nhiêu thứ hoa lạ leo nở bờ tường cao bên đường. Đôi khi quên cả sợ giáo sư hay bạn bắt gặp trốn học, hai cô kiễng chân hái vội đóa hoa bỏ cặp để đem về nhà ép sách. Những vần thơ cũng đòi bay theo tà áo học trò:

### CHÂN SON

Mười sáu em đang tuổi mộng mơ,  
Tâm hồn hoa bướm, áo đơn sơ,  
Chân son tha thẩn đường thơm nắng,  
Đẹp nét cười nghiêng nón bài thơ.

(Tình Thơ Học Trò, 1955)

Thơ Ngọc Dung dịu dần niềm nhớ thương Hà Nội. Nàng bắt đầu mơ màng hình bóng nào đây? Cho đến khi trường ban bích báo của lớp xin bài, tôi đã viết một truyện ngắn quá dài. Càng đọc lại, càng thấy nhân vật nam trong truyện giống... Nguyễn. Thầm mắc cỡ, tôi đã giấu kỹ và để mai một đoạn văn đầu tay...

Qua đường Lê Thánh Tôn, hai cô vào chợ Bến Thành cho kín đáo, khỏi lộ diện nữ sinh bát phổ trong giờ học. Khuôn chợ được xây cất từ năm 1914. Cửa chính của chợ có tháp đồng hồ cao và nhìn ra bùng binh sầm uất, tấp nập của nhiều đại lộ đi tới như Trần Hưng Đạo, Hàm Nghi, Lê Lợi, Lê Lai.

Định rằng đi chợ mua hàng may áo, chúng tôi vẫn không thể bỏ qua la cà những sạp bày bán quần áo, đồ lót, khăn tay, đồ nữ trang giả trông như thật... Những xấp vải đủ màu, đủ loại chông chắt, ngất cao làm chóng mặt khách mua ngắm. Đi gần hết nửa vòng chợ không tìm được thứ nào, chúng tôi đành phải đi ra mấy tiệm vải bên ngoài. Thu Hòa chọn một hàng nilông màu hồng tôm. Tôi lựa màu xanh da trời nhạt như màu giấy viết thư của Nguyễn. Chúng tôi cũng trả giá thấp, mặc cả từng đồng như các bà nội trợ thực thụ vì sợ hớ. Chứ sao, bớt được năm đồng có một cái vé xi-nê đồng hạng đấy!

Về đến nhà Thu Hòa, chúng tôi nói dối, lớp không có giáo sư, được về sớm. Hai cô bắt tay vào việc ngay. Thân hình thanh gầy, cô bạn mặc áo tôi hơi rộng, nhưng lại thích vẽ tiểu thư, kín đáo, nên nếp như vậy. Tôi lấy mẫu giấy cắt áo và phụ Thu Hòa ráp, lược. Cô bạn tôi con nhà giàu, khuê các. Nàng biết dùng cái máy may chỉ là một trong tứ đức thực nữ trâm anh cần phải có. Vài lần đi học sớm, tôi giúp Hòa luồn tà, vắt gấu, đơm khuy. Việc này nữ sinh Trưng Vương nào thời chúng tôi cũng phải cảm ơn cô Trinh, giáo sư nữ công. Tuy nhiên, tôi cũng học khâu may ở mẹ rất nhiều.

Ngày thứ bảy sau đó Thu Hòa và Ngọc Dung hãnh diện rủ nhau mặc áo mới đến trường. Từ đó cho đến ngày lên xe hoa theo chồng, tôi không tốn tiền công may dù những áo hàng lụa, hàng voan, kim tuyến mặc Tết hay dự đám cưới những nàng con gái đi trước.

Từ niên học đệ tứ này, Tú Anh lớn như thổi. Không thể ngồi bàn nhất, chúng tôi chuyển xuống bàn nhì. Tất cả đều



siêng năng học hành. Cô này sáng dạ, hay lơ mơ hơn cô kia chút xíu. Tú Anh cao to, thật thà, bạn bè làm sao theo vậy, không bàn cãi. Nhà Tú Anh trên đường Đoàn Thị Điểm, đi vài bước tới trường Gia Long. Thái Lan có nét xa xăm, bí ẩn như xứ sở nàng sinh ra đời và mang tên khi thân phụ nhậm chức ngoại giao tại Bangkok. Kim Dung hiền lành như ma-sơ, nhà ở gần trường đua Phú Thọ. Vì cùng tên Dung, chúng tôi thường xưng hô Kim, Ngọc với nhau cho dễ nói chuyện. Thu Hoà mảnh mảy, hay hạt nhất bọn. Nhà nàng trong một ngõ biệt thự lịch sự đường Ngô Thời Nhiệm gần trường, nơi chúng tôi vẫn tụ tập gặp nhau những buổi đi chơi. Số tôi đào hoa, cô bạn nào cũng xinh đẹp. Kim Dung có nét dịu dàng của Janet Leigh. Thu Hoà mắt to như Audrey Hepburn. Thái Lan phảng phất một chút Ava Gardner quyến rũ. Tú Anh không giống cô đào màn ảnh nào. Ngọc Dung mơ mộng tất cả nhân vật nữ trong các phim nàng coi.

Hai cô em gái tôi, Tường Vân năm nay đang học lớp nhất, Song Hà lớp ba trường Đinh Tiên Hoàng. Vân học rất thông minh chăm chỉ, cuối niên học chắc chắn có điểm cao không phải thi bằng Tiểu Học. Chỉ những học sinh dưới trung bình mới phải qua kỳ thi thấp nhất ấy của chương trình giáo dục. Em có nhiều hy vọng thi đậu đệ thất. Tuy còn học nhờ trường Gia Long, trường Trưng Vương vẫn là cái mộng của đa số nữ sinh Bắc kỳ di cư.

Em Khoa mới vào lớp năm và được hai chị đưa đi học cùng trường, không sợ bị lạc hay tai nạn xe cộ. Nhưng cậu vừa làm một màn nhảy dù không mở cánh trên sân sau cư xá. Một buổi mát trời, nghe tiếng reo hò dưới đất, Khoa chổng mông qua thành lan can, ngó xuống xem con nít chơi đá dế. Cậu em đã nhào luôn một đường vi vút. Trong khi những đứa khác hoảng hốt xanh mặt, Khoa lồm cồm bò dậy, thần nhiên coi dế đá nhau. Lạ lùng thay, mẹ khám người em rất kỹ lưỡng, không một vết sây xước.

Cũng thời gian này miền Nam có Trưng Cầu Dân Ý, trướat phé Bảo Đại. Hình nộm ông vua cuối cùng của Việt Nam bị đốt như vàng mã khắp nơi. Ông Ngô Đình Diệm được bầu Tổng Thống đầu tiên của nền Đệ Nhất Cộng Hòa, 26 tháng 10, 1955. Ngày Quốc Khánh của miền Nam có từ đó. Năm 1949, ông Bảo Đại được Pháp đưa về Việt Nam giữ ngôi vị Quốc Trưởng. Bó tôi thường lầm bầm:

- Cái tên Tây con ấy thì làm được việc gì!

Nên những lần phải xếp hàng cùng học trò trường Thanh Quan và các trường khác ở Hà Nội đi nghênh đón cựu Hoàng Bảo Đại hồi loan, tôi đã giấu cây cờ vàng ba sọc đỏ Việt Nam Quốc Gia và cây cờ Pháp, xanh trắng đỏ đằng sau lưng, không thềm vẫy tung hô khi xe ông này với cậu con Hoàng Tử Bảo Long đi qua Hàng Đẫy trên đường tới Biệt Điện.

Hỏi ông Ngô Đình Diệm mới được đề cử làm Thủ Tướng Quốc Gia Việt Nam, tôi hỏi ông thân sinh:

- Bó thấy ông Diệm có “được” không?

Ông gật gù:

- Diệm có vẻ chí sĩ thanh liêm, để rồi xem.

Ông Diệm đã chọn 7/7/1954 làm ngày chấp chánh Song Thất. Ông là người Thiên Chúa Giáo. Từ khi ông trở thành Tổng Thống phong trào theo đạo này tăng gia gấp bội. Muốn thăng quan, tiến chức thì cúi đầu rửa tội làm con chiên Chúa.

Gia đình chúng tôi từ hồi nào vẫn theo Nho Giáo, Khổng Mạnh, thờ cúng ông bà, tổ tiên. Ngoài bà ngoại, bố mẹ và bà nội không đi chùa, không cúng lễ ngày rằm mừng một. Nhưng chị Phương đã trở nên sùng đạo từ khi học trường Sơ Saint Paul Hà Nội. Chị vừa chịu phép rửa tội tại Dòng Chúa Cứu Thế, đường Kỳ Đồng. Tất cả anh chị em, bạn bè đều có mặt trong ngày lễ của chị. Mẹ không đến, cũng không cho bố hay, sợ ông la giận.

Vài tháng sau, một người bạn đến chơi, chúc mừng bố có con gái ngoan đạo, ông thản nhiên nói: “Đạo nào cũng dạy

người ta làm điều tốt. Con cái học được điều tốt, bố mẹ cũng mừng.” Cả nhà trút được mối lo âu, ông không khe khắt với vấn đề đạo giáo như chúng tôi tưởng. Những ngày giỗ Tết, chị Phương vẫn khăn vái bàn thờ nhà. Tòa Thánh La Mã đã cho phép con chiên mới được giữ phong tục tập quán cổ truyền Việt Nam để tránh những xung đột đạo, đời và Thiên Chúa Giáo thu thập thêm bản đạo.

Trong khi đó, Vũ vẫn đến thăm tôi. Tình bạn nhẹ nhàng, trong sáng, không một gợn mây. Một lần anh mời tôi đi Bình Dương. Có lẽ thấy tôi thích thú kể chuyện đi Cần Thơ với gia đình Kim Dung, chuyện Nha Trang với Nguyễn nên Vũ cũng rủ tôi đi chơi cùng với mấy người bạn khác. Các anh, các chị lớn bận lo công việc làm ăn và gia đình. Đây là dịp có người đưa đi du ngoạn vùng đất lạ ngoài thành phố, cô cậu nào không ham thích? Nhận lời Vũ, tôi nói dối bố mẹ đến nhà Kim Dung học làm bánh mứt. Tôi đã mang về cách làm bánh bông lan, mứt mật, mứt gừng dẻo... nên ông bà rất tin tưởng nơi con gái.

Thuở bấy giờ, lò nướng bánh chỉ là lò đất, than củi. Vài cục than hồng dưới nồi bột bánh, vài viên trên vung. Phải tiếp tục thay thế than đỏ cho than tàn. Than hồng quá, bánh cháy. Than không đủ nóng, bánh không nổi. Phải kiên nhẫn, đừng tò mò mở vung trước thời gian một giờ. Đừng ho, đừng nói to, hắt hơi lớn, bánh sẽ đổ sụp không chịu nổi lên nữa. Bánh khéo, nở cao, thơm phức mùi trứng, bơ, va-ni. Ăn thì ngon, nhưng phải đánh trứng mỗi sải tay...

Sau cuộc đi chơi Bình Dương với tôi, Vũ bị đổi đi làm việc ở Ban Mê Thuột. Trước khi rời Sài Gòn, anh trao cho tôi một lá thư bày tỏ tình yêu. Nàng vừa mười sáu tuổi, ngỡ ngàng không biết phải trả lời ra sao? Tự hỏi lòng, cũng chẳng hiểu có thương chàng hay không? Và, dù thương cũng chẳng dám nói thương, xấu hổ với mình, tội lỗi với cha mẹ, “con gái mới tí tuổi đầu đã lãng mạn nhảm nhí.” Nói

“không” thì e người bạn trai ở xa buồn. Nếu nhận được một thư đồng tâm tình ấy từ Nguyễn, tôi cũng sẽ có cùng một cảm tưởng như với Vũ vì coi cả hai là... “bạn thân.” Sau nhiều đắn đo, tôi hồi âm, nhưng tránh chuyện tình tự. Dần dần người con gái mơ tưởng nhiều hơn đến người viết những lá thư tha thiết. Mơ mộng như mọc cánh bỗng bay tâm hồn. Tôi muốn trở lại con đường kỷ niệm.

Trong buổi đi chơi với Vũ, tôi đã ghi nhớ tất cả đường hướng, nghĩ rằng một ngày nào đó sẽ dẫn mấy cô bạn trở lại. Quả nhiên khi tôi khoe hình ảnh và tả cảnh nơi ấy, các nàng cuống quýt đòi đi. Rồi như ngày nào ở Hà Nội mạo hiểm đi chùa Trầm, Tú Anh, Kim Dung và Ngọc Dung hẹn nhau tại nhà Thu Hòa một buổi sáng cuối tuần. Thái Lan là chị cả trong một gia đình đông con. Em út của nàng còn rất nhỏ. Thái Lan phải phụ với mẹ lo săn sóc gia đình, nên nàng không thể đi chơi một ngày dài với chúng tôi.

Bốn cái xe đạp phóng sang Đa Kao, qua cầu Bông, sông Thị Nghè, Lăng Lê Văn Duyệt, Hồ Tầm Sĩ Quan Bình Hòa, ra quốc lộ 13, con số rất dễ nhớ. Đường cái rộng thênh thang, vắng xe cộ, các nàng thong dong hàng đôi, hàng bốn, đón gió đồng quê mát rượi lùa tóc áo. Cách đây vài tháng tôi đã lúng túng, ngỡ ngàng ngấp ngòi trong xe Traction với Vũ và mấy người bạn của anh trên con đường này. Bây giờ, Vũ đang làm gì trên thượng du rừng xanh, núi đỏ, miền của nhà lá, mái dốc, sàn cao? Anh viết truyện hay thư cho người con gái đang nghĩ tới anh?

Chúng tôi dừng lại chợ Lái Thiêu. Những sạp trái cây đầy ắp, thơm lừng hai bên đường. Nào bưởi, na, cam, quýt, mít, mận, xoài, măng cầu, sầu riêng, măng cụt... Bốn cô chỉ chọn mua những trái nhỏ, ăn gọn ghẽ như chôm chôm, dâu da, bòn bon, vừa tiếp tục hành trình vừa tiêu thụ hết thức ăn, đồ uống, trái cây lúc nào không hay.

Đi gần ba giờ đồng hồ, mới tới chợ Búng, lâu hơn thời gian dự tưởng. Thì ra, Thủ Dầu Một cách Sài Gòn 30 cây số chứ không phải 20 như tôi bé cái lầm. Cũng may đường đi bằng phẳng, dễ dàng. Qua nhà vị hôn thê của bạn Vũ, Ngọc Dung kéo sụp cái nón và nhìn thẳng, sợ bị nhận diện đang dẫn mấy cô bé khác cũng chẳng lớn hơn đến tận Bình Dương.

Chùa Sư Nữ hiện ra vào giờ ngọ. Mặt trời chói chang, bóng người đè lên bóng xe đạp. Chúng tôi dựng xe ngoài sân và ngồi nghỉ trên thềm chùa. Hình như kiến đang bò bụng, sục sạo bực mình vì ném phải những vị trái cây chua. Bỏ giày dép bên ngoài, các cô nhón gót bước vào trong chùa. Trên điện thờ chỉ có vài bát nhang đã tàn, mấy bình hoa cúc vạn thọ, huệ trắng, chẳng ăn được. Xung quanh cũng không có một lu nước. Chúng tôi nhìn nhau thâm thì với đầy tư tưởng ám muội:

- Giá trên bàn thờ có mấy trái chuối ngự nhỉ?
- Có vài cái oản cũng đỡ!
- Hay xôi nếp lạt, xôi hoa cau!

Không muốn đứng đây để nghe những món làm đói thêm, tôi rủ các bạn:

- Chúng mình ra vườn xem có trái cây không?

Bỗng có tiếng hát thánh thót vẳng lại. Chúng tôi khẽ bảo nhau im lặng và rón rén đi theo thanh âm rất lạ ấy. Khi vừa nhận ra một ni cô đang tha thân trong vườn cây, tiếng hát ngưng bật. Sư nữ trẻ tuổi bẽn lễn quay gót, thoãn thoắt bước nhanh trên con đường mòn xuống đồi. Bốn cô con gái vội vã theo mau để rồi chung hứng khi tà áo xám tu hành mất hút bên trong một chòi lá. Nghe ngóng hồi lâu không thấy ni cô trở ra, các nàng lẩy máy hình chụp cho nhau. Thu Hòa dựa cột, ngược mắt mơ màng. Ngọc Dung hát trên bạn:

- “Em tôi ưa đứng nhìn trời xanh xanh. *Mang theo đôi mắt buồn như giấc mơ...* (Lời bản nhạc “Em Tôi” của Nhạc sĩ Lê Trạch Lựu)

Thực ra, thiếu nữ đang độ trăng tròn chưa hề vương vấn buồn khi đi chơi tíu tít với nhau. Được khen ngợi, được yêu thương, mong nhớ, cuộc đời tươi đẹp như bức tranh nhiều mây xanh, mây hồng. Các cô véo von đồng thanh tiếp:

- *“Vu vơ đấm đuổi vương ngàn áng mây. Bao đêm thắm đêm trên trời đầy sao sáng...”*

Tiếng ca hát hồn nhiên, cười nói riu rít vang rộn chốn tôn nghiêm. Thu Hòa đã có một tấm ảnh mang tựa đề “Em Tôi” như bài hát của Nhạc sĩ Lê Trạch Lựu. Những tà áo trắng tung tăng chạy nhảy qua lại con suối nhỏ đổ dốc. Ngọc Dung nhận ra chỗ Vũ nắm tay nàng đỡ qua giòng nước lấp lánh hôm nào. Hình như ánh mắt triu mến ấy còn vương trong nắng vàng rực rỡ trên khắp ngọn đồi. Thấy bạn thân thơ dưới một bóng dừa xanh mát, Kim Dung giơ máy ảnh đạo diễn:

- Đẹp lắm! Ngọc Dung đứng gần và ngả vào thân cây thêm chút nữa. Được rồi, một, hai, ba, chụp!

Đến lượt Thu Hòa giễu Ngọc Dung:

- Đúng quá! *“Em níu lấy cành dâu che giấu mộng ban đầu.”* (Nhạc bản “*Mộng Ban Đầu*”, lời NT Hồ Đình Phương, nhạc NS Hoàng Trọng)

Thiếu nữ ở tuổi chúng tôi còn rất e thẹn trong chuyện tình yêu, chẳng dám tâm sự với ai. Nhưng suy ta ra người, các cô tinh ranh lắm, nghi gì, đúng đó và thích chọc ghẹo nhau. Tôi cất tiếng hát tiếp theo Thu Hòa, lòng mở rộng cho mộng mơ ngập đầy. Giữa bạn gái, không e dè, ý tứ, chúng tôi thoải mái vui đùa. Cả bốn cái miệng cùng đồng ca tiếp bản nhạc “*Mộng Ban Đầu*” coi ngọn đồi thanh tịnh như hoang vắng: *“Nhớ về thăm em nhé, đừng quên nổi đường xa...”*

Từ ngày đi làm ở Ban Mê Thuật, Vũ vẫn đều đặn viết cho tôi những dòng thư thăm thiết, nhưng chưa một lần trở về. Mong gặp lại anh, nhưng rồi lo ngại: “Biết nói sao, đối đáp thế nào khi đứng trước một người thương yêu mình. Xấu hổ lắm!”

Ôi,  
*Cái thuở ban đầu lưu luyến ấy,  
 Ngàn năm chưa dễ đã ai quên.*  
 (Thơ Xuân Diệu)

Đường lên chùa lại vắng vắng tiếng hát trong thanh của người sư nữ. Chúng tôi ra dấu bất động và tiến rất nhẹ tới một chòi lá. Tiếng hát lại ngưng. Bốn nàng con gái thì ào ào chờ đợi ni cô ra, định sẽ chụp trộm một tấm hình. Sự im lặng kéo dài làm con đôi từ lúc vào chùa lại kéo đến. Chúng tôi đang vuốt bụng ngăn chặn những con kiến muốn nổi loạn bên trong, bỗng cửa chòi mở. Kim Dung đưa máy hình lên ngang tầm mắt định chụp, tôi cản bạn khi nhận ra không phải ni cô có tiếng hát. Một sư bà chấp tay trước ngực, nét mặt từ bi, đôi mắt lim dim và khẽ cúi đầu đi qua. Thôi rồi, chắc là một bà giám thị nhà chùa! Máy cô học trò cố nín cười và làm vẻ nghiêm trang, thong thả rời nơi chòi cắm như kẻ hành hương sùng đạo, không hề có ẩn ý.

Thấy rằng trong chùa chẳng có gì ăn và cũng không thể chịu đựng được con đôi lâu hơn nữa, chúng tôi lên sân chùa lấy xe đi. Với cái bụng lép xẹp, định ra phố chợ kiếm thức ăn, nhưng khi nhìn thấy cảnh sông Sài Gòn mênh mông chảy qua xã Phú Cường, các nàng lại phóng xe ra chòi hóng mát, bên nước thơ mộng. Và, muốn có một tấm ảnh cả bốn, nên chúng tôi phải chờ một lúc lâu mới nhờ được hai thiếu nữ có vẻ học sinh trong tỉnh đi tới chụp cho. Cái tật kiếng ba người vẫn không thoát khỏi dị đoan thông thường. Trong hình duy nhất chụp chung hôm đó, Tú Anh, Kim Dung, Thu Hòa, Ngọc Dung vẫn làm bộ cười tươi như hoa nở nhưng bụng đôi meo, gằn gắt xỉu...

Đến phố chợ, nữ sinh Trường Trưng Vương di cư vẫn yếu điệu không dám ăn những món lộ lộ thuộm như hủ tít, mì, hay canh bún đặc biệt bản xứ. Xa Sài Gòn 30 cây số, các

nàng vẫn e ngại vẫn nhân, công tử nào bắt gặp ăn uống xi xụp, không khác bị án treo. Che nón kín mặt, mỗi cô chén trắng một ly cối đậu đỗ bánh lọt, nước dừa, ngọt lừ, ngọt lừ, tươi tỉnh cả người.

Về qua chợ Búng, chúng tôi mua mấy nải chuối ngự vàng ung, phòng xa con đoi trở lại. Tới Bình Hòa, mấy ly đậu đỗ to nhất, ngọt nhất, mấy trái chuối thơm ngon nhất miền Nam cũng bị tiêu hóa hết trong cái eo nhỏ. Nếu đi thẳng từ Lăng Ông theo đường Chi Lăng về nhà tôi đường Võ Tánh, Phú Nhuận thật gần. Nhưng đi có nhau, về có nhau, gian nan cùng chịu, vất vả cùng cam, chúng tôi thu hết tàn lực về nhà Thu Hòa tầy trần. Được tiếp sức và khỏe lại, bốn cô vội vàng chia tay. Ánh nắng đã tắt, tôi sai chân đạp xe mau. Bố mẹ chắc lo âu ở nhà. Tôi không xin phép ông bà đi chơi Bình Dương, chỉ xin đi chợ Sài Gòn mua sách và hàng áo cắt may với các bạn...

Đó mới chỉ là một trong những phiêu lưu ngoài tầm mắt của cha mẹ trong thuở làm con gái ngấm ngấm bướng bỉnh, nói dối như tinh. Thế giới của chúng tôi không phải chỉ từ nhà đến trường và trở lại, hay từ phòng trước vào buồng sau, lên lầu, xuống bếp. Bên ngoài còn rất nhiều quyền rũ chúng tôi muốn khám phá, tìm hiểu. Cái thân con gái không có anh trai dẫn dắt, nên chúng tôi liều lĩnh vượt qua vòng kiểm soát của đấng sinh thành. Xin phép thẳng ngay chẳng bao giờ được.

Thật vậy, bố mẹ còn bầy đưa con ở nhà, không thể theo dõi và giữ chân mãi mấy cô con gái lớn hơn. Nhất là các cô đã đến tuổi hên hò, bay nhảy. Nói vậy cũng hơi quá, các cô chưa bay, mới nhảy thôi! Cuối năm ấy, chị Tâm cho tôi biết chị được mời đi dự một dạ vũ Năm Mới rất lớn và rủ tôi, không phải vì thích đưa em gái chỉ mặc áo trắng tron đi



cùng. Cô chị cần cô em đi theo để xin phép ông bà già dễ dàng hơn. Tôi từ chối ngay:

- “Bal” vào buổi tối, về khuya, không được đâu, bố la đấy!

- Hai đứa cùng đi chắc ông sẽ cho và không để ý.

- Không biết nhảy, Dung chẳng đi.

Chị Tâm khuyến khích:

- Học nhảy dễ lắm. Tâm sẽ chỉ cho Dung.

Tôi lắc đầu:

- Dung không thích. Nhưng, chị biết nhảy hồi nào vậy?

- Chị Kim dạy Tâm từ Hà Nội. Gần đây Tâm dượt lại với mấy anh bạn của chị Kim Lan. Cái “bal” này lớn lắm, “orchestre vivant”. Hình như tất cả sinh viên Sài Gòn sẽ có mặt. Được mời mà không đi thì uổng quá.

- Chị xin phép đi “bal” làm sao được?

- Mình nói dối đi ăn tất niên nhà chị Kim Lan.

- Thôi, thôi, đi khuya khó mà nói dối lắm.

Chuyện không được giải quyết, chị Tâm vẫn mượn máy hát, đĩa nhạc về tự dượt nhảy. Tôi đứng canh chừng bố mẹ lên thang. Nhìn chị bước theo điệu nhạc có vẻ dễ dàng, tôi cũng rập rình thân hình, chân căng. Thế rồi được cô chị thúc đẩy, tôi dần dần nhập cuộc. Những bước nhảy không khó, nhưng khó nhận điệu nhạc. Tôi nghĩ ra cách nhớ tên bản nhạc. *Le Beau Danube Bleu...* của Johann Strauss, chắc chắn là Valse. *Vaya Con Díos* chậm hơn... là Boston. *Tango Bleu* lẽ dĩ nhiên Tango. *Arrivederci Roma...* Rumba không sai được. *Rico Vacilon*, Cha Cha Cha, Ma-ní lấy chồng Chà Và nhất định phải là Cha Cha Cha. *River Kwai*, Paso như lính đi duyệt binh, dễ ợt. Sau thời kỳ đếm mỗi miệng, bước vũ đã đều đặn, nhịp nhàng. Chỉ có điệu Valse phải quay đến chóng mặt. Chị Tâm nói, chóng mặt thì đổi chiều, nhưng hứng lên, chị cứ quên làm con bé ngất ngư. Cô chị nói cho cô em nghe kinh nghiệm:

- Nếu không thích thì cứ nói, tôi bị chóng mặt.
- Còn điệu Beboop rắc rối, khó nhảy quá, muốn từ chối thì nói làm sao?
- Nói rằng, cảm ơn, tôi hơi mệt, tôi đau chân, không nhảy được điệu này.

Chưa bao giờ đi dự dạ vũ, nhưng tôi lên giọng thông thạo:

- Không được. Đến “bal” mà lại nói không biết nhảy thì quê quá. Không nên dùng câu cuối cùng để từ chối.

Sau vài tuần tập dượt, tôi cảm thấy vững dạ, có thể ứng phó mọi thử thách. Đêm 31 tháng 12, tôi mặc áo xanh nhạt mới may cắt, dài hơn đồng phục nhà trường một chút. Quần trắng, giày trắng bít ngón chân, cao gót thứ nhất trong đời. Cái ví nhỏ với khăn tay cùng màu áo dài và hai chục đồng để phòng ngã vào hàng bánh đa có tiền đền. Không trang điểm, không đeo nữ trang, tôi chỉ có chiếc vòng huyền đeo cổ chân trái. Một người bạn chị Tâm đi Côn Sơn về cho món quà làm bằng than đá, chị đeo tay rộng, tôi đeo chân vừa. Cô chị thoa phớt phấn hồng, tô nhẹ son đỏ. Áo hàng lụa đỏ, hoa đen gần chấm gót chân. Tóc nâu dài gọn sóng. Thân hình cao to, cân đối. Các bạn trong trường gọi chị, Tâm văm, Tâm voi. Các chàng gọi chị, Tâm Esther Williams. Chị thích tập thể dục, bơi lội và có cái răng khểnh duyên dáng. Không ai tin cô bé Dung cả đời không lớn, lại là em của Minh Tâm. Chị Tâm xin phép bố mẹ cho đi tới 10 giờ đêm. Tôi cự nự, chị giải thích:

- Phải xin sẽ về sớm như thế mới được đi. Không đúng giờ, mình nói không kiếm được taxi phải chờ anh của chị Kim Lan đưa về.

Trước khi đi, tôi thấy chị Tâm cứ thậm thụt nói chuyện với một chàng hàng xóm. Thì ra anh này cũng đi cùng với nhóm bạn trai học trường thuốc quen với các chị, nhưng sợ cha mẹ hai bên gia đình, nên không dám lên cùng một taxi với chúng tôi tới nhà chị Lan. Tại đây, chị Tâm làm đẹp

thêm với bộ hoa tai, chuỗi hạt đá đen và cùng các bạn thoa phấn, son đậm hơn, nước hoa xức thơm lừng. Áo quần được ngắm vuốt lại kỹ lưỡng.

Cuối cùng chúng tôi lên hai xe của các anh và đến một dinh thự lớn mà sau này là Dinh Phó Thủ Tướng, trước Sở Thú Sài Gòn. Tiếng nhạc dặt dìu từ bên trong vọng ra. Người đi vào lũ lượt. Phòng dạ vũ thật lớn, sàn đá hoa tràn ngập nam, nữ tung bừng. Ban nhạc đồ sộ. Nhạc khí rầm rộ. Tiếng trống, tiếng phèng như đập vào tận con tim bắt đầu nhảy Valse chậm, rồi Valse nhanh. Chưa ai mời, hai chân đã vấp vúi như đá vào nhau. Tôi không còn nghe được điệu nhạc nào. Khi nhận ra nhịp thì quên bước nhảy và ngược lại. Muốn làm nóng chân hay vì lịch sự, một anh trong nhóm mời cô bé đi theo chị. Ngọc Dung từ chối không suy nghĩ:

- Cảm ơn anh, xin để bản khác.

Các anh, các chị nhập vào làn sóng người trên sàn vũ. Tôi càng lo hơn, không thể vịn vai, chạm tay một người lạ mặt nào được. Từ ngày học nhảy, tôi mới ôm vai, nắm tay cô chị. Bỗng có tiếng người bên cạnh:

- Xin mời cô.

Tôi nhìn sang, “trời ơi, người ta mời!” Tôi cố nở một nụ cười gượng gạo:

- Cám ơn, tôi hơi mệt.

Rồi một người khác đến nghiêng mình trước mặt, tôi giả vờ cúi xuống nấn chân:

- Rất tiếc, tôi vừa bị đau chân.

Khi đã dùng hết những câu từ chối, tôi quyết định đi kiếm chị Tâm. Gặp chị tôi mừng rỡ:

- Chị ở lại chơi, Dung về trước đây.

- Sao lại về bây giờ? Còn sớm mà?

- Dung sợ quá, quên hết bước nhảy rồi. Cứ nói dối mãi, xấu hổ lắm!

Chị Tâm kéo tay tôi:

- Ra chỗ kia vắng người, Tâm chỉ lại cho. Điều này là Boston, một bước dài chậm, hai bước ngắn nhanh hơn.

- Dung nhớ mà, nhưng tự nhiên không thích nhảy nữa.

- Dung về bây giờ, ông bỏ hỏi Tâm đâu thì làm sao? Vừa tới đã bỏ về, kỳ quá!

- Thôi được, bây giờ 11 giờ. 11 rưỡi mình về nhé?

Cô chị gắt nhỏ:

- Qua 12 giờ mới là nửa đêm mà Dung đòi về 11 rưỡi, người ta cười mình quê đấy.

”Đúng, thật trẻ con vớ vẩn, đã bằng lòng đi rồi lại đòi về, tội nghiệp cho các anh chị đang vui chơi,” tôi thảm tự trách và đành chấp thuận:

- Vậy, qua mười hai giờ mình về liền nha!

Chị Tâm lại biến mất trên sàn chật ních người dập diu. Tôi nghĩ ra một chiến thuật mới, di chuyển từ chỗ này qua chỗ khác. Người ta khiêu vũ cả ngoài hành lang. Tầng trên, tầng dưới, chỗ nào cũng là sàn nhảy, chỗ nào cũng nghe tiếng Tây xì xồ. Thời điểm cuối năm 1955, một số quân đội Pháp còn luyến tiếc mảnh đất thuộc địa sau một trăm năm làm chủ, vẫn chưa chịu rút lui khỏi miền Nam. Tiếng Pháp còn rất thịnh hành. Những cô gái miền Nam tân thời, áo thật dài, thật mỏng, bó sát thân hình. Khăn choàng voan hồ hững thả dài từ bờ vai xuống cái eo khêu gợi. Lông mày các cô cao nhỏ, đánh đen thậm, môi son đỏ chót. Họ khác hẳn nữ sinh Gia Long mộc mạc tôi gặp hằng ngày trong trường. Để canh chừng các chàng “con nuôi” Chasseloup Laubat, tôi luôn luôn liếc ngang, liếc dọc. Chàng nào tới gần, tôi lảng đi chỗ khác ngay. Cứ như thế tôi thoát được mấy lần sắp bị mời, không phải từ chối.

Bỗng “La Valse Dans L'Ombre” trỗi lên, mưa hoa giấy đỏ xuống, giao thừa đã qua, năm mới đã tới. Tôi vừa bước sang 17 tuổi ta, còn bé bỏng hay đã lớn? Tự nhiên xao xuyến buồn, một nỗi buồn không tên, không duyên cớ? Hình như

người ta thường có cảm tưởng này mỗi khi nghe bản nhạc tiền biệt “Auld Lang Syne” và không có người yêu bên cạnh. Nếu Vũ ở trong đám người trai trẻ trước mặt nhỉ? Nếu Vũ tiến lại mời, có lẽ tôi sẽ không ngần ngại nhận lời để anh nắm tay. Tôi sẽ ôm vai anh và bước theo điệu nhạc ấy trong vòng tay anh...

- S'il vous plaît?

Lời mời “Xin vui lòng?” của một người vừa tiến tới đưa tôi ra khỏi phút mơ mộng:

- Non, merci! Tôi không biết bản này. Xin... lỗi, tôi phải đi kiếm chị tôi.

Trả lời như một cái máy và cảm thấy “quê oi là quê,” tôi vội vàng rời chỗ. Chị Tâm còn đang lả lướt trong điệu nhạc. Trông thấy cô em, chị làm bộ quay đi. Không muốn phá cuộc vui của chị và các bạn, tôi ra ngoài hành lang lúc này đã vắng. Đứng ngay trước cửa ra vào cho an ninh, tôi vẫn sợ bị “mẹ mìn” bắt cóc như thuở nhỏ. Tôi cho cô chị thêm nửa giờ ân huệ nữa mới đi vào kéo nàng ra khỏi đám đông. Một anh bạn lịch sự theo tới ngoài, đòi đưa chúng tôi về. Nhưng đó là một điều thất sách, các cụ đứng chờ công bắt quả tang thì hết đường chối cãi. Chúng tôi lên taxi. Các bạn chị Tâm vẫn còn ở lại với dạ vũ. May mắn hơn Cô Bé Lọ Lem, chúng tôi vào nhà bằng cửa sau khi bố mẹ đã ngủ say không biết chúng tôi về quá nửa đêm. Mơ mộng vẫn ở trong lòng kính màu hồng, chưa biến thành quả bí rợ đỏ...

Gia đình anh Uẩn, chị Nguyệt sau hai năm ở Nha Trang, đã dọn vào Sài Gòn, bên Hàng Xanh. Gia đình chị Kim anh Phúc ở khu Bàn Cờ. Hai chị thi nhau sinh con cái nhiều đến nỗi tôi không nhớ hết tên các cháu. Chung cảnh di cư, gia đình nào cũng sống eo hẹp. Anh chị em ít rủ nhau đi chơi. Những ngày giỗ Tết đã trở thành những buổi hội họp đông

đủ, vui vẻ nhất. Vì bố mẹ là con cả của hai bên họ nội, ngoại nên nhà chúng tôi tháng nào cũng có giỗ to hay nhỏ.

Mùa Tết, mẹ tôi sửa soạn làm các món bánh mứt cả hai tháng trước. Mứt khoai trong, dẻo. Mứt quất, mứt mận, mứt dứa, không xào trộn nhiều đường, còn ròn rọt ngọt. Chúng tôi thích phụ với mẹ để có thể chấm mứt trước, không phải đợi tới ba ngày Tết mới được ăn. Nhất là món bánh quế nước dứa, va-ni thơm lừng nhà. Thỉnh thoảng các cô đồ một cái thật dày, thật vàng, tự trả công vất vả. Vài ngày trước Tết, chúng tôi xúm xít gói bánh chưng với mẹ và làm riêng cho mình một cặp bánh nhân chay đậu xanh, đường thẻ đậm ngọt.

Theo thông lệ, mẹ nấu cỗ cúng tổ tiên vào chiều ba mươi. Hằng ngày chúng tôi “lươi huyền” không thích vào bếp, đã có người làm giúp mẹ. Tết đến, náo nức hơn, những món ăn đặc biệt hơn, chúng tôi phải thêm tay đỡ việc cho nhanh mới được ăn chóng. Món xôi vò toi từng hột, thơm mỡ gà. Món nộm sứa giòn, không úng nước mắm chanh trộn. Cắt chả quế hình quả trám sẽ có cơ hội nhấm nháp mấy miếng thừa, nên cô nào cũng tranh làm việc này:

- Mẹ ơi, con cắt chả quế nhé?

- Mẹ ơi, bày mấy đĩa giò, chả, mấy đĩa thịt gà?

Mẹ trả lời không ngừng tay làm việc:

- Mỗi thứ bốn đĩa. Đây, đây, không được ăn trước khi cúng, phải tội đấy!

Nồi nấu nào chúng tôi cũng thắp thơm nhòm ngó:

- Mẹ ơi, gà hầm được chưa?

- Mẹ ơi, bát nào bày bún thang, bát nào bày bóng, bày mực, măng hầm?

Món bóng, món mực của mẹ không đâu ngon bằng. Mực được thái thật mỏng, nấu thật mềm. Trên bát mực được bày hai góc giò, một góc trứng trắng mỏng thái chỉ, một góc lườn gà xé sợi, vị chi bốn góc. Con gái phải ý tứ, không bao giờ

được bày hay nói tới cái tiếng rất ky, “ba g...ó...c...” Giữa bát được điểm một lát trứng vịt muối như nhụy hoa. Bóng được ngâm rửa bằng rượu trắng pha gừng cho thơm rồi thả vào nồi nước dùng gà đang sôi. Khi nước sôi lại, vớt bóng ra liền. Bóng còn giòn tan, không nhũn nát. Trên bát bóng được bày mỗi thứ hai miếng thái mỏng: Giò lụa, thịt thăn trắng, trứng tráng vàng, cà-rốt đỏ tươi, đậu Hòa Lan xanh ngắt. Đây là những món khéo léo của mẹ mà các con thích nhất. Khi các món cỗ đã bày đủ trên bàn thờ, mẹ bảo thắp hương, nhưng tôi không bao giờ nhớ cứ phải hỏi lại:

- Thắp mấy nén hương, mẹ ơi?

- Ba nén... ấy, ấy, không được thôi, vậy thôi!

Hơi thở con gái bị tổ tiên chê không tinh khiết đấy! Bàn tay đàn bà không được bốc trà bỏ ấm nước, các cụ lo không được thơm tho! Quần lót tiểu thư được giặt kỹ rồi vẫn không sạch sẽ, không được phơi lộ liễu!

Giỗ Tết như trên, bà nội không đi lại được, ngồi từ giường lễ vọng sang bàn thờ. Bà ngoại và mẹ khẩn lâu nhất, kể lẽ mấy chục tên người đã khuất. Chúng tôi chỉ vái lạy lễ, chẳng biết cầu xin. Khi nhang sắp tàn, bà ngoại và mẹ khẩn tạ một lần nữa, con cháu mới được ngả cổ đánh chén. Bàn nhà ngoài cho bố, chú Hai Hương và các anh. Bàn trong cho phụ nữ. Một giường trải chiếu cho con nít. Một năm chỉ chờ đến ngày Tết để được ăn những món thích khẩu nhất.

Ngày hôm sau, mừng một Tết, chúng tôi lại được mừng tuổi tiền mới. Chú, bác, cô dì, bà con, hàng xóm, bạn bè ra vào chúc Tết tấp nập. Con cháu hội họp bài bạc say sưa. Đàn bà, con gái thích chơi tam cúc. Tượng sĩ tượng hồng đề tượng sĩ tượng đen, vui sướng hét lên như trúng số Kiến Thiết Quốc Gia. Xe pháo mã điều đề xe pháo mã đen, khoái trí cười rú như còi xe lửa qua cổng số chín đường Võ Tánh, Phú Nhuận. Tốt đồ đề tốt đen, la hò như quân reo ra trận. Từ từ trình làng, ngũ tử cướp cái, ai nấy ngăn tò te!

Đàn ông, con trai thích chơi bắt hời hợt hơn. Ngấp nghề nặn từng quân, từng nét chấm phá để rồi nhị tống cửu tiu nghiêu; tam tống bát té re; nhất ông cụ rút cửu sừng mê toi! Ai chán chơi bài thì ngã bàn cá ngựa tìm kích động cao độ. Đá nhau tàn nhẫn ngay trước cửa chuồng, đá dã man văng ra khỏi bàn, đá tiêu luôn xuống đất. Kẻ hả hê, kẻ tức điên người!

Cuối cùng tất cả vẫn xúm lại một bàn bầu cua cá cọp sôi nổi. Cả làng đặt cá, cọp, bầu, cua. Nhà cái lật ra gà, tôm, ôm tiền về hết. Cả làng đặt cua, bầu. Nhà cái xúc xắc chán chê cũng vẫn ra bầu, cua, bị thua sạch túi. Làm sao quên được những thú vui như pháo Tết nổ dưới mái gia đình!

Nhưng rồi những ngày nghỉ Tết cũng hết. Học trò lớp đi thi bắt đầu bỏ xi-nê, thưa xem báo, bớt đọc truyện, ngừng viết thư, phải chuyên tâm trí vào kỳ thi tháng sáu tới. Tuy nhiên những giờ học vắng giáo sư trong lớp, học trò vẫn không nghiêm chỉnh được. Các cô bàn trên quay xuống bàn dưới, tùm năm tùm ba đủ thứ chuyện. Tôi tháo dép, thoải mái ngồi hong đôi chân trên bục gỗ dưới gậm bàn. Một cô nhìn “đôi bạn đường” trần trụi của tôi, toang toang tuyên dương:

- Nếu bàn tay con Thúy Ái đẹp nhất lớp, thì bàn chân con Ngọc Dung xinh nhất lớp.

Cả chục con mắt đổ dồn xuống đôi bàn chân danh dự ấy. Nữ chủ nhân của chúng cũng để ra một phút ngấm vật sở hữu. Ừ nhỉ, trông “hai con bé” cũng có vẻ được so với những bàn chân Giao Chỉ khác. Những lời ca tụng tiếp theo:

- Chân nó nhỏ nhắn, đi dép đẹp!

- Chân nó đều đặn, mũm mĩm. Số sẽ nhàn hạ, sung sướng.

Cô nàng Lệ Dung tiến lên ra lệnh cho tôi:

- Ngọc đưa bàn tay trái ra đây, Lệ xem cho.

Cuộc đời còn rất vui tươi, êm đềm, chưa tin dị đoan. Bói toán chỉ là một sự tình cờ giải trí. Tôi ngoan ngoãn làm theo



lời bạn. Lê Dung bẻ tay tôi thẳng, gấp tay tôi cong, soi từng đường dọc, rọi từng kẽ ngang. Nàng xem sang bàn tay phải, trở về bàn tay trái của tôi rồi phán:

- Số Ngọc Dung không học cao, nhưng sống lâu, có nhiều con, nhiều chuyện tình cảm rắc rối, có chồng ngoại quốc, tha hương. Về già tốt.

Các cô và ngay bản thân tôi đều ngạc nhiên trước những chuyện xa vời, không thể tưởng tượng được ấy. Chẳng cô nào coi nghiêm trọng lời tiên đoán của cô thầy tướng học trò. Nhưng Lê Dung vừa buông tay tôi xuống, một chục bàn tay khác giơ lên, tranh nhau đòi được đoán số mệnh. Tôi trầm nghĩ, chắc Lê Dung bắt gặp tôi rong ruổi xe đạp trong vườn Tao Đàn, hay trên đường Duy Tân, với người bạn trai đẹp như Tây lai, nên bắt nọn? Tôi đang học vào bậc khá trong lớp, có lẽ nào sẽ không học cao. Tài xem chỉ tay của cô bạn không được tôi tin tưởng. Nhưng tuần tự những việc xảy ra sau này gần đúng lời tuyên bố của Lê Dung. Không những tôi, nhiều bạn học đã có chồng ngoại quốc và cả triệu người Việt có số xuất ngoại sau tháng 4, 1975, khi Cộng Sản cưỡng chiếm miền Nam...

Sài Gòn vẫn hai mùa mưa, nắng. Có ngày nắng vàng, mây xanh, hoa đỏ đường đi. Có ngày mưa tầm tã, mưa mềm nón bài thơ, mưa ướt áo học trò. Mưa đã khóc cho tôi hôm đó. Bố bắt gặp một lá thư Vũ gửi đến và mở đọc. Ông đã cho tôi hai cái tát nên thân, cấm chúng tôi không được gặp gỡ, liên lạc với nhau. Một tiên đoán của Lê Dung đã linh ứng.

Tuổi còn non, tinh thần còn yếu, người con gái đã sợ hãi tuyệt giao hẳn với người bạn trai. Giận hờn cha mẹ đã nặng lời, buồn khổ xâm nhập bước thứ nhất vào cuộc đời, không tâm sự được với chị em, bạn học, nàng có cảm tưởng chẳng ai hiểu mình. Hoa phượng ngoài song lớp, sau cơn mưa bão

phũ phàng, hình như rơi rụng không vương một cánh trên cành cho cô học trò tìm nguồn an ủi.

Còn hai tháng nữa tới kỳ thi Trung Học Phổ Thông. Tôi không tập trung được tâm trí trong bài thi, học đâu quên đó, học trước quên sau. Gấp sách lại, tôi không còn nhớ vừa học gì. Tuy nhiên Ngọc Dung vẫn giấy bút đi thi và có tên trên bảng kết quả. Tôi mừng đã đem về một phần thưởng tặng cha mẹ. Nhưng niềm vui như đã bay xa. Ngọn măng tơ vừa rụng hết tơ măng, thơ ngây vụt biến mất. Áng mây cô đơn, ngọn heo may buồn, sợi mưa hiu hắt đã dấp dính nhau tìm tới đời làm bạn với tâm hồn. Tuổi mười sáu ngọt ngào đến với tôi và cũng ghen ngào bỏ tôi đi...

**C**hẳng có gì ngạc nhiên khi Tường Vân thi đậu vào đệ thất trường Trung Vương. Dĩ nhiên em theo tôi đi học bằng xe buýt và có vẻ hãnh diện trong đồng phục trắng, huy hiệu xanh với ngọn đuốc đỏ gắn trên ngực áo. Nữ sinh Trung Vương chưa có đất đai riêng, vẫn học nhờ trường bạn. Năm nay các cô Gia Long đã đồng phục áo dài trắng, không còn bóng dáng chiếc quần đen ống rộng. Cũng như Ngọc Dung, Thái Lan, Tú Anh, Kim Dung “B”, Thu Hòa, đều đậu Trung Học Phổ Thông. Trừ Thái Lan rẽ đám sang đệ tam vạn vật, bốn nàng còn lại theo nhau học ban văn chương “C”.

Nhóm nhỏ bé chúng tôi thường rủ rì, rừ rì, khác hẳn “đảng” của Nguyễn Thị Thiều. Cô này có nét lai đẹp, con nhà giàu, học giỏi. Đảng viên của Thiều cũng xếp vào hạng học khá, xuất ngôn nhanh như nói tiếng lóng. Chỉ các nàng mới cướp lời nhau được. Đảng lớn con, ăn diện ngất trời phải kể đến Kim Bảo, Hồng Diệp, Vân Khanh... Kim Bảo và cô chị Ngọc Chát có biệt hiệu Everest, tên của ngọn Hy Mã Lạp Sơn. Bộ ngực hai nàng chẳng thua Jane Mansfield. Trái lại,

Hoàng Thị Vân có biệt danh Cô Bé Tí, thấp nhỏ nhất lớp. Cây Việt văn Nguyễn Thị Sâm gây xương cành lá, tóc xõa bờ vai. Ngoài ra còn có Thụy An, hai chị em Thục Chiêm và Mạnh Quang, Nguyễn Kim Dung “A”, Khúc Kim Dung, Phạm Thị Dung, Tiên Hồng, Thiên Hương, Diễm Khanh, Diệp Khanh, Tố Lan, Thiều Lan, Thanh Lan, Phước Liên, Kim Ngọc, Bảo Quỳnh...

Đệ nhị cấp rồi, nữ sinh làm dáng hơn. Nhiều cô đã thoa phấn, bôi son, mặc áo bó sát người, bị gọi lên văn phòng cảnh cáo vì tội mặc áo quá eo, quá mỏng. Bà Hiệu Trưởng, bà Giám Học, và Cô Tổng Giám Thị luôn luôn nhắc nhở chúng tôi phải mặc áo lót kín đáo, không hở lườn, hở ngực. Thiếu nữ bắt đầu học làm người lớn, nhưng cái tật ăn quà trong lớp vẫn không bỏ. Sênh mắt giáo sư, những quả ô mai khô hay ướt, trái cóc ngâm, miếng xoài tượng dầm, tầm ruộc chấm muối ớt được chuyển nhanh dưới gầm bàn học và bỏ vội vào những cái miệng ngọt, môi thơm.

Song, có thể che đậy thị giác, không thể bịt kín khứu giác! Một buổi học, chúng tôi đang yên lặng làm bài, bỗng mùi quýt bay vào những cánh mũi hấp hay. Các nàng hốt hoảng nhìn nhau như muốn tìm thủ phạm: ”Con nào ngu quá vậy? Cái mùi bay tới bàn giáo sư thì chết cả lớp bây giờ!” Cô Ninh đẹp nhưng rất nghiêm, thường răn dạy: ”Các em phải tập trung tâm trí nghe giảng bài, làm bài, học hành đúng đắn mới giỏi được. Ăn quà trong lớp, các em sẽ bị hạnh kiểm xấu...” Lời đe nẹt vẫn dịu dàng nên học trò vừa kính sợ, vừa kính mến giáo sư. Giờ sử địa của cô, chúng tôi ngồi học đàng hoàng nhất. Vậy mà hôm nay, “con” nào dám liều lĩnh ăn món oái ăm kia? Chúng tôi lo lắng chờ đợi giây phút cái mùi vô trật tự bay tới bàn cô Ninh. Cuối cùng cô đã nhìn lên những khuôn mặt lấm lét và lắc đầu mỉm cười dung thứ. Cả lớp biết vừa thoát được tội lỗi, vui mừng cười rộ theo trong tình thầy trò thương mến...

Vừa khai trường vài tuần, Ngọc Dung nhận được một lá thư lạ có địa chỉ Cần Thơ. Hồi hộp tưởng có tin Vũ, người trong sâu mộng, tôi mở thư đọc và thất vọng. Người viết tự giới thiệu tên Nguyễn Trung, quê Sóc Trăng, học ở Cần Thơ, em trai của một nữ sinh tôi gặp tại Biệt Thự Thánh Tâm Đà Lạt hè vừa qua. Tôi nhớ lại người con gái đó chỉ lớn hơn tôi một hay hai tuổi, tên xinh đẹp như người, Kiều Hoa. Trong một buổi họp mặt trao đổi văn nghệ của chương trình tĩnh tâm, chị Tâm, Kim Dung và tôi đã đồng ca hai bản mà ai cũng thuộc, “Chiều Quê” của Nhạc sĩ Hoàng Quý và “Làng Tôi” của Nhạc sĩ Chung Quân. Kiều Hoa lấy tên và địa chỉ của tôi cho cậu em trai liên lạc làm quen. Ngọc Dung đã đem thư người con trai miền Nam cho các bạn cùng xem. Nếu thư tình chắc chắn nàng giấu kín. Tuy đã quyết định nhưng tôi vẫn hỏi các bạn:

- Có nên viết trả lời không?

Tú Anh tính ba phải, giữ im lặng. Kim Dung lên tiếng:

- Kim nhớ, người con gái tên Kiều Hoa rất dễ thương chúng mình gặp trên Đà Lạt. Xem thư, cậu em cũng có vẻ đứng đắn. Ngọc nên trả lời cho lịch sự.

Thu Hòa thêm ý kiến:

- Anh chàng muốn tìm hiểu dân Bắc Cờ. Mình tìm hiểu dân Nam Cờ, nhất là miền Lục Tỉnh càng thú vị.

Thái Lan thường ít nói, hôm ấy bỗng dặn dò:

- Cẩn thận, các cụ tưởng tình tứ gì đó lại bị mắng đấy!

Tôi hỏi âm Nguyễn Trung. Sau vài lần thư từ qua lại, tôi được biết người bạn mới cùng tuổi tôi, cũng vừa đậu Trung Học Phổ Thông, thích vẽ, có thầy dạy người Pháp, đã có tranh triển lãm ở Cần Thơ. Ông thầy khuyên học trò nên theo đuổi ngành hội họa. Trò đang phân vân và hỏi tôi nghĩ thế nào? Trời đất! Việc này hệ trọng quá, tôi không dám có ý kiến. Trong gia đình, dưới ảnh hưởng cha mẹ, chúng tôi chưa khi nào nghĩ tới việc theo đuổi ngành nghệ thuật không thực

té này. Tôi đã viết cho Nguyễn Trung, có thể vừa học những môn căn bản vừa học vẽ cho đến hết bậc Tú Tài, rồi tính sau.

Họa sĩ trẻ gửi cho tôi một hình thẻ học sinh bé tí teo có chữ ký bằng cọ vẽ, sơn đen để đổi với hình cô bạn miền Bắc và hỏi tôi thích bộ môn nghệ thuật nào? Hồi âm, tôi thích học đàn, nhưng bị ông bố cấm, tôi thích hát, nhưng chỉ hát âm i một mình. Tôi thích thơ, nhưng chỉ làm thơ âm thầm và kèm theo một hình nhỏ 4x6. Nguyễn Trung yêu cầu tôi cho xem thơ. Tôi chép bốn câu làm tại lớp học khi nhìn ra sân trường lá vàng rơi. Người bạn thư trả lời, không làm thơ bao giờ, nhưng xin phép được sửa hai chữ xào xạc thành xao xác:

### DÙ LÁ TÀN PHAI

Lá bay xao xác nhớ thương nhiều,  
 Tâm tình năm tháng vẫn cô liêu,  
 Cầu mong lá rụng rơi về cội,  
 Dù lá tàn phai tôi vẫn yêu.

(Tình Thơ Học Trò, 1956)

Ngọc Dung nghĩ thầm, “anh Ba ngựa ngáy, có một cái dẫu tí tí thôi cũng đòi sửa thơ người ta.” Tuy nhiên, tôi vẫn đáp, đồng ý, “xao xác” nghe nhẹ nhàng, uyển chuyển hơn “xào xạc.” Ngoài ra Nguyễn Trung cho tôi biết rất thích bài thơ “Ngâm Ngùi” của Huy Cận. Tôi đi mua ngay bài hát Phạm Duy phổ nhạc ấy và mơ màng với hình ảnh “*Anh ơi hãy ngủ em hầu quạt đây, Lòng em mở với quạt này...*”

Học ban sinh ngữ cần phải xuất sắc Pháp văn, Anh văn. Nghĩ vậy nên Kim Dung, Thu Hòa và Ngọc Dung rủ nhau học tư môn này. Ông thầy của chúng tôi tên Quảng, bạn học của anh Thông, anh của Kim Dung. Lớp học là gian nhà ngang trong biệt thự gia đình Thu Hòa. Mỗi tuần chúng tôi

có hai giờ học với thầy Quảng, nhưng thường lâu hơn. Ông thầy sinh viên y khoa, đẹp trai, vui tính. Thu Hòa và tôi ngầm hiểu chàng là đối tượng của nàng. Hai cô bạn ngoại cuộc thường tìm cơ lảng ra vườn, lên nhà trên, xuống nhà dưới để “ông anh” và “cô em” có ít phút riêng tư. Tôn trọng tình cảm của người con gái còn rất e thẹn, chúng tôi chẳng hề nói một câu trêu chọc. Khuôn mặt đẹp như công chúa, hoàng tử của nàng và chàng vẫn hồng lên ánh rượu trước hai cặp mắt đồng lõa tinh quái của Thu Hòa, Ngọc Dung...

Tuy nhiên, những buổi học nên thơ đó chỉ kéo dài vài tháng thì chấm dứt. Kim Dung bỏ lớp sinh ngữ sang học vụn vặt và không thấy cần thiết học thêm Anh, Pháp văn. Lớp mới của Kim Dung có chị em Cao Mỹ Nhân, Cao My Nhân. Cả hai nổi tiếng có bộ tóc dài tha thướt gần chấm gót chân. Thuở đó “My Nương tân thời” đã có thơ đăng trên báo... Sự vắng mặt của Kim Dung ở bàn học mà chúng tôi đã ngồi chung với nhau từ năm đệ thất là một mất mát không nhỏ cho Thu Hòa, Ngọc Dung.

Trong lớp, chúng tôi chỉ được học sinh ngữ theo phương pháp từ chương. Học đọc, học viết, học thuộc lòng những bài thơ Pháp ngữ, Anh ngữ tả cảnh, tả tình viễn vông. Học tìm chủ từ, phân tách động từ trong những câu dài lê thê, không ăn nhập gì đến thời sự, thời cuộc cấp bách. Ngoài đường Tự Do, Nguyễn Huệ, Lê Lợi, Lê Thánh Tôn đã nghe nhiều tiếng Anh. Thịnh thoảng có phái đoàn học sinh Mỹ tới viếng thăm trường, trao đổi văn hóa. Chỉ một số ít các cô được theo học tư các lớp Anh văn đàm thoại mới dám tiếp xúc với khách ngoại quốc.

Chế độ thuộc địa Pháp đã cáo chung từ sau hiệp định Genève 20 tháng 7, 1954. Quân đội Pháp đã rút hết khỏi Việt Nam từ đầu năm 1956. Cố vấn Quân Sự Hoa Kỳ đã được thay thế để huấn luyện Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Phong trào học tiếng Anh bành trướng mạnh. Chúng tôi vẫn bị bắt buộc

lấy Pháp văn làm sinh ngữ chính. Anh vẫn chỉ là phụ. Tôi muốn xin bố mẹ cho học Hội Việt Mỹ như nhiều bạn cùng lớp. Nhưng phải đóng ba tháng học phí một lúc và cậu em trai cũng đòi đi theo, tôi đành để qua chuyện đó. Trong đời con gái, tôi đã bỏ bao ý định tương tự chỉ vì thương bố mẹ đã phải tần tảo, nhịn nhiều nhu cầu cho con cái.

Không may cho hai cô học sinh ban “C” chưa bao giờ học qua lớp đàm thoại sinh ngữ, lại nghiện xi-nê nặng. Một buổi Thu Hòa, Ngọc Dung rủ nhau đi coi phim “À l'Est d'Eden” đang chiếu tại rạp Eden. Thần tượng giới trẻ, James Dean đóng vai chính, đã tử nạn xe hơi khi mới 24 tuổi và vẫn còn được ưa chuộng.

Đường Tự Do buổi chiều Chủ Nhật vắng vẻ. Xe đạp, xích-lô không được tự do chạy trên đường này. Hành lang thương xá Eden mát lạnh. Rạp thưa ít người. Chúng tôi chọn một hàng ghế giữa để có thể thoải mái nhìn thẳng lên màn ảnh. Người bán hàng ôm bình kem, kẹo, bánh đi quanh. Chúng tôi mua hai cây Eskimo bọc sô-cô-la, ung dung ngồi tận hưởng từng miếng kem ngon ngọt tan trong miệng. Khi vừa ăn hết, chúng tôi nghe có người nói tiếng Anh đầu đây. Hai thiếu niên ngoại quốc ngồi xuống ghế bên cạnh Thu Hòa từ lúc nào và đang nhìn sang chúng tôi cười làm quen:

- Chào các cô.

Tôi hỏi khê Thu Hòa:

- Hai tên hỏi chuyện tụi mình đây hả?

Cô bạn thấp giọng:

- Còn gì nữa!

Lại có tiếng “How are you” nữa. Nghĩ rằng ngồi bên cạnh người hỏi, Thu Hòa phải trả lời, nếu không, bất lịch sự quá, tôi huých nhẹ cánh tay bạn:

- Phải trả lời họ đi chứ!

Thu Hòa đành làm vẻ nghiêm trang quay nghiêng sang hai người trẻ tuổi xừ lạ:

- Good afternoon!

Họ được đà hỏi tới tấp. Chúng tôi thay nhau trả lời đến quỳnh miệng và như cùng nghĩ thầm: "Phải tiếp cứu nhau mới thoát con nguy ngập." Từ thuở bắt đầu học Anh văn đệ thất, chúng tôi chỉ trả bài với giáo sư Việt trong lớp. Đây là lần đầu tiên chúng tôi dùng sinh ngữ ngoài trường học. Phần lớn phim ảnh được chuyển âm tiếng Pháp, phụ đề chữ Anh, Việt. Audrey Hepburn, Gregory Peck... không thêm nói tiếng Mỹ. Thật khó khăn mới hiểu được hai người đang ngồi bên. Nhiều câu họ phải lặp lại hai, ba lần. Đôi khi nhanh trí, chúng tôi dùng ngay những câu hỏi để đáp ứng. Nhưng, họ vẫn không nản lòng, chất vấn hai thiếu nữ Việt Nam liên miên:

- Hai cô học trường nào?
- Trường Trưng Vương.
- Chúng tôi không được nghe về trường này.
- Đó là một trường nữ trung học công lập Việt Nam nổi tiếng ở Sài Gòn.

Tôi hỏi lại:

- Các anh học trường nào?
- Le Quy Đôn. Các cô biết không?
- Chúng tôi biết. Đó là trường Pháp, trước kia có tên Jean Jacques Rousseau.

Hai nam sinh ngoại quốc vui mừng thấy hai nữ sinh bản xứ cũng có vẻ thông minh nên càng hứng khởi hỏi tiếp:

- Trường các cô ở đâu?
- Gần chùa Xá Lợi.
- Chùa Xa Loi ở đâu?

Tóc tai như muốn dựng ngược, không biết phải tìm một địa danh nào khác mà hai chàng ấm ở này biết đây? Tôi muốn réo gọi nhà thơ Anh: "Ông William Wordsworth<sup>6</sup> oi,

---

6 - William Wordsworth (1770-1850), Nhà thơ Anh.



trong thơ của ông không có cái vườn Tao Đàn, dịch nó như thế nào bây giờ?” - “Thì hỏi Lamartine<sup>7</sup> đi!” Mừng quá, Ngọc Dung đại dợt trả lời:

- Gân Jardin Botanique.

Trưởng chúng tôi giỏi tiếng Pháp hơn, hai kẻ ngoại nhân lại xô ra một tràng liên thoảng như súng liên thanh. “Hê hê, từ từ chứ, người ta là con cháu hai Bà Trưng thuần túy, không phải “con nuôi” của bà Marie Curie đâu nhé!” Nghĩ vậy, Ngọc Dung vội vàng ngăn chặn sự ào ạt của đối thủ:

- Xin lỗi, làm ơn nói chậm một chút. Chúng tôi cũng không nói giỏi tiếng Pháp đâu.

Thu Hòa phân trần:

- Chúng tôi chỉ học đọc, học viết, chưa nói chuyện với người ngoại quốc bao giờ.

Hai khán giả mũi lõ, mắt xanh, gật gù thông cảm và chậm rãi lập lại bằng tiếng Pháp:

- Trường của các cô ở gần Sở Thú nhìn ra Dinh Độc Lập?

Ngọc Dung nói như dịch từng chữ:

- Không, ở gần cái vườn không có thú, sau Dinh Độc Lập...

Có lẽ hai chàng chẳng hiểu được Trường Gia Long chúng tôi còn đang học nhờ ở đâu nên qua câu hỏi khác:

- Hai cô học lớp nào?

- Chúng tôi học lớp 10.

Từ đó hai cô học trò sinh ngữ bắt đầu pha trộn tiếng Anh với tiếng Pháp để cảm cụ trước sự ra quân như nước vỡ bờ của đối phương. Một chàng giới thiệu:

- Tôi là John, bạn tôi là Mike. Các cô tên gì?

Thu Hòa và tôi đưa mắt ngầm hỏi ý nhau. Hòa đứng đĩnh:

- Rất tiếc, chúng tôi không muốn nói tên.

Mike mỉm cười ranh mãnh:

---

7 - Alphonse de Lamartine (1790-1869), Nhà thơ Pháp.

- Các cô bao nhiêu tuổi?

Ngọc Dung bướng bỉnh:

- Con gái không thích nói tuổi.

Cười khì khì như hiểu ý thiếu nữ, John tiếp tục điều tra:

- Hai cô là chị em?

Để giản dị khỏi phải tìm câu trả lời rườm rà, tôi nói:

- Vâng, chúng tôi là chị em.

Hai nữ sinh Trưng Vương bị phỏng vấn không ngừng và phải vận dụng vốn liếng gần 5 năm học Anh, Pháp văn cô An, bà Đào, cô Phúc, cô Ngà, thầy Uy... để đối đáp. Ngọc Dung bắt đầu bạo dạn hơn hỏi lại:

- Các anh là người Mỹ, Anh hay Pháp?

- Chúng tôi là người Mỹ.

Thu Hòa xéп đặt một câu trả lời trước khi hỏi:

- Ba mẹ các anh làm việc ngoại giao?

Đến đây hai học sinh Hoa Kỳ nhìn nhau ngậm trao ám hiệu. Mike thản nhiên:

- Gần giống như vậy.

John đổi chuyện:

- Các cô có hay đi xem phim không?

- Thịnh thoảng.

- Chúng tôi có thể mời các cô được không?

- Cám ơn, chúng tôi không đi xem phim... với người lạ.

- Nhà các cô ở đâu?

- Phú Nhuận, xa lắm!

- Fu Nuan là đâu vậy?

”Ông Lord Byron<sup>8</sup> ơi, chữ phi trường của ông là gì? Cái thưở sinh thời của ông đã có chữ đó chưa?” - “Chưa, đã có máy bay đầu mà có trường bay. Mượn chữ của tài tử đẹp trai

---

8 - Lord Byron (1788-1824), Nhà thơ Anh

Pháp Alain Delon<sup>9</sup> đi.” Được lời như cởi tấm lòng, Ngọc Dung uốn cong lưng:

- Gần L'aéroport Tân Sơn Nhất.

- Đâu có xa. Chúng tôi có thể đến thăm hai cô được không?

”Hai chú lỏi này định giỡn mặt ông bà già hả?” Tôi đang nghĩ thầm, Thu Hòa lên tiếng:

- Non, c'est impossible!

- Tại sao không thể được?

- Chúng tôi bận lắm.

- Các cô bận gì?

- Chúng tôi có rất nhiều bài học, bài làm.

- Chiều nay các cô đi xem phim đấy thôi?

- Phim của James Dean, đặc biệt.

- Hai cô thích Jimmy hả?

- Hừ hừ!

- Các cô thích Jim ở điểm nào?

- Những điểm mà mọi người thích về James Dean.

Giới trẻ mê xi-nê. Chúng tôi hâm mộ James Dean vì tài tử "bô" trai này có vẻ mặt rất tội nghiệp. Ánh nét giận hờn, trốn tránh cuộc đời phảng phất trong đôi mắt buồn muôn thuở. James Dean được thương tiếc vì đã đột ngột chết trẻ khi đang thành công nhất. Nhưng con cháu hai Bà Trưng không dám phát biểu cảm tưởng một cách táo bạo vậy. Dù muốn cởi mở tâm tình, sinh ngữ của hai cô chỉ thích nằm lì trong sách vở ở nhà, ở trường, chẳng chịu bay đến rạp Eden bấy giờ. John trở lại đề tài cũ:

- Chúng tôi vẫn không hiểu được tại sao các cô không cho phép chúng tôi tới nhà thăm?

---

9 - Alain Delon: Tài tử màn ảnh Pháp

Thu Hòa và Ngọc Dung nhìn nhau bí sự. Tại sao đèn mãi chưa tắt, phim mãi chưa chiếu để chúng tôi phải vất vả tiếp chuyện quá lâu hai người bạn bất đắc dĩ này. Gần hết kiên nhẫn, tôi vẫn cố gắng giải thích:

- Cha mẹ chúng tôi không thích người lạ tới thăm con gái.

- Các cô nghĩ chúng tôi không tốt hay sao?

"Ông Rimbaud<sup>10</sup> ơi, làm ơn nói giùm, con trai bạn xứ cũng không được phép ló ngó đến nhà chúng tôi, huống chi hai chàng tóc vàng như râu ngô này!"

Thu Hòa lạnh lùng cố hừ:

- Đó là tập quán Việt Nam.

- Chúng tôi viết thư cho các cô được không?

"Hai cậu lỏi lải nhải hoài và ma-le quá! Cho số nhà để biết tên và lò dò tìm tới sao?" Nghĩ vậy, tôi lắc đầu:

- Rất tiếc, chúng tôi không đưa địa chỉ cho người lạ.

May mắn thay, vừa lúc đó đèn dần dần tắt, rạp tối lại. Thu Hòa, Ngọc Dung mừng rỡ muốn nhảy lên. Tuy nhiên, hai cái "Voice of America" có thể lại mở máy phỏng vấn bất cứ lúc nào. Phải rời ra chỗ khác mới yên trí ngồi thưởng thức cuốn phim được. Chụm đầu vào nhau, hai cô thì thầm như sợ người anh em của James Dean ngồi cạnh hiểu được tiếng Việt:

- Chuồn ra chỗ khác đi.

- Giả vờ đi toa-lét trước đã, không chúng nó biết mình sợ... thì quê quá!

Chúng tôi vừa đứng lên, có tiếng Anh hỏi:

- Các cô đi đâu vậy?

"Trời đất, vẫn chưa thoát! Phải nói với họ sao đây, phòng W.C. hay toilette?" Một giáo sư sinh ngữ đã dạy, không nên

---

10 - Arthur Rimbaud (1854-1891), Nhà thơ Pháp

dùng hai tiếng bất lịch sự đó với người lạ. Chúng tôi quên và cũng chẳng biết người ta còn có những chữ văn hoa hơn như “Wash Room, Rest Room, Ladies Room, Powder Room...” Nhưng phòng nào nghe cũng không thanh nhã qua miệng con gái. Sau vài giây ngập ngừng, Ngọc Dung cười dí dỏm trong bóng tối:

- We shall return!

Tôi không ngờ đã dùng câu nói lịch sử nổi tiếng của Tướng Hoa Kỳ, Douglas MacArthur khi ông này vẫy chào tạm biệt Phi Luật Tân và cùng Quân Đội Mỹ rút ra để quân Nhật tiến vào chiếm đóng xứ này trong thế chiến thứ hai.

Lách giữa hai hàng ghế ra lối đi, Thu Hòa, Ngọc Dung thở phào nhẹ nhõm và vào phòng rửa tay, ôm miệng cười cho hả. Khi ra, dĩ nhiên không trở lại ghế cũ, chúng tôi tìm một góc xa, phía sau hai công dân trẻ tuổi của đương kim Tổng Thống Eisenhower. Hai cô khúc khích thú vị, đã tránh được họ. Nụ cười vẫn chưa tắt trên môi khi hình ảnh John và Mike phảng phất giống hai nhân vật anh em của *East of Eden* hiện trên màn ảnh lớn. Đôi mắt u ám buồn của James Dean đưa hồn chúng tôi vào câu chuyện tình tay ba thơ trẻ...

Từ đó, mỗi khi mở tới sách vở Anh, Pháp văn của nhà trường, phải học thuộc lòng và đứng trước lớp trả bài như con vẹt, tôi lại hổ thẹn về cuộc gặp gỡ ngẫu ngộ, một kinh nghiệm quý báu với hai học sinh Hoa Kỳ thân thiện kia. Những bài thơ của Verlaine, Rimbaud, Byron, Wordsworth... có giúp gì cho chúng tôi trong đời sống hàng ngày, ngoài đường phố? Học viết và nói phải song song. Chúng tôi cần biết danh từ thực tế, tiện dụng hơn ngôn ngữ của những nhà thơ ngoại quốc lãng mạn, bệnh hoạn, điên khùng mà chính các bậc cha mẹ Việt Nam không muốn con cái vị thành niên bị ảnh hưởng, tấp tễnh muốn thực hành. Hãy để dành loại văn chương đó dạy cho sinh viên đại học đã trưởng thành,

biết suy tư nghiêm chỉnh cho cuộc đời. Văn, thơ ủy mị chỉ đưa dẫn những tâm hồn non nớt bay theo mây, khóc theo mưa, chân đi không chạm đường đến trường, luôn luôn mơ mộng về một thần tượng xa vời, không có trong cuộc đời.

Về Việt văn, năm nay chúng tôi phải học Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến... Ngoài kỹ thuật thơ, chúng tôi phải tìm hiểu tất cả cái thanh, tục, nông, cuồng, thâm thúy của tác giả. Nữ sinh học mà không được hành, lấp ló làm một câu thơ tình tứ lãng mạn là bị chỉ trích điều đứng ngay. Nhà trường chỉ chọn vài bài thanh nhất của Hồ Xuân Hương dạy cho học sinh. Ngọc Dung mò mẫm đi kiếm cho bằng được tập thơ của bà vợ lẽ ông Phủ Vĩnh Tường để xem nó tục như thế nào? Nhiều bài phải đợi đến khi có chồng, nàng mới hiểu những ý nghĩa tròn vo, méo mó, cay cú, thú vị tình thâm nhất của nữ sĩ họ Hồ.

Trong lớp chúng tôi, thầy Hối là giáo sư giảng văn. Ông hiền lành, dễ dãi, dễ kiêu tóc húi ngắn như sinh viên quân sự và giảng bài lời cuốn sự chú ý của học trò. Một hôm thầy dạy về thơ hát ả đào và thí dụ với bài “Gặp Cô Đầu Cũ” của cụ đồ Dương Khuê, “Hồng, Hồng, Tuyết, Tuyết...” Nghĩ tới bố tôi trông thật tức cười mỗi khi người ngời gõ đũa cả làm bép vào bàn và hát bài thơ này, tôi lập mưu tán thầy Hối:

- Dạ thưa thầy, hát ả đào như thế nào ạ? Thầy hát được không ạ?

Thầy Hối còn lúng túng chưa biết trả lời ra sao, cả mấy chục cái miệng con gái nhao nhao:

- Thầy hát cho chúng con nghe đi Thầy!

- Thưa thầy, được học luật thơ mà không được nghe ngâm thơ, không đầy đủ ạ.

- Đúng vậy, xin thầy cho chúng con nghe một bài thơ ạ!

Vị giáo sư bối rối:

- Tôi ngâm bài nào bây giờ nhỉ?

Biết thầy sắp mắc mưu, tôi nhanh miệng nhắc:

- Thưa thầy, Hồng Hồng Tuyệt Tuyệt ạ!

Cả lớp cùng hô và lặp lại tên người cô đầu của cụ Dương Khuê. Thầy Hối không thể từ chối, đành đành hắng lấy giọng. Cả lớp yên lặng đến độ ngạc nhiên, lắng nghe giáo sư giảng văn hát cô đầu. Thấy như có một cái gì thiếu sót, tôi bất ngờ cầm cái thước gõ nhịp theo. Tiếng ngâm dứt, cả lớp vỗ tay hoan nghênh vang dội. Thầy hả hê cười, cảm ơn học trò, rồi bỗng chỉ mặt Ngọc Dung:

- Thế ra chị cũng biết hát cô đầu hả?

”Chu chớ ôi, oan gia con quá! Mẹ của con là cô giáo dạy nữ công trước khi tòng phu là bố con ạ. Mẹ con không đi tới ngõ Khâm Thiên bao giờ.” Tôi vội vàng cải chính:

- Dạ thưa thầy, không. Con nghe bố con hát và gõ đũa hoà lên bàn mà không biết điệu này là hát cô đầu.

- Thế ông cụ thân sinh ra chị tên chi?

- Thưa thầy, bố con tên Nguyễn Văn Khôi ạ.

- Ông Khôi nào nhi? Có phải ông Khôi sở Văn Tự, Kho Bạc Hà Nội, ông Khôi Tennis không?

- Dạ thưa thầy, đúng bố con đó ạ.

- Vậy thì tôi cùng học trường Bưởi với ông, nhưng là đàn em. Ông thân sinh ra chị là bậc tài hoa. Chúng tôi đều khâm phục và biết tiếng ông. Thì ra là chỗ quen biết cả. Chị cho tôi gửi lời hỏi thăm ông Khôi nhé!

Về nhà, tôi chuyển lời thầy Hối tới bố. Ông cũng còn nhớ người bạn cùng trường trẻ tuổi hơn. Câu chuyện ngẫu nhiên này đã phá vỡ bức tường vô hình ngăn cách giữa tôi và bố kể từ ngày ông cho tôi hai cái tát lịch sử hơn nửa năm trước<sup>11</sup>. Bố tôi vẫn làm việc tại Sở Trước Bạ và không nghĩ tới việc bon chen, mưu cầu danh lợi khi sắp tới tuổi về hưu. Thời

---

11 - Bố của Ngọc Dung đã đọc được lá thư tình Vũ gửi cho tôi.

tiếng Tây của ông đã cáo chung sau năm 1954. Bây giờ, thời tiếng Mỹ mà ông không hề học một chữ. Có lần ông hỏi tôi:

- Bố thấy trên biển ngữ căng ngoài đường có những chữ w-e-l-c-o-m-e, nghĩa là gì hả con?

- Dạ, “welcome” nghĩa như “bienvenue” của tiếng Pháp.

- Đọc nó như thế nào nhỉ?

Tôi đọc chữ “welcome” vài lần để bố nhắc lại theo. Ông lại hỏi tiếp:

- Thế chữ l-o-n-g l-i-v-e có nghĩa là gì?

- Dạ, có nghĩa như chữ “vive” của người Pháp hô “Vive la France” ạ! Chắc người ta đang hoan nghênh tiếp đón mấy chính khách Mỹ.

Tuy nhiên, một hôm đi làm về bố tôi hi hả kể, ông gặp một bà đầm ở bến xe buýt chợ Bến Thành. Bà đang ngơ ngác thì trông thấy ông và hỏi bằng một câu tiếng Anh. Ông trả lời bằng tiếng Pháp rằng ông không hiểu. Bà ta vui mừng chuyển sang ngoại ngữ ông già bản xứ vừa dùng và hỏi xe buýt nào đi nhà thương Cơ Đốc, Phú Nhuận. Đó cũng là xe mà ông thường đi về nhà. Ông lịch sự mua vé và tháp tùng bà đầm tới tận cửa nhà thương của giáo hội Mormon Hoa Kỳ. Ông được dịp trở tài nói tiếng Tây với người đàn bà ngoại quốc vui vẻ mà gần như từ khi vào miền Nam ông không có dịp dùng tới.

Vì áp xuất huyết cao, bố tôi phải kiêng không ăn mỡ, mặn, không uống rượu, bỏ tennis, tở tôm, tài bàn từ lâu. Ông giữ gìn sức khỏe để lo cho bầy đứa con chưa lớn. Cậu Út Khoa mới tám tuổi. Ngoài giờ làm việc ông chỉ quanh quẩn ở nhà đọc báo, nghe phát thanh ca Bắc, Tao Đàn với giọng ngâm thơ của những nam nữ nghệ sĩ Mộng Hoàn, Hồ Điệp, Giáng Hương, Tô Kiều Ngân, Quách Đàm... Bố thích nhất cái giọng tròn trong, ngọt ngào của Bà Hồ Điệp. Bố còn cái thú nằm ghé vai nghe truyền thanh tại chỗ những trận cầu quốc tế sôi nổi. Lời tường thuật của phóng viên thể thao



Huyền Vũ nhanh như gió, có thể bắt kịp tất cả các đường banh vũ bão, hào hứng nhất. Bố cũng đá chân, giơ tay như đang ngồi xem trên khán đài.

Những lúc đó mẹ thường ngồi bên khâu may, đan thêu quần áo cho các con, các cháu tiếp tục được sản xuất trong gia đình chị Kim anh Phúc, chị Nguyệt anh Uẩn. Trái lại anh chị Khánh vẫn ù lì không sinh sản nên đã nhận một đứa bé trai làm con nuôi cho đúng cảnh vợ chồng con cái đê huê. Từ khai trường vừa qua, chị Tâm, chị Phương cùng mấy người bạn trượt Tú Tài I rủ nhau lên Đà Lạt vừa dạy học nửa buổi tại trường Dòng Chúa Cứu Thế của cha Đài, vừa học lại đệ nhị trường Bùi Thị Xuân.

Ngoài giờ học, trường Trưng Vương tổ chức những cuộc du ngoạn Thác Trị An, Biên Hòa, hay đi tàu Hải Quân ra Vũng Tàu. Nhưng tàu chỉ tới gần Rừng Sát phải quay lại vì có giao tranh với tàn quân Ba Cụt. Tú Anh, Kim Dung, Thu Hòa, Thái Lan và tôi bao giờ cũng rủ nhau đi cùng. Một cuộc hành trình riêng trong bọn được sắp đặt.

Trước tuần nghỉ lễ Phục Sinh, chúng tôi hẹn nhau sáng thứ sáu sau sẽ lại đi chơi Thủ Dầu Một. Lần thăm viếng trước vẫn còn thềm thường, không ở lâu, chưa vào vườn cây trái, chưa thăm xưởng làm đồ gốm, không chụp nhiều hình và cái bụng đói tong teo mất hào hứng. Lần này có thêm Thái Lan và Tường Vân cùng đi. Chúng tôi xin phép ngay thẳng với bố mẹ và hẹn nhau tại nhà Thu Hòa. Tất cả sẽ để xe đạp ở đó, rồi đón taxi sang bến xe đò chợ Bà Chiểu, Gia Định như lần đầu tiên tôi đi với Vũ. Sẽ khởi hành thật sớm tranh thủ thời gian. Đói thì xuống phố chợ Thủ ăn hủ tíu, canh bún một bụng thật no trước khi đến Chùa Sư Nữ, không sợ bóng vía văn nhân, công tử nào cả. Sẽ xin chụp hình với sư cô, sư bà, không trộm lén. Sẽ nhờ họ chụp hình cho tất cả với cảnh chùa, chòi lá và ngọn đồi Thuở Mộng Đầu mà

chúng tôi đã đặt tên sau chuyến đi trước. Sẽ mua những đồ gốm xinh đẹp làm kỷ niệm. Sẽ mua nhiều trái cây mang về. Cả một chục cái “sẽ” rất hăm hở!

Sáng sớm thứ sáu đó, tôi chờ Tường Vân tới nhà Thu Hòa. Cô em gái nhút nhát, cả đời không biết đi xe đạp. Sau tám giờ, Kim Dung và Thái Lan đều có mặt, trừ Tú Anh. Đợi đến tám rưỡi, rồi chín giờ không thấy bạn, chúng tôi lên xe đạp qua nhà nàng ở đường Đoàn Thị Điểm gần đó. Có lẽ Tú Anh quên ngày giờ hẹn. Bà cô của nàng ra mở cửa và chỉ im lặng nhìn chúng tôi liên tiếp chào hỏi. Sau cùng, hình như bà phải cố gắng lắm mới thấp giọng trả lời được:

- Tú Anh mất rồi!

Bàng hoàng, chúng tôi dồn dập hỏi lại, tưởng như nghe lầm. Bà cô nghẹn ngào:

- Tú Anh mất đã hai ngày. Em bị cảm và xiu trong phòng tắm mà không ai biết, khi được đem vào nhà thương thì em đi.

Bấy giờ chúng tôi mới tin chuyện vừa nghe. Một đứa bạn khóc. Hai, ba đứa khóc. Rồi cả bọn khóc kể cả em Tường Vân, chẳng phải bạn của Tú Anh cũng khóc. Chúng tôi hỏi về bệnh viện, ngày giờ đám táng, rồi thẫn thờ dắt xe đi. Cái tin đau đớn bất ngờ đã làm mấy cô học trò mất hết nghị lực, không còn muốn ngồi lên xe đạp. Chúng tôi thầm lặng đi bộ qua trường Gia Long, nơi đã học chung với Tú Anh gần ba năm để tưởng niệm bạn. Những giọt lệ tiếc thương lã chã rơi trên con đường từ Đoàn Thị Điểm về nhà Thu Hòa đường Ngô Thời Nhiệm.

Chúng tôi đem vòng hoa trắng đến thăm Tú Anh tại nhà thương Grall. Người bạn gái nằm đó trong áo dài trắng học trò, ngay ngắn, thẳng nếp, hai tay trên ngực, bình thản như nàng công chúa trong giấc mơ êm ái, không vương vẩn bụi trần. Với áo trắng, băng đen để tang, lớp chúng tôi và nhiều bạn học lớp khác đã đưa linh cữu phủ trắng hoa của Tú Anh

tới nghĩa trang Giác Quang Tương Tế, Bình Hòa. “Tú Anh ơi, hương hồn Tú Anh sẽ theo mây khói về chốn bình yên, thiên cõi nhé! Đường các bạn Tú Anh trở về sẽ chẳng có hoa thêu, gấm dệt, nhạc thánh tưng bừng, hào quang sáng láng như con đường Tú Anh bay xa. Vĩnh biệt Tú Anh thương mến!...”

Ngày trở lại trường sau Lễ Phục Sinh đầy tang tóc, bàn học bên cạnh cửa sổ nhìn qua chùa Xá Lợi thiếu vắng Tú Anh, chỉ còn Thu Hòa, Ngọc Dung, trống lạnh, buồn tênh. Hai đứa biếng nói, biếng cười, lặng lẽ trong lớp học, buồn hiu ngoài sân trường. Chuyện đi bơi tại Hội Quán Sĩ Quan Bình Hòa bị bãi bỏ hẳn. Cái nhóm nhỏ bé đã ít tham gia các hoạt động nhà trường như làm quân lính hai Bà Trưng, văn nghệ, bích báo, công tác xã hội, thăm viện mồ côi, viện dưỡng lão, nay lại càng âm thầm, ẩn dật hơn. Chúng tôi cũng không muốn trở lại ngôi Chùa Sư Nữ trên Ngọn Đồi Vĩnh Biệt, tên mới được đặt cho chốn kỷ niệm đó theo phim Mỹ có nhan đề Pháp ngữ *La Colline de l'Adieu* được dựng theo cuốn tiểu thuyết tự truyện, *Love Is a Splendored Thing* của nữ văn sĩ Trung Hoa Han Suyin, do Jennifer Jones và William Holden diễn xuất.

Sự tin dị đoán chợt đến. Quốc lộ đi Bình Dương mang con số 13! Chúng tôi bỏ áo màu, chỉ mặc áo trắng để tang Tú Anh suốt niên học còn lại.

**T**ừ nỗi buồn xa bạn thân Hà Nội tới mỗi tình đầu tan vỡ, rồi sự vĩnh viễn ra đi đột ngột của người bạn trẻ, tất cả đã ảnh hưởng sâu đậm đời sống tinh thần của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Trí tuệ bị chi phối, sút kém nặng nề. Học bài lâu thuộc, chóng quên hơn. Những ngày vui học trò không còn hồn nhiên trọn vẹn. Kim Dung, Thái Lan đã sang học lớp vạ vật nhưng trong giờ chơi vẫn gặp Thu Hòa, Ngọc

Dung nơi thêm vắng để rủ rỉ, thảm thì. Các cô cùng mơ mộng câu chuyện bốn tiểu thư trong phim *Les Quatre Filles du Docteur March*, nguyên bản hồi ký tiểu thuyết *Little Women* của nhà văn nữ Hoa Kỳ, Louisa May Alcott. Kim Dung được làm chị cả Janet Leigh hiền hậu, khéo léo thêu thùa, vá may. Tôi nhận là cô thứ hai June Allyson ngổ ngáo, thích ngồi viết văn bên gốc cây mùa thu lá vàng bay toai tả. Thái Lan là Elizabeth Taylor, cô thứ ba xinh đẹp, vẽ giỏi. Thu Hòa liễu yếu, đào tơ được làm Margaret O'Brien, cô út đàn hay. Một buổi, tôi nhặt chiếc lá rụng xuống bên chân và nói với các bạn:

- Chết trẻ như Tú Anh được nhiều người thương nhỉ?

Thu Hòa hỏi lại một câu bất ngờ như đang cùng một tu tưởng với Ngọc Dung:

- Nếu được chết trẻ, thì mấy bạn thích chết vì bệnh gì?

Các bạn còn đang ngơ ngẩn, Thu Hòa tiếp:

- Hòa thích bệnh cùi!

Kim Dung và Thái Lan ngạc nhiên nhìn Thu Hòa. Nhưng tôi hiểu ngay tại sao cô bạn lại có ý tưởng lập dị ấy. Nàng đọc thơ, mê thơ, thương cảm cuộc đời Hàn Mặc Tử. May mắn cho thi sĩ yếu mệnh, thơ đã giải thoát phần nào nỗi đau thân thể của ông. Tất nhiên, Thái Lan không dám lơ mơ tới sự bất hạnh của nhà thơ họ Hàn. Sau vài phút suy nghĩ, nàng giành bệnh tương tư nhẹ nhàng nhất của Mỵ Nương tưởng nhớ tiếng sáo Trương Chi. Kim Dung chọn bệnh đau tim. Phải chăng, công chúa dịu hiền muốn được hoàng tử dâng trái tim lành mạnh, chữa bệnh cho nàng? Sau cùng, Ngọc Dung nghĩ tới bệnh ung thư vì dấu hiệu tử vi Tây phương của nàng là Cancer. Nhưng sợ đau đớn, nàng lựa bệnh ho lao kéo dài ba thời kỳ bệnh nhân mới chết. Thời kỳ thứ ba, đặc biệt người con gái đẹp nả nùng, da trắng xanh, má ửng hồng, môi đỏ thắm, mắt long lanh kỳ diệu. Hình hài yếu đuối, mong manh, nàng mơ ước và toại nguyện được nhắm mắt lìa

đòi trong vòng tay người yêu dấu từ phương xa trở về, như *La Dame aux Camélias* chẳng hạn. Chúng tôi quên rằng những bệnh đó đều đã có thuốc chữa trị. Học trò phải chích ngừa lao tại trường.

Cũng may, trời không hoàn toàn chiều ý mấy cô nữ sinh lãng mạn, quái gở này. Thu Hòa đôi khi bị nổi mụn trứng cá, phải bôi nghệ vàng cả mặt. Kim Dung thỉnh thoảng lại nghe người ta nói hoàng tử của nàng giung giăng, giung giẻ với những chị lớp trên để tìm nàng nói buốt kim châm. Thái Lan với đôi mắt nhung đen, lúc nào cũng như đang hướng về một nỗi u ẩn xa vời. Nguyễn Thị Ngọc Dung, mỗi lần thơ thần ngoài hiên trong đêm trăng thanh, gió mát, hay mặc áo rộng cổ, thấp ngực, cơn ho thảm thương sẽ viếng thăm ngay. Mẹ luôn luôn có sẵn hộp kẹo Pastilles Valda màu xanh bạc hà, những trái quýt cả vỏ hấp mật ong làm thuốc ho cho lũ con yêu quý. Bậc cha mẹ không thể ngờ, trong khi lo âu từng cơn cảm cúm, ho hen của con cái, chúng nó lại mong muốn những căn bệnh ghê gớm ấy. Không biết trên đời này còn những mơ ước nào vắn vơ hơn?

Ngoài giờ đi học tôi thường giam mình trên gác, học bài, làm bài, viết nhật ký, làm thơ, nếu không đi chơi với bạn. Từ một năm nay, tôi có một thú mới, cắt hình ảnh minh tinh, tài tử màn bạc, những bài thơ, tùy bút hay truyện ngắn từ các báo và dán vào mấy tập giấy vẽ khổ lớn. Người con gái sớm vấn vương u tình, vẫn chưa qua cái tuổi con nít. Một buổi sáng ngày nghỉ, tôi bày “đồ chơi” trên chiếu bên cửa sổ thoáng gió và cặm cụi với thú tiêu khiển để quên suy tư, sầu mộng. Bỗng tôi giật mình, một bóng người vừa nhẩy cái huych xuống từ cửa sổ đầu gác. Định la lên thì nhận ra đó là chàng hàng xóm, tôi cao giọng hỏi, không suy nghĩ:

- Thiệu làm gì mà nhẩy vào như đi ăn trộm vậy?

Vâng, người đó là cậu con trai bác Thông, nhà bên cạnh. Thiệu lúng túng đứng thẳng dậy:

- A... Thiệu tưởng Khoa có nhà nên sang chơi.

Tôi nghiêm mặt:

- Sao Thiệu lại sang chơi kiểu đó? Khoa không có nhà.

Thiệu đi thêm vài bước vào giữa gác:

- Thiệu và Khoa vẫn thường sang chơi với nhau lối này.

Dung đang làm gì đấy?

Tôi sửa dáng ngồi ngay ngắn. Mẹ đang lui cui dưới sân. Anh chàng giở trò gì, tôi sẽ la lên ngay. Lạnh lùng, tôi trả lời:

- Cắt dán vài thứ chơi.

Thiệu tiến lại gần cái chiếu tôi đang ngồi:

- Hình tài tử phải không?

- Sao Thiệu biết?

- Chuyện gì về Dung mà Thiệu không biết.

Tôi vênh mặt:

- Thiệu biết những gì nào?

- Chuyện Dung có mấy người bạn ở Hà Nội và trước khi vào Sài Gòn đã cùng đi chơi, chụp chung những tấm hình nhỏ xíu. Thiệu còn biết bạn của Dung tên là Ngọc Diệp, Bích Vân, Kim Dung, Thu Hòa và nhiều nữa.

Thôi rồi, anh chàng đã lén xem cuốn sách ảnh của tôi để trên bàn học. Trước khi hai miền Nam Bắc cắt đứt thông thương, Ngọc Diệp Hà Nội đã gửi tặng tôi quyển *album* nhỏ, bìa gỗ sơn mài đỏ. Dưới mỗi hình, tôi có ghi tên các bạn, nơi chốn và ngày tháng những buổi du ngoạn. Chắc Thiệu đã nhẩy sang chơi nhiều lần với cậu em tôi và táy máy nhòm ngó bàn học cô chị. Thiệu hơn tôi một hay hai tuổi. May quá cuốn thơ và nhật ký của tôi được giấu trong rương quần áo khóa kỹ. Nghi ngờ, tôi hỏi:

- Thiệu xem album của tôi hả?

Chàng hàng xóm làm mặt nghiêm, chối bay biến:

- Thiệu có biết album nào của Dung đâu?

- Thôi, Thiệu về đi. Các cụ biết bị la bây giờ!

Lùi lại mấy bước, Thiệu vẫn thản nhiên liền thoáng:

- Thiệu về ngay bây giờ mà! Dung không cần phải đuổi. Nhưng Thiệu có một quyển sổ to gấp ba và dày gấp chục lần những tập giấy Dung đang dán hình đây. Thiệu nghĩ rằng Dung sẽ thích. Để Thiệu về lấy tặng Dung.

Tôi ngăn cản:

- Chưa cần đâu, mấy tập giấy này còn lâu mới dán hết.

- Thiệu có thì tặng Dung. Thiệu giữ nó làm gì cho chật nhà. Đợi Thiệu chút nhé!

Nói rồi chàng hàng xóm quay đi ngay và nhảy thót lên cửa sổ như Tony Curtis trong phim *Le Voleur de Tanger*. Vài phút sau Thiệu lại nhẹ nhàng nhảy xuống từ cửa sổ phòng lầu của chị em chúng tôi với một quyển sách bìa da đen, dày mấy trăm trang như cuốn sổ cái lớn ngoài sự tưởng tượng của tôi. Thiệu đặt quyển sách xuống chiếu. Tôi lật mở xem và buột miệng khen:

- Ô, đẹp quá! Sách dán được cả những hình lớn, và những bài thơ dài.

- Thiệu biết Dung thích mà! Dung có thể dán mấy năm mới đầy tập sách này.

Tôi thân thiện cảm ơn người bạn láng giềng và biết nhau từ thuở bé. Thiệu thản nhiên ngồi xuống một đầu chiếu, cầm xem những hình ảnh, sách báo la liệt trước mặt và đề nghị:

- Dung muốn hình nào Thiệu cắt cho rồi Dung dán.

Không cảm thấy thoải mái ngồi trên gian gác một mình với chàng trai liền lấu, tôi nhắc nhở và... đe dọa:

- Tôi phải dẹp mấy thứ này để đi học bài, làm bài đây. Thiệu cũng nên về. Ông bà bỏ biết Thiệu nhảy dù vào gác nói chuyện với tôi, không được đâu. Hai bác biết cũng sẽ la đấy!

Có lẽ nhìn cái vẻ kém nghênh đón của tôi, Thiệu đã tỏ ra rất hợp tác và từ giã theo lối cũ về gác bên cạnh. Từ đó, mỗi khi thay áo, tôi phải đóng cửa sổ lại, phòng xa một tiếng “huych” bất ngờ. Đây là lần duy nhất Thiệu vào gác mà tôi biết. Thình thoảng chúng tôi vẫn gặp nhau trên hành lang trước nhà hay lan can sau nhà. Có lần Thiệu hỏi tôi:

- Lâu nay Thiệu không nghe Dung hát.

Tôi giật mình:

- Thiệu nghe tôi hát nữa hả?

- Trên gác, Thiệu nghe Dung và chị Tâm hát hoài.

Để thử xem chàng hàng xóm có phịa không, tôi tò mò:

- Thiệu nghe tôi hát những bài nào?

- “Em Tôi, Thơ Ngây, Hường Về Hà Nội, Chuyện Bên...” và nhiều lắm.

- A, từ nay tôi phải thấp giọng xuống mới được, không làm phiền tai vách hai bên!

Thiệu mau mắn:

- Không, Thiệu thích nghe Dung hát, chẳng phiền chút nào. Thiệu có nhiều bản nhạc. Dung thích bản nào Thiệu tặng.

- Bài hát nào cũng thích, nhưng thích nhất “Hường Về Hà Nội”.

Thực vậy, tôi vẫn nuối tiếc cái thuở Hà Nội hồn nhiên, trong sáng, chưa biết tương tư, chưa biết buồn. Nhưng lẽ dĩ nhiên cô lảng giềng không dám tâm sự với bất cứ ai. Nàng muốn giữ riêng nỗi niềm thầm kín. Thế rồi, Thiệu đã tặng tôi bản nhạc ấy. Tôi hiểu sự thân mật có thể nghiêm trọng, phải giữ một giới hạn, không để tiến xa hơn như với bạn gái, trong khi các bậc sinh thành ra vào ngay bên cạnh. Nam nữ thụ thụ bất thân. Đó là một giáo điều luôn luôn cảnh giác chúng tôi. Và lại, người con gái tuổi tôi thường hướng về những chàng trai lớn tuổi, chững chạc hơn. Trong tim tôi đã có hình bóng khác. Gặp Thiệu hay những người con trai trong cư xá, lớp



học tư hê và bất cứ nơi đâu, tôi đều làm về đoàn trang, đáng điệu trở thành kênh kiệu, khó thương. Chị Tâm vẫn thường nhắc lại với tôi điều đó. Thực ra, bản tính thiếu nữ nhút nhát, sợ sự tiến tới của phái nam. Các nàng có hai lối phòng thủ, một cúi mặt lẩn tránh, hai vênh mặt làm ngơ, để giữ một khoảng cách với các chàng.

Cái thú cất dán ảnh tài tử, thơ, truyện đó được tiếp tục cho đến ngày tôi lên xe hoa. Quyển sách dày được để lại dưới mái nhà cha mẹ và bị thiêu hủy sau tháng tư 1975. Nhưng bản nhạc “Hương Về Hà Nội” với chữ ký của Thiệu đã theo tôi đến ngày nay như sự quen biết thảng thẩn giữa những đứa con mà đôi bên cha mẹ quý mến nhau và là cội rễ thương kính của chúng tôi...

Một năm dài ôm ấp mối tình đầu đã vỗ cánh bay xa theo thiên thần tuổi ngọc, bốn phận làm con trong gia đình, bốn phận học trò ở trường để sao lãng, cô nữ sinh mười bảy như chột tỉnh giấc mộng dài. Giận hờn đã làm suy sụp việc học hành, thua kém bạn bè. Chung quanh, ai nấy tươi trẻ, xinh xắn. Nét mặt Ngọc Dung lúc nào cũng bị xỉ, u hoài phảng phất trong gương. Tôi bắt đầu chú ý tới thân hình, dáng dấp. Phải cắt bỏ món đậu đỏ bánh lọt, đậu xanh nước dừa. Phải nhịn ăn sáng, chỉ uống một ly nước chanh không đường. Mấy cái su-chiêng cũ đã chật hết cần phải thay. Các em lớn như thổi mà tôi thì có vẻ thiếu chiều cao. Phải tập vươn với xà nhà cao cho xương mau tăng trưởng. Phải nhẩy dây cho bụng nhỏ, eo thon. Quần lót được mặc thấp một chút để eo không bị thêm một vài li của dây thung.

Cái dáng xấu nhất của đàn bà, con gái là chân đi chữ bát. Xem mấy trang phụ nữ dạy làm đẹp, tôi tập bước giữa hai sợi dây thừng được căng một tác song song nhau. Trên hành lang cư xá, tôi luôn luôn giữ cho đôi chân đi trong một hàng gạch đá hoa trắng. Muốn dáng đi uyển chuyển, chân này

phải bước trước chân kia. May mắn tôi không đi chân vòng kiềng, nhưng đã bị chị em chế giễu đôi mông mắc tạt Mambo. Sau này, có người đã chứng minh điều đó bằng phim quay hình màu. Tôi không thể chối cãi. Tuy nhiên cũng chưa đến nỗi giống minh tinh màn ảnh Marilyn Monroe.

Trong phim *Les Quatre Filles du Docteur March*, cô bé Elizabeth TayLor tôi nào vào giường cũng kẹp mũi bằng cặp quần áo cho cánh mũi thanh. Ngọc Dung đã bắt chước, nhưng chuyện xi-nê Mỹ chẳng giống đời sống Việt Nam, cặp gỗ cứng quá, vừa đau, vừa khó thở. Nàng thử với cặp nhựa có lò-so lỏng nhất, mũi ngứa ngáy, không ngủ đặng. Cuối cùng, mũi được tập thể dục, nắn, vuốt. Vất vả làm dáng như vậy, dung nhan tôi trời cho chỉ có bấy nhiêu!...

Tôi vẫn thư từ với người bạn miền Nam chưa hề gặp. Gần đây Nguyễn Trung tâm sự, đã thương một cô bé rất xinh, rất kiều sa của Cần Thơ. Họa sĩ nhỏ tuổi đã viết thư làm quen và bị nàng làm lơ, không thèm đối đáp một lời gì. Tôi liên tưởng tới một chuyện tương tự mà tôi đã ở vai trò cô bé.

Trong chuyến bay vô Nam của gia đình tôi, có một nam sinh tên Luận, di cư một mình. Vì sự mau mắn, thân thiện của chị Tâm, cậu học trò đã có cảm tình với chị em chúng tôi. Luận, tiếp tục liên lạc và xin làm em nuôi chị Tâm. Nhưng một hôm, tôi đã nhận được thư thổ lộ cảm tình bằng chữ Việt ngây ngô và sai bét lỗi chính tả của Luận. Điều đó cũng không lạ đối với cậu học sinh Chasseloup Laubat. Luận đến nhà tôi, không chỉ thăm chị Tâm mà muốn gặp và mong tôi coi như là bạn thân để có người tâm sự những lúc cô đơn. Không hiểu được sự cô đơn như thế nào ở cái tuổi mười lăm chưa yêu ấy, tôi đã không trả lời còn bỡ ngỡ, đem cái thư cho cả họ xem và thản nhiên nói, “Luận con nít, vớ vẩn!” Mỗi lần Luận đến nhà, tôi vênh mặt lẩn tránh. Nghe chuyện bên lề, lại thêm buồn thi trượt Brevet, Luận đã tuyên bố:

”Không bao giờ gặp lại Ngọc Dung nữa cho đến khi thi đậu Baccalauréat.”

Lúc này đã rơi vào sâu mộng, tôi mới biết thông cảm và ân hận đã đùa giỡn trên tình cảm cao quý đầu đời của một thiếu niên cùng tuổi. Theo kinh nghiệm bản thân đó, tôi đã an ủi Nguyễn Trung: “Có thể cô bé còn quá nhỏ, không dám viết thư cho bạn trai vì sự nghiêm khắc của ông bà già hay vì nhút nhát nên giả bộ làm ngơ, không phúc đáp thư. Hãy kiên nhẫn đợi chờ nàng lớn hơn chút nữa, lúc ấy viết thư làm quen lại cũng không muộn.”

Không thi cử chờ đợi, những ngày nghỉ hè đã trở thành thần tiên nhất trong đời học trò. Đây lại là mùa hè cuối cùng trước khi lên đệ nhị, bù đầu vào kỳ thi Tú Tài I. Chúng tôi phải tận hưởng thời gian thanh thoi còn lại. Phim Vincent Van Gogh<sup>12</sup> đang chiếu ở rạp Vĩnh Lợi. Ngọc Dung và Thu Hòa rủ nhau đi xem cuộc đời sự nghiệp của người họa sĩ nghèo cùng, nghèo cực, thất tình, bất mãn, bất hạnh. Thuở sinh thời chẳng ai mua tranh Van Gogh ngoại trừ người em trai. Ông quá tuyệt vọng đến điên khùng, đã tự xẻo tai, cuối cùng tự sát chết bằng súng. Tài liệu về tranh thỏa mãn sự tò mò, thích tìm hiểu hội họa của hai cô học trò không học trường Mỹ Thuật. Vai trò họa sĩ do tài tử Mỹ Kirk Douglas diễn xuất trong khung cảnh màu sắc dữ dội, cuồn cuộn.

Những hình ảnh ấy đã đưa dẫn tôi tìm tới Viện Bảo Tàng Van Gogh, Amsterdam, Hà Lan hai chục năm sau. Tôi được tận mắt chiêm ngưỡng những bức tranh trị giá gần trăm triệu Mỹ kim của nhà danh họa thế giới đã làm tôi và cô bạn

---

12 - Vincent Van Gogh (1853-1890) Họa sĩ người Hà Lan (Dutch)

nhức đầu, choáng váng khi xem phim truyện về ông năm xưa...

Ra khỏi rạp chiếu bóng Vĩnh Lợi, tâm trí còn nặng trĩu ưu tư, bùi ngùi cho Van Gogh, chúng tôi sang tiệm Khai Trí, tha thẩn chọn mua vài cuốn sách, báo. Thu Hòa vẫn tranh mua báo Sáng Tạo, tôi mua báo Điện Ảnh và trao đổi nhau đọc cho đỡ tốn tiền. Báo của cô bạn được giữ đủ số. Báo của tôi sau khi truyền tay một vòng, bị cắt nát và dán vào quyển giấy dày khổ lớn, bìa da đen. Rời tiệm sách, chúng tôi đi về hướng Quốc Hội. Hè đường Lê Lợi chiều thứ bảy tập nập thanh niên nam nữ ngấm liếc nhau nghiêng ngả đường phố. Những chàng trai si tình không rời gót giai nhân.

Gần đây người họa sĩ trẻ Cần Thơ có ý định lên Sài Gòn theo đuổi ngành vẽ tại trường Cao Đẳng Mỹ Thuật, Gia Định. Nguyễn Trung hiện đang nghỉ hè tại nhà bà chị đường Hồ Biểu Chánh, Phú Nhuận và đã tìm đến điều tra địa chỉ cô bạn Bắc kỳ.

Một hôm đi bên hành lang đối diện trong cư xá Trước Bạ Đường Võ Tánh, người bạn thư đã nhìn thấy một thiếu nữ mặc áo bông vai màu nâu ngòi khâu máy trong cửa ra vào mở rộng ra hành lang trước nhà. Nàng giống tôi trong hình thẻ học sinh. Chàng không biết đó là Ngọc Dung hay em gái. Nguyễn Trung thích màu nâu, một màu rất hợp với làn da phụ nữ Á Đông. Họa sĩ nói về màu sắc thì nhất định phải đúng rồi!

Người bạn yêu cầu tôi tìm tới xem chỗ họa sĩ ở trọ, nhưng dù trông thấy cũng làm ngơ đừng gặp cho đến khi họa sĩ thành công. Và, tôi phải làm một bản tường trình, tả không gian, thời gian, nơi chốn, chứng minh đã thực sự tới “kính nhi viễn tri” họa sĩ non.

Trong buổi xem phim Van Gogh ấy, tôi rủ Thu Hòa ra Phòng Thông Tin xem triển lãm tranh và thuật lại nội dung lá thư của Nguyễn Trung. Thu Hòa hỏi:

- Thế nàng tính sao?

- Cũng vui vui, hay hay. Ta định làm thể theo lời yêu cầu của anh chàng.

Ngã tư bùng binh Nguyễn Huệ, Lê Lợi, giao thông như mắc cửi. Tòa Đô Chính bên trái, nguy nga với tường trắng, mái đỏ diêm lệ, được người Pháp xây vào năm 1901. Tòa nhà Quốc Hội trên đường Tự Do phía trước mặt, cũng được xây cùng thời trên, là hí viện của thành phố cho tới năm 1954 mới thuộc về chính phủ miền Nam. Nơi đây trung tâm thủ đô Sài Gòn đã một thời được mệnh danh Hòn Ngọc Viễn Đông.

Để tránh những người chụp hình dạo mồi mọc trên vườn hoa trước Tòa Đô Chính, Quốc Hội, phải băng ngang đường từ phía bên rạp Rex và sang thẳng tiệm kem Pôle Nord, nơi hẹn hò của giới trẻ. Bị chụp hình cũng là một điều mắc cỡ và mắc tiền cho mấy cô học sinh còn phải nhịn thù lao học hành mà cha mẹ cho để mua sách báo, đi xem phim. Khi dòng xe cộ vừa dứt một quãng trống, tôi nắm tay Thu Hoà định rào bước qua nhanh. Cô bạn ghim tôi lại, ồ ồ:

- *Em đi chàng theo sau, Em không dám đi mau...*

Biết cô bạn yêu điệu một cây, tôi nhìn ra xung quanh và đọc câu thơ tiếp:

- *Sợ người chê háp tấp, số gian nan không giàu, phải không? Nhưng có chàng Nguyễn Nhược Pháp nào theo sau đâu mà lo?*

Thu Hoà vẫn đồng đánh:

- Biết đâu đây!

Làm vẻ khoan thai còn hơn cô em đi Chùa Hương ngày xưa, chúng tôi nắm tay nhau, thong thả từng bước qua hai con lộ rộng ngược chiều, nếu bị xe đụng cũng chẳng lạ gì. Sang tới những quán bán hoa, hai cô nữ sinh lại khoác tay nhau la cà xem không chán mắt đủ loại hoa tươi đẹp mà phần lớn được đem về từ Đà Lạt. Thước ấy hoa hồng Brigitte Bardot, màu hồng cam nhạt đang thịnh hành. Những ngày

trước Tết, dọc theo đường Nguyễn Huệ ra tới gần bờ sông là chợ hoa cúc, thược dược, vạn thọ, lay-ơn, mai vàng, đào đỏ, đào hồng, quất, chanh chũu chịt... Phát phối những tà áo màu của các bà, các cô vừa mua hoa, vừa muốn thi sắc đẹp với hoa. Các chàng trai trẻ được dịp trở tài với ống kính chụp hình. Người Sài Gòn có bao giờ quên được một thuở thanh xuân thơ mộng ấy!

Chợt nghĩ tới một tên hoa, tôi hỏi bạn:

- Hoa Forget Me Not như thế nào nhỉ? Trong sách của tụi mình có tên đó, nhưng chẳng thấy bao giờ.

Chúng tôi chép vào một quyển sổ tay những tên hoa với ý nghĩa theo màu hoa cũng như lời bói về dấu hiệu ngày sinh, kinh nguyệt, một trong những chuyện rất lẩn thẩn con gái. Thu Hòa tả về loại hoa có tên Đùng Quên Tôi:

- Cánh hoa Forget Me Not nhỏ từng chùm màu xanh nhạt, lá cũng nhỏ, mọc thấp như Pensées. Không phải là một thứ hoa cấm nên không có bán ở tiệm. Nhưng nhà người quen của Hòa ở Đà Lạt có trồng thứ hoa này.

- Khi nào lên trên đó, hái đem về cho Dung một ít nhé!

- Định ép vào sách, không cho ai quên được sao?

- Hay, không quên ai được!

Đi một vòng ngắm hoa không tốn tiền, chúng tôi thả bộ đi sang phòng Thông Tin Đô Thành, góc đường Tự Do, Lê Lợi, nhìn sang tòa nhà Quốc Hội và khách sạn Caravelle. Cách đây vài bước là tiệm kem, bánh ngọt Aux Délices, một trong những hương vị thơm ngon rơi rớt lại của người Pháp và còn được rất ưa chuộng. Tôi trở lại chuyện người bạn thư với Thu Hoà:

- Chàng Nguyễn Trung còn yêu cầu rằng khi Dung đi kiếm nhà mà bất ngờ gặp hẳn hãy lơ đi như người không quen biết. Khi thành tài, hẳn mới gặp Dung. Trí lớn đấy nhỉ!?

Thu Hòa cười nghi ngờ:

- Khi nào thì gọi là thành tài?

Đã bước vào phòng triển lãm, tôi hạ thấp giọng:

- Có thể là khi hần có tranh trưng bày trong phòng triển lãm này. Báo chí sẽ đăng tên hần và mời chúng mình đi xem.

Chuyện tìm nhà một người đã biết mình qua thư, qua ảnh và bắt buộc phải tránh mặt là một trò ú tim thú vị. Tôi cũng thích cái ý kiến, không nhận nhau dù trông thấy nhau. Một hôm, tránh cái sơ-mi bông vai màu nâu vì sợ bị lộ diện, tôi mặc áo mới tự may lấy, hoa in xanh đỏ, cổ và tay áo đắp màu trắng. Đeo cặp kiếng râm mượn được của mẹ, tôi đội cái nón cũ móp và lên xe đạp theo ngõ sau nhà thờ Phú Nhuận. Khóm tre già cao vút, rì rào reo gió. Chim non ríu rít rĩa trái chín đỏ trên cành cây trứng cá trước vườn nhà ai. Quẹo phải đường Trương Tấn Bửu, qua Nguyễn Minh Chiêu một quãng ngắn, tôi rẽ mặt Công Lý và băng sang ngõ Hồ Biểu Chánh bên trái.

Con tim bắt đầu nhảy theo bánh xe đạp nảy xóc trên con hẻm lờm chờm đá rậm, gạch vụn. Tôi kéo thấp vành nón. Có lẽ dân trộm cắp cũng hồi hộp, sợ bị bắt quả tang như tôi lúc đó. Căn nhà tôi muốn tìm phải nằm bên trái. Tôi loạng quạng đạp xe, lo ngã vào những ổ gà còn đầy nước đục ngầu vì đêm trước trời mưa.

Sau cùng, con mắt lấp ló sau màu kiếng đen tối, tôi nhìn thấy số nhà của Nguyễn Trung. Đó là một ngôi biệt thự kiểu xưa, có mấy cột gạch trên thềm, vườn cỏ đằng trước, hàng giậu xung quanh. Tôi đi thẳng tới cuối ngõ rồi vòng trở lại, liếc thêm một lần nữa để quan sát chắc chắn địa chỉ. Không có ai trên thềm, trong sân. Tôi không muốn gặp, nhưng cũng mong trông thấy vóc dáng anh chàng gàn dở này để thuật tả cho thêm phần hấp dẫn, bổ tức đã bị nhìn lén. Khi qua mục tiêu lần thứ hai, tôi đi thẳng ra khỏi ngõ không ngoái lại.

Về nhà, tôi viết một bản tường trình. Tôi là thiếu nữ mặc áo màu nâu bông vai ngồi may áo bên cửa và đã hoàn thành

nhiệm vụ thăm dò nhà cậu Út Sóc Trắng, đường Hồ Biểu Chánh, Phú Nhuận, ngày..., tháng..., năm...

**S**au ba năm học nhờ tại trường Gia Long, nữ sinh Trưng Vương vui mừng có nơi chốn riêng. Trường mới là một nhà thương cũ của Quân Đội Pháp được sửa chữa lại, tọa lạc trên đường Nguyễn Bình Khiêm, nhìn qua Thảo Cầm Viên. Bên mặt, cạnh trường nam Trung Học Võ Trường Toản. Bên trái, cuối đường là hàng rào chắn của Hải Quân Công Xưởng. Đằng sau là Trường Sơ Dòng Nhà Trắng.

Tường Vân năm nay lên đệ lục, học buổi chiều. Em vẫn gầy yếu như cây sậy, sợ đường phố xe cộ đông đảo, không đi nổi xe đạp. Bố phải vài lần đích thân đưa em đi học bằng xe buýt. Ông đã chuyển sang làm việc tại Tổng Nha Ngân Khố góc đường Hồng Thập Tự, cách trường Trưng Vương hai quãng ngắn. Hằng ngày Vân phải đón xe buýt từ ngã tư Phú Nhuận lên chợ Bến Thành, sang xe khác và xuống tại cửa sau nhà Bru Điện. Rồi từ đó cô bé đệ lục đi bộ theo đường Nguyễn Du về hướng Sở Thú. Đôi khi Vân lấy xe đi Thị Nghè và xuống tại ngã tư Hồng Thập Tự, Nguyễn Bình Khiêm và đi bộ tới trường. Mỗi ngày em mất hai giờ dạo ngắm phố phường.

Vì số trường học không đủ, các học sinh đều chỉ học nửa buổi. Tường Vân học buổi chiều. Tôi học buổi sáng, lớp đệ nhị. Từ nhà, tôi đi xe đạp qua chợ Phú Nhuận và cầu Kiệu không một bóng cây. Tuy sáng sớm, mặt trời nhiệt đới đã chói chang, các nữ sinh sợ nắng phải lên nón. Sang đường Trần Quang Khải nhiều cây cao bóng rợp.

Qua chợ Đa Kao, quẹo trái Phan Thanh Giản, rẽ phải Nguyễn Bình Khiêm, cành lá me xanh đan kín trên đầu. Chúng tôi có thể bỏ nón cài ghi-đông, lỏng chân xe đạp theo



sau những tà áo trắng khác từ các ngã đường Hồng Thập Tự, và Thống Nhất dồn đổ tới trường nữ Trung Học Trưng Vương mở rộng. Nhưng sau khi học sinh xếp hàng chào cờ và đi vào lớp, cánh cổng được đóng kín như những bức tường cao xung quanh. Bên trong cổng là nhà chơi có bàn ping-pong. Ông Duy Hy đã chụp tôi đang chơi bóng bàn ấy với Kim Dung. Ảnh được treo trên văn phòng nhà trường, mấy năm sau các em tôi vẫn còn trông thấy. Cô nữ sinh nào cũng phải biết và có hình của ông Duy Hy, nhiếp ảnh gia của Trưng Vương qua mấy thập niên. Nhiều hình còn được giữ tới ngày nay, để thời tóc thè hoa mộng vẫn trở về mệnh mang, bồi hồi...

Giờ tan học, mặt trời lên cao. Cổng trường lại mở rộng. Hàng trăm nữ sinh áo trắng như những cánh bướm tung bay về khắp các ngã đường trong thành phố. Dù đã ba năm làm quen với thời tiết Sài Gòn chúng tôi vẫn không chịu nổi cái nắng trưa bỏng cháy. Nên da non, má hồng vẫn nghiêng nghiêng dưới nón bài thơ quai nơ đủ màu... Găng tay trắng che đậy những bàn tay nuột nà trên ghi đông xe đạp, Solex. Vạt áo trước che đậy cặp đùi thon. Vạt áo lưng ong gài dây buộc với cặp sách trên bánh xe sau. Đường Sài Gòn dịu mát hơn, nắng Sài Gòn dễ thương hơn. Thuở đó, phong trào Solex bắt đầu. Ngồi xe không phải đạp, gió lùa tóc áo mát lộng, thân thể căng đầy sức sống. Dáng nữ sinh diễm kiều, lả lướt trên cái xe hai bánh có máy, khung đen bóng loáng kiều sa. Tôi cũng hai lần mượn Solex của chị Phương đi thử. Xe lớn hơn người. Lần thứ nhất, tay trái giữ ghi-đông có bình xăng nặng, tay phải yếu, không kéo nổi cái cần máy, tôi lóng ngóng bị kẹp ngón tay, đau chảy máu, phải buộc băng và viết chữ xấu mấy ngày. Lần thứ hai, xe chồm lên như con ngựa bất kham định quật nữ đô-kê xuống lề đường. May mắn tôi dừng xe kịp thời và sợ không bao giờ dám đụng tới nàng Solex. Thân phận chỉ điều khiển được cái xe chạy bằng đôi chân tướng số nhân.

Tuy nhiên, tôi vẫn thích thú được chị Phương chở bằng Solex đến thăm chị Hiền, bạn thân ở Phú Thọ. Trong khi hai chị ríu rít chuyện trò trong phòng khách, người em trai của chị Hiền hay đi ra, đi vào và vẫn hỏi han các chị. Anh chàng có đôi mắt sáng to, miệng rộng cười duyên và học giỏi. Chị Hiền cũng đôi lần nhờ cậu em chở bằng Mobilette đến nhà tôi để thăm chị Phương. Sau này tôi mới biết chị Hiền muốn cho em trai làm quen với em gái của bạn. Và, chị Phương đã nói, “Dung nó có người rồi.”

Niên học đệ nhị đã thấp thoáng những chờ đợi góc cây, hẻm hỏ góc đường. Trường nữ sinh nên không thể thiếu bóng các chàng vòng lượn Vespa, Lambretta, xe nhà, xe Jeep qua lại. Hôm đó, tan học ra, Thu Hòa, Ngọc Dung vừa song song xe đạp tới trước Thảo Cầm Viên, một Mobilette đi tới. Thấy người lạ, tôi làm thinh. Nhưng cô bạn ngừng lại. A, thì ra chàng quen Thu Hòa. Hai người nói gì với nhau rất mau rồi chàng phóng xe về hướng Dinh Độc Lập. Tôi ngồi xe chống một chân trên lề đường đằng xa và chờ bạn đi tới. Nhìn đôi mắt trốn tránh, đôi má như đánh phấn hồng của nàng, tôi biết ngay chuyện gì, nhưng vẫn hỏi:

- Chàng nào vậy?

Thu Hòa làm bộ không quan trọng:

- Một người quen trong gia đình ấy mà!

Tôi biết cái danh từ rất phổ thông đó lắm. Nhưng suy ta ra người, ở trường hợp Thu Hòa, chắc tôi cũng mắc cỡ không dám khai sự thực nên không cất vấn thêm, tha bổng cho cô bạn với con tim đang rộn ràng. Sau này tôi được biết, chàng là sinh viên quân y, ý trung nhân của nàng.

Một buổi về học khác trên đường Trần Quang Khải, thấp thoáng từ xa, bóng ai tha thướt đang đo đường với một vãn nhân. Tay nàng dắt xe đạp, tóc dài đong đưa qua cái lưng thon, eo nhỏ. Đạp xe tới bên, tôi nhận ra một người đẹp cùng lớp:

- A, Kim Dung! Định đi bộ về ư?

Cô bạn nhìn tôi cười duyên, tránh câu trả lời:

- Ngọc Dung đây hả?

Tuy nhiên tôi chỉ phá đám nàng và chàng một chút:

- Đứng đi bộ nhiều đau chân đó nghe!

Bỏ con đường in gót giai nhân, tãi tử, tôi phóng xe thật nhanh, đón luồng gió ngược chiều và mỉm cười vu vơ, vui lây với bạn bè đập diu thơ mộng. Tâm hồn phơi phới, tà áo trắng vẫy đùa với nắng vàng trải trên Cầu Kiệu. Con đường mang tên Võ Di Nguy, một công thần nhà Nguyễn sơ, chống đánh quân Tây Sơn. Khi tử trận, năm 1801, thi hài ông được đem về Gia Định mai táng. Miếu mộ thờ vẫn còn ở Phú Nhuận tuy ông là người tỉnh Thừa Thiên.

Tới ngã tư Phú Nhuận, rẽ trái đường Võ Tánh, tên một danh tướng khác của Nguyễn Vương. Khi bị quân Tây Sơn Trần Quang Diệu vây hãm ngặt nghèo tại thành Bình Định, ông Võ Tánh đã tự thiêu để cứu mạng binh lính, cũng vào năm 1801. Di cốt của Thượng Tướng Quân Võ Tánh được đem về chôn tại Phú Nhuận, Gia Định, nơi sinh trưởng của ông.

Nhà tôi gần cổng xe lửa số chín trên đường Võ Tánh. Còi tàu ngày vài lần hú lên rộn rã như lòng người đang chờ đợi ai trên đường về và buồn vơi vơi khi con tàu mang theo người đi xa. Cảm tưởng ấy đã đến với tôi từ mùa hè 1955, sau một tháng kỷ niệm Nha Trang tuyệt vời. Nguyễn nhiều lần đi về trên con tàu xuyên Trung, dọc Nam này. Nhưng anh đã đổi đi làm việc ở Pleiku, miền cao nguyên đất đỏ, nổi tiếng với biển hồ đẹp mênh mông, buồn bát ngát. Làm thân nam nhi thật vất vả, nhiều trách nhiệm trước tổ quốc. Con gái như chúng tôi thật đoảng vị, chỉ biết ăn xong rồi học, ngoài việc thi cử chẳng biết lo gì hơn làm dáng, mơ mộng. Song, nếu mộng mơ là món quà tặng, tạo nên nhân tài, anh hùng đất nước thì phận gái má hồng cũng đáng được khen thưởng.

Đôi khi tôi nghĩ đến Nguyễn như người lính trấn thủ lưu đồn, dẫn tre, dẫn gỗ trên ngàn. Tôi vẫn viết thư như một an ủi cho anh và cho chính cả tôi. Sống giữa gia đình, cha mẹ, chị em quây quần, bạn bè nhà trường đông đảo, tôi vẫn cảm thấy cô đơn man mác. Có phải đó là tâm trạng của người con gái đang chờ đợi một tình cảm mơ hồ nào đó. Tuy nhiên sang năm thi Tú Tài I, tôi cố gắng nghiêm chỉnh học hành, gạt bỏ gần hết những gặp gỡ bạn bè, xem phim, bát phở. Tôi nhốt mình trên gác với sách vở và giảm bớt cả viết thư gửi lên miền cao nguyên Pleiku ấy.

Như mọi hôm đi học về, ăn cơm xong, tôi cầm tờ báo lên lầu định đọc một chút trước khi lo bài học, bài làm cho ngày hôm sau, nhưng hình như có sự xốn xang, nóng nảy lạ kỳ. Tôi lật giờ từng trang báo, chỉ nhìn đầu đề, không đọc được gì. Gấp báo lại, tôi ngồi vắt chéo hai chân lên bàn, ngả lưng thành ghế, ngẩng nhìn nhện giăng trên tường. Khi con vật bé như hạt đậu đen sa xuống gần tới cái chụp đèn, tôi định đứng lên kiểm chổi lông gà quét nó đi thì có tiếng mẹ gọi nhỏ nhẹ khác thường dưới chân cầu thang:

- Dung ơi có khách!

Tôi biết ngay không phải bạn học. Vì nếu là họ, mẹ sẽ xưng tên. Chúng tôi vừa gặp ở trường và cũng ít khi đến nhà nhau ngày đi học. Vẫn giữ nguyên vị trí cũ, tôi hỏi vọng xuống nhà:

- Ai vậy hả mẹ?

Không thấy mẹ trả lời, tôi hạ chân xuống đất, đi ra cầu thang. Mẹ ngừng lên và nói khẽ hơn:

- Anh Nguyễn.

Tôi giật mình, mở to đôi mắt nhìn mẹ một giây:

- Vâng, con xuống ngay.

Quay lại bàn, tôi soi gương, vuốt tóc, vuốt áo. Đã vào tuổi mười tám tôi vẫn không dùng đến cây bút chì kẻ lông mày, bông phấn hồng hay thỏi son như nhiều bạn học khác.

Tôi cũng không biết liếm môi cho thêm ướt át, cắn môi cho thêm đỏ mọng. Nhưng hình như đôi má mịn mỏng da non ửng hồng. Đã lâu Nguyễn không đến, tự nhiên tôi cảm thấy hồi hộp lạ thường, chậm bước xuống thang và ngừng lại hít một hơi dài lấy bình tĩnh. Ra tới phòng ngoài, tôi mở đầu ngay với nụ cười để ngăn chặn sự lúng túng và liền thoảng với người khách mặc quân phục sỹ quan ngồi bên bàn:

- Chào Nguyễn. Nguyễn về hồi nào, sao không cho Dung biết trước?

Nguyễn cười thân mật:

- Chào Dung, Nguyễn mới về tới sáng nay.

- Nguyễn đi máy bay?

- Không, xe Jeep.

- Chắc xe của Nguyễn phải bay và rời Pleiku sớm lắm nhỉ?

- Nguyễn đi cả đêm.

Như không tin, tôi nhướng đôi mày:

- Nguyễn lái xe cả đêm, không ngủ?

- Đi với mấy người bạn về họp nên thay nhau lái, Nguyễn cũng ngủ được một chút.

- Các anh đi như ngày xưa quân lính của vua Quang Trung Bắc tiến nhỉ?

- Nhưng không phải đi bộ khiêng võng, mà lái xe cho nhau ngủ, cũng không vất vả gì.

Liên nghĩ tới những lần đi chơi Nha Trang với Nguyễn và bạn anh dạo nào, tôi lắc đầu thán phục:

- Dung biết rồi. Lái xe Jeep như máy ông mũ đen trên bãi biển Nha Trang, trên đèo Rù Rì phải không? Nguyễn cẩn thận ạ, đêm tối lọt xuống đèo cho coi!

- Nguyễn quen rồi. Dân rừng núi mà.

- Làm thân con trai như Nguyễn thích nhỉ. Muốn đi giờ nào thì đi. Muốn đến chỗ nào thì đến. Con gái như Dung chỉ quanh quẩn ở nhà, đi học rồi lại về học.

Nguyễn nhìn vào nhà trong và thấp giọng:

- Dung muốn đi chơi đâu Nguyễn đưa đi?
- Tôi lác đâu:
- Nói vậy thôi, Dung phải lo học thi sang năm. Trượt lại bị mắng ham chơi!
- Im lặng vài giây, Nguyễn ân cần:
- Đạo này Dung khỏe không?
- Dung vẫn thường. Mới đi học về giữa trưa, Dung hơi bị say nắng một chút thôi.
- Trường Trung Vương dọn về gần Sở Thú, phải không?
- Vâng, nhìn qua hàng rào đằng trước Sở Thú. Thỉnh thoảng nghe tiếng hổ gầm.
- Có thể Nguyễn được đổi về làm việc tại một cơ quan gần đó, bên cầu Thị Nghè, góc đường Nguyễn Bình Khiêm-Hồng Thập Tự.
- Đã thân nhau, cô bạn gái nói như reo:
- A, gần trường của Dung quá. Nguyễn đổi về mau mau, khi Dung còn học Trung Vương và thỉnh thoảng gặp Nguyễn đi làm qua thì vui nhỉ?
- Nguyễn cũng mong vậy. Có thật Dung sẽ vui nếu Nguyễn được đổi về Sài Gòn không?
- Không đắn đo, Ngọc Dung trả lời ngay:
- Thật chứ. Nguyễn làm việc ở đây, Nguyễn tới chơi thường, Dung vui chứ!
- Nguyễn sẽ tới mỗi ngày nếu Dung cho phép.
- Mỗi ngày thì lại không được. Thừa thừa thôi, không bỏ mẹ để ý nghi kỵ, phiền lắm!
- Lâu nay Dung ít viết cho Nguyễn?
- Dung phải tự cắt bớt mọi chuyện để chuyên tâm vào việc học thi đây thôi. Dung không thông minh nữa đâu nên học bài lâu thuộc lắm. Dung cũng vừa định viết thư thăm Nguyễn thì có con nhện giăng trên tường, đang mãi xem nó đan lưới thì Nguyễn tới. Tội nghiệp, nhện ra sức nhả tơ chế tạo một công trình tinh vi, khéo léo rồi bị người phá đi.

- Dung có thể giữ cái mạng nhện này và nghĩ tới Nguyễn hôm nay đến thăm Dung.

Cô nữ sinh hồn nhiên tỏ lộ tâm tình:

- A, nhện giăng báo tin có người quen thăm viếng. Trên đường đến đây Nguyễn có nghĩ tới Dung không mà sao Dung nóng ruột lạ?

- Nguyễn có nghĩ tới Dung mới đến thăm chứ! Nếu vậy Dung sẽ có mạng nhện giăng đầy nhà vì Nguyễn còn đến hoài.

- Nguyễn ở lại Sài Gòn lâu không?

- Một tuần. Chiều thứ sáu Nguyễn đến thăm Dung nữa được không?

Các chàng thường tới gặp các nàng khi cụ ông nghiêm khắc đi làm vắng nhà. Tôi trả lời:

- Đã lâu Nguyễn không tới, nên có thể được. Dung sẽ học bù lúc khác.

Những buổi đi học sau đó, đôi mắt sáng long lanh dưới vành nón bài thơ mỏng, tôi kín đáo để ý nhìn các xe Jeep trên đường và băng khuâng không thấy bóng Nguyễn. Chiều thứ sáu, đi học về tôi xị mặt buồn, nhện không xuất hiện. Có thể nào Nguyễn không tới chăng? Nhưng rồi tiếng mẹ gọi, tôi vui mừng không chùng chình một giây, bước nhanh xuống thang và ra phòng khách chào Nguyễn bằng môi cười thường lệ:

- Hôm nay không thấy nhện sa, Dung đã tưởng Nguyễn không đến.

- Dung tin chuyện nhện thật đấy à?

- Bây giờ thì hết tin rồi.

- Có lẽ Nguyễn đã hẹn trước sẽ đến nên nhện không phải giăng tin nữa. Lần sau Nguyễn đến mà không hẹn, Dung sẽ lại nhìn thấy nhện.

Nguyễn ngừng vớ nụ cười thật vui và tiếp:

- Dung còn nhớ Phan Lạc Tuyên không? Có một lần Nguyễn đưa hắn tới đây thăm Dung.

Trước kia, Nguyễn và Vũ thường đi với nhau tới gặp tôi. Từ khi Vũ bị ngăn cấm, Nguyễn cũng ít đến hơn và mỗi lần đều có bạn khác tháp tùng như Minh, Khách, Diên Nghi, Phan Lạc Tuyên... Có lẽ Nguyễn muốn ông bà thân sinh ra cô bạn gái tin rằng sự giao thiệp của anh với nàng chỉ là bạn, không ân ý, riêng tư. Tôi gật đầu:

- Vâng, Dung nhớ. Ông ấy có bài thơ “Tình Quê Hương”, Đan Thọ phổ nhạc?

- Đúng vậy, gia đình Phan Lạc Tuyên ở gần đây. Họ mời Dung và Nguyễn tới nhà sáng Chủ Nhật này, rồi từ đó cùng đi chơi đâu. Dung đã đi Mỹ Tho bao giờ chưa?

Cả một trời ngại ngùng hiện ra trước mặt, tôi từ chối:

- Chưa, nhưng không dám đâu. Ông ấy có vẻ nghiêm lắm!

- Quen rồi thì thấy hắn rất dễ chịu. Phan Lạc Tuyên khen Dung dễ thương. Chúng mình đến thăm hắn nhé?

Nguyễn về và không ở lâu. Tự nhiên tôi muốn gặp anh nhiều hơn. Nếu để Nguyễn tới nhà hoài, bố mẹ sẽ lo con gái có bạn trai lại mơ mộng, sao nhãng việc học hành. Sau vài giây đắn đo tôi đáp:

- Vâng, đến thăm gia đình ông ấy một chút thôi, không đi đâu cả. Mỹ Tho có món hủ tíu đặc biệt và có ông Đạo Dừa, Nguyễn nhỉ?

- Đúng rồi. Dung biết tại sao có tên ông Đạo Dừa không?

- Nghe nói, ông là người theo Tây học, đỗ đạt ở bên Pháp về, có vợ con. Nhưng khi Việt Minh tuyên bố độc lập, 1945, ông bỏ đi tu lập đạo riêng và chỉ ăn dừ trong mấy năm liền. Đạo của ông thờ cả Chúa Jêsu và Đức Phật?

- Đúng vậy, nhưng phong cảnh Mỹ Tho đẹp lắm, rừng dừa, vườn nhãn, vườn chuối mênh mông bên bờ sông Cửu Long.



Bị cảnh quê hương cuốn hút dễ dàng, tôi hớn hờ hỏi ngay:

- Mỹ Tho có xa không Nguyễn?
- Độ sáu chục cây số, hơn một giờ xe hơi.
- Cũng không xa nhỉ?
- Rất gần. Chúng mình đi nhé?
- Gia đình Phan Lạc Tuyên cùng đi chứ?

Có lẽ biết tâm lý con gái e ngại đi chơi xa một mình với bạn trai, Nguyễn gật đầu.

Chủ Nhật đó, quên cả những lo âu thi cử, tôi xin phép cha mẹ cho đến nhà bạn học bài, làm bài chung. Nhưng tôi đi bộ tới nhà Phan Lạc Tuyên trong một hẻm nhỏ gần bệnh viện Cơ Đốc. Nguyễn đứng đợi tôi trước cổng một biệt thự. Anh đưa tôi vào gặp gia đình vợ con nhà thơ quân đội. Ông ta ngồi bình chân với tẩu xì-gà, phì phà khói thuốc như không có ý định sắp đi đâu. Ông nhìn tôi dò xét như muốn xem tướng. Một lát sau, Nguyễn hạ giọng nói với tôi:

- Thôi, chúng mình đi không muộn.

Ngạc nhiên, tôi hỏi nhỏ:

- Họ không đi sao?
- Hắn có chuyện bận không đi được.

Không bàn thêm, tôi chào ông bà chủ nhà và chỉ muốn nhanh chóng tránh khỏi luồng thôi miên của thi sĩ họ Phan. Tôi sẽ không thoải mái đi với họ. Ra tới cổng, Nguyễn nói như không có chuyện thay đổi:

- Nguyễn đón taxi đi bên xe đò nhé?

Nghĩ rằng, sau ba năm quen biết, vẫn bị tôi từ chối không cùng đi chơi, Nguyễn sẽ phật ý vì không được tin cậy. Thêm vào đó, cái tính ham thăm thú những miền đất mới, lạ, đẹp, tôi bàn:

- Vâng, Dung đứng đây, taxi tới Nguyễn lên trước, Dung sẽ lên sau.

Hiểu ý tôi muốn tránh sự bất gặp của cha mẹ hay người quen, Nguyễn cười phẩn khởi nói một tiếng “OK” thật gọn và bước nhanh ra đường lớn. Khi một xe ngừng lại, Nguyễn lên vội. Nhìn xung quanh, sau trước không thấy bất trắc, tôi theo mau. Chúng tôi trao nhau ánh mắt đồng lõa. Tuổi mười tám đã bớt nhút nhát, tôi không ngượng ngập ngồi bên Nguyễn và cảm thấy yên tâm, bỏ mặc tất cả những lo sợ phía sau. Chúng tôi sang bến xe đò miền Tây, Chợ Lớn và lấy xe Traction đi Mỹ Tho. Lâu lắm tôi mới ra khỏi thành phố, một việc khác thường với thời khoá biểu hằng ngày.

Đồng bằng phì nhiêu thẳng tắp. Miền quê thanh bình. Chiến tranh chưa bộc phát. Việt Cộng còn đang nghỉ ngơi, lén lút chinh đốn quân đội sau mười năm chống Pháp. Đường Sài Gòn Mỹ Tho dài và đi lâu hơn Nguyễn nói. Các chàng biết lắm, cái thuở ban đầu không nên nói đúng sự thực đường đi quá dài, mới có thể dụ được các nàng theo vết chân nai vàng ngơ ngác.

Xuống tới bến Mỹ Tho, Nguyễn hỏi tôi:

- Dung đói chưa, mình đi ăn nhé?

Con gái điệu bộ, dù đói mềm người, tôi vẫn làm bộ:

- Dung cũng chưa đói lắm.

Nguyễn dẫn tôi đi theo bờ Tiền Giang và dừng lại ở một quán nhỏ. Anh hỏi:

- Chúng mình ăn ở đây không? Dung muốn ngồi trong quán hay ngoài?

- Chắc dân Bắc cờ chẳng ai quen biết đi tới đây, Nguyễn nhỉ? Dung thích ngồi bên ngoài, thoáng gió hơn.

Nguyễn mỉm cười gật đầu, chọn một bàn gỗ nhỏ ngay ven sông và kéo ghế cho tôi. Ngồi xuống đối diện, anh nhắc mũ sĩ quan đặt trên bàn. Gió sông lồng lộng thổi. Chúng tôi thoải mái hít một hơi dài. Nguyễn cầm xem thực đơn vờ ven một tờ giấy bọc nhựa và hỏi tôi:

- Dung muốn dùng gì?

Lâu lắm, từ ngày di cư vào Sài Gòn tôi chưa khi nào đi ăn ở một quán cóc hay tiệm nhỏ dù phở với bố mẹ, chị em, bạn bè. Muốn ăn gì đã có người nhà đi mua về, hay mẹ làm. Tỉnh Định Tường này chắc không có món ăn Bắc và ngoài mấy thứ chè ngọt miền Nam, tôi chẳng biết món gì khác nên nói:

- Nguyễn gọi giùm Dung.
- Dung dùng hủ tíu Mỹ Tho không?
- Vâng, đến đây nên thử món này.
- Hai đứa cùng ăn.

Nguyễn gọi hai tô hủ tíu đặc biệt và hai ly nước dừa tươi bán xứ. Quả thật, hủ tíu Mỹ Tho có sợi bánh trong mềm, tôm, thịt, gan heo đầy ắp, thêm miếng bánh tôm giòn, giá sống, lá hẹ, cần Tàu xanh tươi, thơm ngát, nước dùng đậm đà vị mực khô. Nhưng sợi hủ tíu cuộn xoắn vào nhau thật dài, tôi phải lấy đũa xắn mãi mới dám ăn trước mặt người bạn trai. Nước dừa thiên nhiên dịu ngọt. Chúng tôi chuyện trò hồn nhiên, vui vẻ. Nguyễn nhìn dòng Cửu Long cuộn cuộn, phù sa đục ngầu:

- Dung đã bơi sông bao giờ chưa?

Tưởng tượng tới đáy sâu mát hút, tôi rùng mình:

- Chưa. Tuy đã tập bơi Hồ Tây, Hà Nội, Dung vẫn sợ bơi chỗ sâu dù trong hồ tắm. Nguyễn đã bơi sông rồi sao? Sông nào vậy?

- Sông Thái Bình.

Nghĩ tới thời gian tập bơi đầu tiên, mấy phen chìm ngấm, uống nước no bụng, tôi hỏi:

- Ai dạy Nguyễn bơi?

Nhấp một ngụm nước dừa đá và đặt ly xuống bàn, Nguyễn cười trẻ trung:

- Đâu cần ai dạy. Sông ngay gần nhà, Nguyễn cứ nhảy xuống là biết bơi, rồi bơi được từ bờ bên này qua bờ bên kia.

- Sông có rộng như sông Mỹ Tho không?

- Cũng chẳng kém sông này.
- Nguyễn tản cư về đó hả?
- Không, quê Nguyễn ở tỉnh Thái Bình.
- Nguyễn sinh tại huyện Quỳnh Côi không?

Người bạn trai ngạc nhiên:

- Hừ hừ! Sao Dung biết?

Cô bạn gái nói như reo:

- Dung thử hỏi thôi, thế mà đúng! Dung phải học tiểu sử Nguyễn Công Trứ. Huyện Quỳnh Côi là nơi sinh của cụ. Rồi sau khi làm quan, cụ đã trở về giữ việc khai khẩn tỉnh Thái Bình, Ninh Bình, Nam Định. Quê Nguyễn danh tiếng lắm!

- Dung thuộc văn học sử nhỉ?

- Dân văn chương mà, tiểu sử các cụ cũng phải học. Nguyễn Công Trứ có bài Cây Thông:... *Kiếp sau xin chớ làm người, Làm cây thông đứng giữa trời mà reo, Giữa trời, vách đá cheo leo, Ai mà chịu rét thời trèo với thông.* Bỏ Dung thích và thường ngồi rung đùi, ngâm bài thơ này. Không chừng Nguyễn có họ với cụ Trứ đây?

- Cái đó thì không. Nguyễn Công Trứ sinh ở huyện Quỳnh Côi, nhưng nguyên quán Hà Tĩnh. Dung còn biết gì về quê của Nguyễn không?

Bản đồ Bắc Việt, miền châu thổ sông Thái Bình và những bài địa lý tiểu học, trung học hiện ra nhanh trong trí tôi:

- Thái Bình là vừa lúa, ngô, khoai, sắn của miền Bắc trước kia. Hay bị lụt nữa.

- Đúng vậy. Những khi đi kiểm soát ruộng lúa cho ông cụ thân sinh, Nguyễn phải cưỡi ngựa mới đi xem hết ruộng được.

Khép hờ đôi mắt, tôi tưởng tượng:

- A, Dung đang thấy cao-bồi Nguyễn phóng ngựa như Roy Rogers trong những cánh đồng bát ngát, sóng lúa vàng

nhấp nhô giống như vùng quê ngoại ô Hà Nội của gia đình Dung trước 1946. Nguyễn có nhớ quê miền Bắc không?

- Dung và Nguyễn vừa nhớ tới đó.

- Đúng vậy! Ba năm rồi vẫn chưa có tổng tuyển cử để chúng mình về Bắc nhỉ.

- Chính trị rắc rối, phức tạp lắm. Có thể chẳng bao giờ có.

- Ngày nào được về Bắc, Nguyễn đưa Dung đi thăm quê Nguyễn nhé?

- Nguyễn sẽ sẵn sàng và chúng mình cùng đi thăm cả quê Dung nữa.

- Vậy thì vui ghê há?

Chúng tôi rời quán gió bên sông với đầy ắp giấc mơ tuổi trẻ. Nguyễn đưa tôi xuống cầu quay, lấy bắp qua bờ bên kia. Tất cả những con sông chảy trên đất đai Việt Nam đều có cầu dài hay ngắn. Riêng Cửu Long Giang không có cây cầu nào. Dân vẫn phải dùng ghe, thuyền, đò và bắc đẽ qua sông. Gió thổi quán quýt tà áo dài, tôi vịn tay vào thành sắt của cái bắc, máy chạy ầm ầm và đông nghẹt xe hàng to, nhỏ, xe máy, xe đạp, kẻ gồng, người gánh. Nguyễn đứng sát bên tôi. Nhạn đôi phơi phới bay ngang trên trời.

Bắc cặp bên, chúng tôi lên bờ và đi vào vườn cây trùng điệp bên sông. Hàng dừa xanh ngắt, tàn lá đan nhau che rợp đường đất dọc, ngang chạy dài hun hút. Cam, quýt, mít, mận, xoài, vú sữa trĩu trĩu cây cành. Tôi nhìn những buồng chuối mùm mẫm, nặng nề đổ nghiêng dưới bóng lá mướt xanh màu ngọc thạch:

- Nghe nói Mỹ Tho còn nổi tiếng với món chuối thái lát mỏng, xếp thành từng bánh phơi khô, khi ăn nướng qua than ngon tuyệt vời.

- Chắc ngoài chợ phải có bán. Lát nữa chúng mình ghé mua.

- Nói vậy thôi, Dung không nên đem về nhà thứ gì. Mất công nói dối thêm.

Chúng tôi tiếp tục sóng bước. Nhà tranh vách đất đơn sơ ẩn hiện trong vườn cây râm mát, lốm đốm ánh nắng xuyên qua kẽ lá. Một đàn heo con, heo mẹ ủn ỉn trong chuồng. Tôi bật cười nhìn những cái đuôi phe phẩy, không ngừng quệt qua, quệt lại những cái mông núng nính:

- Trông chúng ngộ nghĩnh quá!

Nguyễn cũng cười theo, ôn lại chuyện quê:

- Dung biết không, ngày xưa, mỗi lần hết tiền tiêu, Nguyễn bán heo.

Tôi nhìn Nguyễn ngờ vực:

- Nguyễn bao nhiêu tuổi hồi đó?

- Mười ba, mười bốn.

- Nguyễn ôm được mấy con heo to như cái chum nước kia ra chợ bán ư?

- Không phải ôm chúng đi đâu cả. Nguyễn đi tìm người muốn mua heo, bảo họ đưa tiền, tối khuya dẫn họ vào chuồng bắt heo.

- Sao lại tối khuya mới tới bắt heo?

Nguyễn cười giải thích:

- Họ tới ban ngày để ông cụ biết được, bắt bỏ tù ư?

- Sợ tù, tại sao lại mua heo kiểu ấy?

- Ở chợ, giá gấp đôi, gấp ba. Nguyễn bán một nửa tiền.

Tên buôn heo nào không ham.

- Có bao giờ ông già Nguyễn biết không?

- Một lần ông cho người rình, nhưng bắt hụt. Đêm tối không nhận ra ai. Ông nghi, Nguyễn chôi bay biến. Ông đành chịu thua.

Vui theo chuyện của Nguyễn, tôi kể:

- Hồi đó Dung đang tản cư với gia đình, còn cời trần tắm giếng. Dung thềm nhẩy lên con trâu đi ra đồng chơi với thằng Cu, con của vợ chồng ông chủ nhà mà không dám hỏi,

sợ bố mẹ. Chỉ vài tháng sau đó, gia đình Dung hồi cư. Nguyễn ở Hà Nội bao giờ không?

- Nguyễn hồi cư về Hải Phòng, sau khi rời Thái Bình. Nhưng đi Hà Nội như đi chợ và có nhiều bạn ở đó. Vậy mà Nguyễn không gặp Dung nhỉ?

Tôi nhìn xéo Nguyễn:

- Ú ừ! Lúc đó Nguyễn đâu thèm để ý tới mấy cô bé cứ sau cơn mưa là rủ nhau chọn những đường phố bị lụt cao nhất Hà Nội để lội xe đạp đi chơi cho ướt đến đầu gối mới thỏa thích.

- Dung đi Hải Phòng chưa?

Tôi gật đầu nói như thật:

- Nhiều lần lắm. Từ Hà Nội xuống Hải Phòng đi đường số 5 qua Hải Dương phải không? Hải Phòng có trường trung học Ngô Quyền, chợ Sắt, phố Đông Kinh. Đường Cát Dài mùa hè hoa phượng rực rỡ nở đỏ như con đường Cổ Ngư và quanh Hồ Hoàn Kiếm.

Nguyễn không nghi ngờ:

- Ngày trước, Nguyễn học Trường Ngô Quyền và là cầu thủ đội bóng tròn của trường. Gia đình Dung có người quen ở Hải Phòng?

Tôi cười ngất:

- Dung nói giỡn đấy. Chẳng bao giờ Dung được ra khỏi thành phố Hà Nội ngoại trừ mấy tháng tản cư. Dung được đọc và nghe nói về những địa danh đặc biệt của Hải Phòng, cũng như Sông Hương, Núi Ngự, Cầu Tràng Tiền, Thôn Vĩ Dạ ở Huế, nhưng chưa có dịp đi tới những nơi ấy.

Tiếng cười của tôi âm vang vườn cây êm ả. Chim muông đang ngủ trưa giật mình thức giấc, ríu rít trên cành. Bướm trắng bay lượn bên hoa vàng, hoa đỏ. Đường mòn mát hút ở đằng xa nhưng đi tới mãi không hết. Đã mất phương hướng, tôi hỏi:

- Nguyễn nhớ đường ra không?

- Có thể lạc rồi. Nhưng nếu không tìm được đường ra thì mình ở lại đây luôn!

Biết bị dọa trêu, tôi lườm Nguyễn và yên tâm đi bên anh. Đúng vậy, loanh quanh một vài ngã rẽ, thấp thoáng dòng nước mênh mông hiện qua hàng cây thưa, chúng tôi đi theo con đường đất song song, gần nhất với bờ sông ấy. Tôi xoay nhìn vườn dừa một lần cuối cùng và luyến tiếc:

- Cảnh đẹp quá. Dung sẽ về kể cho lũ bạn thèm luôn!

Nguyễn chăm chú nhìn tôi. Lần đầu tiên tôi nhận thấy đôi mắt ấy rất đa tình. Giọng anh trùi mền:

- Nếu Dung thích, chúng mình sẽ trở lại.

- Thích chứ. Nhưng xem lần đi chơi này có thoát ông bỏ không đã. Dung đang lo đây.

Nguyễn để nhẹ tay lên vai tôi:

- Tội nghiệp Dung, con gái đi đâu cũng lo sợ bố mẹ.

- Sự mà vẫn ham. Hư quá phải không Nguyễn?

- Các cụ nói thì cứ phải nghe vậy, mình không hư thì thôi!

Đường trở ra, bước chân chùng chình. Lối đi nhỏ dần đằng sau và mất hút trong rừng dừa xanh thẫm. Bến sông tràn ngập nắng chiều rực sáng. Con đường ấy đã đi vào tâm hồn tôi và vẫn còn đây với vợi vợi câu hò:

*Hò ơ... (chớ) Đền Sài Gòn ngọn xanh ngọn đỏ,*

*Đền Mỹ Tho ngọn tỏ ngọn lu,*

*Anh về học lấy chữ nhu,*

*Chín trăng em cũng... (ờ), hò ơ... (chớ),*

*Chín trăng em cũng đợi, mười thu em cũng chờ.*

Trở lại Sài Gòn, vài ngày sau Nguyễn đến từ biệt. Nỗi buồn phẳng phất mỗi lần anh chợt về rồi thoáng đi. Nghĩ tới đường trường xa xôi, tôi lo lắng:

- Có ai đi cùng với Nguyễn không?



- Vẫn mấy tên bạn khi về đây. Nguyễn sẽ đến đón họ rồi cùng đi.

- Tới nơi Nguyễn viết cho Dung nhé?

- Nguyễn sẽ viết ngay trên xe Jeep trước khi về tới Pleiku.

Tôi nhòe miệng cười cảm động:

- Nguyễn hứa thật nghe! Dung bắt đầu mong thư của Nguyễn từ ngày hôm nay. A, Dung đã thấy quảng cáo truyện dài của Nguyễn sắp đăng trên báo. Dung sẽ đón đọc.

- Để Nguyễn bảo tòa soạn gửi báo biểu Dung.

- Vậy tốt quá. Thường, Dung chia với bạn, mỗi đứa mua một tờ báo và chuyển cho nhau đọc. Nguyễn vẫn làm thơ chứ?

- Cũng thỉnh thoảng.

- Dung chưa được đọc thơ của Nguyễn.

- Dung thích đọc thơ ư?

- Dân ban “C” mà, cô nào cũng thích thơ, văn... một tí. Và, thơ của Nguyễn, Dung càng thích đọc hơn.

- Nguyễn sẽ chép tặng Dung.

Lần chia tay này bịn rịn hơn bao giờ. Nguyễn bước ra ngoài hành lang. Tôi đi vào nhà trong và ra cửa sau, trông theo bóng Nguyễn đi dưới ngõ. Bất ngờ Nguyễn nhìn lên để cùng đưa tay vẫy nhau trong mưa bay lát phất...

Nguyễn bắt đầu viết cho tôi thường hơn. Nhưng hình như tôi vẫn mong thư anh mỗi ngày. Những trang truyện trên báo của Nguyễn trở nên quá ngắn, tôi tham lam muốn đọc nhiều hơn. Cô bạn gái cứ tự nhiên diễn tả thân tình ấy với người bạn trai miền cao nguyên biên giới. Mơ mộng từ lâu đã mất, nay trở về cõi mờ, rạo rục thành thơ:

## XIN GIÓ MƯA ĐỪNG

Những lúc mưa buồn gợi nhớ mong  
 Thân thờ em đứng tựa bên song  
 Nghe mưa thánh thót ngoài hiên lạnh  
 Chạnh nhớ người yêu thấy ấm lòng.

Mây xám giăng giăng khắp nẻo trời  
 Buồn như ánh mắt vọng xa xôi  
 Như thơ anh dệt chiều thương nhớ  
 Khi gió thu về lá rụng rơi.

Nơi ấy mây trời có biếc xanh  
 Ngồi đây em dệt nét đan thanh  
 Bằng bao nhung nhớ, bao âu yếm  
 Bằng cả tim yêu trao gửi anh.

Lãng đãng hồn thơ bỗng cánh bay  
 Về miền rừng núi lạnh heo may  
 Xa em anh có buồn không nhỉ?  
 Xin gió mưa đừng qua chốn đây.

(Tình Thơ Học Trò, 1957)

Tuy nhiên, nhút nhát, tôi không tiết lộ với Nguyễn hay bất cứ một ai những vần thơ nóng bỏng đó. Một cuốn sổ tay nhỏ đã ghi chép tất cả thầm kín của tâm hồn. Nguyễn cũng chưa gửi bài thơ nào của anh cho Ngọc Dung. Thế rồi một hôm vừa vào tới sân trường, tiểu thư của nhà báo, nhà văn, nhà soạn kịch Trọng Lang chạy tới đon đả ôm vai tôi:

- Nàng có thi sĩ tặng thơ hay quá!

Tôi ngạc nhiên:

- Thơ nào, ai tặng ai?

Mạnh Quang vẫn phát ngôn như cái loa:

- Cô mình còn giá vờ! Tôi qua Thái Thủy giới thiệu trên Tao Đàn một bài thơ của chàng Nguyễn từ cao nguyên gửi về tặng nàng Trung Vương Ngọc Dung. Tô Kiều Ngân ngâm thơ lâm ly, ướt át!

Biết bạn nói thật, tôi xúc động nhưng vẫn chối:

- Người ta quen ai đâu mà có thơ ngâm tặng? Chắc có sự trùng tên đấy.

Mạnh Quang xĩa ngón tay vào trán tôi:

- Đừng chối nữa nàng ơi. Ông anh của ta đã nói hết cho ta biết rồi.

Tôi bắt đầu tò mò:

- Anh của Mạnh Quang là ai và nói gì vậy?

- Anh ấy cùng trong báo chí Quân Đội với chàng Nguyễn, đã hỏi ta có học cùng lớp với Ngọc Dung, đề nghị văn chương không? Cả Trung Vương chỉ có một lớp này thôi. Vậy, còn ai vào đây nữa? Thế mà cô mình giấu kỹ thế! Khai thật đi, người ta vui hộ cho.

"Sức mấy!" Tôi nghĩ thầm vậy và vẫn cãi liến:

- Tôi qua nhà bạn, không nghe Tao Đàn, biết chuyện gì đâu. Nguyễn chỉ là bạn thôi.

Mạnh Quang nguyệt nghiêng cả sân trường, giọng kéo dài vào tận lớp:

- Thôi Ngọc Dung ơi, đừng nói chuyện tức cười đó nữa. Chúng mình lớn cả rồi. Mạnh Quang xin thông cảm!

Ngồi vào bàn học, lòng xôn xao, tôi hỏi cô bạn ngồi bên cạnh đang mỉm cười hóm hỉnh:

- Mạnh Quang nói, Nguyễn có bài thơ ngâm trên Tao Đàn tôi qua. Thu Hòa có nghe không?

Cô nàng vẫn làm bộ thản nhiên bày sách vở, giấy bút lên bàn và đủng đỉnh:

- Có nghe.

- Đúng là thơ của Nguyễn tặng ta không?

- Đúng, không chệch vào đâu được!

- Bài thơ thể nào?

Thu Hòa ngẫm nghĩ giây lâu và tinh quái trả lời:

- Đại khái anh ở cao nguyên lạnh lẽo, cô đơn, nhớ thương em gái văn nghệ tha thiết lắm!

Tôi đập nhẹ vai bạn:

- Khi ả, giỡn vừa chứ!

Thu Hòa mỉm cười, ra vẻ hiểu biết:

- Ta không giỡn đâu. Chàng mét nàng lắm rồi đấy!

Giờ ra chơi hôm ấy, hình như cả lớp biết “con” Ngọc Dung tâm ngảm, tầm ngảm mà có chàng thi sĩ tặng thơ trên Tao Đàn. Tôi chưa bao giờ nghĩ nhiều về Nguyễn như buổi học dài hôm ấy. Lời giáo sư giảng giao duyên với tiếng sáo, tiếng ngâm thơ. Bài học, sách vở thấp thoáng sương mù rừng núi, mây trời cao nguyên. Tôi nuối tiếc không nghe Tao Đàn tối hôm trước vì nhà có giỗ, anh chị em, các cháu mấy chục người về ăn cỗ đầy một nhà. Bố không vận máy phát thanh, nên tôi cũng không nghe ké như mọi lần. Cả nhà chỉ có một cái Radio. Chiều nay, tôi tự nhủ, sẽ viết thư trách Nguyễn sao không cho biết trước, để tôi hệt nghe thơ anh. Tôi mong chóng tới giờ tan học và linh tính cho biết thư Nguyễn đang chờ tôi.

Vừa ôm cặp sách vào nhà, tôi kiểm ngay xấp thư mới được gửi tới trong ngày và thất vọng. Không có phong bì với nét chữ quen thuộc tôi mong đợi. Tôi thần thờ lên gác. Mẹ đi vào nhìn tôi dò xét:

- Dung, con có thư của Nguyễn.

Bà đi lại mở tủ. Tôi ôm chặt cặp sách vào ngực nén sự vui mừng và ngạc nhiên tại sao mẹ lại cất thư tôi dưới xấp áo. Tôi bước lùi xuống thang. Bà đưa lá thư màu xanh và căn dặn:

- Mẹ thấy cái thư dày, sợ bố mở đọc lại to chuyện nên cất đi. Con gái lớn rồi, phải cẩn thận đấy.

Tôi cảm động muốn khóc. Mẹ vẫn nhớ chuyện hai năm trước, bố giận khi đọc thư Vũ viết cho tôi. Tôi đỡ bao thư và nghẹn ngào gật đầu tỏ ý cảm ơn bà. Người mẹ dù khác thế hệ vẫn mềm lòng lo âu, che chở cho con gái đang tuổi có bạn trai. Mẹ nguyệt yêu con gái:

- Thư từ thì cũng để đấy. Thay áo xuống ăn cơm cho chị Tám dọn bàn, rửa bát.

Tôi nôn nóng muốn chạy ba bước một lên thang lầu để đọc thư, nhưng đành phải đi thông thả trả lời mẹ:

- Vâng, con cũng đói quá. Có gì ăn hả mẹ?
- Chả bò thìa là, canh cải nấu thịt nạc, cá bóng kho tiêu.
- Chu choa ngon quá! Có cà muối không mẹ?
- Còn vài quả.
- Con lên thay áo rồi xuống ngay.

Nhưng tôi đã để nguyên áo dài trắng đồng phục, ngồi vào bàn học, hấp tấp bóc thư và không để nó rách. Con gái còn có cái tật dị đoan, không dùng kéo cắt thư của người mà các nàng không muốn cắt đứt tình cảm. Tôi hồi hộp mở đọc lá thư dày chữ mực tím và một bài thơ dài cả trang giấy xanh nhẹ mỏng. Thơ về đài phát thanh trước khi tới người được đề tặng. Những dòng tâm tình từ vùng rừng núi hoang lạnh đã làm ám thân thể người con gái.

Tôi hồi âm, thuật chuyện Mạnh Quang và bạn bè trong trường sôi nổi vì nghe tôi có thơ tặng trên Tao Đàn. “Nếu không nhận được bài thơ của Nguyễn gửi về hôm nay, chắc Dung sẽ giận Nguyễn đấy? Bây giờ thì hết giận rồi và thương người bạn cô đơn trên miền cao nguyên ấy. Mong đọc thơ Nguyễn hoài hoài...” Ngây ngô che đậy lòng mình nhưng tôi lại âm thầm tự thú:

## BÀI THƠ ANH ĐỀ TẶNG

Chiều nay em đến trường  
Hoa nắng ngập trên đường  
Mùa xuân về phơi phơi  
Tươi thắm nụ môi hường.

Cây xanh rợp bóng sân  
Một cô bạn rất thân  
Ghé lại bên khế nói  
Chàng có bài thơ ngâm.

Tối qua giờ Tao Đàn  
Bài thất ngôn nồng nàn  
Với tên chàng thi sĩ  
Tặng Ngọc Dung tên nàng.

Lớp đệ nhị văn chương  
Nữ Trung Học Trưng Vương  
Đích thực là cô bé  
Đã có người yêu thương!

Nào em có ai đâu  
Nhớ nhung chưa một câu  
Người ta chỉ là bạn  
Từ thuở mới ban đầu.

Lớp nữ sinh lao xao  
Gió đưa duyên rì rào  
Lời thơ chàng tha thiết  
Còn chôi cãi làm sao?

Cả buổi học ngắn ngủi  
Rộn ràng được tặng thơ  
Từ người thương thương ấy  
Hồn tràn ngập mộng mơ.

Nhưng vẫn muốn trách anh  
Chẳng được nghe truyền thanh  
Bài thơ anh đề tặng  
Rèm mi ướt long lanh.

Lòng đã tự nhủ thầm  
Sẽ viết thư ân cần  
Nhẹ nhàng lời bắt lỗi  
Nhắc nhở chuyện thơ ngâm.

Chiều vội vã về nhà  
Thư anh từ phương xa  
Ấu yếm trên bàn học  
Cùng bài thơ thiết tha.

Em quên hồn thật nhanh  
Chỉ đòi thơ màu xanh  
Thật nhiều cho em đọc  
Để càng thêm nhớ anh.

(Tình Thơ Học Trò, 1957)

Thế rồi một giận hờn đầu tiên thực sự đã tới. Trái đất tròn, Đại Úy Công Binh Nguyễn Đức Tiêu cũng làm việc tại Pleiku hẻo lánh và quen biết Nguyễn. Bà vợ ông là em họ Ngọc Dung nên nàng được nghe Nguyễn có bề ca sĩ văn nghệ Quân Đội. Con tim như bị gai hồng va chạm, nàng biếng ăn nói, biếng cười đùa và cảm thấy thật gài gúi với

“Le Vase Brisé” của Sully Prudhomme, “*Sa blessure fine et profonde, Il est brisé, n'y touchez pas...*”

Tôi ngưng viết cho Nguyễn và tự nhủ: “Tuông cô đơn thì viết cho đỡ buồn. Có bồ, vui rồi, người ta cần gì mình.” Chàng thắc mắc viết thư thăm hỏi và mong tin Ngọc Dung vẫn vui học đều. Nàng chọt nghĩ: “Ừ nhỉ, mình khờ thật, người ta có bồ thì mặc người ta. Là bạn thì cứ viết như bạn, mắc mớ gì mà âm ức. Nhưng cũng phải hỏi ra sự thật chứ?” Nàng viết cho chàng: “Vâng, dạo này Dung cũng bận học thi... Vả lại, nghe nói, Nguyễn có bạn gái nghệ sĩ, thân thiết lắm, nên Dung sợ viết nhiều làm phiền Nguyễn...” Thư đi và lòng nàng bồn chồn mong ngóng thư lại. Chàng trả lời: “Điều đó đúng, Nguyễn làm việc rất thân cận với một số nghệ sĩ ở đây. Cô ca sĩ đó đang có bồ “nặng” lắm. Họ sắp làm đám cưới. Chương, bạn của Nguyễn muốn nhờ Dung nhắn với Huyền rằng, Chương rất thương nhớ và muốn về thăm Huyền ngay để trần tình, nhưng có công tác khẩn cấp, không bỏ được, mong Huyền thông cảm, đừng buồn giận, tội nghiệp Chương!...” Chương và Huyền là hai nhân vật yêu nhau trong truyện dài của Nguyễn đang được đăng trên một tờ tuần báo tại Sài Gòn. Rút kinh nghiệm ở Vũ viết thư tình cho con gái ông Phán Khôi, bị cấm cửa, phải tuyệt giao với nàng, Nguyễn đã gửi tín hiệu ngầm cho Ngọc Dung để qua mắt ông cụ thân sinh đáng ngại của nàng. Hai nhân vật tiêu thuyết đó có dáng nét thấp thoáng tác giả và cô bạn học trò, một nữ độc giả đã bị nhà văn bắt mất linh hồn...

Tôi đọc thư Nguyễn không biết bao nhiêu lần. Có thật Nguyễn mong gặp tôi? Anh lo âu tôi giận hờn? Tôi đã nghĩ làm cho anh? Nguyễn vừa gián tiếp thú nhận thương tôi? Như hoa ử rữ trong chậu cây vừa được tưới nước vươn tươi, thắm màu trở lại, nước mắt hạnh phúc tôi tràn ướt hàng mi. Chẳng thể chôi cãi, che đậy được nữa, Ngọc Dung đã thương Nguyễn mất rồi! Cái nghĩa thương của người miền Nam cơ!



## ANH CHO EM

Anh cho em sớm mai hồng  
Họa mi đánh thức trong lồng tình yêu  
Đêm qua mơ thấy anh nhiều  
Gương soi e ấp diễm kiều dáng em

Anh cho em nắng trưa hiền  
Sân trường mây lụa qua miền cỏ thơm  
Lá me như cũng xanh hơn  
Nữ sinh áo trắng rập rờn bướm hoa

Anh cho em thắm chiều tà  
Chim uyên tìm tổ la đà khóm tre  
Gió đưa sợi tóc sau hè  
Nhớ em, xin hãy mau về thăm em

Anh cho em thiết tha đêm  
Bàn khuya sách vở, chong đèn làm thơ  
Xin đừng chậm trả lời thư  
Để em xa vắng tương tư một mình

Anh cho em đợi ân tình  
Cửa tim đã khép nhốt hình bóng anh  
Nhớ anh trăng cũng khuyết xanh  
Giữa đêm sao sáng long lanh khắp trời

Anh cho em nổi bồi hồi  
Gối nồng ôm giấc chơi voi mộng về  
Yêu anh huyền hoặc bến mê  
Hồn thơ lãng đãng ước thề mai sau

(Tình Thơ Học Trò, 1957)

Tôi âm thầm làm thơ và không bao giờ gửi đi. Vài tuần sau Nguyễn về Sài Gòn. Chàng giải thích tất cả những điều tôi nghe về chàng với cô ca sĩ trong Đại Đội Văn Nghệ cao nguyên. Tôi vừa sung sướng vừa mắc cỡ đã bị đọc thấu tâm tình ghen tuông ngây ngô, kỳ cục. Trước khi trở lại Pleiku, Nguyễn trao tặng tôi một tập mấy chục bài thơ chép tay của anh trên những trang giấy viết thư mỏng màu xanh mây trời. Tập thơ đó đã bị thất lạc sau 1975. Tôi cảm thấy có lỗi đã không giữ được nó cùng những sách truyện khác của Nguyễn và chỉ còn nhớ vài câu của một bài thơ, có lẽ vì nó mang tên tôi:

Em ạ, phòng anh lạnh lắm rồi,  
 Anh buồn thầm gọi Ngọc Dung ơi,  
 Vì sao âu yếm mà xa vắng,  
 Mà ấm tâm tư lạnh ghé ngồi...

Nguyễn không nói, nhưng thơ anh đã nói tất cả. Hình như đó là một lối bày tỏ của các nhà thơ, nhà văn. Mười chín mùa xuân trên mái tóc, một tình cảm ngọt ngào tiềm ẩn từ những ngày hè Nha Trang với Nguyễn ba năm về trước, đã ương chín trong tôi. Có thể, anh đã không muốn khơi dậy sóng biển ngầm quá sớm khi nghĩ rằng Ngọc Dung chưa đủ lớn, chưa sẵn sàng bơi lội, ngụp lặn. Và, ba năm sau, Nguyễn trao bài thơ thổ lộ yêu thương, nàng vẫn còn lúng túng đón nhận.

### TÌNH YÊU TRÁI CHÍN

Nào có ai đâu để ngóng trông  
 Thư xanh trời thắm mỗi ngày mong  
 Lâng lâng dòng chữ say màu tím  
 Cho má đào tơ cứ ửng hồng.

Anh đã hình như muốn tỏ tình  
Với cô em bé đáng xinh xinh  
Từ khi nàng mới mười lăm tuổi  
Mắt sáng long lanh, gót tuyết trinh.

Có phải rằng anh muốn nói thương  
Một người em gái học Trung Vương  
Hồn nhiên trong sáng trắng mười sáu  
Tóc thả bờ vai ngát gió hương?

Mười bảy tình ai đã hững hờ  
Buồn hoa ép lá rụng bơ vơ  
Để anh tội nghiệp làm thơ tặng  
Trả lại cho em những mộng mơ.

Mười tám say mê thơ truyện anh  
Học trò áo trắng đường cây xanh  
Môi cười phượng nở trời hoa mộng  
Rung động dạt dào bút nhả thanh.

Có phải rằng anh vừa mới ngộ  
Ngàn trùng thương nhớ chốn cô liêu  
Tình anh nung nấu trong tim đỏ  
Muốn nhốt em bằng chiếc khóa yêu?

Anh ạ, hình như em đã yêu,  
Đợi chờ anh đến giải bày nhiều,  
Tuổi em vừa đúng xuân mười chín,  
Chín mộng cây thơm trái mếm yêu.

(Tình Thơ Học Trò, 1958)

Thực vậy, một bên học thi Tú Tài I sắp tới, một bên thư từ tràn đầy hình ảnh ám áp của nhà văn trẻ. Phải gói cất mộng mơ vào một góc ngăn bàn học, tập trung tư tưởng vào sách vở. Vẫn nhủ lòng vậy, nhưng vất vả lắm tôi mới ôn xong một bài, học bài này quên bài kia. Tôi hoang mang, lo sợ, chẳng lẽ tôi không còn trí nhớ nữa sao? Đôi khi đầu óc trống rỗng như chưa từng học gì. Vừa lo mất ăn, mất ngủ, lại thêm cái bệnh tương tư thơ thần, xua đuổi nó cũng chẳng chịu đi. Hoa phượng đã thấp thoáng nở trong sân trường và Sở Thú. Ve sầu trên vòm cây kêu vang nổi hồi hộp. Con đường Nguyễn Bình Khiêm vàng vọt niềm lo âu. Ngoài giờ đến trường, tôi giam mình trên lầu nóng hun say đầu óc. Bố mẹ chắc mắt cô con gái học được nhiều lắm. Chỉ có tôi tự hiểu.

Ngày yết thị kết quả thi, chị Tâm chở tôi bằng Solex đi coi bảng. Tôi chưa ngồi lên xe, chị đã nổ máy phóng vọt. Một quãng đường nói chuyện, không nghe tiếng trả lời, chị mới biết đã để rớt cô em chỗ nào. Chị quay trở lại tận công cư xá để nhìn thấy tôi vẫn đứng chờ. Cái điềm xui như thế còn hy vọng gì?! Tôi cầu nguyện, nếu tôi trượt, chị Tâm sẽ đậu để bố mẹ vui. Nhưng, chị em trượt cả hai. Bố mẹ buồn xiu. Chúng tôi buồn thiu và lại vùi đầu học thi kỳ hai. Tôi làm lủi trên gác xếp hấp hơi mái ngói bỏng cháy có thể làm thịt nướng vì, để rồi vẫn rơi vào tình trạng hoảng hốt đi thi như kỳ trước. Kết quả, tôi trượt lần thứ hai. Chị Tâm cùng chung số phận!

Nếu tôi được chọn hai điều ước, một là thi trượt và có người yêu, hai là thi đậu và thất tình, tôi sẽ chọn điều thứ hai. Điều này tôi chỉ đau khổ một mình, không làm bố mẹ buồn. Điều thứ nhất, tôi vừa buồn bực vừa làm cho cả ông bà thất vọng. Sự thi trượt cũng không kém đau khổ hơn thất tình. Tôi đã bị nghe mắng nhiếc “con cái học hành phú quý giạt lùi...” Nếu tôi được đầu thai làm con bố mẹ một lần nữa, tôi

sẽ xin cho trái tim tôi thật nhỏ, bộ óc thông minh, sáng suốt thật lớn để làm các người hài lòng.

Trong khi tôi thi trượt, hai cô bạn thân đều đậu. Kim Dung sẽ học đệ nhất vạn vật trường Chu Văn An. Thu Hòa học ban triết Gia Long. Tôi học lại đệ nhị Trưng Vương. Trước ngày khai trường, để làm một cuộc tạm biệt sau sáu năm học cùng lớp, ngồi cùng bàn chúng tôi rủ nhau đi Vũng Tàu, vừa gán, vừa đỡ tốn tiền cho cô học sinh thi trượt. Một gia đình bà con vẫn thường mời chị em tôi ra ngoài đó chơi. Nhưng Kim Dung có việc bất ngờ không thực hiện được ý định. Chỉ có chị em Thu Hòa, Thu Thủy sẽ đi cùng. Bất chợt, Nguyễn trở về Sài Gòn và đến thăm. Tôi kể dự định này. Anh sốt sắng đề nghị:

- Để Nguyễn đưa Dung và các bạn đi!

Tôi ngần ngại:

- Không tiện đâu. Bà chị họ của Dung có thể nói tới tai ông bà. Đã bị mắng không chịu học hành, trượt vở chuối, lại thêm cái tội đi chơi với bạn trai nữa chắc điên cái đầu.

Thực vậy nếu tôi học giỏi, thi kỳ nào đậu kỳ đó như thuở chưa biết yêu, có lẽ tôi không lo ngại bố mẹ đến như vậy. Trái lại tôi còn có thể xin ngay thẳng với ông bà để Nguyễn đưa các bạn và tôi đi chơi một cách tự nhiên. Anh vẫn kiên nhẫn bàn:

- Hay là Nguyễn đi riêng, ra ở Hôtel, ban ngày đưa Dung và các bạn đi chơi.

- Cũng không nên. Loạng quạng lại bị ông bà cấm cửa ả!

- Vậy, Nguyễn chỉ ra bãi biển gặp Dung, được không?

Thương cảm, tôi không thể từ chối Nguyễn mãi:

- Vâng, nhưng chỉ một lần thôi. Nguyễn làm bộ như tình cờ mình gặp nhau.

Nguyễn đành mỉm cười chấp nhận:

- OK. Vậy, Nguyễn sẽ gặp Dung ở đâu?

- Nguyễn có thể gặp Dung ở Bãi Trước, chỗ nhìn qua Hôtel Cyrno's. Sáng mai bọn Dung sẽ khởi hành và có mặt ở chỗ hẹn vào khoảng một giờ chiều ngày mốt.

Cách đây vài năm, tôi đã một lần theo chị Tâm và gia đình một người bạn của chị đi chơi Vũng Tàu, ở khách sạn Cyrno's. Nguyễn lại có ý kiến khác:

- Mình gặp nhau sớm hơn rồi cùng đi ăn trưa nhé?

Xúc động vì sự ân cần của Nguyễn, nhưng vẫn lo ngại đủ điều, tôi buồn rầu:

- Mình cứ gặp nhau thế thôi, tham lam quá, bố mẹ biết thì hết đi đâu được nữa. Nhưng, ra bãi biển có vài giờ rồi lại trở về ngay như thế có mất công Nguyễn quá không?

- Được gặp Dung, mười sông Nguyễn cũng lội, chín non Nguyễn cũng trèo, mất công gì đâu!

Tôi nhìn xéo chàng thiếu úy si tình:

- Nguyễn xảo vừa thôi ạ!

- Dung thử đếm xem từ Pleiku về đây Nguyễn đã vượt qua bao nhiêu sông, bao nhiêu núi rồi?

- Lại kể công nữa. Nguyễn đi xe Jeep chứ lội bộ đâu? Nhưng vì một lý do nào Nguyễn không đi được, Dung không giận đâu. Đùng ba gai trốn họp nhé!

Trưa hôm đó, sau bữa trưa với các cô cháu họ, Thuận, Song, Minh, Phụng, Danh trong một xóm trù phú của Vũng Tàu, Thu Hòa, Thu Thủy cùng Ngọc Thuận và tôi đi bộ qua phố chợ ra Bãi Trước, tên thơ mộng hơn là Bãi Thùy Dương. Tôi nói với mấy cô con gái về chuyện Nguyễn có thể ghé bãi biển. Thu Hòa gật gù:

- Chàng theo bển gót nàng rồi.

Thu Thủy mỉm cười:

- Dung quen chàng lâu chưa?

- Cũng vài năm.

Ngọc Thuận hấp tấp hỏi:

- Chàng đã déclarer với dì chưa?

- Làm như bạn mà còn ớn quá đây. Thuận đừng nói chuyện này với má và ông bà nhé.

Tuy là cháu, Ngọc Thuận hơn tôi vài tuổi và là cô giáo độc thân trường tiểu học Vũng Tàu. Nàng tỏ vẻ hiểu biết:

- Cháu thông cảm với dì. Mấy ông bà già kỳ cục lắm. Con gái không có ai hỏi tới thì sốt ruột. Chúng nó có bồ thì lại lo sợ, căm căm.

- Nhất là tôi vừa thi trượt nữa nên phải cẩn thận, có thể bị la vạ lây tới Nguyễn.

Các cô đi dưới bóng rợp của những hàng cây dừa, cây me, cây bàng, cành lá đan nhau chỉ để lọt vài sợi nắng. Bãi cát đầy kín quán ăn, giải khát, bật, dù, ghế vải đủ màu. Phải ra trước khách sạn Cyrno's người ta mới nhìn thấy biển xanh bát ngát, cát vàng chan hòa ánh nắng. Tuy ngày thường, người tắm biển và du khách khá đông trên bãi vì vẫn còn nghỉ hè của các trường.

Chúng tôi đứng trước khách sạn nhỏ như một biệt thự êm đềm, thanh lịch. Nhìn suốt về hướng Nhà Trắng, mái đỏ xinh đẹp nằm trên triền Núi Lớn bên mặt, phía bắc Bãi Trước, tôi không thấy Nguyễn. Chúng tôi quay xuống hướng Nam. Ngọc Hải Đăng trên Núi Nhỏ bên trái. Xa xa hai bóng sĩ quan trong quân phục kaki vàng đang đi lại. Tôi nhận ra Nguyễn đi bên cạnh nhà thơ Phan Lạc Tuyên. Nhịp tim bỗng đập nhẩy rộn ràng. Gió hình như ngưng thổi, không gian bừng bừng nóng. Giai nhân, tài tử cùng tiến gần và ngừng lại đối diện. Tôi biết tất cả nên giới thiệu mọi người với nhau. Sau vài câu chào hỏi, chúng tôi theo sự chỉ dẫn của Ngọc Thuận đi xuống một bãi cát yên tĩnh, vắng vẻ. Những tảng đá lớn là ghế ngồi, bóng cây là dù che xanh rợp. Bên kia đường đồ sộ khách sạn Grand Palace và nhà Bưu Điện.

Cô giáo Thuận hoạt bát, có duyên của Vũng Tàu và hai tiểu thư khuê các Sài Gòn, Thu Hòa, Thu Thủy triệt để khai

thác, tìm hiểu văn chương, thơ phú trong hai nhà thơ, nhà văn quân đội. Sắp học triết, Thu Hòa còn nói chuyện Jean-Paul Sartre, thuyết hiện sinh với giáo sư Phan Lạc Tuyên! Bà cô chỉ chờ dịp trêu chọc Ngọc Dung và Nguyễn, hai kẻ ít nói nhất. Ánh mắt chúng tôi nhìn nhau đã tố cáo tất cả tâm tình. Có một lúc Nguyễn đưa tay lên vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trên má tôi:

- Có một con nhện vàng muốn giăng tơ trên tóc Dung này.

Ngọc Thuận buông một câu có sức bỏng cháy hơn cả nắng Vũng Tàu:

- Đó là điềm vui đám cưới đấy!

Tôi làm bộ thản nhiên:

- Đám cưới ai nhỉ? Phải là của cô nào lớn nhất trong đây.

Thu Thủy đưa ra chứng minh vững vàng như những tảng đá chúng tôi đang ngồi:

- Nhện giăng ai thì đám cưới người đó chứ!

Ánh mắt sắc sảo của Thu Hòa nghiêng chao sóng biển:

- Đúng đấy, không sai vào đâu được!

Tôi có cảm tưởng bị nướng chín như con tôm hùm trong máy gánh hàng rong trên bãi cát vì những lời tai quái ấy:

- Mấy người ác vừa chứ nhé. Lần sau cho ở nhà, không rủ đi nữa đâu.

Sau khi chia tay, Nguyễn và Phan Lạc Tuyên lên xe Jeep trở về Sài Gòn, Thu Hòa vẫn oái oăm chưa tha cho nạn nhân:

- Ta có thấy con nhện quên quện nào đâu. Muốn vuốt tóc nàng làm thơ, chàng giả bộ có nhện vàng giăng tóc em!

Tuy vậy, niềm vui lây, sự đồng lõa vẫn chưa chấm dứt. Những người bạn thân thiết còn muốn công nhận và mong chờ kết quả tốt đẹp cho hai kẻ đang trong yêu thương. Vài tuần sau, tôi theo mẹ đưa Song Hà tới một trường học bên Khánh Hội để em dự thi vào đệ thất Trưng Vương.



Trời miền Nam nắng như thiêu đốt. Trong áo dài trắng học trò, tôi đứng núp dưới bóng dù của mẹ. Lo âu hiện trên khuôn mặt phúc hậu của bà. Đã kinh nghiệm vài lần và hiểu Song Hà đang hồi hộp trong lớp thi, tôi cầu nguyện cho em làm được bài. Bỗng dung, tôi cảm thấy có người đang nhìn và nhận ra nhà thơ Phan Lạc Tuyên đứng gần đây. Ông tiến lại chào hỏi mẹ và tôi. Ông cũng đưa con gái lớn nhất đi thi. Cô bé là bạn học của Hà. Khi thí sinh lác đác đi ra, mẹ hấp tấp tới gần cửa lớp để gặp cô con gái út mau hơn và hỏi về tình hình bài thi. Tôi vừa định đi theo bà, họ Phan chợt nói nhỏ đủ tôi nghe:

- Dung có yêu Nguyễn không?

Tôi đứng yên, ngớ ngàng mở to đôi mắt nhìn nhà thơ, không một phản ứng. Ông ta lại tiếp:

- Dung có muốn Nguyễn hỏi cưới Dung không?

Nóng bừng đôi má, tôi cúi đầu xấu hổ không thốt được một lời. Nếu mẹ đứng cạnh đó, chắc tôi đã ản sau bà. May quá, mẹ và Song Hà vừa bước tới đã gỡ bối rối cho tôi. Lí nhí lời chào Phan Lạc Tuyên, tôi nghiêng đầu vội vàng đi theo mẹ cùng em lên taxi và mừng không phải trả lời một vấn đề riêng tư, thàm kín rất khó nói. Nguyễn đã tâm sự những gì để nhà thơ họ Phan đột ngột phỏng vấn tôi như vậy? Tuy mong Nguyễn đổi về Sài Gòn và thật vui lúc gặp anh, tôi vẫn chẳng dám nghĩ tới hôn nhân khi chưa đậu được mảnh bằng tú tài. Tôi không lập lại với ai, dù là Nguyễn, hai câu hỏi quá ư thẳng ngay của tác giả bài thơ Tình Quê Hương:

*Anh về qua xóm nhỏ,  
Em chờ dưới bóng dừa,  
Nắng vàng lên mái tóc,  
Tình quê hương đơn sơ...*

Song Hà đã đậu vào đệ thất Trung Vương. Vị chi bốn chị em chúng tôi, Minh Tâm, Ngọc Dung, Tường Vân, Song Hà trong “Ngũ Long Công Chúa” của bố mẹ cùng học một trường. Hà giống chị Tâm to con, khỏe mạnh, thông thạo chạy xe đạp như bay và xông xáo, lanh lẹ như một cậu con trai. Ngược lại, Vân hiền lành yếu đuối, vẫn thu mình trên xe buýt mỗi ngày. Nhưng cũng như tôi ngày xưa Hà Nội, Vân, Hà học rất giỏi, chăm chỉ, thông minh. Tôi hy vọng hai em thay thế tôi trên đường học vấn, hài lòng cha mẹ.

Tôi trở lại trường học đệ nhị vì phải vâng lời đáng sinh thành, thâm tâm chán nản, chỉ muốn ở nhà tự học lấy, năm sau đi thi. Bạn thân không còn học cùng lớp, tôi chẳng thiết tha làm quen với bạn mới vừa dưới đệ tam lên. Tôi cũng không nhớ cô nữ sinh nào đã học với tôi, giáo sư nào đã dạy tôi niên khóa đệ nhị 1958-1959, một niên học hoàn toàn trống rỗng trong tâm trí.

Không liên lạc thường xuyên với bạn cũ, nhưng trong một đám cưới tôi gặp lại Kim Dung, Thu Hòa. Ba chúng tôi cùng phù dâu chị Hoa, chị của Kim Dung. Quảng, ông thầy trẻ tuổi, dạy tư Anh, Pháp văn cho chúng tôi hai năm trước lẽ dĩ nhiên có mặt trong dịp ấy và vẫn là đối tượng của nàng. Tài tử, giai nhân hồng hồng đôi má, đầu mày cuối mắt, chớp chớp, long lanh. Về phần Thu Hòa, nàng vẫn có chàng sinh viên quân y sắp tốt nghiệp, đã rắp ranh bán sê từ lâu. Hòa bỏ lớp triết Gia Long. Nàng lấy bài từ một trường tư và học ở nhà nhiều hơn đến lớp. Tại trường công, học sinh phải học nhiều môn không có trong chương trình thi, tham gia nhiều sinh hoạt nhà trường. Những cô không còn thông minh như tôi, chỉ nên học tủ đủ môn thi. Thuở đó nếu được bỏ thi tú tài như ở Mỹ ngày nay, có lẽ tôi đã không ghét bản nhạc "Mùa Thi" của Đỗ Lễ đến thế:

*Thi ơi là thi, sinh mi làm chi,  
Bay, ghen ngào! Bám, ồn ào! Buồn, vui vì mi!...*

Trong lúc tôi buồn bực vì thi trượt liểng xiểng, Luận hỉ hả trở lại thăm tôi với cái bằng Baccalauréat II to tướng. Thực vậy, cậu học sinh Chasseloup Laubat ba năm trước đây giận hờn bị tôi “chê con nít, viết thư tình vớ vẩn” nay đã trở thành một sinh viên tuần tú, chừng chạc hơn. Tuy nhiên, Luận tỏ ra rất nhã nhặn, không có ý “trả thù” và tâm sự rằng, sau khi thất vọng trượt Brevet, đã nhẩy xuống... tàu định trốn lậu đi Pháp, nhưng bị bắt lại và bị tù ba tháng. Thế rồi Luận nhất quyết học và đậu được mấy bằng cam go kia mới tới gặp lại tôi.

Nghe nói vậy, Ngọc Dung rất xúc động, không dám đụng chạm khí thế anh hùng nữa. Tuy đã mang trong tâm một bóng người, tôi vẫn vui vẻ tiếp Luận khi không tránh được. Dân trường Tây, trẻ trung cởi mở, Luận rủ tôi đi xi-nê, ăn kem, nghe nhạc, du ngoạn ngoài thành phố như tôi là cô đầm non thứ thiệt. Tôi từ chối tất cả những lời mời của Luận và phải giải thích, ông bà già cho tôi tiếp Luận ở nhà là một sự rộng rãi lắm, đi chơi với bạn trai là một chuyện không thể được. Có lần Luận định tặng tôi hình James Dean lớn để treo trên tường. Chàng “con nuôi Tây” chẳng hiểu gì về gia đình một người con gái học trường Việt từ tấm bé. Tôi có thể treo hình những vị anh hùng dân tộc như Trưng Trắc, Trưng Nhị, Lê Lợi, Trần Hưng Đạo, Nguyễn Huệ, nhưng hình tài tử màn ảnh Hollywood chắc chắn không!

Tôi chợt nhận thấy Luận có nhiều nét giống James Dean, mày rậm, mắt đen láy, khi cười mặt hồng tươi, cặp môi đỏ như con gái, hai tay áo sơ-mi màu vén cao. Luận nói vanh vách những bài hát Pháp, Mỹ đang thịnh hành. Khi biết gia đình tôi chỉ có cái máy chạy đĩa hát cổ lỗ sĩ, Luận đề nghị cho tôi mượn bộ Stereo-Hi-Fi. Tôi chỉ cười và lắc đầu. Trượt

như tôi chẳng có quyền nghe một thứ nhạc nào. Tôi cũng không hề tâm tình riêng tư với Luận...

Thế rồi, Nguyễn được đổi về Sài Gòn làm việc tại Cục Tâm Lý Chiến, bên sông Thị Nghè, cách trường Trưng Vương vài quãng đường ngắn. Tôi không thích đến ngồi trong lớp học, nhưng xông xáo đi về qua sở anh. Đón gió mát sớm mai, tôi phóng xe từ Phú Nhuận qua Tân Định, Đa Kao, tới đầu Phan Thanh Giản, con đường Nguyễn Bình Khiêm hình như có nam châm ghim chân đạp. Nàng thơ trông ngóng:

### EM TAN TRƯỜNG RA

Sớm mai đi học nắng chưa lên  
 Võ Tánh, Di Nguy, Nguyễn Bình Khiêm  
 Chậm chậm lỏng buông đôi gót ngọc  
 Quân phòng bên lộ có anh quen.

Áo dài trắng thắt nhỏ eo gầy  
 Má đỏ, môi hồng lộn tóc mây  
 Nón mỏng bài thơ quai thắm tím  
 Mong anh qua lối trường em đây.

Chân cầu nước chảy Thị Nghè bên  
 Tiền tuyến, hậu phương thảo bút nghiên  
 Anh có băng khuâng dành một chút  
 Cho người em gái tuổi hoa niên?

Trưng Vương ngồi học, miệt mài lâu  
 Bài vở mơ màng có thuộc đâu  
 Lơ đãng mây trời qua lối ấy  
 Hồn thơ vang tiếng gọi tên nhau.

Trưa lên cao nắng xuống chan hòa  
 Bóng lá me ôm dáng thướt tha  
 Găng trắng tay xinh xe đạp lái  
 Em tan trường lén lén trông ra.

Bánh xe lính trẻ tấp lè nhanh  
 Cặp sách nữ sinh nghiêng sát anh  
 Tha thiết chúng mình trao đổi hẹn  
 Đường em về vẫn biếc mây xanh.

(Tình Thơ Học Trò, 1958)

Tuy mong gặp nhau luôn, Nguyễn và tôi đều dè dặt. Nếu thi trượt nữa, tôi không muốn bị la mắng vì cái tội có bạn trai, sao nhãng học hành. Tuần một lần, vào những lúc cha tôi ở sở, Nguyễn thường đi với một người bạn nào đó như Thái Thủy, Thanh Nam, Tô Kiều Ngân, Diên Nghị, Thế Phong, Phan Lạc Tuyên... đến thăm tôi chớp nhoáng hay hẹn tôi đến nhà anh gần Ngã Bảy. Anh ở với bà mẹ và gia đình người bác. Tôi được biết thân mẫu của anh là bà hai. Ông thân sinh ra anh hiện đang ở với bà năm và người anh con bà cả. Chị gái của Nguyễn có gia đình ở Bàn Cờ. Người em trai tốt nghiệp trường Võ Bị Sĩ Quan Đà Lạt. Ngày đầu tới thăm Nguyễn trong phòng khách trên gian gác nhỏ sơ sài, tôi nhìn ngay thấy cái khung ảnh bán thân của một người con gái trên bàn. Tôi hỏi:

-Anh ai vậy, Nguyễn?

- Cô bạn gái của ông anh họ.

Nhưng cái hình đó ám ảnh và theo tôi về tận nhà. Bỗng nhiên, tôi chợt nhớ đã trông thấy nó tại phòng khách của Nguyễn và hai người bạn Biệt Động Quân trại Đồng Đế Nha Trang hè 1955. “A, Nguyễn đã có bạn gái trước đây! Chuyện

đó cũng là thường! Nhưng còn để ảnh người ta ở trên bàn và tưởng nhớ thì... không có Ngọc Dung rồi!” Lập trường thoắt nhiên được đỡ móng xây tường vững vàng! Tự ái ở đâu được dựng lên cao vời vợi. Tôi không muốn chiêm ngưỡng dung nhan nàng thơ của Nguyễn mỗi lần đến gặp anh và quyết định hỏi cho ra sự thực. Thì đây, Nguyễn tới, không có bạn tháp tùng và lại hẹn tôi đến nhà anh cuối tuần. Tôi bậm môi:

- Thôi, chẳng dám đâu. Ông anh họ của Nguyễn còn để ảnh bỏ ngay trên bàn. Chỗ riêng tư của người ta, Dung ngại lắm.

Nguyễn ngạc nhiên:

- Ảnh nào, ở đâu?

- Cái ảnh giống như cái Dung trông thấy trong trại Đồng Đế của Nguyễn ngày hè mấy năm trước ở Nha Trang đó?

Nguyễn cười thành tiếng, như chưa bao giờ vui vẻ thế. Anh quên cả ý tứ, vói qua bàn và nắm tay tôi lần đầu tiên:

- Nguyễn có nhớ ảnh nào đâu? Và, dù có đi nữa, Nguyễn cũng dẹp hết, chỉ để ảnh Dung thôi.

- Ô, đừng! Nàng thơ khác thấy ảnh Dung thì phiền cho Nguyễn quá!

Làm mặt nghiêm trang, Nguyễn vẫn không giấu được ánh mắt thích thú:

- Nguyễn chỉ có một nàng thơ sắp khóc ngời trước mặt, không ai khác cả. Dung đến chơi sẽ thấy phòng trống trơn, không còn ảnh nào. Không tin, Dung hỏi ông anh của Nguyễn, hình đó có phải là bỏ của hẩn không?

Xấu hổ ôm mặt, tôi tin lời Nguyễn một cách dễ dàng. Ôi, cái thuở “*được giận hờn nhau sung sướng biết bao nhiêu!*...”

Đến nhà tôi hoài sợ bố mẹ để ý, nên thỉnh thoảng Nguyễn ra trước Thảo Cầm Viên, đợi trên Lambretta để đưa nhanh cho tôi một tờ báo, trao vội vài lời hẹn hò. Đến nhà anh luôn, tôi cũng ngại ngùng. Nguyễn đã hẹn gặp tôi ở quán La Pagode, góc đường Tự Do, Lê Thánh Tôn hay

Givral gần đó. Tách cà phê đen của Quán Chùa ấy, lần thứ nhất trong đời đã làm tôi choáng váng như say rượu. Trái tim non yếu đập rối loạn tưởng chừng ngừng tắc tuần hoàn vì chất cà phê mạnh và người đối diện. Thiếu nữ thao thức một đêm không ngủ với hình ảnh người yêu nồng nàn.

Những lần hẹn hò sau, tôi chỉ dám uống trà sữa nóng hay thêm “croissant”, bánh ngọt để ăn sáng. Tại Givral, đôi khi Nguyễn gọi món mì nước ngoại lai, “jambon” thay xa-xú, để ăn trưa. Tôi thích quán này hơn vì nắng sáng chiếu vào tận bàn, có nhạc ngoại quốc. Nguyễn thường để tôi chọn bài hát, anh bỏ “jeton” cho máy chạy những đĩa nhạc thời trang, “When I Fall In Love, Too Young, If I Give My Heart To You, Love Letter In The Sand, April Love, A Certain Smile...” Nhà văn nữ Pháp, Françoise Sagan đã trở thành thần tượng của giới trẻ sau tác phẩm *Bonjour Tristesse, Un Certain Sourire...* được dựng thành phim và chiếu tại Sài Gòn hồi đó.

Có lần, một người bạn của Nguyễn đi ngang qua Givral, rẽ vào quán ngồi đối diện Ngọc Dung và trêu chọc:

- Dung biết không? Lý mơ ước có một cô bồ má đào mơn mớn, cái cằm xinh xinh, đôi môi ngon đỏ như Dung để nghiên ngấu ôm hôn hoài.

Giấu mặt sau đôi bàn tay, tôi không nói được một lời. Nguyễn vừa đặt đĩa nhạc, trở lại bàn và mắng đùa bạn:

- Tên này nhảm, ra chỗ khác chơi. Dung đã có người yêu rồi. Đừng làm Dung mắc cỡ đòi về thì mày chết với tao Lý ạ!

Người bạn đi rồi, Nguyễn nhìn khuôn mặt chắc còn hồng màu rượu của Ngọc Dung và cười hóm hỉnh:

- Lý nói thật lòng đó. Nó quý mến Dung lắm. Có lần nó nói rằng, Nguyễn mà sơ hở là nó giành Dung liền. Nhưng Lý tốt với bạn và dễ thương lắm.

- Anh Lý làm Dung ngượng quá!

- Nguyễn biết, nên vội vàng về bàn ngay để “stop” Lý lại. Nó đang khao khát kiếm tìm một người yêu như Dung. Nguyễn may mắn, phải không?

Quán máy lạnh mát rượi, nhưng thân thể tôi bốc hơi như ly trà sữa nóng trên bàn. Tôi trả lời Nguyễn bằng nụ cười thẹn thùng. Thời gian như ngừng trôi trong ánh mắt giao nhau... Qua khung cửa kính cao rộng hai mặt quán, nắng vẫn chan hòa trên vườn hoa Lam Sơn xanh mượt cỏ. Trai thanh, gái lịch dập dìu thuở Sài Gòn còn thanh bình, trong sáng.

Và, chẳng lạ gì, người con gái đang yêu lại trượt lần thứ ba. Vị chi bấy năm học Trung Vương tôi không đậu nổi cái bằng Tú Tài I. Thời vẽ vang, học hành giỏi dang đã qua rồi. Tôi khổ sở đã làm cha mẹ buồn. Ông bà đã mất hết hy vọng về chị Tâm, nay lại đến tôi. Không thời học trò nào sâu thăm hơn. Những cơn ác mộng, tuyệt vọng về thi trượt vẫn thảng thốt đeo theo tôi suốt cuộc đời còn lại.

Niềm vui của Nguyễn Thị Ngọc Dung bây giờ là làm thơ, gặp gỡ Nguyễn. Chàng đã có tiểu thuyết dài xuất bản. Truyện nhẹ nhàng thơ mộng mà giới trẻ đang yêu, đang chờ đợi một tình yêu say mê đọc. Lẽ dĩ nhiên nàng là một độc giả trung thành của Nguyễn và cảm động bắt gặp tâm tình tác giả, hình ảnh, dáng nét của nàng cùng các bạn trong truyện. Có những đêm nàng mơ màng:

### NHƯ ANH RU CẠNH BÊN

Anh đã về đây ở lại đây  
Đường không đo đoạn nhớ voi đây  
Núi cao rừng thẳm không ngăn cách  
Thành phố rộn ràng hương ngát ngày.



Sớm lên chiều xuống cùng trời mây  
 Nắng đổ mưa rơi chung bóng cây  
 Hò hẹn mỗi tuần nhà gặp gỡ  
 Ngoài kia hoa bướm cũng vui lây.

Khuôn bàn gỗ nhỏ cách đôi tay  
 Anh chẳng ngồi lâu cha mẹ rày  
 Ngẩn ngủ dăm câu thăm hỏi vội  
 Vài trang vừa viết gửi em ngay.

Tha thiết tâm tư trải những dòng  
 Truyện, thơ anh tặng đẹp mệnh mông  
 Bâng khuâng nghiền ngẫm trang tình tự  
 Thơ thần vào ra lại ngóng trông.

Trăng xanh nhưng nhớ giải qua song  
 Thao thức đêm trường anh có mong  
 Nhện có giăng thơ hay dệt truyện  
 Cho em đọc suốt bấy ngày không?

Anh hỡi, bao giờ lại đến em  
 Tặng thơ âu yếm chảy tim mềm?  
 Canh khuya gác nhỏ tràn mơ mộng  
 Ngỡ tưởng như anh ru cạnh bên!

(Tình Thơ Học Trò, 1958)

Các cô bạn học dù không thân, cũng đến điều tra tôi về Nguyễn. Anh là niềm kiêu hãnh bù trừ cho nỗi buồn thi trượt. Nguyễn an ủi tôi:

- Cứ thi mãi có ngày đậu, lo gì. Chúng mình đi chơi đâu cho vui. Dung buồn, xấu gái lắm đấy.

- Chị Tâm đang rủ đi Vũng Tàu. Dung không muốn đi.

Sau hai năm ở Đà Lạt, chị Tâm, chị Phương đã trở về Sài Gòn và dạy tại trường tiểu học tư thục Rạng Đông, đường Phan Đình Phùng. Nguyễn thương cảm nhìn cô bạn gái:

- Dung nên đi ra ngoài một chút cho khỏe. Trông Dung xanh xao, Nguyễn chịu không được.

Sự chú ý và săn sóc của Nguyễn đã đem lại cho tôi một nụ cười trọn vẹn:

- Nguyễn không chịu được thì làm sao?

- Nguyễn muốn Dung nhận lời đi chơi với chị Tâm và cho Nguyễn đi theo.

Một khung trời đại dương hiện ra trước mắt, tôi cảm thấy như đang hít thở gió biển mặn nồng, khoan khoái:

- Vâng, đi chơi có Nguyễn thì vui hơn! Để Dung hỏi lại chị Tâm xem chương trình ra sao.

Một ngày cuối tuần nô nức, chị Tâm, Tường Vân, Song Hà, Nguyễn, Ngọc Dung chen chúc nhau trong cái xe Volkswagen hai ngựa màu trắng của anh Lân, bạn trai của cô chị. Xe thẳng đường Biên Hòa, Long Thành, Vũng Tàu. Muốn đi chơi, chị Tâm phải đem theo cả ba cô em và nói dối bố mẹ ở nhà bà chị họ, má của chị em Ngọc Thuận như lần trước tôi ra Vũng Tàu với Thu Hòa, Thu Thủy. Nhưng lần này chúng tôi ở khách sạn Cyrno's. Bốn chị em ở một phòng mặt tiền có cửa sổ nhìn ra biển Bãi Trước. Anh Lân và Nguyễn chung phòng phía sau.

Chúng tôi ăn trưa tại khách sạn. Bàn ăn ngoài hiên, rợp bóng cây bàng, lá to như cái quạt mo, quả bàng rụng đầy sân. Nguyễn đã gọi cho tôi món súp trong, tôm hùm lạnh, sốt trứng tươi (consommé froid, homard froid, mayonnaise fraîche). Hình như lần nào có dịp trở lại ăn tại khách sạn này, tôi cũng gọi mấy món ấy và thả hồn trở về kỷ niệm...

Sau bữa trưa, chúng tôi hớn hờ lên ngồi chật cái xe con cóc và theo đường Quang Trung qua nhà Bưu Điện nằm dưới

chân ngọn Hải Đăng trên Núi Tao Phùng. Vòng quanh vách Núi Nhỏ này, xe qua bãi Dừa xuống mỏm cực Nam của Vũng Tàu, Mũi Nghinh Phong đón gió mát thổi bạt hơi, bay tóc áo như địa danh ấy. Anh Lân ngừng xe, chúng tôi ra ngồi bàn ngoài sân của một quán ăn cheo leo trên vách đá cao. Bãi biển sâu phía dưới, lác đác hình người nhỏ li ti. Nước xanh bát ngát, thấp thoáng những cánh buồm trắng, hải hạm, tàu buôn êm đềm ngược xuôi về những bến bờ xa tấp. Đã ăn trưa nên Nguyễn chỉ gọi nước ngọt cho chúng tôi. Anh Lân quay sang Hà, Vân:

- Các em thử đếm xem có bao nhiêu con tàu ngoài biển kia!

Nguyễn góp ý:

- Đếm tàu không thì ít quá, nên tính cả các loại thuyền nữa.

Cô em mới học hết lớp đệ thất, Song Hà ra điều kiện:

- Em đếm được nhiều thì phải được thưởng nhiều cơ?

Anh Lân hứa hẹn:

- Anh sẽ thưởng một chuỗi vỏ sò.

Tường Vân với đôi mắt to sáng rỡ:

- Cho Hà đếm trước, em đếm sau, chỉ cần cộng thêm một thôi là thắng chuỗi vỏ sò và một vỏ ốc lớn nhé?

Chúng tôi cùng cười rộ và bắt đầu vào cuộc thi, dời mắt nhìn ra đại dương bao la để tìm những dấu di động nhỏ nhất ngoài khơi Nam Hải. Chị Tâm ghé gần Hà đếm phụ cô em út. Tôi thì thầm giúp Vân không bỏ sót một điểm nghi ngờ. Kết quả Vân, Hà đều được thưởng ngang nhau. Đứng bên tôi, Nguyễn hỏi:

- Dung muốn mua gì không?

- Dung vẫn còn cái vỏ ốc Nguyễn cho từ hè Nha Trang và vẫn nghe tiếng sóng biển trong đó. Dung không thích gì thêm.

Nguyễn ngạc nhiên nhìn tôi:

- Vậy hả, Dung vẫn còn giữ nó?

Nhìn ánh mắt ám áp của Nguyễn, tôi gật đầu. Nhưng khi thấy những vỏ ốc đủ vân màu thiên nhiên tinh vi của loài vật nhỏ bé, xinh đẹp nhất trong biển cả, tôi không thể bỏ qua:

- Vỏ ốc đẹp quá! Dung muốn một hộp nhỏ làm kỷ niệm.

- Dung không thích râu chuôi đeo cổ, đeo tay?

- Mấy thứ đó cho con nít. Dung chỉ thích ngắm vỏ ốc với nhiều màu sắc dễ thương.

Vỏ ốc nhỏ Vũng Tàu đã được đặt cạnh vỏ ốc lớn Nha Trang trên bàn học và chúng là bạn của tôi những lúc thân thơ, tương tư người yêu, không làm được việc gì. Vỏ ốc lớn được áp vào tai để nghe tiếng sóng biển Nha Trang vẫn dạt dào. Vỏ ốc nhỏ từng đôi giống nhau được lựa ra cho nằm trên trang giấy trắng tinh hay được bóc lên tay và đồ xuống nghe như tiếng gió reo qua hàng thùy dương trên bờ biển.

Buổi chiều ấy, sau khi ra phố chợ ăn cơm, chúng tôi thả bộ về hướng Núi Tương Kỳ. Qua Tòa Nhà Trắng nằm dưới chân Núi Lớn này, đường biển vòng theo vách đá cao đi sang Bãi Dâu, tượng Đức Bà, Bến Đá, Thích Ca Phật Đài, Bến Đình... Chị Tâm nhìn lên Biệt Thự Trắng:

- Trên nhà kia có ai ở không nhỉ?

Anh Lân nhìn theo tay chị Tâm:

- Ngày xưa Maison Blanche là nhà nghỉ mát cho quan Toàn Quyền Pháp. Vua Thành Thái bị thực dân Pháp đưa tới quản thúc ở đây trước khi đầy đi đảo Réunion, Phi Châu.

Nguyễn tiếp lời:

- Thời ông Bảo Đại, nhà này là nơi nghỉ mát của ông, bây giờ của các ông bà lớn miền Nam Cộng Hòa.

Chúng tôi đi xuống Mũi Đá. Hòn Hải Ngưu nằm dài như con trâu đang dầm mình bên bờ biển. Ánh nắng chiều dát vàng vịnh nước. Mặt trời chói lọi và dần dần thu gọn như cái đĩa tròn lơ lửng vài sải cách chân trời. Tôi ngạc nhiên hỏi Nguyễn:

- Lạ nhỉ, Dung tưởng ở Vũng Tàu, buổi sáng mặt trời mọc ngoài biển, buổi chiều lặn sau núi chứ? Sao mình lại thấy mặt trời dần lặn xuống biển bây giờ nhỉ?

- Nói chung bờ biển Việt Nam nhìn ra hướng đông. Nhưng thị xã Vũng Tàu là một bán đảo nhỏ hẹp, nhô ra Nam Hải. Phía Bắc Vũng Tàu dính với đất liền. Bãi Sau ở phía đông, người ta nhìn thấy mặt trời mọc ngoài biển và thấy mặt trời lặn sau núi. Bãi Trước ở phía tây, nhìn sang Cửa Cần Giờ qua vịnh Vũng Tàu trước mặt chúng mình đây. Nên từ bãi này, đôi khi người ta có cảm tưởng mặt trời lặn xuống biển vì không nhìn thấy đất liền, bờ bên kia của vịnh lớn. Theo lời các cụ, ngày xưa, người ở Bãi Trước có thể nghe tiếng gà gáy vắng sang từ Cửa Cần Giờ khi vịnh Vũng Tàu còn nhỏ hẹp chưa bị sóng biển xoi mòn sâu rộng như ngày nay.

Nghe cái tên Cần Giờ thật dễ thương, tôi bắt chước giọng miền Nam và đọc một câu hò:

*–”Hò ơi...(chớ) Giặc Tây đánh tới Cần Giờ, Bậu đừng thương nhớ...(ờ) Hò ơi... (chớ) Bậu đừng thương nhớ đợi chờ uống công.”*

Nguyễn nhìn tôi ngạc nhiên:

- Dung thuộc hò miền Nam nhỉ?

- Dung bắt đầu thương miền Nam vì nghe những câu hò mộc mạc, tình tứ ấy.

Chị Tâm, anh Lân và Hà theo nhau leo trèo trên những mỏm đá cao ngoài xa hơn. Nguyễn ngồi xuống bên tôi và Vân trên bờ đá thấp. Mặt trời đỏ ối đã xuống thấp độ ba, bốn sải trên mặt nước lóng lánh như kim nhũ. Ráng chiều rực rỡ đến ngừng thở, nức nở con tim, long lanh nước mắt. Tôi thì thào với Nguyễn:

- Hoàng hôn Vũng Tàu đẹp quá Nguyễn nhỉ? Dung muốn ước một điều trước mặt trời.

- Dung ước điều gì, có thể cho Nguyễn nghe được không?

- Không, phải giữ kín, điều ước mới thành được.

- Dung ước có Nguyễn trong đó nhé?  
 Tôi gặt đầu khếp riềm mi, thăm mơ màng như trong bài thơ:

### BẾN BỜ HOA MỘNG

Nắng chiều ngả bóng bãi thùy dương  
 Rộn rã thuyền về đậu bến thương  
 Lóng lánh đĩa vàng sa diễm lệ  
 Tình em dào dạt biển đông phương.

Thủy triều diu dặt gió mênh mông  
 Thoi thóp hoàng hôn rắng tím hồng  
 Bờ đá thì thăm trao ước nguyện  
 Trăng sao thủ thi gửi tơ lòng.

Một ước em mang áo rỡ ràng  
 Tình anh êm ái biển mơ màng  
 Để em ngả xuống lòng anh ngủ  
 Ghènh đá êm ru sóng dịu dàng.

Hai ước em lên ngôi nữ hoàng  
 Vòng tay anh biển rộng thênh thang  
 Diu em về bến bờ hoa mộng  
 Sánh bước thong dong chốn địa đàng.

Ba ước anh mang trà rượu sang  
 Trà cau, bánh trái đủ khang trang  
 Xin cho em được về anh mãi  
 Hạnh phúc đôi ta nghĩa đá vàng.

(Tình Thơ Học Trò, 1958)

Hình như không có khoảng cách giữa vai tôi và Nguyễn. Tôi mở mắt, ngòai nhích ra vì cảm thấy nếu quay sang Nguyễn, môi tôi sẽ chạm môi anh. Bức họa chiều tà, chân trời rực thắm màu cam, vàng, hồng, tím. Thiên nhiên huyền bí rung động đến tận cùng tâm linh. Nguyễn nhìn mặt trời chỉ còn độ hai sải trên mặt biển tím gợn sóng vàng:

- Dung thấy mặt trời giống hình gì không?

- Như một quả cà chua lớn. Dung còn nhớ một bài thơ xưa xưa xưa xưa, chẳng biết tên tác giả, Dung thuộc từ thuở bé vì nghe các chị đọc hoài:

*Mặt trời như quả cà chua,  
Hôm nay rụng xuống mái chùa làng ta.  
Ô hay em thấy chiều qua,  
Mặt trời say rượu ngọn đu đủ đình...*

Nguyễn nhìn tôi thán phục:

- Dung nhớ nhiều thơ nhỉ!

- Dung thuộc cả thơ của Nguyễn nữa.

- Bài nào? Dung đọc Nguyễn nghe đi!

Tôi nghiêng nhìn sang Nguyễn:

- Dung thuộc bài thơ có tên Dung, nhưng không đọc đâu!

Nhắc tới bài thơ của Nguyễn có câu “Anh buồn thăm gọi Ngọc Dung ơi,” nhưng tôi lại e thẹn và nói sang chuyện khác:

- A, Nguyễn thấy mặt trời trước mặt mình bây giờ giống hình gì nữa?

- Giống như một cái mâm sơn son thếp vàng đựng lễ vật.

- Lễ vật?

- Trầu cau, bánh, rượu Nguyễn vừa đặt lên mâm sơn son đó và tặng Dung đấy.

Mới nghe, chưa được uống rượu thân thể đã nóng bỏng, Ngọc Dung trốn tránh ánh mắt nồng nàn của Nguyễn và nhìn “cái mâm sơn” vừa xuống chạm mặt nước:

- Nhà văn có khác, Nguyễn giàu tưởng tượng lắm. Nếu ở bên Cửa Cần Giờ lúc này, Dung có thể ôm cái mâm lễ vật của Nguyễn ngay nhỉ?

Nguyễn đưa tay qua vai tôi bóp nhẹ và kéo tôi sát người anh. Tôi khép mắt và cảm thấy hơi ấm từ Nguyễn. Hình như anh hôn trên tóc tôi. Chợt nhớ em Vân ngồi gần đây, tôi chòang mở mắt và chỉ còn kịp nhìn một sợi vàng cuối cùng vừa chìm xuống Vịnh Vũng Tàu. Tôi ngẩn ngơ nuối tiếc:

- Dung để mất mâm son của Nguyễn rồi!

- Nguyễn sẽ đền Dung mâm khác.

Im lặng nhìn sâu trong đôi mắt Nguyễn, tôi muốn tìm một lời cam kết chân thành và mong anh nghe thấy những tiếng nói thầm lặng trong tim người con gái ngồi bên cạnh: Bao giờ anh sẽ đền và cho em được như thơ anh đã đề tặng:

*Cửa tim anh khóa em rồi đó,*

*Em ở trong anh đến trọn đời.*

Gió bỗng nhiên liệng bay vờn cuốn. Hàng thùy dương vi vu, rì rào. Sóng giỡn đùa tung cao. Đại dương mặn nồng, thăm thiết. Anh nhỉ, bên ghềnh đá thề nguyên thương yêu, chúng mình đã ngồi đó, đắm chìm trong ngày đi ân cần, chiều sang đậm ấm, đêm xuống thì thầm tình tự. Chân trời hồng, bờ biển tím đã giữ mãi những ước mơ tuổi trẻ của chúng mình bằng tất cả tâm hồn, lý tưởng hoa niên tuyệt vời nhất! Có khi nào anh trở lại nơi xưa để nhớ tới em dù như một ảo ảnh hoang đường đã mất? Và, anh có biết, khung tranh rạo rục hoàng hôn thồn thức ấy sẽ chẳng bao giờ lịm tắt trong em!...

**S**au mấy kỳ thi trượt tôi không còn can đảm trở lại trường học. Tôi có ý định sang năm thi vào Sư Phạm để học ra làm cô giáo và sẽ thi lại tú tài cho đến khi nào đậu mới



thôi. Trong lúc ấy Nguyễn và tôi vẫn tiếp tục gặp gỡ nhau tại các quán nước. Tôi thường đi, về bằng xích lô hay taxi. Rồi như muốn kéo dài thêm những giây phút bên nhau, Nguyễn đề nghị đưa tôi về bằng xe Lambretta của anh. Cuối cùng phải tiến tới chuyện anh đón ngoài ngõ. Tình yêu đã cho tôi tất cả những liều lĩnh nhất của người con gái thời đó. Thân đã lâu và thương quá mất rồi, tôi không còn nghĩ, đi chơi với Nguyễn là tội lỗi nữa. Bố mẹ biết, đành cúi đầu chịu trận!

Lần đầu tiên hẹn Nguyễn đến đón là một hội hộp nín thờ. Tôi đi bộ theo con hẻm nhỏ sau nhà thờ Phú Nhuận. Khi ra tới đường Trương Tấn Bửu, nhìn trước, trông sau không thấy người quen, tôi đi nhanh về phía Nguyễn đang ngồi chờ trên Lambretta gần đường Nguyễn Minh Chiêu. Anh cũng đã nhìn thấy tôi và cho nổ máy xe. Liếc chừng xung quanh một lần nữa và chắc chắn không ai để ý, tôi nhảy gọn lên ngồi sau Nguyễn. Xe lao đi ngay và rẽ trái vào đường Công Lý hướng về hướng trung tâm Sài Gòn. Đồi lần Nguyễn đưa Ngọc Dung tới nhà anh chị Vũ Quang Ninh. Họ có một bức tranh treo trên tường trong phòng khách mà thoát nhìn tôi ngỡ tranh thiệt của Paul Gauguin, danh họa phái ấn tượng Pháp, 1848-1903.

Một buổi, vừa xa tầm mắt của bố mẹ, Nguyễn cho xe chậm lại và tìm tay tôi. Vòng tay ôm ngang người Nguyễn, tôi ngồi sát và giấu mặt sau lưng anh, tưởng đâu không ai nhận ra mình. Bỗng một xe hơi bỏ mui đi ngang tới. Tài xế tròn mắt ngó nhìn người con gái ngồi du dương với bò trên Lambretta. Thôi rồi, tôi bị bắt quả tang! Cái xe đỏ vụt phóng đi biến dạng. Tôi khúc khích cười. Tay trái vẫn nắm tay tôi, Nguyễn hỏi:

- Dung thú vị gì vậy?
- Tức cười quá! Nguyễn nghe chuyện này không?
- Chuyện gì thế cô bé?
- Nguyễn có để ý cái xe đỏ vừa chạy qua không?

- Không. Ai vậy?
- Anh chàng này vừa mới theo chị Kim đến nhà. Dung đã nói với chị, Dung có người rồi.
- Tại sao hẳn biết Dung?
- Chắc chị Kim khoe có em gái, nên anh chàng nhất định đòi xem mặt, tưởng cô em cũng phải đẹp như chị chẳng?
- Hẳn làm gì?
- Dân học trường Tây, đang là sinh viên gì đó sắp ra trường.
- Chắc phải là con nhà giàu nhỉ?
- Dung không biết. Mới thấy hẳn, Dung hơi hoảng vì sợ chuyện mình đi chơi đến tai bố mẹ. Nhưng chắc người ta chẳng làm thế. Có thể chị Kim sẽ được nghe và cũng không khi nào mách ông bà già. Dung không lo nữa.

Nguyễn phóng xe nhanh hơn và giữ im lặng rất lâu sau đó. Anh có vẻ không muốn nghe nhắc đến những người đàn ông, con trai khác tôi quen biết. Vài lần tôi nói chuyện về Nguyễn Trung, anh đều làm thinh không hỏi thêm một chi tiết nào. Gần đây tôi đã ngưng viết cho người bạn thư ấy và không nêu một lý do. Mặc cỡ, tôi cũng không tiết lộ đã có người yêu. Nhưng người họa sĩ trẻ vẫn tiếp tục viết thư cho tôi biết đã về Sài Gòn ở hẳn và theo học Trường Cao Đẳng Mỹ Thuật Gia Định, sau này có tang lớn, rất buồn. Dù thập phần áy náy, tôi vẫn không trả lời và phân ưu. Khi Nguyễn Trung có tranh triển lãm ở Phòng Thông Tin Đô Thành, tôi cũng không đi xem. Tôi muốn chiều Nguyễn và dành trọn tất cả tâm hồn, tư tưởng cho người yêu...

Hôm đó, Nguyễn định đưa tôi đến La Pagode. Anh vừa gửi xe bên vườn hoa trước Tòa Đô Chính, cơn mưa rào đổ xuống. Chúng tôi chỉ kịp chạy vào trú trong lối sau hành lang Eden. Mưa lồm đồm ướt áo dài vân hồng nhạt của tôi và áo sơ-mi trắng thư sinh của Nguyễn. Tôi khép mắt khi anh rút khăn tay thấm nhẹ mấy hạt mưa còn đọng trên tóc và khuôn mặt không trang điểm của tôi. Ngoài kia, ánh sáng mặt trời

từ hướng bờ sông Sài Gòn vẫn xuyên qua màn mưa rào. Vườn hoa như bốc hơi trong mưa xuống, nắng lên cùng một lúc. Hai bên tường vào thương xá Eden treo nhiều bích chương quảng cáo lớn trong đó có phim *Giant* với Elizabeth Taylor, James Dean, Rock Hudson đang chiếu. Giới nghiên xi-nê không thể bỏ qua bộ phim vĩ đại cuối cùng của thần tượng James Dean. Nguyễn bắt ngay ý nghĩ của tôi:

- *Giant* hay đấy, Dung đi xem với Nguyễn không?

Tuy ham lắm, tôi vẫn từ chối:

- Để lúc khác, phim này cũng hơi dài. Hôm nay Dung phải về sớm.

- Có phải đã lâu Dung không đi ciné?

- Gặp gỡ Nguyễn mỗi tuần, ham đủ thứ nữa thì hư quá.

Dung muốn tự phạt mình về cái tội trượt vở chuối hoài.

Tuy nói vậy, tôi vẫn nuối tiếc những ngày vui nhộn với bạn học. Bây giờ cô nào cũng vùi đầu vào thi cử và có bồ, không rủ nhau chen chúc trong những buổi chiếu phim đồng hạng hay yếu điệu bát phở nữa... Vừa lúc ấy tạnh mưa, Nguyễn đưa tôi sang quán La Pagode uống nước trà, ăn bánh ngọt. Quán không máy lạnh, hai phía cửa mở trông nhưng vẫn tối âm u, thiếu ánh điện và đầy khói thuốc lá xanh um. Sau khi uống cạn tách cà phê, Nguyễn lật tay áo xem đồng hồ và lại dụ khi:

- Chúng mình đi xem *Giant* nhé?

Tôi vẫn lắc đầu. Nguyễn tiếp:

- Không có Dung, Nguyễn sẽ buồn lắm phải đi một mình.

- Đàn ông không có bạn vẫn đi ciné. Con gái thì chẳng dám.

- Vậy hai đứa mình cùng đi?

Khi yêu, người ta thích chiều chuộng nhau vì không muốn người yêu buồn. Nguyễn đã mời tôi đi xem phim hoài, tôi chưa nhận lời một lần. Nhìn ánh mắt khẩn khoản của anh, tôi không thể từ chối mãi được. Quên tất cả e ngại, tôi uống

thêm một ngụm trà sữa và gật đầu chấp thuận. Cười rạng rỡ, Nguyễn vội vàng để lại tiền nước trên bàn như sợ Ngọc Dung đổi ý kiến. Chúng tôi đứng dậy đi qua các bàn lác đác giai nhân, tài tử, nghệ sĩ phóng viên, nhà báo.

Hàng cây trên đường Tự Do còn vương nắng và tươi mát hơn sau trận mưa rào. Hạt nước long lanh trên cành lá như những rung động của *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* bên người yêu. Thêm vài bước đi bộ trên hè đường, qua Xuân Thu, tiệm sách lịch sự, lớn nhất thành phố có bán những cuốn sách giá trị văn học trong nước, ngoại quốc, chúng tôi rẽ vào hành lang thương xá Eden. Nguyễn đi tới cửa rạp mua vé. Tôi lơ đãng đứng lại đằng xa nhìn những xa xỉ phẩm bày trong tủ kính sáng trưng ánh điện. Khi biết Nguyễn đã có vé, tôi hồi hộp tiến tới và cùng anh bước vào rạp. Bố mẹ chẳng bao giờ đi tới nơi đây, tôi vẫn lo có người bắt gặp và nói lại với ông bà.

Phim hay và mới nhưng đã được chiếu lâu nên rạp không đông lắm. Thế rồi, chuyện gì phải đến đã đến. Tất cả xảy ra như tôi e sợ. Ngọc Dung không cưỡng lại được vòng tay ấm áp và nhận nụ hôn nóng bỏng của Nguyễn, nụ hôn thồn thức đầu đời cho một người con gái. Hơi thở gần gũi, tiếng Nguyễn êm ái bên tôi:

- Em đã làm anh hết buồn rồi!

Lần đầu tiên Nguyễn xưng hô “anh, em” với tôi, một biểu lộ chiếm đoạt và tin tưởng Ngọc Dung đã là người yêu của anh. Nguyễn ôm tôi gần hơn để mái tóc tôi ngã trên vai anh. Tôi chỉ còn thoáng nhớ hình ảnh James Dean cười lặn lộn dưới ngọn giềng dầu đen phun cao như thác đổ. Khi đèn bật sáng, tôi bẽn lẽn tránh ánh mắt nửa như đấm đuối nửa như ché giễu của Nguyễn, và trách thầm: “Anh thắng em rồi, bây giờ cười nhạo em phải không?” Quàng tay qua eo tôi, Nguyễn ôm tôi sát vào người anh một lần cuối cùng trước khi ra khỏi rạp.

Nắng vẫn còn cao. Hình như lại vừa có mưa rào. Nguyễn lau đệm xe còn ướt. Anh không đưa tôi về ngay, cho xe chạy như bay trên những con đường vắng vẻ, cây xanh, cỏ mượt khu Hải Quân, Bến Bạch Đằng. Gió lay động cây cành, rung đổ những giọt nước thiên nhiên mát rượi trên da non, áo mỏng. Nguyễn vẫn mặc nhiên một tay nắm tay tôi, tay kia lái xe vi vút trong tiếng cười thích thú của người yêu. Nắng trải dài bờ sông Sài Gòn. Gió thơm mùi đồng ruộng từ bên kia bờ sông thổi về. Con đò Thủ Thiêm ngược xuôi tấp nập. Nhưng hình như thành phố chẳng bóng người, chỉ có Lambretta của Nguyễn chở tôi rong ruổi khắp phố phường. Cuối cùng, chúng tôi cũng phải trở về đường Công Lý, Trương Tấn Bửu. Tôi vội vàng dặn Nguyễn:

- Thả em xuống rồi anh cho xe chạy ngay. Đừng quay lại nhìn... em nhé!

Và đó cũng là lần đầu tiên tôi xưng hô “em, anh” với Nguyễn. Tôi cảm thấy không còn là người bạn gái của Nguyễn mà đã thực sự là người yêu bé bỏng của anh. Nguyễn ngừng xe xa cư xá. Những hẹn hò cho lần tới đã được trao đổi. Tôi vội vàng xuống xe và cố gắng giữ vẻ thân nhiên bước vào ngõ. Nếu còn muốn bố mẹ cho phép Nguyễn tới nhà, tôi phải triệt để thận trọng... Nhưng từ đó tôi không dám đi vào rạp chiếu bóng với Nguyễn nữa. Mỗi lần chàng nhắc tới một phim nào đó, đều bị tôi nguýt xéo và lắc đầu như ngầm nói: ”Em biết chắc chắn chuyện gì sẽ lại xảy ra. Khán giả thế nào cũng nhìn thấy, người ta cười cho, kỳ cục lắm!”

Từ các quán La Pagode, Givral, dần dần Nguyễn đưa tôi tới nhà hàng Thanh Thế, nổi tiếng với món bún canh sùng đặc biệt, tựa như bún bung miền Bắc nấu với đọt bạc hà, cà chua nhưng những miếng sườn được thay thế bằng tôm nghiền, nặn nhỏ như từng khúc đũa chiên vàng.

Gần tiệm ăn Thanh Thế có quán nhạc Hòa Bình chỉ mở cửa buổi tối. Ham thấy Bích Chiêu, Bạch Yến quá thì phải liêu, tôi đã nhận lời mời đi nghe ca nhạc với Nguyễn. Phòng trà Hòa Bình ở trên nhà để xe đạp trước cửa chợ Bến Thành. Trời đã sập tối, vẫn chưa một cô ca sĩ nào xuất hiện. Chưa bao giờ đi chơi đâu sau mặt trời lặn với Nguyễn, tôi bồn chồn như ngồi trên đồng kiến lửa, nôn nóng chờ đợi và nghĩ cách nói dối bố mẹ khi về nhà. Sau cùng, hai nàng ca sĩ đã tới. Chỉ kịp thấy mặt và nghe Bích Chiêu, Bạch Yến mỗi người hát một lần, tôi đã đòi Nguyễn đưa về trong khi các bạn chàng vừa lục tục kéo lên cái sân thượng có mái ấy. Nhưng tôi chưa được về nhà ngay. Đến đường Trương Tấn Bửu, Nguyễn đi thẳng Công Lý, gần lối đi vào Phi Trường Tân Sơn Nhất. Ngồi yên sau Lambretta của Nguyễn, tôi tựa cằm lên vai chàng:

- Sao anh đi đường này?

Nguyễn cho xe chậm lại:

- Minh đi một vòng chơi mát.

- Muộn rồi, anh! Em lo ông bà bỏ đề ý.

Bỗng Nguyễn dừng xe lại. Tôi đứng xuống, ngạc nhiên hỏi:

- Xe hư hả anh? Chỗ này tối quá!

Nguyễn vòng hai tay ôm eo tôi:

- Không, anh hư!

Tiếng của Nguyễn chấm dứt trên môi tôi. Thân thể rù mềm và rơi trong vòng tay ấm áp của người đàn ông trẻ, nhưng người con gái thức tỉnh nhanh chóng. Tôi năn nỉ xin được đưa về. Nguyễn tha thiết:

- Em có biết rằng anh yêu em lắm không?

- Em biết, nhưng em phải về, khuya rồi. Nếu em bị ông bỏ cho ăn đòn thì anh tính sao?

- Anh sẽ bắt cóc em luôn.

Dù bị rung động đến tận cùng tâm tư, kẽ tóc, tôi vẫn yếu đuối chống cự sự tham lam của Nguyễn. Sau cùng, anh chở tôi qua Tổng Tham Mưu, đường Võ Tánh Phú Nhuận. Trời tối nên tôi về cư xá bằng lối trước và khe khẽ mở cửa sau. Tôi biết bố gài cửa, mẹ lại đẩy then ra cho con gái lén vào. May quá, mẹ đã tắt đèn phòng trong. Ông bà chắc đang nghe truyền thanh từ phòng ngoài. Giọng ngâm thơ của bà Mộng Hoàn lạnh lạnh. Trên gác có ánh đèn. Các em còn thức. Tôi tháo giày, nhón gót lên thang và giật thót mình. Mẹ đang đứng lục lọi kiểm soát bàn học của tôi, xem có thư tình? May quá, Nguyễn chẳng bao giờ sơ hở một lời yêu đương. Anh chỉ dùng tên những nhân vật chính yêu thương nhau trong truyện và gián tiếp ngâm gửi cảm nghĩ hay hò hẹn cho tôi. Từ ngày Nguyễn đổi về làm việc tại Sài Gòn, chúng tôi không viết cho nhau nữa. Mẹ chỉ trách tôi nói nhỏ:

- Con gái đi đâu khuya đến giờ này mới về?

Biết không thể nói dối mẹ hoàn toàn được, tôi vừa cởi áo vừa trả lời:

- Nguyễn đưa con đến nhà một người bạn ăn cơm, chúng con không bỏ về sớm được.

- Mẹ nói không nghe, học thì trượt hoài, bố biết được đừng khóc con ạ!

Mẹ tôi thở dài sau câu nói và chép miệng đi xuống thang. Các bà lo âu, muốn ngăn cấm con gái giao thiệp với bạn khác phái để tránh những táo bạo, lầm lẫn nguy hiểm cho cuộc đời, nhưng lại xót xa tình cảm của chúng bị giam nhốt, đau khổ. Tuy vẫn không nói đúng chuyện tối nay, đây là lần đầu tiên tôi khai tên Nguyễn với một buổi đi chơi. Mẹ đã có thể đoán được phần nào, chỉ bằng cho mẹ biết một chút để bà đỡ lo con gái đi chơi với người nó thân quen từ lâu, chứ không phải kẻ bá vợ...

Đêm ấy tôi thao thức, suy tư nhiều về tương lai. Thi trượt mãi mà còn “bò bịch”, Nguyễn sẽ lại bị cấm đến nhà thôi! Và, Ngọc Dung có còn can đảm lén lút đi gặp Nguyễn không? Qua khung cửa sổ, niềm lo âu loãng nhạt dần trong ánh sao lấp lánh như những hạt kim cương trên nền trời nhưng lam thẫm, nàng ôm gối với những mộng mơ nồng nàn:

### BAO GIỜ EM ĐƯỢC

Em biết rằng em chẳng nét na  
Thầm yêu trộm nhớ mãi người ta  
Dậy thì con gái chưa khôn lớn  
Đã dám theo anh lén khỏi nhà.

Em biết rằng em con gái hư  
Học hành không sáng, thích làm thơ  
Thương anh, mắc tội mê trai đấy  
Anh vẫn còn yêu em được ư?

Chẳng đành từ chối, gặp nhau hoài  
Đi với anh luôn, chẳng thuộc bài  
Liều lĩnh chiều nay ra cửa hậu  
Trông sau, ngó trước, thấy không ai.

Em ghé Vespa rất gọn nhanh  
Phóng xe anh bảo, ôm lưng anh  
Nếu em có rớt thì anh biết  
Cô bé áo hồng rất mỏng manh.

Hòa Bình âm cúng nhạc phòng trà  
Bạch Yến, Bích Chiêu thồn thức ca  
Hai đứa mình đâu buồn khóc nhỉ?  
Gặp gỡ luôn rồi, yêu thiết tha.



Muốn được bên anh ngồi thật lâu  
Mắt nai lông lánh ngó đèn màu  
Nhưng rồi vẫn phải về cho sớm  
Mẹ đã ở nhà đợi cửa sau.

Qua lối nhà em, anh chẳng ngừng  
Thăng Tân Sơn Nhất tối như bung  
Nghĩa trang gần đó mà không sợ  
Chỉ sợ anh hôn... má nóng bùng!

Hơi ấm bên anh còn giữ đây  
Đêm dài thương nhớ bóng anh gầy  
Bao giờ em được về anh nhỉ  
Một mái nhà chung mộng ước xây.

(Tình Thơ Học Trò, 1958)

**C**on gái như bom nổ chậm trong nhà. Đã vậy, bố mẹ tôi lại còn có năm mà ba đã sắp sửa mở ngôi. Ông bà nhìn thấy sự nguy hiểm trước mắt. Tôi không đi học, lại có bạn trai, thứ bảy hay Chủ Nhật nào cũng vắng nhà và bắt đầu đi chơi về khuya. Dù che giấu đủ mọi bề, tôi vẫn không thể qua mắt ông thân sinh. Một hôm, trong khi đi gặp Nguyễn, tôi đã bị bố lôi ra tòa án gia đình và xử vắng mặt tội phạm: “Con Dung quen anh chàng Nguyễn đã bao nhiêu năm rồi! Tình tứ lãng mạn nên học hành không được, thi cử trượt hoài như thế. Bảo chúng nó, một là mối mai, danh chính ngôn thuận, hai là chấm dứt. Không phát phơ, vợ vẫn có ngày vợ con nó đến chửi cho, hay rồi cũng hư thân mất nết, ai dám cưới. Phải hỏi hai đứa cho ra chuyện, không thì chúng nó đừng gặp nhau nữa!”

Chị Tâm và chị Phương đã thuật lại chuyện ấy với tôi. Như một tiếng sét đánh ngang tai, tôi lặng thinh, sững sờ trước biển cố động trời. Tôi vẫn nghĩ rằng chưa đậu được cái bằng tú tài, tôi vẫn chưa trưởng thành, chưa được phép nghĩ đến chuyện vợ chồng. Và lại, người đàn ông chưa đề nghị, người con gái ở tuổi tôi thường không nhắc nhở tới điều đó dù yêu chàng đến mấy mươi. Tôi lo âu hỏi hai cô chị:

- Vậy Dung phải làm sao?

Ba chị em thì thảm trên gác. Bỏ đi làm chưa về. Chị Tâm bàn tính:

- Dung phải gặp và cho Nguyễn hay lệnh của bố.

Tôi lắc đầu:

- Kỳ lắm, Dung không thể nói được.

Thực vậy, tuy biết Nguyễn đã yêu tôi, anh chưa một lần nói: “Anh muốn cưới em làm vợ” với cái nghĩa mộc mạc, nghiêm chỉnh nhất. Nếu nói ra cái lệnh của bố có khác nào giục giã, đòi Nguyễn cưới. Con gái đi hỏi đàn ông làm chồng để bị chế giễu, *anh không lấy nó, nó cứ đòi lấy anh?!* Nhưng bây giờ bố mẹ đã biết chuyện, nếu Nguyễn xin đến dạm hỏi, hai đứa sẽ không còn phải lén lút hẹn hò, sẽ cùng nhau phơi phới khắp phố phường rộn rã. Nếu anh do dự, chần chừ không xin sự công nhận của bố mẹ, có nghĩa là anh chưa thương tới mức độ muốn cưới tôi. Không có sự ngăn trở, không tiến tới hôn nhân, không phải tình yêu. Ấu cũng là một cách thử thách, tìm hiểu sự thực. Chị Phương khuyến khích:

- Nguyễn và Dung thương nhau thì có gì mà kỳ?

- Dung vẫn thấy không xuôi chút nào cả!

Thế rồi tôi chợt nhớ ra cách đây một năm đã nghe nhà thơ họ Phan hỏi: “Dung có yêu Nguyễn không? Dung có cho Nguyễn hỏi cưới không?” Gần đây trên ghènh đá Vũng Tàu, Nguyễn “đã tặng cho tôi cái mâm sơn lẽ vật.” Tôi thuật lại những chuyện này, chị Tâm gật gù:

- Có thể Nguyễn đã nói với Phan Lạc Tuyên chuyện thương Dung và muốn cưới Dung. Nhưng Nguyễn chưa tiến tới, để Dung còn học. Nếu Dung ngần ngại, Tâm sẽ gặp Nguyễn và nói hộ Dung.

Tôi vội vàng ngăn:

- Đừng, để Dung suy nghĩ đã.

Chị Phương căn dặn:

- Trong khi chờ đợi Dung phải cẩn thận, đừng để Nguyễn đến đây. Bố giận lây bắt chọt, lại đổ vỡ tất cả!

- Dung đã chót hẹn với Nguyễn sáng Chủ Nhật này tới đón ở đầu ngõ mới gác chứ!

Sau những suy tư, đắn đo, tôi quyết định không nhờ ai làm trung gian. Tôi sẽ là người cho Nguyễn hay về lệnh của cha ban hành để thấy phản ứng của anh và sẵn sàng chờ đợi hai tiếng trả lời “có” hay “không.” Từ lúc đó cho tới ngày hẹn với Nguyễn tôi cố tránh mặt bố mẹ. Tôi ăn cơm trước hay sau hoặc nhin luôn nếu phải đối diện với bố mẹ vì lo sợ ông bà bắt tôi khai sự thật và giận dữ cảm đoán trước khi tôi nói với Nguyễn thì hết cơ hội cứu vãn. Sáng Chủ Nhật đó, khi biết chắc chắn bố đang nằm ghé vai xem báo, tôi dặn dò cô em:

- Vân đứng canh chừng bố, chị đi ra đầu ngõ gặp anh Nguyễn bây giờ. Nếu Vân thấy bố đi xuống nhà thì chạy ra sân sau giả bộ vẫy chị nhé. Nếu bố ở trong nhà, Vân không phải ra làm hiệu gì hết.

Tường Vân gật đầu, đôi mắt đen mở to, ngơ ngác. Cô bé vừa mười lăm, tuổi tôi lần đầu tiên gặp Nguyễn. Trên ngõ sau cư xá, hai lần quay lại, tôi không nhìn thấy Vân nên đi vội về phía Nguyễn đang chờ. Càng sợ, tôi càng lúng túng ngồi lên xe anh với áo dài lướt thướt. Suốt đường lên Sài Gòn tôi suy nghĩ, “có nên nói với Nguyễn như đã dự định và nói như thế nào?” Khi ngồi vào bàn trong một quán ăn trên đường Gia Long trước cửa hội quán đua ngựa, cử chỉ ân cần, ánh mắt đầm ấm của Nguyễn khiến tôi thêm tin tưởng, anh

sẽ giải quyết vấn đề khó khăn cho tôi. Bỏ dở đĩa bánh cuốn, tôi nhấp một ngụm nước và nhìn thẳng sang người đối diện:

- Em có một chuyện... muốn nói với anh.

Nguyễn ngạc nhiên trước vẻ ngập ngừng của tôi:

- Chuyện gì vậy em?

-... Khó lắm, em không biết phải làm sao?!

Nguyễn lo lắng:

- Em cứ bình tĩnh nói anh nghe đi!

Nước mắt gằn trào dưới mi, mười ngón tay ôm ly nước trà đá trên bàn, tôi run giọng nói từng lời:

- Ông bố la em không chịu học hành, thi trượt mãi... Một là... chúng mình... không được gặp nhau nữa. Hai là...

- Là sao, em?

- Hai là... anh cho người đến...

Nguyễn bỗng đưa tay qua bàn, nắm chặt tay tôi:

- Có vậy thôi mà em làm anh lo muốn chết giấc. Thì anh cho người đến mỗi mai. Anh sẽ bàn với gia đình ngay và đến thăm bên nhà em.

Tôi xúc động, bẽn lễn rút tay lại. Bỗng nhiên Nguyễn nghiêm nét mặt:

- Nhưng còn ý em thì sao?

-... Tùy anh.

Nguyễn cười rạng rỡ:

- Cưới vợ phải cưới liền tay. Anh sẽ lo ngay! Anh đợi lâu quá rồi!

Hình như tôi cũng có một nụ cười rộng nhất cho một ngày Sài Gòn nắng đẹp. Sứ mạng chuyển lệnh của bố đã xong, bao nhiêu bút rứt tiêu tan, tâm hồn tôi thơ thới tràn đầy tin yêu. Ra khỏi tiệm ăn, lần đầu tiên Nguyễn ôm eo tôi tự nhiên âu yếm như một cặp trai gái vừa đính hôn.

## NHỮNG ƯỚC MONG

Bố mắng rằng em chẳng học hành  
Ham mê bò bịch dôi loanh quanh  
Bốn lần thi cử đều bay hết  
Anh phải xa em, hay mỗi manh.

Rạng rỡ anh cười, mắt sáng lanh  
Cầm tay em, nói vui mừng nhanh  
“Ngỡ chi giông tố trời sa sập  
Anh sẽ cho người đến mỗi manh.”

Nghĩa là anh đã yêu em thật  
Chẳng chịu đợi chờ lâu lắc thêm  
Anh sẽ liền tay về sắp xếp  
Trầu cau sính lễ đến xin em?

Như thế liệu rằng có vội không?  
Đôi mươi vừa đúng tuổi xuân nồng  
Khôn ngoan chưa đủ cô dâu mới  
Anh sẽ cho em những ước mong?

Nữ công gia chánh mẹ khen rồi  
Về nhà anh sẽ có cơm sôi  
Còn bao nhiêu nữa em dân tập  
Để được gần anh đến trọn đời.

Mẹ cha rầy mắng chẳng còn lo  
Chúng mình có hết những niềm mơ  
Sài Gòn hoa lệ cùng song bước  
Xe phóng bay bay gió ngoại ô.

Chung xây hạnh phúc một tương lai  
 Đời sẽ yêu nhau trọn vẹn hoài  
 Thơ truyện dạt dào anh sẽ viết  
 Và ôm em mãi trong vòng tay.

(Tinh Thơ Học Trò, 1959)

Trong các cuộc hôn nhân, bà mới là thông tin viên cho hai gia đình đằng trai, đằng gái. Nhưng tôi và Nguyễn đã tự làm việc đó. Giạm ngõ được tiến tới liền hai tuần sau. Tình hình thay đổi thật nhanh chóng. Bố mẹ thân mật, niềm nở tiếp đón anh như con rể thực thụ rồi. Chúng tôi được thông thả gặp nhau. Khi đến thăm tôi, Nguyễn đã đậu xe Lambretta trong sân cư xá, không còn phải đứng chờ tôi ngoài đầu ngõ. Anh bàn với tôi:

- Anh sẽ lo đám hỏi tháng sau, đám cưới trước Noël nhé?
- Đâu cần phải gấp thế, anh?
- Vậy ra ngoài Nouvel An?

Tôi cảm động vì sự ngộ nghĩnh của Nguyễn:

- Trước Giáng Sinh hay sau Tết Tây có cách xa nhau bao nhiêu đâu!
- Nếu có thể anh muốn ngay ngày mai.

Song, tôi vẫn không cảm thấy hoàn toàn vững tâm cho người con gái vừa hai mươi tuổi, chưa học hết trung học đệ nhị cấp, chưa bao giờ ra đời đi làm, giúp đỡ cha mẹ và nắm vững được cuộc đời. Tôi rụt rè:

- Anh lo được không? Bố mẹ cũng chẳng có gì để phụ chúng mình. Em vẫn muốn thi lại tú tài và thi vào sư phạm để đi dạy học.

- Em có sẵn bài vở cũ rồi. Cưới xong, anh đi làm, em ở nhà có tất cả thời giờ để học. Bố mẹ đòi gì cho đám cưới, anh cũng gắng lo được.

Tuy nhiên ông bà đã chẳng thách cưới hỏi linh đình. Tất cả chỉ đủ lễ nghi tối thiểu để con rể tương lai, chàng trung úy trẻ có thể lo được. Gia đình Nguyễn cũng thanh bạch như gia đình tôi. Hơn một tháng sau là đám hỏi. Nhà gái chẳng chọn ngày lành tháng tốt, tùy nhà trai định đoạt, miễn là nhằm thứ bảy hay Chủ nhật. Đình trâm, lư hương, chân nến đồng được đánh bóng loáng. Khăn bàn đỏ, nến đỏ, hoa đỏ rực rỡ cửa nhà. Bao nhiêu khay tách, ấm trà, bát đĩa, đĩa son, đĩa ngà được rửa lau, bày la liệt trên bàn. Ngày đám hỏi nhà gái thết tiệc nhà trai ăn trưa. Mẹ phải thuê đầu bếp nấu cỗ lớn. Hàng xóm, các bác bạn bố mẹ cho mượn thêm người giúp việc. Khi nhà trai tới và an tọa, tôi, trong áo kim tuyến hồng, quần lụa, giày trắng, được gọi xuống ra mắt hai họ. Tôi không cảm thấy sợ hãi một ai hai bên họ hàng nhưng vẫn giả vờ khấp nép cúi đầu và liếc thấy Nguyễn trong bộ đồ xám nhạt, trông thư sinh bạch diện, đẹp trai hẳn ra. Bên họ đảng Nguyễn, ngoài bà cụ thân sinh, bà bác, có vài người bà con, bạn bè Nguyễn như Vũ Quang Ninh, Phan Lạc Tuyên, Thái Thủy... Tôi còn nhớ một câu bà bác Nguyễn nói:

- Được dâu học trò thật quý hóa. Chúng tôi rất hân hạnh...

Câu nói đó cũng chính là niềm hoang mang của người con gái chưa cảm thấy thực sự khôn khéo, trưởng thành. Cuộc đời làm vợ tương lai được hình dung ít hay nhiều theo khuôn mẫu của mẹ. Tất cả đều dựa dẫm vào sự yêu thương, che chở của người chồng.

Chương trình đám cưới được tiến hành. Mọi sự định đoạt do bố mẹ và Nguyễn. Ông bà bảo sao tôi nghe vậy và nói lại với Nguyễn. Chàng bắt đầu đưa tôi đi sắm nữ trang, quần áo cưới. Bà nội bị liệt nằm đó cũng vui hẳn lên. Đây là dịp hi vọng đầu tiên trong gia đình kể từ đám cưới của chị Nguyệt ở Hà Nội, 1945. Bà nói khó khăn nhưng vẫn chỉ trán tôi, dặn dò:

- Nay Dung con, chưa cưới đâu đấy nhé. Mua sắm xong, về nhà ngay, không đi đâu nữa!

Tôi ngạc nhiên không hiểu bà có ý gì. Bà muốn ra oai cho ông cháu rể tương lai biết, cô cháu Ngọc Dung còn có bà nội nằm đó chẳng? Khi rời tiệm vàng Thuận Tường của bà cô, ông chú trước cửa Bắc chợ Bến Thành, Nguyễn đưa tôi đi ăn trưa trong hẻm sau rạp Casino Sài Gòn, một khu đông đảo các tiệm ăn bình dân. Món nào cũng được làm cầu thả, nhanh, rẻ, tiện cho người đi mua bán, dạo phố ghé qua. Tôi tự nhủ thầm, sẽ bắt chước mẹ nấu những món đó thật ngon, thật khéo cho Nguyễn sau này. Sớm tối chúng tôi sẽ có nhau, không phải lo sợ vụng trộm hẹn hò. Tôi sẽ đòi Nguyễn đưa đi xem tất cả phim ảnh hay. Anh sẽ đưa tôi đi Vũng Tàu, Nha Trang, Đà Lạt và nhiều thành phố khác mà tôi chưa được đặt chân tới. Nguyễn sẽ viết văn, làm thơ thật nhiều và được ưa chuộng. Đời sống hạnh phúc lứa đôi, sẵn sóc, yêu thương nhau hiện ra trong tâm trí như một tác phẩm có hậu, đặc ý nhất của nhà văn.

Sau bữa trưa với bún thang (hay thương) mà người xưa thường đãi nhau để tỏ tình thương mến, Nguyễn đưa tôi về thăm căn gác anh mới thuê và đã dọn tới ở. Tổ uyên ương tương lai của chúng tôi gồm hai phòng xinh xắn gần cầu Thị Nghè và Cục Tâm Lý Chiến. Khi cửa vừa đóng sau lưng, Nguyễn ôm tôi với vòng tay rắn quăn, môi hôn ngọt thở. Đây là lần đầu tiên tôi không e ngại có người nhòm ngó và cảm nhận trọn vẹn tất cả những rung động nóng bỏng từ người yêu. Sự say đắm của hai kẻ sắp thành vợ chồng cũng thường tình. Nguyễn tiếp tục đưa tôi đi xem nhà. Cửa sổ ba phía sáng sủa, rèm lụa xanh hoa nhỏ. Bàn, ghế, tủ đã đầy đủ. Phòng trong có giường nệm, gối mới và là phòng cô dâu, chú rể. Một giường ván gỗ trải chiếu ở phòng ngoài. Tường nhà sẽ chỉ có hai vợ chồng son, tôi ngạc nhiên và buột miệng hỏi:

- Giường cho ai đây hả anh?



- Cho bà cụ thỉnh thoảng về thăm tụi mình. Em mệt không, ra phòng ngoài nằm nghỉ?

Tôi lắc đầu, nghĩ rằng xem xong căn gác thì đi về:

- Không, em không mệt.

Từ lúc đến, chúng tôi vẫn đi, đứng quanh trong căn gác. Nguyễn ngã lưng xuống cái giường có chiếu phòng ngoài, một tay gối đầu, một tay dang rộng:

- Em nằm xuống đây nghỉ trưa với anh, một lát anh đưa về. Tôi hồn nhiên nằm xuống và ngoan ngoãn ngã đầu trên cánh tay Nguyễn:

- Vâng, em sẽ nằm yên để anh nghỉ.

Nhưng chỉ sau vài phút yên lặng, Nguyễn quay sang vuốt tóc tôi, vòng tay anh khóa lại, môi anh tìm môi tôi. Khi thấy khuy áo bị cởi, tôi giữ tay anh và yếu ớt cưỡng lại. Bấy giờ tôi mới chợt hiểu lời bà nội căn dặn. Nhưng bao nhiêu sức đề kháng trong tôi tan biến hết. Nếu Nguyễn muốn tất cả có lẽ tôi cũng ưng thuận. Thế rồi đến một giới hạn, Nguyễn đã ngưng. Tiếng anh thì thầm:

- Chúng mình để dành cho đêm tân hôn, em nhé?!

Nước mắt ướt mi vì xúc động, tôi nằm lặng, áp má trên cánh tay Nguyễn. Anh nhẹ nhàng ve vuốt lưng tôi và nâng tôi ngồi dậy. Tôi khép mắt đứng yên để anh cài lại khuy áo cho tôi...

Thiếp vui tới tay họ hàng, bạn bè. Có người tưởng tôi lỡ đại..., phải cưới gấp trước khi mặc áo mất eo. Nhưng có một người gần một năm nay thường đến nhà thăm tôi và chẳng biết gì về ngày lễ thành hôn của tôi sắp tới. Đó là Luận. Nếu tránh được tôi vẫn nhờ mẹ hay các em ra nói tôi không có nhà. Nhưng khi bị bắt gặp đang đứng ngoài hành lang hay trong phòng khách mở rộng, tôi vẫn tiếp chuyện Luận.

Thật ra Luận là một chàng trai vui vẻ, mau mắn có thể làm hài lòng bạn gái. Luận biết khen những ưu điểm của tôi.

Nếu không có người yêu, tôi đã cởi mở hơn, không viện cớ bố mẹ rất nghiêm ngặt để từ chối tất cả sự thân thiện. Tuy không tỏ lộ bằng thư như thuở 15, tôi hiểu Luận vẫn có một cảm tình đặc biệt cho người con gái đã quen biết từ hồi mới di cư năm năm về trước. Và, vẫn là sự ngượng ngùng, e ngại làm người con trai này thất vọng nhẩy tàu lậu trốn đi Pháp, ngồi tù một lần nữa, tôi không có can đảm nói với Luận tôi đã đính hôn.

Cho tới gần ngày cưới, Luận lại đến chơi. Không thể lưỡng lự lâu hơn, tôi đành nhờ mẹ ra phòng khách nói giùm với Luận, tôi đi sắm đồ cưới, không có nhà. Tuy người bạn trẻ không mấy vui lúc đó, nhưng chẳng có cách nào khác, mong Luận không oán trách tôi tàn nhẫn. Tôi đã dọn dẹp quang đãng con đường tôi muốn cùng được đi chung với Nguyễn, dâng cả trái tim tuyệt đối trung thành cho người tôi yêu thương và muốn phục tùng một đời.

Đồ mừng của họ hàng, bạn bè dần dần chất đầy nhà. Trần Trọng Hiên, cô bạn cùng lớp cũ, đến mừng tôi và hỏi:

- Ngọc Dung có đọc sách không?

Tôi ngạc nhiên:

- Sách gì?

- Sách về hôn nhân, vợ chồng.

Sau vài giây suy nghĩ về loại sách đó, tôi trả lời một tiếng ngắn gọn:

- Không!

- Bác gái có khuyên dạy Dung về chuyện vợ chồng không?

Tôi lại ngỡ ngác với một tiếng “không” cụt ngủn. Trần Trọng Hiên tắc lưỡi, kết thúc câu chuyện:

- Cũng chẳng cần. Đọc chỉ thúí óc ra!

Lời nói đó làm cho tôi suy nghĩ rối loạn tinh thần, nhưng vẫn thụ động, không kiếm sách đọc, cũng chẳng hỏi mẹ. Mắc cỡ lắm! Tôi tự nhủ, đàn ông phải biết hết chuyện vợ chồng. Tôi sẽ để cho Nguyễn quyền ưu tiên, mới nguyên ấy. Sau

này, với kinh nghiệm bản thân, khi con gái sắp lập gia đình, tôi đã hỏi Ngọc Hân như người bạn đã hỏi tôi thuở nào. Tôi muốn biết chắc chắn con gái đã đọc sách dự bị hôn nhân, đã qua lớp khuyên răn về vấn đề này. Tôi cũng yên tâm hơn, Ngọc Hân đã có mảnh bằng bốn năm đại học, hơn tôi năm tuổi và không khờ dại như mẹ khi có chồng...

Một tuần trước ngày cưới, Thu Hòa đến mừng tôi mấy hộp son, phấn và một bông hồng làm bằng lụa nhung đen. Cô bạn bất ngờ hỏi:

- Ta không hiểu sao Ngọc Dung dám liều mạng lấy văn sĩ?

Tôi hỏi ngược lại:

- Tại sao Thu Hòa nghĩ vậy?

- Ta có người bà con kể nhiều chuyện bê bối về văn, thi sĩ lắm. Ngọc Dung có thể chịu đựng được không, nếu ông chồng đi làm về là phải ghé qua La Pagode, Givral, Brodard hay bất cứ quán nước nào, ngồi đầu hót với bạn bè để mình phải chờ cơm dài người. Thứ bảy, Chủ nhật các ông biệt tăm, biệt tích, bài bạc xó xỉnh nào, vợ con lủi thủi ở nhà không hay.

Không nhiều thì ít tôi cũng đã nghe và đọc qua sách báo về những cuộc đời nghệ sĩ bất thường, buông thả. Tôi vẫn nghĩ rằng người của tôi khác. Nguyễn sẽ dẫn dắt, thương yêu vợ. Tôi sẽ săn sóc, yêu thương chồng. Chúng tôi sẽ có cuộc sống đầm ấm, thơ mộng và hạnh phúc như bố mẹ tôi suốt cuộc đời. Tuy nhiên khi nghe Hòa nói, tôi vẫn có cảm tưởng như vừa bị một gáo nước dội lên đầu, lạnh buốt đến tận tâm can. Tại sao, đợi đến lúc này Thu Hòa mới cho tôi biết ý kiến? Nhưng, nếu nàng nói sớm hơn, hay ngay lúc đó tôi biết chắc chắn Nguyễn sẽ giống những nghệ sĩ bữa bãi khác, tôi sẽ từ chối, hoãn việc hôn nhân và bàn lại với Nguyễn chăng? Đàn bà con gái khôn ngoan thì đã đặt vấn đề, ra điều kiện, nội quy với người muốn cưới mình. Họ sẽ làm và không

muốn làm những gì cho nhau? Sự giao ước phân minh rất cần thiết trước đời sống lứa đôi. Nó nhắc nhở hai kẻ phối ngẫu không dễ dàng quên lời cam kết, ngoan cố ngụy biện, bào chữa làm lỗi khi đi lệch lạc con đường bổn phận, trách nhiệm. Hôn nhân có cơ hội cứu vãn khi vợ chồng cùng có thiện chí sửa sai, nếu tan vỡ cũng trong vòng hiểu biết, không gian dối, hận thù. Nhưng, Ngọc Dung đã không hề suy xét, đắn đo, chỉ biết nghe theo tiếng gọi của con tim. Người con gái lãng mạn hình như mong ước được là vợ người nàng yêu với vô điều kiện, không tính toán gàn, xa. Nén sự lo âu, tôi nói với bạn như với chính mình:

- Đã thương chàng mất rồi, ngừng lại làm sao được nữa. Thôi thì cầm bằng theo gió đưa đi. Mong rằng Nguyễn không giống như người khác.

Thu Hòa làm bộ đồng ý:

- Ừ, ta cũng mong vậy, mỗi người mỗi khác. Chúc Ngọc Dung và chàng trăm năm sắt cầm hòa hợp.

Thế rồi với những nụ hôn nóng bỏng, vòng tay xiết chặt, tôi tin tưởng tình yêu của Nguyễn sẽ mang đến hạnh phúc mật ngọt tuyệt vời. Tôi không bao giờ nhắc lại với Nguyễn và quên đi cuộc đối thoại ấy với Thu Hòa.

Theo lệnh bố, Nguyễn phải lo xong hôn thú với con gái ông trước ngày cưới. Và, vì tôi chưa đủ 21 tuổi, bố mẹ phải đi theo ký giấy tờ. Chỉ trong vài tháng, kể từ buổi tôi tự ý hỏi và tình nguyện xin trao bàn tay cho Nguyễn, ngày 2 tháng 1, 1960, đám cưới được cử hành. Sáng hôm đó, trời oi bức nóng. Một trận mưa rào đổ xuống. Lòng xôn xao, hoang mang lạ thường, tôi sẽ vĩnh viễn rời xa sự bao bọc, che chở của mẹ cha. Chị em ruột thịt chia tay mấy ngả gia đình khác biệt. Một hạt hẫng, bấp bênh nào như đang mấp mé ngưỡng cửa cuộc đời. Trong không khí hân hoan, họ hàng ai nấy đều hi hửng, bố mẹ hình như chỉ gượng cười, thấp thoáng nét suy tư. Thực thế, đáng sinh thành nào không khỏi lo âu cho con

gái nhỏ, không vốn học vấn, không của hồi môn, từ tám bé chỉ núp bóng cha mẹ, hôm nay phó mặc nó ra đi theo chồng nhà binh, nhà văn...

Mưa đủ thấm bụi đường, nắng lên dịu mát hơn trước khi nhà trai tới. Niềm vui tin tưởng trở về khi mắt tôi giao ánh nhìn tha thiết, hứa hẹn của Nguyễn. Anh nâng bàn tay tôi và đeo chiếc nhẫn ràng buộc như lá thắm, chi hồng. Từ đây tôi sẽ luôn luôn có Nguyễn bên cạnh. Chúng tôi sẽ được tự do quán quýt bên nhau, không phải chờ đợi từng tháng, từng tuần, từng ngày mới được gặp nhau. Nguyễn và tôi sẽ thương yêu nhau mãi mãi.

Ngày hợp hôn, cô dâu mặc áo gấm đỏ, kiềng vàng, xuyên vàng, quần sa-tanh trắng, tóc cài hoa voan trắng, bao tay ren trắng. Bó hoa vong-ưu thảo màu hồng ôm trên tay, tôi bước đi giữa bốn cô phù dâu tha thướt áo lụa hồng, kiềng vàng, hoa trắng cài ngực. Bó tám tấc khen chúng tôi đẹp như hoàng hậu, công chúa. Thu Hòa, Minh Trân đi trước đưa tôi ra khỏi mái ấm mẹ cha đã bao năm nương náu và giã từ những viên gạch hành lang một thời nữ sinh đi về yểu điệu, kiêu căng. Kim Dung, Đỗ Thị Hảo theo sau tiễn tôi chấm dứt bậc thang cư xá cuối cùng, vĩnh biệt đời con gái.

Chiếc xe bóng loáng màu sơn đỏ kết hoa trắng chạy vào thành phố náo nhiệt, đông chen. Cánh điều nào vừa theo gió lên không. Con thuyền nào vừa nhổ neo rời bến. Một ước nguyện mênh mang trong lòng:

Chúng xây hạnh phúc một tương lai,  
Minh sẽ yêu nhau trọn vẹn hoài,  
Thơ, truyện dạt dào anh sẽ viết,  
Và ôm em mãi trong vòng tay...



Sài Gòn 10-1954



Tú Anh, Kim Dung, Ngọc Dung, Thu Hòa



Đệ Tam C Trưng Vương



Đệ nhị C1957-1958 với Thầy Tá.



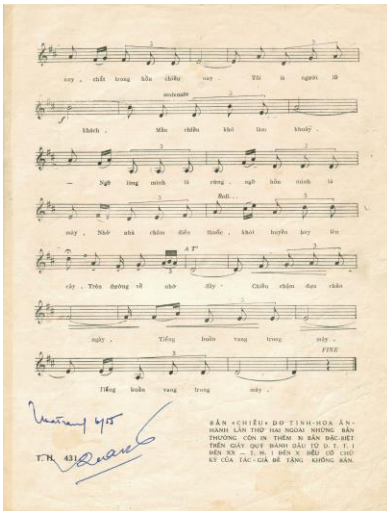
Ngọc Dung đứng đầu bên tay phải cùng thầy, cô và các bạn trong sân trường Trưng Vương. Ảnh Duy Hy.



Ngọc Dung, Thu Hòa, Kim Dung và Thái Lan trong sân trường Trưng Vương. Ảnh Duy Hy.







Bản nhạc “Chiều”, thơ Hồ Dzếnh, nhạc Dương Thiệu Tước,  
 Duy Liêm trình bày, ấn phẩm 1955 của nhà xuất bản  
 Tinh Hoa - Huế, có chữ ký của Nguyễn, Nha Trang 6/1955.

## VÒNG TAY VĨNH BIỆT

Tôi đã học lớp sơ cấp làm vợ từ đêm tân hôn và tuần lễ trăng mật ngắn hơn dự định trên thành phố Đà Lạt. Người vợ học trò cứ ngỡ cái nghĩa trăng mật thơ mộng hơn lên phòng ngủ, xuống phòng ăn, ra phố chợ rồi lại về khách sạn. Chúng tôi không đi ngoạn cảnh xa ngoài mấy bước dạo bên bờ Hồ Xuân Hương. Không một hình kỷ niệm được chụp như tôi nghĩ trước ngày cưới. Có một lúc, tôi đã ngúng nguẩy đi lên sân thượng của khách sạn nhìn ra bốn phía cao nguyên bao la. Ngọn Lang Bian xanh ngắt vẫn mơ màng trong màn mây phủ trắng. Nguyễn để tôi ngắm cảnh một mình, ngắm chán phải xuống phòng. Tôi bắt đầu biết cái lì lợm của chàng. Phải chăng Nguyễn muốn áp dụng với tôi câu ca dao:

*Dạy con từ thuở còn thơ,  
Dạy vợ từ thuở bơ vơ mới về.*

Trở lại Sài Gòn, cuộc sống vợ chồng mới cưới bắt đầu trên căn lầu đường Nguyễn Hữu Thoại, Thị Nghè. Lầu được ngăn hai phòng bằng mảnh tường gỗ thấp. Phòng trong của chúng tôi. Phòng ngoài có bàn ăn và cái giường cho bà mẹ Nguyễn. Sau tuần trăng mật của đôi vợ chồng son, bà đã về và ở lại từ đó. Cũng may có mẹ chồng, cô dâu mới còn thẹn thùng, không phải đi chợ. Hồi còn ở nhà với cha mẹ, tôi không khi nào phải làm việc này, hoặc thổi một bữa cơm. Đã có mẹ và người giúp việc, tôi chỉ thỉnh thoảng phụ chút đĩnh.

Bây giờ, để khỏi tốn kém, nhà cửa đỡ chật chội, tôi không quản ngại việc nội trợ ấy. Hình như đó là bổn phận của những người đàn bà không giàu, không đi làm. Đối với người vợ lãng mạn, sẵn sàng, hầu hạ người chồng nàng yêu thương là một lý tưởng. Tuy nhiên, khi nhìn con cá đã bị lóc hết vây vẫn còn quẫy nhẩy lên tận nóc bếp, con vịt sau khi bị cắt tiết vẫn còn chạy nhông nhông trên sân, cô vợ trẻ ngồi ôm mặt khóc, vừa sợ, vừa lo không nấu xong bữa cơm cho chồng đi làm về ăn. Tủi thân, nhìn bàn tay rướm máu vì giặt những bộ đồ kaki dày cộm cộm, nàng vẫn chẳng than van. Công việc đó không chiếm hết thời giờ hằng ngày, tôi nghĩ tới sự học còn dở dang, định sẽ thi Sư Phạm và lấy sách vở cũ ra học lại.

Sở Nguyễn gần nhà, ngay bên cầu Thị Nghè, nhìn qua Thảo Cầm Viên. Chàng vẫn lái Lambretta đi làm và về ăn trưa. Những lúc mẹ chồng vắng nhà, Nguyễn nâng niu, bông bé vợ. Tôi được tự do quyến luyến, mừng rỡ ôm hôn chồng mỗi khi chàng đi, về và hiểu tại sao các ông hay đến sở muộn. Thứ bảy, Chủ nhật Nguyễn đưa tôi đi thăm bố mẹ, đến các quán nước hay tiệm ăn như thuở còn hẹn hò. Vẫn còn cây sáo tre từ mùa hè Nha Trang 1955, thỉnh thoảng Nguyễn chơi những bản nhạc tiền chiến réo rất như “Suối Mơ, Bến Xuân, Trương Chi”... Hạnh phúc ve vuốt tôi từng giây, từng phút. Hơi ấm tình yêu như không khí nhiệt đới Sài Gòn.

Vậy mà một buổi Nguyễn đang ở sở, một nữ sinh, má phấn, môi son đỏt ngọt xuất hiện ngưỡng cửa nhà tôi và tự giới thiệu là hội viên ban văn nghệ, báo chí một trường nữ trung học nổi tiếng. Cô cầm giấy bút phỏng vấn tôi:

- Theo ý bà, lấy chồng nhà văn là chiến thắng hay chiến bại?

”Ôi chao, chiến tranh ngoài kia đã bắt đầu sôi động hay sao? Cô này có vẻ phóng viên mặt trận, tiền tuyến quá? Một câu hỏi vớ vẩn!” Nghĩ vậy, tôi vẫn trả lời nhẹ nhàng:

- Tôi thấy rằng chẳng có vấn đề thắng hay bại khi người ta thương yêu nhau, không một tranh chấp.

Khi Nguyễn về nhà, tôi thuật chuyện và vẫn ngây thơ:

- Tại sao cô ấy lại hỏi thế, anh nhỉ?

Nguyễn cười âu yếm và ôm tôi:

- Các cô vào sở anh hoài hoài. Người ta đang tập làm báo, kiếm đề tài viết chơi cho vui. Hoi đầu mà thắc mắc.

Thế rồi lại có người khác tới thăm, đòi tiền hụi quá hạn đã năm ngày. Nguyễn và tôi không có nhà. Mẹ chồng tôi nói lại và thêm rằng:

- Để người ta đến đòi nợ thật ê cái mặt!

Nguyễn hứa sẽ đóng hụi. Nhưng tuần sau bà chủ hụi trở lại. Nguyễn vẫn chưa góp hụi chút. Mặc dầu đã giải thích, không biết gì về chuyện này và tưởng Nguyễn đã trả nợ rồi, tôi vẫn bị mẹ chồng nhieác móc:

- Đàn bà con gái gì mà đoảng vậy, không biết chi tiêu trong nhà. Chồng nợ nần mà cũng chẳng hay. Để người ta tới đòi hoài, không biết xấu hổ?

Tôi gương đôi mắt ngạc nhiên nhìn mẹ chồng mà tôi cứ tưởng hiền lành, dễ dãi lắm. Tôi mới về làm vợ Nguyễn được hơn hai tháng, tiền anh đưa chi tiêu vừa đủ, tôi làm sao trả nợ? Cho dù có tiền, Nguyễn dận thì mới trả chứ? Ở nhà ngày xưa, bố tôi ghét nhất cái chuyện hụi hè và cảm mẹ không được chơi. Ông nói: ”Chơi họ, một là nợ nần, hai là bị quyt!”

Tôi âm ức khóc dài cho đến khi Nguyễn đi làm về cũng không che giấu được. Anh vặn hỏi, tôi kể hết sự tình.

Nguyễn nói nhỏ:

- Anh chơi hụi để lo đám cưới chúng mình. Bà ấy đến sở không gặp anh. Mai anh trả, bà ấy sẽ không tới nhà đòi nữa.

Bấy giờ tôi mới hiểu rõ tình trạng tài chánh của Nguyễn và cũng là của tôi. Vừa tháo dây giày nhà binh cho chồng, tôi vừa đề nghị:

- Chắc chẳng bao giờ em dùng tới kiềng, xuyên nữa. Em đem bán để anh trả tiền hụi.

Nguyễn đỡ tôi lên ngồi bên anh trên cạnh giường và xoa cánh tay trần của vợ:

- Anh có tiền mà. Chơi hụi thì trả dần, không phải trả ngay một lúc. Để anh lo.

Bỗng bà mẹ Nguyễn bù lu, bù loa phòng ngoài:

- Nào tôi có nói gì đâu mà cô ấy khóc.

Mới chân ướt, chân ráo theo chồng đã bị lụy với mẹ chồng rồi!

Sau đó không lâu, một chuyện khác xảy ra. Tôi được Nguyễn cho hay:

- Một người bạn của anh có con gái lấy chồng, muốn mượn bộ kiềng, xuyên của em về cho vợ đeo trong đám cưới. Anh đã từ chối rồi. Nếu hấn tới năm ni, em cũng đừng đưa nhé.

Một nghi ngờ xuất hiện. “Nguyễn cũng mượn tiền người này để mua đồ dẫn cưới vợ chẳng?” Khi ông ta tới, tôi nói dối:

- Rất tiếc, tôi gửi mẹ giữ hộ, không để ở nhà.

Hai tuần sau hấn trở lại, tôi vẫn không đưa bộ nữ trang và thắc mắc, lần trước hấn nói mượn vài hôm rồi trả ngay, đến nay đám cưới phải qua rồi, tại sao hấn vẫn hỏi? Có chuyện mờ ám đây? Nguyễn cũng phải trả nợ người này chẳng? Nếu không, anh sẽ mắng cho hấn một trận và cấm cửa không được đến làm phiền vợ. Hấn còn đến nữa thì đúng Nguyễn đã nợ, tôi nên trả cho anh khỏi lo lắng. Nghĩ vậy, tôi đề nghị với Nguyễn:

- Em không cần mấy thứ đồ vàng đó, nếu phải trả nợ và anh muốn, em sẽ đưa cho ông ta.

Nguyễn nói sau vài giây trầm ngâm:

-Ừ, thì em cứ đưa cho hắn.

Người đàn ông đến lần thứ ba. Tôi đã đưa bộ kiềng, xuyên khi hắn vẫn hỏi “mượn”. Từ đó, hắn không trở lại. Nguyễn không hề nhắc tới chuyện này. Tôi cũng tự ý quên đi uẩn khúc kia để khỏi bận lòng chồng. Nữ trang không bao giờ quan trọng đối với tôi.

Thỉnh thoảng Tường Vân, Song Hà, trên đường đến trường Trung Vương, ghé thăm tôi. Thấy chị phải làm tất cả mọi việc trong nhà, hai cô em gái xót xa:

- Chị rửa bát và giặt quần áo hồng hết bàn tay.
- Sao chị không mua găng tay mà đeo?

Một vật nhỏ mọn ấy tôi cũng không muốn cộng thêm vào sự chi tiêu. Từ ngày cưới, tôi chẳng sắm thêm một thứ riêng tư và chưa mời được cha mẹ tới chơi.

Một buổi chiều, đang đứng ban-công nhìn hoàng hôn ngả trên Thảo Cầm Viên bên sông Thị Nghè, tôi bỗng trông thấy cha tôi lững thững đi dưới đường. Ông vẫn làm việc tại Tổng Nha Ngân Khố đường Hồng Thập Tự, gần sở Nguyễn. Tôi mừng rỡ vội gọi và chạy xuống mời ông lên nhà. Nhưng ông từ chối:

- Từ sở ra, bố đi bộ qua đây xem nhà hai con như thế nào, có tiện nghi không?
- Cũng tạm đủ ạ. Chúng con rất hài lòng chỗ này.
- Nguyễn đã về chưa con?
- Dạ, anh ấy sắp về. Bố lên nhà soi nước một lát.
- Thôi để lúc khác. Bố phải trở ra đường đón xe buýt không bị lỡ chuyến.

Đi đến đầu đường, biết con gái vẫn còn đứng nhìn theo, bố quay lại cười vầy. Thân gầy, vai nghiêng khuát sau cuối phốp. Có bệnh máu cao từ lâu, ông vẫn phải ăn kiêng rất kỹ nên chẳng bao giờ mập được. Một đời hai lần mất hết cơ nghiệp vì vận nước, bố còm cõi làm việc và hy sinh mọi nhu

cầu riêng để nuôi nấng đàn con đông đúc. Một thời ông đã đặt hết hy vọng vào con bé Dung thông minh, giỏi dẫn. Nó sẽ đỗ đạt, có việc làm tốt tự bảo vệ cuộc đời, bố mẹ khỏi lo và hãnh diện. Nhưng tôi học hành dở dang, có chồng sớm. Ông thường thở dài nói với mẹ tôi, “không biết con gái, chồng nhà binh, thân phận ra sao, có được ở mãi một nơi yên ổn, hay sẽ phải nay đây, mai đó. Chiến tranh đã bắt đầu tái diễn!” Nước mắt dâng mi, tôi buồn bã bước lên nhà và thầm hỏi: ”Đến khi nào con mới báo hiếu bố mẹ được?”

Khoảng ba tháng sau ngày cưới, tôi đang đi lại trong phòng học ôn một bài thi, bỗng nhiên xây xẩm mặt mày. Tôi phải vịn cửa sổ để khỏi ngã. Những bộ phận trong người như bị xáo trộn, nôn nao lạ thường. Thêm vào đó, một tháng mất kinh nguyệt, tôi biết cần phải đi khám bệnh và chọn một bà bác sĩ, thử nước tiểu và được biết có thai. Khi cái bầu của vợ bắt đầu hiện rõ thì sự đưa nàng ra phò của Nguyễn cũng thưa dần. Một hôm, chàng cười cợt làm như chuyện tự nhiên:

- Cái nhẫn đeo tay vương vít quá. Ai cũng biết anh có vợ rồi, chẳng cần đeo nữa. Em cất đi cho anh nhé.

Nói rồi, chàng tháo chiếc nhẫn, không đợi phản ứng của vợ. Phạt ý, nhưng tự ái, tôi lặng thinh, để rồi ngày nay vẫn còn giữ nó.

Cũng trong thời gian này, Nguyễn có truyện dài đăng trên báo và cho nhân vật nữ rụt rè yêu trộm, nhớ thầm chàng trai có người yêu khác. Bất ngờ nàng tìm gặp và hiến thân cho chàng trước khi lấy chồng. Vừa xem xong đoạn đó, nên khi lên giường nằm cạnh Nguyễn, tôi bất mãn trách:

- Sao anh ác thế! Anh tả người con gái thật ngoan và hiền như ma sơ rồi bắt nàng “hu” với người không yêu nàng?

Nguyễn quay mặt đi không trả lời. Tôi phụng phịu:

- Anh hứa với em, anh không viết ác về đàn bà, con gái như thế nữa nhé?



Nguyễn vẫn im lặng. Tôi giận dữ:

- Nếu anh không hứa, em nằm sấp bụng cho con và em ngạt thở luôn!

Tôi làm như lời dọa và gần tắt hơi, Nguyễn chỉ nói:

- Viết cho có chuyện ấy mà. Thôi ngủ đi em!

Đêm đó tôi đã thao thức buồn cho nhân vật trong truyện của Nguyễn và cảm thấy thiếu thôn sự vỗ về của chồng.

Căn lầu chúng tôi ở không có nước máy. Một thùng phuy được đặt ngoài cửa sau nhà dưới để chứa nước thuê gánh. Một buổi sáng xuống xách nước, tôi chợt trông thấy mẹ chồng ngật ngưỡng từ trong ngõ đi ra. Một tay bà lắc lư con gà đã bị cắt tiết, vặt lông, một tay đung đưa cái làn rau. Tôi hoảng hốt chạy tới thăm hỏi, đỡ bà, nhưng bị gắt um và đẩy gạt ra. Tuy ngạc nhiên, tôi vẫn đi theo sau lên lầu, coi chừng bà ngã. Khi trở xuống lấy nước, tôi ngỡ ngàng được chủ nhà cho hay:

- Cụ không sao đâu, vừa mới làm mấy xị để với tiết canh, lòng heo ngoài chợ đấy, sáng nào cũng vậy!

Tôi nhớ lại mặt bà đỏ gay như lên cơn sốt và ngửi thấy mùi rượu nồng nặc. Mỗi khi đi chợ về, bà thường đánh một giấc say sưa như người ta ngủ trưa, hay lèm bèm xéo xiên, nhắc lại đủ thứ chuyện đã được tôi trần tình nhiều lần. Thôi đừng rồi: “*Nói với người say như vậy không trả!*” Vậy mà tôi cứ mất công “gân cổ” giải thích những điều thật vô lý, oan ức quá chừng. Định không nhờ mẹ chồng đi chợ nữa, nhưng bản tính vốn ghét việc ấy và cái bầu lớn dần nên tôi để bà tiếp tục. Từ đó, tôi tránh lúc bà đi chợ về và cố gắng che tai, ngậm miệng.

Khi nhận thấy những giọt nước mắt tủi thân đổ xuống đáy thùng phuy ngoài đường cũng không làm đầy nó, tôi không thể cúi sâu hơn với cái bầu bấy tháng để mức nước và đành phải mượn một người giúp việc. Tôi bắt đầu cắt may tả

lót sữa soạn đón đứa con đầu lòng. Những áo, mũ, giày thêu màu xanh, màu trắng xinh bé tí teo đều do mẹ tôi may. Bà không dùng chỉ màu hồng vì nếu cháu trai thì không dùng được. Một va-li đã được chuẩn bị sẵn sàng với đầy đủ đồ dùng cho mẹ con trong nhà bảo sanh.

Ngày 11 tháng 11, 1960, tôi đã mang cái bầu được chín tháng, một con số may mắn. Vì nếu tôi sinh non, có thể bị nghi ngờ lý do đám cưới vội vàng. Hôm đó Nguyễn đi làm và ở luôn trong sở. Đại Tá Nhảy Dù Nguyễn Chánh Thi đòi Tổng Thống Ngô Đình Diệm phải từ chức. Giao tranh dữ dội ngay bên ngoài Đài Phát Thanh Sài Gòn chỉ cách nhà tôi con sông Thị Nghè nhỏ. Súng nổ âm ầm. Nhưng sau đó, quân đảo chánh bị đẩy lui. Đại Tá Thi trốn sang Cam Bốt. Nhà thơ Đại Úy Phan Lạc Tuyên vương mắc trong vụ ấy, cũng phải bỏ xứ lưu vong.

Tám ngày sau vụ đảo chánh hụt, tôi giờ dạ sinh vào buổi sáng tinh mơ, 19 tháng 11. Cũng may tình hình tạm yên, Nguyễn đi Lambretta theo taxi chở vợ và mẹ tới nhà bảo sanh 65 đường Đinh Công Tráng, Sài Gòn. Có lẽ người lính nhát gan ra trận cũng lo sợ như tôi lần đầu tiên đi sinh. Sau đó, Nguyễn đến báo tin cho mẹ tôi. Khi trở lại thấy vợ vẫn chưa sanh, anh đi làm. Qua bảy tám giờ quần quai đau đớn của con dâu, bà mẹ chồng vẫn thản nhiên nhai trà:

- Ở nhà quê ngày xưa, bà đẻ đau cả mấy ngày! Mới thế đã thắm thắp gì!

Không sống ở nhà quê như mấy chục năm về trước, tôi không chịu đợi, dù thêm mấy giờ đồng hồ. Mẹ tôi đứng bên cạnh xoa vuốt con gái khiến tôi cảm thấy bớt đau, bớt sợ. Sau cùng tôi vẫn đòi bà bác sĩ tới kẹp đến hóp thái dương cậu con trai đầu lòng ra khỏi bụng. Phải xoa nắn cả tháng, đầu đứa bé mới bình thường. Con tôi sinh năm Canh Tí, cảm tinh con chuột với tên Nguyễn Nguyên Thủy có vẻ con gái. Nguyễn nói rằng cu cậu sẽ được gọi bằng hai chữ Nguyên

Thủy có nghĩa khởi nguồn. Ông bố trẻ đặt tên con theo tên bạn thân, nhà thơ Thái Thủy, người có nhiều thơ nhưng tôi chỉ nhớ được bài có nhan đề “Lá Thư Gửi Mẹ” được Nguyễn Hiền phổ nhạc và tôi thường hát:

*Mẹ ơi thôi đừng khóc nữa,  
Cho lòng già nặng sầu thương,  
Con đi say tình viễn xứ,  
Đâu có quên tình cố hương...*

Bản nhạc này rất được phổ thông sau thời gian di cư 1954 của một triệu dân miền Bắc vô Nam, lánh nạn Cộng Sản. Sau tháng tư 1975, một triệu người nữa lại bỏ miền Nam vượt biển di cư đi khắp thế giới. Bao người con, trong đó có tôi, lại thôn thức với “Lá Thư Gửi Mẹ” và thương nhớ mẹ hiền còn kẹt lại trong địa ngục đỏ...

Sau khi cháu ngoại được đưa về nhà, mẹ tôi thường đến thăm và đem theo ruốc, thịt gà kho gừng... cho tôi ăn cũ. Bỗng nhiên bà nội Nguyễn Thủy nói:

- Đàn bà để phải ăn uống kiêng khem mà lại mua thịt bò viên cho con gái ăn, có ngày bị rút gân!

Vài lần nghe vậy, tôi vẫn không để ý. Nhưng bà cứ nhắc đi, nhắc lại cái món oan khiên ấy khiến tôi chột hiều:

- Thừa cụ cái món giống như thịt bò viên người Tàu bán tại các xe ngoài đường đó là canh rau mùi giò sống, mẹ con nấu ở nhà và đem đến cho con ăn đấy ạ!

Ngày hôm sau, tôi sai người làm đi chợ mua rau ngò, giò sống về nấu và mời mẹ chồng soi với củ cải phơi khô dầm nước mắm gừng để bà tỏ tường! Nhưng giữa bà và cô con dâu mà người ta cứ tưởng cả hai đều hiền lành ấy lại có rất nhiều dị biệt, va chạm. Thấy cháu đích tôn được mặc áo thêu, bà nội lại nói đồng:

- Con trai mà cho mặc áo thêu như con gái. Rõ nữm!

Nghĩ rằng còn phải sống với mẹ chồng dài dài, tôi nên cho bà biết một chút về con dâu, để bà khỏi thắc mắc lời thôi:

- Thừa cụ, có áo đỡ tốn tiền mua là quý. Vả lại, trẻ sơ sinh trai hay gái con nhà sang trọng mới được mặc áo thêu ạ!

Tuy nhiên, trời Sài Gòn nắng bốc hơi, chảy đường nhựa. Gác nhỏ nóng hầm hập. Thấy con rôm sảy đầy người, tôi lột hết áo thêu, chỉ còn cái tã nhỏ quấn bụng cụ cậu. Quạt máy chạy vù vù qua đầu đứa bé mới sinh chưa đầy ba tháng. Nguyên Thủy bị cảm, ho, sốt, mũi nghẹt đờm, được đưa đi bác sĩ nhiều lần vẫn không khỏi. Nguyễn đem con vào bệnh viện Saint Paul. Nguyên Thủy bị nhiễm nước trong phổi. Tôi ở nhà thương một tuần với con. Tội nghiệp, Nguyễn phải lo trả nặng. Tôi lại nghe mẹ chồng chê không biết nuôi con, làm tốn tiền chồng. Thật đúng, chẳng còn chối cãi được! Song, nếu là mẹ sinh ra tôi, bà đã không nói đay nghiến vậy.

Nguyên Thủy khỏi bệnh ho, nhưng còn đầy mụn nhọt trên đầu, nhức nhối ngủ không yên, quấy khóc đến đau lòng mẹ! Bà nội nói:

- Ra chợ mua thuốc xanh, thuốc đỏ rồi cứ đợi nó ngủ, đập cái nhọt xuống giường gỗ cho vỡ ra rồi bôi thuốc lên là khỏi ngay. Ở nhà quê là làm thế đấy!

Thực vậy, nhiều bà mẹ ngồi chợ, vạch vú cho con bú. Đầu đứa bé bôi xanh, bôi đỏ, ruồi nhặng bâu đầy. Không thể làm theo lời của mẹ chồng, tôi ra tiệm thuốc tây mua rượu 90 độ, thuốc sát trùng, thuốc vàng, thuốc đỏ. Tôi đã thấy bà sơ và ông y sĩ Pháp dùng lưỡi dao nhỏ tí xiu mổ một cái nhọt lớn cho Nguyên Thủy trong nhà thương, và, hỏi còn bé, chị em chúng tôi cũng bị mẹ nhể mụn hoại. Tôi lau cái cục mưng u, chín mủ xanh lè trên trán con trai bằng thuốc sát trùng, rửa cây kim khâu bằng rượu 90 độ. Tôi nhờ mẹ chồng giữ đầu, người giúp việc giữ hai tay Nguyên Thủy và thu hết can đảm, dùng cây kim khâu nhể cái ngòi, nặn mủ cái nhọt. Con dấy dựa khóc ré. Mẹ nước mắt rùng rùng. Sau khi lau sạch cái

nhọt vỡ bằng thuốc sát trùng, tôi bôi thuốc vàng, thuốc đỏ. Nguyên Thủy vẫn nức nở khóc vì đau. Tôi ôm con lên lòng và bỗng nghe tiếng mình ru con như thuở nào mẹ tôi ru các em:

*Đông Đăng có phố Kỳ Lừa  
Cố nàng Tô Thị, cố chùa Tam Thanh  
Ai lên Xứ Lạng cùng anh  
Tiếc công bác mẹ sinh thành ra em...*

Đêm đó, Nguyên Thủy ngủ yên. Mụn nhọt còn lại của con đều bị tôi mổ xẻ như trên, đỡ tổn tiền trả bác sĩ. May mắn, tất cả đều biến hết và lành lặn, an toàn.

Ai là bác cha mẹ không muốn được nghe tiếng nói đầu tiên của con? Khi Nguyên Thủy được gần một năm, bà bác của Nguyễn tới thăm và đưa tay ra bế cu cậu. Con tôi vừa biết lạ, méo máo quay đi tìm tôi và gọi cầu cứu tiếng “mẹ, mẹ” thật rõ ràng. Tim tôi như tan chảy vì sung sướng với phần thưởng vô giá ấy và cảm thấy vừa thực sự được làm mẹ. Hôm đó cũng là ngày Quốc Khánh, 26 tháng 10 năm 1961, kỷ niệm năm thứ sáu ông Ngô Đình Diệm nhậm chức Tổng Thống nền Đệ Nhất Cộng Hòa Miền Nam. Buổi tối, Nguyên Thủy được mẹ bế ra ban-công, lần đầu tiên ngơ ngẩn nhìn pháo bông nổ tung lên cao như muôn ngàn cánh sao màu rực rỡ trên bầu trời Dinh Độc Lập chỉ cách nhà chúng tôi nửa cây số đường chim bay.

Để có thể chở quý tử đi khoe họ hàng, Nguyễn mua cái xe Simca cũ. Đi đến đâu chúng tôi cũng được khen mừng. Báo chí phỏng vấn, đăng hình Nguyên Thủy. Chồng, con là tất cả niềm hãnh diện của tôi. Khi Nguyên Thủy vừa được chín tháng, tôi có bầu lần thứ hai. Từ lâu lắm, chúng tôi không đi chơi đâu kể từ tuần trăng mật Đà Lạt. Nguyễn thuê một nhà nghỉ mát nhìn ra Bãi Trước Vũng Tàu cho hai vợ chồng với cậu con trai đã biết đi và người giúp việc. Chúng tôi ở đó một

tuần thoải mái, hạnh phúc. Nguyễn đều đặn viết truyện cho các báo và ra bãi biển chơi đùa với vợ, con trên cát vàng ấm áp như lòng tôi cảm thấy bên chồng con yên vui...

Ở gần Dinh Độc Lập, chúng tôi lại được nghe tiếng bom của hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử thả xuống mưu sát Tổng Thống. Ông Cử bay thoát sang Cam Bốt. Ông Quốc bị bắn hạ và bị bắt. Bà Ngô Đình Nhu bị thương nhẹ. Tổng Thống phải rời về Dinh Gia Long.

Sau biến cố năm Nhâm Dần ấy, ngày 8 tháng 5, 1962, con trai thứ hai của tôi cũng chờ bà bác sĩ hút mới chịu ra đời tại nhà bảo sanh 455 đường Phan Đình Phùng, Sài Gòn. Đỉnh đầu cu cậu bị kéo dài như quả mướp, phải thoa nắn mấy tuần lễ mới được tròn trịa. Anh đã tên Thủy, em phải tên Sơn, Nguyễn Trường Sơn, hổ Trường Sơn. Đặt tên con rồi, tôi mới nhớ truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh tranh giành Mỵ Cơ. Sơn Tinh cưới được nàng, đắp núi cao. Thủy Tinh mất nàng, dâng nước lớn. Hai anh em thù nghịch nhau đời đời. Nhưng cảm ơn Thượng Đế, chuyện đó không xảy ra giữa các con tôi.

Tặng người nhỏ là tặng mắt con. Trường Sơn mới sanh được vài tháng, tôi lại có bầu. Căn gác đã trở thành chật chội. Nguyễn thuê một ngôi nhà rộng rãi, mát mẻ hơn trong xóm đầu đường Chi Lăng, Phú Nhuận. Cuối dãy là tư gia nhà văn Nguyễn Mạnh Côn, bên cạnh trường tiểu học tư thục Chu Mạnh Trinh. Tôi rất mừng được ở gần bố mẹ. Nguyễn mời bạn về chơi bài, ăn cơm. Lần đầu tiên khách đông, dù có hai người giúp việc tôi vẫn không biết làm sao cho kịp bữa ăn trưa nên phải vờ mẹ tới tiếp tay. Bà phụ con gái làm xong món chả giò, bún thang, gỏi sứa... và lật đật đòi về ngay. Tôi ngạc nhiên:

- Sao mẹ không ở lại soi cơm với chúng con?

Mẹ tôi xoa tay:

- Thôi, thôi! Các ông ấy nói tục, nói bậy quá. Nghe mà khiếp lên! Con phải nói với Nguyễn bảo bạn làm sao chứ!

Thực thế, mấy cái miệng của nhà văn Mai Thảo, Thanh Nam, nhà thơ Thái Thủy, ca sĩ Anh Ngọc, nhạc sĩ Hoài Bắc Phạm Đình Chương... và Nguyễn hợp lại thì ma cũng chê, quỷ cũng hờn. Tôi cười đồng ý với mẹ:

- Vâng, để con nói với anh ấy.

Tuy nhắc lại lời bà với Nguyễn cho vui, tôi biết chàng không bao giờ có ý định sửa sai các bạn. Nói tục là thời trang của các ông văn nghệ sĩ, nào ai muốn sửa?!

Vừa ở được một năm, nhà lại bị đòi. Chúng tôi dọn sang căn phía sau, trong cùng xóm. Bên cạnh, nhà nhạc sĩ Dương Thiệu Tước và ca sĩ Minh Trang. Tôi nghe chị em Quỳnh Dao tập dương cầm tối ngày. Khi gia đình tác giả bản nhạc “Đêm Tàn Bến Ngự, Tiếng Xưa” ... dọn đi, ông bà Năm Châu, Kim Cúc, nghệ sĩ cải lương dọn tới. Xế cửa là tư gia nhà văn Duyên Anh. Đầu dãy là tư gia vợ chồng nhà thơ kiêm đạo diễn, làm phim Hoàng Anh Tuấn và đàn con sáu đứa lau nhau.

Vào giữa năm Quý Mão đó, tôi sanh Nguyễn Thị Ngọc Hân, ngày 3 tháng 6, 1963, tại nhà bảo sanh bên kia ngõ Chu Mạnh Trinh, 220 Đại Lộ Chi Lăng, Phú Nhuận. Con gái tôi sinh ra đời không khó khăn như hai anh, không cần sự trợ giúp của y sĩ. Tôi mong cô bé ngày sau cầm, kỳ, thi, họa đủ ngón như Công Chúa Ngọc Hân và sẽ có chồng anh hùng lịch sử vẻ vang dân Việt như Vua Quang Trung Nguyễn Huệ.

Một ngày trước sinh nhật của tôi, Song Thất 7/7/1963, cả nước sôi nổi, ngõ ngang với cái tin ông Nguyễn Tường Tam, người sáng lập Tự Lực Văn Đoàn, uống độc dược tự tử tại Sài Gòn, hưởng thọ 58 tuổi. Văn hào Nhất Linh muốn dùng cái chết để chứng minh lòng yêu nước, phản đối chính phủ Ngô Đình Diệm đã bắt và xử tội những người quốc gia đối

lập. Tác giả văn phẩm *Gánh Hàng Hoa, Đoạn Tuyệt, Đôi Bàn...* đã từ già cõi đời với bao ngậm ngùi, luyến tiếc của đồng bào.

Nhưng năm Quý Mão chưa hết. Nhiều biến cố rối loạn đang diễn ra khắp miền Nam. Phật Giáo biểu tình. Sư cụ Thích Quảng Đức tự thiêu. Phật tử Mai Tuyết Anh chặt tay cúng dường tại Chùa Xá Lợi. Đại Học bị đóng cửa. Sinh viên xuống đường biểu tình. Nữ sinh Quách Thị Trang bị trúng đạn chết trong một cuộc xô xát gần chợ Bến Thành. Tướng lãnh làm một cuộc đảo chánh lật đổ ông Diệm sau tám năm trên ngôi vị Tổng Thống với chính sách gia đình trị. Ông Diệm là người tốt nhưng quá nhu nhược để hai người em, ông Ngô Đình Nhu, ông Ngô Đình Cẩn cùng người em dâu, bà Trần Thị Lệ Xuân hống hách, lộng hành, mất tín nhiệm của quần chúng và Phật Giáo. Ông Diệm, ông Nhu bị bắt và bị bắn chết ngày 2 tháng 11 năm 1963. Đại sứ Cabot Lodge, Tổng Thống Kennedy nghe tin ấy rụng rời xúc động, không ngờ mấy tướng Việt Nam đã sai bộ hạ giết hai anh em ông Diệm.

Phải chăng vì lòng căm thù, uất hận lên đến cực độ, lời nguyện rửa của bà Nhu đứng vào giờ độc địa, “máu này sẽ đổ trong Tòa Bạch ốc,” hai mươi một ngày sau, ông Kennedy, tổng thống Hoa Kỳ bị ám sát chết trước mắt bà vợ? Người em, Nghị Sĩ Robert Kennedy cũng bị chung số phận mấy năm sau. Chính trị vẫn là cái gì hãi hùng, ghê gớm nhất...

Trở lại gia đình Nguyễn Thị Ngọc Dung. Bốn năm hai cậu, một cô đã nhiều, đôi khi nàng cảm thấy lúng túng, không biết xoay hướng con nào trước, con nào sau và mệt nhoài, muốn nghỉ ngơi, kiêng cử. Cho tới một lần Nguyễn nói với tôi đi công tác Cam Ranh bốn, năm ngày. Chàng đã đi luôn hai tuần không một lời nhắn gọi. Giận hờn và muốn cảnh cáo chồng, tôi cương quyết chống cự, không để Nguyễn đụng tới thân thể. Chàng muốn chuộc lỗi thực sự hay muốn



vợ có thêm con giữ nằng bệu, không thể theo dõi chàng, Nguyễn cố tình kiên nhẫn làm mặt khổ sở, năn nỉ, thề thốt gần suốt đêm cho đến khi vợ cả nể... Kết quả thử nước tiểu “positive.” Tôi buồn khóc bao nhiêu ngày, nhưng cái bầu cứ lớn dần, đành chấp nhận. Thời gian này, Nguyễn có một tiểu thuyết được quay thành phim, do kịch sĩ Bích Sơn, phi công Lê Quỳnh... diễn xuất.

Cậu út của tôi sinh dễ dàng nhất, vào năm Giáp Thìn, ngày 16 tháng 7, 1964 tại cùng nhà bảo sanh với cô chị. Cậu cảm tình con rồng nên được đặt tên Thần Phong như phi đội cảm tử thả bom Bắc Việt của ông Tướng Nguyễn Cao Kỳ. Thuở đó, tôi đã hy vọng theo quân ta chiến thắng trở về Hà Nội, sẽ đi thăm làng Mọc, nơi gia đình tôi có Biệt Thự Văn Khôi, làng So vùng núi tím sương lam nơi chúng tôi tản cư và tỉnh Thái Bình, quê của Nguyễn. Nào ngờ, cho tới lúc đang viết những dòng chữ này, tôi vẫn chưa thực hiện được điều đó!...

Tuy là đứa con không dự định, nhưng mẹ thương Nguyễn Thần Phong hơn hai anh và chị một tí tí teo. Cậu út biết điều nhất nhà, ít khóc nhè và chịu nằm trong nôi thật lâu đến xẹp đầu cá trê. Đôi khi cu cậu thích thú chơi đùa, vui vầy nhớt nhem với cả đồng “vàng nguyên chất” tự sản xuất.

Bốn đứa con chiu chít, nhà cửa lúc nào cũng ồn ào náo nhiệt. Tội nghiệp, Nguyễn phải rít từng hơi thuốc lá dài, ngăn chặn giấc ngủ với những ngụm cà phê đen và tập trung tư tưởng để viết bài đưa đăng báo giữa những màn hợp ca, la khóc của các con. Truyện của Nguyễn đã chuyển hướng hấp dẫn hơn với những cuộc tình đam mê, sôi động trong khung cảnh ăn chơi của Sài Gòn, khác hẳn những đề tài hiền hòa, thơ mộng thuở bà Ngô Đình Nhu còn trị vì, khiêu vũ trường bị đóng cửa. Nhiều tác giả khác cũng theo thị hiếu thời đại ấy...

Năm năm thành lập gần nửa tiêu đội đông đảo con nít để có thể sản sóc chúng toàn vẹn, bà mẹ trẻ không muốn trở thành cái máy sản xuất nhi đồng. Tôi đi xin đơn mua thuốc ngừa thai. Bác sĩ từ chối. Phải có sáu con trở lên mới đủ tiêu chuẩn cai sinh sản. Thời buổi chiến tranh, đất nước cần tăng gia dân số để thay thế binh lính đã, đang và sẽ ngã gục ngoài chiến trường. Tôi quyết định mua thuốc lậu. Nhưng thực ra cũng chẳng cần.

Đã lâu nay, gần như tuần nào Nguyễn cũng vắng nhà liền bốn năm ngày. Lý do giải thích rất chính đáng, cắm trại, đánh bài. Một lần, nhớ và tội nghiệp chồng bị ứng chiến hơi lâu, tôi vào “trại” thăm. Chẳng thấy chàng đâu, tôi chỉ gặp ông anh rể Vũ Công Uẩn với máy chữ, máy ronéo, báo Tiền Tuyến la liệt trong lều vải căng đầy sân Cục Tâm Lý Chiến. Tôi không tin cũng phải tin, vì từ ngày ông Diệm bị giết, có biết bao nhiêu cuộc đảo chánh to nhỏ khác. Tướng Nguyễn Chánh Thi, Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ ra tay giữ trật tự dân quân. Thượng Hội Đồng được thành lập và bầu ông Phan Khắc Sửu làm Quốc Trưởng. Tướng Nguyễn Khánh giữ chức Tổng Tư Lệnh Quân Đội, cụ Trần Văn Hương là Thủ Tướng.

Tình hình chính phủ chỉ tạm yên. Quân đội vẫn phải thường trực ứng chiến để bảo vệ an ninh cho dân chúng. Tôi cũng mong như thế, nên không quản ngại sự vắng nhà nhiều hơn sự có mặt của chồng. Mỗi người dân phải chịu hy sinh một chút. Và lại, nhà cửa chật chội, đông con nhỏ, ông chồng không mời bạn bè về nhà chơi bài được, phải đến nhà bạn. Cô vợ vẫn cặm cụi với đàn con trong nhà, hồn nhiên dẫn chúng đi dạo quanh ngõ. Một bà hàng xóm dừng lại, ân cần thăm hỏi ba điều, bốn chuyện rồi nói với giọng ái ngại:

- Tôi thấy chị còn trẻ và hiền lành quá, tối ngày chỉ lo con cái, tôi phải nói chuyện này cho chị hay để chị đề phòng.

Người ta gặp anh ấy đi chơi, ôm eo một cô ở Thủ Đức đấy. Chị để ý dò xét xem.

Trời như nghiêng, đất như ngã trước mắt. Xây xắm, choáng váng, tôi phải nắm chặt cái xe đẩy Thần Phong, cậu con trai mới ba tháng. Toàn thân lạnh giá, có lẽ mặt tôi cũng xanh ngắt, tái ngợt. Người đàn bà đặt tay lên vai tôi an ủi:

- Có thể anh ấy chỉ đi chơi văn nghệ thôi. Chị là vợ thì cứ phải coi chừng.

Không nói được dù một lời chào, tôi run rẩy đẩy xe con về nhà giao cho người giúp việc và nằm lịm trên giường, mê man. Qua chiều đó, tối đó, đêm đó và mấy ngày sau Nguyễn mới về. Tôi cáo ốm, không ăn cơm. Chàng vào phòng thăm hỏi, tôi chỉ lắc đầu, quay mặt vào tường, nước mắt ràn rụa. Lẽ dĩ nhiên Nguyễn phải tìm ra cơ sự. Thay vì khôn ngoan để ý dò xét như người hàng xóm dặn dò, cô vợ khờ đã khai hết những điều “nghe” thấy mà đau đớn lòng. Ông chồng chối bay biến, thề thốt cho tới khi nàng phải hứa đã tin, ông mới thôi. Sau đó ông ra nhà ngoài, phân trần với bà mẹ:

- Cụ xem hàng xóm láng giềng xấu như thế đấy. Mai cụ ra tìm xem con mẹ nào định phá gia cang người ta, cụ chửi cho nó một trận!

Nguyễn ở nhà vờ về vợ được vài tuần, đưa nàng với hai cô em đi chơi xa lộ chụp hình một lần. Có lúc nào đó, tôi nghĩ rằng chàng bị nghi oan, nhìn lầm. Và, mẹ chồng tôi phải làm theo lời ông con trai nên bà hàng xóm đón tôi trong ngõ, cải chính tất cả những điều đã nói. Tôi ngượng ngùng xin lỗi về sự vụng về của mình và không tin người đàn bà đàn hoàng đó đặt điều, muốn phá gia đình tôi, mà trái lại. Bầu trời tôi đã vẩn vũ mây đen.

Một buổi chiều, chị Tâm hẹn đón tôi đi chợ Bến Thành. Nhưng vài cơn mưa rào đổ xuống, chị đợi tạnh hẳn và khoảng ba giờ mới tới. Chúng tôi vội vàng đi đến gần sáu giờ. Chị Tâm cho taxi thả tôi xuống đầu ngõ. Chị đi thẳng

về nhà gần Cổng Phi Long, phi trường Tân Sơn Nhất. Vừa bước vào cửa, tôi vui mừng nhìn thấy Nguyễn. Nhưng nụ cười của tôi tắt ngúm vì câu hỏi sảng của ông chồng:

- Cô đi đâu giờ này mới về?

Tôi giải thích. Nguyễn vẫn lớn tiếng hơn:

- Đàn bà con gái gì bỏ bê con cái, la cà, tiêu phá. Tiền tôi đưa chi tiêu gia đình không phải để cô hoang tàng.

Tôi ngạc nhiên đến cùng cực. Chưa bao giờ Nguyễn có cái giọng phi báng ấy với vợ. Tôi rất ít đi phố mua sắm và nghĩ rằng sự tiêu pha của mình đã cố gắng ở mức tối thiểu. Nhưng dù tôi có tiêu nhiều, Nguyễn không thể thóa mạ tôi như thế. Con giận bốc lên, tôi vừa khóc vừa cãi:

- Bao nhiêu lâu em mới gặp chị Tâm và đi phố. Anh đưa em bao nhiêu tiền mà em phá được? Em có bỏ bê con cái cũng chỉ vài giờ. Em có bỏ vợ con đi đêm này qua đêm khác với gái đâu?

Một cái tát nẩy đom đóm mắt bay vào mặt tôi! Lặng điếng, tái tê, tôi ôm mặt chạy vào phòng và còn nghe tiếng Nguyễn:

- Đàn bà không nên nết, ra đường ngồi lê đôi mách, về nhà cãi mẹ chồng, hỗn láo cả với chồng. Khôn nhà đại chợ. Không được cái nết gì! Người làm cũng không ở được!

Cô vợ trẻ khờ dại không biết rằng ông chồng bắt đầu tác động tinh thần, một mặt ngăn chặn nàng tiếp xúc với thế giới bên ngoài mà ông đã nhiều tai tiếng, một mặt chê trách nàng để lấy cớ giận dữ chính đáng để bỏ đi ngay sau đó. Nàng nằm úp mặt trên gối khóc vùi dập. Thật quá quất, Nguyễn không còn là Nguyễn thuở *Những Lá Thư Màu Xanh* nữa. Chàng đã thay đổi quá nhiều. Nguyễn thua bài? Bị “con mèo” nào hành? Nghe bà mẹ xúc xiểm? Mọi chuyện nhỏ nhặt xảy ra giữa tôi và mẹ chồng đều trong lúc chàng vắng nhà. Khi có mặt con trai, bà không bao giờ nói khích con dâu một lời. Họ phải nói gì với nhau từ trước đến nay? Nguyễn

đã có thái độ của một người ghét bỏ, thù hận vợ, không phải là người tôi đã tin tưởng và yêu thương bấy lâu.

Một vết rạn nứt hình như vừa bật máu xuyên tim, tôi âm thầm khóc trong đêm tối và vẫn quanh quẩn nghĩ về những lời vu khống. Nếu nghĩ rằng mình thật sự là một người vợ xấu như Nguyễn nói, tôi không buồn khổ và uất ức đến như vậy. Tôi chưa hề vào nhà ai trong ngõ hay nói chuyện với ai ngoài câu chào hỏi ngắn ngủi. Người đàn bà láng giềng nói cho tôi biết về Nguyễn là lần đầu tiên tôi được nghe nhiều nhất lại không thốt được một lời nào. À thì ra thế, khôn nhà dại chợ!

Còn cãi mẹ chồng ư? Bà cụ nói gì, tôi không đồng ý, tôi không thể giữ im lặng hoài. Bố mẹ cho tôi ăn học có lẽ cũng chỉ mong con không ngu ngốc, không nghe và làm theo điều sai quấy, vô lý.

Nếu bảo tôi ăn tiêu hoang phí, có lẽ tôi nên xắn khăn, búi tóc, tối ngày mặc quần đen, áo cánh trắng, chỉ cần hai bộ để thay đổi là đủ và ra chợ Phú Nhuận mua guốc thô mà đi. Nhưng chắc chắn tôi không được quyền như mẹ chồng nhậu nhẹt ba xí đế, đánh chén tiết canh, lòng heo để tốn tiền ông con bà!

Có lần, thấy con dâu cắt khâu một bộ áo đầm cho búp-bê của Ngọc Hân, bà mẹ chồng hỏi: “Cô cũng biết may hả?” Thì ra cụ chẳng hiểu gì về nàng. Từ thuở nhỏ cho tới lớn, song song với trường học, chị em chúng tôi được dạy khâu vá, thêu thùa nhiều với mẹ. 13 tuổi, tôi bắt đầu tập may quần áo cánh. 15 tuổi, tôi đã tự cắt áo dài cho đến khi có chồng. Nay, việc may đồ mặc nhà cho năm mẹ con đã chiếm hết thời giờ rảnh, tôi không cắt may áo dài cho mình, cho mẹ chồng, có nghĩa là tôi không biết may?!

Trái lại, Nguyễn Thị Ngọc Dung lại đặt may áo dài nylon mỏng màu hoa soan, nhờ người bạn em trai vẽ hoa “pensées” tím để che vết cháy thuốc lá của ông chồng nhà văn. Nàng

mặc áo nội hóa dài chấm gót chân, quần trắng quét đất. Giày “escarpin” gót cao chênh vênh, mũi nhọn hoắt có thể làm khí giới đánh ghen. Tóc nàng dọn sóng ngắn, khi vênh ra, lúc cúp vô để phải đi uốn tóc một năm những hai lần! Cô con dâu tân thời khác hẳn tất cả đàn bà, con gái bên chông. Nhưng biết làm sao, nàng đã sinh ra đời như thế, nên mang tiếng tiêu xài hoang phí?!

Tuy nhiên, nhận thức được ý chông, nàng cho một chị tớ nghĩ, chỉ còn giữ một mà rất có thể là cán bộ Việt Cộng nằm vùng. Phải trực tiếp nhiều nhất và đôi khi không chịu được cái chất VC, bà chủ phải cho các chị nghĩ. Lạ chi điều đó?! Khi sang sống tại đất Mỹ sau này, một việc tôi thích thú, thoải mái nhất, không có chị tớ Cộng Sản nào trong nhà!!!...

Sự oan ức, tủi thân đã đưa tôi tìm về mẹ khóc lóc, kể lể hết nguồn cơn, cả cái chuyện nghe Nguyễn có “mèo.” Nhìn cái miệng tím bầm như quả bò quân, mẹ tôi rên rĩ đi lấy khăn đá lạnh ướp vết đau cho con gái. Bà lo cho tôi ăn và nói trong tiếng thở dài:

- Chuyện gì thì con cũng nhịn đi. Rồi đâu có đó.

Hai ngày sau, mẹ và chị Phương đến nhà tôi. Chị đã có chồng là anh Châu và cháu gái Phương Mai gần hai tuổi. Bà mẹ chồng tôi cũng có mặt. Chị Phương lớn tiếng:

- Đàn ông gì mà vũ phu. Đi chơi đêm ngày không sao, vợ đi chợ thôi cũng kiếm có la lối. Cả vú lấp miệng em! Không bằng lòng nhau thì ly dị, về chị nuôi. Hạnh phúc thì ở, không hạnh phúc thì cho đi luôn. Chi ly từng đồng, tiền đâu mà em tôi hoang tàng được. Tháng nào nó cũng phải về vay tiền mẹ. Đây, chị cho Dung năm ngàn tiêu chơi cho sướng. Cứ đi chợ Bến Thành mua sắm cả tuần lễ, xem hán có dám động đến Dung nữa không?

Tôi giật mình, nhưng thật thích thú vì lời nói mạnh bạo của chị Phương. Đúng vậy, đã thất vọng, đã chọn lầm người

thì xin cho nhau hai chữ ly dị thẳng thắn, cao thượng. Đồ tội, trút lỗi, lừa dối nhau, còn đâu sự tử tế, tốt đẹp! Người ta thường tự bào chữa, vì thương hại và nhân đạo nên phải dối lừa để bảo vệ cái gia đình họ đã chán ngấy. Họ quên rằng tội lỗi thường trực không che đậy được mãi. Khi mẹ tôi và chị Phương ở đó, mẹ Nguyễn nói rất ít và làm như chuyện không dính líu tới bà. Nhưng khi hai người thân của tôi về, bà lại nói đồng:

- Cậu ấy làm ra tiền thì cậu ấy tiêu! Không làm ra tiền thì đừng tiêu!

Tôi hết đường cãi và thấy rằng chẳng còn tình nghĩa gì để nói! Lặng thinh nuốt hận, tôi đã có một quyết định. Vài ngày sau Nguyễn về, sững nhìn vết bầm tím vẫn chưa tan bên miệng vợ nhưng không một lời thăm hỏi, xin lỗi. Nàng cũng giữ thái độ im lặng và lại bị chồng nhiếc:

- Về đến nhà là thấy cái mặt lấm lấm, lì lì!

Sau đó, ông chồng lại vù xe đi. Dù khờ, cô vợ cũng hiểu rằng hấn đi đâu. Lòng nàng bình tĩnh, yên ắng lạ lùng. Cuối tháng Nguyễn đưa cho tôi một phần lương như đưa cho người quản gia rồi lại bỏ đi như một ông chủ oai quyền. Được lắm, tôi sẽ cho họ biết tôi là ai! Món tiền năm ngàn của chị Phương, tôi gửi mẹ, không muốn dùng nó ngay và muốn tiêu tiền của chồng. Tôi đã tự gò bó trong khuôn khổ eo hẹp vật chất, cô đơn tâm hồn vì ngỡ rằng được thương yêu, nể trọng. Nếu đã bị coi như kẻ ngoại cuộc đối với mẹ con Nguyễn, tôi không còn lý do chịu đựng nữa. Tôi muốn chứng tỏ rằng không làm ra tiền, tôi vẫn có quyền tiêu. Cái hôn thú và bốn đứa con đã cho tôi cái quyền ấy. Tôi không phải là người đàn bà nhu nhược, dễ bị đàn áp.

Cầm tiền Nguyễn đưa, tôi ra Thương Xá Tax mua một cái áo len, hai bộ quần áo và tới đường Lê Thánh Tôn mua cái va-li nhỏ. Đã lâu lắm tôi không sắm sửa gì ngoài quần áo để mặc nhà hay qua bên ngoại hoặc đến nhà anh chị với các

con. Từ ngày cưới, Nguyễn chỉ đưa tôi đi ăn tiệc một lần tại nhà một người đồng sở. Nhưng sau đó, có lẽ nghe bà mẹ trách móc, “sao họ không biết lịch sự, trong nhà có cả bà mẹ, họ phải mời chứ”, ông con không bao giờ đưa vợ đi đâu nữa.

Cũng chẳng trách Nguyễn được. Năm năm vợ chồng, tôi có bốn cái bầu chình ình, phần mỹ thuật, thơ mộng gì để mà được dẫn đi! Nhìn chị em trong nhà, đàn bà, con gái ngoài đường, tôi cảm thấy mình quê mùa quá! Chỉ có một điều tôi tự làm được những khi vững tinh thần, tôi tập cử động thể dục cho co săn da bụng sau khi mang bốn cái bào thai khỏe mạnh. Tôi muốn làm đẹp vì bản tính lãng mạn, thích làm dáng, không vì lý do muốn chồng ngắm, chồng thương. Nếu cái thân hình lệch lạc sau vài lần sinh nở mà bị chồng chê thì cũng chẳng nên làm đẹp cho hấn. Người đàn bà phải được chồng biết ơn và thương hơn vì đã sanh con, hy sinh thân thể. Tuy nhiên, chỉ quanh quẩn với bốn đứa bé luôn luôn ồn ào, uất ức bên cạnh bà mẹ chồng hằm hè, ông chồng hăm he, thân hình tôi không khác con cá mắm khô. Tôi phải ra khỏi cái nhà đầy buồn phiền, u tối và cần sinh khí cho tâm hồn bơ vơ, lạc lõng. Con đường tôi đi đã mập mô sỏi đá.

Cả tuần lễ Nguyễn không về nhà đã trở thành tự nhiên. Có lần Nguyễn ước hỏi tôi:

- Anh muốn có phòng trên một “building” nào đó để làm nơi yên tĩnh viết truyện. Nhưng kể cũng tốn kém quá.

Tôi không phản đối:

- Anh muốn thuê phòng riêng ở đâu, em không biết thì thôi. Nếu anh hỏi thì em đòi một chìa khóa để đến thăm anh bất cứ lúc nào.

Từ đó, tôi không nghe Nguyễn nhắc tới ý định kia. Nhưng triền miên vắng nhà như sáng hôm ấy, Nguyễn phải có chỗ khác. Để một miếng giấy trên bàn đầu giường ngủ với hàng chữ, “Đi chơi vài ngày thay đổi không khí,” tôi



xách va-li nhỏ ra bến xe đò Minh Trung, mua vé đi Đà Lạt. Xe nghỉ ở Đình Quán và nhiều chỗ khác, tôi không ra khỏi xe một lần. Đến thành phố của đôi cô, rừng thông, tôi thuê một phòng trong khách sạn mà Nguyễn và tôi đã ở tuần trăng mật. Dù sao, chỗ này cũng có vẻ quen thuộc, đỡ sợ. Nhân viên khách sạn lưỡng lự, soi mói nhìn tôi từ đầu đến chân. Đàn bà đến thuê phòng một mình có thể để tự tử vì chán đời hay rước khách chẳng? Tôi làm bộ vui vẻ, nghiêm trang để lấy lòng tin của họ:

- Tôi đến khách sạn này với chồng tôi mấy năm về trước. Tôi cần một chỗ yên tĩnh viết sách một tuần, không làm điều gì xằng bậy đâu. Cuối tuần chồng tôi sẽ tới đây. Tôi trả ba ngày phòng trước.

Người chủ khách sạn nói bằng giọng Hoa lơ lơ:

- Thôi được rồi, chúng tôi lấy tiền ngày một. Mỗi sáng bà xuống đóng tiền thêm.

Tôi chọn một phòng gần cầu thang cho an ninh. Mỗi một rá rời, tôi thay quần áo và chui vào trong chăn lạnh ngắt, cố tìm giấc ngủ. Nhưng suy tư nặng đầu óc và chiều gần tắt nắng, tôi trở dậy thay quần áo ra phố chợ. Tôi kiếm mua mấy tờ báo văn học mà tôi vẫn thích đọc thời nữ sinh, rồi đi ăn phở, một món ăn giản tiện nhất cho kẻ độc hành trong cái lạnh đến tận mảnh xương tủy nhỏ. Tiệm phở Đà Lạt đặc biệt có nhiều rau diếp, giá sống và các rau húng cây, húng quế, húng xoăn, ngò gai để trên bàn. Tôi cố ăn hết tô phở cho no, mong về khách sạn ngủ dễ dàng. Nếu được chọn giữa ăn và ngủ dễ sống, tôi chọn điều thứ hai. Người đàn bà trẻ có chồng phụ bạc, xa vắng từ lâu, luôn thiếu giấc yên lành.

Trưa hôm sau, tôi xuống ăn cơm Tàu trong khách sạn và trả tiền phòng cho đêm ấy. Buổi chiều, tôi lên sân thượng ngắm dãy núi Lang Bian với năm ngọn núi lửa đã tắt. Hai đỉnh cao nhất, gần hai cây số rưỡi so với mặt biển; một ở phía đông mang tên Lang, người nữ; một ở phía tây mang

tên Biang, người nam. Dân thượng tự tập sinh sống dưới chân rặng núi còn mang mỹ từ văn hoa Lâm Viên phía Tây Bắc thành phố Đà Lạt...

Ngọn núi huyền thoại vẫn mơ màng sương khói như trong tuần trăng mật với Nguyễn tôi cũng một mình với cảnh. Mấy câu thơ buồn thở tình đầu, nữ sinh sầu mộng bỗng trở về. Trong thơ, tôi mong ước được tan biến vào mây núi để người yêu một ngày nào đến đây chiêm ngưỡng, tưởng niệm. Bây giờ, nàng trinh nữ ấy đã có bốn con và khóc ngất suốt đêm qua vì lần đầu tiên xa cách, thương nhớ chúng ở hoàn cảnh tận cùng cô độc chưa xảy ra trong đời. “Mẹ chỉ xin thêm một vài hôm nữa để sửa soạn tinh thần cho tương lai sắp tới phải đối phó. Mẹ muốn cho bố và bà nội hiểu sự cần thiết và giá trị của mẹ trong căn nhà đó. Yêu thương thật cần thiết đối với mẹ. Nếu đã có người khác và hắt hủi mẹ, ông ấy sẽ được tự do. Mẹ không níu kéo, van xin, chạy theo. Nhưng mẹ không thể xa các con được. Mẹ xin lỗi, đã bỏ đi không một lời nhắn nhủ, dặn dò. Chắc Thủy, Sơn nhớ mẹ lắm nhỉ? Còn Hân, Phong nhỏ quá, biết gì đâu!”

Ngày thứ ba, tôi ra phố mua một đôi kính râm. Khóc nhiều đã làm mắt sưng đỏ. Ánh nắng hanh dịu, tươi mát của Đà Lạt trở thành chói chang với đôi mắt lạc hướng. Đeo kính lên, tôi đón xe lam đi hồ Than Thở. Nhìn cảnh lại chạnh tới người. Ngày xưa có chàng Hoàng Tùng thường đến nơi đây săn bắn và nàng Mai Nương hái nấm hoang. Hai người đã gặp và thương nhau. Khi Vua Quang Trung truyền hịch, hô hào trai tráng ra nhập đạo quân chống giặc Thanh, Hoàng Tùng đã đi theo tiếng gọi của tổ quốc lâm nguy và lên đường Bắc tiến Thăng Long. Chàng không kịp tới nơi hẹn để cùng nàng từ biệt. *Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi*. Chiến sĩ ra đi có bao giờ trở lại. Nàng đã gieo mình xuống hồ tự vận để giữ tình yêu muôn đời với chàng...

Một chuyện tình thời đại đã để lại ngôi mộ Cô Thảo bên hồ. Người con gái đau khổ đã nhảy xuống thác Liên Khương trầm mình sau đêm tân hôn vài ngày. Mộ nàng được đắp bằng những phiến đá đơn sơ. Trên một phiến màu xanh có ghi hai câu thơ:

*Nước biếc non xanh dù thay đổi,  
Ngàn năm Thảo vẫn ở trong Tân.*

Tân là tên người chồng mới cưới của Thảo. Nàng đã thương một người khác trước khi Tân yêu và cưới nàng...

Gió vẫn thoảng đưa qua rừng thông hiu hắt, hoang vắng bóng người. Chuyện xưa, tâm tình cũ bồi hồi. Mười năm trước, tôi đã tới đây âm thầm than thở cho mối tình đầu bị bố mẹ ngăn cấm. Hiện tại tôi vẫn buồn thảm thở than một chuyện tình đau khổ khác cùng cảnh vật.

Ngày thứ tư, tôi xuống ăn sáng trong khách sạn và đi bộ ra hồ Xuân Hương. Hồ mang tên một nữ sĩ can đảm đầu tiên trong văn học sử Việt Nam, có nhiều thơ tục và thâm thúy vào cuối thế kỷ 18, đầu thế kỷ 19... Bà tự chế giễu sự ảm ức sinh lý, thân phận vợ lẽ hẩm hiu của bà và châm chọc cái dâm đăng của nam nữ, bất chấp sự chỉ trích, phê phán thời đó.

Nhà Thủy Tạ trắng in bóng mặt hồ lung linh. Một chiếc lá lênh đênh trên sóng gợn lăn tăn. Đòi người đàn bà không một mảnh bằng học thức, không công ăn việc làm, hai bàn tay trắng, khi mất niềm tin có khác chi chiếc lá mong manh ấy. Đôi bàn chân nhỏ bé hình như đang đi trên cát lún, không giữ được thăng bằng cho thân thể, tâm thần. Đôi tay yếu đuối hình như phải nắm giữ cây điều quá lớn, căng gió quá mạnh. Buông tay thì mất điều. Cố giữ, sẽ bị dây điều cứa cắt thương tích đầy tay. Bấy giờ tôi mới thấm thía lời cô bạn phù dâu năm xưa. Thu Hòa đã cảnh cáo tôi trước ngày cưới: “Ngọc Dung có thể chịu đựng được không, nếu ông chồng đi

làm về là ghé dọc, ghé ngang. Thứ bảy, Chủ nhật biệt tăm, biệt tích xó xỉnh nào, vợ con không hay.”

Ngày nay, Nguyễn quá thế nhiều lắm. Chàng đã có “mèò” rồi, không biết cô nào đây, đã sâu đậm đến đâu? Sâu như đáy hồ cho tôi chìm luôn như chiếc lá chãng? Ôi, không thể được, mẹ còn phải sống và chăm nom các con cho khôn lớn. Mẹ bỏ các con khi còn nhỏ quá, sao đành! Tội nghiệp Thân Phong, mới được mấy tháng, lúc nào nhìn thấy mẹ cũng cười như muốn níu mẹ lại nói chuyện. Bà nội chỉ thương Nguyễn Thủy, cháu đích tôn. Mẹ bận cả bốn anh em, bé ẵm, nựng nịu một mình ai được. Trường Sơn hay khóc nhè, bị bà nội quát mắng “thằng mất dạy” hoài. Ngọc Hân chưa được hai tuổi, con giống mẹ hay sao mà bị cụ ghét và luôn miệng chửi “con đĩ”? Ngày mai mẹ sẽ về. Các con đã xa và nhớ mẹ mà còn bị mắng chửi, mẹ chẳng an tâm được.

Định đi một tuần nhưng nhớ con, tôi quyết định chỉ đi năm ngày. Khi nghĩ tới Thu Hòa, tôi chợt liên tưởng tới gia đình anh chị Hoàng Anh Tuấn vì họ quen biết nhau. Nhà thơ “Mưa Sài Gòn, Mưa Hà Nội” đang làm Giám Đốc Đài Phát Thanh Đà Lạt. Còn một buổi chiều chẳng biết làm gì, tôi đến đường Yersin tìm chị Liên. Tôi được biết Nguyễn điện thoại hỏi và dặn anh Tuấn, nếu gặp tôi thì giữ lại, Nguyễn sẽ lên đón. Chị Liên khuyên tôi sáng hôm sau tới đài phát thanh nghe Nguyễn gọi. Chúng tôi vào văn phòng giám đốc độ mươi phút, điện thoại reo. Anh Tuấn nhắc máy:

- A lô... Bà ấy đây rồi. Mà chết con ạ. Mau mau mà vái lay đi, con ơi!

Tôi đang hỏi hộp cũng phải bật cười và đỡ cái máy nghe. Sau khi hỏi thăm sức khoẻ của vợ, Nguyễn nói:

- Các con nhớ em lắm. Chúng nhắc tới em hoài. Mai anh lên đón em về.

Nghe tiếng Nguyễn nói tới các con, tôi ghen ngào:

- Mai em sẽ về. Em có định đi lâu đâu. Khỏi mất công anh đi đón.

- Em cứ ở trên ấy. Anh sẽ đem Nguyên Thủy lên. Anh đã hứa với con rồi. Cu cậu nô nức lắm.

Quên giận hờn, tôi mừng rỡ:

- Vậy ư? Anh cho cả Trường Sơn đi được không?

- Anh lái xe, làm sao lo được hai ông con. Cái xe Sport anh mượn chỉ có hai chỗ, đủ cho em và Thủy ngồi đằng trước. Nhé, ngày mai anh lên đón em!

Tình yêu cho Nguyễn vẫn không vui, tôi đã nhận lời và nôn nóng chờ chàng. Chiều hôm sau, cha con Nguyễn Thủy chạy ào vào phòng tôi đang hồi hộp chờ đợi và kéo tôi ra khỏi khách sạn. Nguyễn nói:

- Anh đã giữ phòng bên Grand Palace rồi. Tội nghiệp, sao em lại ở đây? Ngày xưa chúng mình nghèo thì mới phải ở khách sạn này.

- Bộ bây giờ anh giàu hả?

- Không giàu nhưng cũng đủ vung vít vài hôm trên đây. Em cần mua sắm gì không?

- Em chẳng cần gì cả, chỉ cần anh!

Sau vài giây ngạc nhiên nhìn sâu vào đôi mắt vợ, Nguyễn cười sung sướng vì lời nói rất tiểu thuyết ấy. Nhưng đó là tất cả lòng nàng. Nguyễn choàng tay qua vai tôi và diu tôi ra xe. Nguyên Thủy nhảy phóc lên ngồi giữa. Cái xe màu đỏ bỏ mui lượn dốc phố, vòng đường đồi tới Grand Palace. Nhìn xuống hồ Xuân Hương, khách sạn lớn đẹp nhất được người Pháp xây vào năm 1916 trên vùng đất nghỉ mát Đà Lạt. Đêm ấy, khi Nguyễn Thủy đã ngủ yên ở một góc phòng, Nguyễn ôm tôi thủ thủ trên giường êm ái, thên thang:

- Anh tưởng em đi với tên nào?

Nguyễn đã nghi vợ cũng lang chạ như giới đàn bà chàng quen biết ngoài đời, chán tình nhân, chán chồng, muốn thử với người đàn ông khác. Hay, ông ăn chả, bà ăn nem để trả

thù nhau. Nằm gọn trong vòng tay Nguyễn, tôi phật ý vì sự suy đoán nông cạn của chàng:

- Em không quá dễ dàng và tầm thường như thế đâu. Nhưng nếu đúng vậy thì anh làm gì nào?

- Anh sẽ giết thằng khốn nạn!

Những người hùng ăn chơi thường tự cho họ cái quyền giết thằng khốn nạn và được phép có con khốn nạn?! Nguyễn lừa nắm ngón tay nắm tóc tôi và hôn tôi ngẫu nhiên như để cảnh cáo câu vừa nghe. Một lò sưởi nguội tàn vừa được nhúm lửa than hồng. Một thân thể băng lạnh được ôm ấp truyền nhiệt nóng bỏng. Một trái tim tím ngắt lại tươi đỏ yêu thương. Tôi đã có một đêm ấm áp bên chồng, bù đắp những thiếu vắng từ lâu. Đàn bà khi đã quen hơi, bén tiếng khó có thể vượt khỏi tầm tay đàn ông. Một tiểu thuyết gia đã viết vậy. Nhưng cái định lý một với một có thể thành ba, tâm lý con người cũng không tuyệt đối!

Nguyễn chinh phục lại lòng tin yêu của tôi thật mau chóng. Nhưng vì nhớ đám con ở Sài Gòn, tôi đã bỏ dịp tạo hưởng hạnh phúc riêng tư ấy. Chúng tôi chỉ lưu lại Đà Lạt thêm một ngày. Nguyễn Phóng xe khắp thành phố cao nguyên xanh ươm đồi núi, thơm khói thông rừng. Nguyễn Thủy ngồi trên lòng mẹ cho cao, luôn miệng reo vui. Con tôi vừa được bốn tuổi. Đôi khi Nguyễn cho xe chạy thật chậm để cậu con trai đứng bá cổ bố nhìn ngựa ăn cỏ trên đồi; vệt, ngan theo nhau bơi lội dưới hồ. Tôi mơ ước một đời sống êm đềm với chồng con trong một biệt thự xinh xắn đầy hoa lá nào đó của Đà Lạt thơ mộng, Nguyễn sẽ ở bên tôi và các con tôi mãi mãi.

Sáng hôm sau, chúng tôi rời thành phố còn trong sương mù. Đường rừng núi nhỏ hẹp, quanh co. Chiếc xe thể thao bỏ mũi phóng bạt gió, khi rò máy lên đèo, lúc xuống dốc veo veo. Một tay nắm cửa xe, một tay tôi ôm con thật chặt.

Nguyễn Thủy thích thú cười khanh khách. Nguyễn luôn luôn nhìn sang vợ, con, cười tự mãn. Tình yêu, hạnh phúc sẽ ở lại hay vượt theo cánh gió, lùì bay xa dân?!...

Vào tháng 11 năm này, bà nội tôi về châu tổ tiên, hưởng thọ 89 tuổi. Bộ áo nhiều đồ của cụ may từ trước năm 1945, đã bị mục nhưng vẫn được bỏ theo áo quan không phải gõ vàng tâm như cái để lại Hà Nội năm di cư, 1954. Cụ Huân phó Chủ Cá ngày xưa được mai táng tại nghĩa trang Giác Quang Tương Tế, làng Bình Hòa, Gia Định.

Đồng thời, chủ đòi lại nhà và gia hạn cho chúng tôi ở thêm ba tháng. Nguyễn muốn sang một căn rộng rãi hơn cho các con có chỗ chơi chạy. Thời hạn qua, chúng tôi vẫn không kiếm được nhà nào ưng ý. Nguyễn bàn:

- Anh thấy khí hậu Đà Lạt mát mẻ, rất tốt cho sức khỏe của em và các con. Anh sẽ nhờ người kiếm một chỗ tốt cho năm mẹ con nghỉ hè vài tháng với bà nội và cái Tư. Anh ở lại, sẽ đi kiếm và sang một cái nhà mình có thể ở dài hạn, không phải dọn hoài nữa.

Suy nghĩ đắn đo, tôi nghiêm giọng:

- Anh ở lại, nhưng ở đâu?

- Trên Building Cửu Long, chỗ Thanh Nam, Thái Thủy thiếu gì phòng cho mượn. Một mình anh ở đâu cũng được.

Đúng vậy, có nhiều chỗ cho Nguyễn lắm, nhưng chàng sẽ chẳng ở một mình. Tôi cũng không muốn ở lại cái hẻm này. Người ta vẫn xì xầm chuyện Nguyễn có tình nhân. Thậm chí có người còn rỉ tai người giúp việc của tôi về nghề nghiệp vũ nữ với cái tên cô ta và xúi nó về nói cho tôi hay. Trong một vụ đấu khẩu, tôi đã nói với Nguyễn:

- Em cứ tưởng anh mê người nào tử tế, đàng hoàng lắm, anh mê thứ đó ư?

Tôi đã bị Nguyễn ném cho một câu rất buốt mặt:

- Không biết ai tử tế hơn ai!

Vâng, tôi không còn nhìn thấy sự tử tế ở Nguyễn đối với tôi nữa. Khi đã chán ghét nhau, người ta dùng tới tất cả những lời nham hiểm, thâm độc nhất. Vợ chồng ông vẫn sẽ xé cửa ghen nhau, loạn đả năm ngày bảy trận. Đẹp đẽ gì đâu! Bây giờ tôi đã hiểu câu phỏng vấn của cô nữ sinh khi tôi còn là cô dâu học trò mới cưới. “Làm vợ một nhà vẫn là chiến thắng hay chiến bại?” Tôi có thể trả lời: “Làm người yêu của nghệ sĩ là một chiến thắng. Làm vợ một ông như Nguyễn là một thảm bại nhất đời!” Tôi không còn cái thú đẩy xe cho các con đi quanh xóm, không muốn ai nhìn mặt mình. Hãnh diện gì nữa? Tôi muốn trốn tránh tất cả và xa Sài Gòn bụi bặm, nhớp nhơ. Nếu thấy rằng không phải là người đúng ý, hợp tình của nhau, đây cũng là dịp thử thách ly thân.

Năm mẹ con cùng bà nội và chị Tư giúp việc khăn gói lếch thếch lên máy bay đi Đà Lạt. Chẳng vui thú gì phải sống với bà mẹ chồng mà không nhiều thì ít đã là một cái cơ Nguyễn trách móc tôi “xăm xăm đi trước, để cụ leo đèo đi sau như người làm” và rồi bỏ nhà đi cả tuần như những lần gây sự khác. Nếu bà mẹ không phàn nàn, làm sao ông con biết. Những lúc đi với cụ, tôi thường vội vàng, tay xách nách mang đưa con ốm đau tới bác sĩ, hay đi chợ vì nhà đãi khách đông. Tôi đã không nhớ lời bà nội mắng ngày xưa: ”Con gái vô lễ, vô phép đi trước bà, ai cưới về làm con dâu!” Tôi bật cười khi nghĩ rằng mười mấy năm sau, dù bà nội đã qua đời, tôi vẫn không được quên câu giáo huấn ấy. Bốn đứa con lúc nào cũng quần quýt bên cạnh và ông chồng luôn luôn gây buồn phiền, tôi lúng túng, hụt hẫng ở tất cả mọi nơi, làm sao bước đi khoan thai, ý tứ? Còn đâu thuở *Em không dám đi mau, sợ chàng chê hấp tấp, sợ gian nan không giàu!*<sup>13[1]</sup>

---

13[1] Thơ Nguyễn Nhược Pháp: 1914-1938



Lần này, vào ra phi trường, lên xuống máy bay, tôi để mẹ chồng đi trước, bà chùn chân lại, đợi cho con dâu tiến lên tìm số ghế, tìm bảng chỉ dẫn, đi lấy hành lý...

Có lần bà em dâu chồng và tôi gặp nhau thổ lộ tâm tình. Sau đó, tôi lại bị chồng mắng, “là đàn chị phải biết làm gương, không có thói ngồi lê đôi mách nói xấu mẹ chồng.” Như thế có nghĩa, tôi phải chôn giấu tất cả bức tức cho nát bấy đầu óc mà thời đại này người ta phải tìm tới bác sĩ thần kinh, tâm lý học hay tìm bạn trút xả bầu tâm sự, nếu không muốn điên! Những chuyện mẹ chồng, nàng dâu đó đã được đếm thêm vào tội lỗi của vợ để chồng có lý do chơi bời thả cửa! Tuy nhiên, ở chôn lạ, xa chồng, xa bố mẹ, chị em, tôi cần mẹ chồng tiếp tay, lo chăm sóc các con. Cổ kim hòa điệu, tôi nghĩ rằng có bốn phận phải sống với mẹ chồng, vì tôi còn là vợ của Nguyễn, ông con trưởng. Tôi không quyền chọn lựa.

Một bà mẹ 26 tuổi, bốn đứa con từ tám tháng đến năm tuổi, một bà già và cô tở ở hai phòng trong biệt thự đường Huỳnh Thúc Kháng. Mấy năm về trước, con đường có tên Hoa Hồng, đã mang vài câu thơ của người con gái sầu mộng:

Chiều xuống, buồn lên sương tím bay  
 Đường Hoa Hồng lạnh gió heo may  
 Âm thầm mong ước người không đến  
 Thương nhớ thôi đành gửi cỏ cây

Con đường giờ đây lú đú bước chân các con đi bên nàng thơ mẹ vẫn buồn như sương chiều. Thần Phong mặt tròn xoay, má phính hồng như những trái đào tơ bày có ngọn trong chợ Đà Lạt. Khi còn ở Sài Gòn, cũng như các anh chị năm đầu mới sinh, Phong vẫn được nằm nôi bên giường mẹ. Buổi tối trước khi đi ngủ, mẹ xi con tiểu lần cuối cùng. Trong đêm con mới ọ ẹ, chưa khóc, mẹ đã đưa đẩy cái nôi để

con biết mẹ vẫn ở gần bên. Năm, sáu giờ sáng, mẹ thức dậy, xi con lần nữa và thay tã khô thơm để con tiếp tục ngủ yên giấc thêm vài giờ. Khi tã không còn ướt, các con không tè dầm ban đêm, mẹ mới giao cho người làm. Vì lúc ấy mẹ lại có bầu, không xúc xắc, bế ẵm được.

Bây giờ với cuộc sống tạm bợ, không nôl đem theo, Thần Phong nằm với mẹ. Hay, mẹ nằm với con để hơi con sưởi ấm lòng mẹ bớt giá lạnh, đêm trường mẹ đỡ cô đơn. Giường bên kia, Trường Sơn và Ngọc Hân nhỏ dại nằm dựa nhau ngủ ngon lành. Phòng không có lò sưởi nên các con được mặc nhiều lớp áo, vớ. Phòng bên, Nguyên Thủy nằm cạnh bà nội. Chị Tư có giường riêng. Mẹ thường bị ám ảnh với câu chuyện vài năm trước, bà chủ trẻ đẹp của ngôi biệt thự này bị quân hầu, đầy tớ thù ghét xông vào nhà đánh đập, bẻ chân, tay đến chết và cướp của. Máu bà chan hòa khắp sàn, văng bắn cả lên trần và bốn bức tường. Vì thế, mỗi buổi, mẹ cho đặt một cái xô, để trong đêm tối ghê sợ, không phải đi ra phòng tắm ngoài hành lang.

Lúc trời nắng ấm, mấy mẹ con ra vườn nằm, ngồi hay chạy đuổi nhau ríu rít. Mẹ thích nghe tiếng cười như bị cù ki của các con, lạnh lạnh xuyên không gian bao la vùng cao nguyên thanh tịnh. Thần Phong chưa biết đi, thường phải ngồi xe, nhưng cũng thích chí đạp chân, vẫy tay hưởng ứng với các anh, chị chơi đùa xung quanh. Vườn không người trông nom thường xuyên. Hoa ớt, hoa tầm xuân chi chít leo tường và cửa sổ. Mận, đào chua rơi rụng chẳng ai nhặt. Biệt thự Hoa Hồng có vẻ đẹp hoang phế nếu không có tiếng các con nô đùa.

Ông bà ngoại cho hai cô lên thăm chị và các cháu. Tường Vân đang theo Đại Học Luật. Song Hà còn học đệ nhị Trường Trưng Vương. Hai tuần có các em ở chơi, tôi vui hẳn lên. Đi phố, đi dạo hồ Xuân Hương, đi chợ nấu ăn, ba chị, em lúc nào cũng ở bên nhau. Vài ngày trước khi hai em về

Sài Gòn, Lưu Quang của Luật Khoa, người yêu của Vân lên thăm và đưa tất cả đi chơi thác Cam Ly. Quang chụp nhiều hình. Chúng tôi còn giữ kỷ niệm đến ngày nay.

Khách về Sài Gòn, mẹ con lại thơ thẩn với cái lạnh hắt hiu. Nổi buồn dâng lên như sương mù khi chiều xuống trên núi đồi Đà Lạt, tôi chẳng muốn ra khỏi biệt thự. Việc đi chợ giao cho Tư. Đã ba tháng trôi qua, các con không gặp bố, vợ không thấy mặt chồng. Tôi nhận được vài lá thư ngắn của Nguyễn. Nghĩ rằng người chồng không trung thành, tôi không thương nhớ mà chỉ còn những ử rũ, giận hờn. Tôi bắt đầu hết kiên nhẫn, nhớ bố mẹ, chị em. Không chồng, tôi cần gần gũi họ.

Gia đình chị Tâm, anh Lân vừa dọn đi Nha Trang. Tôi viết thư thăm, chị hồi âm và rủ tôi ra chơi vài hôm. Chị sẽ cho tôi tiền xe đò. Đà Lạt, Nha Trang không xa lắm. Định đi bốn, năm ngày, tôi nhờ bà quản gia lo giúp mẹ chồng và Tư khi có việc khẩn cấp. Tôi yên tâm đi, nhưng đường không yên. Nhiều quăng, xe phải vào làng quán để ẩn núp, tránh giao tranh giữa Quân Đội Quốc Gia và Việt Cộng trong rừng. Người chết, bị thương, đa số người Thượng được khuân tới, khiêng lui ngay trước mắt. Xe hàng phải đi vòng đường khác, xa hơn nhiều. Tới Nha Trang, tôi chỉ quanh quẩn ở nhà với bà chị, tâm sự hoàn cảnh tạm bợ trên Đà Lạt và những nghi ngờ của tôi về Nguyễn. Chị Tâm khuyên tôi đem con về ở với bố mẹ cho đến khi Nguyễn thuê được nhà. Hai chị em ra bãi biển ngắm cảnh và ngâm ngùi ôn lại những ngày hè vui 1955 mới quen biết Nguyễn:

Thưở nào biển ngát gió hiền

Bây giờ sóng đã buồn phiền nhấp nhô

Còn đây dĩ vãng mơ hồ

Còn đây rã rượi bên bờ quạnh hiu.

Trở về Đà Lạt, tôi viết thư xin cha mẹ cho năm mẹ con về ở tạm. Khi được chấp thuận, tôi báo cho Nguyễn biết ngày giờ vợ con chàng về Sài Gòn. Chúng tôi được ông bà ngoại, cô Vân, Hà, cậu Khoa vui mừng tiếp đón như thượng khách. Tư xin nghỉ việc, tôi mượn được cô tớ mới tên Liên. Mẹ chồng tôi đến ở với gia đình con rể và con gái, anh chị Lâm. Trước đây, bố chồng tôi ở với bà vợ lẽ thứ năm. Ông mất đã hai năm.

Chúng tôi được chiều chuộng và săn sóc chu đáo. Từ ngày cụ Huân mất, phòng trong được kê một giường nệm mới cho ông bà ngoại. Năm mẹ con tôi nằm khít cái giường phòng ngoài. Nhưng sợ con ngã, ban đêm tôi để chúng nằm ngủ la liệt sàn gạch hoa sạch bóng, mát rượi. Ông ngoại khoe một cuốn sách dán đầy hình ảnh của Nguyễn Thủy với những bài báo phỏng vấn ông bố nhà văn vài năm về trước. Nguyễn ghé thăm vợ con như một người khách. Thuở còn hẹn hò, chàng đã tới với cả niềm thắm thiết, dạt dào, giờ đây đã có bốn con với nhau, sao nghe như lạnh lùng, xa cách!

**T**hé rồi, Nguyễn sang được một căn nhà trong xóm Chu Mạnh Trinh, gần ngôi chùa nhỏ. Tôi biết Nguyễn đã cố gắng lắm để đền bù những lo âu, buồn phiền và sự lang thang của vợ con. Sau bao tháng dài chờ đợi, lần đầu tiên đến coi, tôi ưng ngay ngôi nhà hai tầng rộng rãi. Và, như ngày nào đi thăm căn gác cho vợ chồng sắp cưới, Nguyễn ôm tôi trong vòng tay:

- Em có nhớ anh không?

Nước mắt tôi thân muốn tuôn trào, tôi ghen ngào:

- Anh không hiểu em được sao?

- Anh nhớ em và các con thật nhiều. Anh cố gắng tìm mãi mới được căn nhà này. Anh vừa có mấy quyển truyện xuất bản

và chưa xuất bản họ cũng đã trả tiền trước. Anh sẽ mua đầy đủ đồ đạc mới. Nhà sang, nên có thể ở đến chán thì thôi, không bị chủ đòi hoài. Em và các con là nhất trên đời của anh.

Tôi lạnh lùng:

- Em không muốn có sự nhất, nhì.

Nguyễn cười ngượng ngùng:

- Em và các con là tất cả của anh nhé?

Nguyễn định ôm tôi ngã xuống sàn đá hoa trông trơn trên lầu. Tôi cưỡng lại. Đó là phản ứng khác biệt giữa người vợ và người tình. Có lẽ vì thế đàn ông đã phải đi tìm người đàn bà khác để thay thế những thiếu hụt chẳng?

Hôm ấy, Nguyễn chở tôi bằng Lambretta. Cái xe Simca cũ đã bị bán. Chàng đưa tôi tới tiệm đồ gỗ Anh Đào đường Hồng Thập Tự và mua bàn ghế cho phòng khách, phòng ăn và giường, tủ cho phòng ngủ. Tôi không biết Nguyễn muốn tiêu bao nhiêu, nên dè dặt chọn những thứ mà chàng chê không đẹp. Khi chàng đồng ý, con số tổng cộng to hơn mắt tôi. Nguyễn cười thì thầm: "Anh có tiền, đừng lo!" Tôi không bao giờ hỏi lương Nguyễn, 11 tờ báo trong Sài Gòn trả tiền nhuận bút thế nào, bản quyền sách này, truyện nọ ra sao? Người chồng muốn, đã cho vợ hay. Tôi cũng không biết Nguyễn để tiền nhà băng nào, cất ở đâu. Từ ngày làm vợ, tôi vẫn nhận tiền chi tiêu gia đình từng tháng, không thừa để dành một đồng. Tôi không biết giấu tiền gậm giường, tủ áo, thập gạo để đòi chồng đưa thêm và cũng không có một thứ nữ trang nào ngoài cái nhẫn cưới vàng tây nhỏ nhất trong các tiệm nữ trang.

Dọn về nhà mới, đồ đạc mới, các con vui, vợ chồng mong hàn gắn những rạn nứt đã qua. Tôi xin cho Nguyễn Thủy học lớp mẫu giáo Trường Chim Non đường Hai Bà Trưng. Con vừa hơn năm tuổi, khôi ngô, tuấn tú. Lòng mẹ tràn đầy kiêu hãnh được dạy con những chữ vỡ lòng, sung sướng thấy con nhận và đọc được mặt chữ thứ nhất. Không

biết học được cái thói ở đâu, tôi thích ngồi sát và ôm chồng con khi xem vô tuyến truyền hình. Nguyễn liếc nhìn bà mẹ và đẩy nhẹ tôi:

- Chúng mình già rồi, các con cười cho.

Tuy phật ý, tôi không nói gì, chỉ nghĩ thầm: "Em chưa già và các con sẽ vui mừng nhìn thấy bố mẹ hạnh phúc." Thuở mới cưới, những lúc không có mẹ chồng, chẳng đợi khuyến khích, tôi quăn quýt đòi ôm hôn chồng. Điều này cũng đã mất từ lâu.

Nay nhà cửa rộng rãi hơn, Nguyễn lại mời bạn về chơi bài, tỏ thiện chí dành nhiều thời giờ có mặt với gia đình. Chàng cũng hay sang nhà ca sĩ Anh Ngọc gần đây. Trong khu cư xá Chu Mạnh Trinh có nhiều nghệ sĩ. Nữ tài tử điện ảnh Thẩm Thúy Hằng, của phim *Người Đẹp Bình Dương*, đã ở trong ngõ này trước đây. Gia đình nhạc sĩ Phạm Duy có cái nhà mấy tầng, cao nhất xóm và ở đầu dãy nhà ông Hồ Anh, chủ báo Tiền Phong mà Nguyễn có truyện đăng. Những đứa con nhỏ của nhạc sĩ họ Phạm và ca sĩ Thái Hằng vẫn mặc quần xà lỏn, thò lò mũi xanh chạy chơi trước cửa nhà tôi.

Anh Ngọc thường nhờ tôi làm một món nộm hoa chuối, rau muống chẻ, tép tươi rang, mắm tôm, chanh, ớt, đường, cà cuống. Theo lời chỉ dẫn của ông ca sĩ, tôi nêm chua, cay, mặn, ngọt như ý mình. Vậy mà, Anh Ngọc, Mai Thảo, Hoài Bắc, Thanh Nam... say sưa nhậu nhẹt và chửi thề vung thiên địa như không biết trên đời còn ai. Lần nào định sang chơi với cái đảng nghệ sĩ cao kều của thế kỷ đó, Nguyễn cũng nói:

- Chúng nó lại đòi món nộm tép em ạ!

Tôi vui vẻ:

- Khó gì đâu, em sẽ làm cho.

Vì cái món đặc biệt ấy, tôi phải đi chợ, dù rất ghét, để chọn những thứ thật tươi và ngon nhất. Người đàn bà như tôi nếu được chồng trung thành, yêu thương, sẽ tôn sùng chồng

như một vị anh hùng, quân ngại chỉ cái món tép riú ấy để chiều chàng.

Nhưng thời gian này thật ngắn ngủi. Hạnh phúc mong manh như hạt sương đêm tan khô nhanh chóng trước tia nắng chói chang của mặt trời tàn nhẫn. Nguyễn đi lớp Đại Học Quân Sự Đà Lạt. Năm mẹ con lại lui thủ trong căn nhà rộng với bà nội và người giúp việc. Vài tuần một lần, tôi nhận được thư Nguyễn. Một hôm, một sĩ quan cục Tâm Lý Chiến, tên Phạm Húy bất ngờ đến. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Chào anh đến chơi. Nguyễn có quà gửi anh đem tới cho tôi chăng?

Phạm Húy đáp:

- Không chị ạ. Thịnh thoảng Nguyễn gọi điện thoại nhờ tôi đến thăm chị và các cháu xem cần gì tôi sẵn sàng lo giúp. Nguyễn đi chắc chị buồn nhỉ?

- Cũng quen rồi anh ạ.

- Chị lên thăm Nguyễn chưa?

Tôi thở dài:

- Chưa, con cái lóc nhóc thế này, bỏ đi đâu được.

- Chị có người làm mà? Bà nội các cháu cũng ở đây?

- Vâng. Có cụ tôi cũng đỡ vất vả.

Ông phóng viên quân đội khuyến khích tôi:

- Thế thì chị phải đi thăm Nguyễn chứ?

- Đường trường, tôi ngại quá.

- Chị không đi thăm Nguyễn, nó buồn, có cô nào thì sao?

Chị ngại xa, tôi mua vé máy bay cho chị.

Tôi chán nản:

- Cô đó theo lên tìm Nguyễn phải không anh?

Phạm Húy chối bài hỏi:

- Tôi biết cô nào đâu, nói phòng hờ vậ thôi mà chị!

- Tôi không tranh chấp với ai hết. Cái đó tùy ở Nguyễn.

Anh ấy có người khác thì đừng có tôi.

Người bạn đồng ngũ của Nguyễn bất đồng rõ rệt:

- Chị nói thế không được. Chị không cần, nhưng cái gia đình bốn đứa con này cần Nguyễn.

Thấy tôi im lặng, ông ta sốt sắng hỏi tiếp:

- Chị đi ngày mai hay ngày mốt?

Tôi nói trong xa vắng:

- Đúng vậy, nếu chỉ có bản thân, tôi về với bố mẹ là yên chuyện. Nhưng còn bốn đứa con. Thôi thì nghe anh vậy!

- Phải lắm, tôi lấy vé máy bay cho chị đi ngay ngày mai và sẽ đưa chị ra phi trường.

Nghĩ đến sự tốn kém và làm phiền Phạm Huy, tôi nói:

- Cám ơn anh, tôi sẽ đi, nhưng chưa biết mai hay mốt. Tôi phải thu xếp vài việc và đi xe Minh Trung cũng nhanh chóng.

Trước khi về, người sĩ quan nhất mực bắt tôi hứa sẽ đi

Đà Lạt và dọa:

- Ngày mốt tôi đem xe qua đây, nếu chị còn ở nhà, tôi sẽ bốc chị lên phi trường.

Tôi gạt đầu cười buồn, nước mắt rung rung vì thân tình của Phạm Huy dành cho gia đình tôi. Nhưng sự nhiệt thành của ông ta càng cho tôi thấy chuyện Nguyễn dan díu đã trầm trọng. Tuy nhiên, vẫn không đi ngay hôm sau, tôi cần thêm vài ngày nữa để suy nghĩ. Tôi có nên đi gặp Nguyễn? Chàng sẽ bực bội, khó chịu khi gặp vợ? Tôi sẽ xử trí ra sao, đau đớn, tức giận, ghen tuông thế nào khi bắt gặp “họ”? Sau cùng, chính những điều e sợ đó đã thúc đẩy tôi đi tìm sự thực. Tôi lại sang mẹ vay tiền cho cuộc hành trình. Sáng ngày mốt, Phạm Huy trở lại với bà vợ trẻ đẹp mới cưới. Tôi phải chứng minh vé xe đò đã mua, ông ta mới chịu tin. Tôi tự nhủ, phải gạt bỏ tất cả những tự ái hão huyền, không người ta chê “ngu, mất chồng là đáng đời!”

Chiếc xe Traction đen, đầy chật hành khách đã đưa người đàn bà đi thăm chồng theo lý trí. Nàng chưa tới 27 tuổi nhưng đã có cảm tưởng già nua, không còn sức sống, muốn buông



xuôi tất cả. Tới Đà Lạt, tôi thuê taxi đến trường Đại Học Quân Sự. Va-li nhỏ bằng cái cặp sách. Thân tôi thì mang được bao nhiêu, sự phiền muộn đã quá nặng. Cảnh tôi có giống mấy bà vợ ngờ nghệch từ quê vào thăm chồng trong Trung Tâm Huấn Luyện Hạ Sĩ Quan Quang Trung? Có một chuyện khó quên. Một bà vợ trẻ bế con trai nhỏ đi thăm chồng. Sợ con tè dầm ra bộ quần áo mới, bà đã buộc “con chim” của nó lại. Khi đến cổng trại, mẹ nhìn tới mặt con, nó đã chết tím bầm vì bí tiểu tiện. Còn biết bao nhiêu chuyện thương tâm trong một nước chiến tranh, nghèo xơ xác và ngu dốt?

Tôi hỏi thăm đường, khu Nguyễn ở không khó tìm. Chàng sững sờ khi trông thấy vợ. Sợ bị trách móc, tôi nói ngay:

- Em muốn lên thăm anh, nhưng cứ ngại. Phạm Huy đã đến nhà và thúc giục thì em đi. Anh nghĩ thế nào?

Nguyễn cười giả lả và đặt tay lên vai tôi:

- Em lên thăm thì anh mừng chứ. Các con ngoan không?

- Thủy, Sơn thấy mẹ đi thăm bố cũng đòi theo mà em đâu dám cho các con đi. Em cũng không ở lâu được.

- Bà nội và cái Liên trông các con hả?

- Cái Liên vừa nghỉ về quê lấy chồng. Cái Sáu mới tới làm.

- Em ăn gì chưa? Minh vào câu lạc bộ nhé?

- Em đã ăn ở Định Quán rồi. Anh không có lớp sao?

- Lớp giảng thường vào buổi sáng thôi.

- Anh bận học nhiều không?

- Cũng khá. Nhưng anh sẽ có cả chiều nay với em.

- Phòng anh đâu?

Nguyễn đưa tay ra bốn phía xung quanh:

- Đây là phòng và kia là giường của anh.

Một cái giường sắt nhỏ bên cửa sổ. Đây đó, vài cái khác trống hay có người nằm, ngồi trong phòng ngủ chung rộng lớn của quân trường. Nguyễn xách cái va-li nhỏ và ôm eo tôi:

- Đi lại giường anh ngồi cho đỡ mỏi chân.

Tôi ngần ngại:

- Anh không có bàn ghế hả?  
 - Bàn ghế ở trong câu lạc bộ hay thư viện thôi. Ba-rắc chỉ có giường ngủ. Em thấy không, anh sung sướng gì đâu?

Tôi ngồi móm cạnh giường, bên Nguyễn. Chàng dịu dàng:

- Em đi đường có mệt không?

- Cũng không mệt lắm.

Nguyễn ngả người trên giường, một tay chống đầu, một tay vuốt tóc tôi:

- Em nằm xuống đây nghỉ với anh.

Tôi nhìn xung quanh:

- Kỳ quá anh, không được!

Nhưng Nguyễn đã nhanh tay kéo tôi ngã xuống bên chàng và tung chăn trùm kín cả hai. Nguyễn bắt đầu ôm hôn, sờ soạng vợ lia lịa. Tôi càng chống cự, chàng càng tham lam. Tôi trở sang thế thụ động, nằm yên để Nguyễn dụ cơn sôi động. Tôi thì thầm:

- Đứng! Anh ơi, đứng! Thấy mình lục đục trong chăn người ta cười cho. Anh làm tới, lát nữa em phải đội cái chăn này đi ra cửa đấy. Xấu hổ chết mất!

Quả nhiên, ngọn núi lửa hạ hỏa dần, không đòi phun nhám thạch bất tử. Thoát giây phút gay gắt, tôi thỏ thẻ dò hỏi Nguyễn, vẫn trong chăn trùm hum tối:

- Thế các bà, các cô khác vào thăm, các ông cũng làm thế này ư?

- Bậy nào, không phải vợ, ai dám ầu. Hay em đưa Thủy, Sơn lên đây, anh thuê nhà ngoài phố cho ba mẹ con và anh về mỗi tối. Nhiều thằng đem gia đình lên ở như thế.

Tôi ngẫm nghĩ, “Lạ nhỉ, nếu chàng mê cô nào, sao lại muốn vợ, con tới đây? Có lẽ nàng theo đuổi quá, chàng cần có mặt vợ để ngăn sự tấn công? Và, rõ ràng chàng còn thương yêu vợ mới vô vập, nồng nàn như thế?” Tuy nhiên tôi vẫn lưỡng lự:

- Nếu đem Thủy, Sơn lên đây em lại thương Hân, Phong còn nhỏ ở nhà.

- Hân, Phong còn nhỏ mới không lo, đã có bà nội và người làm. Em nhờ bà ngoại và các cô, cậu sang thăm cháu mỗi vài ba ngày, sợ gì!

Tôi lặng thinh, Nguyễn tiếp:

- Lát nữa anh đưa em tới biệt thự Hoa Hồng, thuê một phòng cho chúng mình tối nay và một gian cho em với hai con lên đây ở nhé?

Khi không gặp, tôi tưởng có thể gan lì xa Nguyễn mãi vì nghi ngờ chàng phụ bạc. Nhưng trong vòng tay chàng, tôi muốn ở yên đó hoài. Tôi ngoan ngoãn chấp thuận đề nghị:

- Vâng, em sẽ về mang Thủy, Sơn lên. Bây giờ anh mở chặn ra trước xem không có ai em mới ngồi dậy.

Hơi thở ấm áp, ham muốn của Nguyễn phà qua mặt tôi:

- Còn sớm mà. Nằm đây với anh thêm một lát.

Nhưng tôi vẫn thấp thòm dưới cái chặn trùm kín với Nguyễn trong căn phòng công cộng ấy:

- Nếu anh không bận gì thì chúng mình ra dạo phố chợ sớm hơn một chút, đi!

Nguyễn mở chặn lên và đóng sập xuống ngay:

- Chúng nó ngồi đây ra xung quanh nhìn mình đây này!

Giấu mặt vào ngực Nguyễn, tôi hốt hoảng:

- Anh hại em quá. Bây giờ phải làm sao?!

Nguyễn xoa lưng tôi, thích thú:

- Anh nói giỡn vậy thôi. Chúng nó thấy mình lục đục đã lảng hết rồi.

- Lại còn chuyện đồng lõa nữa. Khiếp các ông quá!

Sau cùng, tôi thoát ra khỏi cái chặn nhà binh hôi mùi len dạ. Khi ngồi dậy chải tóc, thoa chút phấn hồng, môi son, tôi thấy một người vẫn nằm chăm chú đọc sách ở một góc phòng từ lúc tôi vào. Ông ta có vẻ không để ý chuyện xung

quanh, nên tôi đỡ mắc cỡ, cùng Nguyễn đi nhanh ra ngoài ba-rắc.

Chàng đưa tôi tới một quán trên hè đường đầu dốc phố chợ Hòa Bình, ăn cháo lòng, xôi gà nướng. Sau đó chúng tôi đến biệt thự Hoa Hồng, thuê được chỗ như ý. Vừa ngồi trong căn phòng nhỏ chốc lát, Nguyễn nói:

- Anh phải viết bài cho báo Sài Gòn. Đã mấy kỳ nghỉ, họ giục quá. Anh lại không mang theo giấy bút, tập bài viết tiếp. Anh về trường một chốc rồi sẽ trở lại.

Nghĩ tới chuyện nữ chủ nhân bị hành hạ chết tàn bạo trước đây trong gian phòng ngay bên kia vách tường, tôi lo lắng:

- Một mình trong phòng này em sợ lắm.

Nguyễn vuốt tóc tôi dễ dàng:

- Em cứ tưởng tượng. Bao nhiêu phòng trong biệt thự đều có gia đình sinh viên Đại Học Quân Sự. Sợ gì! Em nghỉ đi cho khỏe. Anh trở lại ngay mà!

Tôi bịn rịn ôm Nguyễn:

- Anh đừng đi lâu nhé!

- Em khóa cửa kỹ lưỡng và yên tâm ngủ trước đi!

- Em chờ anh.

Và, tôi đã chờ Nguyễn suốt một đêm lạnh buốt tâm can, một đêm hải hùng, giận hờn, không ngủ. Tôi không tin Nguyễn đã về trường viết truyện đêm qua. – “Anh đã đi với con đó. Anh đã nhẫn tâm lừa dối em.” – “Cũng tại mình nhẹ dạ, ngu ngốc đi tìm sự thật phũ phàng.” Tôi quyết định về Sài Gòn ngay sáng hôm đó và sẽ không trở lại, nhưng vẫn muốn đối mặt nghe Nguyễn giải thích và xem thái độ chàng thế nào? Tôi ra phố đón taxi đến Trường Đại Học Quân Sự. Xe tôi vừa ngừng, một xe khác tiến lên phía trước và đậu lại. Người ra khỏi xe là Nguyễn. Sau một giây sững sờ, tôi bảo tài xế đợi và mở cửa xe, bước về phía chàng. Nguyễn nhìn tôi, thảng thốt một tiếng “em” cay đắng. Lòng tôi sôi sục. Giọng tôi ngắt đứt:

- Anh lừa dối em. Anh đã đi gặp con đó.

Nguyễn nắm tay tôi:

- Con nào đâu. Anh xin lỗi. Anh không định tâm thế. Nhưng đêm qua đang viết thì ông Tướng... cho gọi đến đánh bài. Anh nể nên tới chơi và bị giữ lại.

Nước mắt tràn trên má, nhưng tôi vẫn nhìn thẳng Nguyễn:

- Em không tin anh được. Em về Sài Gòn ngay bây giờ và không trở lại làm phiền anh nữa đâu.

- Anh sẽ dẫn em lại nhà ông tướng đó cho em hỏi.

- Được, taxi kia, anh đưa em đi gặp ông ấy?

Nguyễn xuống giọng năn nỉ:

- Thôi mà, kỳ quá! Anh nói thật đấy. Anh được mấy ngàn đây, em cầm ra phố mua sắm, rồi về biệt thự chờ anh. Hết giờ học anh đón em ngay.

Không cảm tiền, tôi vẫn cương quyết:

- Không, em về Sài Gòn bây giờ.

Nói rồi, tôi quay gót ngay. Nguyễn nhoài người nắm tay tôi:

- Thương anh đi mà. Anh thành thật muốn em và hai con lên đây. Đùng khóc nữa, người ngoài đường cười kia. Cho anh xin một lần này thôi!

Đúng vậy, Nguyễn quả thật đáng thương. Chàng đang có sự nghiệp lẫy lừng ngoài đời, bao thù tiếp trong xã hội, bao đam mê, cảm dỗ vây quanh. Vậy mà, lẳng nhăng đàng sau một bầy con bốn đứa với bà vợ thật thà, đoảng vị, lúc nào cũng khóc lóc, giận hờn, không thể chấp nhận sự lẳng nhăng của chồng. Nguyễn nhìn đồng hồ:

- Em đi ăn uống gì rồi về phòng chờ anh nhé. Nếu lần này anh nói sai cứ chặt đầu anh đi. Anh muộn giờ học rồi.

Nhìn sự bồn chồn lo lắng của Nguyễn, lòng tôi chùng mềm:

- Thôi được, em đợi. Nếu anh lại nói dối, em thề sẽ không bao giờ gặp lại anh.

Nguyễn gương cười, bóp chặt tay tôi như muốn cảm ơn trước khi hấp tấp đi vào trong trường. Tôi trở lại xe, người tài xế nhìn tôi qua kính chiếu hậu:

- Ông ấy có mèo phải không bà?

Thời buổi trai thiếu, gái thừa, đàn bà thiếu thôn tình yêu, tình dục, đàn ông chơi bời, đa mang. Ông nào hào hoa một chút cũng có bồ này, mèo nọ, vợ lẽ, con riêng, nếu không như vậy thì bị chê cù lằn. Đa số gia đình vợ chồng mất hạnh phúc và đổ vỡ đều bắt nguồn từ những vấn đề này. Người tài xế chẳng cần nghe chuyện cũng đoán biết. Tôi thở dài:

- Tôi cũng không biết nữa!

Ông ta vừa rồ máy cho xe quay lại, vừa thân thiện:

- Đàn ông phần đông như vậy. Nhưng vợ con vẫn là chính.

"A, ông này cũng cùng một thứ đây," tôi nghĩ vậy và mệt mỏi ngả đầu trên đệm tựa sau lưng:

- Tôi không thích chính hay phụ. Lộn xộn, tôi rút lui.

Tôi bắt lực trước những tệ đoan trong xã hội. Nhưng chúng không thể mon men vào nằm chung dưới mái nhà tôi. Cái lý tưởng của một cô học trò vẫn mệnh mang trong tâm hồn. Tôi chỉ muốn có một tình thương yêu chân thành, một gia đình trong sạch. Chiều hôm ấy, Nguyễn trở lại biệt thự Hoa Hồng và sáng hôm sau đưa tôi ra xe đò về Sài Gòn. Niềm tin ở Nguyễn le lói như ngọn nến trước gió, tôi vẫn thương chàng như thuở nào. Tình yêu ấy không hề suy giảm, trái lại nó tăng trưởng với sự ra đời và mau lớn của bốn đứa con. Tôi sẽ cố gắng kiên nhẫn thêm một lần nữa để cứu vớt cái gia đình đang lung lay như nằm trong những cơn động đất thiên nhiên.

Một tuần sau, tôi thu xếp mọi chuyện để Thân Phong vừa gần hai tuổi, Ngọc Hân gần ba tuổi ở lại với bà nội và Sáu. Bà ngoại đồng ý, chồng đâu vợ đó và hứa sẽ sang thăm các cháu luôn. Tôi yên tâm đưa Nguyễn Thủy, Trường Sơn lên Đà Lạt. Vì có nhiều hành lý và không muốn tốn tiền, mẹ con

tôi đã không lấy máy bay. Xe đồ đến nửa đường bị Việt Cộng chặn và bắt tất cả hành khách đi sâu vào rừng.

Miền Nam đã đến thời kỳ nguy ngập. 80% thôn xã bị Cộng Sản kiểm soát. Tình hình chính trị, chính phủ bất ổn từ ngày ông Ngô Đình Diệm bị lật đổ và bị giết. Chánh khách, tướng lãnh mãi tranh chấp quyền hành, đảo chánh như cơm bữa. Ngày 19 tháng 6, năm 1965, Hội đồng Tướng lãnh đề cử Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu chức Chủ Tịch Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia, Thiếu Tướng Nguyễn Cao Kỳ chức Chủ Tịch Ủy Ban Hành Pháp Trung Ương. Sau cuộc bầu cử ngày 3 tháng 9 năm 1967, ông Thiệu trở thành Tổng Thống và ông Kỳ Phó Tổng Thống của nền Đệ Nhị Việt Nam Cộng Hòa. Trong khi ấy, Cộng Sản Bắc Việt ùn ùn gửi quân nhu, vũ khí, đạn dược vào miền Nam theo đường mòn Hồ Chí Minh. Việt Cộng nằm vùng trà trộn với dân chúng ở tất cả mọi nơi. Đường xá bị giạt mìn phá hoại. Quân Đội Quốc Gia bị bắn lén, đánh úp trên các nẻo đường hẻo lánh. Người Quân Đội Quốc Gia không còn dám đi lẻ tẻ và chỉ mang theo dân sự đi đường. Trong thành phố, Việt Cộng đặt bom khủng bố chỗ đông người như chợ, rạp hát, tiệm ăn, cư xá, Tòa Đại Sứ Mỹ... Chiến tranh càng ngày càng khốc liệt. Đương kim Tổng Thống Hoa Kỳ, Lyndon Johnson gửi quân sang tham chiến tại miền Nam, thả bom miền Bắc...

Bị Việt Cộng xua lừa vào rừng, tôi lo sợ ngời xa nhất đám người và thì thầm với hai con:

- Nếu họ hỏi bố làm gì, mặc quần áo gì, mũ giầy như thế nào các con trả lời không biết hay nói giống cái ông đứng đằng trước mình đây nghe!

Tôi chỉ một người đàn ông mặc quần áo dân sự trông như người Hoa buôn bán thường. Mặt những tên cán bộ xanh lè, vàng bủng có lẽ vì sống dưới hầm hố thiếu ánh sáng, thiếu cơm ăn, chất dinh dưỡng, giọng Bắc Kỳ ngọng líu, ngọng lo. Chúng đòi xem và giữ giấy tờ của tất cả mọi người. Thế rồi

chúng tôi được nghe một bài tuyên truyền dài cả tiếng đồng hồ với tất cả những danh từ căm thù, khát máu nhất. Mọi người im lặng ngồi nghe. Có lẽ đọc được nét lo âu của tôi, một người đàn bà tiến lại gần và nói nhỏ:

- Họ không làm gì đâu. Nói xong họ sẽ cho đi.

Tôi vững tâm một chút. Trường Sơn phụng phịu kêu đói. Tôi mở ví tìm được mấy cái kẹo chia cho hai con và dỗ dành:

- Chịu khó ngồi yên, lát nữa được đi, mẹ con mình sẽ vào quán gần tới và ăn no nê.

Trường Sơn đành nhắm mắt ngồi trong lòng mẹ ngủ. Nguyên Thủy có vẻ hiểu biết tình hình, lăm lét nhìn mấy tên cán bộ quần áo màu rêu cũ nát, mũ cối, súng dài lăm le. Trên trời, trực thăng bay thật thấp, át tiếng the the của cán bộ Cộng Sản. Tôi lo sợ lạnh người. “Nếu hai bên đụng độ, mẹ con tôi sẽ kẹt giữa lẫn đạn!” Tôi cầu nguyện từng giây, từng phút, xin ơn trên phù hộ. Thế rồi tai qua nạn khỏi, bọn cán bộ trả lại giấy tờ, không ai bị bắt. Mọi người vội vàng dắt díu nhau lên xe với một phen hoảng hồn. Tuy nhiên, vẫn chưa hết chuyện, hành khách lại bàn tán, Việt Cộng hay bắn lên các xe qua lại ở Liên Khương. Tôi dỗ cho hai con ngủ. Khi xe qua đó, tôi ôm con nhắm nghiền mắt, phó mặc số mệnh. Nhưng xe chạy vào thành phố an toàn.

Ba mẹ con tôi ở Đà Lạt với Nguyễn cho đến ngày chàng mãn khóa Đại Học Quân Sự. Tôi thuê người quán gia nấu ăn. Nguyễn không về buổi trưa. Những đêm gió lạnh, ba bố con có cái thú ngâm chân nước nóng trước khi đi ngủ. Tôi thường đun nước sôi pha vào chậu cho sáu bàn chân nghịch đùa. Được thương yêu, triu mến thì lau chân chông con là một hạnh phúc đầm ấm thấm nhuần trọn vẹn trái tim tôi.

Nhưng Nguyễn không về nhà đều đặn như mấy ông chồng khác. Chàng vẫn vắng mặt nhiều đêm. Tôi cho Nguyễn hiểu, nếu biết chàng đan dúi với người nào, tôi sẽ để chàng tự do, không làm phiền và tôi cũng không thể chung



sống với chàng. Có chồng ngoại tình là một điều sỉ nhục. Hình như Nguyễn vẫn coi thường lời vợ và cho rằng nàng ghen tuông xằng bậy hơn cả Hoạn Thư! Nếu thực sự tôi ghen được như vậy, có lẽ Nguyễn đã may mắn hơn!

**T**rở về Sài Gòn Nguyễn lại mời bạn bè đến đánh bài xì-phé những ngày cuối tuần, từ tối thứ sáu cho đến hết đêm Chủ nhật. Thường thường, lo cơm nước cho khách xong, tôi ra hiên cửa trước chơi với các con, hay ở trong nhà giữ cái miệng thấp khế. Tối đến coi vô tuyến truyền hình vận nhỏ, hoặc cho con lên lầu đi ngủ sớm. Bố chúng và các bạn chơi những ván bài gây căng, căng thẳng tưởng chừng bể óc não. Tiền trên bàn cao ngút ngọn. Chỉ nhìn thôi cũng đủ ngừng tim, tắt thở. Tôi không dám đứng cạnh ngó bài ai, biết chơi đâu mà ngó. Họ thua lại đổ tại.

Ngoài nhóm văn nghệ sĩ còn có những tên tuổi nổi tiếng Sài Gòn như Kim, Kính, Quang Dù, Hùng Xui, Cò này, Cò nọ... Vóc dáng, cá tính các nhân vật ấy đều được mô tả trong tiểu thuyết, phóng sự của Nguyễn. Truyện nào tôi thích, chàng viết say sưa, linh động hơn. Truyện nào tôi nhản mặt, nó chết ngúm trên báo, chàng bỏ ngang không viết tiếp. Điều đó cũng dễ hiểu, Nguyễn được yêu cầu viết hơn một chục tờ báo hằng ngày, hằng tuần, hằng tháng. Với nét chữ thẳng ngay đều đặn mà tôi thương từ thuở mười sáu, Nguyễn viết rất nhanh vẫn không kịp đòi hỏi của các báo Sài Gòn. Tôi nghe người ta nói, Nguyễn có khi vừa đánh bài vừa viết truyện. Vậy mà chàng vẫn phải từ chối nhiều trong đó có một tờ báo xuất bản ở Huế. Đó là thời kỳ danh vọng Nguyễn ở bậc thang cao nhất. Một truyện dài nổi tiếng khác của chàng được dựng thành phim do ca sĩ Kim Vui, Hùng Cường, Mộng Tuyền... diễn xuất. Sau này, một cuốn tiểu

thuyết nữa của Nguyễn cũng được thực hiện trên màn ảnh với Huy Cường, Như Loan, Nguyễn Chánh Tín...

Nhưng mời bạn về nhà chơi vài lần rồi cũng nhàm chán, giờ giấc đi làm về đều đặn được mười tuần, Nguyễn lại vắng nhà bốn, năm hôm và dần dần mất hút trong cái hỗn tạp của Sài Gòn. Tối nào tôi cũng cho các con ăn trước, rồi chờ đợi Nguyễn và cuối cùng ngồi ăn với mẹ chồng. Sự giải thích của chàng vẫn là “cắm trại, ứng chiến, đánh bài nhà nọ, nhà kia.” Nguyễn không còn cùng tôi về họ ngoại ăn giỗ Tết. Tôi cũng từ chối một mình đem con đi với mẹ chồng đến họ nội. Thỉnh thoảng Nguyễn đưa về vài cái giấy mời đại nhạc hội hay cải lương. Lẽ dĩ nhiên, Nguyễn Thủy, Trường Sơn, bà nội và người làm thích lắm. Tôi để cho họ đi và ở nhà trông Ngọc Hân, Thân Phong còn quá nhỏ. Nghe con dâu phàn nàn, bà mẹ bệnh ông con trai:

- Cậu ấy đi làm thì cậu ấy có quyền đi chơi.

Tôi chẳng coi bà cụ như mẹ được vì những lời khiêu khích ấy và lại âm thầm chịu đựng những ngày dài tẻ nhạt. Thế rồi chuyện gì phải đến đã đến. Canh bị chê nguội, cơm bị chê khô, nhà cửa lấm muỗi, đồ đạc bàn ghế bụi bặm, không biết giữ gìn, sà phòng ướt, khăn mặt hôi, nhà cầu thối, tiêu hoang, xài phí. “Tại sao cứ phải đi xe xích lô về bên ấy mỗi tuần, đi bộ không được à?” Tôi bị mắng hỗn láo với chồng, chê mẹ chồng nhà quê, không gọi bà bằng mẹ mà cứ gọi là cụ. Tôi uất ức cãi khóc:

- Từ hồi nào đến giờ, anh gọi mẹ anh là cụ, em mới quen miệng chứ? Anh muốn em gọi cụ bằng u hay bu, sao không gọi trước như thế đi?

- Đấy cụ nghe thấy chưa, tôi có bao giờ gọi ông bà ngoại chúng nó là mẹ cô, bố cô ấy không?

Nói rồi, ông chồng hằm hằm bỏ đi, sau khi về nhà chưa được nửa giờ như những lần khác. Biết rằng, há miệng mắc quai, không cãi lại được với hai người đã cố tình gây chuyện,

tôi bỏ lên lầu với cảm hờn ghen cứng. Có khi nào tôi dám nói mẹ chồng, “bà là đồ nhà quê?!” Những khác biệt tuổi tác, trình độ, cách sống, đã cho bà cái mặc cảm đó và nói lại với Nguyễn. Tôi yêu cầu mẹ chồng đừng mắng con trai thứ hai mới ba tuổi của tôi là “thằng mất dạy, “đừng gọi con gái tôi mới hai tuổi là “con đĩ.” Phải chăng Trường Sơn không là cháu đích tôn nên không được thương, Ngọc Hân giống mẹ nên bị ghét? Bà phải gọi tình nhân của bố chúng là con đĩ mới đúng! Vì thế, tôi đã mang tiếng hỗn láo với mẹ chồng?...

Ngày Gia Đình đầu tiên được tổ chức thật lớn vào Giáng Sinh 1992 tại Virginia, tôi đưa các con tới tham dự để chúng biết về cộng đồng Việt Nam ưu tú. Chúng đã thành ông, thành bà, nhưng được sống trong đầy đủ, hạnh phúc nên luôn luôn thoải mái, hồn nhiên. Trong đám đông đồng hương tung bừng, tiêu thư, công tử quần là, áo lượt, các bậc cha mẹ lên khung trang trọng nhất, các con tôi bỗng nhiên nổi hứng muốn nói tiếng Việt, một ngôn ngữ tưởng đã ngủ yên trong thời thơ ấu. Đang đứng xếp hàng để ký tên vào sổ kỷ niệm và nhận số bàn, Trường Sơn bỗng oang oang hỏi mẹ:

- Mom, can I sign my name “thằng mất dạy?” (Mẹ ơi, con có thể ký tên “thằng mất dạy” được không?)

Tôi giật mình! Trời đất! Sơn ơi! Con làm mất dịp tìm thông gia Việt Nam của mẹ rồi! Tôi làm bộ tươi cười ôm chặt Sơn để ngăn chặn ông con trai nói tiếp và thấp giọng bằng tiếng Mỹ:

- Cung ơi, đừng nói những tiếng đó, không lịch sự đâu!

Nhưng, nổi tiếng một cây khôi hài trong gia đình, Sơn vẫn toe miệng cười và quay sang hỏi anh:

- Hey Thủy, you remember how to spell “thằng mất dạy?” (Ê, Thủy còn nhớ đánh vần “thằng mất dạy” thế nào không?)

Nguyễn Thủy cũng ngán cái tếu bắt tử của em, đành vui vẻ, nhưng nghiêm nghị:

- You just lost your chance to find a Vietnamese daughter-in-law for mom. You better stop joking, Sonny! (Son làm mất dịp kiếm con dâu Việt Nam của mẹ rồi đấy! Đừng nói giỡn nữa!)

Nhưng chưa hết chuyện các con tôi! Đi bên cạnh chồng, David, và con trai tên Anton ba tuổi, Ngọc Hân chột hỏi mẹ:

- Mom, what's that mean “con đi?” (Mẹ ơi, “con đi” nghĩa là gì?)

Tôi vội vàng đặt ngón tay lên miệng con gái và nói bằng ngôn ngữ của chồng, con:

- Xuyt! Tiếng đó cũng không được lịch sự, con đừng bao giờ nhắc tới.

- If it is not nice, how come Bố's grandma used to call me that? (Nếu không lịch sự, sao bà nội thường gọi con như vậy?)

Tôi đành nói dối Ngọc Hân và giải thích khác hẳn:

- Có nghĩa như “Tomboy in English”. Nhưng người Việt thường thích con gái hiền lành, dịu dàng hơn nên không ưa danh từ đó.

Sau khi nghe chuyện xảy ra trước mắt, cô con dâu người Mỹ của tôi, Hope hỏi chồng, Thần Phong:

- Do you remember any Vietnamese words? (Anh có nhớ một chữ Việt nào không?)

Phong nhõn miệng cười duyên, trả lời với giọng Việt Nam mất dấu:

- Sure! (Chắc chắn rồi!) Nước mắm, cha gio, bánh xèo, phở, bo nhưng dâm!

Đó là những món các con tôi thích nhất và thường yêu cầu mẹ làm mỗi khi về thăm nhà. Chúng quên tiếng mẹ đẻ nhưng vẫn nhớ và thích món ăn Việt Nam...

Trở lại thuở Thần Phong mới được hai tuổi, tôi cảm thấy không thuộc gia đình nhà chồng, không người thân nơi tôi đang ở. Một, hai tuần ngâm đấng nuốt cay, ông chồng vẫn

không về. Bà vợ khờ, không ăn cơm trước với các con cho tiện việc! Thấy mẹ chồng bảo “tôi đợi cậu ấy,” nàng cũng cắn răng đợi. Nhưng đợi thì cũng có hạn. Đến tám giờ tối ấy, nàng ngồi vào bàn với bà cụ. Những lúc buồn phiền, người ta muốn được yên tĩnh ngồi ăn cho xong bữa. Con tôi đã ăn trước từ lâu, đang chơi đùa trong phòng khách. Rồi như mọi bữa Nguyễn không về, bà nội lại gọi cháu vào gấp cho chúng hết món này sang món nọ không kể gì bao lần tôi đã căn dặn con và yêu cầu cụ đừng cho cháu quen thói ăn uống ồn ào ấy. Con tôi đang đà chơi, vừa ăn, vừa chạy, vừa la hét chung quanh bàn. Mấy lần tôi đã mắng con:

- Ra ngoài kia chơi cho mẹ ngồi yên ăn!

Nhưng xá gì cô con dâu lép vế, bà cụ vẫn thản nhiên tiếp tục làm việc cụ thích, gọi cháu trở lại và gấp cho chúng tất cả phần ông con trai không về ăn. Lũ trẻ hơn hờ chạy đuổi nhau, xô đẩy ghế, trón núp dưới gậm bàn. Cơn giận lên đến đỉnh đầu. Một cái gạt tay. Tất cả bát đĩa bay hết xuống đất. Nguyên Thủy vừa nhô đầu lên, bung trán khóc, máu chảy ròng ròng. Tôi vội vàng lau chùi, bôi thuốc vết thương, ôm con khóc theo. Mẹ xin lỗi, cái giận bố trong lòng mẹ đã đổ lên đầu các con vô tội rồi! Mẹ phải làm gì để ngưng nó ở đây?

Sau khi cho chúng lên giường ngủ, tôi mặc quần áo đi tìm Nguyễn. Tôi sẽ hỏi chàng và bà nội chúng có ý định gì đây mà cố tình ép vắt tôi như múi chanh. Tôi muốn dạy bảo con cái, tôi muốn yên cũng không được. Nguyễn phải về mà nhìn thấy phần trách nhiệm của chàng. Tôi không thể tiếp tục lẫn lóc tối ngày một mình điều khiển đám con như không có cha và đối nghịch với mẹ chồng, trong khi con cụ tự do cờ bạc, trai gái như một người độc thân. Tôi có chồng để sống với chồng, chứ không phải để sống với mẹ chồng và người làm. Sáu năm mang tiếng làm vợ, cuộc đời tôi không khác gì một mù quàng gia không lương. Ông chủ đoái thương hay không tùy lúc, tùy hứng. Thái độ của ông ta cho mù biết, mù

sắp bị đuổi đến nơi rồi. Nếu Nguyễn đã tìm được người đàn bà nào tử tế, đã có nơi khác, hãy đưa bà cụ đến đó ở, để tôi yên ổn sống với các con.

Tôi đó, thứ sáu, đoán Nguyễn có thể đánh bài ở nhà một ông chủ báo gần chợ Thái Bình, tôi đến vào khoảng mười giờ rưỡi và hỏi thăm. Người nhà ông lên lầu rồi trở xuống cho biết Nguyễn sẽ về ngay. Nhưng cả tiếng đồng hồ chàng mới xuống, không nói một lời và hằm hằm đi thẳng ra cửa. Tôi theo sau. Chàng rờ máy Lambretta và biến vào bóng đêm. Bẽ bàng trên đường khuya gần giờ giới nghiêm, không bóng người qua lại, tôi hốt hoảng chờ đợi thật lâu mới vẫy được một xích lô máy đưa tôi về Phú Nhuận. Thật hết rồi, tận tình rồi! Tôi không nói được một điều gì. Nguyễn đã gián tiếp trả lời: *“Đường tôi, tôi đi. Đường cô, cô đi. Tình nghĩa đôi ta có thể thôi!”* Cải lương Út Bạch Lan, Thành Được cũng chỉ mùi đến thế. Một lần nữa, tôi thề với lòng mình, sẽ không bao giờ đi tìm Nguyễn, sẽ chẳng cần biết Nguyễn làm gì, sống với ai. Chàng là nhà văn lớn, người của thiên hạ, tôi không còn liên hệ gì với Nguyễn. Văng vẳng vang lên trong tôi những câu thơ dân gian mai mĩa, thâm thía:

*Tò vò mà “thương” con nhện,  
Về sau nó quên quên nó đi.  
Tò vò ngồi khóc từ tì tì,  
Nhện ơi, nhện hỡi, nhện đi đặng nào...*

Biết thân phận không thể tìm được nguồn an ủi, chia xé vui buồn, thương yêu với người chồng, tôi cũng không thể ngồi nhà ôm con trong khi ông vung vít ăn chơi, không ngó ngang tới cái bản mặt táo bón của vợ. Tôi nghĩ đến chuyện đi làm, để có tiền riêng, không bị chồng mắng tiêu hoang tiền ông, không bị mẹ chồng nhiếc xài phí tiền con cụ. Tôi bắt đầu đi học đánh máy chữ Việt. Nhưng thấy rằng, làm cho công tư sở Việt Nam chẳng được bao nhiêu lương, tôi đổi

sang học đánh máy chữ Anh, ráo riết mỗi ngày mấy giờ. Bà chủ lớp máy chữ ngoài đường Võ Di Nguy để tôi tới dượt bất cứ lúc nào, bao nhiêu giờ một tuần cũng được, không phải trả thêm học phí.

Khoảng ba tháng sau, một người quen của chị Phương, đã kiếm cho tôi một việc tại cơ quan Quân Đội Hoa Kỳ trong Phi Trường Tân Sơn Nhất. Công việc không khó ngoài việc sắp xếp giấy tờ. Biết hoàn cảnh gia đình con gái và nó phải đi làm việc thư ký thấp kém nhất, bố mẹ tôi buồn bã thờ dài. Tôi an ủi ông bà. Nhiều bạn tôi đi làm sở Mỹ từ khi mới rời nhà trường và đã có việc tốt. Tôi sẽ học hỏi thêm, dần dần cũng hy vọng được như thế. Con gái của bố mẹ đã vỡ mộng với ông chồng văn sĩ lý tưởng, phải liệu đường lo thân.

Từ ngày bỏ tôi trong đêm tối ấy, Nguyễn không một lần trở về. Tôi cũng thay đổi thái độ, giữ im lặng với mẹ chồng và sai bảo người làm đi chợ nấu cơm. Khi con tôi đói, tất cả cùng ăn, không còn chuyện cơm chờ, canh đợi, để phần ông chủ. Nhưng bỏ vợ thì dễ dàng lắm, không bỏ được bà mẹ, con cái, nhà cửa, đồ đạc! Thứ gì cũng quý giá trừ con vợ vương mắc vì cái hôn thú tai họa không khác chi cái giấy nợ! Thịnh thoảng ông vẫn đáo về nhà chốc lát và cà khịa với con mụ chướng tai, gai mắt cho bõ ghét. Một hôm vừa thấy bộ mặt hăm tãi của bà đi làm về, ông lớn tiếng nhiếc móc:

- Biết tiếng Mỹ đâu mà đi làm sở Mỹ!

Không trả lời, bà vợ ngồi vào bàn thản nhiên gọi các con cùng ăn cơm như nhà không có ai khác. Ông chồng giận xanh mặt, hét lên trước khi ra khỏi nhà:

- Còn đi làm sở Mỹ nữa, tôi sẽ ly dị!

Thực vậy sao, làm sở Mỹ là một tội lỗi, một lý do ly dị? Người vợ khờ chột dạ tưởng thật và xin nghỉ ngay sau ba tuần có việc. Nhưng nàng đã biết cái manh nha của ông chồng. Ý định ly dị bắt đầu le lói trong tâm trí. Người đòi ly dị phải là nàng...

Thế rồi bố tôi qua đời sau lần cuối cùng bệnh trở nặng, phải nằm nhà thương Grall. Tôi không định, nhưng ông anh rể Vũ Công Uẩn đã báo tin ấy cho Nguyễn. Chàng đến, gươngng ngừng không mặc áo tang, cũng chẳng ai ép, và không nói một lời với tôi. Trước đó ít lâu, khi bố tôi đang bệnh nằm trên giường, giọng rất khó nghe, ông cố gắng khuyên đưa con gái có chồng nhà văn:

- Thôi con ạ, chừa quây lăm sẩy vậy nhiều!

Sau lần ấy, biết bố vẫn còn tinh tường, tôi không dám thổ lộ to nhỏ với mẹ trước mặt ông. Buồn phiền lo lắng có thể làm tăng bệnh người. Bây giờ bố tôi đã vắng trên cõi đời, tôi không còn lo sợ ông bệnh thêm nữa. Ý định ly dị nung nấu trong lòng. Nhưng muốn ly dị phải có lý do, bằng chứng. Tiền không có và sợ bị lừa nên không thuê trình thám tư, tôi ngồi taxi chờ đợi từ cửa trước ra cửa sau ngoài sở Nguyễn bao buổi chiều, chẳng thấy “thủ phạm” ra vào. Tiền vay mẹ đã nhiều, tôi phải ngưng ý định ở đó và nghĩ cách hỏi dò khác.

Tôi đến chung cư Cửu Long trên đường Hai Bà Trưng Sài Gòn và gặp nhà văn Thanh Nam, tác giả của những cuốn truyện *Hồng Ngọc*, *Buồn Ga Nhỏ*... Ông này chối bay, chối biển, chẳng biết một ly, một tý nào về Nguyễn. Sang phòng bên cạnh, tôi gặp nhà thơ Thái Thủy và vào đề ngay:

- Anh là bạn thân của Nguyễn, nếu còn quý tôi, anh cho tôi biết về Nguyễn. Hắn bỏ đi gần một năm nay. Tôi biết tất cả, chỉ không có bằng chứng cụ thể thôi.

Gián tiếp công nhận sự thật, Thái Thủy hỏi lại:

- Nếu biết, chị sẽ làm gì?

Thật thà, tôi trả lời:

- Tôi cam đoan không làm phiền Nguyễn. Tôi sẽ xin ly dị. Ông thi sĩ ngồi bật dậy:



- Chị nói gì vậy? Đã có bốn con với nó mà chị còn đòi ly dị? Ai thì tôi đồng ý, chứ chị ra ngoài làm được gì để nuôi một lũ con nhỏ mà chị đòi ly dị nó?

Tủi thân, tôi vẫn cố gắng thản nhiên:

- Con tôi cũng là con Nguyễn. Ông ấy phải cấp nuôi chúng dù tôi đòi ly dị và giữ chúng. Nếu Nguyễn không chịu, tôi sẽ trả chúng cho Nguyễn, tôi về ở với mẹ.

Thái Thủy bứt tóc, bứt tai:

- Chị càng khờ, tôi càng giận thằng Nguyễn. Chị để tôi bảo nó. Chuyen đầu còn đó.

- Tôi không thể là vợ của Nguyễn được nữa. Mỗi lần về, hấn trách móc tôi đủ điều. Tôi không nói thì hấn bảo tôi làm làm, lì lì, khó khăn. Tôi mở miệng thì hấn nói tôi hỗn láo, kịch cỡm. Vô lý lắm, tôi chịu hết nổi! Tôi tưởng hấn là người tội lỗi, nhưng kết cục tội lỗi lại đổ hết lên đầu, lên cổ tôi. Tôi muốn tung hê tất cả!

Trước sự đau khổ của người đối diện, Thái Thủy bỗng bật cười lớn tưởng chừng phá vỡ căn phòng chỉ kê vừa đủ cái giường đơn với một bàn, một ghế nhỏ:

- Chị mắc mưu nó rồi! Nếu chị là người hoàn toàn thì nó còn điều gì chê trách chị được. Nó phải kiểm chuyện chọc tức chị nổi sùng để lấy cớ bỏ đi chứ. Chị nghe tôi, nó về nói ngược, nói xuôi, chị cứ tỉnh bơ đi và làm đầy đủ bổn phận của một người vợ xem nó còn giờ trò gì nữa không?

Cám ơn Thái Thủy đã cho tôi một bài học quý giá! Nhưng lòng nguội lạnh, tôi tự cho phép không phải giữ bổn phận một người vợ kể từ cái đêm bị bỏ rơi trên đường khuya trước giờ giới nghiêm ấy. Thái độ hằn học của Nguyễn, nhiều lúc đã khiến tôi nghĩ Nguyễn muốn làm tôi đau khổ để trả thù tôi đã nhận tình yêu của Vũ thuở xa xưa? Nguyễn đã nghi những gì vẫn đục hơn sự hồn nhiên, trong sáng của tôi thuở mười sáu? Một người đàn ông sớm lẩn lóc với đời, đã may mắn cưới được một thân thể trinh nguyên nhưng còn đòi

hỏi cả mối tình đầu thuở con gái của nàng nữa ư? Nếu như vậy thì tâm thường quá, không quân tử chút nào!

Tôi không thể nhịn nhục, chiều chuộng, mua chuộc tình cảm của người chồng thờ ơ, ghét bỏ mình. Tôi chỉ làm được điều đó khi được nể trọng. Giữa Nguyễn và tôi không còn là chuyện vợ chồng gây gổ, giận hờn vì một chuyện hiểu lầm nhỏ nhặt nên nhường nhịn, giảng hòa, thông cảm. Dù gia đình có tạm hàn gắn, tình yêu cũng không còn. Ngôi thứ hai đã có ngôi thứ ba chia động tỵ làm tình. Ngôi thứ nhất cương quyết đứng riêng trong thì hiện tại dù phải độc diễn trong thì tương lai.

Đã định hướng đi, tôi chỉ còn một bốn phận phải làm đối với bốn đứa con. Tội nghiệp, các con không chọn lựa mà phải sinh vào một gia đình bất hạnh. Mẹ rất yếu đuối, không thể vừa lo nghĩ quay quắt về ông ấy vừa chăm sóc các con được. Bố là sự thăng bằng của đời mẹ, nhưng đã bỏ đi. Các con không những là bốn phận của mẹ mà còn là cột trụ tinh thần cho mẹ dựa dẫm, bám víu. Không có các con, mẹ sẽ như kẻ ngã sông không biết bơi, không một cây gỗ trôi theo giòng.

Nguyên Thủy năm nay vừa vào lớp năm Trường Tiểu Học Chi Lăng. Ông bố không bao giờ hỏi và biết con học ở đâu, đến lớp nào. Ngày khai trường mẹ đưa con đi học và dặn dò:

- Tan học, Thủy cứ đứng đợi ở trước cửa trường nhé, mẹ sẽ tới đón nghe!

Nguyên Thủy gật đầu với nét lo lắng và còn quay nhìn mẹ trước khi đi khuất vào lớp. Nhưng lúc đến đón, nhìn khắp nơi chẳng thấy con, mẹ chạy lại lớp học. Ông giáo nói con đã theo học trò khác về rồi. Mẹ hốt hoảng chạy ra đường, học trò chỉ còn lác đác, con thì vắng bóng. Mẹ réo xích-lô và lên xe nhón nhác nhìn hai bên. Trên vỉa hè xa xa, Nguyên Thủy đang đi xăm xăm như thuộc đường lấm. Mẹ mừng rỡ gọi con ríu rít. Thủy hớn hờ chạy tới nhảy lên xích-lô và khoe:

- Thủy thấy đưa nào cũng đi về, không đứng đợi ai cả. Thủy nhớ lỗi, Thủy về luôn. Mẹ đừng lo, ngày mai Thủy đi học một mình được, mẹ không phải đưa Thủy đi nữa.

Tôi ôm và hôn lên tóc con:

- Mẹ biết Thủy thông minh, mẹ hết lo rồi!

Tâm thần bình thần phần nào, tôi vẫn không quên ý định ly dị, song bằng chứng vẫn không có. Tôi bối mốt trong đầu cũng không kiếm được một người bà con nào thuộc loại ăn chơi, thích đi nhảy để nhờ dò la Nguyễn và người vũ nữ. Họ hàng toàn là những người chân chỉ, không bao giờ lạc vào ánh đèn thiêu thân của Sài Gòn ban đêm. Một hôm đang đọc báo, cái quảng cáo lớp dạy khiêu vũ của bà Ánh Tuyết hiện ra trước mắt tôi như một tia hy vọng. Ở chỗ ấy người ta phải biết về giới vũ trường nhiều. Học nhảy với đàn bà, an ninh hơn, nghĩ vậy, tôi đến ngay địa chỉ gần đường Phan Đình Phùng. Thoạt nhìn tôi, bà Ánh Tuyết có vẻ ngạc nhiên. Tôi nói ngay, tôi là vợ lẽ của một ông nhà binh thỉnh thoảng lén lút đến gặp, nên tôi có nhiều thời giờ rảnh rang, buồn tình, giải trí. Tôi không có mục đích đến đây học khiêu vũ để hành nghề hay kiếm bõ. Thuở đó đàn bà, con gái nhà lành hình như chưa ai dám đi học nhảy một mình. Có lẽ vì thế ai cũng gườm tôi, không một bắt nã, sàm sỡ.

Sau thời Đệ Nhất Cộng Hòa sụp đổ, lệnh cấm khiêu vũ được bãi bỏ, vũ trường lập lòe như đom đóm ban đêm trong Sài Gòn, Chợ Lớn. Phòng tập vũ rộng, quạt trần mát, sàn đá hoa tron bóng lúc nào cũng đông người. Hình như chân tôi được gắn lông hồng, tôi học nhảy rất nhanh, chẳng chút ngỡ ngàng, lúng túng. Thuở mười lăm, tôi đã được chị Tâm dạy nhảy ở nhà và đưa đi một dạ vũ Tết Tây lớn tại Trung Tâm Văn Hóa Pháp. Ngày ấy tôi đã sợ không dám nhận lời ra sàn vũ với một ai và mơ sẽ được nhảy bản nhạc đầu tiên với người yêu không bao giờ trở lại.

Bây giờ, trong lớp học võ, tôi đã tập nhảy với thương vàng, hạ cảm người. Tôi muốn, nhưng rồi lại sợ chẳng dám nhận lời một trụ nào đi tiệm khiêu vũ để thăm dò về ông chồng. Tôi thường đi cùng với bà Ánh Tuyết và nhóm đồng học trò. Tất cả chỉ là những dạ vũ thật lớn tới mấy trăm người, có thi biểu diễn. Lả lướt, vi vút với bà thầy và những người nhảy giỏi, thật thích thú cho đôi chân, quên đi buồn phiền! Có lần tôi gặp hai cô cháu gái Khanh, Bảo con chị Kim và chú Tường, chồng bà cô quá cố. Họ tròn tròn mắt nhìn tôi đi nhảy một mình. Tôi định nhờ ông chú đưa đi vũ trường tìm vết thiêu thân. Sau ghét cái hợm hĩnh, cả đần già, 35 dề sòm của ông nên tôi lại rứt cái vôi con sên vào vôi.

Một buổi tối về đến nhà bà thầy đã quá giờ giới nghiêm, tôi ngủ lại. Biết bà mẹ chồng nghi ngờ cả trăm điều méo mó, sáng hôm sau, tôi vẫn đứng đỉnh yêu cầu bà Ánh Tuyết chơi hạ-uy cầm vài bản nhạc tiền chiến mà thuở Hà Nội xa xưa tôi đã học. Sau đó tôi ra ngồi ăn phở trên hè phố đầu đường với bà ta. Nhìn cái nhẫn trơn trên ngón tay tôi, bà thầy phì phà thả khói thuốc lá trên môi:

- Chị nghĩ rằng ông ấy có mèo, chứ không phải em là bà nhỏ. Cảnh chị cũng chán lắm em ơi!

Tôi gật đầu:

- Đúng! Vì thế em mới không cần vôi vàng về nhà.

Từ già bà Ánh Tuyết, tôi đón taxi và ghé qua mẹ. Vừa thấy tôi, bà hấp tấp hỏi ngay:

- Chết chưa, tối qua con đi đâu không về? Bà cụ vừa sang đây hỏi.

Tôi thản nhiên cười:

- Con đi “bal” với mấy người quen. Khuya giờ giới nghiêm, con ở lại nhà họ. Ai cũng đường hoàng, đứng đắn với con. Mẹ đừng lo!

- Nhưng bà cụ lo đấy, con nên về đi.

- Con chẳng cần. Con trai cụ đi biển biệt sao cụ không lo?

Mẹ tôi thở dài:

- Con ơi, đừng làm khổ thân thêm nữa! Mẹ chồng già thì mẹ chồng chết!

Tôi chua chát:

- Không biết bà ấy hay con sẽ chết trước? Hình như chỉ có mẹ mới biết con khổ thôi!

Qua mấy tháng học võ cũng chẳng biết thêm một manh mối nào, tôi thừa dần đến lớp bà Ánh Tuyết. Thế rồi khi không hỏi cũng có người cho biết. Bà hàng xóm bỗng đứng sang chơi. Sau mấy câu dò la tình hình chủ nhà, bà ta nói:

- Có một người cho tôi biết, cô vũ nữ, mèo của ông ấy đã có một đứa con gái hai tháng! Là đàn bà với nhau tôi thấy cần phải cho chị biết, không có ngày nó phá gia cang của chị.

Đã chuẩn bị tinh thần từ ngày bỏ đi Đà Lạt hai năm về trước, tôi vẫn như người vừa bị ném xuống hồ nước mùa đông lạnh và chết cứng! Sau vài giây trấn tĩnh, tôi làm bộ bình thản:

- Nó phá gia cang mẹ con tôi từ lâu rồi! Tôi biết nhưng không thèm đếm xỉa cho hèn người. Hắn bỏ đi hơn một năm nay, tôi cũng không tìm kiếm. Bây giờ tôi cần cái địa chỉ họ ở. Chị có thể dò hỏi cho tôi không?

Bà hàng xóm can ngăn:

- Thứ dữ ấy, chị không nên đến làm chi.

Tôi cười mỉa mai:

- Tôi không hạ mình tới mấy chỗ đó đâu. Tôi cần địa chỉ để lấy bằng chứng xin ly dị.

- Tội gì ly dị cho thiệt thân, thiệt con cái. Ông ấy đi chơi thì chị cũng đi chơi.

- Tôi với hắn coi như đã ly thân từ lâu. Tôi cần giấy tờ chính thức để được sống không có chồng, không có mẹ chồng làm phiền.

- Cái đó thì hơi khó. Không ai muốn dính líu vào chuyện gia đình người khác.

Nhưng chẳng phải đợi lâu, khi không tìm cũng có người đưa đến. Sau vài ngày nằm liệt trên giường sắt của con, tôi ghé thăm cái giường đã nằm với Nguyễn, tôi lóp ngóp dậy sửa soạn đi đến lớp vũ. Tôi định đưa tên cô gái nhây và thuê người kiếm địa chỉ, một điều tôi vẫn sợ gặp ma cô, bị lừa mất tiền toi! Nhưng không còn cách nào. Tôi đi bộ theo ngõ tắt qua nhà bà Phạm Phú Quốc để ra đường Võ Di Nguy đón xe.

Sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị giết, phi công Phạm Phú Quốc, người thả bom Dinh Độc Lập và bị bắt năm 1962, được thả khỏi tù. Ông trở lại Phi Đoàn Thần Phong của Tướng Nguyễn Cao Kỳ và bay ra Bắc ném bom. Phản lực cơ của ông Quốc lại bị bắn hạ. Vợ ông thành quả phụ. Bà phải hãnh diện lắm, chứ không tủi nhục vì mất chồng như tôi! Tổ quốc đã ghi danh anh hùng Phạm Phú Quốc và biết bao nhiêu đại bàng gãy cánh khác cùng những thiên thần Mũ Đen, Mũ Đỏ, Mũ Trắng, Mũ Xanh, “Mũ Tím” đã gục ngã để bảo vệ miền Nam trước sự xâm nhập đã trở nên cuồng bạo của Cộng Sản...

Tôi đang đứng chờ taxi, một xe hơi dừng lại trước mặt. Người lái xe quen biết với Nguyễn, cùng ở trong xóm Chu Mạnh Trinh. Hắn qua nhà tôi vài lần khi Nguyễn có bạn đến chơi bài. Hắn ở với người đàn bà không hôn thú và có con với hắn. Bà vợ cũ đành phải ly dị. Nhiều lần thấy tôi đứng đợi xe, hắn đã ghé lại, ngỡ ý muốn cho tôi quá giang, đều bị tôi từ chối. Hôm nay hắn ra khỏi xe, mời tôi lên rất trịnh trọng. Một sự bất cần đòi nổi dậy, tôi nhận lời. Hắn gợi chuyện về Nguyễn. Nghĩ rằng hắn phải biết rất rõ về ông bạn đồng điệu, tôi tỏ ra không mù lòa, nói ngay:

- Chắc anh biết hắn có mèo và đã có con riêng?
- Cả Sài Gòn biết chuyện đó. Thế Dung định thế nào?

Tôi chưa bao giờ tự giới thiệu, hẳn cũng biết tên tôi. Không một người bạn nào của Nguyễn gọi tôi bằng tên kể từ ngày tôi là vợ chàng. Tôi biết hẳn thuộc loại người nào, nhưng vẫn còn một điểm hơn ông chồng đã coi thường, hắt hủi tôi và ngang nhiên bỏ đi chung sống, có con với tình nhân. Hẳn thân thiện và cho tôi cái cảm tưởng hiện hữu, tự tin. Tôi thân nhiên:

- Tôi muốn ly dị. Nhưng phải có địa chỉ, tên tuổi mẹ con cô kia làm bằng chứng. Anh kiếm giùm được không?

- Cái đó thì dễ quá. Ai cũng biết chỗ họ ở. Nhưng phải đến tận nơi ghi số nhà chứ có ai để ý đâu.

Hôm đó tôi không tới lớp học vũ và ngồi trong xe với hẳn đi vòng quanh Gia Định, Bình Hòa, Thủ Đức. Hẳn tâm tình rằng hẳn vẫn thương những đứa con với vợ cũ. Bà ta và hẳn coi nhau như bạn. Viễn ảnh ấy hiện trong tâm trí. Nếu dứt khoát ly dị Nguyễn, tôi sẽ không bị gọi là vợ lớn, chồng có vợ bé, một điều tởm lợm tôi không thể chấp nhận. Thà không chồng, không sống cảnh những con gà mái dưới cựa một con trống. Người ta có thể bỏ nhau, không thể bỏ con cái. Nguyễn sẽ phải cấp dưỡng và về thăm con như đã làm mấy năm nay, miễn là đừng gây sự với mẹ của chúng.

Ông láng giềng, mời tôi đi ăn tối thứ bảy và sẽ có cái địa chỉ. Một người bạn tốt không làm thế. Hẳn muốn Nguyễn cũng rơi vào hoàn cảnh hẳn cho có bạn đồng hành. Chắc chắn hẳn sẽ giở trò, chẳng làm việc không công. Tôi phải liệu vậy. Nếu hẳn có nham nhở, cái thân tôi còn gìn giữ cho ai? Hẳn đón tôi đúng ngày giờ hẹn ở chỗ cũ và đưa tôi tới nhà hàng La Cave bên cạnh bệnh viện Đô Thành, đường Lê Lợi. Thật mỉa mai, sau sáu năm có chồng, lần thứ nhất đi ăn du dương, tôi lại đi với ông láng giềng! Nhưng trong buổi đó, hẳn vẫn chưa cho tôi cái địa chỉ và còn hỏi:

- Dung nhẩy được chứ?

Tôi làm bộ dạn dĩ:

- Anh có muốn thử không?

Hắn vui mừng:

- Vậy xin mời Dung đi nhảy tối nay.

- Không được. Không hẹn trước, về khuya, người nhà lo lắng. Bà mẹ Nguyễn vẫn ở với tôi!

- Vậy thì tối thứ bảy tuần sau chúng mình đi ăn rồi đi nhảy. Nhất định tôi sẽ có địa chỉ của họ cho Dung.

Không muốn đi nhiều với hắn, tôi cười cợt:

- Một là đi ăn, hai đi nhảy. Đi cả hai chuyện, vắng mặt ở nhà lâu, lo lắng con cái cũng mất vui. Anh lấy giùm cái địa chỉ tuần sau nhé, tôi nộp đơn ly dị liền rồi tha hồ được tự do đi chơi với anh chứ!

Tối thứ bảy đó, hắn đưa tôi đến Baccara, vũ trường đầu tiên tôi đặt chân tới. Có lẽ nó nhỏ nhất và tối nhất Sài Gòn. Chẳng ai nhìn thấy mặt ai. Điệu nhạc nào mọi người cũng chỉ nhúc nhích Slow. Cổ tình ôm tôi như tình nhân, hắn nhảy kêu gọi và thì thầm:

- Nhảy với đàn bà chưa bao giờ biết đàn ông nào khác ngoài chồng, cũng như nhảy với con gái còn trinh.

Biết hắn đã bắt đầu tấn công, tôi kiên nhẫn tỏ vẻ cho đến lúc bắt được cái địa chỉ đen tối kia. Khi ra về, tôi vẫn nhí nhảnh nhận lời gặp hắn tuần sau. Hắn ngừng xe tại gần ngã tư Võ Di Nguy như lần trước. Tôi xuống xe đi ngõ tắt vào xóm Chu Mạnh Trinh. Nhưng thứ bảy sau, tôi không ra chỗ hẹn. Tôi cũng không bao giờ trở lại lớp vũ. Ông láng giềng không gặp được tôi ở ngoài đường thì tìm đến nhà. Lẽ dĩ nhiên tôi vẫn vui vẻ kiếm cớ từ chối và hứa hẹn sẽ gặp lại. Tôi dặn Sáu:

- Bất cứ giờ nào ông ấy tới cũng nói tôi đi vắng nhé.

Một hôm Nguyễn về, tôi thay quần áo xuống nhà, định bỏ đi ra phố, tỏ thái độ bất cần sự có mặt của ông chồng thì nghe bà mẹ mách con trai:



- Không hiểu sao có một ông nói quen cậu mà cứ đến hỏi cô ấy khi cậu đi vắng.

Nguyễn to tiếng nạt nộ tôi như thường lệ:

- Thằng nào vậy? Đàn bà đolan chính thì phải vén váy lên mà chửi nó, đuổi nó đi chứ?

Người chồng bỏ bê vợ con đi theo một con thiêu thân vũ trường, ngang nhiên chung sống và có con với nó mà còn nói chuyện đolan chính nhĩ?! Người vợ không tiền, không nghề nghiệp bị coi thường, chèn ép quá trong cái xã hội chồng chúa, vợ tôi này. Hai trăm năm trước, nữ sĩ trời cho hữu tài, vô sắc, Hồ Xuân Hương tình nguyện làm vợ lẽ ông Phủ Vĩnh Tường mà vẫn có lúc phải chửi toáng lên, *kẻ đắp chăn bông kẻ lạnh lùng, chém cha cái kiếp lấy chồng chung*. Hai thế kỷ sau, cái tôi vẫn phải chấp nhận cảnh đó sao? Đàn ông thời đại này còn u mơ, tự tin quá! Tôi giận run người, nhưng vẫn nhớ lời nhà thơ Thái Thủy, "*chị đừng mắc mưu nó.*" Tôi lạnh lùng bỏ nhỏ một câu:

- Có con đàn bà đolan chính rồi đó. Đi về căn nhà số... đường... mà ở với nó, về đây làm gì?!

Sợ một cái tát sẽ bay vào mặt, vừa nói dứt câu tôi ngược mặt đi mau qua chồng, mẹ chồng và mở cửa bước ra đường, không nhìn lại. Nhưng tôi cảm thấy cái yên lặng đờ đẫn phía sau và hình dung được hai nét mặt ngó trân, sững sờ. Tôi đi bộ ra đường Võ Di Nguy nhòm ngó sách báo bày bán. Có vài truyện của Nguyễn tôi không bao giờ biết đến. Tôi mua tập Bách Khoa có đăng truyện dài *Vòng Tay Học Trò* của Nguyễn Thị Hoàng mà tôi thích. Chán đọc sách của các nhà văn nam từ ngày Nguyễn bỏ đi, tôi chỉ còn đọc các nhà văn nữ. Họ có những cảm nhận thực của phụ nữ và cho phụ nữ... Một lần Nguyễn đã cáu giận khi thấy tôi mua tập báo kia và nói rằng sách báo chàng đem về cũng đủ để tôi đọc, không phải mua thêm tốn tiền! Những bài viết trong Bách Khoa mà thuở học trò, vẫn thường làm tôi nhưc đầu, nhưng vẫn ham

đọc như con ếch bị ngồi đày giếng, tò mò truyện văn học nước nhà, hay nước ngoài.

Trước kia, tưởng còn được yêu thương, tôi chiều theo ý Nguyễn tất cả. Giờ đây, tôi không còn lý do phu xướng phụ tùy. Như một cô bé chơi chuyền với bạn, bị ăn gian hoài, cô đã tức giận tung cả bóng lẫn mùi que tre ra phía sau lưng và bước đi thẳng, không thèm quay lại.

Rời tiệm sách, tôi lấy xích lô về bên ngoài các con, ăn cơm và nằm bên cạnh mẹ tìm an ủi, dỗ dành. Trên bàn thờ, mẹ vẫn để máy phát thanh vặn cái lương, ca bắc và thấp hương mời bà nội, cùng bố tôi về nghe. Trong tủ, mẹ vẫn để đầy quần áo của bố. Trước khi có chồng, tôi đã mong ước cái nghĩa phu phụ quý trọng, ân cần như của bố mẹ. Tôi khấn thầm người đã khuất linh thiêng che chở cho tôi và bốn đứa con thơ. Đợi tối khuya, tôi mới trở về nhà. Nguyễn đã đi. Tôi mong không bao giờ phải gặp mặt người đàn ông đã đem đau khổ đến cho đời tôi.

Có cái địa chỉ kia trong tay, tôi vẫn lưỡng lự, suy nghĩ triền miên. Ly dị là một việc làm thông minh? Tôi sẽ là người phá vỡ cái gia đình có mẹ, có cha của các con và có lỗi với chúng? Nếu mỗi lần Nguyễn về nhà đừng hạc sách, bắt bẻ hay đe dọa tôi, nếu bà mẹ chồng không đứng một phe với con trai nghênh con dâu, tôi có thể yên phận nuôi con. Có người nói, “bị đĩa bằm, người ta còn có thể nhổ nước bọt lên nó và bứt nó ra. Cái giống gái nhảy vương vào, sẽ không bao giờ thoát được.” Nhưng cũng có người nói, “đàn ông nào mà chẳng chơi bời, đam mê một hồi rồi cũng sẽ trở về với vợ con.” Chao ôi, tại sao mẹ con tôi lại phải đứng trước cảnh ngộ vô phước ấy! Tôi muốn xét lại một lần cuối cùng thái độ của Nguyễn, để tìm câu trả lời và quyết định mà không ân hận. Tôi cầu nguyện đáng Thượng Đế xin giữ gìn, che chở tôi qua cơn thử thách và ra tiệm thuốc tây mua một ống thuốc ngủ. Chọn hôm bà nội đem Nguyễn Thủy, Trường Sơn

đi chơi nhà con cháu, khi Ngọc Hân, Thân Phong ngủ trưa, tôi gọi người giúp việc lên lầu và dặn dò:

- Sáu nghe đây. Tôi có một việc rất quan trọng phải nhờ đến Sáu thành thật giúp. Tôi định uống thuốc ngủ, giả bộ tự tử để xem thái độ của cậu thế nào. Tôi không muốn chết, không muốn bỏ các em đâu.

Sáu tái xanh mặt, run lạt bật:

- Cô ơi đừng làm vậy, nhờ cô đi thiệt thì sao? Cháu sợ quá!

- Đừng lo, sau đây cứ mười lăm phút, Sáu lại lên xem xét tôi một lần. Khi nào lay mà tôi không trả lời thì sang hàng xóm nhờ chở tôi đi nhà thương ngay, rồi Sáu sang báo cho bà ngoại biết. Đừng sợ, nếu Sáu làm y như thế, tôi không chết được đâu. Tôi chết, ai trông nom các em bằng mẹ chúng. Có một điều, đừng nói với ai tôi bàn với Sáu những điều này. Sáu hứa với tôi nhé. Tôi cảm ơn lắm.

Sau khi Sáu hoang mang xuống nhà, tôi cầu nguyện một lần nữa: “Xin Thượng Đế cho con sống lại với con cái. Xin thứ lỗi cho con nếu việc con làm là xằng bậy. Nhưng con không biết thế nào là đúng hay sai, phải hay trái. Con không quyết định được đời con.”

Không viết lại một chữ, tôi uống cả ống thuốc ngủ và trước khi thiếp đi tôi còn thầm nhắn các con, “Mẹ sẽ trở lại và ở mãi với các con. Xin bẻ trên cứu vớt linh hồn con...”

Thế rồi khi lơ mơ tỉnh, tôi loáng thoáng nghe tiếng mẹ và các em gần bên. Tiếng ông mục sư đứng cạnh cầu nguyện và hỏi, “tại sao con khóc?” Tiếng ông hàng xóm cho tôi cái địa chỉ gian phu, dâm phụ, “sao Dung đại đột thế? Tưởng Dung ly dị nó thôi chứ?...” Biết đã sống lại, tôi cảm ơn Thượng Đế đã đưa tôi trở về trần gian với các con. Tôi không biết đã mê man bao nhiêu ngày trong bệnh viện Cơ Đốc. Tôi muốn quên, không hề hỏi lại ai chuyện gì đã xảy ra cho tôi những ngày đời tôi ngoi ngóp đó.

Khi tỉnh rồi tôi vẫn phải ở thêm nhiều ngày nữa đôi mắt mới quen dần ánh sáng, những gân xương, bắp thịt mới cử động bình thường được. Tôi không trông thấy Nguyễn cho đến khi chàng đến đón tôi về nhà. Lênh đênh như còn trong một thế giới xa lạ, tôi lặng lẽ và không có một cảm giác nào cho người đi bên cạnh. Một bức tường không gian bằng giá đã ngăn cách giữa tôi và Nguyễn. Về đến nhà, tôi đi thẳng lên lầu. Chàng đi lúc nào, tôi không hay. Tôi tiếp tục cảm ơn Đấng Tối Cao đã cứu sống và hứa từ nay không làm điều ngu dại ấy. Tôi cũng cảm ơn sự đồng lõa và lòng trung thành của Sáu. Nguyễn và bà mẹ phải biết họ đã nhận được tội hậu thư. Tôi không còn do dự với quyết định ly dị. Bảy năm làm vợ, tôi vẫn không đủ khôn ngoan, trưởng thành. Tôi không tạo được hạnh phúc cho chồng, không hy sinh, nhẫn nhục hơn để thông cảm và chấp nhận đời sống riêng tư của ông. Giữ người muốn ở, không giữ người muốn đi! Sự ràng buộc chỉ là xiềng xích oan trái, hố sâu thù hận chôn nhau và cản trở sự nghiệp của một nhà văn lớn đang trên tuyệt đỉnh danh vọng. Không có tôi là chướng ngại vật cản đường, Nguyễn sẽ thoải mái, tự do đi tìm cảm hứng mà người ta nói rất cần cho việc sáng tác tiểu thuyết tình.

Nhưng thực ra Nguyễn đã được tự do từ khi tháo cái nhẫn cưới sau vài tháng có vợ. Từ ngày đưa con trai út ra đời, ông chồng đã tung hoành sống như một người độc thân ngoài đời và tưởng rằng sẽ giam giữ vợ trong căn nhà tối tăm đó mãi. Tôi mới chính là người muốn thoát khỏi xiềng xích hôn nhân với người phối ngẫu đã không cho tôi tình thương yêu mà tôi rất cần trong cuộc sống. Tù nhân đã chịu nhiều tủ nhục trong ngục tù mà tên cai ngục quá độc địa, nghiệt ngã.

**T**uy đã lựa chọn con đường đi tới, tôi vẫn hội họp cùng mẹ, chị, em và tuyên bố:

- Dung đã quyết định ly dị, nếu mọi người phản đối thì coi như mất Dung và Dung vẫn xúc tiến việc ly dị. Nhưng nếu được sự tán thành, Dung vững tâm hơn và cảm thấy còn có gia đình bên cạnh.

Sau vụ Nguyễn Thị Ngọc Dung uống thuốc ngủ, mọi người có thể nghĩ, nàng chỉ dọa nạt. Nhưng đã đến thời kỳ nguy hiểm, không nên để cô ấy rơi vào tình trạng đau đớn cũ và liều lĩnh hơn. Chị Tâm góp ý:

- Chị ngỡ Dung giỏi chịu đựng, nên chị cứ im lặng chẳng có ý kiến gì. Nhưng Dung đã quyết định thì chị mới nói. Ở địa vị chị, sau ba năm chị đã ly dị rồi chứ đừng nói hơn bảy năm khổ ải như Dung đâu.

Chị Phương sôi nổi:

- Chị cho Dung tiền luật sư. Nếu nó không cấp dưỡng đầy đủ thì trả con hết, hay đem chúng về chị nuôi.

Cô Hà phụ họa:

- Em sẽ nhờ người quen kiếm luật sư cho chị.

Thấy mọi việc đã được xếp đặt, cô Vân chỉ nói thêm:

- Chị và trẻ con cần gì cứ hô, em chạy sang ngay.

Mẹ rung rung nước mắt:

- Con lớn rồi thì tự quyết định lấy. Thế nào mẹ cũng ở bên con. Mẹ chỉ muốn con cái sung sướng, hạnh phúc.

Với sự nâng đỡ, bênh vực của gia đình, tôi tìm tới bà luật sư Lê Thị Hồng Điềm ở Tân Định để nhờ lo vụ ly dị vào tháng sáu năm 1967. Lý do là tất cả những chuyện không đẹp rả rắc từ khi tôi nghe Nguyễn ngoại tình. Lẽ dĩ nhiên tôi đòi giữ bốn đứa con, ở lại căn nhà hiện tại và tiền cấp dưỡng đủ sống. Nếu không có con, tôi đã về với mẹ từ lâu, không cần một cái ở Nguyễn.

Đồng thời, tôi học lại đánh máy chữ Anh và lấy lớp Anh văn đàm thoại cấp tốc tại trường Nguyễn Thế Thông, đường Trần Quang Khải. Sự lạnh nhạt, coi thường của người chồng đã tôi luyện thêm sự bướng bỉnh, bất khuất của người vợ. Tôi không còn sợ chồng dọa nạt, lấy cớ vợ đi làm sở Mỹ để ly dị ngược lại.

Bỗng một hôm, Nguyễn bất ngờ trở về và ở lại sau hơn 400 ngày bỏ đi, nhưng lần này, không còn thái độ gây sự. Nguyễn có vẻ ngượng ngùng như kẻ có tội và nhỏ giọng chơi đùa với các con tíu tít bên cạnh hay coi vô tuyến truyền hình với chúng. Tránh giáp mặt ông chồng mà tôi đã có đơn ly hôn, tới bữa cơm, tôi ăn trước với các con hay nhin luôn và lên lầu khóa cửa phòng. Nguyễn ngủ trên sa-lông hay giường Nguyên Thủy. Một buổi tối, lặng lẽ đi và trở về sau học lớp Anh văn, tôi lên lầu, Nguyễn đã nằm trong phòng. Tôi vợ vội bộ quần áo ngủ, định đem xuống nhà thay. Nguyễn ngồi nhòm dậy, tới nắm tay tôi giữ lại:

- Anh xin lỗi đã làm em buồn. Tha thứ cho anh!

Không dám vùng mạnh ra khỏi tay Nguyễn vì sợ người nhà để ý, tôi đứng lại nói nhỏ:

- Em đâu dám. Khi chán ghét nhau, người ta có quyền đi chỗ khác, chuyện thường lắm. Chẳng ai ép buộc được ai.

Nguyễn khản khoản:

- Anh với con đó chỉ là chơi bời và lỡ chón. Anh đã bỏ nó rồi. Anh thề với em anh sẽ không bao giờ gặp nó nữa.

Không cảm thấy vui mừng, sung sướng khi nghe thế, tôi ngăn một tiếng thở dài chán nản đến tận cùng đáy lòng. Tôi nghiệp cho người đàn bà đã bị đàn ông nói phũ phàng! Trong thời gian Nguyễn không ở nhà vừa qua, tôi cũng đã nghe bao lời nói đốn đau ngay tận mặt. Tôi nhìn thẳng vào đôi mắt có vẻ hối hận của Nguyễn:

- Em cứ tưởng anh không bao giờ bỏ người ta được?

- Khó gì, cứ để cho nó leo cây mấy lần. Nó đi với thằng khác, mình cũng đi luôn!

Chao ôi, người ta đối xử với nhau như thế ư? Người đàn bà nào cũng chỉ là nạn nhân đáng thương! Nguyễn đã bỏ tôi không ngó ngàng hơn một năm trời, dù là sau ngày tôi uống cả một ống thuốc ngủ, chết đi sống lại. Việc đưa tiền cho tôi nuôi con cũng qua nhân viên trong sở hay bà mẹ. Lòng chùng xuống, ngậm ngùi chuyện đen bạc, tôi lặng người bần thần suy tư cho tình đời. Nguyễn kéo tôi vào vòng tay:

- Cho anh về nhé? Cho anh xin một lần cuối cùng. Em không còn thương anh sao?

Tôi mất hết nghị lực chống cự:

- Có lúc nào em hết thương anh? Anh bỏ đi bao lâu nay, em có làm phiền anh đâu. Nếu em hành động gì đó, cũng là vì anh và cho anh. Nhà đây, anh về lúc nào, đi lúc nào mà không được. Em có quyền gì cấm đoán anh có người khác. Nhưng em cũng không muốn bị lừa dối và chỉ mong được yên thân.

- Chắc em không thể tin được rằng vì thế anh vẫn thương yêu em và còn thương em nhiều hơn nữa. Anh ân hận vô cùng. Anh thề, lần này về, anh không đi đâu nữa.

Tôi nghĩ thầm, “Anh đã thề bao nhiêu lần rồi? Em còn tin anh được nữa không? Khổ thân anh, có lúc nào tâm hồn anh được thanh thoi? Mấy năm nay anh đam mê, vương mắc, bị dăng co cả tâm hồn lẫn thể xác!” Làm sao tôi từ chối Nguyễn? Tôi lại rơi vào vòng tay chàng như chưa bao giờ có chuyện giận hờn và muốn tha thứ cho Nguyễn tất cả.

Song, cảm tưởng tạm bợ có chàng vẫn canh cánh bên lòng. Một ngày cuối tuần, Nguyễn có bạn tới đánh bài, tôi lo đầy đủ ăn uống cho chồng, cho khách và nói dối chàng, bên mẹ tôi có giỗ, tôi phải về gặp anh chị em một lúc. Nhưng tôi đến địa chỉ người vũ nữ đã có con với Nguyễn. Cô ta ra mở

cửa. Tôi bình tĩnh như đứng trước tôi không phải là một bằng chứng ngoại tình cụ thể của chồng:

- Cô có phải là...?

Cô ta dè dặt nhìn tôi gật đầu:

- Vâng, tôi.

Tôi tự giới thiệu:

- Chắc cô biết tôi là vợ của ông Nguyễn chứ? Tôi tới đây muốn nói chuyện đàng hoàng, không có ý định gây gổ. Tôi vào nhà được không?

Cô ta lui lại và tránh sang một bên. Tôi đi vào, tự động ngồi xuống một cái ghế trong căn phòng có giường ngủ, bàn ghế cho khách, bàn ăn. Không hiểu sao, tôi có thể thản nhiên, nói chuyện dễ dàng với người đàn bà đã làm tình và có con với chồng tôi trên cái giường trong góc phòng kia. Thân hình thô kệch, da ngăm bánh mật, cô ta không sắc nước hương trời như tôi tưởng, nhưng đòn phép khác chắc chắn phải hay lắm mới làm người chồng phụ bạc tôi mấy năm nay. Họ đã được tự do chung sống, có con với nhau. Bà vợ không hề phá rối. Cô ta là người đầy kinh nghiệm trong giới ca ve, cai gà, anh chị giành mỗi nhau hàng đêm của Sài Gòn! Vậy mà cô gái nhẩy không giữ được chồng tôi lâu hơn? Ông lại muốn nhẩy ra khỏi cuộc đời cô? Chẳng chút sồn lòng, tôi hỏi:

- Cô có biết ông Nguyễn bây giờ đang ở đâu không?

Tro trên, cô gái trả lời:

- Tôi không biết.

- Ông Nguyễn đã về với gia đình và đang ngồi đánh bài với bạn bè ở nhà tôi đây. Ông ấy nói rằng đã bỏ cô và sẽ không bao giờ gặp lại cô nữa. Trước đây đã nhiều lần như thế. Tôi không trách cô đâu. Tôi có chồng thì trách chồng tôi thôi!

Bấy giờ cô gái mới mở miệng:

- Ông ấy đến đây chứ tôi không đi kiếm. Lần nào ông ấy cũng than bị bà xin tiền hoài, bị bà để nằm sa-lông, muỗi cắn sung cả người.



Không một mảy may ghen ghét, tức giận người đàn bà đã, đang và vẫn muốn cướp chồng mình, tôi thích thú cười lớn:

- Cô phải biết các ông chồng thường đi nói dối vợ về nói dối mèo thì mới lén lút chơi bời được chứ? Vợ đòi tiền của chồng là sự thường. Ông ấy phải nói bị bà vợ lấy tiền hoài, để cô biết ông ấy không bao cô được, cô vẫn phải hành nghề để nuôi thân. Ông ấy đi chơi bời, về nhà bị bà vợ cho nằm ngoài đường mới đáng, chứ nằm sa-lông còn nhân đạo lắm. Nhưng đó là chuyện cũ. Từ nay, nếu ông ấy đi kiếm cô, tôi cam đoan không làm gì hai người. Còn nếu cô đi kiếm chồng tôi thì chuyện ấy sẽ được tính.

Nói thì hăng tiết “lợn” vậy, nhưng thực ra tôi cũng không biết trong trường hợp thứ hai, tôi sẽ tính gì? Đốt cô vũ nữ như cô Quờn đốt chồng ư? Tạt át xít như bà Thúc tàn phá mặt cô Nhung ư? - Tôi sợ thất đức và bị tù tội! Hay xẻo “cái đó” của chồng ném cho chó, cho vịt ăn? - Nhà không nuôi vịt, nuôi chó! Hay trả thù như Hoạn Thư đã trừng trị Thúc Sinh, Thúy Kiều? - Tôi cũng chẳng có lính tráng, lâu la, thủ hạ sai bảo làm việc đó. Người đàn bà tài sắc, văn hay chữ tốt, cầm kỳ thi họa, mười phân vẹn mười như nàng Kiều cũng không đáng để tôi hạ mình ghen tuông làm tội bản thân huống chi với kẻ bần cùng!

Trong buổi gặp gỡ ấy, tôi không hề nhắc nhở đến đứa con gian dâm của hai người. Tôi ra về với tất cả thơ thối trong lòng. Khi sòng bài tan, tôi cho Nguyễn biết, tôi vừa đến gặp cô gái nhậy. Chàng tròn tròn mắt:

- Thật hả? Em mà nói sao lại được với chúng nó?

Tôi cười hóm hỉnh:

- Vậy mà cô ta nói rất ít.

- Nó nói gì?

Tôi không thuật hết chuyện:

- Cô ấy nói rằng không bao giờ đi kiếm anh, chỉ có anh kiếm cô ấy. Thế thì em không trách. Nếu cô ấy đi tìm anh thì em sẽ tính sau.

Nguyễn ôm tôi:

- Không ai tìm ai cả. Chỉ có chúng mình tìm nhau.

Vòng tay Nguyễn sưởi ấm trái tim tôi. Có một lúc nào tôi đã định bác bỏ đơn ly dị. Nhưng kinh nghiệm đau khổ mấy năm qua không cho phép tôi tin tưởng nhiều ở chàng.

Giấy tờ ly hôn vẫn âm thầm tiến hành. Sáng thứ sáu đó trát gọi hầu tòa gửi tới cho tôi và Nguyễn. Tôi miễn man suy nghĩ, tình trạng của chúng tôi sẽ đi tới tuyệt tình chăng? Tôi không mong gì hơn được sống hạnh phúc bên chồng con, nhưng phải rút lui ra khỏi cuộc đời đào hoa, đa mang của Nguyễn cũng là để không còn lý do hờn giận, hận thù. Nếu người chồng muốn có người vợ trung thành, không cảm sùng ngoại tình lên đầu ông, tôi cũng không muốn có chồng phản bội, cho tôi mặc cái quần lót bẩn thỉu của người đàn bà khác, làm nhơ nhớp thân thể tôi.

Đêm thứ sáu qua đi, sang ngày thứ bảy, tới đêm Chủ nhật Nguyễn vẫn vắng bóng. Đợi cho hết giới nghiêm, sáng sớm thứ hai tôi quyết định đến địa chỉ kia dò xét. Nếu xe Nguyễn ở đó, chàng không thể bào chữa được và việc ly dị sẽ tiến hành. Tôi đón xích lô máy tới gần Chợ Lớn. Xe dừng lại trên đường Trần Hưng Đạo, tôi đi bộ sâu vào con đường ngang. Vừa đi một quãng tôi giật mình, nhìn ngay thấy Lambretta của Nguyễn. Choáng váng, tôi đứng khựng, nhìn lại như không tin mắt mình. Nhưng đúng là cái địa chỉ đó và xe của hắn! Tôi run rẩy, bước chân vấp vấp đi nhanh trở ra đường lớn. Bao nhiêu xe qua không một cái trông. Càng đợi lâu, cơn giận uất càng bốc lên đầu. Phải gặp tận mặt để hắn không thể chối cãi rằng hắn cho người nào mượn xe lái tới đây chứ không phải hắn. Nguyễn phải ngưng sự lừa dối tôi

và chính hẳn ngay ở đây. Cuộc đời không thể sống quanh co, khúc mắc, gian dối mãi được. Tôi xăm xăm trở lại và bước thẳng lên thang đập cửa như muốn phá vỡ căn lầu ấy. Người làm hay mẹ cô vũ nữ hé mặt. Tôi quát lớn:

- Vào bảo ông Nguyễn ra đây mau!

Bà ta sợ hãi lùi bước, đóng cửa. Vài phút không nghe động tĩnh, tôi thét lên như chưa bao giờ thét lớn thế và lay đập rung chuyển cánh cửa. Một lát sau, Nguyễn trong bộ đồ ngủ đi ra, im lặng chịu trận nhìn tôi. Toàn thân run lạnh, tôi uất nghẹn:

- Anh còn muốn nói gì với tôi nữa không?

- Không!

Nhìn nét mặt trơ lỳ, nghe tiếng trả lời gọn lỏn, khiêu khích, lòng tôi sôi sục căm hờn:

- Nhưng tôi còn nhiều điều muốn nói. Anh có biết tôi tới đây có mục đích gì không? Tôi nhận được cái trát tòa vì giấy tờ xin ly dị anh đấy. Thấy chưa, tôi đâu có tin anh được? Tôi muốn nhìn rõ bộ mặt thật của anh. Tôi không thèm ghen tuông cho bản người. Tôi ly dị để cho hai đứa tự do chung sống xem có ở, có yêu đương nhau đến mãi đời, mãi kiếp được không?

Hình như không muốn người bên trong nghe, Nguyễn khép cửa nhỏ lại. Hà Đông sư tử nổi cơn tam bành, xông tới đẩy con đục bập lù vào trong. Con cái đứng giữa hang ngoại tình, lạc giọng hống:

- Nhưng bây giờ tôi vẫn còn là vợ, anh ở đâu tôi có quyền ở đó. Nhà này của anh phải không? Xem đây tôi có quyền gì với anh không nhé?

Miệng nói tay làm, bà vợ hất gạt mọi thứ trên bàn xuống sàn, mở tủ kiếng, ném tất cả đồ bên trong ra ngoài. Nước mắt nhạt nhòa. Máu ứa chan hòa chân, tay. Những cái ghế vô phúc đứng gần bà cũng bị xô ngã lăn chiêng. Người làm lép lỏ. Gái nhảy đi một đường “a-te” mắt dạng. Ông chồng bị bà

vợ bắt quả tang, như Từ Hải chết đứng. Khi thấy cái thân nhỏ thó của bà đang cố kéo đồ cái máy ti-vi nhưng không nổi, ông chạy lại ôm chặt bà:

- Thôi đủ rồi, cho anh xin!

Bà vợ vung một cánh tay, thúc một chân đạp. Ông chồng bấn văng vào chân tường, rống lên thống thiết, ôm cái của nợ, xanh tái mặt mày. Bà gào rít, chỉ mặt ông:

- Đứng đưng vào người tôi, như bản tôi! A, bà mà phải nài nỉ xin tiền à? Bà còn là vợ, bà tha hỏi thì thôi, đừng nói bà xin nhé. Muốn sống có bao nhiêu đưa đây cho bằng hết. Mau!

Ông chồng lưỡng lự, bà vợ quắc mắt:

- Có đưa không?

Lú đú mớ tóc túi quần vắt trên ghế, ông định đếm một ít tiền. Bà xông lại, giật cái ví trên tay ông:

- Hai đũa kiếm tiền như rác, hết năm này có năm khác, lo sắm sửa đồ đạc ngon lành mà sống cho hách hơn. Đồi có ngàn này tiền lấy hạnh phúc, còn rẻ quá mà!

Bà vợ rút hết không còn một đồng nào. Giấy tờ có thể xé được, bà xé nhỏ, vứt xuống sàn. Thẻ bọc nhựa không xé được, bay vèo vèo trong phòng. Cái ví trống rỗng cũng thăng thiên. Sau cùng, kiệt sức, bà thở giốc:

- Tôi mong rằng đây là lần cuối cùng tôi phải nói chuyện với anh. Cho người về lấy trát tòa đi. Đừng bao giờ bước chân về nơi tôi ở nữa.

Nói rồi, tôi đi nhanh ra cửa. Nếu căn lầu cao chín tầng có lẽ tôi đã nhảy xuống đất cho tan xác.

Về đến nhà, tôi định gột rửa những nhơ nhớp bám trên người, khăn chạm da thịt tôi mới cảm thấy như trăm miếng thủy tinh đâm cứa và còn ghim đầy trên tóc, áo. Soi gương, cái mặt khôn khổ rướm máu. Tay, chân cũng không khác gì. Một thù hận, một lời thề vang lên, cái gương trên tường vỡ tan tành. Bàn tay thêm cứa cắt, máu rỉ. Không khóc mà nước mắt vẫn ràn rụa, khuôn mặt thảm hại chẳng còn nguyên vẹn

trên mảnh gương lắt léo. Không để cho người làm lấy đi, tôi bảo Năm đi tìm băng keo gián nó vào tường. Lời thề “gương đã vỡ không bao giờ lành” sẽ luôn luôn nhắc nhở trước mắt!!! Bà mẹ chồng đi ra, đi vào ngó con dâu như ngó quái thai. Tôi kính cẩn tâu bẩm:

- Thưa cụ, con vừa mới đi đánh ghen với vũ nữ đấy ạ!

Tôi đã nằm liệt giường, khóc vùi, khóc đập không biết mấy ngày đêm. Tôi từ chối xuống nhà ăn cơm, Sáu vẫn rón rén để ly nước cam hay chén cháo trên bàn đầu giường cho tôi. Hết giận Nguyễn đến giận thân, ân hận đã nói điên khùng, hành động hung dữ. Tôi nhắm mắt nằm đó mà như thảm nói chuyện với Nguyễn: ”Anh tàn ác với em quá. Em đã nói không bao giờ có thể chịu đựng anh về với em mà còn có người đàn bà khác, anh vẫn dối gạt em. Anh đã để em phải nhìn thấy cảnh đau đớn nhất cho một người vợ mà em cố tránh từ lâu. Em muốn giữ cho sự chia tay của chúng ta còn được tử tế. Nhưng anh đã lôi kéo em làm một việc hạ cấp nhất. Anh khinh ghét em lắm phải không?...” Tôi lịm tê trong cơn mê sáng, kiệt quệ tinh thần, thể xác. Cho tới một lúc, tôi nghe có tiếng thì thào dưới thang. Rồi, những tiếng đó rõ hơn, như ở đầu thang và sau cùng ngay ngoài cửa phòng tôi đang nửa tỉnh, nửa mơ:

- Anh Thủy ơi, mẹ có chết không?

- Sơn! Bậy nào, mẹ chỉ đau thôi!

- Phong muốn gặp mẹ!

- Hân cũng muốn gặp mẹ!... Mẹ... ơi!

Rồi nhiều tiếng gọi “mẹ ơi” khẽ nhỏ, rụt rè, khóc mếu! Lời các con thơ dại đưa tôi về thực tại. Tim nhói buốt, tôi cảm thấy tội lỗi vô vàn đã bỏ quên chúng. Không thể kéo dài nỗi lo sợ của các con, tôi lau vội nước mắt:

- Ai đó, vào đây chơi với mẹ?

Sau vài giây im lặng, một sự reo vui chợt oà vỡ. Thủy, Sơn, Hân, Phong cùng đẩy cửa phòng nhào lên giường ôm mẹ. Kẽ nắm tay, người sờ chân, vuốt ve thương xót những vết cắt trên người mẹ:

- Mẹ hết đau chưa?

- Mặt mẹ làm sao vậy?

- Tại sao mẹ khóc?

- Mẹ đói không, mẹ xuống ăn cơm với chúng con?

Tôi dang tay ôm cả bốn con đã nằm xuống bên cạnh:

- Mẹ hết đau rồi và vui mừng thấy các con nên khóc thôi.

Mẹ đói meo đây này và sẽ xuống ăn thật nhiều với các con.

Cùng reo hò đứng dậy, bốn đứa bé kéo đẩy mẹ ra khỏi cái giường bệnh hoạn. Tôi xuống nhà ngồi ăn với chúng và bà nội. Tôi giữ thái độ bình thản, im lặng với mẹ chồng. Chẳng bao lâu nữa sẽ có giấy ly dị, cụ sẽ không còn dịp gây lụy cho con dâu.

Gần tới ngày ra tòa, tôi nhận được thư Văn Phòng Luật Sư Hùng đại diện Nguyễn, mời đến “nói chuyện như một người bạn.” Tôi đã gặp người này ở sở Nguyễn vài lần nên yên tâm đi xem sẽ được nhắn nhủ những gì. Quả nhiên, ông ta thân tình:

- Tôi không muốn nhận đại diện cho Nguyễn vì tôi cũng là bạn và rất quý chị. Nhưng Nguyễn năn nỉ nhờ tôi làm trung gian giảng hòa giữa chị và hắn. Tôi thấy việc này có gì lớn đâu mà phải đi đến giải pháp ấy. Nguyễn nói rằng vẫn thương chị và không muốn ly dị.

- Sự thương của Nguyễn cũng chỉ như người ta thương hai hoàn cảnh một bà vợ bốn con, không công ăn việc làm, không tiền bạc mà đòi ly dị chồng. Nguyễn nói thương tôi mà vẫn đến ở với người đàn bà đó. Tôi không muốn có một người chồng bê bối mà còn về gây khủng hoảng tinh thần vợ. Giờ thì tôi chỉ muốn được sống yên thân một mình với con tôi.

- Chị nhất định đòi ly dị sao?

- Vâng, chỉ còn cách đó. Tôi không đòi hỏi điều gì quá đáng cả.

Người luật sư chép miệng thờ dãi:

- Nhưng, xin ly dị không phải dễ. Thí dụ, chị nhờ thừa phát lại tới bắt quả tang và lập biên bản sự ngoại tình của Nguyễn. Hấn quen biết tất cả các ông cò trong thành phố Sài Gòn này. Hấn chỉ nói một tiếng là những bằng chứng đó bị hủy bỏ hết. Chị tốn tiền mãi rồi cũng chẳng đi đến đâu.

Tôi mỉm cười mai mỉa:

- Tôi biết lắm, đàn ông vợ nọ, con kia, các bà vẫn phải cắn răng chịu đựng, tôi thì không. Ngay bây giờ, tôi cần sự ly thân. Tôi không muốn phải hầu tiếp ông chồng ngang nhiên ngoại tình, có con riêng mà vẫn khơi khơi về nhà hạch sách vợ. Không có chuyện vợ cả, vợ lẽ trong đời tôi. Đối với con cái, Nguyễn không bao giờ dạy bảo, chơi đùa, đưa chúng đi đâu. Nếu chỉ muốn nói yêu thương cái miệng thì dễ lắm, ly dị xong, Nguyễn vẫn có thể về nhìn con cái trong chốc lát rồi đi như những năm qua Nguyễn đã làm.

Ba tháng sau khi tôi nộp đơn ly dị là lần hòa giải đầu tiên. Ngày ra tòa thẩm sâu như màu áo xám nội hóa tôi mặc tuy trời Sài Gòn nắng chói chang và ảm thấp sau cơn mưa ngập lụt đêm trước. Tôi lấy taxi tới tòa án đường Công Lý. Vào hành lang, tôi đứng trong một góc vắng và vẫn chán chường nghe vài cặp vợ chồng còn la lối, cãi nhau. Bà luật sư Hồng Diễm đi tới hỏi tôi:

- Bà mạnh khỏe? Có chuyện gì cần thay đổi không?

- Cám ơn bà, không! Bà cứ tiến hành cho như vậy.

- Bà bình tĩnh như thế là tốt. Vào trong tòa, tôi sẽ lo việc nói chuyện với ông chánh án. Khi nào ông hỏi, bà chỉ trả lời vừa đủ và ngắn gọn.

Khi bà Diễm qua gặp mấy người khác, Nguyễn tiến lại gần tôi và sẵn giọng:

- Nào, em muốn cái gì đây?

Sau một giây ngạc nhiên vì câu hỏi ngớ ngẩn, tôi cười gằn:

- Luật sư của anh không nói gì sao? Nếu chưa biết thì lát nữa vào gặp ông tòa, anh sẽ biết.

Ngay lúc đó một nữ luật sư trẻ trong áo choàng đen đi ngang qua nói:

- Đứng đây, các ông hư đồn, các bà ly dị là phải lắm!

Có lẽ Nguyễn biết người đàn bà đó nên mỉm cười nhìn theo. Luật sư Hùng đi tới:

- Thế nào, hai người muốn nói gì với nhau thì nói đi, sắp đến giờ rồi. Chị hãy cho nó một ân huệ cuối cùng!

Tôi nghĩ thầm, “đã có cả bảy năm chín tháng để nói chuyện với nhau mà không xong. Huống chi còn bảy phút, chín giây.” Tôi im lặng cúi nhìn xuống những viên gạch đá hoa dưới chân và bỏ sang đứng với bà luật sư của tôi.

Giờ hầu tòa, chỉ có ông chánh án ngồi sau một bàn lớn trên bục thấp. Một bà thư ký bên bàn nhỏ. Hai người cảnh sát đứng gần đây. Trên một hàng ghế trước mặt và không xa ông tòa, tôi ngồi cạnh bà Diễm, Nguyễn ngồi cạnh ông Hùng. Khung cảnh thu hẹp trong một góc phòng xử rộng lớn. Sau khi duyệt qua nội vụ với luật sư nguyên cáo, vị chánh án hỏi sự đáp ứng của luật sư bên bị. Ông này nói những điều trong nguyên đơn đều không đúng sự thật. Tất cả chỉ vì lý do nghề nghiệp giao thiệp rộng rãi, thân chủ của ông hoàn toàn vô tội, không muốn ly dị và không thể cấp dưỡng số tiền nguyên cáo đòi hỏi. Ông tòa cao giọng hỏi bị cáo:

- Ông Nguyễn, những điều kháng cáo đó có đúng của ông không?

Nguyễn đứng lên tại chỗ:

- Thưa ông chánh án, đúng như vậy!

Quay sang tôi, ông tòa hỏi:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung, bà không có công ăn việc làm, bà đòi ly dị và giữ bốn đứa con thì làm sao nuôi chúng?

”A, đàn ông bênh nhau, định dọa hả?” Tôi đứng lên và



trả lời không do dự, ngập ngừng, nhưng đến khi dứt lời thì nước mắt hai hàng:

- Thưa ông chánh án, tôi đang đi học thêm để kiếm việc làm, nên cần trợ cấp nuôi con. Nếu không đủ, mẹ và chị em tôi sẽ tận tình giúp đỡ. Tôi xin được ly thân ngay từ bây giờ và tiến tới ly dị như luật hiện hành để được yên ổn tinh thần, sức khỏe chăm sóc con cái.

Ông toà tuyên bố cho tôi được ly thân, giữ bốn đứa con, ở lại căn nhà và một món tiền cấp dưỡng bằng hai phần ba tôi đòi hỏi, không đủ trả tiền nhà và chi tiêu cho năm mẹ con. Nhưng bằng bất cứ giá nào tôi cũng chấp thuận và ký giấy phán quyết của toà. Từ đây, Nguyễn không có quyền về nạt nộ, lừa dối tôi được nữa. Rồi phòng xử, tôi cảm ơn bà luật sư và bước nhanh ra khỏi hành lang. Một cơn mưa rào vừa tạnh, cây cỏ lóng lánh ướt như những hạt nước mắt đọng trên mi. Nắng mưa Sài Gòn đã chứng kiến cuộc đời tôi thay đổi từ khi tới Sài Gòn năm 15 tuổi và quen Nguyễn. Tôi đã tự đi hỏi Nguyễn cưới tôi năm 20 tuổi. Hôm nay, 28, tôi cũng một mình ra tòa đòi ly dị chàng. Sân tòa án rộng mênh mông vang tiếng gót giày cô đơn. Một bóng đi âm thầm dưới hàng cây rậm buồn. Con gió hắt hiu không lùa kín được tâm hồn vỡ nát, hoang vu. Tình cảm rụng rơi theo những cánh lá lạc lững, tan tác dưới bước chân. Tôi bỗng giật mình, có người gọi tên tôi phía sau. Luật sư Hùng hấp tấp đi tới:

- Chị có xe đưa về không?

- Không, tôi ra ngoài đường đón taxi.

- Nguyễn phải đưa chị về chứ? Ở đây khó đón xe lắm.

Hắn phải hầu hạ chị.

Lạ lùng thật, tôi đâu còn muốn bắt buộc Nguyễn làm gì cho tôi nữa? Người này vẫn không coi nghiêm chỉnh việc tôi xin ly hôn. Luật sư của bị cáo cứ khăng khăng muốn thân chủ đưa nguyên cáo về nhà. Nguyễn lái Lambretta tới và ngừng lại. Tôi hốt hoảng nói với ông Hùng:

- Không, không, nhiều xe qua lắm, tôi đợi được.

Nguyễn thảo nhiên giục giã:

- Em lên xe anh đưa về. Dùng đằng mãi người ta nhìn kìa.

Tâm lý tiểu thuyết gia hiểu rõ đàn bà hay xấu hổ với sự đời trước công chúng nên sẽ nhượng bộ. Tôi im lặng quay nhìn dòng xe cộ một chiều đổ tới từ hướng Dinh Độc Lập. Ông thầy kiện làm ra vẻ cương quyết:

- Chị không lên xe Nguyễn, tôi sẽ phải đón taxi đưa chị về tận nhà. Tôi không để một người đàn bà dễ thương như chị đi một mình.

Có lẽ người này muốn giữ lịch sự, đã đổi chữ đáng thương thành dễ thương. Nếu luật sư Hùng có xe hơi, chắc chắn tôi không ngần ngại đi với ông ta. Nhưng để ông phải trả tiền taxi đưa tôi về thì thật nhiều khê. Khi một xe ngừng lại, ông Hùng mở cửa và nhảy tót lên ngồi trước:

- Gần đến giờ hẹn của tôi ở văn phòng. Nếu không đi với tôi, chị phải lên xe với Nguyễn. Chị không để hắn đưa về, tôi đành mất cái hẹn vậy. Luật sư nghèo lắm chị ơi!

Tôi cuống quýt trả lời:

- Anh cứ đi đi, tôi chờ xe khác được mà!

- Chị không lên xe Nguyễn, tôi không đi. Chết chưa, tôi muộn giờ hẹn quá rồi!

Nguyễn cười cợt nói chen:

- Em lên xe anh đi, cho thằng luật sư của anh nó chạy việc khác. Thời giờ của nó là vàng ngọc.

Ly dị là một cách ngăn chặn sự chung sống bất đồng hay hận thù. Cũng muốn xa Nguyễn trong thân thiện, không giận hờn, tôi lưỡng lự nhìn chàng và người bạn:

- Vâng, cho anh đi!

Nguyễn đưa mắt đồng lõa với bạn:

- Cảm ơn cậu. Sẽ liên lạc. Chào.

Luật sư Hùng chờ cho tôi lúng túng ngồi lên yên sau Lambretta và Nguyễn phóng đi rồi, ông mới ra hiệu cho taxi

chuyển bánh. Đã lâu lắm tôi không ngồi xe với Nguyễn. Chàng hỏi tôi như không có vụ tranh chấp trong tòa:

- Em cần đi đâu, anh đưa đi?

Sau chuyện bắt gặp Nguyễn ở nhà người vũ nữ kia mấy tuần trước và bây giờ mới gặp nhau ở tòa ly dị, chàng nghĩ rằng tôi sẽ quên ngay và sống bình thường như không có chuyện gì xảy ra chẳng? Tôi cố gắng gạt bỏ những thù hận, giận hờn để xa nhau chứ không phải sống trở lại với nhau. Tránh không chạm người chàng, tôi trả lời:

- Không, cảm ơn anh.

Tới nhà, Nguyễn theo tôi đi vào như chẳng có sự ly thân. Các con tôi ùa tới vây lấy bố. Chàng không biết trả lời cô cậu nào trước. Tôi biết lòng Nguyễn không sắt đá để bỏ bốn đứa con mới từ ba tới bảy tuổi. Thường đi đâu về tôi cũng lên lầu cởi áo dài, thay đồ mặc nhà. Hôm nay, cảm thấy Nguyễn như là một người khách, tôi vẫn giữ áo dài, giày cao gót. Bà nội đi vắng. Có lẽ cụ không biết hôm ấy con trai và con dâu ra tòa. Tôi ngồi ở một ghế, lật giở mấy tờ báo chàng mới mang theo. Cho tới lúc đó, tôi được nghe Nguyễn viết và xuất bản thêm vài cuốn tiểu thuyết mà tôi chưa đọc.

Đã lâu, Nguyễn biết thân, biết phận, không đem một tập truyện nào về nhà. Sau khi nghe Nguyễn có con với người đàn bà kia, tôi đã cho tất cả hình ảnh đám cưới vào lò than cùng với sách của chàng. Nhưng nước mắt đã dập tắt ngọn lửa. Tôi không có quyền đốt tác phẩm của Nguyễn, và tôi cho dần hết những quyền còn lại. Tôi không muốn nhìn thấy chứng tích gọi đau khổ. Chiếc nhẫn cưới không còn trên ngón tay kể từ ngày tôi đập tan tành cái gương trước bồn rửa mặt trong sân. Nó đã nằm chung với cái nhẫn Nguyễn tháo ra từ bảy năm trước...

Ngồi đó với các con, thỉnh thoảng Nguyễn đưa mắt sang tôi. Có lẽ chàng cũng nhận thấy sự khác thường trên ngón tay không đeo nhẫn cưới của tôi. Chúng tôi không nói với

nhau một lời. Thực tình, tôi không còn chuyện gì để nói với người chồng đã sống ly thân bất hợp pháp với tôi từ hai năm nay và ly thân chính thức từ buổi sáng hôm đó. Năm, chỉ người làm mới, tới bên tôi hỏi khê:

- Thưa cô, có sắp cơm cho cậu không?

Muốn thi hành nghiêm chỉnh lời tòa, tôi thấp giọng trả lời “không.” Biết ý tôi, Nguyễn đứng lên:

- Các con vào ăn cơm, bố đi.

Bốn đứa bé nhao nhao:

- Bố không ăn cơm hả bố?

- Bố lại đi hả bố?

- Bao giờ bố về?

- Các con có muốn bố về không?

Một tiếng “có” vang lên từ bốn cái miệng.

- Vậy thì bố sẽ về.

Nguyễn đi ra cửa, sau khi nhìn tôi, nói nhỏ:

- Anh đi.

Tôi ngồi yên nhìn theo Nguyễn, một tiếng nấc rung lên trong lòng và đôi môi mím chặt. Nguyễn Thủy chạy theo, phụng phịu ôm chân bố:

- Bố về ngay nhé.

Nguyễn xoa đầu con nói một câu gì đó rồi lên xe.

Ly dị là một chuyện đau đớn, một giải pháp cuối cùng khi gia đình không thể hàn gắn được. Vì thế trước khi đi tới ly dị đã có thời gian ly thân và hòa giải để tìm cơ hội cứu vãn. Theo như luật sư bên bị, Nguyễn vẫn muốn thi hành điều đó. Vài hôm sau, khi tôi từ lớp học Anh văn buổi tối về, Nguyễn trong bộ đồ ngủ đang ngồi coi vô tuyến truyền hình với các con trên ghế nệm dài trong phòng khách. Chúng hớn hở khoe:

- Mẹ ơi, bố về mẹ ạ!

- Bố nói, bố về ở luôn không đi nữa!

Biết làm sao đây? Các con tôi ngây thơ, hồn nhiên quá. Tôi không muốn phá vỡ sự vui mừng của chúng. Bà nội cũng có mặt trong nhà như không biết có vụ ly thân. Tôi không nhẫn tâm nói với cụ chuyện ấy. Xem ra từ ngày tôi biết nơi con trai cụ chung sống với tình nhân và xin ly dị, cụ không còn thái độ trêu chọc con dâu nữa. Tôi nay cụ săn sóc hỏi han tôi như chưa bao giờ dễ thương thế! Và như vậy, tôi cũng chẳng có lý do gì không giữ hòa khí với mẹ chồng. Tôi bắt lực trước sự trở về của Nguyễn. Chàng vẫn có sức mạnh thay đổi hoàn cảnh tôi. Không tỏ một ý phản đối, tôi chỉ tránh Nguyễn và lên lầu nằm đọc báo, nhưng trí óc miên man. Mục đích của đơn ly hôn cũng để cho chàng nghiêm chỉnh hiểu rằng sự ngoại tình, gây sự của chàng đã trái với ý muốn và con người tôi. Nếu Nguyễn tỏ thiện chí trở về và cắt đứt sự đa mang tôi sẽ bãi nại. Tuy nhiên, một mình tôi không thể vá chừa mái gia đình mà Nguyễn không muốn làm cột trụ chống đỡ. Chàng có làm những điều tôi ước mong hay chẳng thay đổi thì việc ly dị vẫn tiến hành không thể khác hơn.

Khi các con đã ngủ, Nguyễn lên lầu vào phòng tôi đang nằm. Chàng khụt khịt làm bộ đau ốm đáng thương như bao lần trước muốn làm lành với vợ và đi quanh sờ mó mọi vật. Tôi hạ tờ báo, định đứng dậy, Nguyễn ngồi xuống giường, chặn tôi lại với một tay chống qua người tôi. Sợ chạm vào người chàng, tôi nằm yên nhìn lên trần. Nguyễn nhìn tôi và nói với một giọng thật mũi lòng:

- Anh không có chỗ nào đi. Cho anh ở lại nhé?
- Thật ra nhà đây đâu phải của em và nhà thiếu gì chỗ để anh ngủ.
- Em còn thương anh không?

Tôi muốn ôm Nguyễn và khóc thật nhiều. Ngoài người chồng, tôi không còn ai để than thở những tức tưởi trong lòng. Nhưng tôi vẫn nằm ngay cứng như tượng, hai chân vắt chéo và cố gắng không để nước mắt trào qua mi:

- Em thương anh ngay cả những lúc giận anh nhất và cứ tưởng anh không bao giờ muốn nhìn mặt em nữa. Em rất ân hận đã hung dữ như thế.

- Em không làm gì đáng trách cả. Em có quyền làm hơn thế nữa. Anh không hề giận em, chỉ thấy tội nghiệp và thương em hơn. Vợ anh khờ dại quá, không biết gì về cái xóm anh chị ấy. Nếu không có anh, chúng nó đâu để em yên ra về.

- Con điên lên, em chẳng ngán gì hết. Em có định đến đây làm âm ỉ đâu. Bỗng nhiên điên khùng thế.

Nguyễn chùi hàng lệ đã chảy dài xuống hai bên khoe mắt tôi và ghé nằm xuống cạnh giường, để một cánh tay qua đầu tôi:

- Em làm như thế cũng là ít. Anh có lỗi thật nhiều với em!

Thường những bà vợ bắt được quả tang chồng ngoại tình phải nhảy chồm lên, xông vào tình địch cấu xé, vật lộn, ăn thua đủ. Bà vợ này đã không đánh ghen với người đàn bà làm tan vỡ gia đình nàng mà chỉ tự hành hạ mình bằng cách đập phá đồ đạc, đòi ly dị để đôi gian phu, dâm phụ được tự do ăn ở với nhau. Sau một thời gian chung sống với hai người đàn bà chẳng còn gì mới lạ, Nguyễn bỏ người vũ nữ có một con hay mất vợ với bốn con. Bên nào nặng, bên nào nhẹ? Ai đáng thương hơn? Bên nào chàng cảm thấy có tội lỗi, hối hận nhiều hơn?

Vẫn không nhìn Nguyễn, tôi tiếp:

- Anh biết lỗi bao nhiêu lần rồi? Anh vừa thề được vài hôm, anh lại đi gặp người ta? Làm sao tin anh được?

- Đêm đó nó đi tìm anh, làm khó dễ. Anh phải đưa nó về và mệt ở lại. Anh với nó đã thực sự dứt khoát rồi.

Tôi cười buồn và lắc đầu tỏ ý không tin. Nguyễn tiếp:

- Anh không thể vì nó mà bỏ vợ con. Em biết không, bạn bè nói, nếu anh bỏ em và các con, chúng nó sẽ bỏ anh.

Nhưng không phải vì thế anh mới bỏ nó. Anh không thể làm cho vợ, con bỏ anh vì nó.

- Người ta để yên cho anh đi à?

Nguyễn luôn một cánh tay dưới tóc tôi, tay kia ôm ngang người tôi:

- Anh bồi thường là xong hết!

- Khổ thân anh. Bao giờ thì anh chữa?

Nguyễn xoay người tôi lại phía chàng và xiết chặt vòng tay mà tôi luôn luôn thiếu thốn, đợi chờ. Tôi muốn tha thứ cho Nguyễn tất cả...

Nguyễn đã ở lại nhà, nhưng chẳng biết làm gì với vợ con những ngày cuối tuần, chàng lại mời bạn tới chơi bài. Khi nhìn thấy tôi, tác giả *Tháng Giêng Cỏ Non, Mười Đêm Ngà Ngọc...*, Mai Thảo ngã người trên thành ghế, điều thuốc bốc khói kẹp giữa hai ngón tay và nói oang oang:

- Ố hay nhỉ, cái bà này, bao nhiêu năm không gặp, trông vẫn cứ như con nít, không lớn được!

Nhà văn Chu Tử, tác giả của *Yêu, Sống, Loạn...*, cũng sờ nhìn tôi giản dị trong bộ quần áo vải hoa, cánh tay để trần:

- Bà Nguyễn đây hả? Chết thật! Thành Nguyễn, mà đáng tội chặt đầu. Chị ly dị nó một lần cũng chưa đủ, phải mười lần mới đáng đời nó!

Thế rồi ngựa theo đường cũ! Cũng như những lần trước, Nguyễn chán ở nhà lại đi chỗ khác, vắng nhà liên miên như thông lệ. Tôi không theo dõi và kìm giữ, không thắc mắc Nguyễn đi chơi bài hay chơi gái. Tôi vẫn giữ thời biểu gia đình, không cơm chờ, canh đợi và tiếp tục học đánh máy chữ Anh ban ngày, Anh văn đàm thoại buổi tối. Đây là thời gian ly thân, hòa giải. Hành động của hai bên nguyên, bị chứng tỏ ý định của họ, chẳng cần tìm hiểu, bàn cãi. Sau một tuần, rồi hai, ba tuần, Nguyễn bật luôn không về, không một lời nhắn gọi, giải thích, tôi hiểu rằng, Nguyễn đã ngầm gửi cho tôi

một thông điệp đen. Chàng về vì không có chỗ đi. Đã có chỗ đi, Nguyễn không về. Chàng là người của ngoài đời, không phải của gia đình. Nguyễn đã đánh đổi vợ con lấy cờ bạc, đàn bà đàn đấm, con gái ăn chơi. Chàng không sinh ra đời để làm người chồng, người cha chân chỉ, bình thường. Tôi không trách Nguyễn đã chọn cuộc sống riêng tư, tự do như ý muốn. Nhưng, tôi thù hận sự trở về của Nguyễn để biết tôi vẫn còn khổ lụy, yêu thương và chàng lại nhẫn tâm rũ áo ra đi!!! Tôi không là bậc thánh thiện, cho đi mà không đòi lại. Dù muốn đòi cũng chẳng được, nên tôi đã mất mát, hao mòn nhiều, chỉ còn một chút tình yêu để dành cho bốn đứa con. Tôi đã tội lỗi sinh ra chúng và phải chuộc tội ấy.

Tuy nhiên, cuộc đời mẹ con tôi cũng không thể trả góp bằng tiền cấp dưỡng vô tri, vô giác hàng tháng. Sự ra đi biệt biệt của Nguyễn sau lần ly thân hoà giải thứ nhất ấy cho tôi tin rằng chàng đồng ý ly dị thật rồi. Cuộc đời tôi không còn Nguyễn nữa. Tôi cần phải có công việc để vững tâm với những bước đi tự tin hơn trên con đường độc hành còn quá dài, đầy hoang mang, bỡ ngỡ. Ý định đi làm vẫn nung nấu. Nhưng khả năng Anh vẫn còn quá kém. Cái tật nhút nhát, gặp giáo sư Mỹ trong lớp, tôi cũng ngáp ngúng không nói nên lời, kiếm việc sao được? Tôi liên lạc với My Sương, người bạn tôi quen tại cơ quan Quân Đội Hoa Kỳ hơn một năm về trước và không bao giờ gặp lại kể từ ngày nghỉ làm ở đó. Tôi nhờ nàng giới thiệu bạn Mỹ để thực tập nói chuyện và đã phải vận động hết can đảm đến gặp họ. Tôi đang trong tình trạng vật lộn với sinh ngữ, một mặc cảm, một cản trở lớn đã khiến tôi chùn bước trên đường tự lập. Tiền trợ cấp của ông chồng ly thân có thể bị cắt bất cứ lúc nào như nhan nhản những chuyện xảy ra trong xã hội đầy nước mắt đàn bà.

Gần đến ngày hòa giải lần thứ hai của vụ ly hôn, luật sư Hùng đến gặp tôi tại nhà. Ông ta vừa khuyên nhủ vừa dọa dẫm nguyên cáo:



- Tôi là luật sư của Nguyễn. Hấn muốn sao, tôi phải làm theo vậy, dù không có lợi cho chị. Nguyễn vẫn không muốn ly dị.

Tôi ghen ngào:

- Nguyễn không ở được với vợ con, cũng không muốn ly dị, có phải Nguyễn muốn dùng tôi để làm kỳ đà cản mũi những người đàn bà chơi bời khác muốn ràng buộc, gấn bó với hấn không? Tôi cần một người chồng chung thủy, gấn gũi gia đình. Tôi không cần một người đàn ông lang chạ. Hấn định làm khổ tôi đến bao giờ?

Ông luật sư ái ngại:

- Ai cũng có một thời. Hấn chơi chán rồi cũng phải về. Nếu bây giờ hấn kiện ngược, đòi lại nhà, năm mẹ con chị ra đường ở ư? Tiền cấp dưỡng bằng ấy làm sao đủ để chị nuôi các cháu.

Như môi lửa được châm vào dầu, tôi uất ức:

- Thì ra hấn muốn ăn thua đủ với tôi? Hấn tiếc cái nhà thuê này? Một người đàn bà thân cô, thể cô như tôi lẽ dĩ nhiên không thể đối địch được những gian manh, ngoắt ngoéo. Nhưng tôi nói để anh biết. Trong đơn ly dị, tôi muốn có cái nhà để ở với các con, muốn giữ chúng vì chúng còn nhỏ cần sự săn sóc của mẹ. Tôi không nghĩ tới chuyện thắng thua. Nếu hấn muốn làm khổ tôi hơn nữa thì cứ xin tòa không cấp dưỡng và đòi nhà, đòi con. Tôi trả hết. Hấn muốn phá tan nát cái gia đình này thêm nữa, cứ việc làm theo ý muốn. Tôi không thêm một thứ gì cả!

Trước sự tranh đấu không vũ khí, không quyền lực, trước sự đầu hàng vô điều kiện, bất cần của bà vợ vẫn phải sống bằng tiền trợ cấp của ông chồng ly thân, luật sư Hùng thờ dài ra về. Lòng tôi chai cứng nghĩ đến sự tuyệt tình của Nguyễn. Một lúc chàng nói vẫn thương tôi, muốn trở về chung sống. Một lúc Nguyễn bỏ đi, muốn tranh chấp! Tôi đã tránh cho Nguyễn và cho cả tôi cái tình trạng vợ cả, vợ lẽ thú vật, bệnh

hoạn, mất vệ sinh và làm giùm chàng cái điều ray rứt, bỏ thì thương, vương thì tội! Nguyễn phải cảm ơn tôi chứ, tại sao còn muốn triệt hạ tôi? Lòng người sâu thẳm, khó lường dù người mình đã yêu thương, trao thân, gửi phận. Nguyễn đối với tôi như một địch thủ lợi hại, không tình nghĩa. Vậy, còn lý do gì để giữ cái hôn thú? Luật sư Lê Thị Hồng Điềm cũng mời tôi tới gặp bà. Tôi thuật lại cuộc gặp gỡ với ông thầy kiện của Nguyễn và yêu cầu bà tiến hành việc ly dị càng nhanh, càng chóng chấm dứt những buồn phiền cho thân chủ của bà.

Một buổi sáng, chiếc xe Toyota trắng bốn cửa, mới toanh đậu trước nhà. Nguyễn ra khỏi xe. Tôi ngạc nhiên nhưng vẫn giữ thái độ dửng dưng. Nguyễn có vẻ hãnh diện đi vào nhà và nói:

- Anh mới mua xe, về đón em và các con đi ăn.

Nguyễn không hiểu gì về người đàn bà đứng trước mặt. Nàng không dễ dàng để cho chàng bỏ đi, về đón bất cứ lúc nào. Cái xe chẳng làm nàng lóa mắt. Chàng không phải là một ông vua. Nàng cũng không phải là một cung phi, ti thiếp trải lá dâu trước hiên phòng và nằm chờ ngày này qua tháng khác, đợi dương xa ngừng lại, thượng hoàng hạ giá ban ơn mưa móc. Nhưng tội nghiệp các con tôi, cũng như mẹ, chúng chẳng bao giờ được đi chơi đâu với bố. Tôi lạnh lùng:

- Cảm ơn, em không đi. Anh muốn đưa trẻ con đi chơi thì em cho chị Năm theo lo cho chúng.

Nói xong tôi phụ với người làm mới, thay quần áo cho con. Tôi bảo Năm sửa soạn cùng đi với chúng và lên lầu khóa cửa buồng, để rồi quần quai gục mặt trên gối nghe tiếng xe Nguyễn xa dần.

Đầu tháng mười hai, với luật sư hai bên đại diện tại tòa, không cần sự có mặt của nguyên đơn, bị cáo, lần hòa giải thứ nhì của vụ ly hôn được ghi nhận thất bại...

**B**uổi tối 30 tháng 12, 1967, trong một lúc không trông đợi, chờ mong, Nguyễn đã đến. Sự giận hờn chàng vẫn có, tình yêu chàng vẫn còn, các con muốn cả bố mẹ cùng chơi quà Giáng Sinh được bố mua cho từ tuần trước, tôi đã ngồi lại trong phòng khách với chúng và Nguyễn. Tôi muốn giữ tình trạng hòa bình. Còn hận, còn khổ, ích gì đâu cho nhau. Tôi ngạc nhiên khi Nguyễn mời tôi đi chơi tối với chàng. Suốt thời gian làm vợ, vào những dịp lễ tết như thế này Nguyễn không bao giờ có mặt ở nhà, là những lúc tôi buồn và cô đơn nhất.

Nhiều ông chồng cho rằng, họ mới là người có đầu óc, tâm hồn, biết đam mê, có quyền ham muốn, bà vợ chỉ là cái máy sản xuất con nít, chị vú ngu đần nuôi con. Rồi máy bị chê cũ rích, chị vú bị đuổi vì già nua. Khá giả hơn, bà vợ được ví như chậu hoa làm cảnh. Nhưng hoa cũng cần bàn tay chăm nom, bón tưới, cần không khí, ánh sáng, lời thương, tiếng nhạc để sống. Người chủ hoa quên những điều kiện ắt có và đủ đó, hoa sẽ chết héo hon. Thần thoại hơn, có bà được vẽ vời với ảo tưởng hoàng hậu nhốt trên lầu vàng, điện ngọc. Nhưng nhà vua vui thú với tần phi, mỹ nữ dưới cung mê đắm, để quên nàng trong quạnh hiu buồn thảm triền miên. Một chàng hiệp sĩ si tình đã mạo hiểm quăng dây leo lầu vào thăm hoàng hậu sâu muộn lúc nào nhà vua không hay!

Cho nên chẳng lạ gì, từ ngày có con cho đến nay, Nguyễn và tôi chưa một lần đi chơi riêng. Ngoài kia, đường phố tung bừng nhộn nhịp, hẹn hò thắm thiết. Tôi thèm một cuộc đi chơi với một người bạn, một người yêu. Có lẽ chán các bà, các cô, Nguyễn về tìm tôi chăng? Hay, một lúc nào đó, Nguyễn thương hại tôi. Mỗi tình đúc kết với bốn đứa con không dễ dàng cắt đứt. Tôi cũng mong tập coi Nguyễn như một người thân quen, không thù giận và nhận lời đi chơi với chàng.

Tôi chọn một chiếc áo dài hàng lụa Thái Lan mà chị Tâm cho. Anh Lân đã đổi về Tân Sơn Nhất. Chị Tâm đang làm tại PX, Post Exchange, của Quân Đội Hoa Kỳ nên thường nhờ mua được nhiều ngoại phẩm. Đó là cái áo đẹp nhất tôi có sau khi ly thân với Nguyễn. Áo màu xanh nhạt, hoa lá xanh sậm hơn, cổ hở kiểu bà Nhu thời họ Ngô còn trị vì. Tôi đeo bông tai và chuỗi hạt màu xanh, trang điểm kỹ lưỡng hơn thường ngày. Với bút chì kẻ lông mày, mí mắt, lông mi chải đen, một chút xanh quàng mắt, phấn hồng, môi son, tóc chải rối ôm cái gáy nhỏ, tôi không còn là một bà vợ mộc mạc, hiền lành trước ngày ra tòa ly dị chồng. Nguyễn chưa bao giờ nhìn thấy nàng trong thành phố ăn chơi, phù du ban đêm.

Sài Gòn tấp nập, trắng đèn, kết hoa. Xe cộ cuộn cuộn ngược xuôi. Chiến tranh càng thảm khốc, tiếng súng đạn càng réo rít, thân người ngã đổ càng nhiều, máu loang chảy càng rộng, con người càng ham vui, ham sống. Trong cái không khí chẳng ai muốn biết đến ngày mai ấy, Nguyễn đưa tôi đi đón một người bạn và cùng đến quán Thanh Thanh bên xa lộ dưới ánh hỏa châu bập bùng, ma quái. Con lộ rộng lớn đầu tiên của miền Nam đã được hoàn thành để dân Sài Thành chỉ lái độ một giờ rưỡi xe hơi qua Biên Hòa đã tới bãi biển Vũng Tàu cách Sài Gòn 120 cây số. Khi xa lộ này hoàn thành, người dân bàn tán rằng, nó có thể được dùng như phi đạo cho máy bay phản lực hạ cánh.

Trong ánh nến lung linh huyền ảo của nhà hàng vũ trường đêm đó, tôi đã quên tình trạng ly thân, ly dị với Nguyễn và trao gọn hình mai dướng liễu trong vòng tay êm ái của chàng. Nguyễn ôm tôi không khoảng cách. Tim tôi rung động thốn thức như thuở mười chín, đôi mươi. Với bước nhảy kinh nghiệm, vững chãi, Nguyễn đưa tôi theo điệu Rumba quỳn rữ, Slow khêu gợi. Tôi muốn quên không gian, thời gian, tan biến vào thân thể ấm áp của chàng mãi mãi. Tôi khép mắt để mơ thấy mình đi trên con đường tình yêu

với Nguyễn đến tận chân trời vô tận. Nhưng tôi thức tỉnh vì sự ồn ào của nhóm người mặc quân phục đã chiến vừa bước vào. Họ ngồi bàn bên cạnh chúng tôi. Nguyễn và người bạn quay sang chào ông Chuẩn Tướng Thủy Quân Lục Chiến, bạn cùng khóa Sĩ Quan Thủ Đức với Nguyễn và đoàn tùy tùng hộ tống. Họ vừa từ ngoài mặt trận trở về. Nét căng thẳng, suy tư còn hằn trên khuôn mặt xạm nắng, nhễ nhại mồ hôi. Những đôi mắt đỏ ngầu vì say rượu, say máu bạn hay say máu thù?

Cộng Sản tăng gia tấn công khắp các vùng chiến thuật và len lỏi, khủng bố ngay trong thành phố Sài Gòn. Đàn ông thanh niên từ 18 tới 37 đều bị động viên dù có bằng tú tài hay không, chỉ trừ những trường hợp có tiền, có quyền hay bất lực... Trên là trời dưới là lính. Quân đội có thể lực hơn bao giờ hết. Tổng Thống và Phó Tổng Thống đều là Tướng!

Đổi thoại với Nguyễn một hồi, ông Chuẩn Tướng mời tôi nhẩy. Lúc đầu còn thưa thưa, rồi ông như muốn giữ tôi luôn trên sàn vũ và ôm tôi chặt cứng. Khác với Nguyễn, khi nhẩy với những người đàn ông lạ, da thịt tôi như tiết ra một loại sáp để ngăn sự va chạm thân thể với họ. Bộ quân phục rần rì của ông Tướng như còn khét mùi khói đạn, thuốc súng. Ông ta hỏi tôi:

- Em là gì với thằng Nguyễn?

Thôi rồi, ông này tưởng tôi là một em ca sĩ hay ca-ve nào đi với Nguyễn. Tôi cố gắng giữ khoảng cách trong vòng ôm của ông ta và giấu tình trạng ly thân:

- Tôi là vợ của Nguyễn.

- Anh không tin. Sao không bao giờ anh thấy nó đưa em đi tới chỗ nào?

- Điều đó thì anh phải hỏi Nguyễn.

Khi về bàn, dù nghe Nguyễn và người bạn xác nhận, ông Tướng vẫn nói như lệnh võ cho cả vũ trường nghe:

- Thăng Nguyễn, mày nói láo. Cái bản mặt mày mà được diễm phúc có một cô vợ xinh đẹp, hiền ngoan như thế này? Nhưng nếu thực sự như thế, mày phải ăn đạn của tao thay cho Việt Cộng mới đáng!

Tôi và Nguyễn chỉ đành cười cho qua. Gần như trong bản nhạc nào nhẩy với tôi, ông Chuẩn Tướng cũng lè nhè nhắc lại:

- Anh không tin, em không thể là vợ của thằng đó. Chao ôi! Nếu anh có một cô vợ như em, anh chết tan xác ngoài chiến trường cũng chẳng tiếc đời. Nhưng anh vẫn độc thân, không dám có vợ. Anh sợ vợ con thành quả phụ, cô nhi!

Nghĩ rằng ông là lính trận, anh hùng thực thụ nên tôi cũng tha thứ, không bực bội cái say sưa, số sãng của ông. Tôi tặng ông một huy chương danh dự:

- Tôi sẽ hãnh diện và không ngần ngại là quả phụ một chiến sĩ anh hùng.

Có lẽ ông Chuẩn Tướng cũng nhận ra tôi không là ca sĩ, vũ nữ hộp đêm vì tôi xưng “tôi” với ông. Qua sách vở, báo chí tôi thấy các cô thường xưng em với tất cả các chàng. Khi thấy tôi bị ông Tướng Thủy Quân Lục Chiến quấy rầy quá nhiều, Nguyễn đưa tôi về nhà. Chàng hẹn tối mai sẽ đến và mời tôi đi chơi đêm Tết Tây nữa, rồi lái xe đi với người bạn. Bao nhiêu năm nay Nguyễn về nhà chỉ để thăm con và gầy sụ. Nếu ly thân, ly dị, chàng sẽ về trong thân thiện và mời tôi đi chơi thoải mái như một người bạn cũ, không ai làm phiền ai cũng ấm lòng, nên tôi vui vẻ nhận lời. Nguyễn chưa có ai khác trong lúc này? Hay nếu có, cũng trở thành quen thuộc, Nguyễn đã chán người ta như chán vợ?!

Chiều hôm sau tôi đi làm tóc về, Nguyễn đã đến ngồi chờ. Tôi sửa soạn trang điểm thêm và mặc chiếc áo lụa Thái khác, màu vàng nữ trang, hoa in lớn. Chúng tôi lại đi đón người bạn của Nguyễn. Chàng nhắc chuyện ông Chuẩn Tướng. Sáng hôm đó, ông ta gọi cho Nguyễn và nói rằng

đêm hôm trước ông chẳng hề say. Ông tin tôi là vợ Nguyễn, nhưng muôn cảnh cáo, nên đã giả say, cho Nguyễn một bài học. Không nhiều thì ít, tôi cảm động vì sự chú ý của ông Trương về tôi và Nguyễn. Sự thuật lại của chàng cũng là một tạ lỗi gián tiếp. Chúng tôi lên phòng trà ca nhạc Bồng Lai ăn tối, rồi qua vũ trường Văn Cảnh. Nguyễn lại dìu tôi đi trong những bước Slow gằn gụi. Hai cánh tay vươn ôm vai Nguyễn, tôi buông mình trong vòng tay chàng xiết chặt cái eo gầy, áo sát. Có một lúc, tôi đã hỏi Nguyễn:

- Bữa nay anh phải đeo súng ứng chiến hay sao?

Nguyễn nhích xa người vợ ly thân, đắm đuối nhìn sâu vào mắt nàng. Chàng cười rộng, không trả lời và ôm nàng chặt hơn để nàng lại chạm vào súng. Tôi nghĩ đến cái súng lục nhỏ xinh xắn, trắng như bạc của Nguyễn mà một lần tôi đã giấu nó đi và dọa sẽ bắn tan xác bất cứ con tình nhân nào của chồng, nhưng sau khi nghe chàng cuống quýt thề thốt, năn nỉ tôi đã trả lại. Từ đấy, Nguyễn không dám đem súng về nhà. Tuy có bốn đứa con, ở khía cạnh nào đó Ngọc Dung vẫn rất ngây thơ, không biết người ta chỉ đeo súng bên hông, bên đùi..., chứ không giữa hai đùi. Chử khiêu vũ đã làm rất đầy đủ bổn phận với ý nghĩa gọi hình, gọi dục của nó.

Vũ trường mỗi lúc một đông. Khi tôi nhảy với người bạn, có nhiều cô ca sĩ hay vũ nữ tới nói chuyện với Nguyễn. Rồi chàng sang bàn phía xa hơn với các cô tíu tít vây quanh, thỉnh thoảng mắt dạn. Tôi chỉ còn nhảy hay ngồi với bạn chàng. Thấy vẻ buồn nản của tôi, ông ta đã tìm cách bào chữa cho Nguyễn. Chàng là nhà văn lớn, nhiều người ái mộ. Rồi Nguyễn không mời tôi nhảy nữa. Chàng khóps hay sợ cô nào mà không dám nhảy với bà vợ ly thân và sau đó đề nghị qua vũ trường khác. Tôi không vui cũng lặng lẽ theo. Lúc xuống thang, người bạn tháp tùng tôi đi trước và giữ tôi đứng đằng xa. Nguyễn chậm lại với lộ nhỏ các cô. Tôi không nghe họ nói chuyện. Dừng dằng rất lâu Nguyễn mới tới chỗ tôi

đứng. Tôi cảm thấy không được tiếp đãi, sẵn sóc lịch sự. Không người nào đi với bạn hay người yêu có thể vui vẻ chịu đựng được sự bị bỏ quên như thế. Huống chi trường hợp rất tế nhị của tôi và Nguyễn lúc đó. Chàng gượng gạo hỏi người vợ ly thân:

- Em muốn đi chơi đâu nữa?

Một câu hỏi vô nghĩa! Tôi đi là vì Nguyễn mời, tôi không đòi đi và cũng không biết đi chơi chỗ nào ở cái thành phố đã sống 13 năm mà như xa lạ này? Trong khi ấy chàng là một trong những con vạc của giới ăn chơi đêm. Tôi lạnh lùng:

- Em muốn đi về.

- Còn sớm mà. Mình đi chơi chỗ khác vui hơn.

- Hai anh đưa tôi về, rồi muốn đi chơi đâu thì đi. Tôi không thích đi nữa.

Nguyễn nổi cáu:

- Em thật kỳ cục! Nhăn nhó khó chịu quá!

Và, chàng quay sang bạn:

- Tôi đưa cậu tới nhà thằng... rồi đưa bà ấy về. Tôi sẽ trở lại gặp cậu ở đó.

Vừa bực bội bị bỏ lưng vừa xấu hổ bị gắt gỏng, tôi đã giận và nói một câu để ân hận suốt đời:

- Tôi không muốn về nhà nữa, đưa tôi tới đường Pasteur.

My Sương và hai người bạn Mỹ có một “party” ở nhà họ tới đó. Tôi đã nhận lời mời, nhưng sau lại từ chối để đi chơi với Nguyễn. Chàng gằn giọng:

- Tôi đưa cô về nhà, không đi đâu cả.

Nguyễn đưa người bạn tới một địa chỉ. Suốt dọc đường nghệt thờ còn lại, chúng tôi không nói một lời. Khi về tới nhà, tôi tưởng Nguyễn sẽ bỏ đi ngay. Nhưng chàng theo tôi vào nhà, đóng sầm cửa lại và sừng sộ:

- Đường Pasteur là địa chỉ đứn nào? Thằng nào?

Tôi ngạc nhiên, tưởng rằng Nguyễn đã chấp nhận ly thân, ly dị, chẳng quan tâm tới chuyện giao thiệp của tôi cũng như



tôi không hề hỏi về đời tư của chàng đã từ lâu lắm. Tôi không biết Nguyễn ở đâu, với bồ cũ, hay bồ mới và nghĩ rằng chàng cũng không có quyền gì hỏi về cuộc sống riêng tư của tôi nên không trả lời và định lên lầu thay đồ ngủ. Khi đi qua cái bàn viết mấy năm nay Nguyễn không dùng tới, tôi chợt thấy chùm chìa khóa cắm ở ngăn kéo độc nhất trong nhà. Buổi chiều vội đi làm tóc, lúc về vội sửa soạn đi ngay với Nguyễn tôi đã quên khóa và đem chìa theo. Trong ngăn kéo có xấp hình chụp tuần trước tôi cùng My Sương và hai người bạn Mỹ đi viếng chùa Thủ Đức mới xây cất, có tượng Phật cao lớn, vĩ đại. Tôi chẳng bao giờ đi đền chùa lễ lạy. Nhưng khi cuộc đời đã đến ngõ cùng tuyệt vọng, con người tìm mọi niềm tin để bám víu. Tôi đã thắp nhang cầu nguyện trước Phật đài...

Khi tôi cầm xấp hình định đem lên lầu thì Nguyễn bỗng chồm tới như một con hổ và cướp lấy. Tôi nghi rằng buổi chiều trước khi tôi đi làm tóc về, chàng đã xem những tấm ảnh mà trong đó một cái có tôi đang cầm nhang lễ Phật, bên cạnh người bạn Mỹ của My Sương. Một cuộc giành giật, vật lộn mà bà vợ đã không lấy lại được xấp hình oan nghiệt. Bà bị tra khảo, gán ghép bằng đủ mọi danh từ hạ cấp nhất và chỉ còn là quả bóng xẹp cho người cầu thủ thua trận tức giận đá, quăng, ném. Nhiều lần muốn chạy lên lầu khóa cửa, hay chạy ra ngoài đường, bà cũng không thoát nổi bàn tay cứng như sắt của ông chồng. Gần sáng, ông đã thấm mệt mới buông tha bà vợ xác xơ lên phòng. Nguyên Thủy lấp ló đầu cầu thang nhìn mẹ với đôi mắt nhón nhác, lạt tinh thần. Nàng quay mặt đi để con trai khỏi nhìn thấy bộ mặt tang thương. Cửa phòng cũng bị lấy mất khóa. Nằm yên nghe động tĩnh một lúc lâu, nàng rón rén mở cửa ban-công, trèo sang nhà hàng xóm đã thức và xin cho đi qua. Trời sắp sáng, nàng chạy chân đất ra đường đón xích lô máy tới nhà mẹ với thân thể tả tơi.

Tôi ở đó hai ngày, Nguyễn đến và lại đề nghị tôi trở về, hai bên bỏ qua tất cả mọi chuyện để hàn gắn lại cái gia đình đổ vỡ tan tành. Tôi đã ngây thơ, dại dột muốn thân thiện, hoà bình với chàng nên mới ra nông nỗi ấy. Nguyễn chỉ muốn giữ tôi như một vật sở hữu để giữ thể diện, thỏa mãn tự ái. Tôi ước mong một mái gia đình đầm ấm cho năm mẹ con tôi lắm! Nhưng tôi đã thử nhiều lần và biết rằng không thể làm được một mình. Tôi trở lại với Nguyễn để làm một người vợ hờ, một vú nuôi con cho chàng, để lại bị hành hạ? Cái quyền tối thượng của tôi đã bị chà đạp. Tôi không thể ngu xuẩn tin lời đường mật của Nguyễn nữa và ở lý bên mẹ, cương quyết không chịu về, nếu chàng còn ở nhà. Với tinh thần bất khuất ấy, tôi vẫn chỉ là giun đé nhỏ nhoi không thể tự bảo vệ, nên sợ bị giầy xéo mãi. Sau cùng Nguyễn đã trao cho tôi một lá thư dài, tự thú tất cả những điều tôi khai trong đơn xin ly hôn là đúng và hứa sẽ ký giấy tờ ly dị, lo cho mẹ con tôi đầy đủ. Chàng mời tôi trở về với đàn con đang cần mẹ và cam đoan rời khỏi nhà, không làm phiền tôi nữa.

Vâng, sau lần đụng độ kinh hoàng này, tôi không còn can đảm nhận thêm một lần thử thách với Nguyễn. Tôi có cảm tưởng như đã trải qua bầy đời chồng hải hùng, tui nhục. Cái luật ly thân không thể ngăn cản Nguyễn trở về. Tôi cũng chẳng tự bảo vệ được cái thân thể mong manh không sức mạnh. Tôi đi gặp luật sư, kể hết sự tình và yêu cầu xúc tiến việc ly dị nhanh chóng. Trước bộ mặt méo mó, thất thần của tôi, bà bật cười, ngạc nhiên về sự ghen tuông lạ lùng, vô lý và quá muộn màng của một ông chồng. Luật sư nguyên cáo đã lấy cái thư tự thú và xin lỗi của bị cáo làm bằng chứng kết thúc vụ ly dị.

Tết Mậu Thân năm 1968, Cộng Quân tấn công, đánh úp Sài Gòn. Bom rơi, đạn rớt toí bời. Lửa cháy, nhà sập, người chết, bị thương, thê thảm. Tang tóc một bầu trời thủ đô. Sau những ngày giới nghiêm 24 giờ ấy, một buổi trưa Nguyễn

cùng hai cộng sự viên, trong đó có nhạc sĩ Nhật Bằng, đến thăm mẹ con tôi. Nhật Bằng là em con dì con già với anh chị cùng cha khác mẹ của tôi, anh Khánh, chị Kim, chị Nguyệt. Nhật Bằng có nhiều bản nhạc mà tôi rất thích hát và thuộc lòng như “Sau Lũy Tre Xanh, Thuyền Trăng, Bóng Chiều Tà”...

Tuy bất ngờ, tôi cũng sai người làm vội vàng đi mua thêm rau, đậu, giò chả về làm cơm canh cà tiếp họ một cách bình thường. Không ai biết tôi và Nguyễn đã qua hai thời kỳ ly thân hòa giải thất bại và một lần xâu xé toi bời cách đó một tháng. Những năm qua, mang danh là chồng tôi, Nguyễn vẫn chỉ ghé về nhà như hôm ấy. Sau khi lo bữa cho chàng và khách, tôi lên lầu nằm đọc sách. Một lúc sau, Nguyễn cũng lên theo và ngồi xuống cuối giường của tôi:

- Mấy bữa qua em và các con có sợ không?

Bỏ tờ báo, tôi ngồi nhòm dậy như bị điện giật, hai chân thả xuống sàn gạch hoa và thủ thết:

- Sợ chứ. Đêm ấy mấy mẹ con và chị Năm chui gầm cầu thang nằm cho đến sáng. Các cô cậu không được ra khỏi nhà. Bên nội được bình yên chứ?

- Bình yên cả. Còn bên ngoại ra sao?

- Cũng may mắn không ai gặp chuyện gì.

Nguyễn xích lại gần tôi:

- Cho anh ở lại nghỉ trưa nhé?

Hình như có nam châm khác cực gắn trên người tôi và Nguyễn. Tôi vẫn bị thu hút và cảm thấy gần gũi với chàng. “Phải giữ vững tinh thần, đừng roi trở lại cạm bẫy công gai.” Tôi thăm nhủ vậy và làm bộ ngạc nhiên:

- Anh cần thì cứ nghỉ. Nhưng để bạn anh chờ dưới nhà sao?

- Kệ chúng nó.

- Đâu có được, để em xuống nhà tiếp chuyện họ cho anh nằm nghỉ.

Nói rồi, tôi đứng lên định đi về phía cầu thang. Nguyễn nắm tay tôi kéo lại:

- Em không còn thương anh nữa sao?

Mềm người như lần đầu tiên được chàng chạm tới da thịt, thưa vâng, tôi vẫn xúc động trong tâm tay của chàng. Tình thương không nguôi cho người chồng ly thân vẫn đầy ắp con tim. Lòng tôi se thắt. “Có lúc nào đâu, em hết thương anh! Em dứt khoát và từ chối anh, vì biết rằng anh không thể cho em một tình yêu chân thành mà em rất cần như không khí để thở, để sống.” Tôi cố gắng chế ngự lòng mình. Thà xa nhau trong yêu thương, còn hơn có nhau trong đau khổ, thù hận. Lùi lại, tôi cười buồn:

- Anh đã hỏi em câu đó và nghe trả lời biết bao nhiêu lần rồi? Bây giờ,... xin cho em... không phải nhắc lại.

Nguyễn khổ sở:

- Em vẫn bướng bỉnh như bao giờ! Chúng mình bỏ qua hết chuyện cũ và lập lại cuộc đời với nhau, với các con. Em không thương các con sao?

”Bây giờ anh mới biết có người vợ bướng bỉnh nhưng đã lụy anh đến tận cùng tình nghĩa rồi. Tình yêu ở em cao quý, trong sạch lắm, không có nghĩa lang chạ. Nếu anh cần một người đàn bà để nuôi con, em vẫn thương yêu và nuôi chúng. Anh vẫn có thể về thăm chúng bất cứ lúc nào miễn là đừng hành hạ mẹ chúng. Anh đã đề nghị, hứa hẹn bao lần. Nhưng chỉ có em là người thi hành. Em đã tha thứ và cho anh nhiều cơ hội hàn gắn gia đình. Anh đã coi thường tất cả. Giờ thì đã muộn. Một bình pha lê vỡ tan tành, không thể hàn gắn lại được. Một tờ giấy trắng tinh còn bị vò nát vứt đi và đá lăn lóc. Thân phận tờ giấy đã có nếp gấp sẽ ra sao? Em đã quyết định ra khỏi cuộc đời anh. Khi người đàn bà đã bước đi, sẽ không quay trở lại! Mình đã thực sự mất nhau rồi!” Muốn thổ lộ với Nguyễn nhiều lắm, nhưng để ngăn nước mắt, tôi nói ngắn gọn:

- Anh đừng nghĩ em không thương các con. Chúng là tất cả của em bây giờ. Chúng mình đã thử bao nhiêu lần đau đớn, ê chề rồi. Đừng làm em khổ nữa, cho em yên thân.

Nguyễn nhìn tôi và thốt ra một câu, tôi phải mất mấy giây mới hiểu chàng muốn nói gì:

- Em vẫn đi với nó hả? Em cần tiền lắm sao?

Nếu như mấy năm về trước, tôi đã tức giận la khóc vì bị vu khống, bị sỉ nhục. Nhưng hôm ấy, lòng tê dại và quá thất vọng về ý tưởng của người đối diện, tôi chặn giữ một tiếng nấc tức tưởi. Nguyễn vừa tự chặt ngắn tâm tay với tới người vợ cũ. Một lần nữa, tôi không lường lự, không hối hận việc ly dị. Nguyễn đã ở trong một thế giới thật xa lạ và với loại người chỉ sống vì danh vọng, tiền tài, xác thịt. Nguyễn không thể hiểu được tâm hồn Nguyễn Thị Ngọc Dung, dù rằng chàng đã viết hơn 30 cuốn tiểu thuyết tâm lý, tình cảm, hơn 20 phóng sự trào phúng, xã hội. Tôi chán nản lắc đầu nhìn Nguyễn:

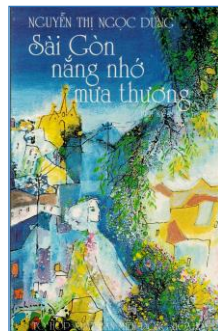
- Em không cần tiền. Em cần tình thương yêu lắm. Anh chẳng bao giờ hiểu được em!

Thấm vội nước mắt, tôi đi nhanh xuống nhà. Nguyễn đứng lại một lúc và xuống theo. Chúng tôi ngồi vào bàn tiếp bạn chàng như không hề có chuyện gì xảy ra.

Đó là lần cuối cùng Nguyễn đến thăm các con và tôi. Một năm sau, thủ tục ly hôn kết thúc, tôi vẫn chơi vui đi tìm quên lãng. Đôi khi một lời ca, một tiếng hát đã gợi nhớ thật nhiều vòng tay say đắm, khít khao lần đầu tiên Nguyễn dìu tôi đi theo điệu nhạc dật dìu trong quán xưa bên xa lộ lung linh ánh hỏa châu, một thời quê hương ly loạn và loạn ly phần đời tôi ngày ấy. Tâm hồn vẫn nhúc buốt, xót xa, tại sao đó không phải là vòng tay vĩnh biệt nhau trong thương yêu, cao thượng?! Nguyễn còn gặp lại tôi sau đây làm chi cho thêm phũ phàng, cay đắng?!

Về phần Nguyễn, chàng đã bỏ ngang tất cả mọi sáng tác trong bốn năm liền, chỉ viết theo nhiệm vụ sở. Các ông chủ báo và bạn thân đã trợ giúp tài chánh cho Nguyễn trong thời gian ngưng bút ấy. Cái đêm ghen tuông kinh hoàng kia đã kéo đổ, kiệt quệ tinh thần chàng. Nguyễn cứ tưởng sẽ khóa chốt tôi trong cửa tim, tháp ngà trọn đời và sẽ hiên ngang đứng trên nền móng tình yêu của tôi mãi mãi. Song, tình yêu được đền bù thì rất mạnh mẽ, có thể vượt qua tất cả những khó khăn, thử thách. Tình yêu chỉ bị rút tĩa, không được bồi đắp, lại rất mong manh, sụp đổ mau chóng như lâu đài xây trên bãi cát. Không tình yêu, tôi đã gục ngã thê thảm, Nguyễn cũng không đứng vững. Tôi không hề có ý định trả thù, làm chàng đau khổ. Nhưng việc làm nào cũng có hậu quả riêng của nó. Và, định mệnh an bài, có sự khổ đau ấy Nguyễn mới thấm hiểu được những thương tích quặn quại tôi đã trải qua một thời là vợ chàng.

Nguyễn đã giữ trọn vẹn trái tim tôi từ thuở nào. Tôi đã mất bao năm dài đòi lại từng miếng vụn vỡ để hàn gắn đời mình. Nếu còn mảnh nào đó chưa được trả, xin gửi theo lời cầu chúc bình yên, hạnh phúc về người xưa...



Bìa tác phẩm “Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương”  
xuất bản lần thứ nhất.



Bố mẹ trên hành lang cư xá trước cửa nhà.



Cậu Út Khoa



Anh Khánh trước Đền thờ Hùng Vương, Sở Thú.



NV Nguyễn, Anh Uẩn, Bà Nội, anh Châu, Anh Khánh.





Ông bà ngoại với gia đình chị Kim và anh Phúc.



Ông bà ngoại với gia đình chị Nguyệt và anh Uẩn.



Từ trái : Chị Tâm, Nguyệt Ánh, chị Nguyệt, Thê Tần,  
chị Phương (cô dâu), chị Kim, Hồn Hảo, Kim Bảo.



Từ trái: Ngọc Dung, Minh Nguyệt, Song Hà, Minh Phương,  
Tường Vân (cô dâu), Minh Kim, Minh Tâm. Các cháu Phương  
Mai, Mimi, Nguyệt Hạnh, Nguyệt Ánh. Mẹ ngồi đằng sau.

## VĂN CHƯƠNG LÃNG MẠN

**H**ai mươi tám mùa xuân qua đi trên mái tóc, tôi chỉ có một sự nghiệp đáng kể nhất, bốn đứa con thơ dại và cuộc sống ly thân, lo âu, sầu thảm. Hai bàn tay trắng, tôi sống bằng trợ cấp của người chồng mà tôi cương quyết tiến tới ly hôn. Tôi cần có việc làm để tự lập, tự tin. Nhưng bằng cấp chỉ vón vụn ba cái vỏ chuối của ba lần thi trượt Tú Tài I, tôi làm được nghề gì thời buổi ấy?!

Thực ra cách đây gần hai năm, trong khi ông chồng thường trực cắm trại một trăm phần trăm với tình nhân, tôi đã nhìn thấy con đường độc hành xa tắp, phải lo nuôi thân. Tôi nhờ người xin hộ việc dạy trẻ nhỏ tại một tư thục tiểu học, nhưng bị từ chối vì không kinh nghiệm, không tu nghiệp sư phạm. Tôi đi học đánh máy chữ Việt. Khi biết lương thư ký quèn công tư sở chẳng được bao nhiêu, những ông chủ mắc dịch chỉ thích mướn con gái mười tám, đôi mươi, trẻ trung, hấp dẫn, tôi chuyển sang học đánh máy chữ Anh. Tuy nhiên, cái vốn sinh ngữ bảy năm trung học đã han rỉ, tôi chỉ xin được việc khiêm nhường tại một cơ quan Quân Đội Hoa Kỳ trong Phi Trường Tân Sơn Nhất. Nhưng, vừa đi làm hai chục ngày, ông chồng dọa sẽ ly dị nếu còn tiếp tục làm sở Mỹ, bà vợ trẻ khờ ngốc vội vàng xin nghỉ...

Lần này, chính tôi đòi ly hôn và đã được ly thân. Tôi không còn sợ hãi lời đe dọa kia, ý định đi làm càng mạnh mẽ. Tôi phải nghiêm chỉnh sửa soạn trau dồi khả năng mới hy vọng kiếm được việc khá hơn trước. Tôi học lại đánh máy chữ Anh. Và, dù đã qua mấy lớp đàm thoại tại trường Anh văn Nguyễn Thế Thông, tôi vẫn lúng túng, quên hết chữ nghĩa khi ông thầy ngoại quốc hỏi tới. Tôi cần có dịp thực hành và bạo dạn nhiều hơn nếu không muốn bị chê không biết tiếng Mỹ cũng đòi làm sỏ Mỹ như ông chồng ly thân đã từng mỉa mai tôi!

Tôi nghĩ đến My Sương, cô bạn quen trong thời gian làm việc tại cơ quan Quân Đội Hoa Kỳ trước đây. Ngoài Sương ra còn bạn nào nữa đây? Từ ngày rời ghế nhà trường, có chồng, bận rộn sinh con, nuôi con, tôi không liên lạc với bạn cũ. Mỗi người mỗi hoàn cảnh, nếp sống riêng. Khi người ta buồn, không muốn nhìn hạnh phúc của người khác. Chỉ còn cô bạn thân, Kim Dung, hoa khôi Trường Luật thường đến thăm tôi thì đã đi du học Úc, lấy chồng Nam Dương và về sống tại Jakarta. Người đẹp hiền ngoan, dịu dàng, đảm thắm ấy đã làm cho biết bao trái tim rơi rụng dưới khung trời đại học Luật và trên con đường Duy Tân cây dài bóng mát... Kim Dung và Ngọc Dung vẫn tiếp tục thư từ cho nhau theo cuộc đời.

My Sương còn độc thân, tuổi chừng trên dưới hai mươi. Hình như không người nữ nào trong sở cũ của tôi ưa nàng. Sương cũng chẳng thích ai. Ngày tôi nghỉ sở đó, nàng lấy địa chỉ tôi. Có lẽ biết ông chồng ghét phụ nữ làm sỏ Mỹ, nên Sương không liên lạc với bà vợ. Bỗng nhiên gần đây, tôi nhận được thư của Sương. Nàng đã đổi sở mới, JUSPAO, cơ quan thông tin Hoa Kỳ bên cạnh rạp chiếu bóng Rex. Tôi hồi âm, cho biết tình trạng gia đình và mời nàng đến chơi. Khi My Sương tới, tôi nhờ nàng giới thiệu với bạn Mỹ đứng đắn

để thực tập Anh ngữ cho tương lai tìm việc. Vài ngày sau cô bạn vui vẻ trở lại:

- Sương đã kiếm cho chị một người. Hắn đang làm Tòa Đại Sứ Mỹ.

Hốt hoảng, tôi xua tay:

- Thôi, thôi! Nghe to quá. Kiếm ông nào thường thường, giản dị, dễ nói chuyện.

Sương khuyến khích:

- Thường thường thì chỉ có GI, Sương không biết tên nào, mà chị có dám làm quen họ không?

Tôi thở dài:

- Thật ra, chẳng dám làm quen ai!

Cô bạn an ủi tôi:

- Chị đừng sợ. Em nói thật, em có một ông bồ Mỹ rất lịch sự, hiểu biết, làm tại JUSPAO...

Tôi vui mừng:

- Sương giới thiệu ông ấy làm thầy tôi là được rồi. Khi nào Sương gặp ông ta, cho tôi đi cùng, ghé nói chuyện vài câu, tập bạo dạn cho quen. Cam đoan không làm phiền.

- Em hiểu chị, em đâu có ngại. Nếu chị gặp George, ông bồ em, chị sẽ gặp Robert. Vì hai người cùng ở một nhà, có một đầu bếp và ăn chung với nhau. Em đã nói với họ mời chị dùng cơm tối Thứ Sáu này. Robert vui tính, hiền lành, chẳng bao giờ có bồ bịch. Em và George sẽ đem xe đến đón chị.

Gần một tuần lễ tôi băn khoăn, lo ngại. Sương là bồ của chàng George. Nếu tôi tới, họ có thể nghĩ tôi muốn bắt bồ với chàng Robert. Thiếu gì đàn bà con gái Việt Nam làm quen người Mỹ để buôn bán chợ đen, đô la xanh, đô la đỏ, làm tình, làm tiền hay tìm cơ hội đi Mỹ. Và lại, tôi sẽ run sợ lắm khi đứng trước mấy người ngoại quốc kia, vốn liếng Anh văn lại bay hết, chẳng nói được. Mặc cỡ chết mất. Sương và George tới đây, hàng xóm sẽ để ý, dị nghị!

Nạn gái bán “bar” cũng lan tràn mạnh với số Quân Đội Mỹ phục vụ trong chiến tranh Việt Nam lên tới nửa triệu và trên một triệu luân phiên đến, đi mỗi năm. Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa vẫn can đảm, anh dũng chiến đấu để bảo vệ phần đất dưới vĩ tuyến 17 trước xâm lăng nguy ngập của Cộng Sản. Không Quân Mỹ, Việt thả bom ráo riết miền Bắc vẫn không ngăn chặn được giặc di chuyển bộ đội, quân nhu, súng đạn trên đường mòn Hồ Chí Minh và tràn lan như vết dầu loang. Cộng Sản Bắc Việt quyết tâm chiếm miền Nam bằng bất cứ giá nào, dù phải đổi hằng triệu sinh linh.

Trong đất nước dầu sôi lửa bỏng của thời cuộc và thành phố Sài Gòn mà quán rượu cho lính Mỹ mọc lên như cỏ dại, tôi hoang mang, lóng ngóng với cuộc sống bấp bênh.

Sáng thứ sáu đó, tôi gọi điện thoại vào sở My Sương để từ chối. Nhưng nghe nàng thuyết phục, tôi lại nhận lời. Cả một buổi chiều suy tư miên man. Thực ra, tôi không ngăn kẻ nào trên cõi đời này bằng e ngại cái vốn Anh văn từ chương đã bỏ quên lâu ngày và cảm nghĩ có thể không tốt của hai người ngoại quốc đó về tôi. Tôi đã thềm đi học Hội Việt Mỹ từ thuở còn là nữ sinh trường Trưng Vương và chưa bao giờ thực hiện được. Nghe người ta nói tiếng Anh líu lo, âm hưởng lãng mạn làm sao! Nay cơ hội đến và rất cần thiết cho tương lai tìm việc. Nghĩ tới những năm tháng cô đơn, buồn nản, ngày cuối tuần thiên hạ đi chơi nhộn nhịp ngoài đường phố, tôi quyết định sẽ đi gặp My Sương nói chuyện cho qua thời giờ trống vắng.

Buổi chiều đó, sau khi cùng người giúp việc lo bữa cơm cho các con xong, tôi trang điểm rất nhẹ và chọn mặc cái áo dài màu xanh tươi tắn, quần trắng trang nhã. Ngoài ý định tập nói tiếng Anh, tôi không muốn người ta có ý tưởng đen tối. Tôi ra đầu ngõ đón taxi đến đường Pasteur và hỏi hộp đến ngõ thờ khi bấm chuông căn nhà trong cư xá ba tầng.

Một bà làm công ra mở cửa, theo sau là My Sương. Tôi bước vào phòng khách. Hai ông chủ nhà đang ngồi ghé bàn cùng đứng lên. Sương giới thiệu George và Robert với tôi. Cả hai tiến tới bắt tay chào khách. My Sương nói đúng, họ có vẻ lịch sự, niềm nở. George tầm thước, tóc nâu sậm. Robert cao hơn, tóc nâu nhạt. Ít nhất bề ngoài của họ làm tôi bớt lo ngại.

Khi ngồi vào bàn ăn, tôi ngạc nhiên thấy hai người Mỹ thành thạo cuốn rau diếp quanh chảo giò với đủ loại ngò, thơm, rập cá và chấm nước mắm dấm ớt tỏi, ăn một cách ngon lành. Họ cầm đũa gấp thức ăn dễ dàng và có vẻ rất hãnh diện về điều đó. Buổi gặp gỡ đầu tiên ấy, lẽ dĩ nhiên tôi quá lúng túng, đối đáp rất ít. My Sương dịch và nói gần hết hộ tôi. Giọng nói nuốt vụn, đặc biệt Chicago của Robert và New York của George, thật hoàn toàn xa lạ với giọng các giáo sư Việt Nam tôi học từ trước đến nay. Gần như chẳng hiểu được câu nào nghe lần thứ nhất, tôi phải luôn luôn yêu cầu họ nói chậm hay nhắc lại. Mắc cỡ, thất vọng mênh mông, tôi sẽ còn phải tập nói, tập nghe thật nhiều mới có hy vọng kiếm được việc.

Sau bữa cơm tối, George, Robert và My Sương đưa tôi về. Hai cô bạn ngồi băng xe sau. Họ đều sốt sắng muốn gặp lại tôi vào tối thứ sáu tới. Nhưng chán nản với tiếng Anh kém cỏi của mình, tôi lưỡng lự, hẹn sẽ trả lời My Sương vào một ngày giữa tuần. Xe đến ngã tư Phú Nhuận, để tránh sự nhòm ngó của người trong xóm, tôi yêu cầu họ cho xuống ngoài đầu ngõ và đi bộ về nhà. Một tuần qua, cô bạn không nghe tôi điện thoại nên đến thăm và cho biết:

- George và Robert đều khen chị “nice and pretty” và nói rất hân hạnh được quen chị.

Tôi vẫn thắc mắc:

- Có thật họ nghĩ tôi đang hoang không?

- Tuy là ngoại quốc, nhưng sau một thời gian sống tại đây họ đã nhận ra sự khác biệt ở từng người. Em cho họ biết

chị chỉ muốn thực hành tiếng Mỹ để đi kiếm việc. Có điều em nói rằng chị đã ly dị xong rồi.

- Khi ông chồng nhận được trát tòa về vụ ly hôn, hẳn phải hiểu, tôi không còn muốn là vợ hẳn nữa. Tôi đã tự coi như độc thân và cho phép mình làm tất cả những gì muốn làm. Huống chi, sau khi ra tòa hòa giải, hẳn có về rồi lại bỏ đi hai tháng nay. Hẳn đã bằng lòng ly dị!

- Thứ Bảy này, em đến George làm cơm. Chị tới chơi nhé. Thường hai chàng chỉ quanh quẩn ở nhà những ngày nghỉ.

Sau vài giây do dự, tôi trả lời:

- Được, có Sương tôi đỡ khóp.

Sau khi cô bạn về, tôi soạn ngay những câu muốn nói chuyện với George và Robert. Tờ giấy luôn nằm trên tay, tôi lẩm bẩm đọc đi, đọc lại từng chữ, nghiền ngẫm học thuộc lòng từng câu như niệm thần chú. Tôi cảm thấy phần khởi vừa kiếm được việc tiêu khiển thời giờ bổ ích, thích thú. Tôi đem theo bài soạn trong ví và lấy nó ra ôn lại trong taxi trên đường đi gặp họ. Kết quả, lần thứ hai đến cư xá kia, tôi đỡ vụng về, bớt hồi hộp hơn và bắt đầu vài câu hỏi. Cái khó là nghe chứ không phải nói. Nếu hiểu câu hỏi, tôi trả lời được dễ dàng. Dù tôi nói sai giọng bét be, xem ra hai chàng Mỹ cũng có vẻ hiểu. Tôi vui mừng họ đều nói được ngôn ngữ của ông Tổng Thống Tây đương thời Pompidou. Nên đôi khi tôi dùng tiếng Pháp, nếu bí tiếng Anh. Những cuộc đối thoại trở nên dễ dàng, cởi mở hơn. My Sương thích ăn ngon và nấu ăn cũng khéo. Nàng hay trở tài làm những món đặc biệt. Tuy nhiên, họ vẫn muốn mời khách chiêu ngày thường khi có bà bếp.

Dần dần, sau những bữa cơm tối, My Sương và George không ngồi với Robert và tôi nữa. Cặp tình nhân rút vào phòng ngủ. Lần đầu tiên tôi còn ngưng ngưng, sau rồi cũng quen một mình đối diện Robert. Muốn về sớm nhưng tôi không dám để Robert đưa hay ra đón taxi ngoài đường. Tôi



vẫn phải đợi cả cô bạn, George và Robert đi cùng, thật phiền phức nhưng họ vẫn không quản ngại. Robert sắp hết nhiệm kỳ tại Sài Gòn, tôi lại càng muốn tranh thủ thời gian gặp thầy trước khi ông về nước vài tháng nữa. Tôi sẽ phải đi tìm việc làm, không thể ngồi ôm mối hoang mang mãi được. Đôi khi tôi cười thầm, một người đàn bà Việt Nam nhỏ thó, nhút nhát, nói một câu tiếng Anh không thông mà dám làm quen với nhà ngoại giao Mỹ đẹp trai như tài tử màn ảnh. Tôi đoán tuổi Robert dưới 40. Sau này, liệu tôi có tìm được người lịch sự như thế để tập nói tiếng Mỹ không? Thế rồi, buổi đàm thoại được chuyển sang du ngoạn quanh vùng ngoại ô, Bình Hòa, Thủ Đức, Biên Hòa. Phiền muộn hình như được rút ngắn lại. Tôi náo nức chờ đợi những ngày đi gặp Suong, George và Robert.

Một buổi tối, tôi tới đường Pasteur, My Suong và George không có đây. Sau khi dùng cơm tối với Robert, tôi đi quanh phòng khách vẫn vương ngấm từng bức tranh trang trí treo trên tường và dừng lại ở một kệ sách lựa thưa, ngả nghiêng sách Anh, Pháp văn cũ, vàng màu thời gian. Một hàng chữ hiện ra trước mắt, *Littérature Française*, tôi vội với tay lấy cuốn sách xuống. Bìa sách xanh nhạt, chữ xanh xẫm rất quen thuộc và to như vở học trò nhưng dày hơn nhiều. Tôi lật từng trang, mừng rỡ gặp lại những bài thơ và nhiều đoạn trích dẫn của văn phái lãng mạn Pháp mà tôi đã học thuộc nư sinh thần thơ, mơ mộng ngày nào. Đúng là sách của ban sinh ngữ trung học. Tôi đem nó ra ghé bàn dài ngồi xem, nâng niu như kỷ niệm của mình.

Robert đặt một tách trà bốc khói trên bàn thấp trước mặt tôi. Phòng máy lạnh nên tôi thường đòi uống nước thật nóng. Người đàn bà trẻ không biết rằng nàng đang cần một vòng tay sưởi ấm. Robert ngồi xuống bên cạnh. Tôi thích thú đọc hết trang này qua trang khác. Muốn tỏ ra “thông thái,” tôi

dịch nhiều đoạn sang tiếng Anh và đòi Robert đọc, dịch để thử tài nhà ngoại giao. Đây “Le Lac” của Lamartine, “La nuit de Mai” của Musset! Đây “Il Pleure Dans Mon Coeur”, “Chanson D'Automne” của Verlaine! Đây “Le Vase Brisé” của Sully Prudhomme!... Cô, cậu học sinh ban văn chương nào mà không say mê những bài thơ thôn thức, nước nở ấy? Thuở học trò mơ theo trăng và vợ vẫn cùng mây bồi hồi trở về. Tôi hỏi Robert:

- Sách của ông hả?
- Không. Quyển này có ở đây từ trước khi tôi tới.
- Ông biết nhiều văn học Pháp không?
- Trái lại. Tôi chỉ biết văn học Mỹ và Anh.

Tôi tâm tình:

- Chúng tôi đã phải học quyển sách này và một chút về văn chương Anh. Nhưng văn chương Hoa Kỳ thì không. Tôi biết vài tác giả Mỹ như Ernest Hemingway vì được xem phim *The Sun Also Rises* và *A Farewell To Arms*, Tennessee Williams qua phim *A Street Car Named Desire*, Margaret Mitchell với tác phẩm độc nhất của bà được thực hiện thành phim *Gone With The Wind*. Đúng không ông?

Robert không nói gì, chỉ nhìn tôi với ánh mắt khờ dại lạ thường. Tôi chợt nhận thấy đang ngồi quá sát ông ta. Nước trà nóng tôi không uống nên đã dựa hơi ấm người bên cạnh từ lúc nào. Quyển sách định mệnh đặt trên đùi “thầy, trò.” Mấy ngón tay tôi đang táy máy, ve vuốt những sợi lông xoắn hung hung nâu trên cánh tay “ông thầy”. Cử chỉ này không khác thói quen của cậu con út hơn ba tuổi có cái tật thích vôn vôn tóc bà mẹ trẻ khi ngồi trên lòng nàng. Tôi giật mình rút tay lại và ôm mặt:

- Xin lỗi. Tôi không để ý tôi đang làm gì.

Robert thông thả để quyển sách xuống bàn và nhẹ nhàng cầm bàn tay tôi đưa lên môi hôn:

- Đừng xấu hổ. Tôi biết cô là người đàn bà lịch sự. Tại vì chúng ta thân nhau rồi đó thôi.

Phòng vắng vẻ. Mỵ Sương và George vẫn chưa về. Bà bếp lo cơm tối, dọn dẹp xong, đã về gian nhà dành riêng cho người giúp việc trong cư xá.

- Tôi phải về.

Nói rồi, tôi với tay lấy cái ví, đứng vụt dậy và đi nhanh ra phía cửa. Nhưng chợt đứng khựng lại, tôi không dám để Robert đưa về một mình và cũng không thể ra đón “taxi” hay xích-lô trong khu vực vắng vẻ, đêm tối này. Biết làm sao bây giờ? Tôi lo lắng bồn thần nhìn cánh cửa ra vào khóa kín. Robert đi lại, nhẹ ôm vai tôi. Vòng tay ấy đã từ từ thu hẹp lại và giữ thật lâu. Tôi không phản đối và cảm thấy những nụ hôn ấm nóng trên tóc, trên trán, trên môi...

Chuyện xảy ra nhẹ nhàng, tự nhiên. Một người đàn ông, một người đàn bà cô đơn tìm tới an ủi, đem nguồn vui đến cho nhau. Nàng không còn e sợ, tránh né nữa. Trong sa mạc khát khô, tuyệt vọng, kẻ độc hành đã gặp một ốc đảo xanh bóng cây để ẩn núp, nghỉ chân. Trên con đường dài gay gắt nắng làm lại cuộc đời, nàng đã tìm được một ly nước mát ngọt. Ông chồng nàng sẽ chỉ đợi chờ chuyện ấy, sống thoải mái với tình nhân, phải tay không thắc mắc, không ân hận: “Nó đã rơi vào con đường mình đi. Nó không thể oán trách mình được nữa...”

Nhưng cuộc đời chỉ giản dị với những tâm hồn mộc mạc, đơn thuần và không bao giờ hết ngạc nhiên. Lần hòa giải thứ hai bất thành, luật sư đại diện hai bên, nguyên cáo và bị cáo không phải có mặt tại tòa. Trước Tết Dương lịch năm ấy, bỗng dưng người chồng ly thân xuất hiện và khám phá chuyện có bồ Mỹ của vợ. Ông đã cương một trận lôi đình, thịnh nộ bằng tất cả khả năng văn, võ kiêm toàn. Thì ra đó là một sĩ nhục lớn nhất cho đàn ông Việt Nam thời đại. Không

có ý “ông ăn chả, bà ăn nem,” nhưng định mệnh đã đưa đẩy người đàn bà cô đơn đi lạc hướng ông chồng dự đoán. Thế rồi ông lại muốn thương thuyết, giảng hòa, đề nghị xóa bỏ những đau đớn, ê chề để hàn gắn gia đình. Song, chuyện đã đến giai đoạn quá bi đát. Thân gầy bảnh giá không khả năng tự vệ, nhân quyền, nhân phẩm bị chà đạp, niềm tin tưởng hoàn toàn mất, bà vợ không còn đủ sức tiếp tục đi trên con đường mòn mỏi mà ông chồng cũ muốn vẽ ra cho nàng.

Tôi gặp luật sư và yêu cầu bà xúc tiến vụ ly dị mau chóng. Đồng thời tôi cũng ngưng gặp gỡ Robert, sợ ông bị liên lụy, có thể hại đến sự nghiệp trong con bão rút sau khi đã tàn phá một thuở tôi thanh xuân. Cũng có người trách Mỹ Sương dụ dỗ tôi bỏ với Mỹ. Nhưng nếu không nhờ nàng, tôi cũng hỏi người khác. Biết đâu tôi gặp phường thô bỉ. Robert cho tôi cái cảm giác tôi vẫn là viên ngọc quý, là bông hoa xinh đẹp.

**M**ột tháng không gặp bạn, trưa 30 Tết, cũng là ngày 30 tháng 1, 1968 dương lịch, tôi đến đường Pasteur dùng bữa trưa với Mỹ Sương, George và Robert. Đây là lần đầu tiên tôi gặp lại họ kể từ vụ Nguyễn về ghen tuông, làm dữ. Lo sợ họ bị nguy hiểm vì những lời đe dọa, nên tôi chỉ liên lạc bằng điện thoại với Mỹ Sương. Hôm đó, tôi chưa đi hết thang, Robert đã ra mở cửa. Nhà ngoại giao ôm chầm người bạn gái rất lâu, không nói được một lời. Robert đã đứng hàng giờ bên cửa sổ nhìn xuống dòng xe cộ một chiều chạy từ hướng Tân Định đổ về Dinh Độc Lập và chờ đợi, không hy vọng lắm xe nào sẽ ngừng lại. Cuối cùng, một “taxi” đã tấp vào lề đường và bước ra người thiếu phụ Việt Nam mong manh trong chiếc áo dài nội hóa màu xanh dương, quần đen, tóc ngắn ôm cổ. Khi ôm nàng trong vòng tay, Robert thầm cảm ơn Thượng Đế cho chàng nhìn thấy nàng toàn vẹn. Hơn

một tháng Robert đã sống trong khắc khoải, lo âu cho người đàn bà đã bị phiền lụy vì chàng. Khi qua cơn xúc động, Robert nắm tay tôi dắt vào ngồi ghé phòng khách. Đôi mắt xanh trong long lanh, chàng nghẹn ngào:

- Tôi rất ân hận và xin lỗi tất cả những chuyện đã xảy tới cho cô. Tôi có thể làm được gì để giúp cô không?

Tôi cười buồn:

- Chúng ta chẳng có tội lỗi gì cả. Chuyện xảy ra rất vô lý, nhưng đã êm. Cha của các con tôi biết đã hoàn toàn mất tôi. Hẳn phải hiểu và nghĩ lại. Tôi để cho hẳn tự do, muốn làm gì thì làm từ lâu lắm rồi. Hẳn không thể hạ mình đối xử tiểu nhân với tôi. Trong một lúc tự ái bị va chạm, hẳn ích kỷ ghen tuông ầm ĩ chứ chẳng thương tiếc gì tôi. Nếu ông sợ hẳn, tôi sẽ không tới gặp ông nữa.

- Nếu cô chẳng sợ, tôi cũng không!

Sau bữa cơm trưa, George, Robert đưa Mỹ Sương và tôi đi chợ hoa Gia Định. Chúng tôi thả bộ quanh Lăng Lê Văn Duyệt. Trời âm u, gió nhẹ nhẹ. Hoa quả năm nay hình như được chở từ các miệt tỉnh về Sài Gòn nhiều hơn mọi năm. Ông Thiệu ra lệnh ngưng bán 36 giờ, cho quân đội xả trại 50% và Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa ủng hộ về Mỹ Tho quê vợ đón xuân, xem hoa mai vàng nở. Người ta mua sắm, ăn mừng Tết to lắm. Vậy mà hoa cây, hoa cành vẫn còn ê hề đầy chợ. Dân buôn hoa quá lố? Số hoa bày bán nhiều hơn số hoa được người mua? Tuy không vui gì, tôi vẫn giữ phong tục Tết và đã mua một chậu quất, một chậu thược dược từ mấy ngày trước nên không cần gì thêm. Sương mua một bó lay-ơn đỏ, hai chậu cúc vàng cho nhà George và Robert. Sau đó ba người đưa tôi về.

Con tôi đang đợi mẹ đưa sang ăn tất niên bên ngoại. Chẳng chịu mất một giây, chúng kéo ngay tôi ra đường gọi xích-lô. Con, cháu đều có mặt đông đủ tại nhà bà ngoại. Gia đình chị Kim, anh Phúc 11 người. Gia đình anh chị Khánh

hiếm hoi có ba người. Gia đình chị Nguyệt, anh Uẩn 13 người. Gia đình chị Tâm, anh Lân bảy người. Gia đình chị Phương, anh Châu sáu người. Gia đình tôi, một mẹ bốn con. Cô Vân đã đậu cử nhân Luật, đi làm và sắp cưới. Cô Hà đang học Đại học. Cậu Khoa sắp thi Tú Tài II. Năm nay là năm đầu tiên vắng ông ngoại. Ông vừa thất lộc tháng giêng năm trước. Khi thắp hương khấn lễ, bà ngoại khóc ngất. Bà vẫn nhớ thương như hồi ông mới qua đời. Bà đặt hoa quả tươi và thắp hương cúng mỗi ngày. Thấy mẹ khóc, chúng tôi cũng khấn bố và khóc theo. Tôi khóc cho cả những thay đổi của đời mình từ sau khi bố tôi lìa đời. Chắc ông linh thiêng đã biết hết chuyện đưa con gái có chồng nhà vắng. “Xin bố phù hộ cho con và các cháu!”

Tối 30 Tết đó, một xích-lô vội vàng đưa bà mẹ trẻ và bốn đứa con lau nhau về ngõ Chu Mạnh Trinh, đường Chi Lăng. Mưa lát phát bay. Gió heo may lạnh. Tiếng pháo đi đùng đùng trong thành phố không lán át được nỗi buồn se sắt, mênh mông. Đêm đó, năm mẹ con lại nằm chung một giường. Con nít đặt mình xuống, ôm nhau chìm trong giấc mơ êm ái, tiếng thờ đều hòa. Mẹ trần trọc thật lâu, khi vừa ngủ thiếp đi lại chột thức giấc bởi tiếng pháo nào nổ quá lớn. Rồi những tiếng pháo khác dồn hơn, nhiều hơn, mau hơn. Không, đó không phải tiếng pháo. Gần 29 năm cuộc đời với chiến tranh triền miên trên quê hương, tôi đã nhận ra tiếng súng rất gần. Ông Thiệu đã ra lệnh ngưng bắn cơ mà? Hay, đảo chánh? Dù sao cũng nên đem các con xuống nằm trong hầm cho yên trí. Tôi đánh thức cả bốn cô, cậu dậy. Chỉ Nguyên Thủy tỉnh táo. Trường Sơn mắt nhắm, mắt mở, uể oải xuống thang. Ngọc Hân và Thần Phong vẫn ngủ vùi. Chị Năm phải bế Hân và mẹ bé Phong xuống nhà. Hầm trú ẩn của chúng tôi là cái gầm cầu thang đã được dọn trống trơn, chiếu trải sẵn sàng khi dùng tới. Nhưng chúng tôi thường chỉ chạy vào sau khi nghe có pháo kích. Cái quạt máy được vận chạy cho mát.

Bốn đứa trẻ tiếp tục giặc ngủ với những cái giạt mình vì tiếng súng nổ lớn. Tôi thao thức lo âu và cầu nguyện không ngừng, nếu có chuyện gì xảy tới thì xin Thượng Đế cho cả năm mẹ con đi hay ở cùng nhau nguyên vẹn!

Gần đây, Việt Cộng muốn trả thù Không Quân Hoa Kỳ và Nam Việt Nam thả bom miền Bắc, đã pháo kích tứ tung vào đô thành Sài Gòn. Nhiều gia đình đắp bao cát ngay trong nhà. Một trái hỏa tiễn đã rơi trên đường Công Lý cách nhà chúng tôi độ nửa cây số đường chim bay. Một trái khác rớt ngay trong xóm chỉ cách vài chục thước và làm chết một đứa bé gái nằm ngoài cửa hầm vì nóng.

Trời vừa mờ sáng, động cơ trực thăng nổ rầm rầm tới lui sát mái nhà. Bom đạn ầm ầm rung chuyển mọi phía trong thành phố. Máy phát thanh ra lệnh giới nghiêm 24 giờ, yêu cầu đồng bào không ra khỏi nhà. Hàng xóm đưa tin nhau mới biết có giao tranh với Việt Cộng. Trời đất, chúng nó vào tận đô thành ư? Quân Đội, Công An, Cảnh Sát của mình đâu hết rồi? Chúng nó nằm vùng nhiều thế hả? Dân chúng hoang mang, mất tin tưởng.

Thì ra Cộng Sản đã bí mật chuẩn bị cuộc tấn công đại qui mô này từ lâu. Hệ thống An Ninh Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa, cơ quan tình báo CIA lớn mạnh của Tổng thống Johnson Hoa Kỳ cũng không biết một ly nào. Có nghi ngờ, cũng cứ tưởng đôi phương còn lâu mới ra tay. Hà Nội đã áp dụng chiến thuật cổ điển của Vua Quang Trung Nguyễn Huệ. Họ tuyên bố, sợ Mỹ thả bom miền Bắc nên ra lệnh ngưng bắn, cho quân ăn Tết trước. Chúng chuyển vũ khí vào thành phố trong đám tang giả, trong những chuyến xe chở hoa quả, hàng Tết vào Sài Gòn và 60 thành phố miền Nam khác. Trong khi Tổng Thống ta cho lệnh ngưng bắn thực sự và cùng nửa số quân về quê ăn Tết thì những đoàn âm binh Cộng Sản từ địa đạo Củ Chi chui lên, những toán nằm vùng trà trộn trong dân chúng nổi dậy tấn công khắp nơi.

Toà Đại Sứ Hoa Kỳ bị Việt Cộng đột kích ngay từ phút đầu. Các chú Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đẹp trai nhất thế giới phải chống trả 6 tiếng đồng hồ mới đẩy lui được bọn đặc công. Từ một căn nhà góc đường Công Lý, mấy tên cảm tử bắn sè qua Dinh Độc Lập và cố thủ trong 13 giờ mới bị dẹp.

Vòng đai Tân Sơn Nhất bị đánh thủng. Quân đoàn bảo vệ Tướng Nguyễn Cao Kỳ cùng Kỵ Binh Mỹ đã can đảm nghênh chiến và tiêu diệt hàng trăm Việt Cộng. Bộ Tổng Tham Mưu nhờ Quân Cảnh Mỹ chống đỡ giùm mới ngăn được sự tấn công. Thường ngày, những chàng cảnh binh Mỹ to như hộ pháp này chỉ đi tuần canh chừng mấy chú lính đồng hương say rượu quanh các quán Bar, vậy mà lúc nguy cơ cũng được việc. Năm tiểu đoàn Hoa Kỳ đã chiến đấu từng bước trong khi phi cơ xạ kích những toán Việt Cộng len lỏi vào các xóm đông dân cư. Nhiều người vùng Chợ Lớn, Phú Thọ đã nhìn thấy từng đoàn binh ma, quỷ xứ rằm rộ đi trên lộ. Chúng chiếm giữ trường đua Phú Thọ trong một ngày. Hàng ngàn người bị thương. Xác chết la liệt đường phố. Tang tóc bao trùm khắp Sài Gòn.

Trên đường Nguyễn Bình Khiêm đã xảy ra một chuyện không may cho ông Nguyễn Ngọc Loan, phu quân người bạn học cũ của tôi tại trường Trưng Vương. Trong một phút điên tiết, sôi máu quân thù, ông Tổng Giám Đốc, Công An, Cảnh Sát đã bắn vỡ đầu một tên Việt Cộng đang bị bắt trời. Báo chí và vô tuyến truyền hình phản chiến Mỹ đã lợi dụng cơ hội phản đối rùm beng.

Cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân đã để lại thành phố Huế những thiệt hại nặng nề nhất. Nhiều đền đài, cung điện bị phá hủy. 16 tiểu đoàn Việt Cộng vây chiếm Huế trong một tháng, hàng ngàn tử thương trước khi bị đẩy lui. Mạng sống con người rẻ như bèo, nhằm nhò gì với Cộng Sản. Chúng chôn tập thể hơn 4000 trong số 6000 người dân bị chết. Nhà văn Nhã Ca đã để tang cho sinh quán với tác phẩm *Giải*



*Khăn Sô Cho Huế*, lãnh giải ba Văn Chương Toàn Quốc hai năm sau.

Trong những trận phản công, phi cơ Mỹ, Việt đã trải thảm bom B-52, phá nát hầm Củ Chi, sào huyệt Việt Cộng, cách Sài Gòn gần 30 cây số về hướng Tây Bắc. Hàng ngàn cán bộ Việt Cộng nằm vùng đã ở dưới cái hầm âm ty, địa ngục và chui lên tấn công Sài Gòn trong Tết Mậu Thân.

Thế rồi, những buổi Anh văn thực hành của tôi cũng chấm dứt. Nhà ngoại giao hết nhiệm kỳ hai năm làm việc, phải về nước. Trước khi rời Sài Gòn, Robert mượn cho tôi cái máy đánh chữ và dặn dò:

- Dù cô chưa đi làm, vẫn nên tiếp tục tập dượt đánh máy mỗi ngày vài giờ. Tôi sẽ viết một cái thư giới thiệu cô với ông Giám Đốc Lao Động Hãng RMK-BRJ, không đề ngày tháng. Khi nào cảm thấy vững vàng, cô cầm nó và đến gặp ông ta. Chuyến này về Mỹ tôi phải đi học tiếng Tây Ban Nha. Tôi đã được bổ nhiệm làm việc tại Venezuela. Nhưng, nếu có thể được, tôi vẫn muốn trở lại Sài Gòn. Cô nghĩ thế nào?

Tôi thản nhiên:

- Đi Nam Mỹ, hay trở lại đây là việc của ông. Nơi nào có việc tốt thì ông nên đi.

Đã biết ngay từ lúc đầu, Robert sẽ không ở Sài Gòn lâu, vẫn có một chút buồn phảng phất khi chúng tôi chia tay. Một thói quen nào mất đi, hụt hẫng, thế thôi. Sự liên lạc với ông ta thật ngắn ngủi, không vương mắc, hứa hẹn. Tôi không có cái buồn sâu đậm từ biệt một người tình, một người yêu. Khi người ta đã ở trên tuyệt đỉnh đau thương rồi, không còn một sầu khổ nào len được vào con tim...

Tôi ráo riết tập gõ mười đầu ngón tay trên cái máy chữ như lời ông bạn ngoại giao. Sau vài tuần, tôi hy vọng xin được việc thư ký đánh máy. Sự lo âu với những ngày dài chôn chân trong bốn bức tường u tối khiến tôi không còn

kiên nhẫn chờ đợi lâu hơn. Tôi cũng không có ý định đi tìm ông thầy Mỹ nào khác. Người đàn bà yếu đuối, e ngại sa ngã vào tay phạm phu, tục tử. Một hôm, thu hết can đảm, tôi trang điểm, phục sức tươi đẹp nhất với áo dài màu vàng, quần trắng và đem cái thư của Robert tới RMK-BRJ, hãng thầu xây cất lớn nhất của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Hãng này đã xây xa lộ Biên Hòa, Vũng Tàu, nhiều phi đạo phản lực, cơ sở quân đội, chính phủ. Tôi đọc lại cái thư giới thiệu, "... Miss Nguyễn là một người lịch sự. Cô chưa có kinh nghiệm đi làm. Nhưng tôi tin tưởng với chương trình luyện nghề của hãng ông, Miss Nguyễn sẽ học hỏi nhanh chóng và sẽ trở thành một nhân viên tốt..."

Ông Giám Đốc Lao Động của Hãng RMK-BRJ niềm nở hỏi tôi vài câu thông thường và quay máy nói chuyện. Sau đó, ông gọi cô thư ký Việt Nam cầm cái thư của Robert và đưa tôi xuống phòng nhân viên. Ông chủ sự trẻ tuổi nhìn tôi từ đầu tới chân, mỉm cười một cách tinh quái, rồi lại điện thoại với một nơi khác. Sau cùng, ông bảo cô phụ tá điền tên tôi vào mẫu giấy in sẵn với chữ ký của ông ta. Tôi được chỉ dẫn cầm giấy đó tới phòng mượn người của hãng RMK-BRJ bên xa lộ. Nơi đây chỉ có nhân viên Việt Nam, nhưng tôi vẫn hồi hộp, cứng mườì đầu ngón tay khi phải thi đánh máy không điện. Kết quả, tốc độ chỉ được hơn 39 chữ một phút với cả chục lỗi. Tôi tưởng như mơ khi người ta nói tôi được nhận làm thư ký đánh máy tại một cơ sở trong Phi Trường Tân Sơn Nhất. Tôi phải chụp hình, lăn tay lấy thẻ của hãng, thẻ vào phi trường. Một tuần sau đó, tôi bắt đầu đi làm ngay và trở thành nhân viên "cà lem cây", như dân Sài Gòn gọi chệch từ chữ Anh RMK.

Tôi không ngờ có việc thật dễ dàng. Vài tháng sau, ông giám đốc già gửi tôi tới lớp luyện Anh văn, đánh máy tại trung ương sở trên đường Thống Nhất, giữa Toà Đại Sứ Hoa Kỳ của ông Bunker và Dinh Độc Lập của Tổng Thống

Thiệu. Mỗi tuần hai buổi chiều, xe hãng đưa tôi đi học. Sau ba tháng, tôi được cấp cái chứng chỉ khả năng tốt cho hồ sơ việc làm. Nỗi lo âu về tương lai nhẹ bớt, tôi cảm thấy thoải mái với cuộc sống độc thân, độc lập.

Robert vẫn thư từ thăm hỏi và cho tôi biết không đi Venezuela nữa. Chàng sẽ trở qua Sài Gòn làm việc vào tháng sau. Tôi vẫn sống âm thầm, không bạn, không bồ nên nao nức vui với tin này. Vì muốn trở lại Việt Nam nên Robert đã tình nguyện biệt phái 18 tháng cho CORDS, Civil Operation and Rural Development Support. Thượng “boss” của Robert là ông William Colby, giám đốc CIA sau này. Nhưng Robert vẫn thuộc ngành ngoại giao, không phải gián điệp. Lần này, chàng ở trong cư xá gần Viện Pasteur. Sau vài tháng không gặp tôi, Robert đã bỏ hút xì gà và thuốc lá. Chàng biết tôi thường ho hen sặc sụa khi ngửi cái mùi độc địa ấy. Có nét gì khác lạ trên khuôn mặt hồng hào của Robert. Tôi chợt nói:

- Tôi thích kiểu tóc hai bên tai của ông.

Robert bẽn lẽn:

- Khi mới quen, tôi nghe cô nói với một người bạn tôi, cô thích “sideburns” của ông ta. Tôi đã định tâm để chúng dài.

Tôi bật cười vì sự làm dáng của nhà ngoại giao Mỹ to lớn với cô bạn gái Việt Nam nhỏ nhắn và hỏi lại:

- Tại sao lại “sideburns”, phải nói “burnsides” mới có lý chứ?

- Đúng vậy! Trước kia người Mỹ nói “burnsides.” Từ khi trong nội chiến Hoa Kỳ, ông Tướng Ambrose Burnside có “burnsides” rất rậm, che gần hết mặt, người ta đổi ngược chữ đó thành “sideburns” để khỏi lẫn với tên ông.

- Ở nước tôi ngày xưa, người dân cũng phải tránh nói tới tên vua chúa, thánh thần. Phạm điều đó có thể bị trọng tội.

- Vậy, cô vừa ý với “sideburns” của tôi không?

- Rất đẹp trai! Nhưng nếu ông để chúng dài như của Elvis Presley<sup>14</sup> thì lại có vẻ sần khấu đấy.

Robert đỏ mặt, nâng hôn bàn tay tôi để cảm ơn. Đã biết thói quen của người bạn trai, tôi phải cẩn thận xem xét kỹ lưỡng đôi tay, không để có mùi cá, mắm tôm, hành, tỏi trước khi gặp nhau. Robert khoe, được bạn rủ ra đầu đường ăn phở hè phố gần nhà và mời tôi đi cùng. Tôi nói:

- Sài Gòn không phải là nước Mỹ. Ông muốn tôi bị xịt nước mắm vào mặt hay sao? Đồng bào tôi không thích nhìn thấy đàn bà, con gái Việt đi với người Mỹ đến những nơi họ thường lui tới, nhất là chốn bình dân.

Văn phòng của Robert không ở Tòa Đại Sứ mà trong cùng không phận với hãng RMK-BRJ, Tân Sơn Nhất. Tôi vào bằng công quân sự Phi Long, Robert vào công dân sự. Robert biết mỗi buổi sáng tôi ra đường Chi Lăng đón xe lam, xe Lambretta bốn bánh, chen chúc đi Lăng Cha Cả<sup>15</sup>, rồi xếp hàng lấy thẻ vô phi trường. Sự ra vào nơi đây càng được kiểm soát chặt chẽ vì sau biến cố Tết Mậu Thân, nhiều toán Việt Cộng còn lẩn lút quanh vùng Sài Gòn, Chợ Lớn. Đại Tá Tư lệnh Không Đoàn III, Lưu Kim Cương trong một cuộc tuần tiễu vòng đai Tân Sơn Nhất đã bị phục kích và tử thương tại nghĩa địa gần Ngã Tư Bảy Hiền. Thiếu Tướng Không Quân Nguyễn Cao Kỳ và Đại Tá Dù Vũ Thế Quang đã thân chinh đi nhặt xác bạn. Bao nhiêu chiến sĩ anh hùng không tên khác đã ngã gục để bảo vệ Sài Gòn và miền Nam đang lâm nguy trong xâm lăng Cộng Sản.

14 - Elvis Presley 1935-1977. Ca sĩ vua nhạc Rock Mỹ thời bấy giờ.

15 - Theo *Saigon 300 Năm Cũ* của nhà biên khảo Nguyễn Cúc: Lăng Cha Cả, mộ Đức Giám Mục Bá Đa Lộc, Pigneaux de Béhaine (1741-1799), người giúp Chúa Nguyễn Ánh chống nhà Nguyễn Tây Sơn, khôi phục lại nhà Nguyễn Gia Long. Giám Mục Bá Đa Lộc soạn thảo cuốn tự điển *An Nam - La Tinh*, sau tự điển Việt-Bồ-La (1621) của linh mục Alexandre de Rhodes.

Bất ngờ, một buổi sáng, phải là ngày 6 tháng 6, 1968, khi tôi đang đợi xe lam bên đường để đi làm, Robert lái xe tới. Khác với mọi lần nụ cười cởi mở luôn nở trên môi, hôm nay nhà ngoại giao có vẻ rầu rĩ như vừa đi đưa đám ma. Tôi hỏi:

- Ông có chuyện gì buồn phải không?

Người bạn thở dài:

- Robert Kennedy vừa bị ám sát chết!

Tôi không hiểu nhiều về chính trường Mỹ nhưng cũng nói:

- Tôi xin chia buồn cùng ông.

- Ông ta là một trong những lãnh tụ xuất sắc của Đảng Dân Chủ và cần thiết cho dân chúng Hoa Kỳ.

Thì ra, ông em Thượng Nghị Sĩ của cố Tổng Thống Kennedy cũng chịu chung số phận như ông anh gần năm năm trước đây. Không chỉ những nước nhược tiểu, mà ngay trên đất văn minh nhất thế giới, người ta cũng giết hại nhau vì quyền lợi, vì đối nghịch chính kiến.

Con đường Võ Tánh Phú Nhuận lên Tân Sơn Nhất dạo này có nhiều xe chở lính Mỹ súng ống, mũ sắt, áo trận. Những khuôn mặt trẻ măng, đăm chiêu, tư lự. Có lẽ họ chỉ vừa học hết trung học. Tôi hỏi Robert:

- Không biết những người lính này vừa ở mặt trận về hay trên đường ra mặt trận?

- Tôi cũng không biết gì về việc hành quân. Nhưng ra trận thì họ phải đi từ sáng sớm hay ở mặt trận về thì thường buổi chiều. Máy người này chắc được thuyền chuyễn qua thành phố.

- Tôi thấy tội nghiệp cho họ quá!

- Tại sao cô nghĩ vậy?

- Ra trận là cầm chắc cái chết trong tay. Những người lính Mỹ này biết gì về rừng rú Việt Nam mà đánh nhau với VC biến hóa như ma quỷ. Cứ nghĩ thân xác họ đổ xuống, tôi lạnh cả người. Tôi mong hôm nay họ không phải ra trận.

Robert quay sang nhìn và vuốt nhẹ bàn tay tôi như thông cảm tâm linh người bạn gái Việt Nam ngồi bên cạnh. Sáng hôm đó, Robert đưa tôi tới cổng quân sự Phi Long và đợi cho tôi lấy thẻ phi trường rồi đưa tôi vào tận sở. Ước ao có hoài cái “door to door service”, sự hầu hạ từ cửa này tới cửa nọ, ấy thì đỡ vất vả biết mấy, nhưng tôi chẳng hề hỏi người bạn Mỹ. Tuy nhiên từ đó, thỉnh thoảng Robert lại bất chợt ghé đón tôi như vậy. Một buổi chiều, ông ta đến đợi trước cửa văn phòng và đưa tôi đi thăm thú cùng khắp lãnh thổ của Không Quân mũ xanh Tân Sơn Nhất. Ung dung ngồi trên xe, tôi hỏi Robert:

- Ông có muốn nghe một chuyện về Phó Tổng Thống Nguyễn Cao Kỳ không?

- Có chứ. Chuyện gì vậy?

- Tôi cũng nghe thôi, chẳng biết đúng không? Trong một buổi họp báo lớn, Tướng Kỳ tuyên bố đã cho giết một con bò mộng để đãi báo chí Việt Nam và ngoại quốc. Sau khi khách ăn uống hả hê, ông Tướng hỏi mọi người: “Các ông hài lòng món ăn của anh em Không Quân chúng tôi khoản đãi không?” Cử tọa lẽ dĩ nhiên đồng thanh “yes!” Tướng cao-bồi lại hỏi: “Quý vị có nhận thấy hương vị gì thơm ngon đặc biệt của món thịt hôm nay không?” Mọi người im lặng. Ông Kỳ Râu đã tuyên bố kết thúc buổi họp báo: “Món ăn của chúng tôi có hương vị thịt chó đấy!”

Robert nghe chưa thông hiểu, hỏi lại:

- Tướng Kỳ cho khách ăn thức ăn cho chó?”

- Không, ông ta cho họ ăn thịt con chó.

Robert quay sang nhìn tôi với câu hỏi lớn trong đôi mắt trong veo. Tôi gật đầu xác nhận:

- “Yes, dog meat, not dog food!” (Vâng, thịt con chó, chứ không phải thức ăn của chó!)

Câu chuyện bán tín bán nghi nhưng đã ám ảnh tâm trí nhà ngoại giao cả buổi chiều. Ông ăn rất ít thịt bữa tối đó.

Dần dần, Robert đòi đến thăm các con tôi. Tuy hiểu rằng Robert không thể lẫn lộn tôi với những cô gái có bồ người Mỹ khác, tôi vẫn muốn ông ta biết nơi sạch sẽ, cao ráo mẹ con tôi ở. Khi tới, Robert cố gắng nói chuyện với bốn đứa bé bằng tiếng Việt chọ chọ:

- Chào các em.

Tôi giới thiệu cô, cậu chủ nhà. Robert đi tới bắt tay từng người và hỏi bà mẹ:

- Cô có cho phép tôi tặng các cháu một hộp kẹo không?

Tôi cười gật đầu:

- Một món quà nhỏ thì được.

Thần Phong vừa bốn tuổi rụt rè không cầm hộp kẹo ông khách đưa. Tôi khuyến khích:

- Ông Robert cho, con cầm lấy và cảm ơn đi!

Phong ngượng ngập nhận quà với lời cảm ơn còn ngọng. Các con tôi ngồi quanh mẹ. Robert được dịp trở tài tiếng Việt rất lễ phép và lịch sự mà ông đã phải học 6 giờ một ngày, 5 ngày một tuần, trong 12 tuần trước khi sang Sài Gòn. Thấy chị Năm đem nước Coca ra mời khách, các con tôi cũng bá vai, bá cổ mẹ thì thăm dò. Thông thường, tôi không cho chúng uống thứ nước có chất cà-phê này. Nhưng để tiếp khách, tôi bảo Năm lấy cho mỗi em một ly nhỏ. Robert nhấp một ngụm nước ngọt và hỏi tôi:

- Cô mua Coke ở đâu vậy?

- Chị lớn của tôi làm trong PX Tân Sơn Nhất, nhờ người quen mua giùm.

Khi thấy Năm đem giấy lau mũi cho Thần Phong, ông khách lại hỏi:

- Cô cũng nhờ mua hộp giấy này trong chợ Mỹ?

Tôi cười:

- Nếu ông ra phố sẽ thấy gần hết các thứ ông mua được trong PX đều có bán. Tôi không thích đi chợ trời nên nhờ bà chị mua. Tiện và rẻ hơn.

Lần thứ hai Robert đến nhà tôi, tay xách, nách mang. Nào một thùng Coke, nào hai, ba bịch giấy màu cồng kềnh. Thấy vẻ ngạc nhiên của tôi, Robert lúng túng trần tình:

- Nhân thể đi “commissary”, tôi mua thêm và ghé biếu cô cùng các cháu.

- Cám ơn ông. Tôi biết ông mua được nhiều thứ. Nhưng tôi không thích phiền ông.

Tôi ghé mắt nhìn vào hai bao giấy và phì cười. Robert mua những thứ đã nhìn thấy có trong nhà tôi, hộp kẹo sô-cô-la, hộp kẹo trái cây đủ màu, tròn như viên bi, kẹo cao su, hộp bút chì nước 24 màu, mấy cuốn sách tranh hình vẽ, giấy lau tay. Một lọ Chanel No 5. Tôi nghĩ thầm: “Sao ông không mua luôn cả bông băng vệ sinh đàn bà và giấy dùng trong nhà cầu thì tiện cho tôi biết bao?!” Nhưng tôi nghiêm nghị:

- Tôi phải gửi lại tiền ông.

Robert vội vàng từ chối:

- Chúng tôi chỉ được phép mua biếu, không mua bán. Mấy thứ này chẳng đáng là bao. Tôi chỉ muốn cô đỡ vất vả đi đến nhà bà chị hoặc ra chợ trời mang đồ nặng về.

- Thôi được, cám ơn ông. Những thứ này đủ cho chúng tôi xài cả tháng. Tôi không thích uống Coke và ăn kẹo. Tôi dùng những thứ này chỉ để thưởng hay khuyến khích con tôi ngoan, học hành giỏi. Khi nào hết, tôi sẽ nhờ ông.

Từ ngày là bạn gái của Robert, tôi đã giải thích, tôi tới ông ta chỉ với một mục đích thực tập Anh văn, ra khỏi căn nhà lạnh lẽo, chạy trốn sự cô đơn. Ông ta cho tôi những buổi nói chuyện, đi chơi giải buồn cũng quá đủ. Ngoài ra, không còn một lý do nào khác. Thật khó tin với tất cả mọi người. Nhưng đây là lần đầu tiên tôi nhận những món quà thực tế, nhỏ bé của Robert. Sự quý mến, ân cần thật quý giá, không thể mua chuộc hay trao đổi bằng tiền bạc. Có lẽ vì thế Robert và tôi rất kiêu hãnh về nhau. Tôi ngạc nhiên khi một người đàn bà hỏi:



- Hần có sộp, có chịu chi không?

Tôi lạnh lùng:

- Tôi quen biết người ta không phải vì cá sộp hay cá quả, chịu chi, chịu tiêu. Tôi không để người ta nghĩ tôi là hạng đàn bà làm tiền.

- Đã mang tiếng đi với Mỹ thì nạo cho nó bõ.

Trời đất! Đến lúc đó tôi mới thấy rõ mặt trái của mụ đàn bà ấy. Tôi nghiêm mặt:

- Tôi không sợ mang tiếng với kẻ nào. Tôi chỉ sợ bị ngộ nhận với người bạn ngoại quốc và chính cái tôi đây này! Thật buồn nôn! Các bà, các cô làm ra vẻ quý phái nhưng bắt được con cá nào cũng muốn nạo. Gặp con không có vẩy, cắt phải da thịt, máu nó sẽ văng lên mặt. Cả đời không gột rửa hết hôi tanh!

Quen với Robert, tôi cũng mang tiếng đủ điều, nhưng vẫn kiêu ngạo như một bông sen vươn cao trong bùn. Sau vụ ly dị kết thúc, ông chồng cũ đã ăn năn, hối lỗi bằng cách đều đặn trợ cấp vợ cũ nuôi con với tất cả số lương Đại Úy trong bao thư còn nguyên triện son của phòng hành chánh. Thêm vào đó, lương sở Mỹ của tôi cũng bằng vậy. Cuộc sống vật chất của năm mẹ con rất thoải mái, phong lưu. Cái thân ngà ngọc vô giá chỉ để tặng không cho người tình.

Thường thường, Robert đưa tôi tới những “party” của giới Tòa Đại Sứ, USAID, JUSPAO, USOM hay tới các “club” Mỹ. Chúng tôi đi với cặp Mỹ Sương, George và cặp Jerry với cô bồ bán “bar” đã hoàn lương. May mắn những người ngoại quốc này đều có xe mang số ngoại giao NG, nên chúng tôi không bị cảnh sát bắt chặn làm khó dễ.

Phong trào bài trừ “me Mỹ” đã lên đến cực độ. Cảnh sát không dám đụng tới các xe ngoại giao, nhưng ngứa mắt, ngứa tay, các ông chặn “taxi” chở các cô, các bà ngồi với người ngoại quốc. Đưa tiền đút lót ngay thì được cho đi. Ngờ nghếch hay bướng bỉnh không chịu chi thì bị bắt bỏ bót, chờ

đội xét xử có phải làm điểm cho Mỹ không? (Làm điểm cho Việt Nam thì được phép đấy!) Tới ngày một sĩ quan Hoa Kỳ ngồi “taxi” với vị hôn thê Việt Nam và bị chặn lại, chàng được cho đi, nàng bị bắt nhốt. Chàng về thừa thưởng cấp và làm toáng. Câu chuyện được đưa lên cấp quân pháp Việt-Mỹ. - Có cái luật nào cấm đàn bà, con gái Việt Nam đi với người ngoại quốc không? Các ông quận đành thú nhận, “No, Sir” và phải ra thông cáo cấm chỉ cảnh sát làm tiền, bắt ầu như vậy.

Tuy nhiên, đi đêm lăm cũng có ngày gặp ma. Một buổi tối, Robert và Jerry đưa tôi về đến ngã tư Phú Nhuận thì gặp một toán quân nhân mặc dã chiến, súng đạn, lưới lê tua tủa. Họ ra hiệu cho chúng tôi ngừng lại. Bốn phía chỗ nào cũng lỗ nhỏ mũi sắt, xe Jeep, máy truyền tin lao xao. Thôi rồi, lại đảo chánh hay Việt Cộng tấn công? Trời cũng lất phất mưa như đêm 30 Tết Mậu Thân, năm 1968. Tôi lấy cây dù gấp tự động từ trong ví ra. Súng lên đạn lách cách và chĩa vào tôi. Hồn vía lên mây, tôi la thất thanh:

- Cây dù của tôi, không phải súng!

Một sĩ quan sáng giọng:

- Đêm khuya khoắt thế này, cô còn đi đâu?

- Chưa đến giờ giới nghiêm mà! Tôi đi về nhà trong hẻm Chu Mạnh Trinh đầu đường Chi Lăng đây.

- Chúng tôi được lệnh khám xét và ngăn chặn tất cả sự đi lại từ ngã tư này. Cô bắt buộc phải trở lại.

Tôi bịa chuyện:

- Làm sao tôi trở lại với mấy ông kia được. Tôi đi dự một cái tiệc trong sở. Họ đưa tôi về, có thể thôi. Tôi ở nhà của ông Đại Úy Nguyễn đấy mà. Các ông biết ông Nguyễn nhi? Chắc giờ này ông ấy cũng phải ứng chiến, cắm trại tùm lum. Tôi có thể đi tắt ngõ hẻm này về nhà. Độ trăm thước thôi!

Tội nghiệp Nguyễn, đến lúc khó khăn tôi lại đem tên chàng ra để tìm bảo vệ. Người sĩ quan đổi cách xưng hô và điệu giọng:

- A, anh Nguyễn, tôi có nghe tên. Thôi được, để tôi bảo mấy ông này cứ trở lại Sài Gòn. Chúng tôi đưa chị về tận nhà. Chị không thể đi theo ngõ gạch, dù một bước.

Nghe người sĩ quan nói, Robert vẫn phân trần:

- Chúng tôi có giấy thông hành đi trong giờ giới nghiêm.  
- Nhưng tình hình không an ninh. Các ông ra đến góc đường cũng bị nhóm khác chặn lại.

Tôi phải tìm lời trấn an, Robert và Jerry mới chịu đi. Nhưng họ vẫn ngừng cách xa mấy chục thước và ra khỏi xe, đứng nhìn lại xem chừng. Sau khi vẫy tay cho họ yên tâm, tôi để người sĩ quan đỡ lên xe Jeep. Ông ta ngồi cạnh tài xế. Xe vù đi như bay vào ngõ tối, vắng tanh không một bóng người. Tôi hỏi hai quân nhân:

- Có chuyện gì gay cán thế? Các ông làm tôi sợ hết hồn.  
- Chúng tôi thi hành cấp trên làm nhiệm vụ. Cũng không biết chuyện gì nhiều.

Lẽ dĩ nhiên, họ phải giữ bí mật quân sự. Tới nhà, đợi cho cửa mở, tôi đi vào và khoá lại, xe Jeep mới vọt chạy ra ngoài đêm tối lạnh rợn không khí chiến tranh. May mắn đêm đó không có tiếng súng. Sáng ra, tôi vừa dậy, Robert đã đến xem đêm trước người bạn gái về nhà có được bình yên không? Các con tôi đã bạo dạn vui đùa với người bạn Hoa Kỳ của mẹ. Thần Phong thích thú được tung bông lên và đỡ xuống như quả bóng. Ngọc Hân thoải mái ngồi trên đùi Robert nếu ông ta đừng chạm “sideburns” và cái cằm không cạo râu kỹ vào má cô bé. Nguyên Thủy, Trường Sơn chững chạc hơn ngồi nói chuyện rất chậm để người khách ngoại quốc có thể hiểu chúng. Robert đã thuộc và gọi tên các con tôi rất rõ ràng. Cuộc sống tạm gọi êm đềm dù chẳng bao lâu sau Robert phải đổi đi Đà Nẵng...

Trong thời gian ấy, tình cờ tôi gặp lại Vũ, người đã để lại trong tôi mỗi tình đầu thuở mười sáu. Vũ đã có vợ và mấy con. Chàng vẫn thanh tú, điềm đạm và làm tâm tư tôi nghiêng ngả, rung động. Nỗi đau buồn với cuộc hôn nhân nặng tình nghĩa mà tôi phải đành dứt bỏ vẫn chưa nguôi. Trong sự cô đơn của người đàn bà không người yêu, không bạn trai bên cạnh, tôi chỉ muốn nói lại tình bạn với Vũ. Nhưng chàng muốn hơn thế nữa và đã nhanh chóng yêu tôi cuồng nhiệt. Tình cảm cho Vũ xôn xao mạnh mẽ, tôi sợ hãi trốn tránh và cương quyết xa lánh chàng trong ngậm ngùi, tiếc nuối. Song, đó cũng là một may mắn, tôi không làm đổ vỡ gia đình người đàn bà khác, Vũ không mắc lỗi với vợ con. Từ đó, tôi không gặp lại cố nhân...

**T**hám thoát, tôi làm việc với hãng thầu xây cất RMK-BRJ được một năm rưỡi. Tôi thấy cần ra khỏi khu phi trường bóng chày này, nhất là từ khi có bà Chủ sự phòng mới, Miss Barter phải gần bốn mươi tuổi, chưa chồng. Một hôm đi trên hàng hiên trống trước dãy phòng làm việc, nhìn ra công trường chói chang nắng ngoài xa, tôi thấy một người đàn ông giơ tay vẫy hoài. Không nhận ra ai, tôi vẫy lại như một cái chào an ủi người vất vả. Bỗng Miss Barter từ đằng sau đi tới nói:

- Hấn có bò rồi!

Lơ đi như không hiểu bà ta định nói gì, tôi làm bộ trả lời tự nhiên:

- Tội nghiệp mấy người phải làm việc trong nắng cháy da!

Lần khác, một người Mỹ mở cửa phòng chớp nhoáng chào tôi, “Hi, Miss Personnel” rồi đóng ngay cửa lại và đi, vì phòng có máy lạnh, bên ngoài nóng bức hơi. Tôi cười, trả lễ một tiếng “Hi” khác. Miss Barter nói lửng lơ:

- Hấn có vợ rồi đấy!

Không nghĩ tới sự nguy hiểm là nữ nhân viên dưới quyền nữ giám đốc phòng, tôi đáp:

- Tôi cũng có bồ rồi! Tôi chỉ muốn lịch sự với tất cả mọi người chào hỏi tôi. Họ có bồ hay có vợ cũng không ăn nhằm gì tới tôi.

Không khí có vẻ khó thở từ đây và thấy rằng không thể làm việc lâu hơn với mục “boss” chân cong, lưng còng, mắt kính cận thị lồi con người, hình hài không khác con bọ ngựa, tôi nhờ hai cô bạn Từ và Hoa kiếm việc cho tôi tại RMK-BRJ Main Office, nơi hai nàng đang làm. Đồng thời tôi cũng ghi tên thi xếp lớp vào Hội Việt Mỹ với mục đích lấy cái bằng khả năng Anh văn “Proficiency.” Sau khi được phỏng vấn và được nhận làm tại trung ương, tôi xin đổi sở. Mục Barter cao giọng:

- Gần đây cô không làm việc nghiêm chỉnh, nghỉ hoài, một là cô xuống nhà kho làm, hai là phải thôi việc.

Tôi giận nổ cổ họng:

- Tôi nghĩ để đi nộp đơn, thi xếp lớp vào Hội Việt Mỹ và có phỏng vấn tại Main Office. Tôi không thôi, không xuống làm việc dưới nhà kho. Tôi sẽ lên gặp ông Giám Đốc Công Trường.

Nói là làm, tôi tông cửa đi ra khỏi phòng và gặp ngay người vừa nhắc tới ngoài hành lang. Tôi trình bày mọi chuyện và thêm:

- Nếu bắt tôi nghỉ hay đổi tôi xuống nhà kho, không chuyển tôi lên sở chính, tôi sẽ đưa vụ này tới Tổng Trưởng Lao Động và Chủ Tịch Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam.

Robert thường giao thiệp với hai ông đó. Tôi đã lấy tên họ để dọa ông già giám đốc. “Big boss” cuồng quýt vỗ về tôi:

- OK, OK! Tôi sẽ tự tay làm giấy chuyển chuyển cho cô. Phu nhân nhỏ bé ơi, xin đừng khóc nữa!

Thì ra tôi khóc từ lúc nào. Nước mắt đàn bà và sự giận dữ của “Miss Personnel” đã làm ông già Mỹ tá hỏa tam tinh!

Kết quả, một tuần sau, tôi bắt đầu làm việc tại Trung Ương Hãng RMK-BRJ trên đường Thống Nhất. Tôi không phải xếp hàng ra vào lấy thẻ, trả thẻ an ninh Phi Trường, Không phải vất vả trèo lên, nhảy xuống những xe truck, gió thổi bạt người, cuốn bay tóc áo. Cửa trước của Hãng RMK nhìn qua Bộ Tư Pháp, cửa bên trái nhìn qua Công Viên Thống Nhất, đằng sau là hãng xe Citroen. Không xa, Công Trường Duy Tân với con rùa lớn bằng đồng đỏ đội trên lưng cái bia cao ghi công những nước đồng minh của Việt Nam Cộng Hòa. Rùa nằm giữa hồ nước hình tròn in bóng cỏ thụ xanh mát xung quanh. Những xe bán nước dừa tươi và sinh tố trái cây vẫn còn đó từ thuở Trung Vương mười sáu tôi rong ruổi xe đạp với Vũ. Hình ảnh người bạn trai Hà Nội năm nào thường đem đến cho tôi những nụ cười trong sáng, tâm hồn lâng lâng mỗi khi nghĩ tới chàng. Trường Đại Học Luật Khoa gần đây mà nhạc sĩ Phạm Duy đã cảm hứng sáng tác nhạc phẩm “Trả Lại Em Yêu”. Sinh viên Luật nào không thấy bóng mình thấp thoáng trong lời ca:

*Trả lại em yêu khung trời đại học  
Con đường Duy Tân cây dài bóng mát  
Buổi chiều công viên, mây trời xanh ngát  
Vết chân trên đường vẫn chưa phai nhạt...*

Tuần ba buổi, sau giờ tan sở tôi đi học Hội Việt Mỹ. Phần lớn người làm sở Mỹ, có việc tốt, nói tiếng Anh đúng văn phạm và văn vẻ một chút đều có bằng “Proficiency” của Vietnamese American Association. Lớp học, sân trường dù ở cấp bậc trưởng thành vẫn làm tôi cảm thấy trẻ trung, yêu đời hơn. Ra vào nơi đây, tôi gặp nhiều người quen biết và giáo sư Phúc dạy Anh văn Trường Trung Vương năm xưa.

Không khí sở Mỹ dưới phố nhộn nhịp. Phụ nữ bản xứ ăn diện tung bừng. Tuy nhiên, các cô trong phòng Kế Toán của tôi rất con nhà lành, giản dị, không son phấn. Ông chủ sự già

thường nói đùa các cô: “Xem Miss Dung kia, người ta là gái có chồng, có con mà còn trang điểm đẹp đẽ. Mấy đứa bay không biết làm dáng thì ế chồng hết!”

Buổi trưa các cô thường rủ tôi ra ăn tại các quán hàng trên vỉa hè đằng sau sở. Đĩa cơm đùi gà nướng than, nóng hổi, tưới vài giọt xì dầu kèm mấy miếng đồ chua, thật đáng công chờ đợi! Những người phụ xích lô gọi một bát phở hay tô cà-ri, ngồi bẻ, chấm và ăn hết ổ bánh mì dài bằng cánh tay. Cái bát được quét vết sạch bong. Họ ăn để lấy sức kéo những cuộc xe khó nhọc, vất vả trong ngày và sẽ mừng lắm, nếu được chở những người đàn bà 37 ký lô kể cả giày dép, quần áo như tôi.

Đôi khi với mấy cái Honda, các cô chở tôi đi ăn bún chả chợ Tân Định. Những gắp thịt heo đỏ bóng mỡ, nước mùi than nướng ngấm trong nước mắm tỏi, chua, ngọt, thơm vị hạt tiêu đặc biệt. Khách tha hồ múc đồ chua, thả cửa gắp rau muống chẻ, kinh giới, tía tô. Ăn đường, uống chợ, vôi vàng, hấp tấp, nhưng ngon lạ lùng!

Cửa trước Hãng RMK-BRJ nhìn xé qua Công Trường Kennedy, Vương Cung Thánh Đường uy nghiêm tọa lạc trung tâm điểm. Nhà thờ được xây cất trong khoảng những năm 1877-1883, màu gạch đỏ tươi nổi bật giữa những hàng cây cao đứng cách nhau đều đặn trên hè đường xung quanh. Hai ngọn tháp nhọn in trên nền trời xanh biếc. Các cô cũng thường rủ tôi đi bộ qua đó ăn hủ tiếu Mỹ Tho tại quán cóc bên cạnh trường trung học Hòa Bình đối diện cánh phải của nhà thờ. Sợi bánh trong to, tôm thịt đầy tô lớn, thơm lá cần tàu, gọi tôi nhớ đến một kỷ niệm bên sông Mỹ Tho lộng gió thuở mới hẹn hò và đi chơi với Nguyễn. Tôi tự hỏi, bao giờ có thể quên được hay không muốn quên?

Một buổi trưa, vẫn cùng mấy cô đồng nghiệp hồn nhiên ấy, tôi đứng ăn gói cuốn chấm tương đậu phộng cay xé lưỡi bên hàng rào trước nhà Bưu Điện, một người lính đi lại chào

tôi và tự xưng nhân viên của Nguyễn. Tôi nhả ngay cái bì cuốn to hơn miệng, chào lại, vừa cảm động, vừa mắc cỡ có người nhận ra mình trong cái váy “mini” hở đùi, hở cẳng, ăn uống luộm thuộm. Mỗi lần nghe nói về cố nhân, những ghen ngào, thổn thức lại khuấy động trong tôi. Người ta vẫn tưởng tôi còn là vợ của Nguyễn, dù việc ly hôn đã xong từ một năm nay. Nguyễn đã có người nào, tôi cũng không muốn nghe tới nữa. Tôi vội vàng giục các cô bạn trở lại sở làm. Băng qua đường Thống Nhất, tay trái nhìn về hướng Dinh Độc Lập, tay mặt hướng Thảo Cầm Viên, đường Nguyễn Bình Khiêm. Thuở nào ngồi trong lớp Trung Vương ấy, cô nữ sinh đã mơ mộng theo mây trời, làm thơ tình tương tư một chàng văn nhân trẻ...

Cuộc đời tôi vẫn chỉ là những ngày tìm quên lãng. Sau nhiều lần từ chối, tôi đã nhận lời mời của Robert và bay ra chơi Đà Nẵng với hai viên chức Tổng Liên Đoàn Lao Công Việt Nam. Thành phố nằm bên tả ngạn Sông Hàn. Nhà ngoại giao có một buổi tiếp tân lớn tại biệt thự và thảo nhiên giới thiệu tôi với quan khách Việt, Mỹ. Tôi được Robert đưa tới thăm văn phòng của anh đặt tại Toà Thị Chính và vài nơi trong tỉnh. Viện Bảo Tàng Chàm có từ năm 1919, trưng bày những cổ vật Chiêm Thành ảnh hưởng kiến trúc, điêu khắc Ấn Độ được tìm thấy trong vùng Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định... Bãi biển Mỹ Khê đầy quân nhân Mỹ, xe chỉ chạy lướt qua cũng nghe những tiếng huýt gió khích động, xé màng nhĩ. Bãi biển này được đổi tên *China Beach* trong một loạt phim vô tuyến truyền hình Hoa Kỳ sau năm 1975 mà tôi đã xem nhưng không thích. Nó gọi tôi nhớ đến chiến tranh Việt Nam, vẫn đau xót như bị cắt da, xé thịt...

Từ một quán ăn bên bờ sông Hàn, Ngũ Hành Sơn hùng vĩ, 10 cây số về phía Đông Nam và đầy cảm dỗ với những sản phẩm làm bằng cẩm thạch trắng. Năm ngọn núi Thủy,



Thỏ, Kim, Mộc, Hỏa âm u, huyền bí đó là sào huyệt Cộng Sản đóng quân, lập trại, pháo kích vào Đà Nẵng. Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa và Đồng Minh không dám đi lẻ tẻ vào “hang cọp” ấy. Vì an ninh không được bảo đảm, Đèo Hải Vân cách Đà Nẵng 30 cây số về phía Bắc chỉ còn là một núi tiếc giữ chân du khách cách xa. Cuộc thăm viếng của tôi thu hẹp trong thành phố, bên người bạn Cố Vấn Mỹ.

Sau Tết Mậu Thân, Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu gọi gần 70 ngàn quân trừ bị và ban hành lệnh tổng động viên. Trai tráng từ 18 đến 38 tuổi phải nhập ngũ chính quy. Tuổi 16 đến 18 và 39 tới 50 phải vào nhân dân tự vệ. Con số Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa lên tới 900 ngàn. Lệnh của tôi cho các con, không được đi sâu vào trong xóm chơi, Việt Cộng nằm vùng có thể bắt đi luôn. Người dân cảm thấy hoang mang như đang sống chung với Cộng Sản. Chúng sẽ chui lên từ các cống rãnh và nổi dậy bất cứ lúc nào.

Cuộc sống cô đơn của người mẹ trẻ độc thân, đi làm, nuôi giữ bốn đứa con, bắt đầu có những lo âu khác. Nguyên Thủy đã chín tuổi. Trường Sơn bảy, Ngọc Hân sáu và Thần Phong năm. Mỗi ngày tôi phải mất ít nhất chín giờ đi, về làm việc. Tôi cho tất cả các con học cùng một trường tư đường Đinh Công Tráng, Tân Định, xe đưa đón. Nhưng trường nào cũng chỉ có nửa buổi. Bốn đứa trẻ bị nhốt trong nhà nửa ngày còn lại với một người giúp việc. Dù tôi căn dặn ngọt ngào hay lớn tiếng, khi không có mẹ, chị Năm cũng không ngăn giữ được Nguyên Thủy bên trong song cửa sắt.

Chiến tranh càng ác liệt ngoài vùng quê, thành thị càng đông đúc dân lánh nạn. Trẻ con bằng tuổi các con tôi chạy lông nhông trong xóm, ngoài chợ. Nhiều lần tôi được láng giềng mách lại, Trường Sơn theo Nguyên Thủy, quần xà lỏn, còi trần, chạy ra tắm mưa trên vỉa hè đường Chi Lăng. Anh rủ em đi xem chiếu bóng cọp rạp Văn Cầm, đường Võ Di

Nguy, xem hát bội chui đình làng Phú Nhuận, lần mò đi câu tạt Cầu Kiệu hay mất hút trong những đám bầu cua tôm cá trong ngõ sâu. Cứ tình trạng này, con tôi có thể theo đám cướp giật hay xì-ke, ma túy khi lớn hơn.

Tôi định gửi chúng về bà ngoại. Nhưng lại nghĩ tội cho bà đã già, hết nuôi con lại đến cháu. Bà cũng chẳng chạy theo chúng được để trông chừng. Cô Hà và cậu Khoa còn bận bù đầu vào việc học. Tôi bàn với anh, chị, em trong nhà và gửi Nguyên Thủy, Trường Sơn vào nội trú trường Sơ, đường Lê Văn Duyệt. Hai cậu sẽ được các bà săn sóc, kèm học, theo dõi từng bước đi, không sợ lêu lổng ngoài đường. Mỗi chiều thứ bảy tôi đến đón Thủy, Sơn về nhà và đem chúng trở lại trường chiều Chủ Nhật. Buổi đầu tiên chia tay, mẹ con ôm nhau khóc sụt sướt. Mẹ nói yêu thương, hứa hẹn đủ điều để con đừng buồn, đừng sợ. Mẹ có cảm tưởng thật tội lỗi, đã làm khổ con. Nhưng biết sao, chúng mình chịu khó qua con lúng túng này. Khi khôn lớn hơn, biết ăn học, chơi đùa đúng đắn các con sẽ lại về ở nhà với mẹ mỗi ngày.

Dần dần, đưa con vào trường mẹ không còn khóc, nhưng tan nát cõi lòng mỗi khi nhìn khuôn mặt thơ dại nhẫn chịu. Thủy, Sơn vì thương mẹ nên phải vâng lời chấp nhận sự buồn tủi. Khi nghe con than không được coi vô tuyến truyền hình, mẹ chỉ đành hứa cho con xem bù ngày cuối tuần. Mẹ vui khi thấy giấy học của con được phê thông minh, khá, giỏi. Mẹ xót xa nhìn nốt muỗi đốt đầy mặt mũi, chân tay da thịt non. Mẹ đưa thuốc, dạy con cách bôi, tự săn sóc và nhắc con khi tắm lấy, phải nhớ lau cả tai trong, tai ngoài, rửa cái dít, con “chim”. Kéo da “nó” lên và dội nước, không để nó hôi! Phải đánh răng kỹ cả hàm trên, hàm dưới, răng cửa, răng cùn, không sâu ăn thối! Tội nghiệp, các con đã sinh vào một gia đình đông con mà cha mẹ không làm được đầy đủ trách nhiệm, các con đã biết cái khổ quá sớm.

Thế rồi niềm hạnh kiểm của Nguyên Thủy bị sứt. Khi đón con, tôi được bà Sơ cho biết Nguyên Thủy hay đánh lộn với mấy đứa cùng phòng. Thì ra, Trường Sơn thường bị mấy đứa lớn hơn trêu chọc. Giữa chốn xa lạ, anh có bốn phận phải che chở, bênh vực em. Nên thấy em khóc, cu cậu nóng tiết cho mấy thằng lỏi bắt nạt em vài thui ngã lãn chiêng. Vụ to lớn cuối cùng, đêm gần đấy, Thủy định ý canh chừng và trông thấy một đứa mò tay dưới gối của Sơn lấy kẹo bánh trong khi em ngủ. Thủy chồm tới chộp đầu thằng bé kia, kéo nó ra dim xuống đất. Nó la chói lói. Tuy chỉ bảo vệ em, nhưng với nhà trường, học trò phải mách bà Sơ, không có quyền tự giải quyết vấn đề. Một mặt an ủi con, một mặt tôi vỗ về, cho quà mấy đứa cùng phòng và tìm cách hòa hoãn tình trạng bất ổn.

Tôi lại đem chuyện bàn với gia đình, cho con nghỉ trường Sơ và gửi chúng đến ở với anh chị Lân, Tâm. Hai người với năm con, Quân, Tuấn, Mimi, Mino, Batman đang sống trong khu cư xá Hạ Sĩ Quan Không Quân, Biên Hòa. Anh, chị đồng con, nhưng có oai quyền mà chúng nghe sợ rấm rấp. Hai cháu cũng sẽ phải vâng lời bác. Trong cư xá, tôi không lo con chạy ra ngoài đường, ngoài chợ chơi với những đứa trẻ xa lạ. Nghe nói được gửi đi ở với hai bác, có Quân, Tuấn ngang tuổi, Thủy, Sơn mừng rỡ lắm. Hai cậu sẽ lại được coi vô tuyến truyền hình mỗi ngày, đi Hướng Đạo Không Quân, cắm trại núi Bửu Long, thác Trị An, Vũng Tàu, Đà Lạt... Con vui mẹ cũng vui lây.

Sinh nhật thứ ba mươi, tôi tổ chức một bữa tiệc thân mật tại nhà, nhân dịp Kim Dung cùng chồng, Kris, con trai là Anto về thăm Sài Gòn, lần đầu tiên kể từ ngày đi du học Úc và ở lại xứ người. Robert cũng có mặt. Sau một năm làm việc ở Đà Nẵng, Robert đã trở lại Sài Gòn để sửa soạn về Mỹ, chấm dứt nhiệm kỳ hai ở Việt Nam.

Hát hay, đàn giỏi, ăn nói hoạt bát, có duyên với nghề nghiệp điều khiển lễ nghi, sân khấu, nổi danh Jakarta, Kris đã giúp vui hào hứng trong buổi tiệc. Kim Dung, Kris, Robert và tôi có dịp gặp nhau một lần khác hàn huyên tâm sự. Ông chồng của cô bạn và ông bồ ngoại quốc của tôi có vẻ đồng minh tương đắc với nhau lắm. Vài ngày sau khi người bạn thân nhất của tôi lại ra đi với chồng con về Jakarta, Robert cũng lên đường hồi hương. Chàng cảm ơn tôi đã cho chàng một tình cảm đặc biệt và nói sẽ nhớ, sẽ viết thư, sẽ trở lại Sài Gòn thăm tôi trong tương lai thật gần. Tôi cảm ơn Robert đã giúp tôi bạo dạn với cái vốn Anh văn nghèo nàn, giúp tôi kiếm được việc làm, sự quen biết thân tình với Robert đã rút ngắn rất nhiều thời gian trống vắng của người đàn bà cô đơn. Chúng tôi có tất cả những lời từ biệt thương tình của một cặp bạn trai, bạn gái quý mến nhau, nhưng không bao giờ nói đến yêu thương vì biết rằng cuộc đời mỗi người một phương trời cách biệt, không là của nhau. Thế rồi, trước giờ ra phi trường, Robert đã ôm tôi, long lanh ngân lệ:

- Anh nghĩ rằng anh phải cưới em. Em có nhận lời thành hôn với anh không?

Tôi ngạc nhiên nhìn Robert giây lâu, không nghĩ đó là một lời đề nghị nghiêm chỉnh. Chẳng một chút xúc động, tôi cười thành tiếng:

- Chúng ta không bao giờ nói, em cũng chưa khi nào nghĩ tới vấn đề này, nên em không thể trả lời ngay được... Bây giờ buồn vì chia tay nên nói vậy, khi đặt chân lên xứ sở, anh sẽ nghĩ khác.

- Anh nghĩ rằng anh nói thật với con tim. Anh sẽ tiếp tục vụ ly hôn mà vợ anh đã bắt đầu từ nhiều năm về trước.

- Anh còn nghĩ thì chưa chắc chắn. Anh hãy về và cố gắng chung sống một lần nữa với bà ấy. Nếu không hạnh phúc và thấy rằng chỉ làm phiền nhau, thì cứ ly dị dù anh

định cưới em hay không. Trường hợp nào chúng ta cũng vẫn là bạn.

**R**obert về tới Hoa Kỳ để cùng đồng bào ăn mừng phi hành gia Neil Armstrong, người Mỹ đầu tiên đáp phi thuyền Apollo 11 và đặt chân lên mặt trăng, 20 tháng 7, 1969. Chón hẹn hò của Chú Cuội và Chị Hằng đã bị người trần thế quấy rối. Nguyên Thủy háo hức đem về nhà khoe tờ báo Time, bác Tâm làm việc trong PX của Quân Đội Hoa Kỳ tại Biên Hòa và nhờ người mua. Cậu cả hãnh diện chỉ cho mẹ và các em xem hình ảnh chứng minh cây đa, chú Cuội đã không còn trên cung trăng. Nhưng Tết Trung Thu rằm tháng tám năm đó, các con tôi vẫn thích thú chơi rước đèn và được mẹ dạy hát bài “Chú Cuội” của nhạc sĩ Lê Thương: *“Bóng trăng trắng ngà, dưới cây đa to, có thằng Cuội già ôm một mối mơ. Cuội ơi, ta nói Cuội nghe, ở trên cung đó làm chi? Các em thích cười muốn lên cung trăng, cứ hỏi ông Trời cho mượn cái thang...”* Nguồn vui của con cũng chính là của mẹ.

Thỉnh thoảng, My Sương vẫn đến rủ tôi đi ăn. Hang cùng, ngõ hẻm nào nàng cũng biết. George đã về nước từ một năm và không trở qua. Ông ta để lại cái xe Peugeot 404 tặng nàng. Có lần, Sương đem xe tới đón tôi đi ăn bánh xèo tại một quán đường Đinh Công Tráng. Bàn ghế gỗ thấp, thô sơ kê ngay ngoài sân gạch của ngôi nhà cổ. Bánh được tráng vàng thơm mùi nghệ, giòn mỏng như bánh tráng cuộn chả giò. Tôi ăn được nhiều thứ rau miền Nam. Ráp cá không tanh mà trái lại rất thơm. Lá chua, lá chát, cải nhỏ, cần non ngon ngọt. Thiếu những thứ rau đó không còn thấy vị bánh xèo.

Có đêm đã khuya, tôi sắp sửa lên giường đi ngủ, My Sương còn gõ cửa, kéo tôi ra xe với quần áo mặc nhà, không

su-chiêng, không trang điểm son phấn, má hồng. May mắn tôi không gặp mũ nào ghen ầu, ghen ngược, túm áo, kéo quần. My Sương đưa tôi đi ăn mì và thạch đen Hải Ký trong Chợ Lớn. Tôi chọn ngồi co ro bên cái bàn trên hè đường xa ánh đèn, xa các bàn khác có người ngồi ăn. Vậy mà My Sương vừa ăn rau rầu những miếng đu đủ chua giòn vừa nhìn tôi chăm chú:

- Em mà là đàn ông, em cũng mê chị.

Tôi cười nghi ngờ:

- Điều đó chắc chắn không đúng! Có người đã không mê tôi mà đi mê những con khác đấy thôi.

- Vậy, hấn mới ngu!

Như một nhà tu phá giới, tôi ăn lê ngồi la, không ngại một chỗ xấp xệ nào. Điều bộ phu nhân bị cát vào tú khi tới ăn những chỗ bình dân này. Bún tôm hùm nướng, đậu xanh, đậu đỏ bánh lọt chợ Bến Thành tôi cũng được thưởng thức lần đầu tiên với My Sương. Có một món tôi đòi nàng đưa đi ăn hơn một lần, món nghêu hấp, đường Nguyễn Tri Phương. Quán chỉ là những cái bàn thấp, ghé dài, ghé ngắn khắp khênh, sứt mẻ trên vỉa hè. Không khí nồng nặc mùi biển mặn, vỏ sò, vỏ hén. Nghêu được nhúng vào nồi nước sôi, luộc chớp nhoáng, nóng hổi, bốc khói trước mắt thực khách thèm thuồng chờ đợi. Vừa nhìn thấy rổ nghêu cao ú ụ, tôi giẫy nảy tưởng không thể tiêu thụ hết. Nhưng ăn mới biết nghêu trôi tuột vào bụng rất nhanh. Nhìn mọi người, tôi bắt chước múc cái vỏ có dính con nghêu nhỏ xíu vào nước mắm dấm, tỏi, đường, ớt và húp. Người ta thường uống bia hay uống trà nóng cho đỡ xót ruột vì ăn một rổ nghêu cũng ực hết tô nước chấm ngon lịm lưỡi, xoắn dạ dày.

Hồi ở Bruxelles, nhớ món nghêu quê nhà, tôi thường đến trung tâm Grand Place, ăn “mussels”, hén dài màu đen, hấp với nhiều gia vị. Thực khách dùng cặp vỏ để gắp hén, chấm bơ nóng, tiêu, chanh và uống rượu trắng. Đôi lần tôi mua

nghe, hén về nhà hấp và thử húp với nước chấm thuần túy Việt Nam, nhưng không thể so sánh với nghe non giòn, đậm ngọt trên đường Nguyễn Tri Phương Chợ Lớn...

Có người nghĩ rằng My Sương làm “hu” tôi. Nhưng nàng là một bước xoay hướng tình cờ, một ân huệ cho đời tôi. My Sương đã ở bên tôi những lúc tôi buồn và cô đơn nhất. Tuy nhiên, tôi chỉ thích đi ăn uống với nàng. Sau khi Robert về Mỹ, My Sương muốn giới thiệu tôi với một, hai người khác. Không cần lớp riêng học Anh ngữ, cũng chẳng muốn đi kiếm bất cứ ông bồ nào, tôi không đi chơi với My Sương nữa. Nhưng tránh vỏ dưa, gặp vỏ dừa, tôi phải đi vài “party” trong sở. Số là anh chàng chủ sự Don bị bồ bỏ, giờ chứng mời tôi và bị từ chối hoài. Có lẽ muốn trả thù, hắn đã hỏi tôi:

- Cô có biết tên cô có nghĩa là gì trong tiếng Anh không?
- Không! Nó có nghĩa gì vậy?
- Cô giờ tự đi tìm ra mà coi.

Tôi muốn thét lên vì tức cái thằng quỷ quyết khi thấy tên Dung văn hoa là thế mà trong tự điển Anh, ôi thôi, nó có mùi đất trồng rau Đà Lạt! Cùng lý do đó, khi vào quốc tịch Mỹ tôi đã đổi tên thành Dzung...

Cũng chưa hết chuyện Don. Hắn say sưa thường trực. Ngồi bàn sau hắn, tôi cũng nghĩ thấy mùi bia, rượu. Hắn đi ra đập bàn, đi vô đá ghế, đi tới bẻ bút, đi lui đá thùng rác lăn lông lóc. Mắt hắn đục ngầu, mặt mũi lúc nào cũng như bình rượu hồng lưu động. Không khí ngột thở. Tôi dự tính xin đổi sang phòng khác. Một buổi, bí quá tôi nhận lời hắn mời và nghĩ cách đối phó. Tôi rí tai tất cả các cô độc thân cùng phòng làm việc và hỏi có muốn đi “party” của Jane, Bill phòng giám đốc không? Tất cả đều nhẩy lên reo “yes!” Tôi qua nói chuyện với cặp bồ bạch kia:

- Các cô trong phòng tôi trách hai người có “party” mà không mời họ đấy!

Jane và Bill ngạc nhiên:

- Chúng tôi tưởng các cô ấy không bao giờ đi “party”!
- Bây giờ có tôi, các cô ấy muốn đi cùng.
- Vậy thì tốt quá! Càng đông càng vui. Các cô thích uống rượu gì chúng tôi mua?

Chẳng bao giờ nhấp một tí rượu, tôi nói liêu:

- Champagne!
- OK, tốt lắm. Hẹn gặp nhau!

Buổi tối cuối tuần đó, chúng tôi sáu cô đi hai “taxi” tới “party”. Nhạc *Rock and Roll* nổi lên, tôi kéo tất cả ra sàn nhảy, chẳng cần đợi ai mời. Mọi người ào ào bắt chước. Chủ nhà rối rít cảm ơn chúng tôi đã làm “party” của họ thêm tung bừng, sống động. Khi thấy Don bắt đầu say, tôi lại rủ các cô rầm rầm chạy xuống thang ra về. Sáng hôm sau, Bill và Jane sang phòng làm việc của tôi cảm ơn một lần nữa và hỏi:

- Chúng tôi mua bao nhiêu Champagne mà sao các cô không uống?

Các cô RMK Việt Nam thú vị cười khúc khích. Rõ ràng tôi đã tỏ ra rất thân thiện với Don! Hẳn không còn lý do bực tức! Thế rồi, sau khi đánh một cái thư xin gia hạn làm việc cho hẳn, tôi lại bị mời đi “party” khác. Lần này trông hẳn có vẻ tuyệt vọng, nã nề hơn, tôi đành nhận lời với điều kiện sẽ đi riêng bằng “taxi” đến căn biệt thự đường Công Lý, xé Dinh Độc Lập. Hẳn đến đó trước với cặp Jane, Bill.

Cả một buổi tối tôi cầu nguyện hẳn đừng say rượu, đừng gây lộn xộn. Cái cảm tưởng sợ hãi này có lẽ đã ám ảnh tôi từ thuở nghe thấy Tây say đập phá, hành hung người ngoài phố, hòì gia đình tôi mới tản cư về Hà Nội 1947. Tôi dặn Jane, Bill, khi nào rời “party” thì cho tôi về cùng. Đêm ấy khi ngồi vào xe, Don say rũ, gục ngủ như chết. Tôi vẫn ngằm cầu nguyện không ngớt và bảo Jane, Bill ngồi băng trước nói khế cái miệng, đừng để tên bạn chòm thức dậy, chắc tôi phải



nhảy ra khỏi xe. Nhưng may mắn, họ đưa tôi về nhà bình an, vô sự. Cảm ơn Thượng Đế!

Ngày thứ hai vào sở, tôi được nghe một tin rùng rợn! Tôi thứ bảy đó, Don về nhà và ngã từ đỉnh cầu thang xuống đất, phải vào nằm nhà thương. “Lạy Chúa, con chỉ xin Bề Trên cho hấn đừng lè nhè làm phiền con thôi! Con không cầu mong hấn bị tai nạn như thế?!”

Một tuần sau, trông thấy hấn lê cái chân bó bột, chống nạng vào sở, tôi phải cố gắng nín nhịn cười. Hấn tới thu nhặt những vật tư hữu tại bàn giấy và chào mọi người để về Mỹ. Tôi làm bộ buồn rầu bắt tay, chúc hấn may mắn, thượng lộ bình an, nhưng trong lòng hình như có trống rỗng, cờ mở linh đình! Từ đó tôi không còn bị một sách nhiễu nào trong sở.

Hết chuyện sở lại trở về chuyện nhà, cuộc đời tôi vẫn chỉ có vậy. Một buổi tôi đưa Ngọc Hân, Thân Phong đi Biên Hòa thăm Nguyên Thủy, Trường Sơn. Con, cháu hớn hờ dắt tôi vào sân trong xem những con thỏ trắng mượt lông, mập ú, dễ thương. Bỗng tôi giật mình hét lên như còi tàu. Một đàn chuột chù dạn dĩ như mèo cảnh mon men lại gần. Thủy cười thích chí nhìn mẹ sợ hãi tái xanh mặt:

- Máy con chuột này chạy cả vào trong nhà, mẹ ạ. Đêm nọ Thủy tóm được một con bự lên giường. Thủy ném nó cái bịch ra ngoài sân!

- Trời đất! Thủy, con ơi! Thật không? Ra vào phải nhớ đóng cửa chặt nghe!

Sơn ôm mẹ, trấn an:

- Chuột hiền lắm, không cắn người đâu. Mẹ đừng sợ!

Gặp con mẹ vui. Chia tay con, mẹ lại buồn se sắt, nhớ thương cả sự vui vẻ, hồn nhiên của con. Biên Hòa không xa lắm, nhưng mẹ chẳng đi thăm các con hằng tuần được. Tôi đem chuyện bàn với bà ngoại. Bác Châu, bác Phương đề nghị đưa Thủy, Sơn về ở với hai bác gần ngã tư Bảy Hiền.

Tôi còn đang phân vân thì một hôm, sau khi đi chơi với bố về, hai cậu con trai kể rằng ông đang chung sống với cô ca sĩ bụi đời. A, tốt quá! Con cái không được ở với cả cha lẫn mẹ thì ít nhất cũng phải ở với một người, không mẹ thì cha. Nguyễn có nhà rộng rãi, xe hơi, tài xế tại sao chúng lại bị sống lang thang hết nhà này sang nhà khác? Chúng phải được hưởng những gì ông bố có. Và lại, cô ca sĩ đã mắc cái tội hỗn láo, phạm thượng!

Thực vậy, cách đó hơn một năm khi vụ ly hôn chưa xong, một buổi sáng Chủ Nhật, tôi đi với Nhẫn, người đàn bà đồng sở, tới một tiệm vải đường Tự Do. Khi tôi đi ngang qua cửa sau quán Brodard, đối diện tiệm may Kim Phượng nổi tiếng về đồ tắm và đồ lót phụ nữ, người lính tài xế đứng bên xe Nguyễn đã chào hỏi tôi. Không ngờ lạc vào địa đạo ông chồng cũ, tôi định tâm qua tiệm vải xem nhanh rồi sẽ ra hướng Quốc Hội để tránh lãnh thổ của ông. Trong thư vĩnh biệt bà vợ cũ và hứa sẽ ký giấy nàng đòi ly dị, chàng đã yêu cầu: “Nếu thấy anh đâu, xin em hãy tránh cho sự đau khổ của anh...”

Vào tới tiệm chưa được mười phút, tôi bỗng nghe loáng thoáng có người nhắc tới tên Nguyễn ngay sau lưng. Tôi giữ thái độ thản nhiên vẫn xem xét mấy hàng lụa, vải. Cũng có thể một người nào đó trùng tên. Tôi tiếp tục đi sâu vào trong. Cái giọng kia lại léo nhéo theo tôi và thêm: “Nguyễn thương tao lắm, Nguyễn nói sẽ cưới tao. Nguyễn muốn tao mặc áo cưới màu hồng...” Tiếng nói ấy hình như muốn cho cả tiệm đều nghe. Tôi nghi đó là con bò mới của Nguyễn. Người ta nói, cô này mới chừng 19 hay 20 đã có một đứa con hoang bốn, năm tuổi. Như vậy thì cô này có con hoang từ năm 15, 16 tuổi à? Sau khi bỏ cô vũ nữ, Nguyễn có ngay cô ca sĩ này xách va-li tới thế chân. Tôi vẫn làm lơ, đi lại phía Nhẫn nói khẽ:

- Bà nhìn xem con đười nào đang đứng đằng kia. Nó cứ lải nhải vào tai tôi hoài cái tên ông Nguyễn như muốn trêu ngươi tôi.

Đi tới gần cô ca sĩ, Nhẫn nghe ngóng, vài phút sau trở lại, thì thào bên tôi:

- Nó giống con Lý Khanh lắm. Có lẽ nó là con em.

- Tôi cũng đoán vậy. Thôi, chúng mình đi, làm như không nghe gì.

Tôi kéo tay Nhẫn ra khỏi tiệm vải, nhưng bà ta ngừng lại ở cửa và nói lớn:

- Tại sao chúng mình phải rút lui chứ? Tôi như bà, tôi cho con ranh một trận. Nó lại dám trêu chọc bà vợ còn hôn thú hả?

Tôi cản người đàn bà đi bên cạnh như ngăn chính mình:

- Tôi đã đòi ly dị rồi. Bộ chửi nhau, đánh nhau với nó ngay trong tiệm người ta hay giữa đường này? Chúng nó làm gì cũng kệ thân chúng. Tôi không ra đây để hơn thua với mấy thứ đó.

- Sao bà đại thế? Trong lúc bà buồn, bà cô đơn, họ du dương, ra rít với nhau. Cuối tuần mà xe cũng có tài xế đứng chờ đưa rước! Bà thì lúc nào cũng lang thang, lủi thủi một mình! Con mắt dạy còn đòi ghen ngược nữa chứ? Phải tôi ấy à, tôi xé xác nó ra!

Lời nói khích có hiệu lực. Tôi nghiêng răng:

- Ừ nhỉ! Tôi ly dị cho hẳn muốn lấy con nào thì lấy. Con khốn nạn này phải cảm ơn tôi, sao nó lại dám nghênh ngang, xác xược? Tôi phải bảo cho hẳn trị nó mới được!

Nói là làm, tôi rảo bước sang đường và đẩy cửa vào Brodard. Tôi ngó từng bàn, từng người, trái hẳn với bản tính hay lẩn tránh những ánh mắt xa lạ. Khi cơn giận lên, tôi không còn biết xấu hổ. Không thấy bản mặt thằng chả, tôi ra chỗ xe đậu và bảo tài xế đi gọi ông chủ. Vừa lúc đó, con trâng tráo đi tới đứng cách xa tôi chực thước và nói gì với

con bạn, tôi chỉ nghe tiếng đợc tiếng không, “... đã ly dị rồi mà còn làm tàng...” Thật quá quất! Dù chẳng hiểu đã làm gì để con cong cớn này cay cú đến thế, tôi lớn tiếng hơn:

- A, mày muốn biết cái làm tàng của bà hả?

Nói rồi, tôi mở cửa xe Nguyễn. Bao nhiêu quần áo đàn bà, thùng trang điểm bị lôi ra, ném ngổ ngang hè đường. Chỉ còn cây súng dài, lớn, tôi giật mình ghê sợ, không dám đụng tới. Ra lệnh cho Nhẫn ngồi vào xe, tôi theo lên sau và đóng cửa lại. Một lát Nguyễn từ trên lầu Brodard xuống, ngó vào xe sừng sộ:

- Các bà định tới đây giờ trò gì?

Đau quá! Đau tái tê! Đau như một trái đấm trúng tim! Tôi ân hận vô cùng tận đã đại dột đòi đối chất với người đàn ông đã từng hay xẵng giọng và có những suy đoán rất nông cạn, thấp kém về người vợ cũ. Tôi muốn nói rằng “các bà đây định đi chơi bát phố ngày Chủ Nhật mà đã gặp con thối thây dầy da này cản đường chắn lối.” Nhưng tôi chỉ thốt ra được vài lời uất nghẹn sỏi đá:

- Tôi muốn anh dạy con nặc nô đừng có dở trò hỗn láo trêu chọc tôi.

Nghe con bò đứng đằng sau xe lái nhải những gì đó, Nguyễn quay lại nạt nộ nó:

- Thôi, im ngay, đi lên lầu, không nói nữa!

Thấy tôi tím gan, nổi phôi, ngậm miệng, Nhẫn vắn tắt giải thích đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, Nguyễn dụ giọng nói:

- Có thật vậy cho tôi xin lỗi. Hai bà muốn đi đâu, tôi cho tài xế đưa đi.

Tôi quát:

- Không đi đâu nữa! Đi về nhà!

Nhưng khi xe vừa tới đường Nguyễn Huệ, tôi bảo tài xế ngừng. Ngồi lâu hơn trên cái xe đó, cuộc đời tôi cũng không

khá hơn! Tôi gọi xích-lô, cùng người đàn bà đồng sở trở lại Phú Nhuận. Nhẫn vẫn còn cái giọng xúi bẩy, chọc tức:

- Tôi như bà tôi không ly dị. Tội gì để chúng nó lấy nhau, mình mất hết.

Tôi cười ngất! Cười chảy nước mắt! Tiếng cười như vọng thấu bầu trời Phú Nhuận nơi có mộ phần linh thiêng của ông Võ Tánh và Võ Di Nguy. Mây trắng vùn vùn cá lặn tăn trên nền trời biếc xanh lơ đã chứng giám cuộc đời tôi từ thuở con gái đầy ấp mộng mơ. Tôi nói:

- Tôi mất cái gì? Chúng nó có cái gì để tôi mất? Tôi ly dị vì sự lang chạ của hấn với con vũ nữ. Bao lần trước đây hấn đã năn nỉ tôi bãi đơn ly dị tôi còn không chịu hưởng chi bây giờ. Hấn ở, hấn đi với con ca sĩ này hay con nào, tôi cũng không cần. Tôi sẽ ly dị đến cùng, xem chúng nó có cưới được nhau không? Thiên hạ cứ chóng mặt lên mà coi! Hấn chẳng ở với con nào lâu đâu.

Cô ca sĩ trẻ nổi tiếng lẳng lơ, có thân hình khêu gợi, muốn quyến rũ tất cả đàn ông. Không hiểu sao tôi dám tuyên bố mạnh như vậy? Có lẽ tôi đã biết cái tính chóng chán đàn bà, ham cảm giác lạ với người mới của Nguyễn. Ngừng vài giây, tôi nói tiếp với Nhẫn:

- Tôi cũng nói cho bà hay, một người tốt không có thói nói khích, không cố tình khơi động sự tức giận ở người bạn đã muốn dẹp bỏ tự ái, muốn tìm yên ổn! Bà không phải là bạn tôi!

Từ đó tôi cắt đứt hẳn liên lạc với Nhẫn dù rằng cả cuộc đời người đàn bà này cứ cố tình lân la muốn làm thân với tôi, muốn tôi chú ý tới ả.

Một chuyện nữa về cô ca sĩ, người yêu nhí không bao giờ được mặc áo cưới màu hồng của Nguyễn ấy. Một lần khác tôi nhận lời mời đến văn phòng luật sư của Nguyễn về vụ ly hôn và được ông này nhắn nhủ, thân chủ của ông vẫn nói còn thương vợ, không muốn ly dị. Để chứng minh điều đó, xe

của Nguyễn đã tới đón tôi đi và đưa tôi về nhà dù tôi không yêu cầu. Dọc đường dài, tôi im lặng với nỗi buồn cố hữu không thể che giấu. Đến gần nhà tôi, người tài xế trẻ bỗng lên tiếng:

- Tụi em và đại úy nữa, vẫn quý nể bà. Cô ca sĩ này đã chạy tới và ông buồn thì cặp với cô thôi. Tụi em không nhìn thấy có sự tương xứng và lâu bền giữa hai người. Cô ta thường hay khoe với em, cô có bao nhiêu bộ quần áo, giày, bóp, bao nhiêu hột xoàn, cà rá, nước hoa. Nghĩ thiệt tức cười, tại sao cô ta lại mang những chuyện ấy ra nói với bọn lính quèn tụi em chứ?!

Ngạc nhiên về sự bất chuyên của người tài xế và những điều vừa nghe, tôi nghĩ thầm: “Em là ca sĩ hạng bét làm sao mà nói hoang vậy? Em phải kiếm tiền bằng những chuyện khác nữa? Chứ, sức mấy đại úy của chú có tiền và chịu chi tiêu cho em!” Cười nửa miệng, tôi thở dài:

- Các cô nhiều trò lắm! Đàn bà nội trợ chúng tôi chịu thua!... Cảm ơn chú đã đưa tôi về.

Trở lại ý định tôi muốn trừng trị cô bồ ca sĩ ấy của Nguyễn về cái tội phạm thượng, dám nghênh ngang, khiêu khích “bà đây”. Vâng, nàng kém chàng hơn con giáp. Chàng và nàng vui vẻ, trẻ trung, sẽ được thưởng thức kích động nhạc của hai ông con trai tôi cho thêm phần hào hứng. Tôi nhờ cô Tường Vân, xin cho cả bốn cháu vào tiểu học Trần Quý Cáp, khang trang, sạch sẽ. Nguyễn Thủy lớp nhì, Trường Sơn lớp ba, Ngọc Hân lớp tư, Thần Phong lớp năm. Trường học xa nhà, nhưng bố chúng có xe. Tôi gọi điện thoại cho Nguyễn, yêu cầu thu xếp phòng cho Thủy, Sơn đến ở và buổi trưa cho xe đưa chúng về đón Hân, Phong cùng đi học. Như thế, Thủy, Sơn vẫn qua nhà mỗi ngày và ở với mẹ cuối tuần. Làm sao từ chối hai đứa con ngây thơ, vô tội đây,

Nguyễn đã ngoan ngoãn làm theo lời Ngọc Dung, không một bàn cãi.

Các con ríu rít vui, tôi cũng yên tâm hơn. Nguyên Thủy đã tinh khôn không thể ai bắt nạt. Ngọc Hân yêu cầu chú tài xế mỗi ngày qua chợ Phú Nhuận, đón cô bạn gái nhỏ phải đi chân đất đến trường. Tôi để Hân chia xẻ bánh kẹo, trái cây, áo quần, giày dép, sách vở với bạn. Đứa bé đáng thương đêm đêm phải ngủ ngời vì nhà chỉ là xạp bán hàng quây gỗ xung quanh, mái tôn nóng bức và quá chật chội.

Con số dân quê tản cư vào các thị trấn lên tới 600 ngàn người từ sau cuộc tổng tấn công của Cộng Sản Tết Mậu Thân, 1968. Những túp lều tranh, lợp tôn chỉ vừa đủ che một cái trống, được dựng trên các vỉa hè Sài Gòn và cũng nhiều như thương phế binh bất hạnh, khập khễnh với nạng gỗ trong thành phố...

Cuộc đời tôi trầm lặng đi bên đất nước chiến tranh đã đến thời kỳ khốc liệt nhất lịch sử Việt Nam. Robert viết thư đều cho tôi, mỗi tuần ít nhất một cái. Ông ta làm việc tại Bộ Ngoại Giao, Hoa Thịnh Đốn. Những thư đầu trả lời Robert là một sự vất vả lớn. Học Hội Việt Mỹ, tập đọc, nghe, nói tiếng Anh mãi, tôi vẫn phải vật lộn với hai quyển tự điển Việt-Anh, Anh-Việt dày cộm của ông Nguyễn Văn Khôn. Tôi viết nháp, sửa chữa, chép lại vài lần nữa mới xong cái thư tươm tất. Tuy nhiên, giải bày tâm sự với Robert cũng là một cách giải khuây, giải buồn. Ngoài giờ làm việc, đi học Hội Việt Mỹ, đưa các con đi sở thú, coi phim chương Hồng Kông, Đài Loan hay về thăm mẹ và chị, em, tôi không có sinh hoạt nào khác.

Hai người bạn gái hàng xóm, Thu và Huyền thường sang chơi với tôi. Một người đàn bà ly dị độc thân và hai cô gái lớn tuổi chưa chồng, nằm khăn trên giường, trên ghế dài nói chuyện tầm phào, giết thời giờ. Thu làm việc tại RMK-BRJ trên đường Thống Nhất trước tôi lâu. Huyền là y tá phòng răng

nhà thương Quân Đội Hoa Kỳ gần cổng Phi Long, Tân Sơn Nhất. Nhiều lần Thu và Huyền rủ đi “party”, tôi vẫn từ chối.

Tôi không cố tình khép kín cuộc đời. Đã có bạn trai Mỹ, tôi nghĩ rằng mình không còn ở trong môi trường Việt nữa. Tôi không sợ hãi lời chỉ trích, cũng không cần giải thích, vẫn kiêu hãnh với riêng mình. Thời buổi này ai tư cách, tình người hơn ai? Một vài lần đi “party” với My Suong, tôi cũng chán khung cảnh phè phỡn, sặc sụa rượu bia và bị hiểu lầm đi bắt bớ. Ít người giống Robert.

Theo lời Robert yêu cầu, tôi gửi cho chàng một băng nhạc Việt Nam. Thường nghe ca nhạc cổ điển và “opera”, Robert thích nhất bài “Tình Ca” của Phạm Duy do Thái Thanh hát và “Em Đến Thăm Anh Một Chiều Mưa” của Tô Vũ do Anh Ngọc hát. Lẽ dĩ nhiên chẳng hiểu ý nhạc, chỉ thích qua âm điệu, giọng ca nên Robert yêu cầu tôi dịch lời và thương hai bản nhạc đó hơn nữa. Chàng vẫn than thở nhớ tôi, yêu tôi. Nhưng chữ “love” hình như rất thông thường cho tất cả tình bạn, tình gia đình, anh chị em, tình yêu súc vật, cây cỏ trong tiếng Mỹ, không có nghĩa nghiêm chỉnh, đặc biệt giữa chúng tôi. Ngọc Dung viết thư trả lời Robert như làm những bài luận Anh văn, viết nhật ký hằng ngày...

Mùa Giáng Sinh, Tết Dương Lịch, Tết Ta lại về. Đường phố giăng đèn kết hoa, hội tiệc tung bừng, Sài Gòn nhộn nhịp. Thu, Huyền tưởng tôi định tu tại gia nên lại rủ đi “party”. Thu nói:

- Bọn chị em Oanh trong sở có “bal de famille” tuần này. Chúng nó mới quen một nhóm toàn các chàng xê-li-ba và nhảy chỉ lắm. Miss Dung chắc không thể chê các chàng được.

Tôi vẫn phàn nàn về những lần đi chơi trước với hai nàng: “Điệu nào các chàng cũng nhảy như ‘slow’. Chán bỏ xù!” Tôi cười, cải chính:



- Ai dám chê. Nhưng tối thiểu phải “sạch sẽ” một chút và đừng lem nhem.

Huyền cam đoan:

- Bảo đảm với Miss Dung, nhóm này khá lịch sự, trẻ trung, vui chơi lành mạnh. Nham nhở thì cũng không có chúng mình. Tôi và Miss Thu thấy Miss Dung tối ngày ở nhà nên muốn rủ đi chơi cho nàng đỡ buồn.

Hiểu rằng hai người bạn cùng xóm chí tình, tôi nhận lời. Quả thật, nhóm ky binh này đa số được sĩ, y sĩ mới ra trường, độc thân, khiêu vũ giỏi. Nữ ky binh phần nhiều là các nàng RMK. Nam nữ ôm nhau vi vút như lông hồng, cánh chim. Đôi chân của tôi sau một thời gian chỉ được sử dụng Slow hay *Rock and Roll* nay được dịp tung hoành Bebop, lả lướt Tango... Những bước vũ học ở lớp bà Ánh Tuyết mấy năm trước có cơ hội ôn lại. Cặp giò mảnh khảnh hình như khoẻ khoẻ hơn. Chủ nhân của chúng cũng cảm thấy thích thú, giải tỏa những u uất vẫn còn vương vất trong căn nhà sâu thẳm không tình yêu, không ánh nắng mặt trời xuyên rọi. Nên chẳng lạ gì khi tôi nhận lời đi với Thu, Huyền đến dạ vũ của nhóm đó lần thứ hai, thứ ba...

Không lâu sau, từng cặp bồ bịch dắt nhau tới thăm người đàn bà lạ mặt vừa xuất hiện. Họ đã điều tra, biết tên tuổi, đời tư của tôi và tiếp tục đến chơi nhà tôi, nghe nhạc từ các băng nhựa tròn mà họ cho rằng nghe hay hơn tại nhà khác. Vài bài hát thịnh hành hồi đó mà tôi thích: “Nghìn Trùng Xa Cách, Kiếp Nào Có Yêu Nhau”... của Phạm Duy, “Nửa Hồn Thương Đau, Thuở Ban Đầu”... của Phạm Đình Chương, “Giọt Lệ Cho Ngàn Sau, Tuổi Xa Người”... của Từ Công Phụng, “Tình Khúc Thứ Nhất, Bài Không Tên Số Bốn” ... của Vũ Thành An, “Tình Sầu, Tình Xa”... của nhạc sĩ phản chiến Trịnh Công Sơn... Có chàng đem đàn Guitar tới chơi cho mọi người hát. Tôi mua nhiều bản nhạc. Hát và tự thu vào băng cũng là một giải trí của tôi. Khách ngạc nhiên khen

giọng bà chủ nhà. Căn lầu của tôi được sửa thành phòng khách rộng. Giường của con được đem xuống nhà. Giường của mẹ bị đẩy vào sát tường. Căn gác yên tĩnh, vắng vẻ nên thật lý tưởng cho những buổi họp văn nghệ “bỏ túi” như vậy.

Tôi theo Thu, Huyền đi những “party” luân phiên tổ chức hai tuần một lần ở các nhà khác. Hai nàng cho biết, có chàng cứ khen tôi xinh và nhậy nhẹ. Nhưng Ngọc Dung vẫn lơ đãng cho đến khi nhận thấy một chàng mời nàng nhậy hơi nhiều và đề nghị đưa bộ ba Thu, Huyền, Dung sau dạ vũ đi ăn phở trên hè đường Pasteur. Chàng tên Nhã, y sĩ quân đội. Tối đó tôi mặc áo đầm ngắn, lụa đen thêu cườm cùng màu, cổ rộng để lộ cặp xương quai xanh gầy, cánh tay để trần. Không quen đi chơi khuya, ngồi sương đêm, tôi đã được thưởng thức một cơn ho xé phổi khi về nhà. Tưởng sẽ bị ho lao như lời ước nguyện đại khờ thuở học trò. Nhưng tôi không kiếm có nhờ chàng y sĩ chữa bệnh như những nàng con gái đang giương cung bắn sè. Có lẽ, người khác phải để mắt tới Ngọc Dung vì nàng không có vẻ chú ý tới ai.

Nhã có cái xe trắng bốn cửa, khá rộng, tiếp tục tình nguyện đón đưa ba cô bạn đi chơi. Chàng bác sĩ thường nhanh chân mời tôi những bản nhạc Slow chậm như rùa. Một buổi tối cuối tuần êm lặng, không có mục gì, Nhã đến rủ tôi đi nghe nhạc. Tôi từ chối. Chàng đã ngồi lì cho đến lúc được nhận lời và đưa tôi tới một phòng trà ca nhạc rộng lớn đường Trần Hưng Đạo. Hồi đó Lệ Thu có giọng ca tròn gọn, lớn mạnh như muốn phá vỡ không gian và con tim người nghe. Anh Khoa còn rất trẻ, tiếng hát nhẹ êm, truyền cảm. Đêm khuya về, Nhã đưa tôi đi ăn cháo cá chợ Cũ. Tiệm ăn không sạch lắm. Đi cho qua một buổi tối và tò mò muốn thăm thú Sài Gòn, tôi không đói dù đã khuya. Nhưng khi vừa đưa lên miệng một muỗng cháo trắng thanh đạm, đậm ngọt, không cần thêm mắm muối, miếng cá tươi thơm mùi gừng, tôi mới cảm thấy đói mềm. Hình như cá được bỏ vào tô khi còn sống

và chỉ chín sau khi cháo nóng bỏng đổ lên. Ăn hết tô cháo vẫn thấy thân thể nhẹ nhàng, dễ chịu. Đêm ấy về, hình ảnh người đàn ông trí thức, lịch sự, cùng lứa tuổi, đã cho tôi một nụ cười lâng lâng đi vào giấc mộng như mùa xuân vừa trở lại...

Khi những “party” đã đi một vòng qua hết mọi nhà rộng rãi. Nhóm nghiên nhậy đó chiều cố đến tề xá của Ngọc Dung. Họ lo mua đặt hết thức ăn, uống như “pâté chaud”, bánh ngọt, “sandwiches” của quán Hương Lan trước Bru Điện, xôi vò, giò, chả, bánh bột lọc, bánh lá Huế đường Hiền Vương... Tôi chỉ có một việc đi ra quận cảnh sát lo cái giấy phép họp mặt trên 20 người. Tên và chức vụ của Nguyễn vẫn còn trong sổ gia đình, nên ông quận trưởng Tân Bình ký cái rụp, không chất vấn, không trở ngại dù tháng nào cũng xin mở tiệc sinh nhật. Nhóm bạn trẻ thích mấy băng nhạc ngoại quốc xen với những bản Slow và Boston Việt Nam, tha thiết, náo nùng mà tôi nhờ ông em rể và em trai thu hộ. Từ đó, Nhã mặc nhiên là kếp của tôi trong các dạ vũ...

Càng đi chơi nhiều tôi càng viết thư ít hơn cho Robert. *Loin des yeux, loin du cœur! Out of sight, out of mind! Xa mặt cách lòng!* Thật đúng quá! Tôi chán ngòi nhà làm luận Anh văn cho hết ngày này qua tháng khác. Robert đang lo thủ tục ly hôn. Bà vợ đồng ý với mọi điều kiện dễ dàng, vì cách đó 5, 6 năm bà đã mở đầu làm việc đó và định lấy một người đàn ông khác. Khi tình nhân không chịu cưới, bà bỏ lưng vụ ly dị nhưng vẫn gặp gỡ, đan dít với ông bỏ cho tới bấy giờ. Dù ở hai phương trời khác biệt, hoàn cảnh Robert chẳng khác của tôi, cùng bị phản bội thường trực, rờn rã. Tôi xin ly hôn và được ly thân trước khi gặp chàng. Robert bắt đầu làm chuyện đó sau hai năm quen tôi.

Tuy nhiên, không muốn là lý do ly dị của người bạn Mỹ, tôi viết cho Robert, “nếu hai vợ chồng không hạnh phúc với nhau thì chia tay. Không vì định lấy người này mới bỏ người

kia, hay, không định lấy ai khác thì vẫn tiếp tục sống ngục tù, hành hạ người phối ngẫu như kẻ thù.” Thế rồi giấy tờ ly hôn của Robert kết thúc. Chàng chính thức hỏi cưới tôi. Thay vì hôn hoan, sung sướng, tôi hoang mang, lo sợ chưa thương yêu chàng đủ để nhận lời cầu hôn. Thời kỳ thứ hai Robert ở Việt Nam, chúng tôi chưa khi nào đề cập tới tình yêu. Tôi cần phải gặp lại, đối diện Robert và xem xét lòng mình, lòng người, có nên tiến tới hôn nhân? Chàng muốn cưới người mẹ cũng phải “cưới” cả bốn đứa con. Nên thử chung sống với năm mẹ con tôi, Robert mới rõ có hy sinh, kiên nhẫn được và cùng tôi săn sóc chúng. Tất cả phải đợi khi nào Robert sang Sài Gòn làm việc một lần nữa, mới quyết định được, tôi không thể hứa hẹn trước.

Bất ngờ, chàng bắt đầu làm một chuyện bất thường. Một hôm, tôi nhận được điện thoại của Jeff, người bạn Robert vẫn làm việc tại USAID từ thuở chàng mới quen biết tôi. Ông ta mời tôi đến nhà nhận quà Robert. Đó là bộ hạt trai hai vòng đeo cổ, giống như chuỗi tôi thường mượn của chị Tâm. Một miếng giấy nhỏ kèm theo với hàng chữ: ”Còn món quà khác dưới đáy hộp.” Tôi lật miếng bìa bọc nhung lam và giật mình nhìn thấy xấp giấy một trăm đô-la. Tôi vội vàng đóng ngay cái nắp. Đó là một món tiền thật lớn, tôi chưa bao giờ có trong tay. Và, từ đó Robert gửi quà như thế nhiều lần và khuyên tôi nghỉ việc tại hãng RMK-BRJ, đi học lại. Lẽ dĩ nhiên tôi không đồng ý.

Tôi vẫn đi làm nhưng đổi sang học lớp Anh văn cấp tốc tại Hội Việt Mỹ, mỗi buổi hai giờ và ba buổi một tuần. Tôi không muốn sống ỷ lại vào người đàn ông ở chân trời xa tít tắp, có thể chẳng bao giờ gặp lại. Sau cuộc hôn nhân đổ vỡ, tôi không còn tin tưởng lời hứa hẹn nào. Trong khi chờ đợi hãy vui chơi. Chàng bác sĩ quân y bắt đầu đòi đón tôi khi tan sở và sau những lớp học buổi tối. Nhã muốn săn sóc các con tôi, đưa chúng đi chữa răng, băng bó cho Nguyên Thủy tại

Bệnh Viện Cộng Hòa khi cu cậu chơi nhảy phóng như trong phim Chương và bị té gãy xương cánh tay. Ánh mắt nồng nàn. Vòng tay say đắm hơn trên sàn nhảy. Sự cảm dỗ như nam châm trong căn gác vắng vẻ. Thật khó khăn cho một thiếu phụ trẻ, tự do giữa mùa xuân ham muốn, quyến rũ nhất đời nàng. Tôi không có ý định giữ gìn cái chính chuyên của người đàn bà ly dị, mang tiếng có bồ Mỹ. Tôi sợ vương mắc oan khiên và tình cảm sẽ đi xa hơn cuộc vui hời hợt. Tôi không muốn vấp ngã đón đau một lần nữa và cuống quýt tìm cách trốn tránh những buông thả.

Tôi mời gia đình cô em gái Tường Vân và em rể Lưu Quang tới ở chung. Hai người em đưa ra bao nhiêu điều ngăn ngại để từ chối. Tôi phải năn nỉ và thú thực, tôi cần các em để ngăn chặn tình cảm quá chớn. Sau cùng, vợ chồng cô em với hai cháu Vân Trang, Vân Hảo đã dọn tới ở trên lầu. Mẹ con tôi ở dưới nhà. Nguyên Thủy, Trường Sơn vẫn ở với bố và về bằng xe Nguyễn đón Ngọc Hân, Thần Phong đi học mỗi ngày. Cuối tuần hai cậu ở lại với mẹ và em nếu không đi chơi đâu với bố.

Những dạ vũ tung bùng tại nhà đã chấm dứt, tôi vẫn là cặp nhảy của Nhã tại những nơi khác. Chàng vẫn đưa đón tôi đi chơi, đi ăn tại Quán Con Nai Vàng đầy ruồi, Quán Rơm Thủ Đức đầy muỗi. Quán Dừa xiêu vẹo bên xa lộ, đồ ăn chẳng ngon, nhưng bóng dừa nên thơ, đồng ruộng bát ngát, không khí trong lành, những bè mây trắng trôi theo nhau trên bầu trời không vương tầm mắt. Tâm hồn lang thang, bay bổng một lúc nào. Bãi biển Vũng Tàu lộng gió, cát ấm mịn màng. Tóc chằm vai lơ lả, thân hình mượt mà, thon thả với áo tắm hai mảnh của tiệm may Kim Phượng. Từ ngày quyết định ly dị tôi đã để tóc dài, muốn thay đổi nhân dáng và để tang những mộng mơ đã mất. Tự ti, mặc cảm khi người chồng cũ ngoại tình với những người đàn bà khác hình như

đã được gột rửa theo sóng nước đại dương. Tự tin đã bộc lộ trên nụ cười rộng mở, yêu đời hơn. Tuy nhiên thâm tâm sâu thẳm, tôi vẫn hiểu đây chỉ là phiêu lưu, đùa giỡn. Tới thời điểm nào đó, cuộc tình này sẽ phải chấm dứt, trước khi tôi ngụp lặn trong bể trầm luân. “Aimer, c'est mourir un peu!” Yêu là chết trong lòng một ít! Tôi sợ đời tôi lại đi tới giai đoạn đó. Vì Nhã có tất cả những điều kiện để phải nữ ước mong được làm người yêu, người tình, người vợ. Thì đây cơ hội tới. Một buổi tối Huyền và Thu sang nhà tôi chơi, cho biết Nhã đến gặp họ và than thở: “Cứ tưởng Dung ngoan lắm, hóa ra Dung có bồ Mỹ!” Đã cầm bằng điều đó trong tay, tôi không một chút ngạc nhiên:

- Tôi như thế đó! Không thích thì đi chỗ khác chơi! Hai bạn nói giùm, Nhã không có dịp gặp lại tôi nữa đâu!

Vài ngày sau đó, một buổi tan sở ra, tôi trông thấy Nhã ngồi trong xe đậu bên vườn hoa cửa sau của Hãng RMK. Nếu như không nghe chuyện Thu, Huyền, tôi đã đi sang xe Nhã để chàng đưa về. Nhưng, tôi thụt lui ngay và vòng ra cửa trước đón taxi. Vào đến nhà, tôi dặn Năm: ”Bất cứ lúc nào, ông bác sĩ tới cũng nói tôi đi vắng, nghe!” Quả nhiên Nhã tới liền sau đó và được nghe người giúp việc thừa lệnh cô chủ. Hôm sau, xe Nhã đậu nghênh ngang cửa trước sở tôi trên đường Thống Nhất. Tôi quay ra cửa sau. Tiếp tục như thế cả tuần, mấy lần Nhã điện thoại tới sở, tôi đều cáo bạn không nói chuyện, không cho gặp. Nhã đến cầu cứu Huyền, Thu, nhờ gửi lời xin lỗi và mong gặp lại tôi. Thu nói với giọng ngậm ngùi:

- Chắc Miss Dung không thể tưởng tượng chàng đã phải thốt ra rằng, “chưa một người đàn bà nào làm tôi đau khổ, làm tôi khóc như Dung.”

Thuyền cũng mỉm lòng cho chàng y sĩ độc thân:

- Nhã đã rơm rướm nước mắt khi nói rằng, “Dung không biết tôi thương Dung lắm sao?!” Tội nghiệp! Miss Dung nên cho chàng gặp để trần tình.

Những tiết lộ trên thật bất ngờ. Tôi vẫn nghĩ Nhã coi sự quen biết với tôi như những ham vui của một người đàn ông còn độc thân trước khi cưới vợ. Bù người, tôi bật cười mai mỉa:

- Chàng thương tôi kiểu Bắc hay kiểu Nam đây? Nhưng dù kiểu nào tôi cũng không dám nhận. Một người như tôi không còn can đảm đi tới chuyện đàn ông, đàn bà nặng nề nữa!

Vài tháng ngắn ngủi quen biết Nhã vừa qua, không một lần tôi nghĩ đến chuyện yêu đương. Tôi chỉ muốn dự những dịp vui chơi thoáng qua, không vương bận, không muốn rơi ngã vào một cuộc tình sâu đậm, gắt gay. Tôi ngưng đi tới tất cả những dạ vũ có nhóm y dục ấy để tránh và cương quyết tuyệt giao với chàng y sĩ. Trước sau cũng chia tay, tôi không muốn là kẻ bị bỏ rơi!

Trong khi ấy, nhà ngoại giao Hoa Kỳ vẫn muốn thả thuyền tình theo giòng Sông Potomac cuộn cuộn chảy ra Đại Tây Dương, qua nửa vòng trái đất sang bờ Biển Thái Bình. Chuyện đi ăn, đi chơi, đi nhậu, đi đâu tôi cũng tường thuật cho Robert hay. Tôi nêu ra những vấn đề phủ định. Nếu tôi là vợ chàng, tôi phải về Hoa Thịnh Đốn. Thời tiết lạnh, dân chúng kỳ thị. Một mai chàng thay đổi quay về với đàn bà bản xứ tôi sẽ làm sao? Robert trả lời và cam đoan tất cả. Chuyện kỳ thị ở đâu cũng có, ngay cả Sài Gòn. Người ta phải ngừng cao đầu tin tưởng cho công bằng, bác ái được tồn tại mọi nơi. Sau khi thành hôn, Robert sẽ chọn đi các xứ nóng, về hưu, sẽ dọn tới các tiểu bang miền Nam ấm áp hơn hay về Sài Gòn nếu tôi muốn. Robert hứa sẽ yêu thương, săn sóc mẹ con tôi đến hơi thở cuối cùng. Chàng viết cho anh chị em tôi, nhắc lại những lời hứa hẹn đó và nhờ cả Jeff, cùng một người bạn

Việt Nam làm việc tại Tổng Liên Đoàn Lao Công nói giúp vào. Hai người này nhất định mời tôi đi ăn một bữa chả cá Thăng Long, đường Đinh Công Tráng, Tân Định. Họ dùng tất cả khả năng thuyết phục tôi với những nhận xét rất ưu ái và sự tin tưởng của họ về Robert.

Cũng như những bữa ăn chả cá khác, lạc rang, bánh đa, mắm tôm chanh ớt, cà cuốn, hành tây ngâm dấm, rau ngò, rau thơm được dọn ra. Mắm tôm tốt, ngon, khi vắt chanh và khuấy sẽ sủi bọt đầy chén. Tiếp đến món ăn chơi, ốc nhồi hấp lá gừng, rồi món chính, cá lọc xương, thái lát, ướp riêng, nghệ, mè và nướng than sém cháy vàng bày trên đĩa hành lá, thìa là. Khi cá mang tới bàn, được xối mỡ sôi sèo sèo, khói bay mùi thơm phưng phức. Cá trê biển ngon nhất cho món chả cá này. Nhưng có lẽ chả cá sẽ ngon hơn, thi vị hơn khi người ta đi ăn với bạn bè, người thân thiết và ồn ào, hay được chung ô dù che mưa bay phơ phất, hồn vui phơi phới bên cạnh người yêu thì thật lý tưởng...

Robert vẫn không nản chí, chàng tiếp tục tìm đủ mọi cách để xin sang làm việc tại Sài Gòn, nhưng Toà Đại Sứ chưa có chỗ trống. Nhiều lần Robert định thôi việc Bộ Ngoại Giao và nhận làm cho một hãng tin tức quốc tế. Nhưng tôi đã cản Robert. Tôi thích cái nghề hiện tại của chàng hơn là làm báo, chạy tin. Cái thuở mười chín, hai mươi thơ mộng, lãng mạn, *thơ anh làm em hát, tơ anh dệt em may* qua lâu rồi. Tuổi ba mươi đã nhìn tình yêu thực tế hơn.

Đồng thời, một cuộc tình tương tự đã xảy đến với một nữ kế toán viên trong phòng làm việc của tôi tại Hãng RMK. Bạch Liên vào khoảng 25 tuổi, đẹp mộc mạc không trang điểm, da trắng ngà, tươi mát như tên của nàng. Một người bạn thư Mỹ vừa từ Honolulu qua thăm Liên và ở lý tại khách sạn không chịu về nước nếu nàng không về theo chàng. Cách đây hai năm, chị của Bạch Liên du học Hoa Kỳ, đã gặp Jack



tại Đại Học. Cảm mến cô bạn Việt Nam đã có hôn phu ở quê nhà, chàng xin cô giới thiệu em gái để trao đổi thư từ như một giải trí thơ mộng. Khi đậu xong bằng Cao Học và trước khi nhận việc làm với thân phụ có hãng xưởng lớn ở Honolulu, Jack sang Sài Gòn và định chỉ nghỉ hè 10 ngày. Chàng đã xin gia hạn chiều khán ở lại thêm một tuần rồi một tháng và xin cưới Bạch Liên. Nàng tìm đủ mọi lý do lo ngại để từ chối. Jack cầu cứu đến người chị và cả gia đình của Liên để khuyên nàng nhận lời cầu hôn. Chàng vờ cha mẹ từ Honolulu tới Sài Gòn để xin ông bà thân sinh Bạch Liên cho cưới nàng và bảo đảm cuộc sống của hai người sau khi thành hôn. Qua ba tháng với những cơn cảm cúm, đau ốm vì không hợp phong thổ và... tuyệt thực để tỏ tình tuyệt vọng, Jack đã thành công. Cảm động vì tình yêu si dại của Jack, sau cùng Bạch Liên đã nhận nhẫn đính hôn của chàng. Cả phòng kế toán chúng tôi được đi dự đám cưới của đôi trai tài gái sắc Mỹ, Việt tại nhà hàng Bồng Lai...

Khi Bạch Liên vừa theo chồng về Honolulu, tôi nhận được thư của Robert. Không đi Sài Gòn làm việc được, chàng sẽ sang chơi. Nhân một chuyến công du mấy nước Thái Lan, Mã Lai, Phi Luật Tân, Singapore, Robert đã ghé Jakarta và gặp Kim Dung vì biết nàng là bạn thân nhất của Ngọc Dung. Chàng đã tới Sài Gòn, đem theo cái thư thật dài với những nhận xét rất đôn hậu của nàng về Robert và so sánh đời sống nước Mỹ với nước Úc. Kim Dung khuyên tôi nên tin tưởng ở Robert, đừng sợ người ngoại quốc. Nàng đã sống rất thoải mái ở Sidney, tương tự vùng Washington, DC.

Một buổi, tôi đang tiếp Robert tại nhà, cửa ngoài hiên mở rộng. Chàng y sĩ bất ngờ xuất hiện. Tôi ngạc nhiên, tưởng Nhã đã bỏ cuộc. Thì ra, chàng vẫn muốn ba mặt một lời. Không thể làm khác được, tôi đành để hai người đàn ông đối đáp nhau. Nhã không thạo tiếng Anh thì cứ xài tiếng Pháp. Robert không giỏi tiếng Pháp thì cứ dùng tiếng Mỹ. Tôi phát

ngôn lộn xộn cả hai sinh ngữ. May mắn thay, nhị vị anh hùng giữ mức độ lịch sự cần phải có.

Sau lần thăm viếng Sài Gòn chớp nhoáng trong vài hôm đó, Robert trở về Hoa Thịnh Đốn. Tôi tiếp tục viết thư cho nhà ngoại giao như bạn và thành thật xin lỗi vẫn không thể hứa hẹn hôn nhân. Tôi sợ khó giữ được lời hứa và không muốn mang tiếng họ hàng nhà Cuội. Từ đó, tôi cũng không gặp lại chàng y sĩ. Nhưng Tết năm ấy tôi nhận được một cành đào Đà Lạt với tấm thiệp chúc mang tên Nhã...

Cuộc đời người đàn bà cô đơn chẳng đóng cửa được mãi. Tôi không ngồi đây để mơ mộng một chuyện không biết bao giờ xảy ra, không chắc chắn sẽ thành sự thực để rồi uổng phí tuổi xuân đã mất mát quá nhiều. Khi Huyền, Thư rủ tôi đi chơi với một nhóm khác, tôi lại nhận lời. Nhóm này ở địa hạt luật sư, kinh tế, kế hoạch và cũng toàn độc thân. Ngọc Dung không dám giao thiệp với các ông có vợ. Nàng lơ mơ đi theo bạn, vẫn để cho vui, tiêu khiển thời giờ vô định. Chẳng bao lâu, một chàng nhây giỏi mời nàng ra sàn vũ hoà và biểu diễn đủ bước bay bướm. Một buổi tối, trên sân thượng lầu cao vùng Ngã Bảy, ánh hỏa châu lập lòe trên nền trời đen thẫm không trăng sao, chàng tên Hoạch ấy đã dìu tôi theo những bước Tango Bleu uyển chuyển vòng quanh sân vũ. Rồi trong một bản Slow thật chậm, chàng đã thì thầm:

- Dung có biết không, nhiều chàng để ý tới Dung lắm đấy. Nhưng các chàng đều sợ cái tên của Dung.

- Sợ người mang tên thì còn có lý. Chứ cái tên Dung bắt cóc được ai đâu mà sợ?

- Không phải vậy! Người ta yêu cái tên Dung, nhưng ngại cái tên Madame Nguyễn.

- Dung ly dị rồi, tại sao mọi người vẫn cứ gọi Dung bằng tên đó để rồi sợ bóng, sợ vía nó vậy? Ông ấy chẳng cần biết tới Dung làm gì nữa đâu.

Hoạch vẫn rù rì:

- Người ta không sợ ông ấy mà ngán cái tên Madame Nguyễn cao xa, khó với tới. Các chàng chỉ đứng ngoài ngó. Nhưng Hoạch thì chẳng ngán sợ gì cả.

Đó là điều ngạc nhiên lớn! Trong khi tôi mang đầy những mặc cảm, người đời lại nghĩ về tôi như vậy. Tôi cười rung cái thân hình mảnh khảnh trong bộ đồ đầm hàng lụa màu hồng, rộng cổ, ngắn tay:

- Anh không ngán sợ thì làm gì?

- Thì nhảy với Dung cho thỏa mãn.

Không phải là người đàn bà thích gọi tình, gọi dục, tôi ngưng nói giỡn ở đó. Nhưng Hoạch không ngưng, chàng o bế cả Từ và Duyên để đưa chúng tôi đi Vũng Tàu chụp ảnh, ăn tôm hùm Cyrno's, đi xi-nê với các bạn của chàng. Hoạch có vẻ chững chạc, giọng nói âm áp, đôi mắt sâu, cặp môi dày quyến rũ thấp thoáng dáng dấp Robert Hossein, tài tử màn ảnh Pháp trong phim *Angelique*. Cuộc chinh phục vẫn tiếp tục. Cái thuở ban đầu muốn gặp nàng, phải gặp cả chị em hay bạn nàng, nên Hoạch đã đưa Huyền, Thu, Hoa, một nàng RMK khác và tôi đi xem tướng số. Ông thầy nói, thái dương tôi hóp, thiếu tình yêu nên chải tóc che đậy khuyết điểm đó. Nếu chỉ làm một việc dễ dàng như thế để có tình yêu thì trên đời không ai thất tình. Thầy tướng cũng thêm rằng, một người ở xa muốn cưới tôi nhưng lấy nhau thì ông này sẽ chết bất đắc kỳ tử! Tôi bán tín, bán nghi, Hoạch có thể xúi thầy tướng hù lơn.

Hoang mang, tôi muốn gặp thầy bói khác. Khi nghe một y sĩ nói bị ung thư, phải đi giải phẫu cắt ngực, moi tử cung ngay, bệnh nhân nên đi khám lại với một, hai ông khác để lấy ý kiến xác thực trước khi bị mổ xẻ oan. Thoa đưa Huyền, Thu và tôi đến bà Éclair, thầy bói bài Tây người Pháp ở đường Hồng Thập Tự. Bà ta xóc, trái, lật lên, úp xuống những cây bài lớn và cho biết, có vài người đang hướng về

tôi. Người đứng tuổi có chức vị, từ xa tới. Tôi sẽ xuất ngoại. Ba cô bạn gái và tôi nhìn nhau nửa tin, nửa ngờ. Tôi nhắc lại lời ông thầy tướng. Bà Éclairé hỏi ngày sinh của tôi và Robert. Tôi cho bà ta biết chúng tôi cùng có dấu hiệu Cancer. - “C'est très merveilleux! Il est très gentil!” (Tuyệt vời lắm! Ông ta rất lịch sự!) Bà thầy bói Pháp trả lời.

Tuy nhiên, xem bói cũng chỉ là một giải trí, tôi không cuồng tín, dị đoan. Không vì thầy bói, tôi không dám hay sẽ nhận lời cầu hôn với Robert. Vài tuần sau, nhà ngoại giao cho tôi biết đã được chỉ định một việc làm ở Sài Gòn. Tôi ngưng ngay tất cả những hò hẹn. Sự quen biết với Hoạch cũng như Nhã chỉ là những cuộc vui chơi bạn hữu nhất thời, phải dọn dẹp. Tôi muốn trắc nghiệm lòng mình, để tâm hồn lắng trong, tự xem xét tình cảm đối với người bạn Mỹ sắp trở lại.

Vào một ngày đầu tháng tư năm 1971, Robert trở lại Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ trên đại lộ Thống Nhất và nhậm chức lần thứ ba, tôi nhận được một chục bông hồng nhưng thăm bọc giấy bóng trắng, buộc nơ đỏ cùng màu hoa gởi đến Hãng RMK-BRJ. Một tấm thiệp nhỏ kèm theo với dòng chữ, “Gửi Miss Dung. Người yêu cô và muốn được gặp cô, Robert.” Tôi tháo bó hoa và chia cho các cô độc thân trong phòng làm việc một bông, chỉ còn giữ hai bông cắm trong lọ với cái nơ. Một lát sau Robert gọi tới. Từ ông chủ sự cho đến các cô nhao nhao la vào điện thoại chào mừng và cảm ơn đã được kẻ một bông hồng. Tôi hẹn tan sở sẽ qua gặp Robert tại Tòa Đại Sứ.

Một ngày dài hồi hộp làm việc rồi cũng hết. Năm giờ chiều, nhân viên ulla ra khỏi sở. Các bà, các cô RMK nổi tiếng thời trang, làm nhộn nhịp đường phố. Vì định gặp Robert, nên tôi đã mặc cái áo đầm màu trắng kín đáo và không ngắn lắm. Bên kia đường vài xe hơi đợi chờ những người đẹp làm

sở Mỹ. Tôi cười thầm, không một chút luyện tiếc cái thuở dấp dìu mấy tháng trước. Tương lai quan trọng đang chờ quyết định của người đàn bà đáng đáp mong manh, kiêu ngạo, nhưng mang đầy hoang mang trong lòng. Tôi giữ dáng điệu bình thản đi trên vỉa hè đá xanh thênh thang, sạch sẽ. Ở đây người ta nghe nhiều tiếng Mỹ hơn tiếng Việt. Chỉ hơn trăm bước, tôi đã vào tới cổng Tòa Đại Sứ và qua những người lính Mỹ không quá hai mươi tuổi, cao to, quân phục thẳng nếp cứng. Tôi tới bàn giấy trong hành lang, xin gặp Robert và ngồi ghế dành riêng cho khách viếng thăm.

Mười phút sau Robert bước ra từ thang máy. Tôi đứng lên. Chàng tiến lại với nụ cười cảm động và đưa cả hai bàn tay nắm tay người bạn gái. Robert chỉ hỏi được một câu rất thông thường, “Em mạnh khoẻ không” và im bật. Đôi mắt xanh long lanh ướt. Cũng không hơn gì, tôi thốt ra một câu chào mừng nghẹn ngào và ngậm miệng, ngấn nước mắt mập mé khóe mi. Không dám để rơi lệ trước người qua, kể lại tấp nập, tôi cố gắng ngăn chặn cảm xúc, hẹn chiều mai sẽ đến địa chỉ Robert. Trong cơn xúc động chàng vẫn không quên khen người yêu xinh đẹp. Đó là một điểm rất dễ thương của Robert làm tươi mát tâm hồn người được khen. Tôi cảm ơn, đáp lại một câu tương tự và quay ra sau cái ôm nhẹ chia tay của chàng. Robert không bao giờ e ngại mọi người biết tôi là bạn gái mà trái lại chàng luôn luôn tỏ ra hãnh diện. Hai hàng lệ xúc động mừng vui chảy dài, tôi vội mở ví lấy cặp kính râm đeo lên mắt và thắm nhẹ đôi má bằng ngón tay. Tôi không thể từ chối và làm khổ Robert hơn nữa. Người đàn ông này thành thật yêu tôi. Một tình cảm sâu đậm nào đó vừa dâng lên trong trái tim người thiếu phụ Việt Nam nhỏ bé.

Chúng tôi bắt đầu hò hẹn trở lại. Nhưng cả hai đều dè dặt không đề cập tới vấn đề hôn nhân và cùng ngấm ngấm tìm hiểu có thực sự thương yêu nhau để đi tới đích đó. Tôi không cho Robert tới nhà thăm để tránh những dị nghị nếu chuyện

chúng tôi không thành. Ngoài những lần dùng cơm và gặp gỡ tại nhà cư xá tạm thời của Robert, chàng đề nghị đưa tôi đi ăn trong phố. Tôi chọn nơi có nhiều người ngoại quốc lui tới hay chỉ có đồng bào dù muốn, dù không cũng giữ lịch sự tối thiểu của người văn minh, có học, có giáo dục, không buông lời thô lỗ khi nhìn thấy một cặp trai gái Mỹ, Việt.

Robert và tôi đã qua một buổi chiều êm đềm, thư thái tại nhà hàng Continental Palace. Người Pháp xây cất khách sạn này từ năm 1885. Bàn ăn nhỏ cạnh cửa sổ nhìn ra đường Tự Do thưa vắng người. Thịnh thoảng một, hai cô gái môi son, má phấn, váy ngắn cũn cỡn, áo hở da thịt, tóc búi cao xịt keo cứng ngắc, ưỡn ẹo đi trên hè phố. Một cậu bé xách thùng đồ nghề đánh giày chạy nhanh qua đường. Tôi hỏi Robert:

- Có khi nào anh đưa giày cho những đứa trẻ ấy đánh bóng không?

- Không bao giờ. Anh vẫn tự làm lấy.

- Tốt! Nếu anh thương chúng thì cứ cho chúng chút tiền, đừng hành động thực dân, em không thích.

Đôi mắt xanh trong đăm đúi như muốn thu hút hình ảnh người đối diện, Robert cười dịu dàng:

- Anh muốn làm kẻ đánh giày cho em và mong em là thực dân của trái tim anh mãi mãi.

Để Robert nắm tay trên bàn, tôi nhướng mắt:

- 1955, năm cuối cùng của người Pháp ở Sài Gòn, nhà văn Anh Graham Greene đã lấy bối cảnh Continental Palace, dựng tác phẩm *The Quiet American*. Anh định theo gót Ông Greene chăng?

- Có thể lắm. Thập niên 1920, Somerset Maugham, một tác giả Anh khác cũng đã đến đây và viết về khách sạn này. Không có người yêu Sài Gòn, người ta còn viết về Sài Gòn, huống chi anh đã có em.

Tôi ngòai đó và no với ánh mắt nồng nàn cùng những lời khen tặng của Robert:

- Em đẹp lắm. Từ khi quen em, anh không thấy một người đàn bà nào đẹp nữa.

- Cám ơn anh. Em không nghĩ em đẹp, nhưng có thể tin được điều đó qua đôi mắt dễ thương của anh.

Hình như Robert quên hết cuộc đời sự nghiệp khi được ở bên cạnh người yêu. Dù xúc động, tôi vẫn có những ngại ngần làm vợ người ngoại quốc và về xứ chàng với bốn đứa con. Một ngày nào đó chàng thay đổi, bỏ tôi, tôi sẽ một mình đối phó thế nào ở xứ lạ?

Một lần khác, tôi nhận lời đi ăn với Robert tại nhà hàng nổi bên giồng Sông Sài Gòn nước đen như mực lấp lánh ánh đèn ghe, thuyền di động có vẻ bí mật và đầy đe dọa. Mặc dầu nhạc nhã tung bừng, đèn giăng như hội hoa đăng, tôi vẫn thấp thỏm lo sợ mất vui, nghĩ tới những trái bom khủng bố của đặc công Việt Cộng có thể nổ tung bất cứ lúc nào như họ đã làm trước đó không lâu tại đây. Tôi không sợ chết, nhưng sợ bốn đứa con mất mẹ.

Từ Mỹ Cảnh nhìn vào đầu đường Tự Do là Majestic Hotel. Robert và tôi đã cùng một cặp vợ chồng người bạn Mỹ tới nhà hàng sân khấu của khách sạn này. Nhiều bản nhạc ngoại quốc như “Unchained Melody, Only You, Moon River”... được trình bày xuất sắc. Những màn trống, vũ Đông Phương cổ truyền, xiêm y lộng lẫy, thuần túy Việt Nam của ca vũ đoàn Hoàng Thi Thơ nhạc sĩ với vũ sư Lưu Hồng, được trình diễn ngoạn mục. Robert và tôi thân mật, khăng khít nhưng vẫn không nhắc tới hôn nhân.

Cho tới một ngày, tôi đi làm về và được ba nhà hàng xóm mời sang nói chuyện. Cửa vừa đóng, họ sấn sổ chỉ trích tôi phá giá mua nhà đã định. Mụ ở căn giữa chồm lên xia xói, muốn hành hung tôi:

- Nó cậy nó làm điểm cho Mỹ có tiền nên muốn qua mặt người khác hả?

Biết gặp phải con mụ nặc nô, tôi đứng ngay dậy định bỏ ra về, nhưng cửa khóa, tôi vừa đập vừa la toáng. Em gái tôi và người làm đứng bên ngoài kêu cứu. Bọn hàng xóm đành phải mở cửa để tôi ra. Mụ nặc nô tiếp tục trắng trợn chửi tôi toang toang ngoài đường:

- Thăng Mỹ nó bảo với tao rằng mỗi lần nó ngủ với mày nó cho 15 đô la. Nó chơi chán chê, nó bỏ về nước, nó không thèm lấy. Nó có bao giờ trở lại nữa đâu!

Tôi không thể tưởng tượng nổi mụ hàng xóm lại có thể điêu ngoa, đặt điều trắng trợn về tôi như thế. Mụ đó cũng chính là con đàn bà đã khuyên tôi đừng ly dị, chồng chơi thì vợ cũng chơi và dụ khị tôi đi ăn, đi nhậu, đi Vũng Tàu với vợ chồng mụ. Ngán cái dữ dằn của mụ, tôi nhận lời để thấy ông chồng học thức, lịch sự bao nhiêu thì bà vợ vô học, vô giáo dục bấy nhiêu. Mụ chửi thề, văng tục như dân máy nước. Tôi vừa khiếp đảm vừa xấu hổ, không đi đâu với họ nữa. Mụ tức giận, đã sang nói với bà nội của các con tôi hỏi tôi chưa ly dị xong, rằng mẹ chúng xin đi theo, chứ mụ không rủ. Thật là con mụ hết xài nổi! Khi ấy ông con trai đang ở với nhân tình, bà mẹ chồng cũ của tôi đã nói đồng: “Ham đi chơi với bạn bè thế đấy, tử tế gì!”

Từ trong nhà, tôi vẫn nhìn thấy một khoảng mây xanh. Trời của tôi vẫn có mắt ở tất cả mọi nơi, dù trong ngõ tối tăm, trên mái nhà nhỏ bé sấp sụp đổ. Mụ hàng xóm này chắc phải điên mới không sợ trời phạt tội điêu ngoa, ăn không, nói có. Láng giềng hai căn bìa bên phải và bên trái sang nhà tôi xin lỗi. Họ không ngờ mụ kia làm dữ vậy. Sau này, vài người trong xóm di cư sang Mỹ cho tôi hay, có lần nhắc tới tôi, mụ đã tự thú, hỏi đó mụ khùng và ân hận muốn đi tu. Tôi cũng mong con người nếu không có bệnh loạn óc, loạn thần kinh thật sự thì cũng phải có lúc tỉnh ra, ăn năn hối cải những tội lỗi đã làm, để phúc cho chính bản thân.



Chuyện mua nhà không thành cũng là cái may tôi không bị mất vào tay Cộng Sản. Thực vậy, với số tiền Robert gửi tặng trước kia tôi định mua đứt căn nhà đang ở, không phải lo trả góp hàng tháng. Chủ nhà định bán rẻ cho người thuê đã ở lâu. Máy gia đình bên cạnh chỉ trả giá thật rẻ. Một tháng trước, gặp chủ, tôi đã nhắc tới giá cũ ấy, bà ta vẫn không chịu. Tháng sau, tôi trả thêm một ít vì cố tình muốn mua. Tin này bay ngay tới những nhà khác cùng mua trả góp một chủ. Họ họp nhau nạt nộ tôi và cúp điện chạy giềng. Tôi phải thuê người gánh nước công cộng về dùng cho đến khi xin được Bộ Công Chánh cho đặt ống dẫn nước vào nhà. Tới lúc đó, hàng xóm còn đi báo cảnh sát đến xét xem những người thợ đang làm việc ấy có giấy phép hợp pháp không?

Đồng bào tử tế với tôi như vậy đó! Tôi đã mất tất cả những khoảng trời mơ mộng trên quê hương. Tôi không có một miếng đất đặt chân yên lành. Không ai cho tôi một cuộc đời để gửi gắm tình thương yêu chân thành, xây dựng một mái ấm gia đình giữa đồng loại.

Để trả lời mụ nạc nộ đó và hàng xóm láng giềng, tôi điện thoại cho Robert và yêu cầu chàng đến đón tôi đi làm sáng hôm sau ngày bị hàng xóm nạt nộ, phá rối đó. Vâng, ngay sáng hôm sau, một chiếc xe màu đen bóng loáng, to kèn càng với số ngoại giao đã đậu trước cửa nhà tôi. Trang phục với bộ *tailleur* váy-vết lịch sự nhất, tôi bước ra cửa. Robert, nhà ngoại giao Hoa Kỳ mắt xanh, mi cong, mũi cao, tóc nâu nhạt rợn sóng và điển trai hơn cả tài tử màn ảnh điện trai, nghiêm trang bước ra khỏi cửa sau bên trái cái xe. Chàng, giản dị tươi mát trong áo *chemise* trắng cụt tay với *cravate*, đi vòng qua xe và mở cửa sau bên phải cho Ngọc Dung. Chúng tôi nhìn nhau chào buổi sáng với những nụ cười rạng rỡ, tươi sáng nhất, coi cuộc đời như không có sự gì phiền hà. Cái xe ngoại giao to kèn càng lại từ từ ra khỏi con ngõ nổi tiếng Chu Mạnh Trinh, Chi Lăng, Phú Nhuận. Chắc chắn có

hiều con mắt ngỡ ngàng, ngạc nhiên và hồi hận hay ghen tức trông theo.

Không còn do dự, một ngày sau đó, tôi đến gặp người bạn trai Ngoại giao Hoa Kỳ. Bấy giờ, chàng đã được dành cho một biệt thự trên đường Hiền Vương, xé dinh phó Đại Sứ Whitehouse, gần đường Đoàn Thị Điểm. Qua bàn ăn, tôi nghiêm chỉnh nhìn thẳng Robert:

- Nếu bây giờ em nói, em muốn anh đưa mẹ con em ra khỏi nước Việt Nam này thì anh nghĩ sao?

Robert nhìn tôi dăm dăm như ngạc nhiên, không tin những lời vừa nghe. Nhưng rồi, chàng từ từ buông dao, nĩa, lấy khăn chấm miệng và đứng lên tới quỳ xuống bên nữ thực khách. Robert nâng bàn tay nàng đưa lên môi hôn nhẹ. Đôi mắt chân thành ngược nhìn nàng, giọng chàng thong thả, dịu dàng:

- Anh trở lại Sài Gòn cũng chỉ vì mục đích và hy vọng đó. Cuộc đời anh sẽ vô vị, trống rỗng nếu không có em. Anh sẽ săn sóc yêu thương em và các con em, không bao giờ làm em buồn. Chúng mình sẽ đem hạnh phúc đến cho nhau.

Cả buổi chiều, lần đầu tiên kể từ ngày trở lại, Robert vui cười, hớn hở như một đứa trẻ được quà. Chàng quán quýt bên người yêu, một bước không rời như sợ nàng biến mất. Robert bàn tính ngay đến việc làm đơn xin phép Bộ Ngoại Giao Hoa Thịnh Đốn cho thành hôn với người đàn bà Việt Nam đã là lý do chàng xin trở lại làm việc tại Sài Gòn kỳ thứ hai và thứ ba.

Sau đó, chúng tôi lập tức cùng thuê các tài liệu cá nhân. Tôi phải kê khai lý lịch ba đời, cha mẹ, anh chị em ruột thịt, dâu, rể không thiếu một ai, kể cả những người đã khuất núi. Tên năm, sáu người bạn với địa chỉ phải ghi vào hồ sơ điều tra an ninh. Giấy khai sinh, ly dị của tôi và nhiều giấy tờ khác được nhân viên Tòa Đại Sứ dịch ra Anh ngữ, để

vào đơn. Thủ tục cho một nhân viên ngoại giao Mỹ được chấp thuận cưới vợ, hay chồng ngoại quốc ít nhất sáu tháng, dù người này là Anh, Pháp, Hoa, Phi, Việt... Bấy giờ tôi mới biết tuổi của Robert. Khi chàng vào Đại Học, tôi vừa sinh ra đời. Nhưng tôi không nghĩ chàng nhiều tuổi đối với người đàn bà bốn con. Tôi không chỉ cần người đàn ông làm chồng. Tôi cần người có tất cả những đặc điểm của người yêu, người tình, người bạn, người anh, người thầy, người cha, người có thể chăm sóc năm đứa trẻ kể cả mẹ chúng.

Robert và tôi không biết một ly, một tí nào về kim cương, nên tôi đã nhờ Thoa đưa tôi đi mua một cặp nhẫn đính hôn và nhẫn cưới tại một tiệm kim hoàn đường Tự Do, gần quán Givral. Vừa đeo nhẫn vào tay tôi, Robert muốn giới thiệu hôn thê ngay với văn, võ bá quan Mỹ, Việt chàng thường giao thiệp. Ngày 12 tháng 7, 1971, một buổi tiếp tân đính hôn của chúng tôi được tổ chức tại biệt thự Robert ở. Tôi mặc áo dài gấm thắt thắt màu xanh, đeo chuỗi hạt vàng bầy dây mà tôi đã có sẵn. Phòng khách được mở rộng ra vườn rực rỡ hoa kim châm vàng, thơm lừng mùi hoa đại trắng.

Vì không muốn quan trọng hóa, tôi chỉ mời một số rất ít anh, chị, em và bạn bè thân trong đó có vợ chồng anh chị Lân-Tâm, Châu-Phương, các em Quang-Vân, Phước-Hà. Cô em gái Song Hà và chú em rể Nguyễn Hữu Phước mới làm đám cưới hồi đầu năm, cùng cậu em út Khoa cao như sếu vườn. Bộ ba độc thân Thu, Huyền, Thoa cũng có mặt hôm đó. Nhưng về phía Robert, khoảng gần một trăm quan khách kể cả ông bà Phó Đại Sứ Hoa Kỳ, ông bà Tổng Trưởng Lao Động, ông bà Chủ tịch Tổng Liên Đoàn Lao Công...

Chàng bắt đầu đưa hôn thê tới tất cả những buổi tiếp tân, tiệc ngoại giao hay tư nhân. Một buổi, sau giờ tan sở, tôi đi bộ qua Tòa Đại Sứ và về cùng xe với Robert. Đây là lần đầu tiên sau khi đính hôn, tôi tới dự bữa cơm ngoại giao tại nhà chàng, cũng như khách Việt Nam khác vì tôi vẫn chưa ở đấy,

chưa là bà chủ nhà. Thức ăn được dọn ra bàn dài trải khăn trắng phau, ly, đĩa bóng loáng, mỗi bên chỉ có một đĩa lớn thịt bò sào sẵn với sả, một đĩa bún ú ụ, một đĩa cao ngất giá sống, dưa leo, rau diếp thái nhỏ trộn rau thơm, ngò, rập cá, một chén đậu phộng giã nhỏ, một chén hành lá đổ dầu nóng, một tô sóng sánh nước mắm dấm ớt. Bát đĩa, ly tách đầy bàn, nhưng thực đơn chỉ có vậy! Tôi mắc cỡ cho Robert, cho cả bà vợ chưa cưới của ông và muốn tan biến khỏi bàn tiệc! Tôi thấy cần phải giải thích với thực khách:

- Robert thích món ăn Việt Nam này nhất vì nó có nhiều rau, giá tươi chất bổ. Ông ấy cũng không cho bà bếp biết bữa tiệc tối nay có những nhân vật nào. Lần sau tôi xin nhúng tay vào việc đãi khách của Robert với các món ăn Việt ở đây.

Thực vậy, bà bếp chỉ là người lo việc quét dọn, giặt ủi quần áo từ nhiệm kỳ thứ nhất của Robert bốn năm về trước. Khi nghe tin Robert trở lại bà đã đến xin việc và cam đoan kiên được người nấu bếp. Khi có tiệc lớn bà sẽ gọi các bếp bạn tới phụ. Bà tên Năm, mập mạp, hiền lành nên Robert thương tình mướn. Chồng bà là cảnh sát. Họ nuôi hai đứa con gái của người em và may mắn có chỗ ở trong gian nhà sau của biệt thự, với điện nước, tiện nghi tối thiểu mà nhiều gia đình lao động mơ ước.

Trong khi chờ đợi giấy phép thành hôn, tôi vẫn đi làm, học Hội Việt Mỹ. Qua những sách English For Today, báo Thế Giới Tự Do và phim ảnh, báo Mỹ, tôi được biết nhiều phong cảnh đẹp, đời sống văn minh Hoa Kỳ. Không sớm thì muộn, tôi sẽ phải về quê hương chồng. Robert sẽ làm việc tại Bộ Ngoại Giao, Hoa Thịnh Đốn, tôi sẽ có dịp đi thăm Tòa Bạch ốc, nhiều đài kỷ niệm lịch sử uy nghi bên giòng Sông Potomac. Tôi sẽ đi xem tận mắt những bức tranh nổi tiếng nhất hoàn cầu được trưng bày trong bảo tàng viện đồ sộ tại thủ đô quốc gia lớn mạnh, tân tiến nhất năm châu. Không nhiều thì ít tôi bắt đầu háo hức tương lai xuất ngoại.

Nghĩ về tranh vẽ, tôi chợt nhớ tới người bạn thư thuở học trò, Nguyễn Trung. Chưa một lần gặp, nhưng tôi biết ông ta nổi tiếng từ lâu, có tranh đoạt giải Huy Chương Vàng Hội Họa Toàn Quốc và là chủ tịch Hội Họa Sĩ Trẻ. Phòng khách của Robert thật rộng, những mảnh tường trống trơn chờ đợi những bức tranh lớn. Tôi muốn có một tác phẩm của Nguyễn Trung. Thực ra cách đây hơn hai năm, khi nghe tôi hỏi về họa sĩ này, người bạn trai đầu đời vừa gặp lại, Vũ đã không che giấu sự giận hờn: "Số em còn bay bướm, tung bừa lắm. Anh không vẽ đường cho hươu chạy." Chẳng được toại nguyện và nhút nhát, tôi không dám tự hành động. Bây giờ, ý định đó lại đến. Một hôm, điện thoại nhờ Nguyễn cho người đi lấy thêm mấy bản sao khai sinh của các con, như đó vẫn là bổn phận của chàng, tôi đã hỏi địa chỉ liên lạc với Nguyễn Trung. Người chồng cũ lạnh lùng trả lời:

- Anh không biết, nhưng nếu cần, cho hỏi sẽ ra. Em muốn địa chỉ hấn để làm gì?

- Em định mua một bức tranh của hấn.

- Anh quen thiếu gì những thằng vẽ tranh nổi tiếng khác, em muốn tranh của tên nào anh xin cho, khỏi mua. Em không phải giao thiệp với chúng nó. Một thằng nghệ sĩ làm khổ em không đủ sao, em còn muốn mấy thằng trong đời nữa?

Dù không e ngại sự đe dọa ấy, tôi cũng không hỏi dò và nhờ ai nữa. Tôi tự tìm người bạn thư thất tung và nhớ có lần đọc tên Nguyễn Trung trong một tạp chí nào đó. Họa sĩ phê bình tranh, viết về hội họa và truyện ngắn. Tôi ra tiệm sách đường Võ Di Nguy, làm một cuộc lục soát và kiếm được cái tên muốn tìm trong một nguyệt san không khó. Tôi viết vắn tắt sự quen biết Nguyễn Trung trước kia với ý định mua tranh kỷ niệm mang về quê hương chồng và nhờ tòa soạn chuyển thư.

Hai tuần sau tôi nhận được hồi âm. Nguyễn Trung cảm ơn tôi đã nghĩ tới bạn cũ, hiện tại ốm đau, không có tranh vừa ý, một năm nữa có triển lãm, sẽ mời tôi đến tham dự và mong gặp Ngọc Dung. Trong thư trả lời, tôi chúc họa sĩ có sức khỏe, sáng tác mạnh cho tôi coi nhiều tranh. Để đối ứng việc năm xưa họa sĩ chưa thành tài không muốn gặp bạn thư, tôi nhắc: "Không cần thiết gặp nhau cho tới ngày triển lãm." Nhưng không lâu, người họa sĩ đã đến nhà tôi với một chút lúng túng. Bất ngờ gặp người bạn thư của tuổi hoa niên, tôi cũng mất bình tĩnh:

- Họa sĩ Nguyễn Trung? Nếu gặp ở ngoài đường chắc tôi không nhận ra. Tôi là Ngọc Dung. Hân hạnh được gặp. Họa sĩ ngồi chơi!

- Xin lỗi đã đường đột tới thăm. Tôi phải gặp lại bạn xưa, không thể trì hoãn được.

Nguyễn Trung lúng kùnh ngồi xuống một ghé bành. Tôi ngồi đối diện và làm vẻ tự nhiên:

- A, phải thi hành lời hứa "thành công mới gặp" và thành công đã mười năm nay rồi còn gì? Không gặp là còn mắc nợ.

- Thực ra, tôi không phải là người ngưng viết thư trước.

- Tôi biết. Thuở ấy lấy chồng, mắc cỡ không dám báo tin, cứ lơ đi thôi. Vớ vẩn thiệt! Bây giờ lại lấy chồng nữa và sắp đi khỏi xứ rồi. Lần này phải lấy hết can đảm đòi tranh của họa sĩ. Vụ triển lãm vẫn trong chương trình dự định chứ?

- Vẫn tiến hành đều và sẽ lớn lắm. Lâu tôi không vẽ, không có tranh nhiều nên phải cố gắng hơn cho bạn coi. Thực ra, tôi đã quên hẳn chuyện "correspondence" xưa. Cho tới khi nhận được thư của bạn, tôi đã lơ mơ cả một ngày không làm ăn gì được.

Tôi cảm động trước thổ lộ chân thành:

- Thời buổi này không ai hoài công nghĩ tới chuyện viên vông ấy. Nhưng có bức tranh mang kỷ niệm vẫn đặc biệt hơn. Mong rằng không quá bất thường, kỳ cục.

- Không kỳ cục chút nào. Cái bất thường đó mới đáng quý. Cám ơn đã nghĩ tới bạn cũ và thúc đẩy tôi vẽ cho cuộc triển lãm sắp tới này. Bạn đi làm phải không? Tôi có thể mời bạn đi uống nước hay ăn trưa một bữa nào không?

- Tôi vẫn đi làm nhưng cũng sắp nghỉ để sửa soạn theo chồng. Tôi ít khi đi ăn uống bên ngoài lắm. Cho tôi xin kiếu. A, tôi quên chưa hỏi về cuộc đời họa sĩ?

- Vợ tôi cũng là người miền Bắc, học Cao Đẳng Mỹ Thuật khi gặp nhau. Hôm nào mời bạn tới “studio” để tôi được vẽ một “portrait”.

Với cả chục lý do e ngại, tôi từ chối:

- Hân hạnh được họa sĩ đề nghị vẽ chân dung cho, nhưng chắc không kiên nhẫn làm người mẫu được. Bạn có vẽ theo hình chụp thì xin nhờ.

Nguyễn Trung chăm chú nhìn tôi như muốn thấu nhận nét dáng người đối diện và cười nhẹ:

- Tôi không vẽ theo hình.

- Vậy chẳng sao! Một năm nữa, bạn cho tôi chọn một bức tranh nào đó là quý rồi.

Vài tuần sau, một buổi tối nghe có tiếng động đồ ngã ngoài cửa, tôi chạy ra coi thì thấy người họa sĩ đang dựng cái xe đạp cũ rích. Nếu cái xe không người và bị bỏ đó, tôi sẽ đi báo cảnh sát, vì nghi Việt Cộng có thể đặt chất nổ khủng bố dân lành. Tôi mở cửa, mời cả người quen và xe vào nhà. Họa sĩ ngồi phịch xuống ghế bành, mặt đỏ gay dưới ánh đèn sáng. Đôi mắt mệt mỏi như không muốn nhìn ai. Tôi sai Năm lấy nước Coke mời khách. Nguyễn Trung trầm tình:

- Báo hại, tội chúng nó vừa rủ đi nhậu mấy xị đế.

Tôi nghĩ thầm, anh chàng còn quá trẻ để có cuộc sống say sưa này. Thời buổi loạn lạc cả ngoài chiến trường lẫn trong xã hội. Ông to, bà lớn làm tiền, ăn hối lộ. Gian thương đút lót, lũng đoạn kinh tế, làm khổ dân nghèo. Người bất

mãn, kẻ chán đời, yếm thế vô thiên kể. Giữ tiếng thờ dài, tôi mời người họa sĩ:

- Bạn uống nước cho tỉnh rồi đi về nhé. Phải nhớ giờ giới nghiêm đây.

Họa sĩ họ Nguyễn cố gắng lấy giọng bình thường:

- Tỉnh chứ đâu có say. Giờ này mà đã ăn nhằm gì?

Tôi muốn hỏi người bạn một điều thắc mắc, ai ở tuổi Nguyễn Trung cũng phải đi lính xung vào quân đội. Riêng họa sĩ nhà ta cứ lè phè làm báo, vẽ tranh và ngất ngưỡng:

- Bạn có bị động viên bao giờ không?

- Không, kẻ hèn này cầm súng không được.

- Vậy làm sao qua khỏi quân dịch.

Nguyễn Trung lim dim nhìn ly nước ngọt còn nguyên:

- Hết đứt lót chạy lính, đến trốn chui, trốn nhủi như con chó khắp nơi.

- Bây giờ bạn không phải trốn nữa sao?

- Không trốn nhưng phải chạy chọt các ông lớn nhiều.

- Vậy thì tốn kém lắm nhỉ?

Ông bạn chua chát:

- Tốn kém bằng những bức tranh đôi khi chưa khô sơn và không được triển lãm đã phải dâng hiến các ông rồi.

Tôi ngao ngán nghĩ tới người chồng lính của một người giúp việc trước đây. Hắn vừa ra trận lần đầu tiên đã được đưa về hậu cứ với một tay cụt, một chân què. Hắn vẫn lang thang trong xóm, thỉnh thoảng ghé thăm người chủ cũ của vợ và lần nào cũng được một chút quà an ủi. Nguyễn Trung cũng có lý do trốn lính vì vậy. Tôi thờ dài nghĩ tới tình trạng khó khăn của người họa sĩ trẻ. Do dự, đắn đo một lát, tôi đề nghị:

- Tôi có thể đặt trước mua tranh được không?

Nguyễn Trung khảng khái xua tay từ chối, đôi mắt nặng trĩu như muốn ngủ ngay trên ghế. Sau cùng khách khật khưỡng đứng dậy ra về. Tôi ái ngại nhìn theo người bạn thu cùng trang lứa của 15 năm về trước. Nguyễn Trung đã thành



công về hội họa, nhưng cuộc sống có vất vả như Van Gogh? Bóng chiếc xe đạp cũ biến mất trong đêm tăm tối như thời cuộc đất nước, chiến tranh điêu tàn.

Vị hôn phu của tôi rất bận công việc hằng ngày. Chàng có xe Tòa Đại Sứ đưa đón đi làm và gặp gỡ các giới trong chính phủ, tư nhân Việt, Mỹ trong thành phố. Robert đề nghị tôi nghỉ việc. Nhưng chưa cảm thấy thực thụ là vợ để sống dựa vào chàng, tôi vẫn định tiếp tục cho đến khi cưới. Robert đặt mua cái Toyota Mark II bốn cửa màu trắng, để đưa mẹ con tôi đi chơi ngày cuối tuần và muốn tôi tập lái đi làm, đi học, đến gặp chàng nhiều hơn. Nhưng sau một lần xuyết đụng bà già, một lần đâm bẻ cổng biệt thự, tôi đành bỏ cuộc. Robert thường phải gọi giây nói tới sở vị hôn thê để hẹn hò và một tuần chỉ được gặp nàng một lần ngắn ngủi, không khác thuở mới quen nhau. Chàng vẫn cô đơn tất cả những ngày còn lại. Một hôm qua điện thoại, tôi vẫn từ chối không cho người chồng chưa cưới đến nhà. Chàng giận dữ:

- Anh nghĩ em không thương anh.

Ngạc nhiên, tôi hỏi:

- Tại sao anh nghĩ vậy?

Robert không trả lời vào câu hỏi:

- Nếu em muốn đổi ý kiến thì vẫn chưa muộn.

Tự ái và nghi ngờ nổi dậy trong tôi:

- Và, anh đã thay đổi thì cứ nói thẳng.

Không có tiếng trả lời bên kia đầu dây, tôi tiếp:

- Mọi chuyện tùy ở anh. Hãy suy nghĩ và cho em biết. Bye!

Nói rồi tôi hạ máy nói. Trong mấy ngày không gọi, không gặp Robert, tôi đã suy nghĩ nhiều, tại sao chàng đã có ý tưởng về tôi như vậy? Có lẽ, tôi không có nhiều thời giờ cho chàng. Robert cảm thấy bị bỏ rơi trước gia đình nhỏ, gia

đình lớn của tôi và nhất là chàng không được đến nhà hôn thê vì tôi muốn phòng xa bất chắc, hôn nhân không thành, phải ở lại xóm đó, lảng giềng鄰 có thể ghen ghét, đặt điều vu khống một lần nữa. Tuy nhiên tôi nhất quyết không trăn tình. Kể nghi oan người khác phải xin lỗi. Đúng vậy, sự im lặng sang đến ngày thứ ba, Robert gọi tới Hãng RMK, phòng làm việc của tôi. Sau câu chào hỏi chàng tha thiết:

- Anh vui mừng được nghe tiếng của em. Anh nhớ em và muốn gặp em lắm!

Thỏa mãn tự ái, tôi thích thú cười thâm, nhưng nghiêm giọng:

- Mình cần sáng tỏ mọi điều. Em cũng muốn gặp anh.

- Chiều nay anh lái xe riêng và sẽ đón em lúc tan sở.

Sau vài giây suy nghĩ, tôi nhận lời và gác ống nghe. Tôi mở ví tìm một con số và gọi Nguyễn:

- Chiều nay khi tan sở, em phải đi một công chuyện bất ngờ. Định nhờ chú tài xế khi đón trẻ con thì bảo chúng, em sẽ về muộn. Anh nhắn Thủy chạy vào nhà cho cô Vân, Chú Quang và chị Năm biết vậy.

- OK, anh sẽ cho nhắn với Thủy.

- Anh mạnh khỏe không?

- Cũng thường thôi. Bao giờ em đi Mỹ?

- Chuyện chưa đi đến đâu. Có thể chẳng bao giờ xảy ra.

Tiếng Nguyễn sau vài giây im lặng:

- Qua một thời gian quen biết lâu, hẳn vẫn muốn tiến tới, hẳn là một người tốt. Đời này không mấy thằng được như thế.

- Em cũng nghĩ vậy. Nhưng để coi... Còn chuyện anh với cô ca sĩ đi đến đâu rồi?

- Anh với nó đã bỏ nhau.

- Sao lạ vậy? Cô ta nói anh muốn cưới “cô” mà?

- Nó nói gì thì cứ nói. Nó tự động xách va-li đến nhà anh thì anh cũng xách nó và va-li của nó trả về cho bố mẹ nó. Nếu anh định cưới vợ nữa, người đó ít nhất phải được như em.

Tôi ngỡ ngàng trước sự thờ lộ ấy. Qua bao nhiêu buồn phiền Nguyễn gây ra, tôi vẫn tỏ thái độ thân thiện, không gây thù nghịch. Nguyễn muốn cho tôi biết những người đàn bà chàng ăn ở với đều là chơi bời, không có chuyện gắn bó và gián tiếp đề cao vợ cũ. Như được an ủi, tôi giấu cảm động:

- Vậy thì tốt! Em mong anh tìm được người vừa ý. Anh muốn Thủy, Sơn về ở với em không?

- Không cần. Anh có một con nhỏ người làm, tin cậy việc bếp nước được. Sơn, Thủy cũng có vẻ khoái được mấy chú tài đưa đi đây đó.

- Tính con trai là thế, không thích bị giữ ở nhà với mẹ, bà hay người làm. Anh lo cho chúng được thì em mừng. Lâu nay anh xuất bản truyện nào không, gửi cho em đọc?

- Từ ba năm nay anh không viết một truyện nào cả.

Tôi thảng thốt, sững sờ. Trước kia, tôi đọc sách truyện của Nguyễn do chàng đem về. Nguyễn không về nữa, tôi cũng không mua sách báo để đọc và theo dõi tình hình sáng tác của chàng. Tôi giữ một tiếng thờ dài:

- Anh có thể bớt tiền gửi về hàng tháng. Em có lương, không cần nhiều thế.

- Không sao. Chủ báo, bạn bè thương, bao anh mấy năm nay nên cũng tạm đủ.

- Nhưng em mong anh viết trở lại. Vì đó là sự nghiệp của anh mà?!

- Anh cũng đang bắt đầu một truyện.

- Phải thế chứ! Em chờ đọc sách của anh đấy. Thôi, cảm ơn anh. Chúc anh vui nhé. Bye!

Một môi buồn man mác phủ vậy. Có thể nào chuyện tan vỡ giữa Nguyễn và tôi đã làm ngưng nguồn sáng tác của chàng? Tôi tưởng khi được thanh thoi bay nhảy, không bận tâm về người đàn bà lắm sự là tôi, Nguyễn sẽ thoải mái viết nhiều hơn chứ? Sao lại trái ngược vậy? Tôi ra khỏi phòng làm việc và đi một vòng, lên lầu, xuống thang trong cơ sở hai

tầng của hãng RMK-BRJ như muốn chạy trốn cái cảm giác ngậm ngùi, vương mắc. Tôi “hello” và “hi” tất cả các nhân viên Mỹ, Phi, Đại Hàn, Hoa, Việt. Chưa bao giờ tôi tỏ ra vui vẻ, thân mật với họ như thế!

Bất ngờ tôi gặp một người đẹp trường cũ, học dưới tôi hai lớp, có thơ truyện đăng báo từ thuở ấy. Nàng gầy ốm, khô héo như cành cây mùa thu đã rụng hết lá vàng. Nàng nhận ra tôi và tự giới thiệu. Hai người đàn bà trẻ nắm tay nhau, mắt rung rung thông cảm dù không than thở một câu tâm tình. Cả thành phố này biết tâm sự của chúng tôi. Chồng nàng cũng là nhà văn, nhà báo đã mê man đi theo một ca sĩ nổi tiếng và đang chung sống với cô ta. Nàng thơ sầu muộn có năm con, sống sót sau vụ tự tử hụt và ly dị, đi làm nuôi thân, nuôi con. Sau này, ông chồng cũ của nàng cũng không đăng lâu với cuộc tình cầm ca nhất thời ấy...

Một chị học trên tôi vài lớp, thanh lịch, đẹp người, có chồng thi sĩ, đạo diễn phim ảnh. Một tay chị chăm nuôi bảy đứa con khôn lớn. Suốt đời anh chỉ lè phè, bay bướm với các ca sĩ, nữ sinh văn nghệ. Khi các con thành tài, chị đã cho bướm bay đi luôn, sống một mình khỏe thân ở một nơi xa xôi, lạnh giá, nhưng tâm hồn thanh tao, cao thượng. Chị vẫn đi làm, đi học tiếp tục lấy bằng tiến sĩ, không đòi ly hôn, chỉ cấm anh đến thăm và cho anh tự do chung sống với người đàn bà khác...

Một bạn học cũ lớp tôi, cũng không chịu đựng được ông chồng đã nghèo, còn cờ bạc, nặng tay, nặng chân với vợ và không cho nàng đi làm. Nàng đã phải vất vả lắm mới xin được ly dị, sau này thành hôn với một người Hoa Kỳ và điều đứng bị chồng cũ giữ hết con cái, không cho mẹ con gặp nhau...

Một chuyện tình khác làm chấn động giới văn thơ, báo chí Sài Gòn. Nàng vừa 17 tuổi, xinh đẹp đậm thắm, cũng là nữ sinh ban “C” trường tôi cũ, học giỏi, đậu bình cả hai kỳ tú

tài. Nàng đã ngoan ngoãn đi vào cuộc đời một thi nhân tài hoa, phong nhã và khép nép sống yên vui bên chàng. Khi nàng có bốn con, chàng tuyên bố rằng vợ con đã cản trở sự nghiệp làm thơ, làm báo của chàng và đòi ly thân. Sau vài năm đau khổ, vất vả đi làm, một mình nuôi bốn đứa con nhỏ trong khi biệt tăm tích chồng, nàng đã thức tỉnh, thoát ra khỏi giấc mơ tình yêu lý tưởng thuở áo trắng học trò. Nàng ly dị, lập gia đình khác, sống hạnh phúc êm đềm...

Mộng lớn, mộng nhỏ, văn chương, thơ phú với các chàng đã tan theo mây xanh, khói biếc! Các nữ sinh lãng mạn chỉ nên kính nhi viển chi, làm dáng ái mộ nghệ sĩ. Trước khi lên lên đi theo các chàng, các nàng hãy thử suy nghĩ xem có thể thí phát hy sinh cuộc đời để tu tại gia, thờ phụng các chàng trọn đời, trọn kiếp? Các nàng nên qua vài lớp huấn luyện mình đồng, tim sắt, bản lãnh dẻo dai để trường kỳ đối phó với những khám phá lạ, cảm hứng mới của các chàng.

Buổi chiều đó, sau khi tan sở tôi đi bộ ra góc đường có chiếc Toyota màu trắng đang đậu. Robert ra khỏi xe và mở cửa cho tôi. Không có sự ôm hôn trên đường phố Sài Gòn nên nụ cười vẫn mở đầu với những câu chào hỏi sức khỏe, ngày làm việc. Trước khi cho xe chạy, Robert quay sang nắm chặt tay tôi:

- Em đẹp lắm!

Tôi mỉm cười im lặng để nghe chàng liên tiếp nói:

- Anh nhớ em!... Anh yêu em!... Anh thật sung sướng được nhìn thấy em!

Nữ hành khách lờm tài xế:

- Người ta nói yêu là khổ đấy!

- Anh không sợ. Nếu cùng yêu nhau, chúng ta sẽ hạnh phúc.

- Em cũng mong thế.

Xe qua Công Trường Con Rùa đồng hồ trên đường Duy Tân, rẽ trái Phan Thanh Giản nhiều biệt thự đẹp. Robert luôn

luôn nâng hôn bàn tay của người ngồi bên cạnh. Xe chạy thẳng tới Đoàn Thị Diễm và quanh trở lại Hiền Vương vì đường một chiều. Vào nhà Robert, bà bếp đơn đả lấy nước cam cho chúng tôi. Ngồi đối diện chàng trong phòng khách, tôi nhập đề ngay:

- Theo kinh nghiệm bản thân, em thấy có điều gì thắc mắc nên cởi mở để hiểu nhau và sửa chữa. Nếu không được thì nên xa nhau càng sớm, càng đỡ phiền. Em không nhận lời thành hôn với một người mà em không thương yêu, quý trọng. Em muốn biết tại sao anh không tin em?

Bị chất vấn, Robert ngượng ngùng:

- Em từ chối gặp anh hoài. Anh cứ tưởng em có người nào.  
- Trời đất! Anh không biết rằng từ khi nghe tin anh trở qua làm việc, em đã ngưng tất cả “party”. Em không gặp gỡ một ai ngoại trừ bạn gái. Em không thể nói dối rằng em không còn nghĩ tới một người nào. Anh cũng thế. Chúng ta cần thời gian quên họ và lập lại cuộc đời mới. Em ít đến anh vì vừa đi làm, vừa đi học một tuần ba tối. Anh không may mắn, thương phải một người đàn bà đã có bốn con và bạn như thế. Nhưng nếu anh nghi ngờ em còn đan dứ với người đàn ông nào khi đã nhận lời làm vợ anh, đó là một điều sỉ nhục, em không thể chấp nhận được. Còn điều em không để anh đến nhà đón, đưa trước khi có hôn thú thì cũng như các cô, các bà không dám ngồi taxi với người ngoại quốc mà thôi. Em sợ hàng xóm điên khùng ghen tức có thể gây rắc rối cho chúng ta. Ngoài ra chẳng có gì thay đổi ở em. Bây giờ tùy anh muốn thế nào thì cho em biết.

Cúi mặt làm bộ sợ sệt như trẻ con bị mắng, Robert rón rén bước tới quỳ xuống bên tôi. Chàng nâng bàn tay mặt của tôi lên chạm môi chàng và nhẹ nhàng đặt một cái hôn:

- Cho anh xin lỗi đã hiểu lầm em. Một lần nữa anh muốn xin bàn tay em.

Tôi phì cười:

- Em có hai bàn tay anh xin lần này là lần thứ hai. Em không có bàn tay thứ ba để cho nữa đâu nhé.

- Anh vui mừng chúng ta còn thương yêu nhau.

Và, thấy bà bếp đứng gần bên có ý mời chúng tôi dùng cơm, Robert chậm rãi trở tài tiếng Việt:

- Cám ơn em. Bây giờ chúng ta có thể ăn được chưa? Anh đói bụng rồi!

Bà bếp bật cười nghe giọng ngang như cua bò của chủ. Bà không nói được ngôn ngữ ông, nhưng xài tiếng Pháp “moa ba con-nét, lúy mắt sốt bốp, lúy mắt sốt sà, lúy măng-giê moa, lúy măng-giê me-sù” với Robert. Bà hoan hỉ có tôi tới thông dịch nhiều chuyện. Bữa nay bà Năm nấu món cà-ri gà với nước dừa, khoai tây, ăn thêm với nho khô, đậu phộng giã nhỏ, dưa leo, cà chua, đào hộp, chuối chín thái hạt lựu. Mỗi thứ gia vị này được để riêng trong một cái chén nhỏ và đặt quanh thố cà-ri vàng ngậy, bốc khói nóng. Bà bếp bới cơm cho tôi và Robert. Đã thấy người Mỹ ăn món này, tôi vừa múc tất cả vào đĩa, vừa nói:

- Các con em chắc thích món có dừa, đậu phộng, đào hộp, nho khô này. Nhưng cà-ri phải bớt cay đi.

Qua bàn, Robert nhìn tôi như muốn ăn cả người đối diện:

- Anh nhớ lũ trẻ của em. Bao giờ thì mỗi buổi tối anh được ngồi ăn cơm với người yêu và các con nàng như gia đình anh.

Cảm động, một ý định chợt đến, tôi thăm dò:

- Đòi em dính liền với các con. Em không tin một kết hợp tồn tại được chỉ vì hai cái thân thể ham muốn nhau mà là sự tình nguyện diu dặt nhau, thương yêu nhau suốt cuộc đời. Các con em còn nhỏ, cần được săn sóc và yêu thương hơn cả em.

- Anh hiểu vậy và đã sẵn sàng. Anh luôn luôn nghĩ tới hình ảnh em với bốn đứa trẻ bên cạnh.

- Cám ơn anh. Thời gian ở Sài Gòn, anh có nhiều tiếp tân tại nhà, em sẽ giữ Hân, Phong thôi. Lúc đầu về Mỹ em cũng

chỉ định đem theo hai đứa nhỏ. Vài tháng hay một năm sau, khi đã quen với đời sống bên ấy, em muốn Thủy, Sơn sang ở với chúng ta nữa. Em để chúng sống với cha là vì em phải đi làm, không trông coi, dạy dỗ chúng được. Anh có thể lo cho cả năm mẹ con em không?

- Em muốn Thủy, Sơn lúc nào anh cũng lo được.

- Cám ơn anh. Vậy bao giờ anh muốn em đem Hân, Phong tới đây ở với anh?

Robert ngừng ăn, sáng đôi mắt cầu khẩn:

- Ngay tối nay.

- Cuối tuần này được không?

- OK! Vậy anh phải làm gì.

- Anh phải tập làm daddy của chúng. Dạy chúng học tiếng Anh, chơi đùa, chuyện trò và săn sóc chúng như con anh.

Bỗng Robert ngập ngừng:

- Anh nghĩ rằng em không cần phải đi làm nữa. Vất vả mà lương chẳng được bao nhiêu.

- Sự thực RMK không còn nhiều việc nữa. Em gằn như ngồi không ăn lương, chẳng vất vả gì. Để em suy nghĩ.

Lương thư ký kế toán sở Mỹ của tôi cũng khá đối với lương sở Việt, nhưng đổi ra Mỹ kim chẳng đáng kể. Tôi đem Ngọc Hân, Thần Phong và chị Năm của chúng về ở với Robert. Chúng tôi cùng đi làm bằng xe Tòa Đại Sứ được hơn một tuần mới thấy thất cách, không thể kéo dài hơn nữa. Robert phải làm nhiều giờ và có những chuyện bất thường, khó đi, về cùng lúc với tôi. Cái xe Toyota của Robert sang số tay, tuy mới, tôi cũng không lái đi làm được. Vả lại, tình hình thất nghiệp của nhân viên sở Mỹ rất trầm trọng. Công trường RMK-BRJ ở Tân Sơn Nhất cũng như nhiều hãng thầu xây cất khác đã đóng cửa. Nghĩ rằng không nên giữ việc của người đang cần, tôi xin nghỉ sau bốn năm vất vả lên xuống xe lam và nghe hành khách bình dân, lao động xiên xéo chửi dân làm sở Mỹ...



Robert đề nghị một bữa cơm mời ba người gác cửa và vợ chồng con cái bà bếp ăn mừng Ngọc Hân, Thần Phong và tôi dọn đến ở với chàng. Bữa cơm vào ngày rằm tháng bảy, xá tội vong nhân. Tôi để vợ chồng bà Bếp lấy thức ăn, hoa quả cúng lễ trước khi ngả ra ăn. Vì ngày cuối tuần nên có mặt cả Nguyên Thủy, Trường Sơn. Robert quay nhiều phim kỷ niệm. Từ đó, chàng có thêm cái ham mê quay phim cho vợ chưa cưới và các con nàng. Chàng hóm hờ chơi đá bóng, bắt bóng, vũ cầu, đùa nghịch với chúng như con nít, có lẽ vì không có con với người vợ trước. Robert đã yêu tôi nên yêu cả các con tôi với lòng nhân từ sẵn có và thích thú thực tập tiếng Việt với chúng. Chàng thường đi thăm viếng các hãng tư hay công xưởng và thỉnh thoảng nhờ tôi dịch một bài diễn văn nhỏ từ chữ Anh ra chữ Việt rồi dạy cho chàng đọc thật rõ ràng trước đám đông công nhân Việt Nam. Nhưng tôi muốn nghe Robert dùng ngôn ngữ mẹ đẻ. Tiếng Việt của chàng chưa đủ trau chuốt để thực hành văn chương lãng mạn với vị hôn thê Việt Nam ưa thơ mộng ở bất cứ hoàn cảnh nào.

Thật thần tiên! Từ ngày nghỉ việc, mỗi buổi sáng tôi được ngủ muộn trong chăn êm ái như con mèo lười biếng. Hân, Phong đã có chị Năm sẵn sóc. Cơm nước đã có bà bếp sửa soạn. Nhà cửa rộng rãi, tiện nghi. Vật chất phong lưu, cả một đời tôi chưa được sống nhàn hạ, thoải mái như vậy. Tuy nhiên, tôi vẫn để gia đình cô chú Lưu Quang, Tường Vân và Vân Trang ba tuổi, Vân Hảo hai tuổi, ở lại nhà cũ. Tình trạng hứa hôn giữa Robert và tôi như một cuộc sống chung thử thách. Có chuyện thay đổi, đổ vỡ tôi vẫn còn chỗ về. Có lẽ sau khi thành hôn mai này, tôi cũng sẽ không có niềm tin tuyệt đối, mù quáng nữa. Cuộc hôn nhân trước đã dạy tôi phải luôn luôn đề phòng tất cả mọi trường hợp bất trắc có thể xảy ra. Các con tôi vẫn học cùng một trường Trần Quý Cáp. Nguyên Thủy lớp nhất, Trường Sơn lớp nhì, Ngọc Hân lớp ba, Thần Phong lớp tư. Thủy xếp hạng khá trong lớp, sẽ

không phải thi tiểu học. Cậu cả có vẻ tự tin lắm và đã dự định thi vào trung học Võ Trường Toản, tiện cho xe đưa rước mấy bố, con.

Hằng ngày xe chở hai anh vẫn đến đón hai em và gặp mẹ. Cuối tuần Nguyên Thủy, Trường Sơn về chơi cho đến chiều thứ hai đi học. Tuy nhiên thỉnh thoảng Thủy, Sơn cũng được bà nội đưa về bác Lâm ở Bàn Cờ hay chú Hà ở Quang Trung. Trẻ con sợ hãi người lớn, dễ vui, dễ quên. Các con tôi không hề than thở điều chi. Nhưng khi lớn lên, chúng đã kể lại với mẹ bị cô giáo đét thước kẻ vào bàn tay, đốt ngón tay mà chúng còn giận ghét đến lúc trưởng thành. Trường Sơn hay bị bà nội chửi mắng. Một lần cậu con ngờ nghếch bị cụ rượt đuổi với thanh củi tạ. Thủy thường ra tay anh hùng che chở và bênh Sơn ở mọi chỗ, nhưng đành đứng nhìn em chạy thục mạng trước bà nội. May mắn ông chú nhìn thấy cảnh ấy, giắt được cây gậy ở tay bà cụ, gậy thoát cho cháu. Nguyên Thủy cũng có lần phàn nàn: “Tuy biết được bà nội thương nhất nhà, con vẫn không thích mọi người trong họ chỉ thăm hỏi một mình con mà không nhắc tới các em.” Thờì ông, bà các con tôi trở về trước, chỉ con cả, cháu đích tôn là đáng kể. Những đứa sinh ra sau bị hắt hủi, đối xử không công bằng. Đòi chúng tôi, các con tôi đã khác. Không phải vì thương chúng nhất, sẽ được chúng quý nhất. Chúng đã nhìn thấy sự công bằng cần phải có từ trong gia đình nếu muốn đòi và được hưởng công bằng ngoài xã hội.

Ở đường Hiền Vương vài tháng, Robert được cấp một biệt thự lớn hơn cuối đường Bà Huyện Thanh Quan nhìn qua ngõ trường Anh văn Ziên Hồng của giáo sư Lê Bá Kông và Lê Bá Khanh. Ngay phía trong cổng biệt thự là nhà xe và cái chòi nhỏ cho những người gác. Quanh vườn trước, hoa râm bụt đỏ rậm bóng lá xanh, hoa đại cánh trắng nhụy vàng thơm lừng, thơm nức. Một cây doi Bắc, mạn Nam cao lớn xum

xuê, sai trái màu hồng, mọng ngọt như đường. Một cây trứng cá thấp, lá thưa, cành gầy, chi chít trái tròn nhỏ như viên bi. Khi trái chín vỏ đỏ, ruột mềm ngọt, hạt vàng li ti, lạo xạo trong miệng ăn. Chim chóc nhanh mỏ, tranh mỏ hết trái chín trước khi mẹ con tôi trông thấy. Trên sân trước mướt cỏ còn có bộ bàn ghế sắt, nệm dù hoa nhiều màu và cái lưới “badminton”. Năm mẹ con thích thú chơi vũ cầu, đá bóng tròn với Robert. Cái đu được mắc sẵn trên cành cây mạn. Tôi mua thêm cái võng và mắc vào hai thân cây lớn khác. Từ thuở thơ ấu đến lúc đó tôi mới được ở nhà vườn rộng có thể mắc võng nằm, hưởng thú quê xưa.

Chuông nhà thờ Giòng Chúa Cứu Thế đường Kỳ Đồng mỗi ngày mấy lần âm vang vào tận trong nhà máy lạnh, kín cửa kính. Chị Năm có giường ngủ trong phòng Ngọc Hân, Thần Phong và giữ việc ăn uống, tắm rửa, thay quần áo cho hai em... Cũng như các nhà khác của Tòa Đại Sứ, bếp có lò nấu chạy bằng “gas”, máy giặt chạy điện. Bà bếp với gia đình ở gian nhà sau. Bà dọn bàn cho Robert ăn sáng theo lối Mỹ, thay đổi với nước cam, bưởi, cà chua, cà phê, bánh mì, trứng, thịt nguội, cá mặn... Hân, Phong và tôi được ăn phở hay hủ tiếu, bún riêu, bánh cuốn... chị Năm ra đầu đường mua mỗi sáng. Cuộc sống xa xỉ này sẽ không kéo dài lâu, tôi bắt đầu học nấu nhiều món ăn Việt Nam không mua sẵn được khi về Mỹ. Món đầu tiên tôi thử nấu là phở bò. Robert mời một cặp vợ chồng người Mỹ mà bà vợ có bầu con so lớn, có thể bẻ bất cứ lúc nào. Bà đã có sẵn va-li cho mẹ con sơ sinh trong xe. Sau khi ăn phở và rời nhà chúng tôi, bà giờ dạ, cặp vợ chồng lái thẳng tới nhà thương. Có lẽ đứa bé đã ném chung gia vị phở mà bà mẹ ăn với đủ nước mắm, tiêu, gừng, hồi, chanh, hành, ớt, tương đen. Nó đã khó chịu, quấy đạp, đòi ra khỏi bụng mẹ ngay.

Sau sáu tháng, đơn xin kết hôn của chúng tôi được Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ chấp thuận. Không bỏ phí thời giờ,

ngay trong tuần lễ ấy, ngày 30 tháng 12, 1971, Robert đưa tôi tới Quận Ba Sài Gòn với hai người bạn Mỹ và hai nhân viên Việt Nam vẫn lo giấy tờ cho chúng tôi để làm nhân chứng lập hôn thú. Robert và tôi chính thức trở thành vợ chồng trong cái ngày năm cùng, tháng tận ấy. Tôi không thấy cần thiết phải báo cho ai biết tin này nhưng tôi điện thoại cho Nguyễn:

- Muốn thăm đời tư sự nghiệp của anh ra sao? Đã có cô nào khác chưa?

- Con người tai tiếng như anh còn ai thêm ngó tới!

- Số anh đào hoa lắm. Người ta không ngó, anh cũng ngó người ta. Nhưng làm ơn chọn cô nào với điều kiện ắt có và đủ cho em gửi con khi đi Mỹ! Lúc đầu em chỉ định đem Hân, Phong theo thôi. Lỡ có sao, ba mẹ con còn dễ xoay xở. Nếu sau một thời gian, mọi chuyện tốt lành, anh cho Thủy, Sơn sang ở với em nhé?

- Thì cứ để lúc đó sẽ tính.

- Vậy bây giờ anh có ai, khai đi em mừng cho?

- Kể ra thì cũng có một cô. Nhưng không biết người ta chịu mình không!

- Em biết mà, anh tránh cũng không khỏi số đâu. Cô nào đấy cho em biết xem được không?

Nguyễn trả lời sau vài giây ấp úng:

- Cô... xướng ngôn viên Đài Phát Thanh... Quân Đội.

- Cô nào nhỉ, tóc dài hay tóc ngắn?

- Tóc ngắn.

Đã nghe về tiểu sử các nàng, tôi “chịu” ngay cho chàng:

- Á à, được quá. Có vẻ hiền lành đấy. Tiến tới mau lên cho tôi nhờ.

- Người ta còn ngại em không bằng lòng.

Tôi ngạc nhiên:

- Ô hay, cô ấy không biết chúng mình đã ly dị rồi ư? Nếu cần, anh đưa giấy tờ ra. Em là người ngoại cuộc rồi, còn gì

đâu mà bằng lòng hay không. Hôm nay em gọi anh, cũng để nói một chuyện. Từ đây anh không phải đưa cái bao thư phòng lương cho em và trẻ con nữa. “Người ấy” đã lo tất cả cho em rồi. Còn anh, cưới vợ phải cưới liền tay! Em mừng cho anh đấy!

Nhiều người không thể bỏ trống cuộc đời mình quá bấy ngày. Không có người này, họ sẽ có người khác nhanh chóng. Nhưng tôi vẫn mong Nguyễn kiếm được một người vợ đàng hoàng, xứng đáng cho tôi gửi Nguyễn Thủy, Trường Sơn bấy giờ và trong thời gian đầu tôi đến Mỹ sau này.

Hai tuần sau, chiều ngày 15 tháng giêng 1972 một buổi tiếp tân ra mắt thành hôn của Robert và tôi được tổ chức ngay trong biệt thự đường Bà Huyện Thanh Quan. Tôi mặc áo gấm đỏ, lại đeo bộ hạt bầy vòng vàng, tóc chải lấy, không hoa, không khăn đội đầu, không đi tiệm trang điểm. Robert trong bộ đồ xám vẫn thường mặc đi làm. Không nghi lễ.

Hiện diện hôm đó có ông phó đại sứ và bà Whitehouse, cùng gần hết các cố vấn, tùy viên của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ, USAID, ông Bộ Trưởng và bà Đàm Sĩ Hiến, ông Chủ tịch Trần Quốc Quốc Bửu và nhiều nhân viên Bộ Lao Động, Tổng Liên Đoàn Lao Công. Về phía bạn Việt Nam của tôi có bộ ba Thu, Huyền, Thoa và một số bạn RMK. Tất cả độ hơn một trăm người. Tôi không mời anh chị em họ hàng vì ngày đính hôn tôi đã tuyên bố đó là ngày thành hôn để tôi thuận tiện gặp gỡ Robert hơn.

Giữa buổi tiệc, khi trời vừa tối, bỗng ngoài đường râm rộ tiếng mô-tô, huyền nào tiếng còi cảnh sát. Cảnh cổng được mở rộng tức thì, một cái xe đen bóng, dài như cái thuyền mang cờ sọc đỏ, trắng với 50 ngôi sao trên nền xanh, tiến thẳng vào sân. Cảnh cổng được đóng thật nhanh. Quan khách đều ngạc nhiên nhìn ra. Cửa xe được mở, một người đứng tuổi, cao gầy bước ra. Đó là ông Đại Sứ Hoa Kỳ. Tất cả quan khách đều phúc đáp sớm, có hay không tới tham dự buổi tiếp

tân. Chúng tôi không nhận được trả lời của ông Bunker. Thì ra, vì vấn đề an ninh, cô thư ký của ông dù đã tới trước cũng không biết hoặc không cho chúng tôi hay dự định của “big boss”. Robert đưa tôi ra chào và giới thiệu với sứ giả của Tổng Thống Nixon tại Sài Gòn. Ông Đại Sứ đã bắt tay tôi thật mạnh với nụ cười thân mật và lời chúc tụng nồng nhiệt ngoại giao. Robert và tôi đưa ông đi một vòng giới thiệu với quan khách Việt Nam và bắt tay các nhân viên Tòa Đại Sứ. Ông không chạm tới một ly nước hay rượu, không đụng tới một món ăn. Có thể vì đủ mọi lý do an ninh. Nửa giờ sau, ông Đại Sứ Bunker lại bắt tay chúng tôi và lên xe ra về. Tiếng mô-tô lại rầm rầm nổ. Tiếng còi cảnh sát huyền ảo, xa dần.

Để giải thích việc chung sống với Robert đã chính thức, tôi nói với các con: “Người ta chỉ có một vợ, một chồng. Bố đã có những người đàn bà khác. Mẹ không “thích” và không “chịu” là vợ của bố nữa. Robert đã thương mẹ, thương cả các con. Ông đã hỏi cưới và mẹ đã nhận lời. Vậy, từ nay hãy gọi ông Robert là “daddy” có nghĩa là cha. Vì chính thực “daddy” đang săn sóc Hân, Phong và mẹ. Các con vẫn phải yêu bố vì bố vẫn yêu các con.”

Hình như còn nhỏ và đã quen với tình trạng bố mẹ xa nhau từ lâu, đã “chơi thân” với người bạn Mỹ của mẹ từ vài năm rồi nên Robert và tôi đã được bốn đứa trẻ “công nhận và ban phép lành” chẳng phản đối, thắc mắc. Dù không thường trực như hai em, Nguyên Thủy, Trường Sơn đến chơi và ở lại rất thoải mái với mẹ và daddy những ngày cuối tuần hay ngày lễ, Tết được nghỉ học. Khi Robert ôm hôn vợ trước mặt các con nàng, chàng cũng phải làm như vậy với chúng, nếu không, sẽ bị chúng la ó, nhảy lên tận cổ đòi. Năm mẹ con không thiếu những âu yếm, dịu dàng từ Robert.

Bàn về tuần trăng mật, cũng như nhiều người Việt khác, Robert muốn đi Đà Lạt, đặc biệt vì ở trên quê hương vợ. Chàng nghe nói nhiều về miền cao nguyên nổi tiếng đẹp, khí hậu tốt do người Pháp khám phá và thiết lập mà chàng chưa có dịp đặt chân tới. Đường không an ninh, bị Việt Cộng giạt mìn, chặn đánh hoài. Chúng tôi có thể đi máy bay. Nhưng đó không phải vấn đề chính yếu. Người vợ Việt Nam của Robert không muốn trở lại thành phố có nhiều kỷ niệm cũ với người chồng mới. Tôi cũng sợ cả cái gai mắt của đồng bào trước sự du dương của một cặp Mỹ, Việt. Đi ngoại quốc thì theo luật hiện hành, tôi không ở một chức vụ nào để có thể đi một tuần rồi lại trở về. Nhiều người chạy chọt, đút lót vẫn đi được. Nhưng tôi không thêm khát du lịch nước ngoài đến độ phải luôn cúi vạy.

Vợ chồng tôi định khi nào về Mỹ sẽ đi trăng mật luôn thể. Nhưng ông Lãnh Sự Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ nhất định khuyến khích và bày mưu cho Robert có giấy phải về Mỹ. Tôi sẽ theo chồng và đi Hong Kong ở một tuần. Robert sẽ bị gọi trở lại Sài Gòn làm việc. Robert điền giấy tờ xuất ngoại cho tôi theo kế hoạch ông Lãnh Sự.

Chúng tôi ở một khách sạn khá lịch sự phía Nam Kowloon nhìn sang hòn đảo Hong Kong qua vịnh biển hẹp. Vùng đất này có giao kèo cho nước Anh mượn 99 năm và hết ngày 30 tháng sáu 1997 sẽ được trả lại cho Trung Quốc. Cao ốc, chung cư san sát như những bao thuốc lá, hộp diêm xếp thẳng đứng, chen chúc nhau dưới phố, trên đồi. Trong các ngõ hẻm, đường nhỏ, dân chúng phơi quần áo như treo cờ ngày lễ. Dưới vịnh, tàu to, thuyền nhỏ đậu như lá tre, tôi đến đèn bật sáng trưng như đại lễ hoa đăng. Thành phố quá đông đúc, chật chội so với dân số. Lúc nào trên hè cũng đầy người như trảy hội. Xe cộ đi bên trái, cuộn cuộn như nước lũ suốt ngày đêm. Tưởng là đồng bào, nhiều người Hong Kong chào hỏi tôi bằng tiếng Hoa. Nhưng trong khách sạn, các

tiệm ăn, cửa hàng, thương xá, taxi, mọi người đều nói tiếng Anh. Robert chưa bao giờ đến đây ngoài những lần ghé đõi chuyến bay. Tôi bắt đầu ham thích đọc sách du lịch, học cách xem bản đồ với Robert để đi chơi trong thành phố không cần theo người hướng dẫn.

Món ăn Trung Hoa không khác Chợ Lớn hay Hàng Buồm, Hà Nội xưa là bao. Tại đây lần thứ nhất tôi được nếm vịt quay Bắc Kinh. Da vịt đặc biệt giòn, thịt mềm thái lát, cuộn với hành lá chẻ dài trong bánh bột mì mỏng, nóng, quét tương đen. Lấy thang máy lên cao mấy chục tầng lầu, chúng tôi nhàn hạ ngồi trong một nhà hàng có nhiều món ăn quốc tế và xoay tròn thật chậm 360 độ vòng quanh phong cảnh Hong Kong, Kowloon. Ngồi xe buýt, chúng tôi làm một chuyến đi tới biên giới để nhìn vào Trung Hoa lục địa sâu rộng ngoài tầm mắt và nghe kể nhiều cảnh vượt biên, thương tâm, hãi hùng của người dân muốn trốn thoát hỏa ngục Cộng Sản Hoa đỏ.

Tôi mua sắm được một ít lụa, gấm đủ màu, khăn bàn thêu, quần áo, vớ mỏng để dùng và làm quà cho mọi người kể cả bà nội của các con tôi. Dán mắt tủ kính nhiều tiệm vàng, ngọc, kim cương, tôi đã không mua được một món nữ trang nào vì sợ bị lừa, bị hớ, mà còn đánh mất một viên ngọc quý của bà ngoại để lại, sau khi qua đời. Tôi định đem ngọc đi tìm một cái ổ nhận kim cương. Nhưng vì gói ngọc trong giấy chùi tay, có lẽ tôi đã lơ đãng vứt nó vào thùng rác cùng với những giấy bẩn khác. Bồi dọn phòng ngày hai lần. “Châu tìm đường về Hợp Phố.” Tôi không có duyên với viên ngọc ấy.

Bà ngoại tôi đã thất lạc vào đầu năm 1971. Cũng vì ý y khoẻ mạnh, cụ 90 tuổi, vẫn thoăn thoắt leo thang và trượt chân ngã bẻ đầu, đứt gân máu, không thể cứu chữa. Cụ Bà Hà Đông năm xưa được an táng tại nghĩa trang Bắc Việt, Tân Sơn Nhất bên cạnh mộ bà Nhâm, con gái út của cụ.

Từ sau ngày ký hôn thú, tôi mới cảm thấy chính thức là vợ của Robert. Những thiệp mời đã đề “Mr. and Mrs.”



Chúng tôi được niềm nở chào mừng như một đôi tân lang, tân giai nhân ở dinh Ông Đại Sứ, Phó Đại Sứ và những dạ tiệc, tiếp tân khác. Tôi không rụt rè, bỡ ngỡ trước cuộc sống ngoại giao mới. Tùy từng dịp, tôi mặc xiêm y Âu phục hay áo dài Việt Nam. “Mini skirt” vẫn là thời trang nhưng tôi chỉ mặc khi dự “picnic” hay “party” tư nhân. Robert luôn luôn tỏ ra rất hài lòng về cách phục sức của vợ, chẳng cần phải cho nàng ý kiến. Trước, trong và sau những bữa tiệc, chàng thường nói nịnh, nàng đẹp hay đẹp nhất, lịch sự hay lịch sự nhất. Nếu thuở mới quen, thường khen nàng “nice, pretty” sau hứa hôn, Robert gọi ý trung nhân “my sweetheart, my beautiful”. Khi đã thực sự là vợ của chàng, nàng được nghe thêm những lời ngọt ngào, đắm thắm “darling, honey, sweetie, baby”. Hình như tiếng Anh có bao nhiêu chữ hoa mỹ nhất để gọi người vợ yêu quý, Robert đã dùng hết cho người đàn bà Việt Nam có hôn thú với chàng. Tuy nhiên, nàng vẫn ngượng miệng, không thể bắt chước gọi ông chồng người Mỹ bằng những danh từ trên dù chàng rất xứng đáng. Trái lại, không biết học được ở đâu, từ hồi nào, tôi đã gọi chàng “my dear, my love” một cách dễ dàng như ngôn ngữ mẹ đẻ. Đến khi đi du lịch Anh Quốc, nghe cả nước đó người ta gọi nhau như thế, tôi chợt hiểu rằng cách xưng hô này đã ảnh hưởng, tiềm ẩn trong tôi từ những sách truyện, phim ảnh của Anh mà tôi đã học và xem. Bây giờ, tôi mới có dịp đem ra thực hành văn chương lãng mạn với Robert.

Mỗi buổi tối sau bữa cơm, dù có Nguyên Thủy, Trường Sơn hay không, Robert thường ngồi đọc sách tranh ảnh thiếu nhi của Mỹ, tôi phiên dịch theo cho các con. Ngọc Hân, Thân Phong muốn đổi tên Jane, Bill, hai nhân vật nhỏ bé trong truyện. Chương trình vô tuyến truyền hình quân đội Mỹ thuở đó có những loạt phim như *Batman*, *Combat*, *Wild Wild West*, *Hawaii-Five-0*, *Bonanza*... rất được chúng tôi và nhiều khán giả Sài Gòn ưa chuộng. Cậu con trai út của chị

Tâm tôi đã được gọi là Batman, Người Dơi, như sự thịnh hành của phim đó. Đôi cánh tay rộng của Robert muốn ôm giữ, bao bọc cả năm mẹ con ngồi trên ghế bành dài trong phòng khách.

Trước giờ ngủ, như một người cha, Robert ôm mi từng đưa con của vợ và chúc chúng ngủ ngon. Chúng sung sướng mi lại chàng như thói quen tự nhiên. Vì nhà có máy lạnh, Robert thường lên giường trước làm ấm nửa bên của vợ và thích thú được nàng ôm quần vào người. Robert nói, đó là phần thưởng và thời gian quý báu nhất trong một ngày của chàng. Thân thể hai kẻ bị cô đơn nhiều năm tháng cần phải sát chạm truyền hơi ấm cho nhau mới yên giấc nồng. Tuy vậy, vẫn có những đêm tôi chợt tỉnh giấc, thấy mình đang nức nở, sợ hãi một hình ảnh nào vừa qua trong cơn ác mộng và được chồng vỗ về, xoa lưng, hôn trán, ôm ghì an ủi.

Nhưng đôi khi nửa đêm về sáng, Robert bỗng cảm thấy thật lạnh vì mất gối ôm bằng da thịt của vợ. Nàng đã đợi chàng ngủ say, lên êm ra phòng đọc sách, ngồi thu mình trong ghế bành, mài miết đọc tiểu thuyết của Lê Hằng, Nguyễn Thị Hoàng hay truyện dịch của tác giả Đài Loan, Quỳnh Dao... May mắn cho chàng, nàng chán ngay sau vài quyển của những tác giả này và trở lại làm gối ôm cho người chồng “con nít”. Chiều chuộng người vợ “trẻ con” cũng là hạnh phúc của đời chàng.

Vì phải đi tiệc, “party” nhiều, chúng tôi không thấy cần đi nhà hàng hay “night club”. Nhưng phim ảnh chiếu tại các rạp, tôi không bỏ qua, để trả thù bao năm bị cai nghiện, phải xem toàn phim chương với các con. Tôi đã tìm được người bạn đời luôn luôn sung sướng như được hẹn hò với người yêu và đưa tôi đi xem tất cả những phim tôi ưa thích: *My Fair Lady*, *Doctor Zhivago*, *Love Story*... Tuy nhiên tôi chỉ chọn xuất cuối cùng buổi tối. Khán giả dù sao cũng giữ lịch sự tối thiểu với người đàn bà Việt đi với người ngoại

quốc. Không khí trang trọng, mọi người phục sức lịch sự như đi dự một buổi trình diễn văn hoá, âm nhạc, hoà tấu, kịch nghệ lớn tại các nước Âu, Mỹ. Đôi khi, ngày đầu chiếu phim mới, người đông chen chúc xếp hàng dài. Tôi chẳng ngại mua vé chợ đen và ung dung vào rạp ngồi bên người hộ tống đáng yêu.

Bản tính tôi khi buồn, lúc vui đều tìm về chia sẻ với gia đình. Sau ngày thành hôn với Robert, tôi mới thực sự cảm thấy danh chính ngôn thuận mời mẹ, anh chị em đến chơi tại địa chỉ vợ chồng tôi. Sau đó là những buổi du ngoạn núi Bửu Long, Thác Trị An, Suối Lò Ô, Biên Hòa, Vũng Tàu... Xe Toyota của Robert mới, máy lạnh, khá rộng rãi, lèn nhét chín người, bà ngoại, cô Hà đang có bầu, chú Phước và năm mẹ con tôi. Xe Simca của anh Lân, chị Tâm có lẽ từ thời Pháp về nước vậy mà vẫn chạy ngon và chất gia đình anh chị bấy người thêm cô Vân, chú Quang, bé Trang.

Vì chở bà già, bà bầu, con nít và theo nhau, hai xe phải chạy chậm. Có một lần, chúng tôi bị một xe thể thao bóng loáng với dăm ba thanh niên trẻ trung khác vượt qua và quay lại làm dấu chế giễu. Nhưng độ nửa giờ sau, cái xe đó bẹp rúm nằm trên một ụ đất giữa đường, bốn vó chổng lên trời. Tài xế, hành khách đứng ngoài xe thất thần, hơ hãi. Khi nhận ra những kẻ đã nghinh vượt mình lúc nãy, chúng tôi không kịp bịt những cái miệng con, cháu khoái trí la “lêu lêu, lêu lêu” trả đũa.

Chuyến đi chơi nào cũng từng ấy nhân vật, vui vẻ, thỏa thuê. Phim quay hình màu được thâu chụp và giữ như kho tàng quý báu. Mẹ và chị em đều mừng, thuyền tôi đã tìm được một bến bờ êm đềm, phẳng lặng để đậu. Đồi tôi đã có một bóng cây tùng để ẩn núp. Tôi trở lại với nếp sống chân chỉ, không vương tư, bay bướm, dần xóa đi những kỷ niệm buồn.

Gần đây, trong một lần điện thoại khác, tôi được biết Nguyễn đang xúc tiến hôn nhân với cô xướng ngôn viên Đài Truyền Hình Quân Đội và đang đi kiếm nhà. Nơi Nguyễn cũng là nơi Nguyễn Thủy, Trường Sơn ở. Chúng phải có nhà cửa rộng rãi, sạch sẽ như tôi đang được hưởng, để ăn học, vui chơi thoải mái. Hè này Thủy thi lên Trung Học. Con sẽ lo học thi như mẹ ngày xưa. Tôi nói với Nguyễn ý định để ba bố con trở về căn nhà hẻm Chu Mạnh Trinh. Lẽ dĩ nhiên chàng vui mừng, đồng ý ngay. Thật may mắn, vợ chồng người em gái thông cảm và dọn về bên nội. Chẳng bao lâu sau, dù Nguyễn không nói và dặn các con “đừng cho mẹ hay” tôi cũng nghe qua mọi người, chàng cưới vợ lần thứ hai.

Tin tôi lập gia đình với nhà ngoại giao Mỹ được loan truyền trong giới vui chơi nhảy nhót cũ của tôi. Đa số ngạc nhiên, tưởng tôi chỉ muốn độc thân tung bưng cho qua thời giờ, không nghĩ tới hôn nhân. Chính tôi cũng chẳng ngờ có ngày trở thành vợ một người ngoại quốc, như được Thượng Đế gửi tới từ nơi xa lạ. Nhiều thiệp và hoa gửi đến chúc mừng. Vài người tự nhiên như bạn thân đi qua nhà và ghé thăm.

Để đáp lại lời yêu cầu của họ, Robert và tôi đã tổ chức một dạ vũ tiệc tại biệt thự. Nhưng một việc khẩn cấp đột nhiên xuất hiện, ông chồng tôi chỉ biết nhảy Slow, Fox Trot và Slow-Waltz. Có lẽ trước khi đi ngoại giao chàng chỉ học vài điệu đu giao thiệp. Tôi cấp tốc mỗi tối dạy chàng vài bước căn bản của Rumba, Cha-Cha-Cha... Có rất ít người Mỹ thích khiêu vũ theo lối cũ, “ball-room dance”. Robert cũng chẳng hơn gì, chàng chỉ muốn chiều vợ nên phải cố gắng học theo nhịp đếm của nàng trong hai tuần. Một cặp Mỹ-Việt khác nghe nói “party” có khiêu vũ trình trọng lắm, đã vội vàng đi học nhảy lớp Nguyễn Trọng. Đêm “party”, bàn ghế được đẩy vào giáp tường. Sàn đá hoa phòng khách,

phòng ăn rộng lớn trở thành sàn vũ tron bóng. Tất cả thức ăn, uống để trên bàn, khách tự tiếp lấy. Phòng đọc sách mở rộng cho người chỉ thích uống rượu và nói chuyện. Lẽ dĩ nhiên khách tới dự có cả Mỹ, Việt. Dù Robert khóps, chỉ dám nhảy điệu mới học với bước đệm thì thầm của vợ, khách ngoại quốc rất thán phục vì có những cặp bản xứ nhảy thật là lướt, bay bướm. Tôi giải thích: “Nhiều người chúng tôi nói tiếng Pháp như người Pháp, nói tiếng Mỹ như người Mỹ, nhảy giỏi chẳng khác trên màn ảnh Hollywood, vì họ ham học, phải trả tiền và đến trường, đến lớp học nghiêm chỉnh, say mê.”

Nhưng đó là lần đầu tiên và cuối cùng chúng tôi có dạ vũ. Tiệc vì bốn phận ngoại giao hay thân hữu mà chúng tôi là chủ hay khách cũng đủ nhiều. Robert có những cái hẹn gặp gỡ vì công việc với các nhân vật Việt Nam trong các bữa cơm chiều, trưa và cả điếm tâm sáng sớm tại nhà. Người Hoa Kỳ, nếu có thể, dồn tất cả công ăn việc làm vào ngày thường. Cuối tuần, ngày lễ là của gia đình.

Mối lo tương lai xa Sài Gòn, đi xứ lạ làm tôi không hứng thú ăn chơi. Nhiều người lấy khí hậu giá lạnh, sự kỳ thị màu da, gái bán “bar”, sự thay đổi và khinh thường của người chồng Mỹ với vợ Việt khi về nước, để lung lạc tinh thần tôi. Một phần họ nói đúng, một phần ghen tức, mong cho tôi gặp chuyện không may ấy. Chính họ là người ao ước địa vị tôi. Không nhiều thì ít, những hoang mang ấy vẫn chập chờn...

Tình hình chiến trận miền Nam thật đen tối. Vô tuyến truyền hình, báo chí quân đội Mỹ, *International Herald Tribune*, *Stars and Stripes*... tường thuật với hình ảnh những trận đánh khốc liệt, thảm thương. Người ta ứa nước mắt, nuốt miếng cơm không trôi khi nhìn thấy hay nghĩ đến những cảnh ấy. Thế rồi, chiến tranh chết chóc đã xâm nhập vào đại gia đình chúng tôi. Một người cháu họ vừa 19 tuổi, chết trong trường Sĩ Quan Trừ Bị Thủ Đức vì đạn Cộng Sản

pháo kích. Một cháu khác, Lê Anh Tuấn, tử thương trong trận Hạ Lào vào một ngày Tết đầu năm. Anh Phúc, chị Kim đã ngất lên, xiêu vẹo trong đám tang đứa con trai 20 tuổi vừa chết trận.

Nghĩa Trang Quân Đội, Biên Hòa được mở rộng, tưởng như không còn đất trống. Ngày nào cũng có cha mẹ đi chôn con, vợ chôn chồng, con chôn cha, người yêu vĩnh biệt người yêu. Từ xa lộ, khách qua đường không khỏi bùi ngùi khi nhìn tác phẩm *Thương Tiếc* của điêu khắc gia Nguyễn Thanh Thu. Bức tượng người lính buồn ngời ôm sủng ngoài cổng nghĩa trang, tiếc thương các bạn đã an nghỉ trên ngọn đồi anh hùng tử sĩ sau lưng. Linh Phương có bài thơ khóc hồn “Kỷ Vật Cho Em”, Phạm Duy phổ nhạc đau xót, Thái Thanh thét gào, lạnh hồn tang tóc:

*Anh trở về chiều hoang trốn nắng  
Poncho từng phủ kín đời anh  
Anh trở về bờ tóc em xanh  
Chiếc khăn tay ngăn giòng lệ ứa  
Em ơi!...*

Tháng ba năm 1972, 150 ngàn Cộng Sản Bắc Việt tràn qua vùng phi quân sự, tấn công Đông Hà, Quảng Trị. Khi quân Quốc Gia dừng cầm tái chiếm, những thành phố này tan hoang, cháy rụi cùng với 75 ngàn xác đói phương để lại.

Ngày 12 tháng 5, Cộng Sản bắn 8000 đạn đại pháo và 2000 quả mỗi ngày sau vào thị xã An Lộc. Người hùng của cô em Song Hà, Thiếu Úy trợ y Nguyễn Hữu Phước đã ở dưới hầm trong hai tháng cầm cự, gia đình không biết tin tức. Nhiều ngày thiếu lương thực, Phước phải ăn cháo với muối hay khoai, sắn, mít, xoài..., khâu vết thương cho quân sĩ với dây ny-lông lấy ra từ bao cát. Khi địch quân bớt pháo kích, Nguyễn đã nhờ ông Chuẩn Tướng Tư Lệnh cho tìm Phước. Chàng Thiếu Úy được bốc lên trực thăng cho về nghỉ xả hơi

với vợ con. Râu tóc ông em rể tôi cũng dài như Việt Cộng năm vùng. Vài ngày sau, Phước lại được thả xuống đơn vị tiếp tục công tác cứu thương. Nhưng rồi Cộng quân bị tiêu diệt gần hết, thân chất đầy chiến địa trong đó hàng ngàn xác tử thủ bị xích từng đôi với nhau, với xe tăng hay với gốc cây. An Lộc hoàn toàn bình địa. Vùng cao su đất đỏ Bình Long càng đỏ thêm màu máu. Hơn một triệu dân quê miền Nam di cư về các thành phố lớn. Những chiến trận kinh hoàng ấy đã được nhà văn quân đội Phan Nhật Nam ghi chép vào tác phẩm *Mùa Hè Đỏ Lửa*.

Trong khi ấy Jane Fonda, cô đào chiếu bóng Hollywood, bay sang Hà Nội, Bắc Kinh và về qua Paris, mở chiến dịch chống đối Quân Đội Hoa Kỳ chiến đấu giúp Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa bảo vệ miền Nam. Cô nàng không tin rằng Việt Cộng từ ba mươi năm qua cho đến ngày đó, đã gây chiến tranh thảm khốc, vi phạm nhân quyền, đàn áp, giết hại chính đồng bào của họ trên toàn lãnh thổ Việt Nam... Vụ tàn sát tại Mỹ Lai, (Quảng Ngãi, ngày 16 tháng ba, năm 1968) bị đem ra toà án Hoa Kỳ, cũng là một trong những đề tài phản chiến ở Mỹ... Mười năm sau Fonda đã lên đài truyền hình Mỹ tự thú sự nông cạn, thiếu suy nghĩ của cô ta và tạ lỗi đã làm tổn thương sự đóng góp cho chính nghĩa, sự hy sinh của cựu quân nhân chiến tranh Việt Nam cùng những người Mỹ đã từng đến Việt Nam để giúp xứ sở này chống lại tai họa Cộng Sản.

Ông Tổng Thống của Jane Fonda hạ lệnh rút ba đợt quân lính về nước, từ 540 ngàn xuống còn 70 ngàn ở lại miền Nam. Người Mỹ đã hết kiên nhẫn và mỏi mệt với chiến tranh Việt Nam. Nixon đề cử Henry Kissinger mở cuộc hòa đàm đình chiến với Lê Đức Thọ của Hà Nội để Quân Đội Mỹ có lý do chính đáng rút bỏ trách nhiệm đồng minh, như kế hoạch rút lui của Pháp trước kia, khi đề nghị Hiệp Định Đình Chiến Geneva, năm 1954. Tổng Thống tái

cử Việt Nam Cộng Hòa Nguyễn Văn Thiệu cũng chẳng có quyền hành gì trong việc Kissinger muốn bán đứng miền Nam cho Cộng Sản.

**M**ột niềm hạnh phúc cho tôi lúc đó, Nguyên Thủy đậu vào đệ thất trung học Võ Trường Toản. Thấm thoát mới ngày nào tôi kiêu hãnh thi đậu vào lớp đó của trường Trung Vương Hà Nội... Con trai tôi sẽ bắt đầu học trường nam sinh bên cạnh trường nữ của mẹ thuở mười tám xe đạp thông dong, nón bài thơ quai xanh, quai tím. Kỷ niệm xưa đôi khi thấp thoáng trở về như mộng mơ làm dáng, nhưng bỗng nhiên xuất hiện cụ thể với những bạn học của mười ba năm về trước.

Một ngày, cùng chồng đi dự lễ đính hôn của nhà ngoại giao, đồng nghiệp của Robert, với một cựu nữ sinh trường Pháp, tôi gặp Kim Bảo. Chúng tôi ôm nhau mừng rỡ và đứng ra xa đám đông để thủ thi tâm tình. Nàng đang làm ở USAID, phu nhân của một Trung Tá Hải Quân, có một quý tử. Tôi chẳng cần phải khai, Kim Bảo cũng biết đời tư sự nghiệp “lầy lừng” của Nguyễn Thị Ngọc Dung đang “tị nạn hôn nhân” trong một biệt thự của Tòa Đại Sứ Hoa Kỳ. Kim Bảo lên giọng trịnh trọng:

- Thế thì Dung phải cho bạn bè một buổi họp mặt giới thiệu chàng chứ?

Tôi ngò vục:

- Các bạn muốn gặp thứ dữ hả?

Kim Bảo hạ giọng, thân tình:

- Chúng nó vẫn nhắc tới Dung. Đứa nào cũng khen Dung can đảm và mừng cho Dung!

Tôi cảm động:

- Vậy ư? Cám ơn các bạn!



- Ta nói thật đấy. Để ta gọi báo tin cho chúng nó, ta đã gặp Dung và sẽ tổ chức một buổi họp mặt.

Sau vài lần điện thoại qua lại, tôi được biết Kim Bảo đã huy động một số bạn học ban văn chương cũ. Với lý do và mục đích chính, tôi đề nghị họp mặt tại nhà tôi. Các bạn đồng ý. Tôi định làm hai món phổ thông chả giò, bún thang. Bà Năm nói, muốn có cua bể ngon phải đi chợ Bến Thành. Mỗi khi có tiệc, tôi thường đi chợ với bà để chắc chắn mua được thức ăn ngon.

Chẳng biết vô tình hay hữu ý bà bếp đã dẫn tôi qua dãy hàng quà la liệt trong chợ Bến Thành. Nếu không ăn thì cũng phải đi một vòng, xem người ta bán món gì. Làm ngơ sao được! Tôi ngó từng món quà. Bà Năm biết tôi đã bị lôi cuốn nên dụ khị. Tôi nhìn quanh, ngần ngại. Đa số các bà, các cô từ áo cánh ngắn đến áo dài là lượt, son phấn diêm dúa, ngồi ăn ham hố, không màng kẻ qua, người lại. Có lẽ giới quen biết tôi không ai ngồi đây. Yên tâm, tôi gật đầu với bà bếp.

Nhưng biết ăn món nào? Tất cả đều hấp dẫn quá! Xôi cốm dẹp xanh rắc dừa tươi bào nhỏ. Xôi bắp trắng đỗ trên lá chuối gấp hình cái thuyền, thêm dừa, mè, đậu xanh, đậu phộng và múc ăn bằng cuống lá cọ. Chè chuối, chè nếp đậu đỏ, chè đậu xanh đặc biệt miền Nam không thể thiếu nước dừa béo ngậy. Bánh ướt ăn với bánh cống chả lụa, giá trứng, dưa leo. Bún chả giò, tôm, thịt nướng thơm phưng phức. Bánh xèo vừa ăn, vừa ngón rau sống, húp nước mắm dấm tỏi ngọt từ đầu lưỡi xuống đến ruột. Những nồi canh bún ốc, bún sáo măng, bún riêu đỏ ổi cà chua, bún bò Huế vàng ngậy ớt hành. Món nào cũng làm người ta nuốt nước miếng ừng ực.

Được hỏi, bà Năm nói ngay, bà thích món bún bò Huế nhất. A, món này tôi chưa được ăn bao giờ, nên thử xem sao. Tôi rụt rè ngồi xuống một trong hai cái ghế thấp bà bếp vừa giành được. Bà gọi hai tô có thêm một phần giò, những lát thịt bò bó, dòn như giò bò gân với một miếng chân giò heo

bự. Sợi bún to, cứng, ăn không ngán như sợi bún nhỏ, mềm. Nước canh nóng hôi, đậm ngọt, thơm mùi mắm ruốc, xả, hành răm, đồ vị ớt cay xé lưỡi. Tôi vừa ăn, vừa xuýt xoa chặm nước mắt, thấm mồ hôi. Bụng dạ nhỏ, tô bún lớn, không có chỗ cho giá sống, bấp cái bào mà thực khách tha hồ gấp không phải trả thêm tiền.

Sau gần nửa giờ ngồi lê ăn quà, bà Năm đưa tôi tới dãy tôm cua cá phồn thịnh của chợ Bến Thành mà người bếp giỏi và sành ăn phải hài lòng. Bà chọn cho tôi những con cua chắc mập nhất chợ để làm chả giò mời bạn Trung Vương.

Buổi sáng ngày họp bạn, tôi ôn ỉn với chồng:

- Để các bạn ăn nói thoải mái, trưa nay cung dùng bữa ở Tòa Đại Sứ đi. Độ một giờ rưỡi cung về ra mắt họ và chụp hình cho bọn em nhá!

Sau khi lấp cuốn phim vào máy ảnh, chàng vui vẻ dặn dò:

- Em, nhớ nhé, rượu trắng, rượu đỏ thì mạnh hơn. Rượu hồng nhẹ nhất cho phụ nữ, dùng với món nào vào buổi trưa cũng được. Nếu các bạn muốn uống rượu mạnh thì đợi anh về tiếp tay cho.

- Cám ơn cung. Chắc chắn các bạn em chỉ uống mấy thứ rượu nhẹ. Họ có đòi thứ mạnh, em cũng không cho.

Gần trưa, những người bạn học cũ lục tục tới. Đã được báo trước, nên người gác mở rộng cổng biệt thự khi xe của Hồng Diệp và Kim Anh tiến vào. Họ phải bỏ sở, bỏ cửa hàng, tiệm thuốc vài giờ, hay vừa đi dạy học về đến thẳng nhà tôi. Tất cả chẳng khác nhau. Tôi nhận và nhớ tên từng người. Nàng thơ Nguyễn Thị Sâm vẫn gầy còm, tóc xõa vai nghiêng. Thụy An vẫn xinh xắn với mái tóc cúp vào. Kim Dung “Phú Nhuận” tóc dài tha thướt. Thiều vẫn đẹp tươi tắn, tự tin. Kim Bảo có giọng nói mà các bạn đều nghĩ rằng cuộc đời nàng có hướng đi lên. Tố Lan trong áo dài lấp tay ren màu xanh dương. Hoàng Thị Vấn lớn hẳn lên, không còn là

cô Bé Tí như hồi đi học. Ngoài ra có Thiều Lan, Kim Khuê, Bùi Thị Dung. Chúng tôi ồn ào hỏi thăm nhau, tranh nhau nói. Có mười mấy cái miệng, nhưng lần át cả tiếng hát Thái Thanh, Khánh Ly, Lê Thu, Thanh Lan phát ra từ cuốn băng nhựa tròn... Hơn một thập niên, kể từ ngày rời xa trường Trung Vương, tôi mới tìm lại được sự vui nhộn, cảm thông trong buổi họp mặt đầu tiên với bạn học đồng môn.

Cái bàn dài trải khăn trắng, được bày đẹp với những đĩa chả giò thanh nhỏ, chiên khéo, vàng óng, dòn tan của bà bếp. Rau diếp, kinh giới, tía tô, thơm, ngò mấy đĩa cao. Nước mắm tỏi hai thố đầy. Vài keo đồ chua cà rốt, củ cải trắng bào. Những bát bún thang bày ba vòng thịt gà, giò, trứng không thể thiếu rau răm, cà cuống, mắm tôm, chanh. Thiều và Kim Bảo chọn uống rượu hồng, các bạn khác cùng nhắm nháp. Tráng miệng với bánh “flan” đặc biệt, sữa, trứng, đường keo vàng mật của Ngọc Dung. Nhưng khi trông thấy trái bưởi Mỹ, Thiều đòi ăn vì nhớ tới nếp sống sinh viên bấy năm du học Hoa Kỳ. Nàng bỏ đôi ngang trái bưởi, rắc đường và lấy muỗng xúc từng nửa múi. Thiều ăn ngon lành làm các bạn khác chảy nước miếng vì nó chua loét, không ngọt lịm như bưởi Biên Hòa.

Vừa lúc đó chuông cửa reo, người bạn học cũ của một nàng trong chúng tôi xuất hiện. Chàng là cựu học sinh Chu Văn An, còn độc thân, nghe nói có vụ hội họp các nàng và mấy người đẹp còn *trông thành như nón không quai* nên nhất định đòi ghé chơi. Hồng Diệp, Sâm, Tô Lan, Thụy An, Bùi Thị Dung, Vần vẫn như *thuyền không lái, như ai không chèo*.

Rồi có tiếng cửa mở, ông chủ nhà bước vào. Các bạn tôi đều thân mật chào hỏi Robert như quen biết từ lâu. Khi nam giới là thiểu số, thường bị nữ giới tấn công đáng yêu như vậy. Trước ánh mắt tinh quái của nhóm đồng đảo phụ nữ bản xứ thông minh, vui vẻ, nhà ngoại giao muốn co nhỏ người

lại, đôi mắt xanh, rèm mi cong vút, bẽn lẽn như chú rể mới cưới. Tôi đứng lên ôm tay chàng dắt tới giới thiệu với các bạn. Ngoài Thiều có bằng Cao Học Hoa Kỳ, Tố Lan, Kim Dung, Kim Bảo, Thiếu Lan làm cho USAID, Thụy An giáo sư Anh văn, Kim Anh dược sĩ, các cô giáo Sâm, Ván, Hồng Diệp, Kim Khuê, cô chủ tiệm hàng len đan dệt Bùi Thị Dung, toàn là những cây sinh ngữ ban “C”, nên không có vấn đề khó khăn khi họ chất vấn ông chồng tôi. Xong việc chào hỏi, các nàng quen miệng quay lại tiếng Việt:

- Chàng có vẻ hiền lành nhỉ?
- Ông ấy có vẻ đẹp trai như tài tử trong “Hawaii Five-O”!
- Chàng đâu có cao lắm!
- Cao cũng chẳng sao, con Dung tha hồ được bế bồng!

Thiều cao giọng nói như chim hót:

- Con Dung tài thật, mà chưa bao giờ ra khỏi Việt Nam mà kiếm được một tên khá quá. Tao đi cùng khắp nước Mỹ chẳng thấy tên nào ra hồn!

Tôi cười:

- Bỏ sinh ngữ cả mười năm mà lại đòi đi làm sở Mỹ nên tôi đã nhờ người tầm thầy và chọn đúng ngay “the first and only one.” (Người đầu tiên và độc nhất.) Thầy đã bị trò bắt mất linh hồn, tội thế đấy! Các bạn làm ơn lặp lại giùm tôi những lời khen tặng bằng tiếng Mỹ cho chàng hiểu và cảm động đến rụng tim!

Nhà ngoại giao thẹn thùng, sung sướng cảm ơn nữ khách khi họ chuyển sang tiếng của ông. Tôi gỡ rối cho chàng:

- Bây giờ xin anh làm ơn đi lấy máy hình chụp cho em và các bạn làm kỷ niệm!

Tôi định mời các bạn ra ngoài vườn. Nhưng từ sáng, mưa xuống, nắng lên đã vài trận. Cây cỏ, bàn ghế ướt không kịp khô. Hơi nóng ẩm dính áo quần. Chúng tôi đành ngồi trong nhà chụp hình mà tôi vẫn còn giữ đến ngày nay...

Khi học trò sắp khai trường, Robert được biết phải rút ngắn kỳ hạn ba năm làm việc tại Sài Gòn. Có nghĩa là chúng tôi sẽ phải về Hoa Thịnh Đốn vào cuối năm. Vì, cho tới thời gian đó, tổng cộng ba kỳ làm việc của Robert tại Việt Nam sẽ tới mức tối đa sáu năm. Chúng tôi còn vài tháng để sửa soạn. Việc đầu tiên, tôi quyết định cho Ngọc Hân, Thần Phong nghỉ trường Việt, học Anh văn tại trường dạy con nít cuối đường Bà Huyện Thanh Quan. Hằng ngày chị Năm đưa đón Hân, Phong. Tôi thực tập tiếng Mỹ với cô, cậu ngay. Đặt chân tới Hoa Kỳ, chúng phải có chút vốn tối thiểu ngôn ngữ đó. Một điều sai lầm lớn, tôi cũng muốn Robert bắt đầu dùng tiếng của chàng với chúng. Chồng con tôi đã quên rất nhanh tiếng Việt sau này.

Tuy không phải đón Hân, Phong, xe đưa Sơn đi học trường Trần Quý Cáp, Thủy trường Võ Trường Toản, vẫn từ Phú Nhuận qua nhà tôi để mẹ con, anh em gặp nhau và cho con gái nuôi bà bếp quá giang đi học. Cô bé xinh xắn phải học giỏi lắm mới thi đậu vào đệ thất trường Trưng Vương.

Tôi bắt đầu để ý cách bà Năm làm món ăn Âu Tây. Robert cũng mua cho tôi một cuốn sách nấu ăn Mỹ có chỉ dẫn cách đặt bàn với khăn ăn và chực thứ ly, đĩa, nĩa, dao to, dao nhỏ. Về Hoa Thịnh Đốn, tôi không còn kẻ hầu người hạ. Đây cũng là một trong những lý do tôi quyết định không đem Nguyên Thủy, Trường Sơn đi theo ngay. Tôi đã biết thế nào là vất vả chăm lo bốn đứa con mà trong tương lai không có người giúp việc. Robert sẽ rất bận công việc sở. Bản thân tôi cũng cần học hỏi và sự dẫn dắt của chồng rất nhiều. Thận trọng, tự ái chẳng bỏ được, tôi muốn chàng nhìn mẹ con như một hạnh phúc, chứ không phải một sự khó khăn, một món nợ đời. Tôi không muốn lạm dụng lòng tốt và rộng lượng của chàng. Khi an cư, sự học của Hân, Phong vào quy củ, Robert bớt vất vả với vợ và hai đứa con riêng nhỏ, tôi sẽ lo tới hai con lớn. Từ từ tiệm tiến là đắc sách.

Kiểm soát đồ dùng trong nhà, tôi chỉ thấy Robert có vài thứ lặt vặt. Còn lại thuộc về Tòa Đại Sứ tất cả. Khi ly dị bà vợ cũ, Robert đã ra đi tay trắng, tiền bạc bắt đầu từ con số không. Trong hiểu biết, cao thượng, bà ta không đòi hỏi, Robert cũng không mang theo một vật gì ngoài quần áo còn tốt.

Chúng tôi đi chợ PX của Quân Đội Mỹ và mua sắm mọi thứ cần thiết có bán tại đó. Đồ dùng Việt Nam như bát, đĩa, khay, nồi, chõ thổi xôi, dao phay chặt thịt, chày giã vừng, lạc, đồ gốm, sơn mài, sa-lông mây cũng được mua sắm. Lòng đã thanh thản, nguôi dần với dĩ vãng, nhưng tôi vẫn đi cùng khắp các tiệm sách và chỉ tìm được một quyển tiểu thuyết của Nguyễn. Sau bốn năm không viết truyện mới, sách cũ của chàng đã vắng bóng trên thị trường. Bức tranh lớn, (1.20m x 0.80m) của họa sĩ Hiếu Đệ có nhan đề *Nguyễn Huệ Bắc Tiến* mà Nguyễn được tặng, tôi đã đòi giữ làm kỷ niệm và chàng không phản đối. Tranh Hiếu Đệ có nhiều màu sắc sáng chói sự chiến thắng, vinh quang, nét vẽ thô sơ, mạnh bạo mô tả vẻ lực lưỡng của đoàn quân tá điền, sơn lâm nơi xuất thân của vị vua anh hùng, trẻ tuổi. Bức tranh đã được gửi đi dự triển lãm Hoàng Gia Thái Lan, Nhật Bản và treo trong Dinh Độc Lập một thời gian.

Có một thứ tôi đang nóng lòng chờ đợi, đó là tranh của Nguyễn Trung. Gần một năm rồi, tôi không gặp và cũng không nghe tin tức về người họa sĩ này. Tôi định hôm nào gọi tới tòa soạn tờ báo Nguyễn Trung cộng tác, thì nhận được giấy mời đi xem triển lãm tranh Hội Họa Sĩ Trẻ tại phòng La Dolce Vita của khách sạn Continental, đường Tự Do. Buổi khánh thành, tôi đã hoa mắt vì hàng trăm bức tranh lớn nhỏ treo kín các mặt tường. Tôi không nhớ hết, nhưng ngoài Nguyễn Trung chắc chắn phải có tranh của Nguyễn Lâm, Nguyễn Khai, Đỗ Quang Em, Nguyễn Đồng,

Nguyễn Thị Hợp, Đinh Cường, Hồ Thành Đức, Nghiêu Đề, Hiếu Đề... đã nổi tiếng từ hồi đó.

Đây là lần đầu tiên tôi được xem tranh của Nguyễn Trung. Mười mấy họa phẩm chân dung mà chỉ người yêu chuông nghệ thuật và có khả năng lắm mới chịu mua. Phần đông người ta muốn có tranh tĩnh vật, sinh hoạt hay phong cảnh để trang trí nhà cửa. Tôi thích nhất bức tranh thiếu nữ xoắn tóc ngang vai trước hiên nhà bên đồng lúa vàng ươm. Nguyễn Trung không dùng nhiều màu sắc tương phản. Tranh chỉ có hai, ba màu nhẹ mỏng, trong suốt. Nét cọ miết nhuyễn, trau vuốt tuyệt vời của “Fine Arts”, “Masterpieces”, khi lên hình đen trắng, tranh trông giống như “negatives” kỳ diệu.

Tôi hỏi tác giả:

- Họa sĩ ưng ý bức tranh nào nhất?
- Bức nào tôi cũng yêu quý. Tranh là con cái của người vẽ đã nâng niu, o bế chúng. Bạn thích bức nào, tôi xin được tặng bức đó.

Tôi khẳng định:

- Tôi không dám cướp nghệ thuật. Tôi phải chia xẻ những vất vả sáng tác một bức tranh của họa sĩ mới dám nhận.

Đi vài vòng trong phòng đông đảo, sau cùng tôi chọn bức tranh lớn nhất của Nguyễn Trung, *Thiếu Nữ Đội Khăn*. Tôi tìm một họa sĩ khác nhờ làm trung gian nhận ngân phiếu. Trước khi rời phòng triển lãm, tôi nhắn Nguyễn Trung:

- Bạn giữ cho tôi bức tranh đó nhé.
- Vâng, nó đã là của bạn. Khi nào xong triển lãm tôi sẽ đem đến nhà. Chiều nay sau khi phòng tranh đóng cửa, anh em rủ nhau đi nhậu một bữa. Mời bạn đi cùng với chúng tôi.

Lẽ dĩ nhiên tôi từ chối. Quý tình bạn thư nhẹ nhàng, trù tượng, tôi chỉ muốn có một kỷ vật hiện thực để mang theo trong cuộc sống tha hương. Tôi không muốn có thêm sự thân mật nào hơn khi chỉ còn gần hai tháng nữa sẽ rời nơi chôn giấu ba mươi năm dĩ vãng.

Ngoài chuyện mua tranh và nhiều thứ khác mang theo, tôi đến tiệm kim hoàn Thuận Tường của ông chú mua 10 lượng vàng y để gửi mẹ, phòng xa lại gặp những trắc trở với cuộc hôn nhân thứ hai và cần mua vé máy bay trở về Sài Gòn. Tuy biết Robert chân tình thương yêu, tôi vẫn không tin tưởng tuyệt đối. Nếu may mắn không phải dùng tới số vàng đó, tôi sẽ biếu mẹ. Từ ngày rời mái ấm bên đấng sinh thành, tôi chưa có một món quà đáng giá để biếu người.

Thời gian cuối cùng ở Sài Gòn là những từ biệt liên tiếp. Sau buổi họp bạn ở nhà tôi mấy tháng trước, một buổi khác được tổ chức tại nhà Kim Bảo trong cư xá Hải Quân; bữa trưa cả chục món ăn với sự tiếp tay của các bạn. Buổi thứ ba tại nhà Hoàng Thị Ván, đơn sơ với xôi đậu xanh bùi dẻo, gà quay nóng giòn. Tôi gặp thêm vài bạn khác như Bảo Quỳnh, Kim Ngọc, Tiên Hồng, Diễm Khanh, Diệp Khanh...

Lần thứ tư là buổi chia tay tại nhà tôi. Các bạn yêu cầu chỉ làm hai món giản dị, ốc nhồi và bún riêu. Cũng như khi có tiệc khác, tôi lại đích thân đi chợ Ông Tạ mua lá gừng và tới tận nhà buôn gần đó, để chọn những con ốc to mập, đen bóng, tròn xoay được nuôi trong bể lớn.

Ngày họp mặt, tôi dậy thật sớm, sửa soạn món ốc nhồi mà bà bếp và tôi chưa bao giờ tự tay làm, từ thuở còn ở nhà với mẹ, tôi chỉ đứng nhìn hay phụ giúp. Cái phần nhể, rửa, thái ốc thật vất vả, mất nhiều thời giờ nhất. Vỏ được lấy hết ruột và rửa sạch bằng nước sôi. Lá gừng non được cắt dài bằng ngón tay để có thể ăn luôn. Theo mẹ, tôi thái ốc hạt lựu trộn với thịt heo băm, nắm hương, gừng giã, cà cuống, nước mắm, tiêu. Bắt tay vào làm mới biết món này chẳng giản dị chút nào.

Khi vỏ ốc đã được nhồi nhân và nồi riêu đã đồ ngậy, gạch cua nổi lênh bênh, tôi phải lo cho ông chồng đang đau nằm nhà. Thực xui! Hôm đó, nhà ngoại giao bị cảm cúm, lên



con sốt cao, cái bệnh kinh niên của người Âu Mỹ không quen với khí hậu bụi bặm, nhiễm trùng của miền nhiệt đới. Vì bất ngờ, không thể hoãn ngày họp mặt, tôi vẫn phải tiếp tục chương trình. Tôi lo cho Robert ăn cháo gà nóng bỏng lưỡi và uống thuốc mạnh. Chàng được vợ dặn dò:

- Cung chịu khó nằm yên ngủ cho khỏe, giữ đừng ho lớn nhé! Các bạn biết cung đau nằm trong nhà, sẽ mất vui đi. Khi họ sắp ra về, em sẽ vào cho cung biết và sửa soạn ra chào họ một chút. OK?

Trong hai tiếng đồng hồ đắp chăn trùm kín trong phòng đóng cửa tối bùng, ông chủ nhà đã ngủ được một giấc vã mồ hôi và tỉnh dậy vì cái chợ con ngoài phòng khách. Robert tươi tỉnh trở lại, lên áo quần chỉnh tề, mở cửa phòng bước ra trước sự kinh ngạc và ân hận của các nữ khách đã lỡ thả sức nói to, cười lớn. Sau khi đôi bên xin lỗi, chào hỏi, chàng lấy máy ảnh chụp cho chúng tôi trong nhà, ngoài vườn. Hôm ấy trời chiều người, nắng dịu, không nóng lắm. Quần áo các nàng đủ màu, đủ kiểu tây, ta, làm mờ nhạt hoa lá trong vườn. Đó là buổi họp mặt cuối cùng của tôi với các bạn học cũ ban “C” trường Trưng Vương tại quê nhà. Bạn là hình ảnh kỷ niệm sống động nhất của một thời cấp sách môi đỏ, má hồng, áo trắng tung bay phố phường. Trường là cội rễ gần gũi, quý báu của mỗi nhân dân. Những buổi họp bạn cùng lớp, cùng trường, khởi nguồn từ sự thân thương, luyện tiếc ấy...

Bạn đồng nghiệp Tòa Đại Sứ, USAID, Bộ Lao Động, Tổng Liên Đoàn Lao Công đều có những bữa tiệc tiễn đưa đơn giản hay trịnh trọng. Chị em trong nhà cũng mời mẹ và chúng tôi đi ăn một bữa bò bẫy món tại tiệm Ánh Hồng, đường Nguyễn Minh Chiêu, Phú Nhuận. Bàn ăn đặt ngoài sân. Chúng tôi thích món đầu tiên nhất và chỉ ăn đến món thứ ba đã no. Thịt bò thái miếng lớn, thật mỏng. Nồi nước dấm pha nước dứa tươi, bay mùi xả và đun trên lò đất than hồng. Thịt bò nhúng được cuộn trong bánh tráng vẩy nước

mềm với rau diếp, giá, hành lá, chuối xanh, khế chua, cùng đủ loại rau lộn xộn và chấm với mắm nêm pha dứa thơm bằm nhỏ.

Sau này khi ở Âu Châu, tôi mua được hai cái nồi “fondue” đốt bằng xăng nhẹ, để thay cho lò đất. Bộ nồi đó có sáu xiên, sáu muỗng dài cán với sáu màu khác nhau cho người dùng nhớ vật sở hữu. Tôi biến chế cá hộp “anchovy” thành mắm nêm. Các con tôi mê điên đảo món bò và tôm nhúng dấm. Ngày nay, mỗi khi lễ tết về thăm nhà, quý cô cậu vẫn thường yêu cầu mẹ làm món đó...

Chỉ còn hơn một tháng nữa tới ngày đi. Sinh nhật 19 tháng 11 của Nguyên Thủy cũng là tiệc chia tay của chúng tôi với bà ngoại, gia đình bác Kim, Nguyệt, Khánh, Tâm, Phương, cô Vân, Hà, Thu cùng hơn hai chục cháu chắt. Phim, ảnh được thu chụp tất cả để rồi đây đem theo thương nhớ.

Một hôm đi phố về nhà, chị Năm cho tôi hay có hai ông đi mô-bi-lét đến và để lại gói đồ lớn cùng với mảnh giấy: “Tới đưa bạn *Thiếu Phụ Đội Khăn* và xin giữ hộ *Màn Hồng*. Tiếc không gặp. Chúc đi vui. Nguyễn Trung.” Mỗi tấm tranh lớn cỡ 0.75 x 1.10m. Tôi vội vàng điện thoại tới toà báo cho họa sĩ:

- Cám ơn bạn đã mang tranh tới. Nhưng không thể giữ được *Màn Hồng*, vì chỉ còn hai tuần nữa tôi đi Mỹ rồi. Nếu bạn không có phương tiện, tôi sẽ nhờ xe Tòa Đại Sứ đem tranh lại.

Tiếng Nguyễn Trung điềm đạ:

- Tôi biết. Thực ra muốn tặng bạn xưa một tấm tranh đầy thôi. Bạn nhất định mua tấm kia thì tôi nhất định tặng tấm này, không bàn cãi.

Sau những lời đầy tới, đưa lui, tôi đành chịu thua:

- Nản rồi, chẳng dăng co với ông họa sĩ bướng bỉnh nữa. Cám ơn lắm. Tôi sẽ quý và giữ gìn tranh cẩn thận. Hối thật

chứ, có cần “canvas” hay sơn màu xứ Mỹ không, tôi sẽ gửi về cho? Đừng ngại.

Sau vài giây im lặng, giọng Nguyễn Trung ngập ngừng đầu dây bên kia:

- “Canvas” ở Việt Nam cũng đủ tốt. Nếu không có gì phiền, gửi về cho mấy ông sơn thì quý lắm.

Sau khi tới Mỹ, tôi đã gửi những ống sơn dầu to như hộp thuốc đánh răng lớn cho họa sĩ, được vài lần thì ngưng vì biến cố 30 tháng tư, năm 1975. Từ đó tôi không còn liên lạc, nhưng được biết hiện nay Nguyễn Trung vẫn ở Sài Gòn, sáng tác không đủ cung cấp nhu cầu Việt kiều chơi tranh và giới buôn tranh Hong Kong, Singapore, Paris, New York...

Với tình nghĩa vợ chồng chân thành, tôi có đủ can đảm đem hai con nhỏ ra đi. Đất nước chiến tranh toi bời, thống khổ. Đời sống, tâm hồn tôi không thích hợp với xã hội, quê hương. Từ ngày lớn lên, tôi có nhiều chuyện buồn hơn vui. Tôi muốn rời bỏ xứ sở. Tổ quốc mất mát gì đâu một cái tôi vô dụng. Nhưng càng gần tới ngày cuối cùng, lòng tôi càng tan nát và cảm thấy tội lỗi vô vàn với hai con trai mới 10 và 12 tuổi sẽ để ở lại. Tuy rằng chỉ tạm thời, một ngày bỏ con là một ngày đau khổ. Tôi mua sắm cho Nguyên Thủy, Trường Sơn rất nhiều quần áo, đồ chơi, sách vở, xe đạp... vẫn chưa bù đắp được những thiếu sót của thời gian tới đây các con không gặp mẹ. Thủy, Sơn kém hẳn nô đùa, chơi giỡn. Lòng mẹ quặn đau khi nhìn con bần thần, ngơ ngẩn. Mẹ ôm con giải thích như đã làm bao nhiêu lần:

- Mẹ không bỏ Thủy, Sơn. Mẹ chỉ đi trước thôi. Sang bên ấy, daddy và mẹ sẽ mua nhà, lo cho Hân, Phong đâu vào đó, mẹ học hỏi đường đi, nước bước, đời sống xứ Mỹ, rồi sẽ lo cho Sơn, Thủy sang. Nhiều lắm là một năm chúng mình sẽ gặp nhau. Các con có giận mẹ không?

Long lanh mắt buồn, Nguyên Thủy, Trường Sơn vẫn lắc đầu. Thủy phụng phịu dặn dò:

- Mẹ viết thư về luôn và kể chuyện nhiều nhé.

Sơn ôm ghì mẹ:

- Mẹ và Hân, Phong chụp hình nhiều gửi về nhà.

- Thủy, Sơn sẽ nhận được thư mẹ và hai em hằng tuần.

Thích gì và cần gì cứ viết cho mẹ. Các con phải ngoan ngoãn, chăm chỉ học hành. Đừng để bà nội và bố phiền!

Bao nhiêu nhẩn nhủ còn như thiếu. Đêm trước ngày chia tay, Thủy, Sơn ở lại với daddy, mẹ và hai em. Cả sáu nằm một giường ôm nhau thật chặt. Mẹ, con oà khóc ướt gối. Các con thiếp ngủ mệt, mẹ vẫn thao thức, ăn năn, hối hận và cầu nguyện như chưa bao giờ mẹ đau khổ vậy. Sáng hôm sau, bà bếp và chị Năm lo cho chúng tôi ăn sáng. Hai người đã được trả thêm ba tháng lương bù.

Sắp đến giờ chúng tôi ra phi trường, xe đón Thủy, Sơn đã tới đợi ngoài sân trước. Tôi không muốn hai con và bà ngoại chúng đi tiễn. Con tôi quá nhỏ, mẹ tôi quá già để chịu đựng cảnh chia ly khúc ruột cắt đứt. Ôm con, hôn con lần chót tôi đỡ chúng lên xe. Mẹ, con không còn nói được một lời. Mắt nhoà lệ. Xe chở Thủy, Sơn khuất sau cánh cổng. Tôi thề với lòng, đây là lần cuối cùng tôi gây tủi hờn, bất hạnh cho con.

Ra phi trường đưa tiễn chúng tôi hôm đó có nhiều nhân vật Tòa Đại Sứ, các cơ quan Hoa Kỳ và Việt Nam. Các em tôi đều có mặt. Buổi chia tay này không sâu thẳm như ngày rời Hà Nội 18 năm về trước dù những đôi mắt đỏ hoe, lệ thấm sứt sùi. Chúng tôi đều nghĩ rằng ba năm sau tôi sẽ về thăm mẹ cùng anh chị em. Và, quê hương vẫn còn đó, làm sao mất được! Nhưng tôi hối hận khổ sở đã để hai con ở lại. Chúng còn dại khờ quá chưa đủ lời than thở, giận hờn. Một ngày nhớ mẹ của con là một ngày tội lỗi của tôi...

**T**hé rồi cũng đến lúc phi cơ Pan Am cất cánh. Sài Gòn thu nhỏ lại như mô hình kiến trúc. Dải đất hình chữ “S” mờ dần trong sương khói biển Đông. Robert hiểu tâm trạng vợ, luôn luôn nắm tay, ôm nàng để an ủi. Nước mắt người đi vẫn không ngưng ứa trào lặng lẽ.

Chúng tôi đổi sang máy bay khác ở Hong Kong và tới Tokyo. Người bạn đồng nghiệp của Robert ra đón chúng tôi với hai cái áo lạnh thật dày cho Ngọc Hân, Thần Phong. Robert lo áo mua từ quyển mẫu Sears không đủ ấm cho hai đứa con vợ, nên đã điện thoại nhờ bạn ra phố mua hai cái khác. Ông ta đã tặng áo cho Hân, Phong và mời chúng tôi ở nhà ông trong cư xá biệt lập của Tòa Đại Sứ Mỹ. Ông xếp đặt chương trình tiếp đón chúng tôi thật chu đáo. Trẻ con hồn nhiên, say mê ngay phim hội họa màu của vô tuyến truyền hình Nhật, mọi chuyện đã có daddy và mẹ lo.

Chúng tôi được đưa đến một làng mà từ đó có thể nhìn thấy núi Phú Sĩ xanh biếc như mây, đỉnh núi phủ tuyết trắng như bông. Hàng chợ tỉnh nhỏ của Nhật sạch sẽ, thịt, cá, rau tươi. Những trái táo, lê, ôi to như cái bát múc canh. Thành phố Tokyo rộng lớn, chung cư, cao ốc chen chúc, ngót ngát không còn chỗ cho những căn nhà sàn gỗ đặc biệt kiểu Nhật. Đường phố rối rắm, ồn ào xe cộ. Thương xá lớn, quần áo và đồ dùng đẹp. Tôi không tha thiết mua sắm một thứ gì. Người bạn Robert định đưa chúng tôi đi thăm viếng Hoàng Thành, tôi cáo mệt, từ chối. Luôn nhớ tới Trường Sơn, Nguyễn Thủy, tôi không vui thú thắng cảnh, chỉ nôn nóng đi tìm đất mới yên vui và đón hai con còn ở lại Sài Gòn và đã ngàn trùng xa cách.

Sau bốn ngày ở Tokyo, chúng tôi tới Honolulu trong quần đảo Hawaii, tiểu bang cuối cùng thứ 50 của Hiệp Chúng Quốc. Khách sạn lộng lẫy, sang trọng. Đường xá rực rỡ hoa nhiệt đới. Có những cây tàn lá nhỏ xanh đậm tỏa bóng

mát một vùng cỏ mượt. Dù không phải mùa hoa, tôi cũng nhận ra đó là những cây phượng quen thuộc quê nhà. Khách du lịch, người bản xứ nườm nượp xiêm y sặc sỡ, vòng hoa quàng cổ thơm ngát.

Thành phố của chuyện phim vô tuyến truyền hình Hawaii Five-O, tuy xa lục địa 2567 dặm, nơi đây đã là xứ sở tự do, văn minh, cởi mở của Robert. Không bỏ lỡ cơ hội, chàng ôm hôn vợ giữa công chúng để trả thù những ngày tháng bị nàng cấm đoán, phải ý tứ ở Sài Gòn. Đến thành phố nào về sau chàng cũng làm vậy, như muốn chứng minh với trời đất chàng kiêu hãnh được vợ và yêu vợ. Robert không bỏ tật đó với nàng dù qua 25 năm tình nghĩa khi tôi viết những dòng chữ này.

Trong ba ngày tại Honolulu, xe Lãnh Sự Quán đưa chúng tôi đi vòng quanh đảo. Những cánh đồng dừa thơm bát ngát. Những ngọn núi lửa đen nhám thạch đang âm ỉ tuôn khói và có thể bùng nổ bất cứ lúc nào. Biển xanh, sóng bạc đầu. Bên kia bờ Thái Bình Dương là Việt Nam, là Sài Gòn, là nơi hai con tôi còn ở đó. Mẹ mong Thủy, Sơn đừng buồn, đừng tủi hờn, khổ thân! Hãy hy vọng lên! Mẹ con mình sẽ gặp lại nhau!

Rời Honolulu, chúng tôi tới Anaheim, vùng ngoại ô Los Angeles và ở nhà Fran và Ed, em gái và em rể của Robert. Chúng tôi được tiếp đón thân tình và đi dự lễ nửa đêm Giáng Sinh với gia đình họ. Lời cầu nguyện thứ nhất của tôi vẫn là cho Nguyên Thủy và Trường Sơn vui vẻ học hành, không mất tin tưởng sẽ được đoàn tụ với hai em và mẹ một ngày thật gần. Vợ chồng Fran, Ed có hai người con gái xinh đẹp, tóc vàng óng, Nancy, Jane đang học lớp mười và lớp tám. Lễ dĩ nhiên họ đưa chúng tôi đi chơi Disneyland ngay hôm sau. Vui vì Ngọc Hân, Thần Phong tíu tíu ham thích, tôi vẫn thăm nhủ, Thủy, Sơn sẽ được gặp Bạch Tuyết, Bảy Chú Lùn, Vịt McDonald, đi tàu ngầm, cưỡi ngựa cao bồi, ngồi cầu vòng phóng cao, lộn ngược... một ngày không xa.

Sau Anaheim, chúng tôi tới Chicago và ở Riverside với má của Robert. Người em gái thứ hai của chàng là Louise từ New Jersey đến. Ba của Robert đau, nằm nhà thương. Khi chúng tôi vào thăm, ông cụ giơ hai tay và ôm choàng lấy tôi:

- Zung của ta đây hả? Ta mừng các con. Bob, con phải dạy Zung hát tiếng Đức nhé.

Nhìn sang Hân, và Phong cụ hỏi:

- Ô dễ thương quá! Cháu nào tên Hen, cháu nào tên Foong? Các cháu sẽ gọi ta là ông chứ?

Robert không có con với đời vợ trước. Nhưng người Mỹ không coi vấn đề nối dõi tông đường là bắt buộc. Ba chồng tôi sinh quán Hưng Gia Lợi, trong một vùng Đức ngữ. Trước thế giới chiến tranh thứ nhất, ông theo cha mẹ di cư, cập bến Nữ Thần Tự Do, New York. Má chồng tôi cũng dòng giống người Đức, nhưng sinh trưởng tại Chicago. Trước khi đến trường, anh em Robert còn nói chuyện với nhau bằng tiếng Đức.

Từ khi gặp gia đình em gái Robert ở Los Angeles và ba mẹ của anh ở Chicago, tôi cảm động vì họ “chấp nhận” mẹ con tôi một cách chân tình và cố gắng tập gọi tên Việt Nam rành rõ. Họ không ngờ chúng tôi học hành, hiểu biết nước Mỹ và thế giới nhiều hơn họ tưởng. Vì qua báo chí, vô tuyến truyền hình, người ngoại quốc chỉ thấy cảnh dân quê Việt Nam chạy loạn kinh hoàng, lam lũ hay gái bán “bar” lèo lẹt thành phố. Trong một lá thư, Robert đã viết cho ba mẹ: “Con báo tin cưới Zung, chứ không phải để xin phép ba, má. Cô ta có bốn con nhỏ nhưng là người thông minh, đàng hoàng. Con có hạnh phúc và thương yêu con của Zung. Chúng rất ngộ nghĩnh...” Tuy không phải ở chung, được họ quý mến vẫn là một điều vui mừng.

Ngày thứ hai ở Riverside, sáng ngủ dậy, tôi ngỡ ngàng được bà má chồng vén màn cửa cho nhìn tuyết mới rơi đêm

qua, phủ dày và trắng xóa cả một vùng. Ba mẹ con lần đầu tiên được tận mắt trông thấy tuyết, ném tuyết, chơi ném tuyết với Robert. Dù tuyết lại đổ xuống như mưa bông, chàng vẫn hãnh diện là kẻ có kinh nghiệm lái xe trong tuyết, đưa vợ con đi chơi tỉnh nhà và thăm Viện Bảo Tàng Nghệ Thuật Chicago với những bức tranh lộng lẫy, vĩ đại quá sức tưởng tượng của một người dân nhược tiểu chưa bao giờ ra khỏi quê hương mình trước đó. Ngoài trời, tuyết rơi mịt mù. Hồ Michigan đóng băng mênh mông. Tôi vẫn cảm thấy bình yên ngồi trong xe ấm áp tình thương yêu của chồng...

Trong khi dân chúng Hoa Kỳ sửa soạn đón mừng lễ nhậm chức tái đắc cử của Tổng Thống Nixon, chúng tôi về tới Hoa Thịnh Đốn và được cấp một *apartment* hai phòng ngủ rộng trong một chung cư lịch sự. Nhìn qua mấy con lộ rộng lớn, xe cộ như mắc cửi, là Bộ Ngoại Giao, sở của Robert. Khu sang trọng gần chỗ chúng tôi tạm trú là Watergate, nơi mà chẳng bao lâu sau đã làm tổn thương tên tuổi, sự nghiệp Nixon, khiến ông phải từ chức Tổng Thống.

Thời tiết năm ấy lạnh lắm đối với dân Á Đông lần đầu tiên biết mùa đông miền Bắc Mỹ. Cái áo khoác may từ Sài Gòn không đủ ấm. Robert đã phải đưa bà vợ khó tính đi khắp các tiệm lớn, nhỏ. Sau cùng tới Saks Fifth Avenue, Washington, D.C. tôi mới chọn được cái áo dạ dài màu mơ già, cổ lông chồn, vừa đẹp người.

Hằng ngày Robert đi bộ 10 phút qua sở làm, chiều về sớm cùng tôi đi với nhân viên địa ốc để kiếm nhà. Chỉ hai tuần sau chúng tôi đã ưng thuận, mua được một căn ở Vienna như tên thủ đô nước Áo. Có lần, một người bạn Bỉ viết thư cho tôi, không đề USA, cái thư đã lạc sang tận thành phố luân vũ Blue Danube của Johann Strauss. Hai tháng sau thư mới tới Vienna của chúng tôi thuộc vùng Bắc Virginia, tiểu bang lịch sử nổi tiếng nhất Hoa Kỳ từ thời lập quốc tới



thời nội chiến và ngày nay có hiệu danh rất lãng mạn, “Virginia is for Lovers”.

Nhưng thật quản trí, tính quanh! Chúng tôi phải đợi chủ cũ mua được nhà khác và rời đi. Sau một tháng ở gần Bộ Ngoại Giao, chúng tôi dọn đến chung cư ở Arlington. Lúc này tôi mới thấy việc để Nguyễn Thủy và Trường Sơn đi sau rất đúng. Thuê ngắn hạn một nhà hai phòng ngủ đã khó, với hai cậu lớn phải có thêm phòng còn khó kiếm nhà hơn. Khung cảnh chung cư cũng không làm cho gia đình đông đúc bốn con nhỏ ở tuổi chơi đùa, ồn ào. Rất may, chúng tôi đã không phải sống chật chội, luộm thuộm trước con mắt người xứ lạ.

Ba tháng sau ngày đến đất Mỹ, chúng tôi dọn tới Vienna, vùng Bắc tiểu bang Virginia. Mùa xuân vừa trở lại, vườn cỏ bắt đầu xanh non, cây cối tưởng như chết khô trong mùa đông giá lạnh, nay hồi sinh, đâm trồi nảy lá. Những con đường lên đồi xuống dốc, quanh co vào xóm chúng tôi cũng như các vùng khác của Virginia êm đềm, thơ mộng, không một cọng rác. Nơi đây thực sự là thiên đàng cho con trẻ. Vừa bước vào nhà, tôi biết rằng việc đón Thủy, Sơn chỉ còn là vấn đề thời gian. Chúng tôi không thể hưởng thụ bình yên khi hai con trai phải sống ở một xứ tang tóc chiến tranh, đầy đe dọa của Cộng Sản.

Tôi vẫn viết và nhận được thư thường xuyên từ Sơn, Thủy. Bà ngoại không quên, cho gọi cháu sang ăn giỗ ông. Tim tôi nhói đau, khi nghĩ tới cảnh hai đứa trẻ với mặc cảm lạc lõng, không có cha, cũng chẳng có mẹ trong buổi hội họp đại gia đình đông đảo ấy! Việc đón con canh cánh bên lòng. Sau ba tháng tới Mỹ, đã thuộc đường lối quanh vùng, chúng tôi mua thêm cái xe Ford Maverick, tự động, bốn cửa, tiện cho gia đình đông. Robert ủng hộ công nhân Hoa Kỳ và đường lối hoạt động của nghiệp đoàn lao động AFL-CIO nên

khi về nước chàng chỉ mua xe và xài đồ dùng được chế tạo ở Mỹ. Nhưng ngược lại, vì xứ này là Hiệp Chúng Quốc, nên vợ con *made in Viet Nam* cũng được nghiệp đoàn hoan nghênh! Tôi không dám mua xe lớn Station Wagon để tập lái. Sau bốn lần vượt với trường dạy lái xe, tôi lấy được cái bằng lái xe không khó khăn. Robert rất hãnh diện, chúc mừng vợ như nàng vừa đậu bằng Đại Học.

Từ đây tôi có thể tự lái xe, đi chợ mua thức ăn, đưa con đi bác sĩ, nha sĩ và các sinh hoạt thể thao của nhà trường hay của thành phố. Tôi không phải ngồi nhà cả ngày, đợi chồng đi làm từ bảy giờ sáng đến sáu giờ chiều mới về tới nhà rồi nhờ đưa đi đây đó. Tuy nhiên ngày nào ở sở, Robert cũng điện thoại về nhà ít nhất một lần để hỏi thăm vợ, nói vài lời yêu thương, dù rằng buổi sáng trước khi đi, buổi chiều về chàng đều ôm nàng và nói như vậy. Robert thổ lộ, cuộc sống đã có ý nghĩa từ khi nàng đến và ở lại. Trước bữa ăn, sau khi cầu nguyện Thượng Đế, Robert thường nhắc nhở Hân, Phong:

- Chúng ta thật may mắn và phải cảm ơn *mommy* đã nấu cơm ngon, lo nhà cửa đẹp đẽ và săn sóc chúng ta.

Ở xứ này, người ta biết xin lỗi, cảm ơn nhau nhiều làm ấm lòng những người luôn luôn cố gắng làm việc tốt. Robert cũng không hà tiện lời khen tặng vợ con. Chàng khuyến khích tôi phải trở lại trường. Vài tháng sau tôi lấy lớp kế toán, Anh văn, lịch sử Hoa Kỳ và Thế giới cho những người lớn tuổi, Adult Education, tại một trường trung học cho đỡ tốn tiền. Robert có địa vị trong xã hội, nhưng khi về nhà vẫn là kẻ tùy thuộc vào hạnh phúc của vợ con. Chàng là người chồng chân chỉ, ngoài giờ ở sở, xem sách báo theo dõi tin tức rất cần thiết cho công việc làm, chàng không đi đâu không có vợ con. Chúng tôi là nguồn vui duy nhất của chàng ngoài sự nghiệp. Tôi cảm thấy quan trọng trong gia đình, đời sống được bảo đảm dù vẫn chỉ là bà nội trợ bình thường. Đôi khi tự hỏi, tôi đã làm gì để được diễm phúc này? Tôi luôn luôn

cảm ơn Thượng Đế, không tiếc lời cảm ơn chồng và phụ với chàng xây dựng một gia đình thuần túy. Sáng tôi dậy sớm làm điểm tâm cho Robert và hai con đi học. Tôi đổi thức ăn Mỹ, Việt mỗi ngày. Robert thích cơm Việt hơn tôi thích món Mỹ. Chàng không phàn nàn mùi thịt, cá kho, chả giò chiên và xương phở ninh nước mắm cả năm tiếng đồng hồ. Đó cũng là điều rất may mắn cho bà vợ người Việt.

Vẫn còn tư tưởng đặc sệt Á Đông, tôi nghĩ rằng vụng về cũng thể đàn ông nên tranh rửa chén bát, dọn bếp cho gọn gàng, sạch sẽ, nhanh chóng hơn để chồng mó tay vào. Việc của Robert là xem bài vở, dạy Hân, Phong học và đọc theo giọng Mỹ. Chàng thường bảo tôi đợi cuối tuần chàng ở nhà lau chùi nhà cửa, dọn vườn. Nhưng trong tuần rảnh rồi tôi làm tất cả, trừ việc cắt cỏ vì cái máy quá lớn, không điều khiển nổi. Máy chạy xuống vườn dốc, cũng lồi tôi theo. Tôi muốn Robert có thời giờ đưa vợ, con đi mua sắm hay đi chơi các nhà quen, các thắng cảnh trong vùng những ngày chàng nghỉ làm.

Tiêu xài gì ngoại lệ tôi đều hỏi chồng dù rằng chàng luôn luôn đồng ý và để “check book” và “credit card” cho tôi tự do dùng. Vợ chồng thông thường là chuyện ăn đời ở kiếp. Trước sau của chồng cũng là của vợ theo đúng ý nghĩa cao đẹp của nó. Và lại trong tương lai, Robert còn phải lo cho Thủy, Sơn. Với bản tính lưu tâm này, người vợ được chồng tin cậy, quý trọng.

Mới bốn tháng trên đất Mỹ, Hân, Phong đã bắt đầu nói tiếng của daddy liền thoảng và hình như đã quên nhiều tiếng của “mommy”. Trẻ con hàng xóm đến chơi đùa trong vườn, ngoài sân, vào nhà ăn, ngủ tấp nập. Chúng ăn phở, chả giò, cơm thịt kho, trứng đúc, gà luộc chấm nước mắm... như gia đình Việt-Mỹ mới dọn tới. Học trò ngoại quốc trong vùng rất hiếm nên hai con tôi được từ ông hiệu trưởng cho đến bà

giáo, cô giáo đặc biệt chú ý và xếp đặt cho những giờ học riêng. Tôi được mời tới lớp của Hân, Phong để nói chuyện Sài Gòn, Việt Nam. Học trò con nít đặt những câu hỏi thật ngộ nghĩnh. Việt Nam có núi, sông không? Sở Thú? Voi, hổ, chó, mèo? Bảo Tàng Viện? Tổng Thống? Football không?... Phong, Hân đã là những kẻ ái mộ đội bóng Redskins của vùng Hoa Thịnh Đốn. Chúng đòi daddy chở cả nửa tiểu đội bạn bè hàng xóm đi xem tận mắt cầu trường vĩ đại RFK phía đông tòa nhà Quốc Hội Capitol và bên bờ sông Anacostia, với 55,200 chỗ ngồi. Robert rất phấn khởi về con của vợ. Sau này chàng có bài viết rất cảm động về chúng với tất cả tình thương, niềm kiêu hãnh và được đăng trên báo Washington Post.

Vào tháng sáu, Robert phải đi dự hội nghị Lao Động Quốc Tế, ILO, bốn tuần lễ ở Geneva. Trước khi đi, chàng huấn luyện vợ cặn kẽ, tự lo lấy mọi việc, viết chi phiếu, trả hóa đơn điện, nước... Robert ghi sẵn những số điện thoại khẩn cấp để gọi khi ngộ độc, cháy nhà, điện hỏng, nước tắt, ga hở... Đêm tối thật hồi hộp trong căn nhà rộng với hai đứa bé hay ban ngày giật mình sợ hãi nghe tiếng những con sóc chạy huỳnh huých như kẻ trộm trên mái nhà, chung quanh rậm rạp cây to, bóng lớn. Hằng tuần, bạn đồng nghiệp của Robert gọi tới sốt sắng hỏi thăm tôi có cần giúp đỡ. Mọi chuyện đều êm xuôi, trôi chảy như sự cầu nguyện luôn luôn của tôi.

Robert viết thư hay bưu ảnh gửi về mỗi vài ngày, nhớ nhung vợ như nhớ tình nhân. Tự tin và không còn nghi ngờ lòng tốt, tình yêu ở chồng, đã đến lúc tôi phải thực hiện việc đem Nguyên Thủy, Trường Sơn sang Mỹ. Giả dụ, một chuyện gì xảy ra, không có Robert, tôi vẫn lo được cho các con. Từ hàng xóm, cha mẹ học trò lớp Hân, Phong đến những người trong nhà thờ, ai nấy đều ân cần, thân thiện. Tôi tin rằng, bất cứ một khó khăn nào đến, họ cũng sẽ giúp đỡ

mẹ con tôi hết lòng. Xứ Hoa Kỳ được mệnh danh một quốc gia nhân đạo nhất thế giới.

Tình hình Sài Gòn nói riêng và toàn thể miền Nam nói chung thật nguy ngập và vô vọng. Kissinger đã qua mặt cả Tổng Thống Nixon, lập bàn đình chiến với Lê Đức Thọ và bản hiệp định đã được ký vào ngày 27 tháng 1, 1973 tại Paris. Nhưng đó chỉ là phương sách rút chân ra khỏi Việt Nam của Mỹ và trò bịp bợm của Cộng Sản Bắc Việt. Chúng trở lại tấn công miền Nam ngay một tuần sau đó để Ủy Hội Giám Sát và Kiểm Soát Đình Chiến bắt lực phải rút lui. Chiến tranh Việt Nam tiếp tục và khốc liệt hơn. Có lúc người dân Việt đã nghĩ rằng nếu không có một trái bom nguyên tử nổ trên đất Bắc, Cộng Sản không chấm dứt chiến tranh. Vậy mà sau này, Kissinger và Lê Đức Thọ đã được giải Nobel. Thọ xấu hổ, tự cảm thấy không xứng đáng, đã từ chối, nhưng Kissinger thản nhiên nhận một nửa giải thưởng hòa bình giả tạo kia...

Tôi định đợi Robert về sẽ bàn chuyện Nguyên Thủy, Trường Sơn thì điện thoại của Robert gọi từ thành phố bên hồ Leman:

- Chúng mình có thể lo cho Thủy, Sơn được rồi. Anh cũng nhớ chúng. Cung đã sẵn sàng chưa?

Kết quả dễ dàng, nhanh chóng hấp thụ đời sống Mỹ của ba mẹ con tôi đã cho Robert thấy sẽ không có trở ngại đối với Sơn, Thủy. Tôi ghen ngào cảm động:

- Em cũng định bàn với anh điều đó. Vậy em viết thư cho Sơn, Thủy và ba của chúng biết ngay. Khi nào về, anh lo với Bộ Ngoại Giao và Tòa Đại Sứ Sài Gòn nhé.

Hạ máy nghe xuống, tôi suy nghĩ cách viết thật khéo léo để Nguyễn đồng ý cho hai con trai đi. Tôi đã gọi chuyện này một vài lần với chàng khi còn ở Sài Gòn, Nguyễn chưa bao giờ tỏ ý bất đồng hay tán thành. Bây giờ, tôi đặt vấn đề một

cách nghiêm chỉnh, chàng sẽ tính sao? Có nhiều người đàn bà bị chồng cũ thù hận lấy chồng Mỹ, đã bắt con. Người mẹ phải sống với sự đau khổ hơn tất cả những sự đau khổ khác. Trường hợp tôi, Nguyên Thủy lại là cháu đích tôn của bà nội.

Thế rồi không đợi Robert về, tôi viết cho Nguyễn, trình bày các lý do: "Em nhớ Sơn, Thủy, gầy mòn, mất ăn, mất ngủ, chẳng ham thích ở đây nếu không được chia sẻ đời sống tiện nghi, an ninh với chúng. Xứ Mỹ là thiên đường của con trẻ. Em rất buồn khổ vì hai con chưa tới tuổi trưởng thành đã phải sống xa mẹ. Sau khi an cư, lo cho Hân, Phong hòa đồng trường mới, bạn mới ở xứ người một cách dễ dàng, em thấy rằng Thủy, Sơn cũng sẽ không có vấn đề khi sang đây. Hãy coi như cho chúng đi du học không tốn tiền, lại có mẹ săn sóc bên cạnh. Em không phải đi làm. Khi chúng trưởng thành, em sẽ tùy ý chúng muốn ở lại hay về nước. Hãy bàn với tất cả họ nội về sự yêu cầu của em..."

Viết cho cả họ ngoại và Sơn, Thủy để nếu bị Nguyễn từ chối, tôi sẽ có đồng minh can thiệp. Tôi đi nhà thờ và ở chỗ nào tôi cũng cầu nguyện đến cháy tim, nát óc. Sau hai tuần lễ hồi hộp đợi chờ, tôi nhận được thư Nguyễn và vui mừng để nước mắt chảy dài. Chàng đồng ý cho hai cậu con đi ngay vì những điều hợp lý tôi nêu ra và còn giục già tôi lo mau, để năm sau, Nguyên Thủy gần hạn tuổi kiểm tra trung bình, sẽ khó xin đi. Nguyễn viết thêm: "... Tôi đã có lỗi làm Dung buồn nhiều. Tôi hiểu, mẹ con xa nhau là một điều đau khổ vô cùng. Tôi không thể để điều ấy xảy ra cho Dung và các con. Dù mai đây sẽ buồn nhớ Thủy, Sơn, Hân, Phong lắm, nhưng Dung hạnh phúc bên các con và Robert, đó cũng là ước nguyện chân thành của tôi..."

Điện thoại về ngay Sài Gòn, tôi cảm ơn và nhắn Nguyễn cho người đi tìm cô giáo mỗi tối đến dạy Thủy, Sơn Anh văn cấp tốc, cần thiết cho người du lịch. Tôi chịu phí tổn. Chú Lưu Quang đại diện bên đó đưa hai cậu đến Tòa Đại Sứ làm

thủ tục. Thủy, Sơn được hưởng tất cả những dễ dàng và quyền lợi như con ruột của Robert. Phòng Lãnh Sự Mỹ lo cả việc lấy vé máy bay và những tốn phí cho hành trình của hai cậu bé Việt Nam.

Ngày 12 tháng 10 năm 1973, một đại diện Hoa Kỳ với xe của Tòa Đại Sứ đến đón Nguyên Thủy, Trường Sơn và đưa ra sân bay Tân Sơn Nhất. Tới Honolulu, người của Lãnh Sự Quán ra gặp và tháp tùng con tôi đi ăn, đi dạo trong phi trường cho đến giờ lên chuyến bay khác đi Virginia. Hai cậu được phi công cho lên ngồi chơi trong phòng lái và tặng cánh chim phượng hoàng gắn áo làm kỷ niệm.

Được thông báo từng chặng bay của Thủy, Sơn, chúng tôi có mặt tại Dulles Airport thật sớm. Cửa phòng nhập nội mở, hai chàng keng trai nhỏ bé của tôi đi ra với đám đông đảo hành khách. Thủy, Sơn cười rộng chạy lại ôm daddy, mẹ và hai em. Một người đàn ông Việt Nam đứng tuổi đi tới, chúc mừng chúng tôi đoàn tụ. Thủy cho tôi biết đó là ông Tướng Việt Nam về hưu được phi hành đoàn xếp đặt ngồi cạnh và nhờ để mắt coi giùm hai thiếu nhi Việt Nam từ Tân Sơn Nhất-Sài Gòn tới Dulles-Virginia. Mẹ con, anh em ôm nhau cả chục lần, vẫn tưởng như đang ở trong mơ. Robert không ngớt cảm ơn Thượng Đế và khen ngợi Thủy, Sơn:

- Chúng thật là những đứa trẻ thông minh, can đảm. Ở tuổi chúng, anh không dám sang tỉnh khác nếu không đi với cha mẹ.

Nhưng, sau ngày Sài Gòn rơi vào tay Cộng Sản, người ta không còn ngạc nhiên như thế nữa. Hàng ngàn trẻ em miền Nam đã can đảm gấp trăm lần, gian nan băng rừng, vượt biển trước hiểm nguy, cầm bằng cái chết trong tay trên đường trốn tránh bạo ngược, đi tìm đất tự do. Nguyên Thủy, Trường Sơn đã may mắn được gặp mẹ và hai em với những phương tiện giao thông bình thường nhất.

Qua những câu chào hỏi tới tấp, Thủy lạ lùng ngấm tòi:

- Mẹ vẫn còn trẻ quá à!

Vuốt bộ tóc mượt đẹp của con, tôi ngạc nhiên:

- Thủy tưởng mẹ già lắm hay sao?

Cậu con trai sắp sửa 13 tuổi cười gật đầu:

- Nhưng mẹ vẫn còn trẻ như ngày mẹ đi!

Son nũng nịu ôm tay tôi:

- Trước khi gặp lại mẹ, Son cứ nghĩ mãi không biết mẹ như thế nào? Son sợ mẹ không giống như trước!

Tội nghiệp các con tôi! Từ ngày rời Sài Gòn, tôi chỉ gửi hình hai em và tránh không gửi hình mẹ. Tôi muốn giữ ý với gia đình mới của Nguyễn. Thời gian mười tháng không gặp, có lẽ đã dài như mười năm mẹ con, anh em xa cách và lo sợ quên nhau, mất nhau. Hành lý của Son, Thủy chỉ là hai cái túi nhỏ với một ít sách vở, hình ảnh bạn bè, thư từ và vài bộ quần áo nhẹ. Bốn anh em nhảy lên xe, lại ôm nhau mừng rỡ. Thịnh thoảng, Son nhào người lên ghé trước vuốt má và mi mẹ. Thủy nhìn hai bên đồng cỏ, rừng cây, đã so sánh đường từ phi trường Dulles về nhà đẹp và rộng hơn xa lộ Biên Hòa, Vũng Tàu.

Khi xe vừa tới đầu xóm, những tiếng reo hò vang dậy. Người lớn vỗ tay, trẻ con chạy theo tới nhà chúng tôi chào mừng “Twee, Săn”, hai anh của “Hen, Foong”. Hàng xóm gọi tên các con tôi như vậy.

Nhà không lớn, nhưng Thủy, Hân mỗi người một phòng riêng. Son, Phong chung phòng bụi nhất. Vườn trước, vườn sau đủ rộng cho các con tôi chơi đùa thoải mái. Bữa cơm đầu tiên của gia đình sáu người quây quần quanh bàn ăn trong bếp. Theo nếp sống Hoa Kỳ, bếp được trang bị tiện nghi, sạch sẽ, ngăn nắp và chiếm phần quan trọng hơn phòng khách. Daddy đọc kinh cầu nguyện, cảm ơn Thượng Đế cho cuộc hành trình bình an vừa qua của Son, Thủy và năm mẹ con được đoàn tụ.



Sau đó, chúng tôi sang phòng gia đình ngồi xem vô tuyến truyền hình màu mà Sài Gòn chưa có. Trên tường treo những bức tranh sơn mài. Hai con voi Thủ Dầu Một chầu hai bên máy TV. Nhiều đồ gốm Việt Nam bày quanh phòng. Trên cái ghế mây đệm dài được đem từ Sài Gòn sang gần mười tháng trước, Hân ngồi đùi daddy, Phong ngồi lòng mẹ, hai anh ngồi giữa. Thủy, Sơn đã gọi daddy, mommy tự nhiên như hai em. Thịnh thoảng Robert ôm ghì cả năm mẹ con tôi và gọi chúng tôi “my precious, my sweeties, my babies”. Ước nguyện được sống bên nhau đã thành sự thật! Không chỉ thời gian đầu cuộc sống lứa đôi, cho đến nay đã 25 năm kỷ niệm cưới, Robert vẫn thương yêu đằm thắm và gọi vợ con bằng những danh từ văn chương lãng mạn ấy. Nguyên Thủy, Trường Sơn, Ngọc Hân, Thần Phong và Ngọc Dung luôn luôn thương kính, biết ơn Robert...

Trong hành lý Sơn, Thủy mang theo có lá thư Nguyễn viết cho Robert và Ngọc Dung: “... Tôi cũng muốn nói với Robert rằng tôi đã có nhiều lỗi với Dung khi còn chung sống. Nên tôi không ngần ngại làm theo yêu cầu của Dung về mây đưa con. Đó không phải là cách đền bù mà chính là sự kính trọng người đàn bà gần như hoàn toàn đối với chồng con. Bây giờ, Robert chính là người may mắn và đã có tất cả những gì một người đàn ông cần có trong gia đình... Tôi sẽ ghi ơn Dung và Robert. Tôi sẽ viết và nói về các con tôi. Tôi chỉ còn một bổn phận là làm đẹp cho cả hai gia đình chúng ta và như thế là làm đẹp cho con người, cho xã hội...” Nghe tôi dịch đoạn thư đó, vòng tay của Robert lại ôm gọn vợ và bốn con nhỏ bé. Thuở đó, còn cao nhất trên các con nên mommy được daddy cúi xuống thưởng một cái mi trên tóc và nói:

- Ba của các con nói đúng! Chúng ta phải viết thư cảm ơn ông về sự sum họp hôm nay! Chúng ta đã may mắn có mẹ và

phải săn sóc mẹ như mẹ đã làm cho chúng ta. Mẹ xứng đáng được hưởng sự yêu thương ấy!

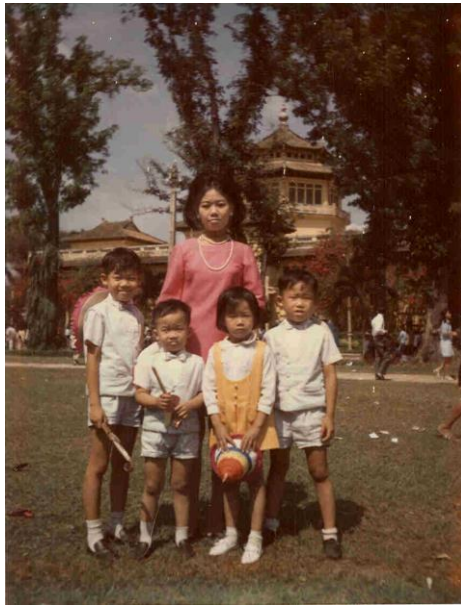
Sau ngày Nguyên Thủy, Trường Sơn tới Virginia, cái gia đình Mỹ-Việt đông con đó đã có mặt tại Bảo Tàng Lịch Sử Thiên Nhiên thủ đô Hoa Kỳ. Năm mẹ con như bị thôi miên với con voi Phi Châu to lớn hơn cái phòng và bộ xương khủng long vĩ đại hơn cái nhà, những vật có thật được tìm thấy, không còn là huyền thoại. Cả một kho tàng vô lường cho chúng tôi học hỏi làm dân một cường quốc lớn mạnh nhất hoàn cầu.

Rời Natural History Museum, chúng tôi đi bộ ra Washington Mall, Công Viên Hoa Thịnh Đốn. Gió đầu thu hây hây, dịu mát. Cỏ cây, hoa lá mơn mớn, đẹp tươi trở lại sau mấy tháng hè nóng bức như Sài Gòn. Nơi đây, chúng tôi không còn nghe tiếng bom đạn và không bị tử khí chiến tranh bao vây. Ước mong lá cờ Cộng Sản đỏ thôi đòi nhuộm máu dân lành.

Hôm ấy cũng là ngày kỷ niệm 481 năm Christopher Columbus đặt chân lên Châu Mỹ. Cuộc biểu diễn hiệp sĩ cưỡi ngựa, đấu gươm thời cổ, những trận đá banh, ném bóng đủ loại được tổ chức ngay trên công viên. Kê đi xem đông đảo reo hò, người du lịch tấp nập, hân hoan. Mặt trời phương tây in bóng Đài Kỷ Niệm Abraham Lincoln sừng sững, tôn nghiêm. Nắng hanh vàng rực rỡ, sáng láng Washington Monument, ngọn tháp bút chì cao ngất trời xanh bao dung, mây trắng hiền hòa. Phất phới xung quanh chân tháp, 50 ngọn cờ xọc trắng, đỏ với 50 ngôi sao tượng trưng 50 tiểu bang Hiệp Chúng Quốc. Cuối công viên, nhô lên tòa nhà Capitol nguy nga, đồ sộ với mái tròn kiến trúc La Mã cổ. Đó là Quốc Hội trung ương, uy quyền tối thượng của chính phủ Hoa Kỳ. Ngọc Hân, Thần Phong đu trên đôi cánh tay Robert khỏe mạnh như cành cây gạo hoa đỏ thuở tôi thơ ấu quê xưa. Nguyên Thủy, Trường Sơn ôm hai bên eo Ngọc Dung. Tiếng

cười đùa vui vẻ của chồng con ấm áp trái tim, lần đầu tiên trong cuộc đời, tôi cảm thấy đôi bàn chân vững vàng đứng trên mảnh đất tự do lớn rộng, hạnh phúc tràn đầy.

Xin cảm ơn Thượng Đế!...



Nguyễn Thủy, Thân Phong, Ngọc Hân, Trường Sơn,  
Ngọc Dung, trong Sở Thú, ngày Tết 1969.



Năm mẹ con trước hiên nhà hai bác Châu và Phương, 1970



Tác giả trước khi rời Sài Gòn, 1972.



National Mall,  
Washington, D.C.  
10/14/1973



Nguyễn Thủy và Trường Sơn sum họp  
với mẹ và hai em Ngọc Hân và Thần Phong.



Christmas 1973



Vienna, Virginia, hè 1974 trước cửa nhà 1974.

## SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG

Sài Gòn nắng nhớ mưa thương  
Sài Gòn một thuở Trung Vương học trò  
Đời vui ca hát mộng mơ  
Lá me đếm bước hẹn hò lao xao

Mùa thi phượng nở bên rào  
Bảo Tàng Vườn Thú có ao sen hồng  
Quanh năm hoa sứ nở bông  
Tóc mai làm dáng qua sông gió hiền

Mùa mưa nước chảy xuôi triền  
Cầu xinh một nhịp nối duyên Thị Nghè  
Nhật hoa bông giấy trên hè  
Ép vào nhật ký ngô nghê tuổi hồng

Sài Gòn nắng thấm mưa trong  
Sài Gòn một thuở Gia Long ngọt ngào  
Hòn xanh mây biếc dệt sao  
Áo em trinh trắng dạt dào sân hoa

Sài Gòn ngày ấy ngọc ngà  
Gót cao áo lụa lướt là Tự Do  
Quán xưa Pagode anh chờ  
Cà phê đắm đuối vẫn thơ trữ tình

Sài Gòn má thắm môi xinh  
 Givral nhạc ảm chúng mình tặng nhau  
 Pôle Nord kem ngọt lời yêu  
 Bùng binh Lê Lợi chiều chiều rộn vui

Giáng Sinh mừng Chúa ra đời  
 Nhà thờ Cứu Thế chung lời Thánh ca  
 Cuối năm Nguyễn Huệ chợ hoa  
 Muôn hồng ngàn tía mận mà đáng em

Giao thừa chảy hội Vĩnh Nghiêm  
 Trao nhau cành lộc cửa thiền cõi không  
 Ra giêng qua lối cầu Bông  
 Tình duyên xin quẻ Lãng Ông mấy lần

Vòng tay quán quýt ngày xuân  
 Bờ sông ghé đầu trắng ngàn áo em  
 Sài Gòn lộng gió Thủ Thiêm  
 Quán dừa Thủ Đức êm đềm mây trôi

Sài Gòn bỗng mất anh rồi  
 Sài Gòn luyến tiếc bao người đi xa  
 Mưa xanh bong bóng nhạt nhòa  
 Đường về Cầu Kiệu em qua ngậm ngùi

Sài Gòn vẫn đó em ơi  
 Sài Gòn bóng khuất chân trời thê lương  
 Sài Gòn còn đó quê hương  
 Sài Gòn nắng nhớ mưa thương muôn đời

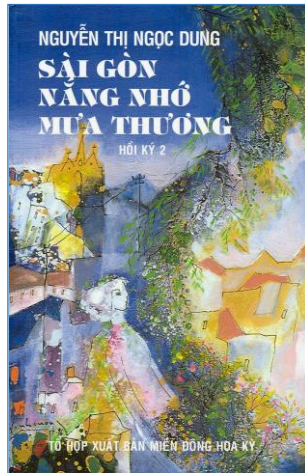
**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**





Trong buổi họp mặt cuối cùng với bạn cũ, ban văn chương “C” của trường nữ Trung Học Trưng Vương những năm 1952-1959:

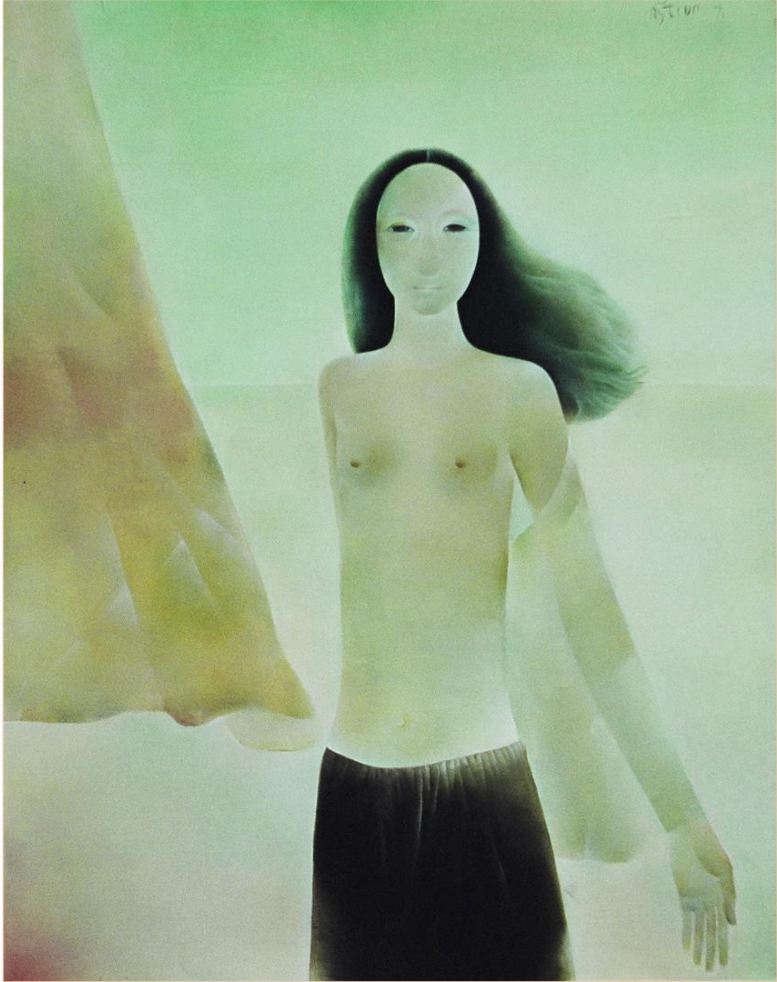
Từ trái sang phải: Hồng Diệp, Ngọc Dung, Kim Khuê, Tô Lan, Kim Dung “B”, Bùi Thị Dung, Hoàng Thị Vần, Nguyễn Thị Sâm, Thiều Lan, Kim Anh, 11/1972.



Bìa tác phẩm “Sài Gòn Nhớ Mưa Thương”  
In lần thứ hai.



*Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ Bắc Tiến,*  
tranh sơn dầu (1.20m x 0.8m), 1964, của HS Hiếu Đệ.



*Màn Hồng*, tranh sơn dầu (0.75 x 1.10m), 1971,  
của HS Nguyễn Trung.



*Thiếu Nữ Đội Khăn*, tranh sơn dầu ((0.80 x 1.20m),  
1971, của HS Nguyễn Trung.

## SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG

Thơ NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG  
NHẬT BẰNG phổ nhạc

SLOW WALTZ

Sai gòn nắng nhớ mưa thương Sai  
 gòn một thuở Trưng vương học trò Đời vui ca  
 hát mộng mơ Lá me đếm bước hẹn hò từng  
 đời Sài gòn nắng thấm mưa trong Sài  
 gòn một thuở Gia long ngọt ngào Hồn xanh mây  
 biếc dệt sao Áo em màu trắng đặt đào tim

## SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG (trang 2)

Nhật Bằng

C Em Em

anh Sài gòn ngày ấy ngọc ngà Cà

phê Pa gòe lướt là Tự do Gi vơ nhạc

ấm tình thơ Bên người yêu dấu mộng mơ suốt đời

C F C F

Sài gòn vẫn đó em ơi Sài gòn bóng

Dm G7 C Em Em7

khuyết chân trời thê lương Sài gòn còn đó quê

Em Dm G7 C D.C. al Coda

hương Sài gòn nắng nhớ mưa thương muôn đời Sài...

C Dm G7 C

..đời . Sài . gòn vẫn nắng mưa trona lona tôi

Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương

Thơ:  
N. T. Ngọc Dung

Phổ nhạc:  
Huy Lâm

Slow Waltz ♩ = 64

© 2004

Sài Gòn nắng nhớ mưa thương Sài Gòn một thuở Trưng  
 Vương học trò Đời vui ca hát mộng mơ Lá me dầm  
 bước hẹn hò lao xao Mùa thi phượng nở bên rào  
 Bảo Tăng Vườn Thú có ao sen hồng Quanh năm hoa  
 sứ nở bóng Tóc mây làm dáng qua sông gió hiền Mùa  
 mưa nước chảy xuôi trên Cầu xinh một nhịp nổi duyên Thị

## Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương - Huy Lãm- Trang 2

Nghè \_\_\_\_\_ Sài Gòn nắng nhớ mưa thương Sài Gòn một thuở \_\_\_\_\_ Gia  
 Long ngọt ngào \_\_\_\_\_ Hồn xanh mây biếc \_\_\_\_\_ dệt sao Áo em trinh  
 trắng dát dào sản hoa Sài Gòn ngày ấy \_\_\_\_\_ ngọc ngà Gót cao áo  
 lụa lượt \_\_\_\_\_ là Tự \_\_\_\_\_ Do \_\_\_\_\_ Quán xưa Pa - gode anh  
 chờ Cà phê đắm đuối văn thơ trữ tình \_\_\_\_\_ Sài Gòn má  
 thắm môi xinh Gi - vral nhạc ấm cúng \_\_\_\_\_ mình hẹn nhau \_\_\_\_\_ Pôle  
 Nord kem ngọt lời trao Bùng Bỉnh Lê Lợi, bến \_\_\_\_\_ tàu đạo \_\_\_\_\_ chơi \_\_\_\_\_  
 \_\_\_\_\_ Giáng \_\_\_\_\_ Sinh mừng \_\_\_\_\_ Chúa ra \_\_\_\_\_ đời Nhà thờ Cầu Thế chung \_\_\_\_\_  
 lời thánh ca \_\_\_\_\_ Cuối năm Nguyễn Huệ chợ hoa Muốn hồng ngàn



Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương - Huy Lãm- Trang3

tía mạn — mà đáng em ————— Giao thừa trẩy — hội Vinh —

Nghiêm Trao nhau cảnh lợc Cửa Thiên cỡi không ————— Ra giêng qua

lối Cầu Bông Tinh duyên xin quê ————— Lăng Ông mấy lần —————

————— Vòng tay quán quýt ————— ngày — xuân Bờ sông ghé đá trắng —

ngần áo em ————— Sài Gòn lộng gió Thủ ————— Thiềm Quán đũa Thủ

Đức êm ————— đêm mây trời ————— Sài Gòn vẫn đó em ơi

Sài Gòn bóng khuất chân ————— trời mờ sương ————— Sài Gòn còn đó quê

huơng Sài Gòn nắng nhớ mưa thương muôn đời ————— đời ————— Ta yêu Sài

Gòn Ta yêu Sài Gòn Sài Gòn ơi! Sài Gòn ơi! Sài Gòn ơi! —————

## Cảm đề Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương

THÁI BÌNH LANG

Sài Gòn chợt nắng chợt mưa,  
 Xưa đi trong nắng cho vừa nhớ nhung.  
 Bây giờ xa cách muôn trùng,  
 Nghe mưa khơi dậy tấc lòng hoài hương...  
 Sài Gòn nắng nhớ mưa thương,  
 Người đi muôn dặm trăm đường xót xa.  
 Chút tình gắn bó quê cha,  
 Trông về quê mẹ chan hòa giọt châu.  
 Ngày xưa... thưở tóc xanh màu,  
 Sài Gòn kết mối tình đầu trẻ trung...  
 Người yêu thanh nhã, hào hùng,  
 Cuộc tình nghệ sĩ nửa hồng nửa đen...  
 Những mong thành mối lương duyên,  
 Nào ngờ đường thế có phen gặp ghềnh.  
 Bão lòng chuyển tới mây xanh,  
 Thế thôi thôi thế cũng đành thế thôi!  
 Thôi đành chia cắt tình đời,  
 Cánh chim bé bỏng tung trời lại bay.  
 Lại đi tìm một bàn tay,  
 Nương nhau đi nốt tháng ngày bơ vơ...  
 Thế rồi... mẹ dại con thơ,  
 Không mong mà đến, không chờ mà nên.  
 Tưởng rằng thế sự đảo điên,  
 Nào hay phút chốc nên duyên lạ lùng.  
 Người đối diện: bất tương phùng  
 Kẻ từ vạn lý: giải đồng kết đôi!!!  
 Sài Gòn ơi! Sài Gòn ơi!

Đêm nao lệ nhỏ trong lời biệt ly...  
Giã từ tổ quốc ra đi,  
Làm thân Do Thái sá gì nổi trôi!  
Miễn sao âm áp tình người,  
Vì ai mình phải chịu đời gió sương...!/?  
Sài Gòn vẫn nhớ vẫn thương,  
Tình xưa vẫn mỗi đêm trường đảo điên.  
Người xưa lòng vẫn chưa quên,  
Chuyện xưa càng nghĩ càng thêm bận lòng...  
Chỉ hồng dù đã kết xong,  
Chỉ xanh, chỉ tím... như bông bong quay...!  
Ôm riêng ân ức đêm ngày,  
Tìm nơi phát tiết lòng này mới an...  
Tình cờ hay tự tâm can,  
Vốn mang dòng máu chứa chan cảm hoài.  
Bố xưa nghệ sĩ danh tài,  
Con theo gót bố viết bài văn chơi.  
Tình cờ tự thuở đôi mươi,  
Bao nhiêu khúc mắc một đời đa mang.  
Xin đem giải hết can tràng  
Hỡi ai tri kỷ! bạn vàng xưa sau!...  
Sài Gòn nắng khô, mưa rầu...  
Chuyện riêng đâu dám gọi đau lòng người.  
Chỉ là giải kết đầy thôi,  
Viết rồi chưa biết sẽ vui hay buồn...  
Chỉ là bày tỏ ngọn nguồn,  
Thực thà kể hết... nỗi oan đất trời.  
May ra lòng có nguôi ngoai,  
Tình đầu xanh đến cuối đời vẫn xanh.  
Sài Gòn mưa nắng tự tình,  
Quê hương ơi! Biết chẳng mình nhớ ai!  
Sài Gòn mưa nắng hoài hoài,  
Kẻ trong cánh cửa người ngoài chân mây...

**TBL**

**HỒ TRƯỜNG AN**  
**Tìm dấu chân kỷ niệm qua quyển**  
**SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG**

Qua trung gian của nhà văn nữ Trương Anh Thụy, tôi được làm quen với chị Nguyễn Thị Ngọc Dung, tác giả *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*. Chị Ngọc Dung có gửi tặng tôi một ấn bản của quyển sách đó. Và tôi nhận thấy tác phẩm đầu tay này là cánh cửa mở rộng để cho chị Ngọc Dung bước vào văn giới bằng những bước chân vững chắc.

Ở bìa sau quyển sách có in tấm ảnh màu của chị Ngọc Dung. Có lẽ nếu đem thơ của cụ Tiên Điền Nguyễn Du khi cụ mô tả Thúy Vân ở hai câu:

*Vân xem trang trọng khác vời,  
 Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.*

thì đúng vào diện mạo chị Ngọc Dung ngay. Khuôn mặt chị tròn, nét mày hơi dày và đậm nhưng tia gọt rất thanh nhã. Thúy Vân có thêm Hoa *cười ngọc thốt đoan trang*. Trên tấm ảnh kia, nụ cười của tác giả *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* tươi ơi là tươi, như hoa hồng buổi sáng tinh mơ với cặp môi rõ nét và thanh tú được tô son hồng đào ngọt lịm. Nụ cười rất tự nhiên, không chút điệu đà, không chút nắn nót để phô bày đôi hàm răng ngọc trai khít khao và đều đặn. Đó là hoa cười. Còn ngọc thốt thì thú thật lúc đầu tôi chưa hề có dịp chuyện trò với chị lần nào. Đôi bên chỉ trao đổi thư từ với nhau. It lâu, qua một cuộc điện đàm, tôi được nghe giọng nói thân tình của chị. Giọng đó không trong như ngọc nhưng đầm ấm và rất gợi cảm.

Có lẽ màu xanh nhạt hoặc xanh ngauội lại hợp với chị Ngọc Dung. Cho nên, trong ảnh chị mặc một chiếc áo màu lam ngọc. Ngực áo màu thạch thanh điểm hoa thủy lam và xen

những chấm trắng. Màu sắc của áo rất hợp với đôi hoa tai bích ngọc có những hạt kim cương vây quanh. Đặc biệt nhất ở ngực bên trái của áo lụa có cài bó hoa hồng lá lục, thất nở hồng, gây một điểm sáng rất trội trên nền tảng màu xanh kia.

*Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* kể lại quãng đời thơ ấu lần tuổi hoa niên của tác giả, cho đến khi tác giả theo gia đình di cư vào Sài Gòn sau Hiệp Định Genève. Quyền sách đó được viết theo hồi ký, với nhiều tình tiết sống thực và lý thú, đã tạo cho tác giả một cương vị khá sáng sủa trên văn đàn nữ giới.

*Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* là quyển nối tiếp của quyển *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*. Nó ít tính chất hồi ký hơn, và thậm chí nhiều tính chất tiểu thuyết. Nói một cách khác, đây là quyển tiểu thuyết tự truyện (roman autobiographique). Điều đó cũng đã được nhà văn nữ Trung Hoa lai Âu là Hàn Tố Anh (Han Suyin) xây dựng nên quyển *Love Is a Many Splendored Thing*. Quyển này được điện ảnh Henry King thực hiện thành phim cùng tựa (tựa tiếng Pháp là *La Colline de l'Adieu*) với đôi tài tử Jennifer Jones và William Holden. Quyển *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* có 3 phần: Phần “Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương” mở đầu cuộc sống của gia đình tác giả khi họ vừa định cư ở Sài Gòn. Sau đó là cuộc tình đầu đưa đến hôn nhân của tác giả. Người yêu và cũng là chồng tác giả, một nhà văn nổi tiếng trên văn đàn mà cũng nổi tiếng hào hoa bay bướm.

Bước sang phần 2 tức là phần “Vòng Tay Vĩnh Biệt” mô tả cuộc sống lứa đôi nhiều nước mắt của tác giả. Nguyên do ở chỗ người chồng quá đeo đuổi những cuộc ngoại tình và ở chỗ là mẹ chồng không thông cảm với nàng dâu. Cuộc đổ vỡ không tránh khỏi.

Bước sang phần chót là phần “Văn Chương Lãng Mạn” nói đến cuộc đời tác giả sau khi ly thân với chồng. Tác giả phải từ giã cuộc sống nội trợ để ra ngoài mưu sinh. Ít lâu,

tác giả gặp nhà ngoại giao người Mỹ. Hai bên hiểu nhau, yêu nhau và sau hết kết hôn với nhau. Cuộc hôn nhân thứ hai, dù là với người đàn ông dị chủng nhưng đem lại niềm tin, sự gắn bó và hạnh phúc cho tác giả. Những đứa con của tác giả được nhà ngoại giao Mỹ kia thương yêu và gây dựng nên người.

Các bạn đọc giả khi đọc đến đây, chắc tự hỏi, truyện tình như vậy có gì là đặc sắc? Bởi vì cốt lõi của đề tài dựa trên một định lý căn bản:

Chàng + Nàng = Tình yêu + Hôn Nhân.

Từ hôn nhân lại có một ngã rẽ như ngộ nhận hoặc bất đồng tư tưởng và nếu không đưa đến chỗ hàn gắn thì đi đến chỗ ly tan... Đề tài như vậy đã được cổ nhân khai thác nhiều rồi.

Ở đây, tôi xin thưa: Đề tài tình yêu do tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung chọn lựa để viết thành tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* là một đề tài phổ thông, tôi không chối cãi điều đó. Nhưng đây là một đề tài sống thực, nếu có tiểu thuyết hóa đôi chỗ đi nữa, vẫn không một chút giả tạo nào. Đó là cái ưu điểm thứ nhất. Ưu điểm thứ hai là bằng ngòi bút chân thành, chân phác, tác giả đã kết hợp nhiều kỷ niệm đẹp quý giá, rất lý thú; những người đã trưởng thành vào thập niên 50 đọc qua đều có cảm tưởng họ cũng đã được sống với tác giả những kỷ niệm đó. Họ có thể cảm thông và chia sẻ với tác giả những chặng đời mà tác giả đã trải qua và họ cũng có cảm tưởng đó là phản ảnh những chặng đời họ vì những chặng đời của người viết và những chặng đời của người đọc có rất nhiều điểm chung. Điều đó chỉ có những người cùng một thế hệ, một trang lứa với tác giả và đã cùng sống ở miền Nam đất nước mới có những cảm tưởng đó.

Đã vậy, tác giả còn đi rất xa những cây bút viết truyện tình của loại tiểu thuyết ba xu (loại tiểu thuyết Harlequin), là đã lồng bối cảnh lịch sử vào từng chặng đời của mình. Ở đây,

độc giả có thể thấy rất nhiều biến cố lịch sử, những cơn trăn trở của đất nước. Ngoài ra, tác giả còn nói rất nhiều về văn nghệ, phim ảnh, ca nhạc, các khuôn mặt văn nghệ sĩ cùng bạn bè và lớp người trang lứa của mình. Người và sự việc đều thật (hay có vẻ sống thật). Đã vậy, lối hành văn của chị Ngọc Dung rất đôn hậu, rất đơn giản khi diễn tả người thật, việc thật ấy, không có chút ỡng ẹo, điệu đà. Do đó *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* đạt được ba cái yếu tố Chân, Thiện, Mỹ để làm nền tảng cho phẩm chất của tác phẩm.

Trong phần đầu “Sài Gòn Nhớ Mưa Thương”, chúng ta được tác giả đưa vào những khung cảnh thơ mộng trữ tình qua sân trường, lớp học, các cuộc du ngoạn ở Cần Thơ, Nha Trang, Lái Thiêu, Bình Dương, Mỹ Tho, Vũng Tàu... Chất mộng, chất thơ giảm thiểu quá nhiều ở phần “Vòng Tay Vĩnh Biệt”. Mật ngọt đã trở thành mật đắng, những nụ cười được thay thế bằng những giọt nước mắt, những ngày diễm ảo của mùa xuân hôn phối biến thành cảnh lừa phỉnh dối gian, những cảnh đồng sàng dị mộng. Bước sang phần chót “Văn Chương Lãng Mạn” là phần tìm lại niềm tin, niềm vui sống của tác giả sau cuộc hôn nhân thất bại, ngay trên những thảm trạng lớp lớp hàng hàng đến đất nước quê hương.

Dù gì thì dù, Nguyễn Thị Ngọc Dung vẫn làm chủ cây bút của mình. Đối với ông chồng bay bướm, hào hoa kia, chị không hề bôi bẩn đương sự, không thù hằn cay cú và chị giữ mãi cho các con mình hình ảnh một người cha tốt, tuy sa đà phóng dật mà vẫn có thiên lương. Ngoài ra đối với bà mẹ chồng, hay đối với cô ca sĩ tình địch, chị có viết đôi câu hơi cay cú, nhưng không mạ lỵ bằng một giọng văn thiếu tự chủ, thiếu giáo dục. Ngoài ra, bàng bạc khắp tác phẩm là tình thương yêu và niềm tin cậy vào gia đình, vào bạn bè, vào tha nhân. Trong những giai đoạn đen tối, tác giả vẫn đưa len lỏi vào đó những giòng mật ngọt, đôi chút ánh sáng tin yêu.

Điều đó phản ảnh tâm lòng bao dung và tâm hồn thánh thiện của người cầm bút vậy.

\*

Tóm lại *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* không phải là một quyển truyện tình phổ thông. Nó còn dung chứa nhiều vấn đề lớn hơn, phức tạp hơn chuyện tâm lý ái tình. Đó là cái phản ảnh thể hệ mà tác giả đã sống. Đó là một vài biến động lịch sử làm bối cảnh cho cái thể hệ đó. Và đó cũng là sự xóa bỏ biên giới giữa hai chủng tộc, xóa bỏ những liên hệ huyết thống để đạt đến tình thương yêu, sự cảm thông, sự hòa điệu xây dựng nền móng của hạnh phúc gia đình. Quyển sách này không có nhiều hình ảnh quê hương, đất nước bằng quyển *Phượng Vãn Ở Bên Trời Hà Nội* nhưng bù lại nó thấm nhiều tình người hơn.

Viết về hồi ký có rất nhiều nhà văn, nhạc sĩ nổi danh như Triều Đầu, Phạm Duy, Nhật Tiến... Nhưng viết hồi ký để trở thành nhà văn thì ở nước Pháp thời La Belle Époque (Thời Đại Mỹ Lệ) đã có nữ công tước Elisabeth de Clermont-Tonnerre. Bà đã trở thành bạn thân của các phụ nữ văn chương thuở đó là nhà văn nữ Colette cùng Gertrude Stein (nhà văn nữ người Mỹ định cư ở Paris), nữ sĩ Natalie Clifford Barney (gốc Mỹ, sáng tác thơ văn vừa bằng Anh ngữ lẫn Pháp ngữ). Riêng chị Nguyễn Thị Ngọc Dung chỉ mới có quyển *Phượng Vãn Ở Bên Trời Hà Nội* đã chứng tỏ ở chị tiềm tàng một văn tài. *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* là một chặng đường nối tiếp thật xán lạn cuộc bút trình của chị để chị bước vào văn giới bằng những bước chân hiên ngang và vững chãi vậy!

Cổ Nguyệt Đường, ngày 22/06/1996

**HỒ TRƯỜNG AN**



**TRƯƠNG ANH THỤY**  
**đọc**  
**SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG**  
**hồi ký tiểu thuyết của**  
**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**

Trong truyền thống văn học Đông phương nói về mình là một điệu tối kỵ. Trong một nghiên cứu sâu sắc về thể hồi ký ở Trung hoa, một tác giả gần đây đã phân biệt giữa “truyện” và “tự truyện.” Theo ông, nếu *truyện* là một thể rất thông thường trong lịch sử Trung hoa, thậm chí còn là một thể không thể thiếu được trong cả 25 bộ sử vĩ đại của nước này, thì trái lại *tự truyện* rất hiếm hoi và chỉ được viết trong những trường hợp khá đặc biệt như Tư-mã Thiên nói về tại sao ông viết bộ *Sử ký* hoặc Đào Tiềm nói về triết lý sống của ông. Ngay trong những trường hợp này, tác giả xưa cũng vẫn phải giấu chữ “tôi” như nhà thơ họ Đào đã phải giả đò viết *truyện*, nghĩa là viết về người khác, trong *Ngũ Liễu tiên-sanh truyện* (Truyện ông Năm Liễu).

Trong văn học Việt Nam, chúng ta bị ảnh hưởng sâu đậm của quan niệm Trung Hoa trong vấn đề này nên nếu *truyện* không thiếu trong truyền thống VN, từ *Việt Điện U Linh* đến *Lĩnh Nam chích quái* đến *Nam-hải dị-nhân liệt truyện* của Phan Kế Bính, hoặc bộ *Đại Nam liệt truyện* (trên 4000 trang) viết dưới thời nhà Nguyễn đã nói đến hàng trăm nhân vật lịch sử thì *tự truyện*, trái lại, không có bao nhiêu và có thể đếm trên đầu ngón tay. Phải kể, đây là một sự thiệt thòi không ít đối với lịch sử vì cha ông ta, do khiêm tốn, đã không lưu lại cho chúng ta những bản văn hay tài liệu, bằng chứng cho thấy cuộc sống nội tâm của họ, cho thấy đầy đủ một cuộc đời thay vì chỉ là một vài nét nhìn thấy được từ bên ngoài, do người khác viết.

Ở Việt Nam, các tác giả hồi ký chính trị--tuyệt đại đa số là nam giới--thì thường có tầm quan trọng của câu chuyện chính trị để biện hộ cho công việc làm của mình. Song hồi ký của người thường thì không cả có chỗ bầu vú đó. Hồi ký của một phụ nữ lại càng tẻ hơn--không có cả tiền lệ để mà bắt chước. Sự kiện chị Nguyễn Thị Ngọc Dung đã dùng thể hồi ký để viết lại truyện đời mình trong *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* và *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* do đó, phải được xem là một cái gì mới mẻ.

*Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* là một câu chuyện xưa như trái đất của hai kẻ yêu nhau, rồi lấy nhau. Được ít lâu chàng ngoại tình. Nàng tha thứ đi tha thứ lại nhiều lần--có thể nói là quá nhiều lần--để mong cứu vãn được cái gia đình bé nhỏ, chàng vẫn chứng nào tật nấy. Cuối cùng nàng phải cương quyết dứt áo ra đi... Một câu chuyện tầm thường và rất dễ thành tiểu thuyết ba xu, dù như có đầy đủ cả hi, nộ, ái, ố ở cùng khắp 400 trang giấy của cuốn sách.

Câu chuyện mô tả cuộc sống hàng ngày xung quanh ta thật nhỏ nhoi, thật xoàng xĩnh mà vẫn hấp dẫn, lôi cuốn được người đọc cho đến trang cuối của cuốn sách, điều đó mới là thước đo cái tài tình của người cầm bút. Chúng ta hãy thử đi vào cõi văn chương của Nguyễn Thị Ngọc Dung trong *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* để tìm ra cái gì đã thu hút chúng ta.

Trước hết là cách tả tình yêu của tác giả:

Cảnh tương tư khi nàng hụt nghe bài thơ chàng tặng trên chương trình Tao Đàn do Tô Kiều Ngân ngâm tối hôm trước: “*Tôi chưa bao giờ nghĩ nhiều về Nguyễn như buổi học dài hôm ấy. Lời giáo sư giảng giao duyên với tiếng sáo, tiếng ngâm thơ. Bài học, sách vở thấp thoáng sương mù rừng núi, mây trời cao nguyên.*” (Tr. 190). Sở dĩ tác giả nói như vậy là vì “chàng” đang phục vụ tại Pleiku.

Trong khi tả tâm trạng tương tư nhẹ nhàng, lãng mạn như thế, thì tác giả tả “tình tuyệt vọng” một cách day dứt, quay quắt khác hẳn. Hình ảnh “con diều” tượng trưng cho hạnh phúc đang lộng gió bay đi, nạn nhân chỉ là kẻ yếu đuối cố níu giữ cái dây... là một hình ảnh vừa gợi hình vừa chính xác: “... *Đôi bàn chân nhỏ bé hình như đang đi trên cát lún, không giữ được thăng bằng cho thân thể, tâm thần. Đôi tay yếu đuối hình như phải nắm giữ cây diều quá lớn, căng gió quá mạnh. Buông tay thì mất diều. Cố giữ sẽ bị dây diều cứa cắt thương tích đầy tay.*” (Tr. 190).

Cũng một cách quan sát tinh tường đó, thêm với lòng triu mến, chân quý những người thương yêu đã đưa ngòi bút Nguyễn Thị Ngọc Dung đến những đoạn tả “tình mẫu tử” thấm thía như sau:

*“Con đường giờ đây liú díu bước chân các con đi bên nàng thơ mẹ vẫn buồn như sương chiều.”* (Tr. 196).

Hay khi lần đầu gửi con vào nội trú trường sơ.

*“Buổi đầu chia tay nhau mẹ con ôm nhau khóc sụt sướt. Mẹ nói yêu thương, hứa hẹn đủ điều để con đừng buồn, đừng sợ. Mẹ có cảm tưởng thật tội lỗi đã làm khổ con. Nhưng biết sao, chúng mình chịu khó qua cơn lúng túng này....*

*“Dần dần, đưa con vào trường mẹ không còn khóc, nhưng tan nát cõi lòng mỗi khi nhìn khuôn mặt thơ dại nhẫn chịu.”* (Tr. 301).

Nghịch với những muộn phiền trùng trùng, lớp lớp do các diễn biến không ngừng trong gia đình, và hoàn cảnh đen tối của đất nước lúc bấy giờ, người ta thấy thỉnh thoảng lại nổi bật lên những tràng cười ròn tan như thủy tinh, làm tan biến nhanh chóng cả bầu trời mùa đông u ám. Đó là những đoạn tác giả tả cảnh chơi bạc ngày tết trong gia đình, giữa cha mẹ, anh, chị em thân yêu: “*Tướng sĩ tượng hồng đề*

*tướng sĩ tượng đen, vui sướng thét lên như trúng số Kiến thiết quốc gia. Xe pháo mã điều đê xe pháo mã đen, khoái chí cười rú như còi xe lửa qua cổng số chín đường Võ Tánh, Phú Nhuận. Tốt đồ đê tốt đen, la hò như quân reo ra trận. Tứ tử trình làng, ngũ tử cướp cái, ai nấy ngẩn tò te...*” Hoặc là: “... *nhị tổng cứu, tiu nghiu, tam tổng bắt té re, nhất ông cụ rút cứu sừng mê toi...*” (Tr. 58-59).

Ở đoạn khác, tác giả tả cảnh đi xem xi-nê với một cô bạn, bị hai chàng Mỹ đến bắt chuyện, làm quen. Vì hai cô được học ngoại ngữ trong trường theo lối từ chương, và chỉ được dạy những thứ văn chương cao xa, nên không biết đối đáp ra sao trong câu chuyện tầm thường hàng ngày. Quỳnh quáng, hai cô phải vận dụng tất cả vốn liếng tiếng Pháp, tiếng Anh học trong năm năm trời. Trong lúc lâm nguy, một thoáng, các cô nhớ vanh vách tên các giáo sư sinh ngữ của mình: Cô An, bà Đào, cô Phúc, cô Ngà, thầy Uy... để lấy can đảm đối đáp với “đối phương” đã dùng cả tiếng Anh lẫn tiếng Pháp để tới tấp “tấn công” các cô. Nhưng mà rồi hình như cũng không thấy có hiệu quả gì. Được hỏi:

- *Nhà các cô ở đâu?*
- *Phú Nhuận, xa lắm.*
- *Fu Nuan là đâu vậy?*

Nguyễn Thị Ngọc Dung nhanh trí, bày mưu tính kế trong đầu. Chị gọi thềm: “*Ông Lord Byron ơi! Chữ ‘phi trường’ của ông là gì? Cái thuở sinh thời của ông đã có chữ đó chưa?* - Lord Byron là một nhà thơ Anh nổi tiếng vào khoảng đầu thế kỷ trước, nghĩa là khoảng cùng thời với cụ Tiên Điền Nguyễn Du. Hỏi rồi chị lại trả lời hộ nhà thơ Anh: “*Chưa, đã có máy bay đâu mà có trường bay.*” Rồi chị tự nhủ: Thôi, “*Mượn chữ của Alain Delon đi*”. Alain Delon là tài tử Pháp, thần tượng của các cô thời bấy giờ. “...Ngọc Dung uốn cong lưng: - ‘*Gần L’aéroport Tân Sơn Nhất.*’ (Tr. 68).

Hai chàng Mỹ thấy các cô thông thạo ngoại ngữ lại vui vẻ dễ thương, bèn thêm hứng khởi hỏi tiếp:

- *Trường các cô ở đâu?*

- *Gần chùa Xá Lợi.*

- *Chùa Xa Loi ở đâu?*

*“Tóc tai như dựng ngược. Không biết phải dùng một địa danh nào mà hai chàng ám ở này biết đây? Tôi muốn réo gọi nhà thơ Anh: ‘Ông William Wordsworth ơi! Trong thơ của ông không có cái vườn Tao Đàn, dịch nó như thế nào bây giờ?’ Chẳng thấy William Wordsworth lên tiếng, Ngọc Dung lại tự nhủ: - ‘Thì hỏi Lamartine đi!’-- Mìng quá, Ngọc Dung lại dại dột trả lời: - Gần Jardin Botanique.*

*“Tuồng chúng tôi giỏi tiếng Pháp hơn, hai kẻ ngoại nhân lại xô ra một tràng liên thoảng như súng liên thanh. (Ngọc Dung hốt hoảng:) ‘Hê hê, từ từ chứ, người ta là con cháu hai bà Trưng thuần túy, không phải con nuôi của bà Marie Curie đâu nhé!’” (Tr. 67).*

Tôi thấy không gì có thể nói lên cái thảm cảnh, cái nông nổi của lối học từ chương mà ai trong chúng ta cũng trải qua thời đó, một cách trọn vẹn và linh động như mấy dòng tả trên của Nguyễn Thị Ngọc Dung.

Nói đến nghệ thuật “mô tả” trong cuốn *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* mà không nói đến tài tả cảnh của tác giả là một điều không thể được, vì trong suốt cuốn sách, bất cứ dịp nào có cảnh là có tả. Điều đó cũng dễ hiểu, vì đối cảnh sinh tình là lẽ tự nhiên cho một cuốn tiểu thuyết nặng về tình.

Dù là ở đoạn tả cảnh Nha Trang hay Vũng Tàu, mỗi phong cảnh là một bức họa hiển hiện trước mắt chúng ta. Hơn thế nữa, lời văn lại tự nó có sẵn âm nhạc văng vẳng bên tai. Xin mời quý vị cùng văng cảnh:

*“Đại dương bát ngát, bãi cát mênh mông. Hàng thuyền dương đong đưa hong gió. Mây trắng như bông bay đi tận chân trời xa tắp. Nhấp nhô hòn Yến hình cái nón, hòn Qui*

*hình con rùa, hòn tre như bầy cá sấu đang bò xuống biển.”* (Tr. 32).

*“... Gió mặn nồng lỏng lộng tóc mây. Hân hoan sáng ngời đôi mắt, rạng rỡ môi cười.”* (Tr. 32).

*“Mặt trời đỏ ối đã xuống thấp độ ba, bốn sải trên mặt nước lóng lánh như kim nhũ. Dáng chiều rực rỡ đến ngừng thở, nước nở con tim, long lanh nước mắt.”* (Tr. 136).

Tác giả còn khéo léo đan vào những điệu hát, câu hò mỗi khi đưa chúng ta tới một địa danh quen thuộc, làm cho đoạn văn thêm tươi mát, và người đọc cũng thấy như sống lại cái không khí một thời xa xưa. Trong các nhà văn nam, Kiệt Tấn và Hồ Trường An đã làm việc này một cách thật thoải mái và rất thành công. Ngoài ra tác giả còn thêm vào trang sách những đoạn thơ thuở học trò của chính mình.

Trong khi tả tình, tả cảnh, sự nhận xét tinh vi là đặc điểm của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Thí dụ: *“Mặt trời chói chang, bóng người đè lên bóng xe đạp.”* (Tr. 48). Hoặc: *“Tôi tháo dép, thoải mái ngồi hong đôi chân trên bục gỗ dưới gậm bàn. Một cô nhìn ‘đôi bạn đường’ trần trụi của tôi v...v...”* (Tr. 59).

Tả mặt trời giữa trưa mà nói *“bóng người đè lên bóng xe đạp”*, và ví đôi bàn chân là *“đôi bạn đường”* thời nếu có giáo sư Việt văn của chị đọc được các câu này, chắc cũng có thể đồng ý với tôi và cho Nguyễn Thị Ngọc Dung thêm vài điểm.

Tác giả cũng có những liên tưởng mạnh mẽ:

*“Bóng chiếc xe đạp cũ biến mất trong đêm tăm tối như thời cuộc đất nước, chiến tranh điêu tàn.”* (Tr. 340). Hoặc: *“(Bà vợ, tức là tác giả) chỉ còn là quả bóng xẹp cho người cầu thủ thua trận tức giận, đá đá, quăng, ném.”* (Tr. 260).

Và cuối cùng, ngôn ngữ mới mẻ, táo bạo trong *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* vẫn là một điểm son, nâng cuốn hồi

ký của Nguyễn Thị Ngọc Dung lên ngang hàng với những áng văn chương giá trị:

*Bao giờ em được về anh nhỉ*

*Một mái nhà chung mộng ước xây.* (Tr. 148).

Hay: “...Đồng thời tôi cũng ngưng gặp gỡ Robert, sợ ông bị liên lụy, có thể hại đến sự nghiệp trong cơn bão rút sau khi đã tàn phá một thuở tôi thanh xuân...” (Tr. 279).

Và: “... Nguyễn đứng sát bên tôi. Nhận đôi phôi phôi bay ngang trên trời.” (Tr. 104)

Hoặc đảo ngược trật tự bình thường của tĩnh từ và danh từ, nghĩa là để tĩnh từ đứng trước danh từ cho câu văn được mạnh mẽ:

“Sài Gòn vẫn hai mùa mưa nắng. Có ngày nắng vàng mây xanh, hoa đỏ đường đi. Có ngày mưa tầm tã, mưa mềm nón bài thơ, mưa ướt áo học trò.” (Tr. 60)

Hay là:

“Anh cho em thăm chiều tà

“Chim thương tìm tổ la đà khóm tre”. (Tr. 116).

Có thể có người sẽ hỏi tôi là những câu như “hoa đỏ đường đi” với “thăm chiều tà” thì có gì là mới. Cách đây hai trăm năm cụ Nguyễn Du đã chẳng từng viết: “Cành Lê trắng điểm một vài bông hoa”, hoặc: “Treo trên một tượng trắng đôi lông mày” là gì... Nói vậy thì cũng được, nhưng có những cái mới cách đây cả hai trăm năm mà vẫn còn mới, chỉ vì người ta chưa quen tai.

Là nhà văn, người ta phải luôn luôn tìm tòi, thử nghiệm. Khơi những nguồn chưa ai khơi. Độc giả có thể ưa hay không ưa, đó là sự may rủi mà tác giả phải nên sẵn sàng gánh chịu. Nhưng nếu nhà văn ngừng sáng tạo, là nhà văn sẽ tụt lùi như khi ta lái xe sang số mà gặp đèn đỏ, phải ngừng trên đầu dốc. Có phải cũng vì nghĩ thế chẳng, mà đã có chỗ Nguyễn Thị Ngọc Dung hành văn mới đến liêu lĩnh, thật chẳng giống ai: “Dù gia đình có tạm hàn gắn, tình yêu cũng

không còn. Ngôi thứ hai đã có ngôi thứ ba chia động từ làm tình, ngôi thứ nhất cương quyết đứng riêng trong thì hiện tại, dù phải độc diễn trong thì tương lai.” (Tr. 221).

Sau bao nhiêu cơn sóng gió, tác giả kết thúc bằng một đoạn tả cảnh bốn mẹ con xum vầy tại Hoa Kỳ, trong hai cánh tay vững chắc và bao dung của ông chồng mới: “*Tiếng cười đùa vui vẻ của chồng con ấm áp trái tim, lần đầu tiên trong cuộc đời, tôi cảm thấy đôi bàn chân vững vàng đứng trên mảnh đất tự do cao rộng, hạnh phúc tràn đầy.*” Ở đây giọng văn trầm hẳn xuống, không còn thấy sôi nổi, phiêu lưu, lãng mạn như ta đã thấy đầy trong các trang trước.

Cuốn *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* đã được Nguyễn Thị Ngọc Dung khép lại bằng một câu ngắn, gọn, đầy đủ tình, nghĩa đối với người, với mình, với Trời, Đất: “*Xin cảm ơn Thượng Đế!*”

Người Pháp có câu, “*Le moi est haissable*” (Cái tôi thật đáng ghét). Song, nếu viết thành thực, chùng mực, không để cho tình cảm hay sân hận áp đảo trí phán xét sáng suốt của mình, thì biết đâu, cái “tôi” được chia xẻ đó, lại không trở thành cái hấp dẫn, cái làm cho chúng ta đều muốn đọc./.

**TRƯƠNG ANH THỤY**



## NHỮNG NHẬN ĐỊNH KHÁC VỀ SÀI GÒN NẮNG NHỚ MƯA THƯƠNG

**GIÁO SƯ TIẾN SĨ NGUYỄN ĐÌNH HÒA:** *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* là cuốn nối tiếp truyện *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, hồi ký được viết bởi một phụ nữ Việt Nam, mặc dầu đã sống ở ngoại quốc với người chồng trong ngành ngoại giao từ năm 1972, muốn hồi tưởng về những ngày cũ ở quê hương xa xưa. Quyển đầu (xuất bản năm 1995) và nhiều bài văn mà Nguyễn Thị Ngọc Dung đã gửi đăng trên báo chí lưu vong đã được hoan nghênh rộng rãi trong cộng đồng di cư ở Mỹ và ở Âu Châu. Giờ đây nhà văn tài hoa này đã cho chúng ta cuốn hồi ký thứ hai có nhan đề *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*.

Quyển đầu kể lại thời thơ ấu cũng như thời thiếu nữ của tác giả và đưa người đọc đến năm 1954, khi nàng theo gia đình - một gia đình gắn bó với nhau trong cuộc di cư vĩ đại vào miền Nam do kết quả của Hiệp Ước Đình Chiến Geneva. Cuốn thứ hai ít tính chất hồi ký hơn và chứa đựng tất cả những yếu tố tế nhị về một truyện tình được kể lại, một tiểu thuyết tự truyện được viết thật khéo léo...

Ở chương nhất, độc giả được thấy cuộc sống của người di cư từ miền Bắc Việt Nam, giờ đây định cư ở Miền Nam Cộng Hòa, nơi họ phải hòa mình với thời tiết nóng bức của Sài Gòn, với ngôn ngữ địa phương, và nhiều vấn đề làm bận tâm những ai đã từng bị bứt gốc rễ khỏi đất tổ để trồng dựng lại ở nơi xa lạ, dù như ở trong cùng một nước. Nữ tác giả thanh lịch và lãng mạn “thương nhớ Sài Gòn,” nơi mà nàng đã gặp và yêu một nhà văn nổi tiếng song cũng lừng danh là một tay chơi, một “kẻ đào hoa.” Hôn nhân của họ được xung tưng như một điển hình của “traoi tài gái sắc.”

Nhưng cuộc sống vợ chồng đầy máu và nước mắt của họ đã được mô tả tỉ mỉ trong chương hai. Nguyễn cũng là

một kẻ ngoại tình triền miên, dẫn đến chuyện không thể tránh được đó là hôn nhân phải đổ vỡ. (Người vợ bị phản bội không bao giờ chỉ trích ông chồng, người mà nàng chỉ gọi giản dị là Nguyễn, một tên họ phổ thông.)

Tác giả đã khéo léo móc nối cuộc đời của nữ nhân vật chính với những dấu ấn thời đại có thực và khá cảm động. Những biến cố lịch sử, nhiều giai đoạn chính trị bi thảm của Miền Nam (kể cả cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968), cũng như những sinh hoạt văn hóa (phim ảnh, kịch nghệ, vũ tiệc, tác phẩm văn chương) và những văn nghệ sĩ thực thụ mà tác giả đã gặp - mỗi nhân tính, mỗi sự việc đều được miêu tả với văn phong vừa chính xác, rõ rệt vừa tươi mát và hoa mỹ.

Đoạn này, cô nữ sinh Trung Học Trưng Vương nói về trường, giáo sư, và bạn học của mình. Đoạn khác, nàng dẫn độc giả tới các thắng cảnh của Đà Lạt, Cần Thơ, Nha Trang, Mỹ Tho, Vũng Tàu, và v.v., nơi người Việt Nam già, trẻ đều thích du ngoạn, ăn uống ngoài trời, vui chơi bãi biển. Cũng có những chứng tích lệ rơi cay đắng, những xung đột, phản bội, ghen tuông, đã làm cho cuộc đời nữ nhân vật chính đau khổ trong vai trò một nàng dâu bị đè nén bởi nền luân lý Nho Giáo cổ truyền.

Độc giả không thể không có cảm tình với người con gái Hà Nội khi nàng từ biệt dĩ vãng và can đảm bước vào thế giới mới của văn chương với đầy say mê, quyến rũ và lãng đãng những mộng mơ, mà nàng đã chia sẻ với độc giả, trẻ hay già, nam hay nữ. Dù trong những ngày đen tối nhất, Nguyễn Thị Ngọc Dung vẫn rộng rãi truyền đạt được niềm tin và linh hồn của nàng: Bà đã viết theo cảm giác, và đó chính là giá trị của hai quyển hồi ký, mặc dù đây đó có một hai câu hơi gượng và dăm ba lỗi chính tả.

(Trích dịch bài điểm sách của Học giả Nguyễn Đình Hòa viết trong Tam Cá Nguyệt San World Litterature Today của Đại Học Oklahoma, quyển 71, tập số 4, mùa thu 1997)

**GIÁO SU TIẾN SĨ NGUYỄN ĐÌNH TUYẾN:** Hồi trước năm 1975, tôi có gặp bà Ngọc Dung và chồng cũ là nhà văn V.Q. (hiện còn ở lại Sài Gòn) một lần ở Đà Lạt và vài lần ở Sài Gòn. Tất cả những lần gặp gỡ đó tôi đều quên bẵng. Nhưng một hôm tôi điện thoại cho bà Ngọc Dung và cho biết sẽ viết một tuyển tập về nhà văn thì được bà Dung cho biết là bà và chồng cũ đã gặp tôi. Trong lúc tôi đang còn ngạc nhiên (vì tôi không ngờ bà vợ cũ của V.Q. đã là nhà văn), lục lạo trong ký ức thì bà đã kể lại đầy đủ các chi tiết về những lần gặp gỡ đó. Thế mới biết bà có một trí nhớ rất tốt, nhớ rất kỹ và nhớ rất lâu mặc dù truyện đã xảy ra cách đây ba bốn mươi năm, bà vẫn còn ghi lại được đầy đủ các điều thấy, nghe và cảm xúc một cách tài tình. Tôi thán phục trí nhớ của nhà văn viết hồi ký này. Nhờ có trí nhớ và óc quan sát tốt mà bà đã là tác giả của hai thiên hồi ký rất thành công.

Đọc xong hai tập hồi ký *Phượng Vãn Ở Bên Trời Hà Nội* và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, tôi liên tưởng đến hai vấn đề xã hội hậu quả của chiến tranh Việt Nam: đó là chiến tranh đã để lại rất nhiều đứa con Việt Nam lai Mỹ (và vấn đề này một phần được giải quyết bằng việc Mỹ chấp nhận cho các đứa con lai được sang Mỹ). Một vấn đề khác là những đôi vợ chồng không đồng màu da và văn hóa như trường hợp của Ngọc Dung.

Ở phần tiểu sử, Ngọc Dung viết: “các con đã đỗ đạt trưởng thành. Hiện sống với chồng ở Virginia”. Mong rằng Ngọc Dung sau khi đã trải đời sống riêng tư của mình một cách chân thật trong tác phẩm sẽ có một cuộc sống hạnh phúc bền lâu.

Tự truyện của Ngọc Dung – một nhà văn mới gia nhập làng văn được ít người biết – là tác phẩm có nhiều giá trị vì nó vừa là bút ký, hồi ký, tự thú, tùy bút, vừa là những bức tranh sống động làm hồi sinh lại trong ký ức của chúng ta những biến cố lớn như ngày Cộng sản cướp chính quyền tại

Hà Nội và ngày chia đôi đất nước là những ngày lịch sử liên hệ đến vấn đề vận mệnh của dân tộc và của tất cả chúng ta.

(Trích trong *Nhà Thơ và Nhà Văn Hải Ngoại: 1975-2000* của Giáo Sư Tiên Sĩ Văn Chương và Báo Chí Nguyễn Đình Tuyên).

**NHÀ VĂN HÀ KỶ LAM:** Với những ai đã từng sống ở Sài Gòn, hoặc đã từng biết Sài Gòn trước 1975, cái tên sách của tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung dễ gây thiện cảm. Sở dĩ tôi nói như vậy, vì tôi là một trong những kẻ đó...

Tôi đã tìm thấy lại những con đường, những góc phố, tôi có tìm lại một Sài Gòn xa xưa của mình. Nhưng tôi còn tìm thấy nhiều điều khác nữa...

Khi đọc tôi đã thấy mình sống theo từng chặng đường của tác giả, muốn đọc một mạch cho hết cuốn sách để được biết nhân vật chính là tác giả sẽ đi về đâu, đến bến bờ nào. Sở dĩ như vậy vì chị có một lối kể chuyện duyên dáng, thu hút người đọc. Và tác phẩm của chị Nguyễn Thị Ngọc Dung không chỉ là một hồi ký của cá nhân tác giả; nó đưa người đọc trở về “chân trời cũ” của chính mình...

Thấp thoáng và bàng bạc trong những trang sách kể chuyện riêng tư của tác giả, người ta thấy hình ảnh một miền Nam Việt Nam trong giai đoạn chuyển tiếp của lịch sử – những ngày phôi thai đầy sóng gió của nền đệ nhất Cộng Hoà đến những ngày chiến tranh tái diễn trên toàn miền Nam... Người đọc dễ chia sẻ tâm tình của tác giả, hay dễ tìm lại tâm trạng của chính mình trong bối cảnh chung...

*Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* là một cuốn tiểu thuyết tự truyện hay mà người đọc sẽ thấy mình tham dự với nhân vật chính trong truyện trong từng đoạn, từng sự việc được viết lại với một kỹ thuật kể chuyện hấp dẫn. Người đọc sẽ cùng sống với tác giả, cùng chia sẻ những lo âu, những đau

khỏ, những niềm vui với chị Nguyễn Thị Ngọc Dung trong suốt chiều dài cuốn sách...

(Trích trong bài nói chuyện của nhà văn Hà Kỳ Lam trong buổi ra mắt tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* tại Virginia ngày 20 tháng 9 năm 1996.)

**NHÀ VĂN TRẦN QUÁN NIỆM:** Những chi tiết tưởng như bình thường nhỏ nhặt về cuộc đời nữ sinh Trưng Vương đã khơi dậy trùng trùng kỷ niệm nơi tâm tư độc giả, nhất là lớp người cùng thời với Nguyễn Thị Ngọc Dung, khiến ai cũng nhìn thấy phần đời của mình trong đó để mà thương nhớ bồi hồi. Thêm nữa câu chuyện gia đình trái ngang, sóng gió cũng dễ gây thương cảm từ tâm hồn phụ nữ. Thiết tưởng đó là hai yếu tố mang đến sự thành công cho Nguyễn Thị Ngọc Dung...

Trên 100 trang giấy đầu tiên, chúng ta bắt gặp lối hành văn tỉ mỉ, lưu loát, trong sáng của Ngọc Dung về cuộc đời người nữ sinh Bắc kỳ di cư. Ngọc Dung dẫn dắt chúng ta qua các địa danh thân yêu của miền nam, những hình ảnh đặc sắc của miền đất mưa nắng hai mùa dễ thương và chân chất, và thỉnh thoảng Ngọc Dung không quên lồng vào câu chuyện đời riêng tư là các biến chuyển lịch sử của đất nước miền Nam, khiến độc giả có cảm tưởng như được chia xẻ cùng một dĩ vãng với người trong truyện...

Bàng bạc trong gần 100 trang sách của phần hai, chúng ta bắt gặp một ý niệm rõ rệt và đơn giản, đó là sự hòa hợp, bình đẳng, thương yêu giữa hai người hôn phối cần phải có. Nếu người chồng chung thủy, hiểu biết, săn sóc vợ và nuôi dạy con cái, người vợ sẵn sàng ở trong mái gia đình để phục vụ chồng con... Đã không coi người hôn phối thuộc quyền tư hữu, đã nghĩ tới giải pháp ly dị người đàn ông bội bạc nên Ngọc Dung không ghen tuông như thường tình mà chỉ giận

chồng... Thật là cách cư xử của người phụ nữ có học, văn minh lịch sự.

Trong thời gian tiến hành thủ tục ly hôn, ly dị, Ngọc Dung thản nhiên tìm vui trong cuộc sống bên ngoài, học nhảy đầm, quen bạn trai, kiếm việc làm để tự lập. Thật là khác xa cái tâm lý, cái xã hội thời Tự Lực Văn Đoàn với *Đoạn Tuyệt*, *Lạnh Lùng* của Nhất Linh, *Thoát Ly* của Khái Hưng v.v.

Nguyễn Thị Ngọc Dung đại diện cho lớp phụ nữ mới của thời đại chúng ta trong nếp suy nghĩ và hành động, phản ánh nền giáo dục và tâm lý xã hội biến chuyển theo thời gian.

Nhưng không phải chỉ có thế, hơn 300 trang giấy là bức tranh sống thực đầy nét chấm phá tỉ mỉ và ngoạn mục của xã hội Việt nam trong vòng 50 năm qua.

(Trích trong bài nói chuyện của nhà văn Trần Quán Niệm trong buổi ra mắt tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* tại Virginia).

**ĐỘC GIẢ NGUYỄN THÚY LAN:** Đọc xong cuốn truyện, tôi giữ lại một ấn tượng thật rõ ràng: ba sự kiện đã gây nên sự đổ vỡ của rất nhiều gia đình Việt Nam, trong đó có gia đình của chính tác giả; đó là nền giáo dục lỗi thời, nền luân lý khắt khe với phụ nữ và một xã hội trọng nam khinh nữ.

Theo thiên ý tôi, tác phẩm của chị Nguyễn Thị Ngọc Dung đã cho người đọc có dịp nhìn lại bức tranh của thời đại đã qua, thời đại trong đó tác giả và độc giả đã sống, để chúng ta thấy lại những lầm lẫn của một nền giáo dục, của một nền luân lý, sự bất công của một xã hội đối với phụ nữ.

Ưu điểm của chị Ngọc Dung là đã dám nói lên sự thật. Tuy nhiên, tác phẩm dù hoàn hảo đến đâu cũng không tránh khỏi sự khen chê của độc giả, như bầu trời làm sao tránh

khỏi những vẩn mây đen. Nhưng mây rồi cũng bay đi, chỉ còn lại cuốn sách của chị với lòng yêu thích của độc giả.

(Trích trong bài nói chuyện của độc giả Nguyễn Thúy Lan trong buổi ra mắt *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* tại Philadelphia, do nhóm Duyên Văn tổ chức ngày 17 tháng 11 năm 1996).

**ĐỘC GIẢ SONG HẠNH:** Tựa đề *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* đã mang tính chất lãng mạn, trữ tình, đặc biệt có tính cách cuốn hút những bước chân lưu lạc của chúng ta nơi đất khách quê người.

Hình ảnh gợi nhớ, gợi thương đó, ghép lại tựa đề, đọc lên chúng ta cảm thấy như một câu thơ, một nốt nhạc.

Tiếp theo là hình ảnh một cô Bắc Kỳ nhỏ nhỏ, mảnh mai, lãng mạn, mơ mộng, yêu đương, rồi sau đó trở thành một thiếu phụ can đảm, chịu đựng, nối tiếp là hình ảnh một người mẹ Việt Nam một đời hy sinh cho con cái. Thay vì gục ngã trước nghịch cảnh phũ phàng, nếm mẹp luôn thì người lại đứng dậy, bước những bước vững vàng hơn để bồng bế và gồng gánh các con.

Với thiếu phụ này, bước đường cùng lại là sức bật mạnh nhất, cho nên Ngọc Dung vươn lên cao, vì với các con là chỗ tựa, người mẹ không nản chí, sồn lòng, can đảm tiến tới, bất chấp phong ba bão tố – hình ảnh quá ư là đẹp.

Về khía cạnh tả tình, Ngọc Dung đúng là cây đàn muôn điệu, với một tình khúc lãng mạn nhưng không kém hào hùng. Với chúng tôi, Ngọc Dung có một trí nhớ tuyệt diệu, thần sầu, một ký ức tuyệt vời. Góc phố, con đường, hàng cây, món ăn, và tên thật của nhân vật (trong nhóm văn nghệ sĩ nổi tiếng) đều có thật và rất thật.

Qua tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* tôi thiết nghĩ phụ nữ chắc sẽ lấy làm thích thú, say mê cốt chuyện tình không kém hấp dẫn này.

Nếu chúng ta không có chàng Nguyễn thì nhà ngoại giao kia không có cơ hội trở thành héro của Ngọc Dung và chúng ta cũng không có tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, cũng như Ngọc Dung không trở nên “famous” như hôm nay.

(Trích trong bài nói chuyện của độc giả Song Hạnh trong buổi ra mắt *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* tại Philadelphia, do nhóm Duyên Văn tổ chức ngày 17 tháng 11 năm 1996).

**NHÀ VĂN TÂN PHONG:** Bàn về tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* (SGNNMT) mà không nhắc đến tác phẩm đầu tay *Phượng vẫn Nở Bên Trời Hà Nội* (PVNBTHN) của Nguyễn Thị Ngọc Dung là một thiếu sót không thể chấp nhận. Bởi vì nó là một liên kết không thể tách rời. Qua hai tác phẩm trên, tác giả đã không chỉ chuyên chở những nỗi thăng trầm của đời mình... Ngọc Dung đã thật khéo léo kết hợp hoàn cảnh cá biệt của riêng mình để hòa nhập cùng thuyền với giai đoạn đau thương tang tóc của quê hương dân tộc đang ngập chìm trong lửa đạn chiến chinh. Để từ đó làm cho độc giả dâng cao niềm xúc cảm trước những ngõ ngàng, những đắng cay hoặc những kỳ thú mộng mơ.

Nguyễn Thị Ngọc Dung đã có những dụng ý đáng khen khi cô tình dẫn dắt độc giả qua các danh lam thắng cảnh, những ký tích, địa linh, những dấu mốc, những khúc quanh lịch sử dân tộc. Nào Hà Nội ba mươi sáu phố phường, nơi nổi tiếng “ngàn năm văn vật”. Nào Cầu Thê Húc, Đền Ngọc Sơn, Chùa Một Cột v.v. Rồi đến Đà Nẵng với Ngũ Hành Sơn ngàn năm sừng sững tuyệt sương. Nha Trang với bờ biển thơ mộng, nước trong cát trắng ngày đêm rào rạt tiếng thông reo, Hòn Yến, Bích Đàm, Hải Học Viện Nha Trang, Tháp Bà, Cầu Đá, Hòn Chông. Đà Lạt thành phố đồi núi mộng mơ với ngàn thông vi vút, với Hồ Than Thở, Hồ Xuân Hương, Thác Vàng, núi Lâm Viên mang hình dáng thiếu nữ



khôa thân. Vào đến Sài Gòn là thành phố rợp cây xanh với công viên Con Rùa nơi hẹn hò gặp gỡ của tuổi ô mai, con đường Duy Tân khuôn viên đại học, đại lộ Lê Lợi thênh thang những vai kẻ sánh bước. Vườn Tao Đàn, Viện Bảo Tàng Quốc Gia bên cạnh Sở Thú. Thủ Dầu Một, Lái Thiêu với trăm loại trái cây ngọt lịm mát dạ mát lòng. Thủ Đức nổi tiếng về món nem chua. Chợ Búng, Bình Dương vang danh bún nem, bún chả, bún bì...

Bên cạnh đó là những dấu hằn lịch sử dân tộc của một thời đen tối di cư, tản cư lánh xa những cuộc giao tranh khốc liệt giữa Việt Minh-Pháp. Cuộc di cư của một triệu đồng bào miền Bắc năm 1954. Cuộc đảo chánh lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm ngày 11 tháng 11, năm 1960. Cuộc mưu sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm và cố vấn Ngô Đình Nhu bằng phi cơ của hai phi công Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử. Ngày 7 tháng 7 năm 1963 nhà văn Nhất Linh tự vẫn để phản đối chính phủ Ngô Đình Diệm. Ngày 1 tháng 11 năm 1963 ông Ngô Đình Diệm và Ngô Đình Nhu bị một nhóm tướng lãnh lật đổ và sát hại.

Với văn phong bình dị, gãy gọn, trong sáng, Nguyễn Thị Ngọc Dung đã làm cho người đọc thoát ra từ những sự kiện, tình tiết quen thuộc để bắt gặp những xúc cảm, những thích thú bất chợt làm tăng dần sự lôi cuốn của quyển truyện. Có lúc Ngọc Dung cũng không kém phần trau chuốt, lãng mạn... (SGNNMT trang 239).

Có lẽ ảnh hưởng bởi chính cuộc đời mình, đã cho Nguyễn Thị Ngọc Dung một cái nhìn thế sự phẳng phai màu Thiên, Triết (*Kẻ tưởng mình giàu thì lại nghèo với người khác. Người tưởng mình nghèo thì lại giàu với người kia. Kẻ nghèo nhất, khổ nhất là kẻ háms hốt không biết chừng bon chen ở mức độ nào. Người giàu nhất, sung sướng nhất là người biết hài lòng với những gì mình đang có, thong dong*

*nhàn hạ đi bên ngoài cuộc tranh đua bất tận của thế nhân tầm thường... Phượng Vĩ Nở Bên Trời Hà Nội, trang 101).*

Có những lúc Ngọc Dung tỏ ra bạo dạn và dí dỏm không kém khi nói về một cuộc đi vũ trường với Nguyễn trong thời gian ly hôn của hai người... SGNNMT trang 258).

Với cái nhìn tổng quát qua hai tập truyện *Phượng Vĩ Nở Bên Trời Hà Nội* và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, văn phong của Nguyễn Thị Ngọc Dung như một tấm thảm nhung xanh mát được nghệ nhân chăm phá, rải rác thêu lên những đóa hoa hồng hàm tiếu. Đọc PVNBTHN và SGNNMT, những người cùng thế hệ với tác giả có thể có những xúc cảm riêng tư kỳ thú khi bắt gặp chính mình trong cốt truyện. Đối với những lứa tuổi được sinh ra hay trưởng thành nơi hải ngoại sau năm 1975 thì nó như một sử liệu của quê hương được thi vị hóa. Riêng về phương diện văn chương, qua hai tác phẩm đầu tay của mình PVNBTHN và SGNNMT, Ngọc Dung đã thực sự có công đóng góp vào kho tàng văn học của người Việt hải ngoại. Xứng đáng được khích lệ và giành cho bà một chỗ đứng cùng với giới văn nghệ sĩ Việt Nam lưu vong hiện nay.

Hẳn nhiên, đối với mọi tác phẩm, bất cứ về bộ môn nào cũng mang hình bóng âm hưởng của người sáng tạo ra nó. Bởi vì đó là đứa con nghệ thuật của tác giả. Văn chương cũng không ra khỏi cái thông lệ ấy. Tùy khả năng sở thích hay dụng ý của người nghệ sĩ mà hình bóng họ, cái “Tôi” của họ chỉ phảng phất, chăm phá hay nó lồ lộ, hiển hiện ra ngoài. Trường hợp PVNBTHN và SGNNMT mặc dù đã được tiểu thuyết hóa, nhưng cốt lõi của nó vẫn là một loại tự truyện, một nhật ký. Nghĩa là một câu chuyện tự viết về đời mình, thì Ngọc Dung không thể đem cái “Tôi” của mình

mà cất vào đầu cả. Chúng ta hãy dành cho nhà văn Nguyễn Thị Ngọc Dung một sự thông cảm.

San Jose ngày 9 tháng 10 năm 1996

(Trích trong bài báo của nhà văn Tân Phong viết về *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội và Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* đăng tại San Jose 10/09/1996).

**NHÀ VĂN KATHY TRẦN:** Tôi chỉ đơn thuần viết về những cảm nghĩ của tôi về chị và về những gì chị giải bày với tôi, với độc giả qua tác phẩm mà tôi nghĩ là rất xuất sắc, rất “đề đời” của chị.

Tựa sách đã cho chúng ta cảm giác gần gũi, thân thiết. Với những người di tản chúng ta, Sài Gòn là quê hương, là kỷ niệm, là quá khứ, là yêu đương. Bao năm trôi qua, Sài Gòn vẫn là Sài Gòn, Nguyễn Thị Ngọc Dung đã đem từng Sài Gòn trả lại cho ta. Sài Gòn trọn vẹn, thơ mộng như trong những ngày mới lớn, mới biết yêu. Sài Gòn bừa bãi, Sài Gòn đau khổ, hỗn loạn vì chiến tranh, vì băng hoại xã hội và Sài Gòn được hòa vào cuộc đời chan chứa thương đau của chị, của một người đàn bà bình thường trong xã hội Sài Gòn có thật với tâm trạng bình dị: chỉ muốn yêu và được yêu dù chịu nhiều thiệt thòi...

Chưa bao giờ tôi được đọc một đoạn văn gợi hình, gợi cảnh tới mức đó. (Trang 237-240)... Tôi đã bị quyến rũ và thương cảm cho “phận gái mùi hai bên nước” của Ngọc Dung. Tình thơ, tình mộng đã trở thành tình thù, tình hận...

Ngọc Dung không phải là nhân vật tiểu thuyết. Nàng là một trong chúng ta và khi nàng viết về chính nàng, ta có thể thấy rõ ràng những hình ảnh thân thuộc của chính mình...

Ngọc Dung thấy nhiều lắm, cảm nhiều lắm vì cuộc đời con người phải luôn “khóc cười theo mệnh nước nổi trôi”. Đất nước là một phần đời người nhất là những người có tâm hồn nhạy cảm như Ngọc Dung.

Ngọc Dung chỉ chân thật nói lên tiếng lòng mình, vẽ lên hình ảnh chính mình, người đàn bà có thật, biết yêu thương và biết đau khổ. Ngọc Dung đã có quá nhiều kinh nghiệm bản thân đáng cay về những ông văn nghệ sĩ trong thế giới của chồng nàng. Nàng không muốn người đàn bà chỉ là một con búp-bê, được nhào nặn, diễn tả qua những cặp mắt, tâm hồn đàn ông của các ông. Nàng không muốn các ông được quyền đóng vai thượng đế, tạo ra người nữ đầu tiên Eva. Ngọc Dung muốn tâm sự rằng, các ông nhìn đàn bà phiến diện lắm. Các ông cho mình xấu thì mình xấu, cho mình đẹp thì được đẹp. Các ông cho các ông vung vít là hào hoa, cho đàn bà hơi tí bay bướm là lang chạ. Các ông tạo nhân vật nữ rất đa tình, rất giả tạo theo ý muốn hay ảo tưởng của chính các ông. Tại sao mình không nói lên tiếng nói của chính mình, của những người đàn bà đã ngậm đắng, nuốt cay vì chồng?

Ngọc Dung đã nói và nói rất to, rất thực, rất cảm động. Ngọc Dung đã hoàn toàn thành công nhờ bút pháp mạnh mẽ, điêu luyện, giản dị mà lôi cuốn vô cùng. Ngọc Dung lại có một lối làm việc cẩn trọng, coi việc viết sách như tâm huyết cần thực hiện một cách tỉ mỉ...

Tôi tin rằng với văn tài thiên phú, với tâm hồn thuần hậu mà tế nhị, với lối làm việc rất khoa học và kỹ lưỡng, Ngọc Dung sẽ cho chúng ta thưởng thức nhiều tác phẩm xứng đáng trong tương lai. Xin gửi tới Nguyễn Thị Ngọc Dung tấm lòng thông cảm và quý mến của một người Trung Vương. (Trích trong bài viết của nhà văn Kathy Trần về tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, đăng trong tuần báo Việt Nam, San Jose ngày 5 tháng 10, năm 1996).

**NHÀ VĂN NGUYỄN CHÂU:** Nguyễn Thị Ngọc Dung đã đưa người đọc về với một giai đoạn lịch sử, bối cảnh bi hùng của đất nước trên chiến tuyến cùng với thế giới tự do ngăn chặn làn sóng đỏ, trong đó cuộc tình đã diễn ra. Những

người từ Bắc di cư vào nam và định cư tại Sài Gòn hay tại các tỉnh ở Nam phần có thể ôn lại một chặng đời qua ký ức khá chính xác của Ngọc Dung. Tác giả đã ghi lại những biến cố lịch sử quan trọng trong giai đoạn từ 1954-1972 bằng vài nét chấm phá nhẹ nhàng vừa đủ để người ta có thể ôn lại. Những người cùng trang lứa (thế hệ sinh vào thập niên 1940?), đặc biệt là cùng học chung trường, chung lớp với tác giả có thể hồi tưởng lại những ngày tháng vui nhộn và lo âu của tuổi học trò, của những phạt phòng, hồi hộp trong các mùa thi...

Về mặt văn học nghệ thuật và sinh hoạt xã hội, tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* đã vẽ lại những nét chính một cách sinh động: tên những cuốn phim ngoại quốc nổi tiếng *A l'Est d'Eden*, *La Valse Dans L'ombre...* tên các tạp chí một thời được ưa chuộng như *Sáng Tạo*, *Điện Ảnh* v.v. đã được Ngọc Dung nhắc lại một cách thú vị. Đây chính là sắc thái thời đại trong tác phẩm đã góp phần làm cho câu chuyện tình có kết thúc bi đát của Nguyễn Thị Ngọc Dung... trở nên lôi cuốn người đọc.

Về bút pháp, Ngọc Dung đã xử dụng ngôn từ khá nhuần nhuyễn để diễn đạt tâm tư, tình cảm, để mô tả cảnh vật. Qua văn phong, tôi có thể đoán rằng tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung đã được “formée” trong khung văn hóa Pháp (có formation Française), cách đặt câu gọn nhẹ, rõ ràng, các hình ảnh và biểu tượng mà Ngọc Dung dùng thường có bà con xa gần với văn chương Pháp. Hành văn chững chạc, lập luận sắc bén...

Nhìn chung, có thể nói tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* là một truyện, một cuốn tiểu thuyết tự thuật hơn là một cuốn hồi ký bình thường. Lý do Ngọc Dung đã thi vị hóa một số cảnh đời rất chi là “tiểu thuyết lãng mạn”

Ngọc Dung đã kể lại những đoạn đời của mình một cách duyên dáng và chân tình. Một tâm hồn đa cảm, lãng mạn

nhưng đoạn chính, hiểu nghĩa, một trái tim luôn mang nặng tình quê hương: buồn thương Hà Nội là nơi đã qua thời niên thiếu, thương nhớ Sài Gòn cả nắng lẫn mưa vì đây là nơi chứng kiến đoạn đời trưởng thành, là khung cảnh của những “tiếc nhớ” đầu tiên, của mối tình đẹp dù kết thúc bi thương...

Tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* của Nguyễn Thị Ngọc Dung tuy kể lại cuộc đời riêng tư của tác giả với một số chi tiết được tiểu thuyết hóa rất lãng mạn và đẹp, nhưng nó cũng có thể bao quát nhiều thân phận “hồng nhan đa truân” trong thời đất nước loạn ly, nhân tâm biến đổi.

Về phương diện xã hội và gia đình, câu chuyện đời của Ngọc Dung là một sự kiện hiện thực cần cho các thế hệ thiếu nữ đang đứng trước ngưỡng cửa yêu đương đọc và suy gẫm, để phân biệt đâu là tình yêu đích thực và đâu là tình dục mang lột tình yêu. Đây là một vấn đề tế nhị, trong tác phẩm, Ngọc Dung không phân tích mà chỉ mô tả một cách hiện thực những cử chỉ, những thái độ... tưởng là tình yêu nhưng thực ra chỉ là tình dục. Đó đó, *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* có thể đến với độc giả như một cuốn tiểu thuyết tình cảm có giá trị về nhiều mặt.

(Trích bài nhận định của nhà văn giáo sư Nguyễn Châu về *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* trong buổi ra mắt ngày 11 tháng 10 năm 1996 tại San Jose).

**NHÀ VĂN PHẠM XUÂN ĐÀI:** Tôi cho rằng với tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung đang bước vững vàng vào thế giới văn chương...

Chương “Vòng Tay Vĩnh Biệt” từ trang 145 đến trang 233 của *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* chính là một thiên tiểu thuyết nói về nỗi đau đớn ê chề của một người đàn bà, không phải là một người bị sa cơ lỡ bước, bị xã hội vùi dập như nàng Kiều của Nguyễn Du hoặc bao nhiêu nàng Kiều khác. Đây là một người đàn bà hiện thực, có chồng có con,

một lòng yêu thương chồng con và có một ao ước không gì lớn lao là được thương yêu, có một gia đình hạnh phúc. Khiêu thì ở không yên chỗ, ngồi không vững vàng đã đành. Còn tác giả đã ở yên chỗ, đã ngồi vững vàng như vậy mà vẫn khổ, là tại sao?... Xin thưa là vì không được tôn trọng, bị coi thường, và bị vui dấp hiểu theo nghĩa cả thể xác lẫn tinh thần.

Đọc xong chương “Vòng Tay Vĩnh Biệt” của *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* tôi thấy rằng quyết định li dị của tác giả là đúng, và tôi khâm phục cái quyết định độc lập, đơn phương của một người đàn bà một nách bốn con, chưa có việc làm và nghề nghiệp gì ấy. Đó là ý chí của nàng muốn thoát khỏi cái khổ vô lý chôn vùi tuổi xanh của mình... Cô chính là một trong những người tiên phong đầy can đảm. Tính chất xã hội của cuốn sách, hay nói đúng hơn, của chương “Vòng Tay Vĩnh Biệt” nằm ở chỗ đó...

Tôi cũng xin cảm ơn tác giả Nguyễn Thị Ngọc Dung đã can đảm và có văn tài để kể câu chuyện không có gì vui của đời mình, nhưng nhờ thế đã đặt ra một vấn đề mà tôi nghĩ đối với những gia đình Việt Nam chúng ta, không phải là một vấn đề đã xong rồi: Đó là tính chất bất công trong gia đình mà trong tuyệt đại đa số đàn bà là nạn nhân...

Có một điều tôi tin chắc là cuốn sách này thế nào cũng sẽ được tái bản. Hy vọng nó sẽ tái bản nhiều lần. Đó cũng là lời chúc của tôi gửi đến tác giả hôm nay.

(Trích trong bài nói chuyện của nhà văn Phạm Xuân Đài trong buổi ra mắt *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* tại Westminster ngày 20 tháng 10 năm 1996)

**NHÀ VĂN BÍCH HUYỀN:** Có một nhà văn nổi tiếng ở Orange County này hỏi tôi: Bích Huyền đã đọc cuốn này chưa? (ông chỉ vào cuốn *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* của Nguyễn Thị Ngọc Dung). Phải thành thật nhận định thì cuốn này hay hơn cuốn kia.” (Ông chỉ vào một cuốn sách kế

bên). “Cuốn kia” là một quyển truyện của một nhà văn lớn, từng nổi tiếng trên ba thập niên rồi...

Khi tôi đọc *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* của Nguyễn Thị Ngọc Dung, tôi như được lôi cuốn vào khung trời thơ mộng ngày nào. Bây giờ đến *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, tôi còn yêu nhiều hơn nữa. Tôi như thấy lại một phần đời của mình trong cuốn tiểu thuyết này vì tôi lớn lên ở Sài Gòn. Sài Gòn là quê hương thứ hai của tôi...

Ngọc Dung viết gọi cảm quá. Tả cảnh mà như tả tình. Tả tình mà người đọc vẫn hình dung ra được cảnh. Rất tự nhiên mà lôi cuốn nên đã gây một xúc cảm mạnh trong lòng tôi...

Tôi yêu ngòi bút của Ngọc Dung trong những trang sách này, bởi vì Ngọc Dung đã diễn tả được những hình ảnh cùng tâm tư tình cảm của một quãng đời tươi đẹp nhất của một đời người. Đó là quãng đời học sinh thơ mộng dưới mái trường... Tất cả kỷ niệm của Ngọc Dung như một dĩ vãng ngọc ngà của mình, của mỗi người học sinh ngày đó hiện ra và rõ nét dưới ngòi bút tài hoa của một cựu nữ sinh Trung Vương ban “C”...

Tôi chỉ muốn dừng lại ở tình cảm trong sáng đó. Thế nhưng chương II, “Vòng Tay Vĩnh Biệt” với nhiều ngậm ngùi thương xót. Ngậm ngùi và thương xót cảnh làm dâu, làm vợ đầy bão tố của Ngọc Dung... Ngọc Dung vẫn can đảm, chèo chống vượt ra khỏi cơn sóng dữ. Đó là lòng tự tin, là ý chí phấn đấu của Ngọc Dung. Ngọc Dung có một bản năng sinh tồn rất mạnh. Tự mình biết mình là ai, biết sống theo ý mình.

Khép cuốn sách lại, tôi vẫn còn buồn vui theo ngòi bút của Nguyễn Thị Ngọc Dung. Những niềm vui, nỗi buồn ấy còn đọng lại trong tôi đến tận giờ... Có lẽ ai cũng như tôi, đọc xong *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* đều xót xa với cuộc đời làm vợ bất hạnh của một người bạn gái, xót xa cho thân phận người phụ nữ Việt Nam...



Cho nên cuốn *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* của Nguyễn Thị Ngọc Dung, theo thiên ý của tôi như một lời nhắc nhở gửi đến các ông chồng. Đừng tưởng nắm được bàn tay người yêu là xong đâu. Giữ được bàn tay của nhau, truyền ấm áp cho nhau mới là khó đấy. Xin hãy yêu thương nhau, hãy sống đẹp với nhau. Tôi vẫn thăm câu chuyện như vậy...

(Trích trong bài nói chuyện của nhà văn Bích Huyền trong buổi ra mắt *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* tại Westminster ngày 20 tháng 10 năm 1996.)

### **NHÀ VĂN BÁC SĨ NGUYỄN THANH GIẢN:**

Tôi đã đọc một mạch hết cuốn truyện trong một đêm, mất khoảng 5 tiếng đồng hồ. Nhiều sách dài chúng ta đọc phải có một chút kiên nhẫn, nhưng với cuốn sách này, không cần một sự kiên nhẫn nào vì sự hấp dẫn của cuốn sách đã cho ta nhiều thích thú...

Cái phần hay nhất của câu chuyện là khi một người đàn ông lỡ có lỗi với vợ mình, với người mình yêu thương nhất thì anh ta thường trở về nhà nói với nàng rằng: xin em hãy tha thứ cho anh, anh hứa sẽ không bao giờ làm em đau buồn nữa. Và dĩ nhiên nàng tha thứ dễ dàng. Thế nhưng, vấn đề là có bao nhiêu “lần chót” tất cả? Người nào tha thứ được 5 “lần chót” là tôi đã phục lắm rồi. Nhưng ở đây nàng đã tha thứ cho chàng tất cả có thể lên tới 100 lần và nếu kể mỗi lần chàng vắng nhà để nàng vò võ trong đêm một mình là một lần phạm lỗi thì nàng đã tha thứ cho chàng có thể tới 1000 lần. Ôi! Thật là cao cả, tình nàng quả là thơm ngát hương yêu, và đúng là bằng tình yêu cao cả đó nàng chắc chắn tin rằng:

- Tha thứ luôn luôn có giá trị hơn lòng thù hận (tôi không thấy một chữ nào mang màu sắc hận thù trong cả cuốn sách)!

- Tha thứ có thể biến cải những cái ti tiện nhất trở thành cao cả nhất.

- Tha thứ có thể biến những vũng bùn đen hôi thối nhất trở thành những bông hoa thơm ngát không gian!

Và tôi cho đó là phần hay nhất của câu chuyện, triết lý ẩn tàng mà tôi gọi là triết lý của sự bao dung tha thứ...

Câu chuyện mang nhiều nuối tiếc và nhiều nước mắt, nhưng qua nó, các bạn có thể rút được một số kinh nghiệm (một thông điệp của Nàng?)...

Câu chuyện đã có một happy ending. Những tâm hồn cao cả và trong sạch sẽ được sống hạnh phúc mãi mãi. Cái luân lý đó nó rất “giáo khoa thư” nhưng nó vẫn đúng tới tận muôn đời...

Kể từ khi đọc *Bản Chúc Thư Trên Ngọc Đỉnh Trời* của Mai Thảo, tới nay tôi mới lại đọc một cuốn sách có nhiều thích thú. Có thể nói đọc văn Nguyễn Thị Ngọc Dung thấy thơm tho cả tâm hồn chắc cũng không sai vậy.

(Trích trong bài *Vài Cảm Nghĩ* của nhà văn Nguyễn Thanh Giản khi đọc tác phẩm *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* của Nguyễn Thị Ngọc Dung, đăng trong Tuần báo Việt Nam, ngày 30 tháng 11, 1996 tại San Jose.)

**NHÀ VĂN LIÊN HOA:** Ngọc Dung viết hồi ký một cách tự nhiên, nhỏ nhẹ thủ thi như kể chuyện cổ tích, không cố ý đánh bóng con người của mình. Nếu thỉnh thoảng có những chữ dùng làm khó chịu những người có thành kiến, cho rằng Ngọc Dung trịch thượng, kiêu ngạo, điệu bộ, thì Ngọc Dung cũng có thái độ đó một cách tự nhiên, vì con người chỉ là sản phẩm của xã hội mà thôi.

Ngọc Dung thành thật bày tỏ ý nghĩ của mình, dù đúng dù sai, dù đẹp lòng người khác, hay dù gây sự hiểu lầm. Hành động ngôn ngữ mọi người phản ảnh tâm trạng của chính mình. Thông thường, khi chúng ta no đủ, hạnh phúc,

mãn nguyện với cuộc đời, chúng ta có cái nhìn dễ dãi, bao dung, thân thiện với người, với đời. Ngược lại, khi đời sống thiếu thốn, kham khổ, con người trở thành bon chen, nhỏ mọn, ghen tị. Khi tinh thần tuyệt vọng đau khổ, thì hành động, ngôn ngữ chúng ta cũng chua chát hằn học. Một cách vô thức, những tình tiết, cách hành văn trong *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* phản ánh tâm lý thông thường đó.

*“Một tác phẩm đã in ra thì không còn thuộc về tác giả nữa mà phải sẵn sàng nhận chịu mọi phê bình.”* Đó là danh ngôn rất xứng đáng đi vào văn học sử, nhưng chỉ xin các nhà phê bình hãy tôn trọng Hiến Chương của Văn Bút là Công Bằng, Lẽ Phải và Sự Thật. Chỉ phê bình tác phẩm về hình thức mỹ lệ hay tầm thường, nội dung phong phú hay tẻ nhạt, tình tiết sôi động hay nhàm chán, bố cục chặt chẽ hay lỏng lẻo... Chứ đừng lôi tất cả nhan sắc, học lực, hạnh kiểm và gia thế tác giả ra mà phê phán.

Tác phẩm *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* không phải là một công trình nghiên cứu, biên khảo, về lịch sử, chính trị hay triết học. Đó chỉ là tự truyện của một người đàn bà bình thường như mọi người đàn bà khác, có tim, có óc, được yêu thương, bị phản bội, cũng có khi chín chắn, cũng có khi hành động sai lầm. Ngọc Dung được yêu mến vì Ngọc Dung đã sống thật với chính mình, Ngọc Dung đã dành hết tâm huyết để nuôi dạy các con, Ngọc Dung đã phấn đấu để tìm cách vươn lên trong cuộc sống. Nhưng Ngọc Dung còn may mắn là đã tìm thấy hạnh phúc. Yêu chân thành và được yêu chung thủy. Đó phải chăng là một ân sủng tuyệt vời của Thượng Đế đã dành cho con người. Tình yêu như một phép lạ, đã vượt qua bao đoạn lệ, làm tâm hồn của tất cả chúng ta rộn rã với một “happy ending” ở trang cuối của quyển tiểu thuyết đời. (Trích trong bài “Đau Đớn Thay Phận Đàn Bà” (20 trang 8.5 X 11, chữ nhỏ) của nhà văn Liên Hoa trong *Bán Nguyệt San Dân Ta*, Texas 11/1997.)

**BIÊN KHẢO GIA TRẦN ĐẠI SỸ:** Không biết ngoài đời tác giả có hay hài hước hay không thì tôi không biết. Nhưng trong toàn tác phẩm, nhiều chỗ rõ ràng tác giả mô tả những đau đớn, những dằn vặt, những thảm trạng, nhưng lại cho người đọc bật cười. Độc giả dù nghiêm nghị đến đâu cũng không thể nín cười được khi đọc đoạn tác giả đánh ghen ở nhà cô vũ nữ, ở trên xe hơi với cô ca sĩ, nhất là câu “hay xéo cái của nợ”. Nhìn chung toàn bộ tác phẩm: bảo là tiểu thuyết tâm lý tình cảm xã hội cũng được, bảo là một tập hồi ký đầy ấn ức của một phụ nữ Việt Nam trong giai đoạn 1955-1972 cũng được, bảo là bức họa vẽ hình một giai nhân trên nền thời cuộc khói lửa hai mươi năm đệ nhị cộng hòa miền Nam Việt Nam cũng được.

Hy vọng có dịp diện kiến dung nhan bông hồng nhưng của văn học Việt Nam hải ngoại.

(Trích trong một lá thư đề Paris ngày 5 tháng 12 năm 1996 của nhà học giả bác sĩ Trần Đại Sỹ)

**ĐỘC GIẢ ĐẶNG TRẦN HẢI:** Đã lâu lắm tôi mới đọc hết một tác phẩm tiếng Việt lôi cuốn vì nội dung sống thực và bút pháp thật linh động của chị. Tôi đã bỏ nguyên sáng thứ hai vừa qua, Columbus Day, nằm đọc hết cuốn *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* của chị. Nhà tôi ưu tiên đọc trước vào cuối tuần. Cảm ơn chị đã cho tôi sống lại những kỷ niệm của thời chúng ta: 1954 cho đến những năm cuối của Đệ Nhị Cộng Hòa.

Trích thư : San Jose 16 tháng 10, năm 1996

**NHÀ VĂN NGUYỄN VĂN BA:** Qua quyển sách, tôi được biết chị gốc Bắc, nhưng văn chị thật trong sáng, giản dị. Tôi chắc rằng tuyệt đại đa số độc giả đã mến mộ *Sài Gòn Nhớ Mưa Thương* qua lối kể chuyện sống thật và rất linh động của chị.

Nhân vật nữ trong truyện đã bị bắt buộc phải chọn lựa, dù biết rằng sự chọn lựa nào cũng đều đau khổ cả, phải không chị? Và quyết định của nhân vật nữ ấy đã dựa vào lý trí nhiều hơn tình cảm. Còn nhân vật nam hào hoa phong nhã đánh mất những gì quý giá nhất của đời mình để chạy theo phù du, ảo ảnh.

Canada, ngày 11 tháng 11 năm 1996

Nguyễn Văn Ba (Thái Minh Kiệt)

### **NHÀ VĂN VÂN TRÌNH NGUYỄN VĂN LƯỢNG:**

Đọc *Sài Gòn nắng Nhớ Mưa Thương* tôi có cảm tưởng là tác giả viết văn làm thơ rất dễ dàng. Văn và thơ như theo dòng mực tuôn ra dưới ngòi bút của tác giả.

Lời văn giản dị, tự nhiên, mạch lạc khiến người đọc lãnh hội dễ dàng tư tưởng của tác giả. Câu văn khi thì gãy gọn, súc tích, khi thì mới lạ, độc đáo, lại có khi rất khôi hài, dí dỏm, táo bạo. Thình thoảng chen vào giữa các đoạn văn như trang trí, có những vần thơ lãng mạn, thanh thoát, truyền cảm...

Tuy là hồi ký, nhưng nội dung là một chuyện tình dang dở với đầy đủ thất tình lục dục của con người... *Sài Gòn nắng Nhớ Mưa Thương* cốt truyện là chuyện có thực từ đầu đến cuối, nhân vật chính và các nhân vật phụ là tác giả và thân nhân trong gia đình cùng bạn bè của tác giả nên các hoạt cảnh rất sống động, nối tiếp nhau không hề vấp vấp, tâm tình của mỗi nhân vật phù hợp với hoàn cảnh của họ, ngôn từ đối đáp đi đôi với tuổi tác, cương vị của từng người. Tác giả chỉ thuật lại cho chúng ta hay những gì tác giả đã sống, tác giả đã nghe và thấy xung quanh mình. Tác giả có tài kể nên câu chuyện trở thành hấp dẫn khiến độc giả nóng lòng đọc tiếp cho mau đến hồi kết thúc. Cốt truyện lại được lồng vào khung cảnh của đất nước khiến độc giả ngậm ngùi nhớ lại những tháng ngày từ 1954 đến 1972 với bao biến cố đau thương, bao thăng trầm dòn dập cùng chiến tranh điều

tàn. Các địa danh được đề cập đến trong tác phẩm đã gợi lên những hình ảnh thân thương của quê nhà qua ba miền Trung, Nam Bắc, để cho người đọc phải bồi hồi xúc động, chùng lòng với trăm mối ngổn ngang.

Ngoài ra *Sài Gòn nắng Nhớ Mưa Thương* còn khiến độc giả nhớ lại những giá trị luân lý, đạo đức đáng đề cho những cặp vợ chồng già cũng như trẻ đọc mà suy gẫm. Người vợ suy gẫm để giữ gìn cái đức tính nhẫn nhục của người phụ nữ Việt Nam cần thiết cho sự sống còn của gia đình, hạnh phúc của chính mình và của con cái, mà không học đòi cái nếp sống phóng túng của người phụ nữ Tây Phương là ông ăn chả bà ăn nem hay là hờ một tí là đòi ly dị bất chấp cả lời tạ lỗi của người chồng hoặc lời khuyên răn của cha mẹ. Nhưng sự kiên nhẫn cũng có giới hạn mà sau đó những gì xảy ra không phải là trách nhiệm của người vợ nữa.

Người chồng suy gẫm để từ bỏ cái lối sống “chồng chúa vợ tôi.” Các ông đã hiểu lầm lời nói của cổ nhân: “Xuất giá tòng phu hay phu xướng phụ tùy.” Tòng phu và phụ tùy là tòng phu, phụ tùy *có điều kiện*, nghĩa là người chồng phải xứng đáng là kẻ trượng phu để *phụ tòng*, và khi xướng thì phải xướng cho hợp tình, hợp lý để *phụ tùy*. Người xưa nói ít mà hiểu nhiều tức là “ý tại ngôn ngoại” đó. Các ông chồng Việt Nam đã hiểu một cách nông cạn hay cố tình hiểu một nửa. Ca dao có câu “thuận vợ thuận chồng tát bể đông cũng cạn” là ngụ ý vợ và chồng có giá trị như nhau tức là bình đẳng. Trong đời sống vợ chồng, người xưa “tương kính như tân.”

Tác giả đã kiên nhẫn đến mức tối đa mà không bảo vệ được hạnh phúc gia đình của mình, nhưng tác giả đã *chu toàn được nhiệm vụ của một người mẹ*. Và cuối cùng khi thấy không thể làm gì được nữa, tác giả đã hành xử khôn khéo để chia tay với người phối ngẫu trong tình bạn. Người phối ngẫu tuy phạm nhiều lỗi trầm trọng, nhưng cuối cùng cũng đã nhận được ít nhiều cảm tình nơi độc giả khi có can

đảm viết thư nhận lỗi để kết thúc nhanh chóng vụ ly hôn, rồi một thời gian sau, viết thư đề cao người vợ cũ cùng gửi gắm bốn đứa con của mình cho người chồng mới của vợ cũ ở hải ngoại.

Thông thường, khi viết tự truyện người ta cố tình quên đi hay tìm cách giảm thiểu những điều sai trái của mình. Trong *SGNNMT*, tác giả đã không làm như thế và đã kể lại cả những gì không hay, không đẹp về chính mình. Tác giả đã thành thật với chính mình, với người phối ngẫu cũ cũng như mới, với các con và cuối cùng với độc giả. Thân ái cầu chúc tác giả và các con được nhiều hạnh phúc nơi quê người.

Viết tại Montréal, Canada, ngày 31-7-1997

(Trích trong *Thi Văn Bình Thoại* của Biên khảo gia Văn Trinh Nguyễn Văn Lượng)

**NHÀ VĂN THẾ PHONG:** \* Ba tiếng đồng hồ đọc hết truyện của bà Nguyễn Thị Ngọc Dung. Viết “được” lắm. Tôi chịu văn của bà Dung... Nội dung “Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương” thật chân thực, phóng khoáng, cởi mở, văn phong mượt mà, chững chạc; đọc khó bỏ dở nửa vò... Không thể ngờ một tác phẩm đạt được mức độ “cự phách” như vậy!

Sáng nay đọc xong, đưa cho anh Lê Ngô Châu mượn đọc; ông ấy phone ngay, thích ngay từ trang đầu.

Trích thư viết ngày 2-7-1996 - Nhà văn Thế Phong viết cho Nhà thơ Họa sĩ Phan Diên.)

\* Cuốn này chị viết rất xúc động, phải nói là hay; cả về bút pháp và bố cục. Đọc không thể bỏ dở, đọc xong còn muốn đọc tiếp. Sự thành công này rất đáng xưng tụng đối với nhà văn nữ dám đưa chi tiết sống thực (cần thiết) cho tác phẩm. Tôi chịu văn của chị... Một điểm nữa là nhân vật “tôi” trong truyện này khó mà quên được nhân vật Nguyễn

trong đời của tác giả. Nó là cái thú đau thương trong sự sống một thời của chị.

Bìa Đinh Cường rất đẹp. chẳng cần đọc cái tên anh ấy cũng nhận ra ngay. Bài bạt của Hồ Trường An rất thực tình; không làm dáng như nhiều người khác mỗi khi viết tựa hoặc bạt mà tôi được đọc. Riêng với Hồ Trường An, tôi có đọc bài phỏng vấn của ông ta (với Trần Văn Ân) đăng trên báo Diễn Đàn (Paris); viết rất hay – làm rõ chân dung của người được phỏng vấn. Từ khi ông bạn này sang Pháp, nhõn quan sống và viết rất lên tay!

(Trích thư Nhà văn Thế Phong viết cho Nguyễn Thị Ngọc Dung ngày 30-7-1997)

**NHÀ VĂN NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP:** Hoàn toàn đồng ý với quý vị nhà văn và thân hữu đã giới thiệu tác phẩm này: “rất hấp dẫn và khi đã cầm sách lên là phải đọc một mạch cho kỳ hết dù có phải thức trắng đêm”. Có một điểm son cần nêu lên nữa là mặc dầu cốt chuyện không có gì đặc biệt nhưng văn phong thật xuất sắc: Cách hành văn trong sáng, chính xác, độc đáo và nhất là mạch văn rất phong phú, mạnh mẽ và hào hứng. Ít có tác giả nữ nào có văn hứng và văn phong dồi dào như vậy.

(Trích trong Mái Ấm Gia Đình, tháng 1 năm 1997)

**ĐỘC GIẢ VŨ HỒNG HẢI:** Sở dĩ phải đi tìm sách của chị cũng vì một hôm tình cờ đọc bài phê bình quyển sách *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* trên tờ ... Bài phê bình phải nói là thậm tệ. Nên tò mò tôi phải cố tìm đọc 2 quyển sách của chị cho bằng được. Đọc sách xong rồi, tôi ngạc nhiên quá. Không hiểu chị có ân oán gì với mấy ông bà được nêu tên trong bài phê bình kia? Những câu văn đã được các ông bà đó cắt ra, vắn vẹo và làm sai lạc cả đoạn văn. Tôi chắc rằng



có nhiều độc giả khi đọc xong quyển sách này đều thấy sự phê bình của họ là tàn nhẫn.

Quyển *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* kể những kỷ niệm đẹp thuở thơ ấu cùng môi tình lãng mạn thời hoa niên. *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* kể cuộc đời truân chuyên của tác giả, cuộc hôn nhân nhiều sóng gió, nhưng đã can đảm thoát ra bằng cuộc sống ly dị và tự lập. Và sau cùng tác giả đi tìm sự bình yên hạnh phúc trong cuộc hôn nhân dị chủng.

Đối với tôi, văn phong chị chân thật, giản dị, nhưng không kém phần duyên dáng thi vị, lúc điềm tĩnh hiền hòa, khi giận dữ mất tự chủ. Nhưng như vậy tôi cho rằng đã diễn tả, bộc lộ được một cách tài tình cái phản ứng của người đàn bà khi được yêu thương cũng như khi khám phá ra mình bị phản bội. Sự phẫn nộ của chị về cái nhìn của người Việt thời đó đối với đàn bà Việt lấy ngoại quốc cũng đúng thôi, vì chị có cái kiêu hãnh mà người khác không thấy hoặc không cảm thông được. Tôi cho rằng đó cũng là do lòng ghen tỵ nhỏ nhen, thấy người khác khổ thì ngấm ngấm sung sướng. Nhưng nếu người ta vươn ra được khỏi cảnh khổ đó thì tìm mọi cách để chệch bại, chỉ trích. Đó cũng là một thứ đạo đức giả của rất nhiều người mình vậy. Đó cũng là những người có “vấn đề”. Hãy quên đi và tha thứ cho họ chị ạ.

Mong chị tiếp tục viết để tôi cũng như độc giả được tiếp tục thưởng thức văn tài của chị.

(Trích thư : Tyler ngày 14 tháng 10, năm 1999).

**NHÀ THƠ LÊ PHỤNG THIÊN:** Tôi mê cái nghệ thuật diễn tả sự việc của chị, sao mà nó hấp dẫn quá! Nó có cái hấp lực lôi kéo người đọc với một bút pháp thật tài tình. Chị đã nói hộ cho một số chị em đồng cảnh ngộ như chị, nhưng họ không có tài trời cho là dùng ngòi bút để diễn tả một cách tài tình như chị.

(Trích thư từ Ottawa, ngày 1 tháng 8, năm 1998)

**ĐỘC GIẢ NGUYỄN NHUNG:** Em đã đọc xong truyện *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, cùng một vài người bạn nữa cũng đồng ý là chị viết rất dễ thương, nhất là đã phản ánh được một phần cảnh sống mà hầu hết phụ nữ đã trải qua. Tuy đây là hồi ký, là mảnh đời của riêng chị, nhưng mọi người, nhất là phụ nữ, có thể thấy phảng phất đời mình trong những trang hồi ký. Khi đọc truyện đã cho ta cái xúc động và một sự đồng cảm với tác giả.

Có một số người đứng về phía nào đó, với cái nhìn một chiều đã cho rằng tác giả có vẻ viết hơi quá, nhưng trải qua những gì đã sống, em dám khẳng định rằng, chị viết bằng sự thật, bằng một tâm tình khảng khái và thẳng thắn, phô bày một tâm hồn trong sáng, đúng thì nói đúng, sai thì nói sai, đau khổ thì bảo đau khổ, và câu chuyện của chị có một kết thúc đẹp, một sự giải phóng hoàn toàn... Em viết cho chị để nói lên cảm tưởng của mình khi đọc *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*. Em cảm thấy trong tâm tình của chị cũng là tâm tình của em. Có một cái gì đó tương đồng ở tư tưởng. Vì mình cũng có những giá trị tâm hồn để mà hãnh diện.

**ĐỘC GIẢ PHẠM ĐAN TÂM:** Hai cuốn hồi ký của dì đã làm cháu 2 đêm thức khuya để đọc một lèo cho tới cuối. Đâu đã hết, cháu còn đọc đi đọc lại cho thuộc lòng. Dì xuất bản truyện hay thơ nào khác cứ cho cháu biết, cháu sẽ hoan nghênh hết mình. (Trích thư : Garland, TX tháng 7, năm 1998)

## CẢM TẠ

**T**hưa quý vị độc giả,

Trong quá trình 30 năm cầm bút, Ngọc Dung đã cho xuất bản tập hồi ký tiểu thuyết thứ nhất *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội (Tái bản hai lần)*, hồi ký tiểu thuyết thứ hai *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương (Tái bản một lần)*, truyện ngắn *Một Thoáng Mây Bay*, tập thơ *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*, tâm bút *Non Nước Đá Vàng*, ký sự *Bước Lạ Quê Hương*. Đồng thời, trong 20 năm cộng tác với Cơ Sở Văn học Cỏ Thơm, Ngọc Dung đã giữ chức vụ chủ nhiệm thứ hai cho đến đầu năm 2018. Nhạc sĩ Phan Anh Dũng đã tiếp tục chức vụ Chủ nhiệm thứ ba của tạp chí Cỏ Thơm và vẫn cho phát hành báo đều đặn mỗi ba tháng một số.

Xin trân trọng cảm tạ quý văn thi họa nhạc sĩ và độc giả đã từng tiếp tay Ngọc Dung bảo tồn Tạp chí Văn học Nghệ thuật Cỏ Thơm vững vàng trên văn đàn Việt Nam hải ngoại.

Xin chân thành cảm tạ quý tác giả và độc giả đã đọc và có lời ưu ái khuyến khích, giới thiệu các tác phẩm của Nguyễn Thị Ngọc Dung (NTND). Những lời khích lệ của quý vị đã giữ vững tinh thần tiểu thuyết tự truyện của người viết.

Xin cảm tạ quê hương sinh thành Việt Nam xưa và quê hương bao dung Hiệp Chúng Quốc đã là cảm hứng cho những dòng văn thơ của NTND.

Xin cảm tạ ông bà, cha mẹ, anh chị em, các con và người bạn đường 44 năm đã là nguồn thương yêu trong các tác phẩm của NTND.

Xin cảm ơn các nhân vật dù giả tưởng, hay ẩn tượng đã cấu tạo nên *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội* và *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* và trong các tác phẩm văn thơ khác của NTND. Không nhiều thì ít, hai tiểu thuyết tự truyện

này đã làm sáng tỏ phần nào cuộc đời Ngọc Dung qua bao cuộc chiến tang tóc, dấu ấn lịch sử đau thương trên đất nước Việt Nam. Dù vui hay buồn cũng xin quý vị thông cảm cho cây viết đôi khi quá trung thực của NTND, nhưng cần thiết cho một tác phẩm.

Từ năm 2018, tuy đã về hưu, buông tay, thừa thớt gõ phím văn chương, thơ phú nhưng vẫn là hội viên Tạp chí Cỏ Thơm. NTND vẫn coi Cỏ Thơm như đứa con đã trưởng thành, không cần sự chăm nom, săn sóc trực tiếp của mình của người mẹ nữa.

Hiện tại, Ngọc Dung vẫn đủ sức khỏe để vui vầy con cháu, tiêu khiển thời gian với hoa lá, cây cảnh, thỉnh thoảng họp mặt bạn hữu. Không sáng tác nữa, nhưng Ngọc Dung đã gom góp các sáng tác văn thơ chưa xuất bản, thành những tập sách Online: Tập thơ xướng họa *Tình Bút Duyên Thơ*, tuyển tập thơ nhạc *Những Kỷ Niệm Đẹp* và Tâm bút *Nỗi Nhớ Niềm Thương*. Tất cả đã được Chủ nhiệm Cỏ Thơm hiện tại Phan Anh Dũng đưa lên Website, đọc giả toàn cầu tự do đọc. Và, cuối cùng sẽ là tập sách dịch *Thư Viết Cho Người Tình* từ những lá thư nửa thế kỷ trước giữa người bạn ngoại giao Hoa Kỳ và NTND trước khi chúng tôi kết hôn và là bạn đường 44 năm yêu thương của nhau.

Xin chân thành cảm tạ Chủ Nhiệm Phan Anh Dũng và Phụ tá kỹ thuật Nguyễn Văn Bá đã bỏ rất nhiều công phu giảng dạy các tác phẩm của NTND lên Website đầy hoa thơm cỏ lạ của Cơ Sở Văn Học nghệ thuật Cỏ Thơm.

Trên hết xin cảm ơn Thượng Đế tất cả những gì Ngọc Dung đã có và đã làm được trong cuộc đời này.

**NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG**

Virginia 05/2022

## TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Nguyễn Thị Ngọc Dung sinh tại Hà Nội ngày 8 tháng 7 năm 1939. Thân phụ là Ông Phán Nguyễn Văn Khôi. Thân mẫu là Bà Phạm Thị Ngọc Lan. Trong gia đình có 10 anh chị em, 3 trai và 7 gái.

Sau hiệp định Genève 20 tháng 7, 1954 Ngọc Dung (ND) theo cha mẹ di cư vào Nam và định cư tại Sài Gòn:

Cựu nữ sinh Trung Học Trưng Vương Hà Nội và Sài Gòn. Làm thơ, viết nhật ký từ 15 tuổi.

Lập gia đình lần thứ nhất năm 1960 với Nhà văn Văn Quang (Trung Tá Quân Đốc Đài phát thanh Quân Đội sau này), và có bốn người con, Nguyên Thủy, Trường Sơn, Ngọc Hân và Thân Phong. Ly hôn năm 1968.

Lập gia đình lần thứ hai với Robert A. Senser, viên chức Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ cuối năm 1971 tại Sài Gòn và về Hoa Thịnh Đốn 1972. Theo phu quân làm việc tại tòa Đại Sứ Brussels (Bi) và Bonn (Đức) từ 1976 đến 1982. Sau đó trở về Hoa Kỳ, định cư tại Virginia với chồng và các con. Ngọc Dung đã có 44 năm hôn phối hạnh phúc với Robert Senser.

Hiện tại, 2023, có hai cháu nội Mai, Thuy, hai cháu ngoại Anton và Levi.

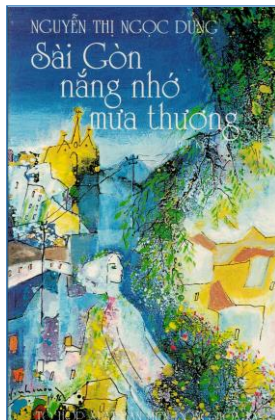
Đã xuất bản:

- *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội*, Hồi ký tiểu thuyết I, in lần thứ I (1994), in lần II (1998), in lần III (2005) – Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ.
- *Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương*, Hồi ký tiểu thuyết II, in lần I (1995), in lần II (2005) - Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ.
- *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời*, Thi phẩm, 1999 - Cơ Sở Cỏ Thom

- *Một Thoáng Mây Bay*, Tập truyện ngắn, 2001 - Cơ Sở Cỏ Thơm
- *Non Nước Đá Vàng*, Bút ký 2007 – Cơ Sở Cỏ Thơm
- *Bước Lạ Quê Hương*, Bút ký 2015 - Cơ Sở Cỏ Thơm
- *Tình Bút Duyên Thơ*, Tuyển tập thơ xướng họa, Cỏ Thơm Website 2019
- *Nỗi Nhớ Niềm Thương*, Tuyển tập thơ nhạc, Cỏ Thơm Website 2019
- *Những Kỷ Niệm Đẹp*, Đoàn văn, Cỏ Thơm Website 2019
- *Thư Viết Cho Người Tình*, những bức thư dịch đăng hằng kỳ trên Tạp chí Văn học Nghệ thuật Cỏ Thơm
- Cộng tác với Tạp Chí Cỏ Thơm từ năm 1996, là Chủ bút từ năm 1998, Chủ nhiệm từ năm 2003 đến tháng Ba, năm 2017.
- Góp thơ trong tuyển tập *Mùa Tình Yêu* - Cỏ Thơm, 2000.
- Xướng họa thơ trong thi phẩm *Hoài Cảm*, 2003, - Cơ Sở Cỏ Thơm
- Góp thơ trong tuyển tập *Một Phần Tư Thế Kỳ Thi Ca Việt Nam Hải Ngoại* của Hội Văn Hóa Việt Pháp xuất bản tại Paris năm 2005, do Nhà Thơ Võ Đức Trung chủ trương.
- Góp thơ trong tập thơ Đường luật *Hương Mùa Cũ* do Nữ Sĩ Huệ Thu thực hiện.
- Góp thơ trong tập *50 Năm Thơ & Người Thơ* của Thi Sĩ Dương Huệ Anh và Thụy Cẩm.
- Góp thơ trong tập thơ xướng họa *Bút Ngỏ Lời* của Nữ Sĩ Trùng Quang.
- Góp thơ trong tập thơ xướng họa *Vui Tuổi Hạc* của thi sĩ Đông Anh.
- Góp thơ trong tuyển tập *Hoa Vàng* của Nhà Thơ Nguyễn Phan Ngọc An.
- Góp truyện ngắn trong tuyển tập *Món Ăn Theo Bước Di Tản* do Nhà Văn Hồ Trường An chủ trương

- Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình Hòa giới thiệu trong Tạp Chí *World Literature Today* của Đại Học Oklahoma, số mùa thu 1997.
- Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Đình Tuyển giới thiệu trong tuyển tập *Những Nhà Văn, Nhà thơ Hải Ngoại 1975-2000* và trong *Từ Điển Thi Ca Anh Mỹ Việt* (1998).
- Nhà Văn Đặng Trần Huân nhận định trong tập *Những Người Thích Dấu Huyền*.
- Nhà Văn Hồ Trường An giới thiệu trong: *Tác Phẩm Đẹp Của Bạn, Giai Thoại Văn Chương, Náo Nức Hột Trăng Rằm, Thập Thuý Tầm Phương, Cây Quỳnh Cành Dao*.
- Thi sĩ Vân Trình Nguyễn Văn Lượng giới thiệu trong tác phẩm *Thi Văn Bình Thoại*.
- Tiến Sĩ BKG Trần Bích San giới thiệu trong biên khảo phẩm *Việt Nam Văn Học Sử* (2021).
- Có bài biết trong tuyển tập *Những Khuôn Mặt Văn Hóa Việt Nam Hải Ngoại* do Câu Lạc Bộ Văn Hóa Việt Nam Paris xuất bản (2022).

**LIÊN LẠC**  
**dsenser@yahoo.com**





NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG sinh tại Hà Nội, trưởng thành tại Sài Gòn. Cựu nữ sinh Trưng Vương. Hiện cư ngụ tại Reston, Virginia, USA. Chủ nhiệm, Chủ bút Tạp Chí Văn Học Nghệ Thuật Cỏ Thơm 2000-2017. Tác giả Hồi ký tiểu thuyết: *Phượng Vãn Nở Bên Trời Hà Nội, Sài Gòn Nắng Nhớ Mưa Thương* - Truyện ngắn: *Một Thoáng Mây Bay* - Ký sự: *Non Nước Đá Vàng, Bước Lạ Quê Hương* - Thơ: *Điểm Trang Làm Dáng Cuộc Đời, Nỗi Nhớ Niềm Thương* - Thơ xướng họa: *Tình Bút Duyên Thơ - Những Kỷ Niệm Đẹp* (Tập ghi) – *Thư Viết Cho Người Tình (Dịch)*.